

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

NIKAYA PHÂN LOẠI

TIỂU BỘ 1 & 3



Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	86
1 Ta chính là con trai, Con chính tông đức Phật - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242	91
2 Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335	93
3 Ta chờ thời gian đến, Tỉnh giác, giữ chánh niệm - Kinh Revata – Tiểu III, 352	97
4 Ta chờ đợi thời đến, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172.....	101
5 Ta cũng cày và cũng gieo - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....	103
6 Ta hàng phục tất cả, Ta rõ biết tất cả - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97.....	109
7 Ta hưởng an ổn lạc, Phạm phu chưa hưởng được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82	115
8 Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tủy, duyên thành - Kinh Gotama – Tiểu III, 207	119
9 Ta không có sợ chết, Không ưa thích sanh mạng - Kinh Ajita – Tiểu III, 30.....	121

- 10 Ta không có thọ dụng, Đồ ăn từ kệ tụng - Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607.....122
- 11 Ta không có tư duy, Những tư tưởng phàm phu - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59.....137
- 12 Ta không gọi Phạm Chí, Vì chỗ sanh, mẹ sanh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....138
- 13 Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172 147
- 14 Ta không hưởng vật dụng, Do kệ tụng đem lại - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....149
- 15 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360155
- 16 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Revata – Tiểu III, 352.....161
- 17 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335 165
- 18 Ta không thấy một triền cái nào khác... Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302.....169

- 19 Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152 171
- 20 Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89.....173
- 21 Ta là con đực Phật - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312.....174
- 22 Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221.....179
- 23 Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....181
- 24 Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260.....184
- 25 Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30 187
- 26 Ta sẽ chế ngự nguoi, Như cửa khóa ngăn voi - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246.....188
- 27 Ta sẽ giết nó - Nhiếp phục dục tướng - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120 191
- 28 Ta sẽ không nằm xuống, Vói đầu bị bẻ nát - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145 193

- 29 Ta sống không mong chờ, đời này hay đời sau -
Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20.....195
- 30 Ta sống trong hạnh phúc, Thọ hưởng được pháp
vị - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110.....197
- 31 Ta thấy người cư sĩ, Trì pháp với lời nói - Kinh
Isidinna – Tiểu III, 167 199
- 32 Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch
- Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242.....201
- 33 Tai hoạ - Con chết, chồng chết, cha mẹ chết -
Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598 203
- 34 Tai nạn - Cách quán khi gặp tai nạn - Kinh
Uttara – Tiểu III, 127 210
- 35 Tam Quy - Tiểu I, 9 copie 213
- 36 Tam Quy - Tiểu I, 9 214
- 37 Tam bảo - 3 lòng tin tối thượng - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416 215
- 38 Tam bảo - 8 vi diệu trong biển lớn - Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 208.....218
- 39 Tam bảo - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14 copie
.....229

- 40 Tam bảo - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14.....237
- 41 Tam bảo - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534.....244
- 42 Tam bảo - Kinh Tam Quy - Tiểu I, 9 252
- 43 Tam bảo - Quy y tối thượng là thấy được Bốn Thánh đế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67 253
- 44 Tam canh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342 ..257
- 45 Tam minh - Thế nào là Tam minh_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431 261
- 46 Tam minh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342 ..265
- 47 Tan gia bại sản - Cửa vào của thất bại - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493 269
- 48 Tekicchakàrì – Tiểu III, 256.....276
- 49 Tha hoá tự tại Thiên - 3 sanh khởi của dục - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 425.....279
- 50 Thai - Có thai nhưng không biết, xin xuất gia - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 281
- 51 Thai - Mang thay bảy năm, đau đẻ bảy ngày - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141 284

- 52 Tham - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298 290
- 53 Tham - Hãy từ bỏ tham, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 291 292
- 54 Tham sanh ra bất hạnh, Tham làm tâm dao động - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410 ..294
- 55 Tham sân si - 3 căn bản bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 355 297
- 56 Tham sân si - Ai nhiếp phục phần nộ, Đang được đẩy khởi lên - Kinh Rắn - Tiểu I, 457 299
- 57 Tham sân si - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176 305
- 58 Tham sân si - Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407.....313
- 59 Tham sân si - Cỏ làm hại ruộng vườn, Tham làm hại người đời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 ...315
- 60 Tham sân si - Dù nắm áo đi theo nhưng xa vẫn xa - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420 321

- 61 Tham sân si - Hai mươi lăm năm không khởi dục
tưởng, sân tưởng - Kinh Ananda – Tiểu III, 455
.....323
- 62 Tham sân si - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89 .335
- 63 Tham sân si - Lửa nào bằng lửa tham, Chấp nào
bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78 337
- 64 Tham sân si - Lửa nào sánh lửa tham, Ác nào
bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 342
- 65 Tham sân si - Lửa tham sân si - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422 345
- 66 Tham sân si - Người bị ác ma trói buộc - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 373 348
- 67 Tham sân si - Người chưa vượt qua đại dương -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 374.....350
- 68 Tham sân si - Tham sanh ra bất hạnh, dao động,
sợ hãi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410
.....352
- 69 Tham sân si - Từ đâu tham, sân, sợ hãi, thích,
ghét, suy nghĩ sanh khởi_ - Kinh Sùciloma -
Tiểu I, 551 355

- 70 Tham vị - Người siêng tham đắm vị, Bỏ đích đem an lạc - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295.....358
- 71 Tham vị - Nếu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con - Kinh Brahmadaṭṭa – Tiểu III, 277 361
- 72 Tham vị - Nếu tham đắm các vị, Ý không vui tu thiền - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 364
- 73 Tham ái - Ai có một trăm người thân yêu, người ấy có trăm sự đau khổ - Kinh Lōi Cāma Hūṅga - Tiểu I, 286.....368
- 74 Tham ái - Phẩm Tham Ái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 371
- 75 Tham ái - Đội quân của ác ma - Kinh Tinh Cāṇa - Tiểu I, 600 377
- 76 Tham ái sinh sầu ưu, Tham ái sinh sợ hãi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73.....383
- 77 Thanh liêm - Làm chung mới biết liêm khiết của người - Kinh Lōi Cāma Hūṅga - Tiểu I, 234...386
- 78 Thanh lương - Không chậm, tỏ chậm chạp, Thường sống thật thanh lương - Kinh Sāriputta – Tiểu III, 444 390

- 79 Thanh lọc tâm - Cày bừa là như vậy, Được quả là Bất tử - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....402
- 80 Thanh tịnh - 3 thanh tịnh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372.....408
- 81 Thanh tịnh - Ai vượt qua được sanh già_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794 409
- 82 Thanh tịnh - Người sống đời an tịnh, Kiến và Giới thể nào_ - Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại - Tiểu I, 722.....413
- 83 Thanh tịnh - Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242.....417
- 84 Thanh tịnh - Thanh tịnh nhờ xả niệm, Suy tư pháp đi trước - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806.....419
- 85 Thanh tịnh - Tịnh, không tịnh tự mình, Không ai thanh tịnh ai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63.....422
- 86 Thanh tịnh pháp sanh khởi, Thanh tịnh hành tiếp tục - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370 425

- 87 Thanh tịnh đạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422.....431
- 88 Thanh văn - Bậc nghe nhiều trì pháp, Hãy gần gũi người ấy - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471.....439
- 89 Thiên chủ Sakka - Bồ thí khéo an trú vào Kassap - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 166 454
- 90 Thiên giới - Ta tự mình biết, tự mình thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 379.....457
- 91 Thiên nhân - Bị Thiên nhân khích lệ, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167....459
- 92 Thiên nhân - Kiết tập Kinh lần thứ nhất - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196.....461
- 93 Thiên nhân - Ông không phải là Alahán - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126.....463
- 94 Thiên nhân muốn chỉ cho chứng quả - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177.....469
- 95 Thiên nhân nhắc nhở Tỳ kheo muốn làm chồi lá mới - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67 472
- 96 Thiên nhân động viên tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73 474

- 97 Thiên nhãn - Đệ nhất Thiên nhãn - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 476
- 98 Thiên nhãn minh - Định nghĩa - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431 484
- 99 Thiên nhãn đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Sakulà – Tiểu III, 590 488
- 100 Thiên nữ - Năm trăm Thiên nữ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152 490
- 101 Thiêu thân bay đến ánh đèn và gặp nạn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 250 496
- 102 Thiêu đốt - Đau khổ về thân thể và đau khổ về tâm tư - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323 498
- 103 Thiểu kinh nghiệm, không nhiệt tâm tu tập - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98 500
- 104 Thiên - Ai sống một trăm năm, Ác tuệ, không thiên định - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51 502
- 105 Thiên - Ngồi thiên bị đau - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 151 506

106	Thiền - Trong thiền định năm chi, Thiền nhãn ta thanh tịnh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422	507
107	Thiền - Tu thiền, trí tuệ sanh, Bỏ Thiền, trí tuệ diệt - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85	515
108	Thiền - Tâm quan trọng của quán - Kinh Sumana – Tiểu III, 237	519
109	Thiền - Tỷ kheo, hãy tu thiền, Chớ buông lung phóng dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102	521
110	Thiền - Vị Hành thiền đệ nhất - Kinh KankhaRevata – Tiểu III, 12	526
111	Thiền quán - An trú thiền quán và chứng quả - Kinh Usabha – Tiểu III, 173.....	527
112	Thiền quán - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328	529
113	Thiền quán - Chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189.....	533
114	Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí - Kinh Matanga Putta Con Của Mātanga – Tiểu III, 195	535

- 115 Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí với thiền quán
- Kinh Gotama – Tiểu III, 207 537
- 116 Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền
quán - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32 539
- 117 Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền
quán - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9 541
- 118 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền
quán - Kinh Ajita – Tiểu III, 30.....544
- 119 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền
quán - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27 545
- 120 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền
quán - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38.....547
- 121 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền
quán - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19 ...549
- 122 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền
quán - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28.....551
- 123 Thiền quán - Chứng quả khi triển khai thiền
quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92
.....553
- 124 Thiền quán - Chứng quả khi đạt đến thiền quán
- Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144 555

- 125 Thiền quán - Chứng quả nhờ triển khai thiền quán - Kinh Sīha – Tiểu III, 93.....557
- 126 Thiền quán - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 559
- 127 Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Candana – Tiểu III, 222 562
- 128 Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Rājadatta – Tiểu III, 230 564
- 129 Thiền quán - Dục vọng tấn công, thiền quán và chứng quả - Kinh Uttarapāla – Tiểu III, 205 567
- 130 Thiền quán - Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Rohinī – Tiểu III, 661.....569
- 131 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212 575
- 132 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Nāgasamāla – Tiểu III, 211 577
- 133 Thiền quán - Nhờ nhiệt tâm thiền quán, Chứng quả Bất Lai - Kinh Anopāna – Tiểu III, 618 579
- 134 Thiền quán - Phát triển thiền quán chứng Thắng trí thứ sáu - Kinh Sūnīta – Tiểu III, 342 581

- 135 Thiền quán - Phát triển thiền quán các dục và
chứng quả - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120
.....585
- 136 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi bị quở
trách - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174...587
- 137 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi gặp nạn
và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 127..589
- 138 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi tâm được
Tịnh chỉ - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III,
168.....592
- 139 Thiền quán - Phát triển thiền quán trên thiền
định và chứng quả - Kinh Migasira – Tiểu III,
163.....594
- 140 Thiền quán - Phát triển thiền quán tuổi già và
chứng quả - Kinh Città – Tiểu III, 558.....597
- 141 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng Sáu
thắng trí - Kinh Phussa – Tiểu III, 437.....598
- 142 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Anupama – Tiểu III, 186 606
- 143 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 608

- 144 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Dhammika – Tiểu III, 224.....616
- 145 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41.....619
- 146 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Jambuka – Tiểu III, 216 621
- 147 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162 623
- 148 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65.....625
- 149 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67 627
- 150 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115.....629
- 151 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112 631
- 152 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Mánava – Tiểu III, 85.....633
- 153 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Paccaya – Tiểu III, 191 635

- 154 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87.....637
- 155 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 639
- 156 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Ràhula – Tiểu III, 221 647
- 157 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280 649
- 158 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Somamitta – Tiểu III, 142 652
- 159 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171.....654
- 160 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III,
684.....656
- 161 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – Tiểu III,
692.....664
- 162 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả
- Kinh Subhùta – Tiểu III, 232 674

163	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sundarì – Tiểu III, 674	676
164	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Tissa – Tiểu III, 146	686
165	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 152	688
166	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243	690
167	Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 209	694
168	Thiền quán - Phát triển thiền quán về bệnh đau mắt và kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102	696
169	Thiền quán - Phát triển thiền quán về chế ngự căn - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375	699
170	Thiền quán - Phát triển thiền quán về con khi tâm và chứng quả - Kinh Valliya – Tiểu III, 131	705
171	Thiền quán - Phát triển thiền quán về hộ trì căn và chứng quả - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392	707

- 172 Thiền quán - Phát triển thiền quán về khổ và
chứng quả - Kinh Mẹ Của Sumangala – Tiểu III,
556.....714
- 173 Thiền quán - Phát triển thiền quán về nguy hiểm
của dục và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III,
107.....716
- 174 Thiền quán - Phát triển thiền quán về thân và
chứng quả - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156 ..718
- 175 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu
thắng trí - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166.....720
- 176 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu
thắng trí - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu
III, 183 722
- 177 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng quả
lúc bảy tuổi - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288 ..724
- 178 Thiền quán - Phát triển thiền quán, nhờ thiền
Định - Kinh Nanda – Tiểu III, 148.....727
- 179 Thiền quán - Quán sự nguy hiểm của đời thế tục
- Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250.....729
- 180 Thiền quán - Quán tánh vô thường của sự vật,
thiền quán, chứng quả - Kinh Nàgasamàla –
Tiểu III, 211 732

- 181 Thiền quán - Quán vô thường và chứng quả -
Kinh Ambapàlì – Tiểu III, 655 734
- 182 Thiền quán - Rời ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy
- Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284 741
- 183 Thiền quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh
Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kaplà – Tiểu III, 577
.....744
- 184 Thiền quán - Thiền quán về sự nguy hiểm của
các dục - Kinh Eraka – Tiểu III, 100 746
- 185 Thiền quán - Thiền định được chứng đạt, thiền
quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu
III, 281 748
- 186 Thiền quán - Triển khai thiền quán khi mệt mỏi về
- Kinh Atuma – Tiểu III, 84.....751
- 187 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng Sáu
thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83 ...753
- 188 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109 755
- 189 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79 757

- 190 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88 759
- 191 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Nita – Tiểu III, 94.....761
- 192 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả
- Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73 763
- 193 Thiền quán - Triển khai thiền quán về các dục
và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74..765
- 194 Thiền quán - Triển khai thiền quán về đau khổ
và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu
III, 78.....767
- 195 Thiền quán - Trời mát, tâm định, thiền quán,
chứng quả - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184 769
- 196 Thiền quán - Tu tập thiền định, trí tuệ chín muồi,
phát triển thiền quán - Kinh Brahmali – Tiểu III,
180.....771
- 197 Thiền quán - Đề tài Quán bất tịnh - Kinh Kulla
– Tiểu III, 260 773
- 198 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Bốn sự thật -
Kinh Gotama – Tiểu III, 331 776

- 199 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Nghĩa địa - Kinh Mahākāla – Tiểu III, 145 779
- 200 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự kiện về con bò - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158 781
- 201 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89783
- 202 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 237 785
- 203 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới luật - Kinh Hatthārōha Putta – Tiểu III, 88.....787
- 204 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Hàm răng - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286 ...789
- 205 Thiền quán - Đề tài thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 792
- 206 Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sīla Vaniya – Tiểu III, 16 794
- 207 Thiền quán Tánh sanh diệt của ngũ uẩn và chứng quả - Kinh Gosāla – Tiểu III, 32.....795
- 208 Thiền quán chứng được Sáu thắng trí - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36 797

209	Thiền quán khi định tự sát và chứng quả - Kinh Sīha – Tiểu III, 582.....	799
210	Thiền quán năm uẩn và chứng quả - Kinh Mittakali – Tiểu III, 588	802
211	Thiền quán sau khi chế ngự buồn ngủ, chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212	804
212	Thiền quán sau khi đoạn tận kiêu mạn và chứng quả - Kinh Harita – Tiểu III, 208.....	806
213	Thiền quán sự sanh diệt của năm uẩn - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598	808
214	Thiền quán và chứng 6 thắng trí - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31	815
215	Thiền quán và chứng quả - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703	816
216	Thiền quán và chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215	829
217	Thiền quán và chứng quả - Kinh Sakulà – Tiểu III, 590	831
218	Thiền quán và chứng quả - Kinh Sielà – Tiểu III, 573.....	833

219	Thiền quán và chứng quả - Kinh Somà – Tiểu III, 575	835
220	Thiền quán và chứng quả - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571	837
221	Thiền quán và chứng quả - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716	840
222	Thiền quán và chứng quả - Kinh Ubirì – Tiểu III, 569	859
223	Thiền quán và chứng quả - Kinh Upàli – Tiểu III, 203	862
224	Thiền quán và chứng quả - Kinh Vijjayà – Tiểu III, 624	864
225	Thiền quán và chứng quả - Kinh Vàsitthi – Tiểu III, 611	866
226	Thiền quán và chứng quả vào ngày thứ bảy - Kinh Sela – Tiểu III, 399	869
227	Thiền quán về giới hạnh - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60	877
228	Thiền quán đề tài Bốn Sự Thật - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20	878

229	Thiền quán đệ nhất - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11.....	880
230	Thiền quán đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Khemà – Tiểu III, 613	882
231	Thiền quán, thiền định và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52	886
232	Thiền quán, thiền định, trời dễ chịu và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50	888
233	Thiền tư về giới hạnh - Kinh Ujiaya – Tiểu III, 58.....	890
234	Thiền định - Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh tịnh này - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323	891
235	Thiền định - Người hằng tu thiền định, Thường kiên trì tinh tấn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36	894
236	Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281	897
237	Thiền định, thiền quán và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52	900

- 238 Thiên định, thiên quán, trời để chịu và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50 902
- 239 Thiệu dục tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407 904
- 240 Thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304.....910
- 241 Thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305.....912
- 242 Thiện duyên đời trước - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111.....914
- 243 Thiện duyên đời trước - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112 915
- 244 Thiện hành - 3 thiện hành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 371.....916
- 245 Thiện hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 274 ..918
- 246 Thiện hạnh, ắt nên làm, Làm xong, không ăn năn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92 921
- 247 Thiện nhân - Bạc hiền sĩ, trí tuệ, Bạc nghe nhiều, trì giới - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 924

248	Thiện pháp tánh - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510	927
249	Thiện và bất thiện - Đi trước là Minh và Vô minh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339 ..	938
250	Thiện và ác - Hãy gấp làm điều lành, Ngăn tâm làm điều ác - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55.....	940
251	Thiện xảo tâm diễn khởi, Khéo nắm giữ các tướng - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328	943
252	Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viển ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95	947
253	Thiện ác - Dễ làm các điều ác, Dễ làm tự hại mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63.....	948
254	Thiện ác - Mên kẻ bất thiện, không ái luyến bậc thiện - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493	951
255	Thiện ác - Phẩm Ác - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55	958
256	Thiện ác rõ ràng - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338.....	961
257	Thiện ý - Người có tâm thiện ý - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 311	963

- 258 Thuyết pháp - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338.....965
- 259 Thuyết pháp - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183 967
- 260 Thuyết pháp - Họ thuyết pháp quần chúng, Vì lợi, không vì nghĩa - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429.....969
- 261 Thuyết pháp - Không dao động, khiêm tốn, Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183.....977
- 262 Thuyết pháp - Tỷ kheo chế ngự miệng, Vừa lời, không công cao - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102 979
- 263 Thuyết pháp - Vị Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13 984
- 264 Thuyết pháp - Đệ nhất Thuyết pháp lành lợi - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 986
- 265 Thuyết pháp hay đến nỗi vị thần cây xúc động - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571 989
- 266 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319 992

- 267 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna
Mamàniputta – Tiểu III, 13 997
- 268 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Vangisa – Tiểu III,
516.....999
- 269 Thuyết pháp đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh
Dhammadinnà – Tiểu III, 548 1023
- 270 Thuần túy - Thọ tướng thuần túy - Kinh
Màlunkyaputta – Tiểu III, 392.....1025
- 271 Thà làm cho chấm dứt các kiết sử - Kinh
CakkuPàla – Tiểu III, 102.....1032
- 272 Thà quyết sống một mình, Không bè bạn kẻ ngu
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 1035
- 273 Thà sống một mình nếu không gặp bạn lành -
Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471
.....1039
- 274 Thành công và Thất bại - Cửa vào của thất bại -
Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493.....1053
- 275 Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng máu
thịt - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584 ..1060
- 276 Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng thịt
máu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61 1063

- 277 Thành tín đối với nhau, Là bà con tối thượng -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....1066
- 278 Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ
- Kinh Devasabha – Tiểu III, 108.....1069
- 279 Tháng tháng bỏ ngàn vàng, Tề tự cả trăm năm -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51.....1070
- 280 Thánh thánh với ngọn cỏ, Người ngu có ăn uống
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 1074
- 281 Thánh - Tỳ kheo này gọi là bậc Thánh đã chọn
chánh thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu
I, 358 1078
- 282 Thánh quả - Giới hạnh không thanh tịnh nên
không đạt được Thánh quả - Kinh Uttiya – Tiểu
III, 39.....1080
- 283 Thánh quả - Pháp đạt đến Thánh quả - Kinh
Nandiya – Tiểu III, 34 1082
- 284 Thánh trí tuệ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu
I, 340 1084
- 285 Thánh yên lặng - Kinh Valliya Kanhamitta –
Tiểu III, 155 1086

- 286 Tháp của đức Phật Kassapa - Kinh
Khandasumana – Tiểu III, 104 1088
- 287 Thân - Biết thân như bọt nước, Ngộ thân là như
huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40 1089
- 288 Thân - Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành
trì - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38.....1093
- 289 Thân - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa
– Tiểu III, 325 1096
- 290 Thân - Gương nhiếp phục dục - Kinh
Sabbhakàma – Tiểu III, 281 1099
- 291 Thân - Gốm thay, vật hôi thối, Đầy sắc mùi hôi
tanh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215 1102
- 292 Thân - Hãy nhìn như bọt nước, Hãy nhìn như
cảnh huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65.....1104
- 293 Thân - Hãy xem bong bóng đẹp, Chỗ chất chứa
vết thương - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61.....1107
- 294 Thân - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết
thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385
.....1110
- 295 Thân - Không bao lâu thân này, Sẽ nằm dài trên
đất - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 1118

- 296 Thân - Quán bất tịnh để diệt dục - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499.....1121
- 297 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260 1138
- 298 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215 1141
- 299 Thân - Quán vô thường trên thân - Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655 1143
- 300 Thân - Quán vô thường, vô ngã đối với thân - Kinh Mahàkàla – Tiểu III, 145 1150
- 301 Thân - Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30 1152
- 302 Thân - Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng thịt máu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61 1153
- 303 Thân - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 1156
- 304 Thân - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165 1159
- 305 Thân bị hoại, tưởng diệt, Mọi thọ được nguội lạnh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288 ...1161

- 306 Thân bị huỷ hoại, Thức bị lụn tàn - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390 1163
- 307 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng -
Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275.....1165
- 308 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng -
Kinh Vakkali – Tiểu III, 243 1168
- 309 Thân cuối cùng - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239
.....1172
- 310 Thân cận - Hãy thân cận Bạc nghe nhiều trì pháp
- Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471
.....1175
- 311 Thân cận bạn lành - Cho đến kẻ ngu si, Được
đổi thành người trí - Kinh Susàrada – Tiểu III,
86.....1190
- 312 Thân cận giao thiệp, Thân ái từ đầy sanh - Kinh
Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471 1191
- 313 Thân do ý tạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422
.....1205
- 314 Thân hành niệm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I,
164.....1213

315 Thân hành niệm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 260.....	1214
316 Thân hành niệm - Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286.....	1215
317 Thân hình bằng vàng mịn - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347	1218
318 Thân khẩu ý - 2 pháp không làm nung nấu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 327	1223
319 Thân khẩu ý - 2 pháp làm cho nung nấu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 326.....	1225
320 Thân khẩu ý - 3 thanh tịnh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372.....	1227
321 Thân khẩu ý - 3 thiện hành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 371.....	1228
322 Thân khẩu ý - 3 trầm lặng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372b	1230
323 Thân khẩu ý - 3 ác hành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 370.....	1231
324 Thân khẩu ý - Bạc trí bảo vệ thân, Bảo vệ luôn lời nói - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75.....	1233

- 325 Thân khẩu ý - Giữ thân đừng phần nộ, Phòng thân khéo bảo vệ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75 1237
- 326 Thân khẩu ý - Ta tự mình biết, tự mình thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 379...1240
- 327 Thân kiến - Kinh Sissupacàlà – Tiểu III, 633 1242
- 328 Thân kiến - Thấy sợ hãi thân kiến, Ta mong muốn viễn ly - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684 1245
- 329 Thân niệm - Kiên trì hộ thân niệm - Kinh Silla Vaniya – Tiểu III, 16 1253
- 330 Thân niệm - Người siêng năng cần mẫn, Thường thường quán thân niệm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89.....1254
- 331 Thân này luân chuyển vậy, Dẫn đi bởi xe nghiệp - Kinh Kappa – Tiểu III, 325 1258
- 332 Thân sanh tử, Phải làm nhiều việc lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40.....1261
- 333 Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111 1265

- 334 Thân thiện giữa thù địch, Ôn hòa giữa hung hăng
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 1266
- 335 Thân thể nặng nề, khó tu - Kinh Adhimutta –
Tiểu III, 119 1275
- 336 Thân thể trong sạch như giọt sương trên lá sen -
Kinh Vimala – Tiểu III, 60 1276
- 337 Thân thể yếu đuối, sợ tu không được - Kinh
Lomasakangiyà – Tiểu III, 36 1278
- 338 Thân tâm bị thiêu đốt - Kinh Phật Thuyết Như
Vây - Tiểu I, 323 1280
- 339 Thân tích tụ - Kinh Sìha – Tiểu III, 93 1282
- 340 Thân tịnh, lời an tịnh, An tịnh, khéo thiên tịnh -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102 1284
- 341 Thân được thấy trống không, Trong thân cả
ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157
.....1289
- 342 Thân được thấy trống rỗng, Chìm tối trong đêm
đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156 1291
- 343 Thân ở làng, Tâm hướng về rừng núi - Kinh
Sivaka – Tiểu III, 24 1293

- 344 Thât vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc - Kinh
Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 1295
- 345 Thâu khẩu ý - Ta tự mình biết, tự mình thấy... -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 377...1297
- 346 Thành linh - Không có thành linh chứng ngộ -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208.....1299
- 347 Thí chủ tiếp tục cho, Tiếp tục lên Thiên giới -
Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312 1310
- 348 Thích cung kính - Chớ ưa thích cung kính, Hãy
tu hạnh viễn ly - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43
.....1315
- 349 Thích danh lợi - Ưa danh không tương xứng,
Muôn ngòì trước tỷ kheo - Kinh Pháp Cú - Tiểu
I, 43 1319
- 350 Thích ghét - Từ đâu tham, sân, sợ hãi, thích,
ghét, suy nghĩ sanh khởi_ - Kinh Sùciloma -
Tiểu I, 551.....1323
- 351 Thích hội chúng - Cửa vào của bại vong - Kinh
Bại Vong - Tiểu I, 493.....1326
- 352 Thích thú - 2 pháp đưa đến hỷ lạc để diệt lậu tận
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333 1333

- 353 Thông lộng - Định tự sát vì bảy năm tâm không định - Kinh Sīha – Tiểu III, 582 1335
- 354 Thô lỗ - Dễ thay, sống không hổ, Sống lỗ mãng như quạ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78 1338
- 355 Thô tháo - Ta thô tháo dao động, Say đắm trong tham dục - Kinh Nanda – Tiểu III, 148 1343
- 356 Thù hận - Kẻ thù hại kẻ thù, Oan gia hại oan gia - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 1345
- 357 Thù hận - Với hận diệt hận thù, Đời này không có được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32 1348
- 358 Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191 1353
- 359 Thương hại vợ cũ - Kinh Sabbhakāma – Tiểu III, 281 1355
- 360 Thương mình nhiều nhất - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200 1358
- 361 Thường nắm giữ chánh niệm - Kinh Ekudāniya – Tiểu III, 79 1360
- 362 Thường nắm giữ chánh niệm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192 1362

- 363 Thường tôn trọng, kính lễ Bạc kỳ lão trưởng
thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51.....1363
- 364 Thấp và cao - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87
.....1367
- 365 Thất bại - Cửa vào của thất bại - Kinh Bại Vong
- Tiểu I, 493 1369
- 366 Thấy cây đèn Niết-bàn, Tâm ta được giải thoát -
Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598 1376
- 367 Thấy đục như lửa hừng, Thấy vàng như dao đâm
- Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 1383
- 368 Thấy khổ và khổ tập, Thấy sự khổ vượt qua -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....1391
- 369 Thấy nguy hại ở đời, Biết pháp không sanh y
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 219.....1395
- 370 Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá hủy -
Kinh Pavittha – Tiểu III, 96.....1401
- 371 Thấy pháp tánh các pháp - Kinh Sugandha –
Tiểu III, 33 1402
- 372 Thấy sắc, mất chánh niệm, Tác ý tưởng luyến ái
- Kinh Abhaya – Tiểu III, 106 1403

373	Thấy sắc, niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392	1405
374	Thấy được giới bất tử - Kinh Rāhula – Tiểu III, 221.....	1412
375	Thấy được quả bất tử - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239.....	1414
376	Thấy, nghe, cảm thọ, thức trí - Kinh Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798	1417
377	Thần chú - Bùa chú sọ người - Kinh Migasāra – Tiểu III, 163	1419
378	Thần chú - Kinh Sela – Tiểu III, 399	1422
379	Thần chú, bùa phép - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19	1430
380	Thần chết - Ai vượt qua được già chết_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punṇaka - Tiểu I, 780	1432
381	Thần chết - Ai đuổi đi thần chết - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16	1436
382	Thần chết - Bầy mời của thần chết - Kinh Nāgasamāla – Tiểu III, 211	1438

- 383 Thần chết - Chính do lậu hoặc này, Bị Thần chết
chi phối - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11
Jatukanni - Tiểu I, 802 1440
- 384 Thần chết - Chớ để cho thần chết, Lường gạt,
chiến thắng ông - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266
.....1442
- 385 Thần chết - Các dục chưa thoả mãn đã bị chết
chinh phục - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40 1445
- 386 Thần chết - Không chỗ nào trên đời, Trốn khỏi
tay thần chết - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55...1449
- 387 Thần chết - Một khi tử thần đến, Không có con
che chở - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85.....1452
- 388 Thần chết - Nhìn đời thế nào, Để thần chết
không thấy_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 15
Mogharàja - Tiểu I, 809.....1456
- 389 Thần chết - Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần
chết gieo mồi - Kinh Sundara Samudda – Tiểu
III, 284 1458
- 390 Thần cây - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16 1461
- 391 Thần cây - Thuyết pháp hay đến nỗi vị thần cây
xúc động - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571.....1463

392 Thần mưa - Kinh Girimànanda – Tiểu III,	234
.....	1466
393 Thần mưa hãy mưa đi - Kinh Subhùti – Tiểu III,	9
.....	1469
394 Thần rắn Mucalinda - Kinh Lời Cảm Hứng -	
Tiểu I, 131.....	1471
395 Thần rừng - Khen Tỳ kheo tu tập Tướng bộ	
xương - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28.	1473
396 Thần thông - Chứng thần thông lúc bảy tuổi -	
Kinh Sumana – Tiểu III, 274.....	1475
397 Thần thông - Ngăn sông không cho dâng cao -	
Kinh Gavampati – Tiểu III, 47	1478
398 Thần thông - Như bông thổi trước gió, Thân ta	
nhẹ trôi bay - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111	1480
399 Thần thông - Trưởng lão Cùla Panthaka - Kinh	
Cùla Panthaka – Tiểu III, 323.....	1481
400 Thần thông của Đức Phật - Kinh Sopàka – Tiểu	
III, 291	1484
401 Thần thông đệ nhất - Kinh Mahà Moggallàna –	
Tiểu III, 499	1489

402	Thần thông đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Uppalavanna – Tiểu III, 645.....	1506
403	Thần túc - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331	1511
404	Thầy chó có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171	1514
405	Thầy hãy làm tự ngã, Được thâm nhuần hương thượng - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38	1516
406	Thầy thuốc - Biết người khác phần nộ, Chánh niệm, tự lắng dịu - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277.....	1518
407	Thầy thuốc - Họ giống như thầy thuốc, Họ làm các công việc - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429	1521
408	Thập Giới - Tiểu I, 9 copie	1529
409	Thập Giới - Tiểu I, 9.....	1530
410	Thật khó tìm ở đời, Người biết then, tự chế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57.....	1531
411	Thật quy y an ổn, Thật quy y tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67.....	1535

- 412 Thắng người không bằng thắng mình - Dầu tại
bãi chiến trường Thắng ngàn ngàn quân địch -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51.....1539
- 413 Thắng thua - Chiến thắng sinh thù oán, Thất bại
chịu khổ đau - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71 ..1543
- 414 Thắng tri - Ai không liễu tri Phần nộ, không thể
diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
301.....1546
- 415 Thắng tri - Ai không liễu tri Si, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300
.....1548
- 416 Thắng tri - Ai không liễu tri Sân, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299
.....1550
- 417 Thắng tri - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297
.....1552
- 418 Thắng tri - Ai không liễu tri tham, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298
.....1554
- 419 Thế Tôn - Ai thấy pháp, người ấy thấy Ta - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420 1556

- 420 Thế Tôn - Bảy Đức Phật - Kinh Sarabhangā –
Tiểu III, 295 1558
- 421 Thế Tôn - Bữa ăn cuối cùng của Đức Phật - Kinh
Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268 1561
- 422 Thế Tôn - Dục - Ta không có ước muốn, Với
chân động chạm nó - Kinh Māgandīya - Tiểu I,
717.....1570
- 423 Thế Tôn - Hỏi đáp với Dạ-xoa - Kinh Hemavata
- Tiểu I, 510 1576
- 424 Thế Tôn - Khi mới thành Chánh giác - Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 173.....1587
- 425 Thế Tôn - Không được công nhận là đệ tử của
Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447
.....1590
- 426 Thế Tôn - Người hãy nhiệt tình làm, Như Lai chỉ
thuyết dạy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85 1592
- 427 Thế Tôn - Như Lai là bậc nhĩ nại điều mà... -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335...1596
- 428 Thế Tôn - Pháp cú - Phẩm Phật Đà - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 67 1599

- 429 Thế Tôn - Quán sát các pháp thiện và bất thiện của mình - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 237 1603
- 430 Thế Tôn - Quán sát sự tử bỏ các hý luận tưởng của mình - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259 1604
- 431 Thế Tôn - Ta cũng cày và cũng gieo - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484 1605
- 432 Thế Tôn - Ta không có thọ dụng, Đồ ăn từ kệ tụng - Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607 1611
- 433 Thế Tôn - Thần thông của Ngài - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291 1626
- 434 Thế Tôn - Thế Tôn bị đau nhức mỗi - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166.....1631
- 435 Thế Tôn - Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312.....1633
- 436 Thế Tôn - Vì sao được gọi là Như Lai_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453.....1638
- 437 Thế Tôn - Ví như Người có mắt đứng trên bờ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448...1642

- 438 Thế Tôn - Ác ma theo chân bảy năm - Kinh Tinh
Cần - Tiểu I, 600 1644
- 439 Thế Tôn - Ác ý với Ngài, đổ cỏ trâu vào giếng -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 261 1650
- 440 Thế Tôn - Đức Phật Sikhì - Kinh Sandhita –
Tiểu III, 188 1653
- 441 Thế Tôn - Đức Phật độ cho vua cha - Kinh
Nanda – Tiểu III, 148 1655
- 442 Thế Tôn - Ân sĩ Upaka gặp Thế Tôn trên đường
đến Balanại - Kinh Cạpà – Tiểu III, 666 1657
- 443 Thế Tôn Kassapa - Ác Tử kheo từ thời đó - Kinh
Yasoja – Tiểu III, 200 1666
- 444 Thế Tôn độ trưởng lão Kassapa - Kinh Mahà
Kassapa – Tiểu III, 466.....1668
- 445 Thế gian - Phẩm Thế Gian - Kinh Pháp Cú - Tiểu
I, 65 1681
- 446 Thế giới - Do gì đời bị che_ - Kinh Câu hỏi của
thanh niên 1 Ajita - Tiểu I, 776 1684
- 447 Thế giới - Thế giới sanh khởi do pháp nào có
mặt_ - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510 1687

- 448 Thế giới - Vị đạt đến Tận cùng thế giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448.....1698
- 449 Thế giới - Đời bị hỷ trối buộc, Suy tầm là sở hành - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806.....1700
- 450 Thế giới - Đức Phật chánh đẳng giác về thế giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453 1703
- 451 Thế giới là vô thường, đi đến hoại diệt - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385.....1707
- 452 Thế giới này bị ái triền trối buộc - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 1715
- 453 Thế nhập vào bất tử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106 1717
- 454 Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312 1726
- 455 Thị giả - Gương trưởng lão Ananda - Kinh Ananda – Tiểu III, 455 1731
- 456 Thịnh vượng - Kinh Samiddhi – Tiểu III, 57 1743

- 457 Thọ - Không than van trong khi cảm xúc các loại
cảm giác - Kinh Tuvataka Con Đường Mau
Chóng - Tiểu I, 744.....1745
- 458 Thọ - Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna –
Tiểu III, 266 1753
- 459 Thọ - Lạc thọ cần được xem là Khổ - Kinh Phật
Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358 1756
- 460 Thọ - Người sở hành chánh niệm, Thức được
diệt thế nào_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13
Udaya - Tiểu I, 806.....1758
- 461 Thọ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ -
Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 1761
- 462 Thọ - Tỳ kheo nhờ diệt thọ, không ham muốn
tịch tịnh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
357.....1763
- 463 Thọ hành - Từ bỏ thọ hành - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 229 1765
- 464 Thọ mạng ít thay là Mẹ của Bồ-tát- Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 202.....1771
- 465 Thọ sanh - Không còn có rơi rớt Vào sanh hữu
thọ sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253
.....1773

- 466 Thọ sanh - Vượt khỏi bốn ách nạn, Không đi đến thọ sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247 1775
- 467 Thọ tướng thuần túy - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 1776
- 468 Thối đoạ - 3 pháp thối đoạ cho vị hữu học - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 393.....1783
- 469 Thối đoạ - Thối đoạ khỏi Thánh trí tuệ là khéo thối đoạ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 340.....1786
- 470 Thờ lửa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125 1788
- 471 Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 1790
- 472 Thờ lửa - Từ bỏ thờ lửa, theo chánh pháp, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189.....1793
- 473 Thời gian - 3 thời - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 368 1795
- 474 Thời tiết dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccāna – Tiểu III, 168 1797

- 475 Thời Đức Phật Konagamana - Cúng tịnh xá -
Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716.....1799
- 476 Thọ cung tên làm cây tên ngay thẳng - Kinh
Hārīta – Tiểu III, 38.....1818
- 477 Thọ gồm xuất gia chứng quả - Kinh Dhaniya –
Tiểu III, 194.....1820
- 478 Thọ rèn Cunda - Cúng dường Đức Phật bữa ăn
cuối cùng - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268
.....1822
- 479 Thụ động - Cửa vào cửa bại vong - Kinh Bại
Vong - Tiểu I, 493 1831
- 480 Thúc - Người sở hành chánh niệm, Thúc được
diệt thế nào_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13
Udaya - Tiểu I, 806.....1838
- 481 Thúc - Thân bị huỷ hoại, Thúc bị lụn tàn - Kinh
Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390.....1841
- 482 Thúc - Thúc diệt - Người sở hành chánh niệm,
Thúc được diệt thế nào_ - Kinh Câu hỏi của
thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806.....1843
- 483 Thúc ăn - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh
Paripunnaka – Tiểu III, 99.....1846

- 484 Thức ăn - Mọi loài hữu tình đều tồn tại nhờ thức ăn - Kinh Nam Tử Hối Đạo - Tiểu I, 11.....1848
- 485 Thức đạt được mục đích - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288 1849
- 486 Thức đối với ngoại trần không tán loạn... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424.....1851
- 487 Thực hành pháp, tùy pháp - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408.....1852
- 488 Tinh cần giữa phóng dật, Tỉnh thức giữa quần mê - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36 1853
- 489 Tinh tấn - Không có nhiệt tình, không thể chứng ngộ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330 1856
- 490 Tinh tấn - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304 1858
- 491 Tinh tấn - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305 1860
- 492 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56 1862

- 493 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con nai mẹ
- Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115.....1864
- 494 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ cây lau -
Kinh Usabha – Tiểu III, 116.....1866
- 495 Tinh tấn hạ liệt - Không tẩy sạch 3 ác tâm trong
4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
449.....1868
- 496 Tinh tấn hạ liệt - Không tẩy sạch 5 triền cái trong
4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
451.....1871
- 497 Tinh tấn Đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Sonà –
Tiểu III, 591 1874
- 498 Tissa – Tiểu III, 105.....1877
- 499 Tissa – Tiểu III, 146.....1879
- 500 Tissa – Tiểu III, 48.....1881
- 501 Tissametteyya - Kinh Câu hỏi của thanh niên 2
Tissametteyya - Tiểu I, 779 1882
- 502 Tissà – Tiểu III, 543.....1884
- 503 Tiến trình tu tập - Kinh Uttara – Tiểu III, 152
.....1885

- 504 Tiếng lành đồn xa - Người lành dầu ở xa, Sáng
tỏ như núi tuyết - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89
.....1887
- 505 Tiếng rống con sư tử đệ nhất - Kinh Pindola
Bhàradvaja – Tiểu III, 129.....1891
- 506 Tiếng trống bắt tử - Kinh Càpà – Tiểu III, 666
.....1893
- 507 Tiếng đồn ấy chỉ tồn tại một tuần thôi - Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 193.....1902
- 508 Tiết độ - Ăn uống có tiết độ, An lạc về thân thể
- Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 324 1907
- 509 Tiết độ - Ăn uống không tiết độ, Đau khổ về thân
thể - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323
.....1909
- 510 Tiết độ ăn uống - Ai sống quán bất tịnh, Khéo
hộ trì các căn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32..1911
- 511 Tiết độ ăn uống - Được đồ ăn của người, Không
có sự tham đắm - Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I,
579.....1916
- 512 Todeyya - Kinh Câu hỏi của thanh niên 9
Todeyya - Tiểu I, 800 1922

- 513 Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 1924
- 514 Toàn hảo - Vị toàn hảo - Kinh Phật Thuyết Như vậy - Tiểu I, 428.....1926
- 515 Trai giới - Mười bốn, rằm, ngày tám - Kinh Dhammika - Tiểu I, 585 1929
- 516 Trai gái - Khi nào chưa cắt tiết, Ái dục giữa gái trai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85.....1940
- 517 Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo mồi - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284 ...1944
- 518 Tranh luận - Do chỉ thấy một phía - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 238.....1947
- 519 Tranh luận - Kiến thủ gây xung đột với nhau - Kinh Màngandiya - Tiểu I, 717 1954
- 520 Tranh luận - Từ Ái mà tranh luận khởi - Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725.....1960
- 521 Trao truyền - Pháp thiết thực hiện tại, Không do trao truyền lại - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783 1967

- 522 Trao truyền - Pháp tịch tịnh hiện tại, Không do
xưa truyền lại - Kinh Câu hỏi của thanh niên 5
Dhotaka - Tiểu I, 789.....1972
- 523 Tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta –
Tiểu III, 407 1976
- 524 Triền cái - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302...1982
- 525 Triển khai Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sīla
Vaniya – Tiểu III, 16 1984
- 526 Triển khai Thiền quán và chứng quả - Kinh
Subhūti – Tiểu III, 9 1985
- 527 Triển khai thiền quán dục vọng và chứng quả -
Kinh Uttarapāla – Tiểu III, 205 1987
- 528 Triển khai thiền quán khi mẹ dụ về - Kinh
Atuma – Tiểu III, 84 1989
- 529 Triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa
– Tiểu III, 92 1990
- 530 Triển khai thiền quán năm uẩn và chứng quả -
Kinh Mittakali – Tiểu III, 588 1992
- 531 Triển khai thiền quán tánh sanh diệt của năm uẩn
và chứng quả - Kinh Gosāla – Tiểu III, 32.1994

- 532 Triễn khai thiên quán và chứng Sáu thắng trí -
Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83 1996
- 533 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh
Belatthakàni – Tiểu III, 109.....1998
- 534 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh
Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kaplà – Tiểu III, 577
.....2000
- 535 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh
Cittaka – Tiểu III, 32 2002
- 536 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh
Ekudàniya – Tiểu III, 79.....2003
- 537 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh
Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88.....2005
- 538 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh Mẹ
Của Vaddha – Tiểu III, 636.....2007
- 539 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh Nita
– Tiểu III, 94 2010
- 540 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh
Sakulà – Tiểu III, 590 2012
- 541 Triễn khai thiên quán và chứng quả - Kinh Somà
– Tiểu III, 575 2014

- 542 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Siha – Tiểu III, 93 2016
- 543 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39 2018
- 544 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73.....2020
- 545 Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74.....2022
- 546 Triển khai thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91 2024
- 547 Triển khai thiền quán về sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89 2026
- 548 Triển khai thiền quán về vô thường và chứng quả - Kinh Ambapàlì – Tiểu III, 655.....2028
- 549 Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78 2035
- 550 Trong ai không man trá, Không mạn, tham đoạn tận - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165.....2037
- 551 Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khi đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131 2040

- 552 Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126 2042
- 553 Trong hai mươi lăm năm, Đoạn dứt được ngũ nghĩ - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 2047
- 554 Trong hàng cầu uế ấy, Vô minh, nhớ tới thương - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78 2055
- 555 Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi ta - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39 2060
- 556 Trong khi được cảm xúc, Với các loại cảm giác - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744 2062
- 557 Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi lằng đốt cắn - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 2070
- 558 Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều cõi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187 2072
- 559 Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunīta – Tiểu III, 342 2074
- 560 Tránh ác, gần thiện - Kinh Vimāla – Tiểu III, 209.....2078
- 561 Trên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn toàn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253 2080

- 562 Trên dưới ngang - Phàm ông rõ biết gì, Cao, thấp, ngang, chằng giữa - Kinh Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka - Tiểu I, 789.....2082
- 563 Trên dưới ngang - Phàm ông rõ biết gì, Trên dưới ngang, ở giữa - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783.....2086
- 564 Trì pháp - Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh trì pháp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82..2091
- 565 Trí giải thoát để phá hoại vô minh là gì - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806 2095
- 566 Trí kim cang - Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì của thức - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269 2098
- 567 Trí tuệ - Bình khí trí tuệ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379 2100
- 568 Trí tuệ - Phải đàm luận mới biết được trí tuệ của một người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234 2106
- 569 Trí tuệ Bát-nhã - Kinh Phật Thuyết Như Vậ - Tiểu I, 333.....2110

- 570 Trí tuệ là ách và lưới cày - Kinh Bhàradvaja
Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....2112
- 571 Trói buộc - Bậc anh hùng cắt đứt, Mọi trói buộc
gia đình - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu
I, 471 2118
- 572 Trói buộc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 2132
- 573 Trói buộc - Những ai không yêu ghét, Không thể
có buộc ràng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73 ..2138
- 574 Trói buộc - Đời bị hỷ trói buộc, Suy tâm là sở
hành - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya -
Tiểu I, 806.....2141
- 575 Trăm hai mươi tuổi, chứng Ba minh - Kinh Phụ
Thân Của Dhammasava – Tiểu III, 114 2144
- 576 Trắng - Như trắng thoát vùng mây - Kinh Mahà
Kappina – Tiểu III, 319 2145
- 577 Trước hết tự đặt mình, Vào những gì thích đáng
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63 2150
- 578 Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác -
Kinh Vasabha – Tiểu III, 137 2153
- 579 Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái, dục,
lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94 2155

- 580 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88 2158
- 581 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....2160
- 582 Trước, giữa và sau - Kinh Cháp trọng - Tiểu I, 751.....2180
- 583 Trước, sau, giữa - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802.....2185
- 584 Trạch pháp - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338.....2187
- 585 Trạo cử - Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến ta phải đánh - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174 .2189
- 586 Trạo cử - Sấm trạo cử nổ vang, Mây kiết sử bao phủ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379.....2191
- 587 Trạo cử - Được Đức Phật nhắc nhở và chứng quả - Kinh Sìha – Tiểu III, 93 2197
- 588 Trạo hồi - Đây tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186 2199
- 589 Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 2201

- 590 Trầm lặng - 3 trầm lặng - Kinh Phật Thuyết Như
Vây - Tiểu I, 372b.....2204
- 591 Trắng đen rõ ràng - 2 thuyết pháp của Như Lai -
Kinh Phật Thuyết Như Vây - Tiểu I, 338...2205
- 592 Trẻ không tu, già hối hận - Lúc trẻ, không phạm
hạnh, Không tìm kiếm bạc tiền - Kinh Pháp Cú
- Tiểu I, 61 2207
- 593 Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích tụ hội
- Kinh Nita – Tiểu III, 94.....2210
- 594 Trống bắt tử - Đánh tiếng trống bắt tử, Rưới cam
lồ giải thoát - Kinh Càpà – Tiểu III, 666 2212
- 595 Trống không - Hãy nhìn đời trống không, Luôn
luôn giữ chánh niệm - Kinh Câu hỏi của thanh
niên 15 Mogharàja - Tiểu I, 809.....2221
- 596 Trống rỗng - Ta quán sát thân này, Trống rỗng
cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 2602223
- 597 Trộm cắp - Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối -
Kinh Kẻ Bần Tiện - Tiểu I, 500.....2226
- 598 Trời dễ chịu, Tâm được thiền định - Kinh
Cùlaka – Tiểu III, 184.....2234

- 599 Trời dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả
- Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168....2236
- 600 Trời mát, thiền định, thiền quán, và chứng quả -
Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50 2238
- 601 Trời mát, tâm định và chứng quả - Kinh Vimala
– Tiểu III, 60 2240
- 602 Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu -
Kinh Girimànaṇḍa – Tiểu III, 234 2242
- 603 Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất - Kinh
Ghoḍhika Subhū Vāḷliya Uttiya – Tiểu III, 62
.....2245
- 604 Tà dâm - Bốn nạn chờ đợi người, Phóng dật theo
vợ người - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92 2248
- 605 Tà dâm - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong
- Tiểu I, 493 2251
- 606 Tà dâm - Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối -
Kinh Kê Bần Tiện - Tiểu I, 500.....2258
- 607 Tà hạnh như đàn bà, Xan tham nhóp kẻ thí -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78.....2266
- 608 Tà khổ hạnh - Đứng chỉ một chân - Kinh
Jambuka – Tiểu III, 216.....2271

- 609 Tà kiến - 2 tà kiến Chấp chặt và Đi quá trớn -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352...2273
- 610 Tà kiến - Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao
trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221.....2276
- 611 Tà kiến - Chúng lồi cuốn trôi ta, Vào đại dương
tà kiến - Kinh Kelakani – Tiểu III, 379 2278
- 612 Tà kiến - Các hệ phái ngoại đạo, Nương tựa trên
tà kiến - Kinh Calà – Tiểu III, 628 2284
- 613 Tà kiến - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125
.....2287
- 614 Tà kiến - Kinh Nanduttara – Tiểu III, 587 .2289
- 615 Tà kiến - Nhờ nước làm thanh tịnh - Kinh Punna
hay Punnikà – Tiểu III, 650 2291
- 616 Tà kiến - Quán đánh một bên nước - Kinh
Senaka – Tiểu III, 218 2296
- 617 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh NadiKassapa – Tiểu
III, 240 2298
- 618 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu
III, 275 2300

- 619 Tà kiến - Tắm sông tẩy sạch điều ác - Kinh Gayà
Kassapa – Tiểu III, 242.....2303
- 620 Tà tín - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125.2305
- 621 Tà đạo - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125
.....2307
- 622 Tài sản - Con tôi, tài sản tôi, Người ngu sanh ưu
nãi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 2309
- 623 Tài sản - Thế nào được tài sản_ - Kinh Alavaka
- Tiểu I, 520 2313
- 624 Tài sản của chúng sanh - Kinh Bảo Tàng - Tiểu
I, 24 2319
- 625 Tài sản hại người ngu, Không người tìm bờ kia
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97 2323
- 626 Tài sản không chất chứa, Ăn uống biết liêu tri -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49.....2329
- 627 Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường
thọ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 2332
- 628 Tàlaputta – Tiểu III, 479.....2340
- 629 Tàm quý - 2 pháp trắng che chở cho đời - Kinh
Phật Thuyết Như Vậ - Tiểu I, 341 2360

- 630 Tàm quý - Không có sợ hãi thì không thể chứng ngộ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330 2362
- 631 Tàm quý - Không đáng hổ, lại hổ. Việc đáng hổ, lại không - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92 2364
- 632 Tàm quý - Xảo quyền, không tàm quý - Kinh Kế Bản Tiễn - Tiểu I, 500 2367
- 633 Tàm úy - Bị quả trách, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174 2374
- 634 Tàm úy - Xấu hổ là cán cày - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484.....2376
- 635 Tàm úy - Đi trước là Minh và Vô minh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339 2382
- 636 Tái sanh - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302...2384
- 637 Tái sanh - Bị dục và hữu trói buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426 2386
- 638 Tái sanh - Bị trói buộc bởi Ái kiết sử, chúng sanh phải... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303 2388

- 639 Tái sanh - Chơn chánh nhận thức rõ, Nguy hiểm trong sanh hữu - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471 2390
- 640 Tái sanh - Cách quán để nhằm chán tái sanh - Kinh Uttara – Tiểu III, 127 2405
- 641 Tái sanh - Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267 ..2408
- 642 Tái sanh - Hãy từ bỏ gièm pha, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 294...2410
- 643 Tái sanh - Hãy từ bỏ khát ái, Không còn bị tái sanh - Kinh Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya - Tiểu I, 811 2412
- 644 Tái sanh - Hãy từ bỏ mạn, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 295 2415
- 645 Tái sanh - Hãy từ bỏ phân nộ, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 294...2417
- 646 Tái sanh - Hãy từ bỏ si, Ta bảo đảm các thầy không có tái sanh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 293 2419
- 647 Tái sanh - Hãy từ bỏ sân, Ta bảo đảm các thầy không có tái sanh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 292 2420

- 648 Tái sanh - Hễ từ bỏ tham, Ta bảo đảm các thầy không có tái sanh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 291 2422
- 649 Tái sanh - Lang thang bao kiếp sống, Ta tìm nhưng chẳng gặp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61 2424
- 650 Tái sanh - Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422.....2427
- 651 Tái sanh - Nay không còn tái sanh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422 2430
- 652 Tái sanh - Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443 2438
- 653 Tái sanh - Thế Tôn, bậc vĩ đại không sanh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453...2440
- 654 Tái sanh - Tăng nghĩa địa hải hùng, Chết chứa sự tái sanh - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281 2444
- 655 Tái sanh - Vượt khỏi bốn ách nạn, Không đi đến thọ sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247 2447

- 656 Tái sinh - Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong địa ngục - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385 2448
- 657 Tái sinh - Xương của một người chồng chất như... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315 2456
- 658 Tái sinh - Đòi bị si trối buộc, Được thấy bị tái sinh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263...2458
- 659 Tái sinh là đau khổ - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206.....2460
- 660 Tái sinh là đau khổ - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165 2462
- 661 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335 2464
- 662 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291.....2468
- 663 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339.....2473
- 664 Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Eraka - Kinh Eraka – Tiểu III, 100.....2477
- 665 Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 105.....2479

666 Tám mươi bốn ngàn pháp - Kinh Ananda – Tiểu III, 455	2481
667 Tám mươi tuổi xuất gia, chứng quả - Kinh Bākula – Tiểu III, 192.....	2493
668 Tám ngành, đường thù thắng, Bốn câu, lý thù thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85	2495
669 Tám tư duy của bậc đại nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422	2499
670 Tám vi diệu trong đạo Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208	2507
671 Tám đôi bốn vị - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534	2518
672 Tám thần giữ giới - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339	2526
673 Tám thần hạnh xuất gia - Kinh Rohinì – Tiểu III, 661.....	2530
674 Tám thần trưởng lão Kassapa - Kinh Mahā Moggallāna – Tiểu III, 499.....	2536
675 Tám thần Đức Phật - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252	2553

676 Tán thán Đức Phật - Kinh Mettaji – Tiểu III,	102
.....	2555
677 Tán thán Đức Phật - Kinh Migajala – Tiểu III,	269.....
	2556
678 Tán thán Đức Phật - Kinh Sela – Tiểu III,	399
.....	2558
679 Tán thán Đức Phật - Kinh Senaka – Tiểu III,	218
.....	2566
680 Tán thán Đức Phật - Kinh Udàyin – Tiểu III,	365
.....	2568
681 Tán thán Đức Phật - Kinh Vangisa – Tiểu III,	516.....
	2573
682 Tánh hay nóng giận - Cửa vào của bại vong -	
Kinh Bại Vong - Tiểu I,	493.....
	2597
683 Tánh không sâu não - Kinh Adhimutta – Tiểu	
III,	370
	2604
684 Tánh sanh diệt các uẩn - Kinh Gosala – Tiểu III,	
32.....	2609
685 Tâm - Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành	
trì - Kinh Pháp Cú - Tiểu I,	38.....
	2611

- 686 Tâm - Cách điều phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29.....2614
- 687 Tâm - Gương nhiếp phục tâm - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479 2616
- 688 Tâm - Gương nhiếp phục tâm dao động - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246.....2636
- 689 Tâm - Gương tu tập - Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88 2639
- 690 Tâm - Gương tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186 2641
- 691 Tâm - Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diển khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328 2643
- 692 Tâm - Lời dạy của Trưởng lão Brahmadata - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277 2647
- 693 Tâm - Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nắn tên - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46 2650
- 694 Tâm - Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nắn tên - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57 2654

- 695 Tâm - Nay tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyên ta như trước - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479.....2658
- 696 Tâm - Nay tâm, ta gọi ngươi, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186.....2678
- 697 Tâm - Phẩm Tâm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 2680
- 698 Tâm - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viển ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95.....2683
- 699 Tâm - Trong chồi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131 2684
- 700 Tâm - Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái, dục, lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....2686
- 701 Tâm - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170....2689
- 702 Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186.....2691
- 703 Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170.....2694
- 704 Tâm còn bị đắm say, Con cái và súc vật - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 2696

- 705 Tâm hoảng hốt giao động, Khó hộ trì, khó nhiếp
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 2702
- 706 Tâm hướng tà, Tâm hướng chánh - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 38.....2705
- 707 Tâm khó thấy, tế nhị, Theo các dục quay cuồng
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 2708
- 708 Tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ
quấy rối - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
424.....2711
- 709 Tâm không đầy tràn dục, Tâm không hận công
phá - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38 2712
- 710 Tâm không định được thì làm sao_ - Kinh Kula
– Tiểu III, 29 2715
- 711 Tâm không định được, cứ chạy theo ngoại cảnh
- Kinh Guttà – Tiểu III, 622.....2717
- 712 Tâm phục - Chưa tâm phục vì ganh, mạn lừa dối
- Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254 2719
- 713 Tâm ta thật trắng bạch, Vô lượng, khéo tu tập -
Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319 2722
- 714 Tâm ta đi cùng khắp, Tất cả mọi phương trời -
Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200 2727

715	Tâm thiện ý - Người có tâm thiện ý - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 311	2729
716	Tâm thường hằng, hướng mạnh về Chánh pháp - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34.....	2731
717	Tâm trạo cử - Kinh Sìha – Tiểu III, 93.....	2733
718	Tâm tăng thượng ẩn sĩ - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79.....	2734
719	Tâm tăng thượng ẩn sĩ, Không phóng dật, tu tập - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192	2736
720	Tâm ác ý - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 309.....	2738
721	Tâm định hướng tà vạy, Còn làm ác hơn nữa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184.....	2740
722	Tâm định trên thân - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62	2743
723	Té khi kinh hành vì buồn ngủ - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212	2746
724	Té ngã - Thiền quán khi bị ngã và chứng quả - Kinh Dhammà – Tiểu III, 552	2748

- 725 Té xuống vì quá buồn ngủ - Kinh Kàtiyàna –
Tiểu III, 266 2749
- 726 Tô Ngưu - Kinh Con Tô Ngưu Một Sừng - Tiểu
I, 471 2752
- 727 Tìm cầu - 3 tìm cầu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy
- Tiểu I, 359 2766
- 728 Tìm không được bạn đường, Hơn mình hay
bằng mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43 2768
- 729 Tình cảm trai gái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106
.....2772
- 730 Tình yêu trai gái - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107
.....2773
- 731 Tín - 3 tín thành tối thượng - Kinh Phật Thuyết
Như Vậy - Tiểu I, 416.....2775
- 732 Tín - Lòng tin là tài sản tối thắng cho con người
- Kinh Alavaka - Tiểu I, 520 2778
- 733 Tín là hột giống - Kinh Bhàradvāja Người Cày
Ruộng - Tiểu I, 484.....2784
- 734 Tín tâm, sống giới hạnh, Đủ danh xưng tài sản -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89.....2790

- 735 Tóc - Hãy cạo tóc cho ta, Người cạo tóc đã đến
- Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156 2794
- 736 Tóc - Quán tánh bất tịnh của thân xác - Kinh
Sumedhà – Tiểu III, 716 2796
- 737 Tôi - Chấp tôi - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm
Hứng - Tiểu I, 176 2815
- 738 Tôi là - Mọi tư tưởng Tôi là, Tất cả phải chấm
dứt - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng -
Tiểu I, 744.....2823
- 739 Tôn giả Ananda - Việc làm lằng xằng này, Có
nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III,
124.....2831
- 740 Tôn giả Mahakassapa - Kinh Lời Cảm Hứng -
Tiểu I, 166.....2833
- 741 Tôn giả Mahà Moggallàna - 8 vi diệu trong đạo
Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208 ...2836
- 742 Tôn giả Mahà Moggallàna - Thấy bạn bị đánh
trên đầu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186
.....2847
- 743 Tôn giả Mahà Moggallàna - Xuất gia bảy ngày
chứng quả - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 2850

744 Tôn giả Mahākassapa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 121	2862
745 Tôn giả Meghiya - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176	2864
746 Tôn giả Nanda - Năm trăm Thiên nữ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152.....	2872
747 Tôn giả Nigrodhakappa - Kinh Vangisa - Tiểu I, 573.....	2878
748 Tôn giả Pilindavaccha - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165.....	2885
749 Tôn giả Pindolabhàradvāja - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191	2888
750 Tôn giả Sabhiya - Kinh Sabhiya - Tiểu I, 632	2889
751 Tôn giả Sundarika Bhàradvāja - Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607	2908
752 Tôn giả Sàriputta - Ba người em gái của Ngài - Kinh Calā – Tiểu III, 628.....	2923
753 Tôn giả Sàriputta - Bị đánh trên đầu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186.....	2926

754 Tôn giả Sàriputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 163	2929
755 Tôn giả Sàriputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192	2930
756 Tôn giả Sàriputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199	2931
757 Tôn giả Sàriputta - Nguyên soái chánh pháp - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444	2932
758 Tôn giả Sàriputta - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91	2944
759 Tôn giả Sàriputta - Tướng quân, Thừa tự Như Lai vị - Kinh Sela – Tiểu III, 399	2946
760 Tôn giả Upasena Vangantaputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198	2954
761 Tôn trọng - Là mũi tên nhỏ nhiệm, Thật khó được rút ra - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295.....	2956
762 Tại gia và xuất gia - Tương duyên nhau - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 445	2959

- 763 Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay đồi cao
- Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444.....2961
- 764 Tảng đá - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững,
không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170
.....2973
- 765 Tất cả - Ai không liễu tri tất cả, không thể diệt
khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 296
.....2975
- 766 Tất cả hành khổ đau, Với Tuệ quán thấy vậy -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85.....2977
- 767 Tất cả hành vô thường, Với Tuệ, quán thấy vậy
- Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85 2981
- 768 Tất cả hữu tình nào, Sẽ có mặt ở đời - Kinh Lời
Cảm Hứng - Tiểu I, 202.....2985
- 769 Tất cả pháp vô ngã, Với Tuệ quán thấy vậy -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85.....2987
- 770 Tầm cầu - 3 tầm cầu - Kinh Phật Thuyết Như
Vậy - Tiểu I, 359.....2991
- 771 Tầm cầu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I,
360.....2993

- 772 Tầm tứ - 3 tầm tứ bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396.....2995
- 773 Tầm tứ - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176.....2997
- 774 Tầm tứ - 2 tầm tứ Như Lai hành trì nhiều - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335.....3005
- 775 Tầm tứ - 3 bất thiện tầm và 3 thiện tầm - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408b.....3008
- 776 Tầm tứ - Tẩy sạch 3 ác tầm trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449...3011
- 777 Tầm tứ - Với ai, tầm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247 3014
- 778 Tầm tứ - Đời bị hỷ trối buộc, Suy tầm là sở hành - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806 3015
- 779 Tẩy sạch 3 ác tầm trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449 3018
- 780 Tẩy sạch 5 triền cái trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 451 3021
- 781 Tận cùng - Người đi đến tận cùng - Kinh Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791 3024

- 782 Tận cùng thế giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy
- Tiểu I, 448 3028
- 783 Tế lửa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125 3030
- 784 Tế thần - Ai tế tự Chánh pháp, Tế tự, không xan
tham - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435
.....3032
- 785 Tế thần - Bị cướp bắt đem tế thần nhưng không
sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370.....3034
- 786 Tỉnh thức giữa người ngủ, Vị ấy, đòi không
uống - Kinh Dhammapàla – Tiểu III, 179..3040
- 787 Tịch tịnh - Chứng bất tử, tịch tịnh - Kinh Thắng
Trận - Tiểu I, 526.....3042
- 788 Tịch tịnh - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16 3045
- 789 Tịch tịnh - Mong rằng ta sẽ được, Tịch tịnh thật
tối thượng - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42.....3047
- 790 Tịch tịnh - Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula
– Tiểu III, 221 3048
- 791 Tịch tịnh - Đạt được đạo tịch tịnh - Kinh Cùla
Gavaccha – Tiểu III, 22 3050

792	Tịch tịnh tối thượng - Kinh Yasadatta – Tiểu III, 248.....	3051
793	Tịch tịnh và chỉ tức - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11.....	3053
794	Tịnh Phạn Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312.....	3055
795	Tịnh Phạn Vương - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619	3060
796	Tịnh dịch - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 341.....	3063
797	Tịnh hạnh gọi Sa môn, - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106.....	3065
798	Tịnh xá - Cúng tịnh xá Thời Đức Phật Konàgama - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716	3074
799	Tịnh, không tịnh tự mình, Không ai thanh tịnh ai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63	3093
800	Tối thượng - Các pháp tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71.....	3096
801	Tốt Hơn sống một mình, Không kết bạn người ngu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94	3099

- 802 Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ một cục lửa -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419...3102
- 803 Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ như lửa hùng -
Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92.....3104
- 804 Tốt lành - Giới tốt lành, Pháp tốt lành, Tuệ tốt
lành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428
.....3107
- 805 Tốt thay, con la thuần, Thuần chủng loài ngựa
Sind - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94.....3110
- 806 Tồn giảm - 3 pháp tồn giảm cho vị hữu học -
Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 393...3113
- 807 Tội - Mưa rất là nặng hạt, Trên tội được che giấu
- Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280 3116
- 808 Tội lỗi - Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như
mây trời - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444 ...3119
- 809 Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói -
Kinh Revata – Tiểu III, 352.....3131

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tấm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý đọc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cầm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sanh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 Ta chính là con trai, Con chính tông đức Phật - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà.**

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,*

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

347. *Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

2 Ta chờ thời gian đến, Như thợ làm việc xong - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. **Me ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa.** Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn Tỷ-kheo được nói đến trong tập số Dhammapàla.**

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,

*Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,*

Tảng đá ấy ta thích.

*602. Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. Ta không thích thú chết,

*Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

3 Ta chờ thời gian đến, Tỉnh giác, giữ chánh niệm - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,

*Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.*

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

4 Ta chờ đợi thời đến, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III*, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

*195. Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tĩnh giác và chánh niệm.*

5 Ta cũng cày và cũng gieo - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvāja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là bất tử,
Sau cày bừa như vậy,
Mọi khổ được giải thoát.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!

Thế Tôn:

81. *Ta không hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.*

82. *Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.*

- *Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?*

- *Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.*

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

6 Ta hàng phục tất cả, Ta rõ biết tất cả - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái đục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Do vậy vì Tở kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Tở buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** lìa, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,

Hiếu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

7 Ta hưởng an ổn lạc, Phạm phu chưa hưởng được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,

Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu**."

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh **Trưởng Lão**.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.

Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

8 Ta khéo biết sanh hữu, Không cốt tửy, duyên thành - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quý,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sinh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

9 Ta không có sợ chết, Không ưa thích sanh mạng - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo Bàvari, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

10 Ta không có thọ dụng, Đồ ăn từ kệ tụng - Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607

Kinh Sundarika Bhàradvāja – *Tiểu I*, 607 (Sn 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở phía dân chúng Kosala, trên bờ sông Sundarikà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja đốt lửa thiêu trên bờ sông Sundarikà và đang cử hành các lễ tế lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradavāja, sau khi đốt lửa thiêu, sau khi cử hành các lễ tế lửa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bốn phương nghĩ rằng: "**Ai có thể ăn đồ ăn còn lại của lễ tế tự này?**"

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, đầu che trùm lại, thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja liền mở đầu ra. Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja nghĩ rằng: "Đầu trọc là vị này. Một kẻ đầu trọc là vị này", và muốn đi trở lại.

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja suy nghĩ: "Ở đây, cũng có một số Bà-la-môn trọc đầu. Vậy ta hãy

đi đến vị này và hỏi về thọ sanh". Rồi Bà-la-môn Sundaikabhàradvāja đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn:

- Thọ sanh của Tôn giả là thế nào?

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja những bài kệ:

Thế Tôn:

455. *Ta không phải Phạm chí,
Cũng không phải con vua,
Cũng không phải buôn bán,
Không phải là ai hết,
Do liễu tri giai cấp,
Của các hàng phàm phu,
Ta kẻ trí ở đời,
Bộ hành, không sở hữu.*

456. *Mang áo Tăng-già-lê,
Ta sống, không gia đình,
Với tóc được cạo sạch,
Tự ngã được an tịnh,
Ở đời Ta không nhiễm,
Với các thiếu niên nào,
Không xứng đáng, Ông hỏi,
Hỏi Ta về thọ sanh.*

Bà-la-môn:

457. *Thật sự, thưa Tôn giả,
Các vị Bà-la-môn,
Thường hỏi Bà-la-môn,
Có phải người Phạm chí?*

Thế Tôn:

*Nếu Ông nói lên rằng:
Ông là Bà-la-môn,
Và nếu Ông hỏi Ta,
Không phải Bà-la-môn,
Vậy Ta sẽ hỏi Ông,
Về Sàvitti này,
Gồm có mười hai câu,
Và hai mươi bốn chữ.*

Bà-la-môn:

458. *Do y tựa vào gì,
Các ẩn sĩ, loài Người,
Sát-đế-lị Phạm chí,
Đã tổ chức tế đàn,
Cho các hàng chư Thiên,
Rộng rãi trong đời này?*

Thế Tôn:

Vị nào đạt cứu cánh,

Vị nào hiểu Vệ-đà, (???)

Trong lễ tế đàn này,

Thọ hưởng đồ cúng dường,

Ta tuyên bố, nói rằng,

Lễ ấy được tăng thịnh.

Bà-la-môn:

459. *Chắc chắn tế đàn ấy,
Cúng dường được tăng thịnh.*

Vì chúng ta thấy được,

Vị am hiểu Vệ-đà, (???)

Nếu chúng ta không thấy,

Được một người như Ông,

Một người khác thọ hưởng,

Đồ cúng dường tế đàn.

Thế Tôn:

460. *Vì Ông, này Phạm chí,*

Đến Ta vì cần thiết,

Với mục đích rõ ràng,

Vậy nay Ta hỏi Ông,

Ông có thể tìm được,

*Một bậc trí ở đây,
An tịnh, không sân hận,
Không khổ, không tầm cầu?*

Bà-la-môn:

*461. Tôi vui trong tế đàn,
Tôn giả Gotama,
Tôi tha thiết ao ước,
Được cúng dường tế đàn,
Nhưng tôi không được biết,
Tôn giả hãy dạy tôi!
Hãy nói lên cho tôi,
Chỗ cúng dường tăng thịnh.*

Thế Tôn:

*Vậy này Bà-la-môn,
Hãy lắng tai mà nghe,
Ta nay sẽ vì Ông,
Tuyên thuyết pháp vi diệu.*

*462. Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về hạnh đức,
Thật vậy, từ củi gỗ,
Một ngọn lửa được sanh,
Từ gia đình thấp kém,*

Bạc ản sĩ, có trí,
Được huấn luyện thuần thực,
Được xấu hổ chế ngự.

463. Được chân thật huấn luyện,
Được **nhiếp phục chế ngự**,
Bạc đạt đến hiểu biết,
Phạm hạnh được viên thành,
Hãy đúng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vội vị Phạm chí nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Vội cúng dường như vậy.

464. Những vị nào **bỏ dục**,
Du hành, không gia đình,
Khéo chế ngự nhiếp phục,
Như con thoi trực chỉ.
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy,
Hãy tổ chức tế đàn,
Vội cúng dường như vậy.

465. Những vị đã **ly tham**,

Các căn khéo định tĩnh,
Như trăng được giải thoát,
Khỏi nanh vuốt Ràhu,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy,
Vậy vị Phạm hạnh nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

466. **Không tham** dính vật gì,
Họ du hành ở đời,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Từ bỏ ngã sở kiến,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vậy vị Phạm chí nào,
Muốn cầu nguyện công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

467. **Ai từ bỏ các dục,**
Tự nhiếp phục, du hành.
Ai biết sự chấm dứt,
Của sanh và sự chết,
Tịch tịnh và mát lạnh.
Mát lạnh như nước hồ.

Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

468. **Bình đẳng** kẻ bình đẳng,
Xa lánh không bình đẳng,
Như Lai chứng đạt được,
Trí tuệ không giới hạn,
Không bị dính, uế nhiễm,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

469. Trong ai không man trá,
Không sống với kiêu mạn,
Ai không có tham dục,
Không của ta, không cầu,
Phần nộ được đoạn trừ,
Tư ngã thật tịch tịnh,
Vị Bà-la-môn ấy,
Cầu uế, sâu muợn đoạn,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

470. Ai đoạn diệt hoàn toàn,
Mọi trứ xứ của **ý**,
Không còn có nắm giữ,
Sự vật gì ở đời,

Không còn có chấp thủ,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

471. Tâm ai thật **định tĩnh**,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Rõ biết được Chánh pháp,
Với tri kiến tối thượng,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Mang thân này tối hậu.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

472. Với ai, các **hữu lậu**,
Và **lời nói thô ác**,
Được đoạn tận chấm dứt,
Không còn có tồn tại,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Giải thoát mọi khía cạnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

473. Giữa những người nhiễm trước,
Vị ấy **không nhiễm trước**,
Giữa chúng sanh kiêu mạn,
Vị ấy không kiêu mạn,

*Liễu tri được đau khổ,
Kể cả ruộng và đất.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*474. Không dựa vào ước vọng,
Vị ấy thấy **viễn ly**,
Vượt qua sự hiểu biết,
Cùng tri kiến người khác,
Đối với mọi sở duyên,
Vị ấy đều không có,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*475. Vị ấy chứng tri được,
Các pháp gần hay xa,
Được đoạn trừ, chấm dứt,
Không còn có hiện hữu,
An tịnh, **không chấp thủ**,
Được hoàn toàn giải thoát.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*476. Thấy được sự đoạn tận,
Sanh diệt các **kiết sử**,
Trừ được đường tham dục,
Không còn lại dư tàn.*

Thanh tịnh, không lỗi lầm,
Không cầu uế, không nhiễm.
Nhu Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

477. Ai không thấy **tự ngã**,
Với tự ngã của mình,
Định tâm và chánh trực,
Kiên trì không dao động,
Vị ấy không có dục,
Không cứng cõi, phân vân.
Nhu Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

478. Với ai không còn nữa,
Nguyên nhân của **si mê**,
Biết rõ và thấy rõ,
Đối với hết thấy pháp,
Và mang nặng thân này,
Thân này thân cuối cùng.
Chứng đạt Chánh Đẳng Giác,
Vô thượng an ổn xứ,
Đạt cho đến như vậy,
Bậc Dạ-xoa thanh tịnh.
Nhu Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

Bà-la-môn:

479. *Đây đồ con cúng dường,
Đồ cúng dường chân thật,
Con đã tìm thấy được,
Bậc trí đức như vậy,
Phạm thiên hãy chứng giám,
Thế Tôn hãy chấp nhận,
Thế Tôn hãy thọ hưởng,
Đồ cúng dường của con.*

Thế Tôn:

480. *Ta không có thọ dụng,
Đồ ăn từ kệ tụng,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đây không phải là pháp,
Của những người có trí,
Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ,
Chỗ nào pháp an trú,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đấy chính là truyền thống.*

481. *Ông cần phải cúng dường,
Đồ ăn, đồ uống khác,
Bậc Đại sĩ toàn vẹn,*

*Đoạn tận các lậu hoặc,
Đã đoạn tận trao hối,
Không còn bị dao động,
Ngài chính là thừa ruộng,
Cho người cầu công đức.*

Bà-la-môn:

*482. Thế Tôn, con muốn biết,
Người có tin như con,
Ai có thể hưởng thọ,
Đồ cúng dường của con,
Trong khi lễ tế đàn,
Con phải tìm đến ai?
Lời Ngài dạy thế nào,
Con sẽ đạt cho được.*

Thế Tôn:

*483. Với ai, không xông xáo,
Với ai, tâm không động,
Giải thoát khỏi các dục,
Với ai bỏ hôn trầm.*

*484. Lãnh đạo kẻ biên giới,
Thiện xảo trong sanh tử,
Ấn sĩ đầy đủ tuệ,*

Đã đến lễ tế đàn.

485. *Nhiếp phục kiều ngạo xong,
Hãy chấp tay đánh lễ,
Cúng dường đồ ăn uống,
Cúng dường vậy tăng trưởng.*

Bà-la-môn:

486. *Ngài là bậc Giác Ngộ,
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài là ruộng phước đức,
Vô thượng, không gì hơn,
Vị tiếp nhận cúng dường,
Xứng đáng toàn thế giới.
Bố thí cho Tôn giả,
Kết quả thật to lớn.*

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvaja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người ***dựng đứng*** lại những gì bị quăng ngã xuống, hay ***phơi bày ra*** những gì bị che kín, hay ***chỉ đường*** cho kẻ lạc hướng, hay ***đem đèn sáng*** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con nay quy y Tôn

giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hãy cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama. Hãy cho con thọ đại giới.

Và Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja... trở thành một vị A-la-hán.

11 Ta không có tư duy, Những tư tưởng phàm phu - Kinh Sanjaya – Tiểu III, 59

Sanjaya – Tiểu III, 59 (48)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn giàu có.

Khi lớn lên, ngài theo gương Brahmàya, Pokkhanrasāti và các vị Bà-la-môn danh tiếng khác, các vị này khởi lòng tin bậc Đạo Sư và chứng được Sơ quả.

Về sau, ngài xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**. Nói lên chánh trí, ngài dùng bài kệ này:

*48. Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không có tư duy,
Những tư tưởng phàm phu,
Những tư niệm phi Thánh,
Liên hệ đến sân hận.*

12 Ta không gọi Phạm Chí, Vì chỗ sanh, mẹ sanh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. **Dứt ác** gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
N như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy nhẫn làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

13 Ta không hoan hỷ chết, Ta không hoan hỷ sống - Kinh Nisabha – Tiểu III, 172

Nisabha – *Tiểu III*, 172 (158)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong xứ các dân tộc Koliya, trong một gia đình dân tộc, được đặt tên là Nisabha.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh uy nghi đức độ của đức Phật trong trận chiến giữa dân tộc Sakka và dân tộc Koliya, khởi lòng tin, ngài xuất gia, chứng quả A-la-hán.

Thấy một Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh dùng thời gian của mình rất là uổng phí, nên ngài dùng những bài kệ này để khuyên răn vị ấy, và nói lên ngài thực hành những điều ngài nói:

195. *Sau khi đã từ bỏ,
Năm loại dục trưởng dưỡng,
Những vật thật khả ái,
Khiến tâm ý thích thú,
Với lòng tin, xuất gia,
Chấm dứt sự khổ đau.*

196. *Ta không hoan hỷ chết,*

*Ta không hoan hỷ sống,
Ta chờ đợi thời đến,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

14 Ta không hưởng vật dụng, Do kệ tụng đem lại - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvàja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là **bất tử,**
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ được giải thoát.**

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, **Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!**

Thế Tôn:

81. *Ta không hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.*

82. *Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.*

- *Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?*

- *Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.*

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

15 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Anna Kondanna – Tiểu III, 360

Anna Kondanna – *Tiểu III*, 360 (246)

Sanh trước Thế Tôn tại làng Donavatthu, không xa Kapilavatthu bao nhiêu, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có, ngài được gọi với tên gia tộc là **Kondanna**.

Lớn lên, ngài biết ba tập Vệ-đà và giỏi về đoán tướng. Khi bậc Bồ-tát mới sanh, ngài là một trong tám vị Bà-la-môn được mời đến *đoán tướng*. Dầu ngài mới học nghề, ngài thấy các tướng của bậc Đại nhân trên đũa bé và nói, vị này sau sẽ thành Phật. Rồi ngài sống, chờ đợi vị Bồ-tát xuất gia.

Khi vị Bồ-tát xuất gia, lúc *hai mươi chín* tuổi, Kondanna được nghe tin, liền xuất gia với bốn vị Bà-la-môn đoán tướng khác, như Vappa v.v... và trong *sáu năm* sống ở Uruvelà, gần vị Bồ-tát, khi vị Bồ-tát đang tu khổ hạnh. Lúc vị Bồ-tát không tu khổ hạnh nữa, các vị này chán chường bỏ đi đến Isipatana (chư Tiên đạo xứ).

Rồi đức Phật đến Isipatana, thuyết **kinh Chuyển Pháp Luân** cho họ, và Kondanna cùng hàng vạn

Phạm Thiên chúng chứng được Sơ quả. Đến **ngày thứ năm**, nhờ bài **kinh "Vô Ngã Tướng"**, Kondanna chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư trong buổi họp Tăng chúng ở tinh xá Kỳ Viên, đã xác chứng ngài là **bậc Đệ nhất** trong các hàng Tăng chúng Tỷ-kheo (Xem. Ang. i. 26).

Và trong một trường hợp khi Kondanna giảng về **Bốn sự thật**, đề cập đến ba tướng: Vô thường, Khổ, Vô ngã, với những phương pháp sai biệt, dựa trên Niết-bàn và giảng với sự lưu loát của đức Phật. Bài giảng ảnh hưởng mạnh mẽ đến Sakka (Đế Thích) khiến vị này thốt lên những bài kệ:

*673. Ta bội phần hân hoan,
Được nghe pháp vị lớn,
Pháp được giảng ly tham,
Hoàn toàn không chấp thủ.*

Trong một trường hợp khác, thấy tâm tư của một số người còn bị chi phối nặng nề bởi tà kiến, nên ngài nói lên bài kệ như sau:

*674. Trên thế giới đất tròn,
Nhiều màu sắc hình tướng,
Làm say đắm tâm tư,
Ta nghĩ là như vậy,*

Tướng tịnh rất hấp dẫn,
Liên hệ đến tham dục.

675. *Như gió thổi tung bụi,
Được mây trần áp xuống,
Các tư duy lắng dịu,
Khi thấy, với trí tuệ.*

676. *Mọi hành là vô thường,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

677. *Mọi hành là đau khổ,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

678. *Mọi pháp là vô ngã,
Khi thấy với trí tuệ,
Vị ấy nhằm chán khổ,
Đây con đường đến tịnh.*

Rồi ngài nêu rõ, ngài đã chứng được thiền quán ấy,
và nói lên chánh trí, ngài nói rằng:

679. *Trưởng lão Kondanna,*

Giác ngộ bởi giác ngộ,
Đã sắc bén thoát ly,
Đoạn tận sanh và chết,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được hoàn toàn viên mãn.

680. Hoặc bực lưu, bấy mỗi,
Hoặc cột trụ vững chắc,
Ngọn núi khó phá hoại,
Sau khi chặt phá xong,
Cột trụ và bấy mỗi,
Chặt tảng đá khó phá,
Hành thiền, vượt bờ kia,
Thoát khỏi Ma trói buộc.

681. Tỷ-kheo hoảng hốt động,
Đi đến các bạn ác,
Chìm trong bực lưu lớn,
Bị sóng lớn ngập tràn.

682. **Bậc trí không hoảng hốt,
Không dao động, thận trọng,
Các căn khéo chế ngự,
Làm bạn với kẻ thiện,
Bậc trí tuệ như vậy,
Có thể đoạn đau khổ.**

683. Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm, đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.

683. Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm, chịu đựng.

684. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.

685. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.

686. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.

687. Vì mục đích xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,

*Mục đích ấy, ta đạt,
Ta cần gì ở rừng.*

16 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua *Pasenadi*.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,*

*Ta không biết tư duy,
Trong thời gian dài này.*

647. Và ta biết **lòng từ**,
*Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.*

648. Là bạn thân tất cả,
*Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.*

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
*Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.*

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá không** động,
*Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,*

*Vị ấy như ngọn núi,
Không gì làm dao động.*

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

17 Ta không thích thú chết, Ta không thích thú sống - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Mẹ ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để **cứu ba ngàn** Tỷ-kheo được nói đến trong **tập số Dhammapàla**.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,

Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,
Hồi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.

599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.

600. **Người kẻ khác không hộ,**
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.

601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,

*Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,
Tặng đá ấy ta thích.*

*602. Ta sống trong rùng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

*603. Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

*604. Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

*605. Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tĩnh giác, giữa chánh niệm.*

18 Ta không thấy một triền cái nào khác... Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là **Vô minh triền cái**.*

Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Không có một pháp khác,
Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy lưu chuyển,
Như bao phủ bởi **si**.*

*Và ai đoạn diệt si,
Đâm thủng khối u ám,*

Họ không lưu chuyển nữa,

19 Ta liễu tri các uẩn, Ta khéo nhỏ tham ái - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong sự nghiệp giải thoát?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

20 Ta luân hồi nhiều đời, Chạy dài tìm không được - Kinh Mendasira – Tiểu III, 89

Mendasira – Tiểu III, 89 (78)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình một thị dân. Vì ngài giống con dê, ngài được tên là *Mendasira* (đầu dê).

Khi Thế Tôn ở Sàketa, tại rừng Anjana, Mendasira khởi lên lòng tin, xuất gia tu **chỉ và quán**, chứng được **sáu thắng trí**, ngài có thể nhớ đến các kiếp trước:

*78. Ta luân hồi nhiều đời,
Chạy dài tìm không được,
Với ta trong khổ sanh,
Khổ uẩn hay biến dạng.*

Và bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

21 Ta là con đức Phật - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

22 Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III, 221* (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua **dục** ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

23 Ta như voi giữa trận, Hứng chịu cung tên rơi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,

Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lẫn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. *Trước tâm này buông lung,
Chạy theo ái, dục, lạc,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.*

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Như vua bỏ nước bại,

Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

24 Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. *Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,*

*Khi đã được nhất tâm,
Chọn chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

25 Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một *ẩn sĩ* tu theo Bàvari, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

26 Ta sẽ chế ngự người, Như cửa khóa ngăn voi - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài** như sau:

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,

Người do thân sanh ra.

355. *Chế ngự người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này **tâm, kẻ phù thủy**,
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực**.*

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức nặng **tinh tấn**,
Người được ta áp lực,*

*Do vậy, hồi này tâm,
Người sẽ không xa ta.*

27 Ta sẽ giết nó - Nhiếp phục dục tướng - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đề tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tướng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "**Ta sẽ giết nó!**" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,
Che kín trùm tất cả.*

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chúng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

28 Ta sẽ không nằm xuống, Với đầu bị bẻ nát - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên **chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán** và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

29 Ta sống không mong chờ, đời này hay đời sau - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đưa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

30 Ta sống trong hạnh phúc, Thọ hưởng được pháp vị - Kinh Bandhura – Tiểu III, 110

Bandhura – Tiểu III, 110 (103)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Silavatì, con của một người nghị sĩ được đặt tên là *Bandhara*.

Một hôm, đi đến Sàvatthi có công việc, ngài đi với một số cư sĩ đến ngôi tinh xá, nghe Thế Tôn thuyết giảng, khởi lòng tin, **xuất gia và chứng quả A-la-hán**.

Để đền ơn vị vua của mình, đã giúp đỡ cho ngài thành công, ngài đi đến Silavatì để thuyết pháp, giảng cho vị vua về **Bốn sự thật**. Vị vua trở thành một Phật tử, xây dựng một ngôi tinh xá lớn đặt tên là Sudassana, cúng dường cho ngài. Ngài cúng dường tất cả cho giáo hội, đi khát thực như lúc trước và ngài muốn đi đến Sàvatthi. Các Tỷ-kheo nói với ngài: "*Hãy ở lại đây với chúng tôi, nếu Hiền giả thiếu thốn điều gì, chúng tôi sẽ tìm kiếm cho Hiền giả!*"

Ngài trả lời: "*Tôi không có cần điều gì khác, tôi sống với những gì tôi có được. Tôi tự bằng lòng với **vị của Chánh pháp***". Và ngài nói lên bài kệ:

103. Ta không có cần thiết,
Việc này hay vật này,
Ta sống trong hạnh phúc,
Thọ hưởng được pháp vị.
Sau khi uống vị ngọt,
Tối thượng và đệ nhất,
Ta sẽ không thân thiết,
Với thuốc độc nọc độc.

31 Ta thấy người cư sĩ, Trì pháp với lời nói - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tấm lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dẫu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?
Dẫu họ có tuyên bố:*

*"Các dục là vô thường!"
Họ **không** có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyện tiếc,
Vợ con và tài sản.*

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

32 Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà.**

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. **Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.**

345. **Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.**

346. **Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,**

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

347. *Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

33 Tai hoạ - Con chết, chồng chết, cha mẹ chết - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mồi

bờ ra cản chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bỗng đưa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rấn cản chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toại, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"**Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng**".*

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "*Ôi Patacàra, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm **chỗ nương tựa**. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống **giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn**".* Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,*

*Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ*

*một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không
thấy được sự thật ấy":*

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

*114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,*

*Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

*115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

34 Tai nạn - Cách quán khi gặp tai nạn - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

35 Tam Quy - Tiểu I, 9 copie

Tam Quy – *Tiểu I, 9* (Saranattaya)

Đệ tử quy y Phật,

Đệ tử quy y Pháp,

Đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ hai đệ tử quy y Phật,^[SEP]

Lần thứ hai đệ tử quy y Pháp,^[SEP]

Lần thứ hai đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ ba đệ tử quy y Phật,^[SEP]

Lần thứ ba đệ tử quy y Pháp,^[SEP]

Lần thứ ba đệ tử quy y Tăng.

36 Tam Quy - Tiểu I, 9

Tam Quy – Tiểu I, 9 (Saranattaya)

Đệ tử quy y Phật,

Đệ tử quy y Pháp,

Đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ hai đệ tử quy y Phật,^[SEP]

Lần thứ hai đệ tử quy y Pháp,^[SEP]

Lần thứ hai đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ ba đệ tử quy y Phật,^[SEP]

Lần thứ ba đệ tử quy y Pháp,^[SEP]

Lần thứ ba đệ tử quy y Tăng.

37 Tam bảo - 3 lòng tin tối thượng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 416 (Tik. V, 1) (It. 87)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tín thành tối thượng** này. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, so sánh các chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không có sắc, có tướng, không có tướng, hay không có tướng không không có tướng. **Như Lai** được xem là **tối thượng** đối với chúng, tức là bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tin thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tin thành nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.**

Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, **ly tham** được xem là **tối thượng** đối với họ, tức là kiêu mạn bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp nhận được nhỏ lên, lưu chuyển bị cắt đứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng

tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tin nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, **Tăng chúng đệ tử của Như Lai** được xem là **tối thượng**, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tin thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tin thành nơi tối thượng, này các Tỷ-kheo có ba quả dị thực là quả tối thượng.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Những ai có lòng tin,
Lòng tin nơi tối thượng,
Chính là sự rõ biết,
Biết Chánh pháp tối thượng.
Những ai có lòng tin,
Nơi **đức Phật** tối thượng,
Bậc Vô thượng xứng đáng,
Xứng đáng được cúng dường.
Những ai có lòng tin,
Nơi **Chánh pháp** tối thượng,
Những **pháp rời bỏ tham**,
An tịnh, thật tịnh lạc.*

Những ai có lòng tin,
Nơi **Tăng chúng tối thượng**.
Những ruộng phước công đức,
Vô thượng không gì hơn.

Những ai đã bố thí,
Với đối tượng tối thượng,
Công đức được tăng trưởng,
Tăng trưởng đến tối thượng.
Tho mạng được tối thượng,
Dung sắc cũng tối thượng,
Danh vọng, tiếng đồn tốt,
An lạc và sức mạnh.

Bậc trí có bố thí,
Bố thí vị tối thượng,
Vị định tĩnh, thiên định,
Trong Chánh pháp tối thượng,
Chư Thiên hay loài Người,
Đạt được sự tối thượng,
Họ sung sướng hân hoan.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

38 Tam bảo - 8 vi diệu trong biển lớn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp

qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Upasatha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Upasatha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Upasatha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Này các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Nay các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, phạm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông

Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vi mặn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cù, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì

rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là **trú xứ các loài sinh vật lớn**. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.**

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, **trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lình**. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lình. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhứt**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập

*tức bị quăng trên bờ hay vát lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và **đuổi người ấy ra khỏi****. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn giai cấp này**: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, **sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích***

tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mẫn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đáy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc,

vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. **Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và*

Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

39 Tam bảo - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14 copie

Kinh **Châu Báu** – *Tiểu I, 14* (Ratana Sutta)

1. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.
2. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với thấy mọi loài,
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.
3. Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,

Với **Như Lai Thiện Thệ**,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

4. **Đoạn diệt và ly tham**,
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Chứng Pháp ấy trong thiền,
Không gì sánh bằng được,
Với Pháp thù diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

5. Phật, Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp thù diệu trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

6. **Tám vị bốn đôi** này,

Được bậc thiện tán thán.
Chúng đệ tử Thiện Thệ
Xứng đáng được cúng dường.
Bồ thí các vị ấy
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi Tăng chúng
Là châu báu thù diệu
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc.

7. Các vị lòng ít dục
Với ý thật kiên trì
Khéo liên hệ mật thiết
Lời dạy Gô-ta-ma!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử**,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi Tăng chúng
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này
Được sống chơn hạnh phúc.

8. Như cây trụ cột đá
Khéo y tựa lòng đất
Dầu có gió bốn phương
Cũng không thể dao động
Ta nói bậc Chơn nhân,

Giống như thí dụ này,
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những **Thánh đế**,
Như vậy, nơi **Tăng chúng**,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

9. *Những vị khéo giải thích,
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu.*

Dầu họ có hết sức,
Phóng dật không chế ngự,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

10. *Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ,
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không,
Đối với bốn đọa xứ,*

Hoàn toàn được giải thoát.
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

11. Dầu vị ấy có làm,
Điều gì ác đi nữa,
Vớ thân hay vớ lời,
Kể cả vớ tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đậy việc làm ấy,
Việc ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

12. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng hạ nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết Bàn,

Pháp hạnh phúc tôi thượng,^[SEP]
Nhu vậy, nơi Đức Phật,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,
^[SEP]Mong với sự thật này,
^[SEP]Được sống chơn hạnh phúc.

13. Cao thượng biết cao thượng,^[SEP]
Cho đem lại cao thượng,^[SEP]
Bậc Vô thượng thuyết giảng,^[SEP]
Pháp cao thượng thù thắng,^[SEP]
Nhu vậy nơi đức Phật,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,^[SEP]
Mong với sự thật này,^[SEP]
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Nghiệp cũ đã đoạn tận,^[SEP]
Nghiệp mới không tạo nên,^[SEP]
Với tâm tư từ bỏ,^[SEP]
Trong sanh hữu tương lai,^[SEP]
Các hột giống đoạn tận,^[SEP]
Ước muốn không tăng trưởng,^[SEP]
Bậc trí chứng Niết Bàn,^[SEP]
Ví như ngọn đèn này,^[SEP]
Nhu vậy, nơi Tăng chúng,^[SEP]
Là châu báu thù diêu,^[SEP]
Mong với sự thật này,^[SEP]
Được sống chơn hạnh phúc.

15. Phàm ở tại đời này,^[SEP]

Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng, với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

16. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

17. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đánh lễ và cúng dường,
Mong rằng với hạnh này,

Mọi loài được hạnh phúc.

40 Tam bảo - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 14

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 14 (Ratana Sutta)

10. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi sanh linh,
Được đẹp ý vui lòng,
VẬY, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

11. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với tất cả mọi loài,
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật cúng dường,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp hộ trì họ.

12. *Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với **Như Lai Thiện Thệ**,
Như vậy, nơi Đức Phật,*

Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

13. **Đoạn diệt và ly tham**,

Bất tử và thù diệu,
Phật Thích-ca Mâu-ni,
Chứng Pháp ấy trong thiền,
Không gì sánh bằng được,
Vớ Pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Phật, Thế Tôn thù thắng,

Nói lên lời tán thán,
Pháp thù diệu trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh Pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

15. **Tám vị bốn đôi** này,

Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ

Xứng đáng được cúng dường.

Bồ thí các vị ấy.

Được kết quả to lớn.

Như vậy, nơi Tăng chúng.

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này.

Được sống chơn hạnh phúc.

16. Các vị lòng ít dục.

Với ý thật kiên trì.

Khéo liên hệ mật thiết.

Lời dạy Gô-ta-ma!

Họ đạt được quả vị.

Họ **thể nhập bất tử**.

Họ chứng đắc dễ dàng.

Hưởng thọ sự tịch tịnh.

Như vậy, nơi Tăng chúng.

Là châu báu thù diệu.

Mong với sự thật này.

Được sống chơn hạnh phúc.

17. Như cây trụ cột đá.

Khéo y tựa lòng đất.

Dầu có gió bốn phương.

Cũng không thể dao động.

Ta nói bậc Chơn nhân.

Giống như thí dụ này.

Vị thể nhập với tuệ.

Thấy được những **Thánh đế**,
Như vậy, nơi **Tăng chúng**,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

18. *Những vị khéo giải thích,*
Những sự thật Thánh đế,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu.

Dầu họ có hết sức,
Phóng dật không chế ngự,
Họ cũng không đến nỗi,
Sanh hữu lần thứ tám,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

10. *Vị ấy nhờ đầy đủ,*
Với chánh kiến sáng suốt,
Do vậy có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ,
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không,
Đôi với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát.
Vị ấy không thể làm,

Sáu điều ác căn bản,^{[L][SEP]}
N như vậy, nơi Tăng chúng,^{[L][SEP]}
Là châu báu thù diệu.^{[L][SEP]}
Mong với sự thật này,^{[L][SEP]}
Được sống chơn hạnh phúc.

11. Dầu vị ấy có làm,^{[L][SEP]}
Điều gì ác đi nữa,^{[L][SEP]}
Vớ thân hay vớ lời,^{[L][SEP]}
Kể cả vớ tâm ý,^{[L][SEP]}
Vị ấy không có thể,
^[SEP]Che đậy việc làm ấy,
^[SEP]Việc ấy được nói rằng,^{[L][SEP]}
Không thể thấy ác đạo.^{[L][SEP]}
N như vậy, nơi Tăng chúng,^{[L][SEP]}
Là châu báu thù diệu.^{[L][SEP]}
Mong với sự thật này,^{[L][SEP]}
Được sống chơn hạnh phúc.

12. Đẹp là những cây rừng,^{[L][SEP]}
Có bông hoa đầu ngọn,^{[L][SEP]}
Trong thán hạ nóng bức,^{[L][SEP]}
Những ngày hạ đầu tiên,^{[L][SEP]}
Pháp thù thắng thuyết giảng,^{[L][SEP]}
Được ví dụ như vậy.^{[L][SEP]}
Pháp đưa đến Niết Bàn,^{[L][SEP]}
Pháp hạnh phúc tối thượng,^{[L][SEP]}
N như vậy, nơi Đức Phật,^{[L][SEP]}

Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

13. Cao thượng biết cao thượng,
Cho đem lại cao thượng,
Bậc Vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng,
Như vậy nơi đức Phật,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

14. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai,
Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng,
Bậc trí chứng Niết Bàn,
Ví như ngọn đèn này,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

15. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,

Hoặc chính giữa hư không,

Hãy đánh lễ Đức Phật,

Đã như thực đến đây,

Được loài Trời, loài Người,

Đánh lễ và cúng dường,

Mong rằng, với hạnh này,

Mọi loài được hạnh phúc.

16. Phàm ở tại nơi này,

Có sanh linh tụ hội,

Hoặc trên cõi đất này,

Hoặc chính giữa hư không,

Hãy đánh lễ Chánh pháp,

Đã như thực đến đây,

Được loài Trời, loài Người,

Đánh lễ và cúng dường,

Mong rằng với hạnh này,

Mọi loài được hạnh phúc.

17. Phàm ở tại đời này,

Có sanh linh tụ hội,

Hoặc trên cõi đất này,

Hoặc chính giữa hư không,

Hãy đánh lễ chúng Tăng,

Đánh lễ và cúng dường,

Mong rằng với hạnh này,

Mọi loài được hạnh phúc.

41 Tam bảo - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 534 (Ratana Sutta) (Sn 39)

222. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi **sanh linh**,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

223. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với mọi loài, người.
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật **cúng dường**,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp họ trì họ.

224. Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,
Hay ở tại thiên giới,

Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Với **Như Lai, Thiện Thệ**,
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

225. **Đoạn diệt** và **ly tham**,
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích Ca Mâu-Ni,
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được,
Với pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

226. Phật Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp **thiền định** trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,

Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

227. **Tám vị bốn đôi** này,
Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bồ thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Nhu vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

228. Các vị lòng ít dục,
Vói ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gotama!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử**,
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Nhu vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

229. Như cây cột trụ đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dẫu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc chơn nhân,
Giống như ví dụ này.
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

230. Những vị khéo giải thích,
Những **sự thật Thánh đế**,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu,
Dẫu họ có hết sức,
Phóng dật không tư chế,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

231. Vị ấy nhờ đầy đủ,

Với **chánh kiến** sáng suốt,
Do vậy, có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không;
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát;
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

232. Dầu vị ấy có làm,
Điều ác gì đi nữa,
Với **thân** hay với **lời**,
Kể cả với **tâm ý**,
Vị ấy không có thể,
Che đây việc làm ấy,
Vị ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

233. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng ba nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết-bàn,
Pháp hạnh phúc tối thượng.
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

234. Cao thượng, biết cao thượng,
Cho, đem lại cao thượng,
Bậc vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng.
Như vậy, nơi đức Phật,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

235. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai.
Các hột giống đoạn tận,

*Ước muốn không tăng trưởng,
Bạc trí chứng Niết-bàn,
Ví như ngọn đèn này.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.*

236. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

237. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.

*Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

238. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ chúng Tăng,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

42 Tam bảo - Kinh Tam Quy - Tiểu I, 9

Tam Quy – *Tiểu I, 9* (Saranattaya)

Đệ tử quy y Phật,

Đệ tử quy y Pháp,

Đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ hai đệ tử quy y Phật,

Lần thứ hai đệ tử quy y Pháp,

Lần thứ hai đệ tử quy y Tăng.

Lần thứ ba đệ tử quy y Phật,

Lần thứ ba đệ tử quy y Pháp,

Lần thứ ba đệ tử quy y Tăng.

43 Tam bảo - Quy y tối thượng là thấy được Bốn Thánh đế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,

Khó thay, được sống còn,
Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,
Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ nào tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,

Có quy y như vậy,
Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

44 Tam canh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

621. *Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

622. *Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

623. *Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

624. *Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

625. *Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

626. *Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

45 Tam minh - Thế nào là Tam minh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 431 (Tik. V,10) (It. 98)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: *"Một Bà-la-môn có được **ba minh**, một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên"*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **nhớ đến người đời quá khứ**, ví như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như

thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là minh thứ nhất, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **Thiên nhân** thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Các vị chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người

đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Đây là minh thứ hai vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **diệt tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là minh thứ ba, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Người ấy, Ta tuyên bố,
Là vị Bà-la-môn,
Chớ không phải ai khác,
Chỉ mở miệng bập bẹ.*

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy đạt sanh (đã) diệt,*

*Thật là bậc ẩn sĩ,
Đã thành tựu thắng trí.*

*Ba mình này thành tựu,
Là Phạm chí ba mình,
Ta gọi vị như vậy,
Chính là **bậc Ba mình**,
Chớ không phải ai khác,
Do nói lời bập bẹ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

46 Tam minh - Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***róng tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. **Bậc Đạo Sư thấy ta**,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

47 Tan gia bại sản - Cửa vào của thất bại - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

48 Tekicchakàrì – Tiểu III, 256

Tekicchakàrì – Tiểu III, 256 (211)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một Bà-la-môn tên Subuddha. Ngài được các nhà giải phẫu cứu sống khi ngài mới sanh, vì vậy ngài được đặt tên là Tekicchakàrì (người được các bác sĩ cứu sống). Ngài lớn lên học các nghệ thuật và học thuật của giai cấp mình.

Phụ thân ngài vì trí tuệ và chánh sách của mình, nên bị vua Candagotta, vua Bà-la-nại ganh ghét và bỏ tù. Tekicchakàrì nghe vậy, sợ hãi bỏ trốn, lánh mình tại tinh xá của một vị Trưởng lão, và tường thuật cho vị ấy biết nỗi khó khăn của mình.

Vị Trưởng lão cho ngài xuất gia, *chọn cho ngài một đề tài tu tập* và ngài trở thành một Tỷ-kheo sống ngoài trời không kể gì lạnh nóng, hoàn toàn chú tâm vào tu tập cho được Thánh quả.

Ác ma sợ ngài thoát khỏi sự chi phối của mình nên muốn phá rối vị Trưởng lão, đến gần dưới hình thức một người mục đồng, khi gặt hái đã xong, muốn cảm dỗ ngài nên nói như sau:

381. Lúa đã gặt thâu xong,

*Gạo đã được đập, giã,
Nhưng một miếng, không có,
Ta sẽ làm gì đây?*

Vị Trưởng lão nghĩ rằng: *"Người này nói đến tình cảnh của nó. Nhưng ta cần phải giáo huấn ta! Không phải phân việc để ta thuyết giảng"*. Như vậy, vị Trưởng lão khuyên mình nên thiền quán trên ba quy y:

382. *Hãy niệm Phật vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.*

383. *Hãy niệm Pháp vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.*

384. *Hãy niệm Tăng vô lượng!
Tâm hân hoan thoải mái,
Thân thấm nhuần hỷ thọ,
Luôn luôn cảm phấn chấn.*

Rồi Ác ma, muốn ngài không sống hạnh viễn ly, làm như muốn lo cho ngài được hạnh phúc, nói rằng:

385. Ngài sống giữa ngoài trời,
Những đêm này giá lạnh
Chớ để lạnh hại ngài!
Hãy vào trong tịnh xá,
Cố cửa đóng then gài.

Vị Trưởng lão, nêu rõ ở trong nhà là một trói buộc
và ở ngoài trời là giải thoát, nên trả lời:

386. Ta sẽ cảm thọ được,
Với **bốn tâm vô lượng**,
Ta sẽ sống an lạc,
Với những tâm tư ấy,
Giá lạnh không hại ta,
Ta sống không dao động.

Nói vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiền quán** và
chứng quả A-la-hán.

Vì rằng vị Trưởng lão sống trong thời vua
Bindusàra, các bài kệ này cần được hiểu là được tụng
đọc vào kỳ kiết tập thứ ba như là thuộc Kinh tạng.

49 Tha hoá tự tại Thiên - 3 sanh khởi của dục - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 425

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 425 (Tik. V, 6) (It. 94)

Này các Tỷ-kheo, có **ba sanh khởi của dục**. Thế nào là ba?

- *Dục đối với sự vật hiện tại,*
- *Sự thích thú đối với sự vật mình tạo ra,*
- *Sự chấp nhận sự vật do người khác tạo ra.*

Này các Tỷ-kheo, có ba sanh khởi này của dục.

*Những ai có lòng **dục**,
Đối sự vật hiện tại,
Và các loại chư Thiên,
Chỉ phối các sự vật,
Do người khác tạo ra,
Chư thiên ưa thích thú,
Đối sự vật mình tạo,
Cùng các chúng sanh khác,
Thọ dụng các loại dục.*

***Thái độ người Hiền trí,
Đối thọ dụng các dục,***

*Trong đời này đời khác,
Từ bỏ tất cả dục,
Dầu thuộc về chư Thiên,
Và dục thuộc loài Ngươi.*

*Những ai được chặt đứt,
Dòng nước khó vượt qua,
Sự say đắm sự vật,
Thân ái và tốt đẹp,
Họ làm cho lắng dịu,
Không có vật dư thừa,
Họ vượt qua đau khổ,
Không còn chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy.*

*Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí.
Do họ thắng tri được
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.*

50 Thai - Có thai nhưng không biết, xin xuất gia - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

51 Thai - Mang thay bảy năm, đau đẻ bảy ngày - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 141

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 141 (Ud 15)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kundiyàya, trong rừng Kunditthàna. Lúc bấy giờ, Suppavàsa, con gái của vua xứ Koliya có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhức nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm:

- *"Thế Tôn thật là bậc Chánh Đẳng Giác, Ngài thuyết pháp để đoạn tận đau khổ này.*
- *Chúng đệ tử của bậc Thế Tôn ấy là khéo hành trì. Chúng hành trì để đoạn tận đau khổ này.*
- *Thật sự an lạc là Niết-bàn, tại đây khổ đau này không có mặt".*

Rồi Suppavàsa, con vua Koliya gọi người chồng của mình:

- Này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an khỏe mạnh, lạc trú

và thưa: "- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa con gái vua Koliya cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh ít nã, khinh an khỏe mạnh, lạc trú". Rồi hãy nói như sau: "Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhứt nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn ... Dầu nàng cảm giác những cảm thọ khổ đau, nhứt nhối, khóc liệt, thống khổ, nàng vẫn duy trì ba niệm... "

- Mong rằng Suppavàsa, con gái vua Koliya được an lạc, không bệnh, sanh đứa con không có bệnh hoạn. Với lời nói này của Thế Tôn, Suppavàsa, con gái Koliya, được an lạc không bệnh, để đứa con trai không bệnh.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Koliyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng

về Ngài rồi trở về nhà của mình. Koliyaputta thấy Suppavàsa, con gái vua Koliya, được an lạc, không bệnh, sanh đứa con trai không bệnh, thấy vậy liền suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay, thần lực và đại uy lực của Thế Tôn, khiến cho Suppavàsa con gái vua Koliya này, với lời nói của Thế Tôn được an lạc, không bệnh, sanh con trai không bệnh!". Nghĩ vậy, Koliyaputta hoan hỷ, thích thú, tâm sanh hỷ lạc.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, bảo người chồng mình:

- Hãy đi, này Phu quân, hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến nhân danh tôi, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và thưa: "*Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, có thai đến bảy năm và nay bị đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Mong Thế Tôn hãy nhận lời thọ bảy bữa cơm của Suppavàsa với chúng Tỷ-kheo*".

- Thật là tốt lành.

Koliyaputta đáp lại Suppavàsa, con gái vua Koliya, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Koliyaputta bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Suppavàsa, con gái vua Koliya, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn và nói như sau: Suppavàsa, có thai đến bảy năm... đau đẻ đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc, không bệnh và sanh đứa con trai không bệnh. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo..."

Lúc bấy giờ một nam cư sĩ khác đã mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là vị cầm đầu, ngày mai dùng cơm, người cư sĩ ấy là người hộ trì cho Tôn giả Moggallàna. Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Mahà Moggallàna:

- *Này Moggallàna, hãy đến người cư sĩ, sau khi đến, nói với người cư sĩ ấy như sau: "Này Hiền giả, Suppavàsa con của vua Koliya.. có thai đến bảy năm... đến ngày thứ bảy. Nay nàng được an lạc.. Nay nàng muốn mời chúng Tỷ-kheo dùng cơm trong bảy ngày. Hãy để cho Suppavàsa tổ chức bảy ngày cơm trước. Sau sẽ đến lượt người hộ trì cho người".*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn!

Tôn giả Mahà Moggallàna vâng đáp Thế Tôn rồi đi đến người cư sĩ ấy, sau khi đến nói với người cư sĩ:

- Này Hiền giả, Suppavàsa... Hãy để cho Suppavàsa con của Koliya tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên Ông.

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con ba pháp về **tài sản**, về **thọ mạng**, về **lòng tin**, hãy để cho Suppavàsa, con gái của vua Koliya, tổ chức trước, rồi sau đến phiên con.

- Nay Hiền giả, về hai pháp ta sẽ bảo đảm cho ông, về tài sản và về thọ mạng. Còn về lòng tin, thời ông phải tự bảo đảm!

- Thừa Tôn giả, nếu Tôn giả bảo đảm cho con hai pháp, về tài sản và về thọ mạng, hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày con trước. Rồi sẽ đến phiên con.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna, sau khi thuyết phục được người cư sĩ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, cư sĩ ấy đã được con thuyết phục. Hãy để cho Suppavàsa, con gái vua Koliya, tổ chức bảy ngày cơm trước, sau sẽ đến phiên người cư sĩ ấy.

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, trong bảy ngày mời chúng Tỷ-kheo với Thế Tôn là bậc dẫn đầu, tự tay mời và làm cho thỏa mãn với những món ăn thượng vị, loại cứng và loại mềm và khiến cho đứa trẻ đánh lễ Thế Tôn và toàn thể chúng Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả Sàriputta nói với đứa trẻ:

- *Này Con, Con có kham nhẫn được không? Con có nuôi sống được không? Con có đau khổ gì không?*

- Thừa Tôn giả, từ đâu con có thể kham nhẫn? Từ đâu con có thể nuôi sống? Từ đâu con không có đau khổ? **Con đã sống bảy năm trong các ghè đầy máu!**

Rồi Suppavàsa, con gái vua Koliya, nghĩ rằng: "Con ta đang nói chuyện với vị tướng quân về Pháp, hoan hỷ, tín thọ, với tâm hỷ lạc."

Rồi Thế Tôn nói với Suppavàsa, con gái vua Koliya:

- *Này Suppavàsa. Con có muốn một người con trai khác như vậy không?*

- Bạch Thế Tôn, con muốn có bảy người con trai như vậy!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

8. *Không vui, giả dạng vui,
Không ái, giả dạng ái,
Khổ đau, giả dạng lạc,
Nhiếp phục kẻ phóng dật.*

52 Tham - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 298

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 298 (Ek I, 9)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Tham**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Tham, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với tham, bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

53 Tham - Hãy từ bỏ tham, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 291

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 291 (Ek I, 1)
(It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Tham**, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các Thầy hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với **tham** bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

54 Tham sanh ra bất hạnh, Tham làm tâm dao động - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 410

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 410 (Tik. IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có **ba nội uế, nội thù này, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này**. Thế nào là ba?

- **Tham**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Sân**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Si**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

*Tham sanh ra bất hạnh,
Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ*

Đâu chính là lợi ích,
Người tham không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,
Như giọt nước lá sen.

Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ,
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có sân cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được sân,

Không sân việc đáng sân,
Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la,
Được chặt đứt khỏi cành.

Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy.
Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

55 Tham sân si - 3 căn bản bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 355

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 355 (Tik. I, 1) (It. 45)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba căn bản bất thiện** này. Thế nào là ba?

- **Tham** là căn bản bất thiện;
- **Sân** là căn bản bất thiện;
- **Si** là căn bản bất thiện.

Này các Tỷ-kheo, có ba căn bản bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Tham, sân, si làm hại,
Người có tâm ác độc,
Họ tự mình hiện hữu,
Như giả từ lỗi, vô.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

56 Tham sân si - Ai nhiếp phục phần nộ, Đang được đẩy khởi lên - Kinh Rắn - Tiểu I, 457

Kinh Rắn – Tiểu I, 457

1. Ai nhiếp phục **phần nộ**,
Đang được đẩy khởi lên,
Như dùng chất linh dược,
Ngăn độc rắn lan rộng,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

2. Ai cắt đứt **tham dục**,
Không còn chút dư tàn,
Như kẻ hái hoa sen,
Sanh ra từ ao hồ.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

3. Ai cắt đứt **tham ái**,
Không còn chút dư tàn,

*Làm cho nước cạn khô,
Dòng nước chảy nhanh mạnh,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

4. Ai phá hoại **kiêu mạn**,
*Không còn chút dư tàn,
Như nước mạnh tàn phá,
Cây cỏ lau yếu hèn,
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

5. Ai trong các **sanh hữu**,
*Không tìm thấy lỗi cây,
Như kẻ đi hái hoa,
Trên cây sung không hoa.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

6. Với ai trong nội tâm,
Không còn có phần hận,

*Đã vượt thoát ra khỏi,
Cả hữu và phi hữu.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

7. *Với ai những tâm tư,
Được làm cho tan biến,
Nội tâm khéo sửa soạn,
Không còn chút dư tàn.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

8. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Đã nhiếp phục toàn diện,
Hý luận chướng ngại này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

9. *Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

*Biết rõ được ở đời,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*10. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không có tham,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*11. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,
Từ bỏ, không tham dục,
Sự này toàn hư vọng.*

*Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.*

*12. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,*

Từ bỏ, ly **sân hận**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

13. Ai không đi quá trớn,
Cũng không quá chậm trễ,

Từ bỏ, ly **si ám**,
Sự này toàn hư vọng.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

14. Với ai, các tùy miên,
Hoàn toàn không hiện hữu,
Các nguồn gốc bất thiện
Được nhổ lên trơ sạch.

Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

15. Với ai, không có gì,
Do **phiền não** sanh khởi,

Làm duyên trở lui lại,
Về lại bờ bên này.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

16. Với ai, không có gì,
Do **rừng ái** sanh khởi,
Tạo nhân khiến trói buộc
Con người vào tái sanh.
Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.

17. Ai đoạn **năm triền cái**,
Không sầu khổ bức phiền,
Vượt qua được nghi hoặc,
Thoát mũi tên phiền não.
**Tỷ-kheo ấy từ bỏ,
Bờ này và bờ kia,
Như loài rắn thoát bỏ,
Da rắn cũ già xưa.**

57 Tham sân si - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 176* (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thăm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
*Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.*

58 Tham sân si - Bệnh và thuốc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 407

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 407 (Tik. IV, 6) (It. 80)

Này các Tỷ-kheo, hãy sống tùy quán bất tịnh trên thân, hãy khéo an trú niệm hơi thở vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm; hãy sống tùy quán vô thường trong tất cả các hành.

Này các Tỷ-kheo,

- Khi sống tùy **quán bất tịnh** trên thân, thời tham tùy miên đối với tịnh giới được đoạn trừ;
- Khi khéo an trú **niệm hơi thở** vô hơi thở ra, đặt niệm trước mặt, hướng về nội tâm, thời các tâm hướng ngoại, dự phần vào tổn hại không có.
- Khi sống tùy **quán vô thường** trong tất cả hành, thời vô minh trừ diệt, minh được khởi lên.

**Quán bất tịnh trên thân,
Niệm thở vô thở ra,
Tịnh chỉ tất cả hành,
Thường nhiệt tâm, chánh kiến,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Đã thấy rất chơn chánh,**

*Từ đây ở nơi đây,
Vị ấy được giải thoát,
Thắng trí được thành tựu,
Lắng dịu thật an tịnh,
Vị ân sĩ như vậy,
Chắc vượt khỏi ách nạn.*

59 Tham sân si - Cỏ làm hại ruộng vườn, Tham làm hại người đời - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhổ tận gốc ái,
Như nhổ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,

Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như giây leo mọc tràn,
Thấy giây leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưu thích các hỷ lạc,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trối buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Do vẫy ví Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,

Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** là, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,

Thấu suốt **từ vô ngại**,
Hiểu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,

Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

60 Tham sân si - Dù nắm áo đi theo nhưng xa vẫn xa - Kinh Phật Thuyết N hư Vậ y - Ti ểu I, 420

Kinh Phật Thuyết N hư Vậ y – Ti ểu I, 420 (Tik. V, 3) (It. 90)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo nắm lấy viền áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có **tham** ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, **thất niệm**, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, vì ấy xa hẳn Ta và Ta xa vì ấy. Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

*Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều **dục** bức phiền.*

*Hãy xem người như vậy,
Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục,
Và người không ái dục,
Xa giữa người lắng dịu
Và người không lắng dịu,
Xa giữa người tham ái,
Và người đã trừ ái.*

*Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
**Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ.***

*Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Và người được lắng dịu,
Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.*

61 Tham sân si - Hai mươi lăm năm không khởi dục tưởng, sân tưởng - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của **Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Ty-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy.**

Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hầu hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

1018. Hai lười và phần nộ,

*Xan tham, thích phá hoại,
Bạc trí không giao du,
Kẻ ác bạn kẻ xấu.*

*1019. Với bạc tin, dễ thương,
Với bạc trí, nghe nhiều,
Bạc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi *nữ cư sĩ Uttarà*, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say *Ambapàli*:

*1020. Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

*1021. Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.*

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chúng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

1022. *Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,
Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

1023. *Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

1024. *Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

1025. *Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,*

Thêm hai ngàn pháp nữa,

*Tổng cộng tám tư ngàn,
Là pháp ta chuyển vận.*

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đảng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thối nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

1029. Biết câu trước câu sau,

***Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Nắm giữ điều khéo nắm,
Suy tìm trên nghĩa lý.***

***1030. Chính nhờ đức kham nhẫn,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.***

***1031. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.***

***1032. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.***

***1033. Ưa pháp, vui thích pháp,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.***

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nằng chẵng,
*Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân** lạc,
Từ đâu, **Sa-môn** lạc?*

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi** nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. *Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.*

1036. *Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.*

1037. *Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.*

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bốn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bậc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1043. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1044. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.

1045. Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.

1046. Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ miễn ta.

1047. Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,
Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào để tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là **kho tàng sống động**,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

62 Tham sân si - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – Tiểu III, 89 (79)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,
Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

63 Tham sân si - Lửa nào bằng lửa tham, Chấp nào bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu ế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu ế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn cỏi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng **chỉ trích**,
Người ấy **lậu hoặc tăng**,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

64 Tham sân si - Lửa nào sánh lửa tham, Ác nào bằng sân hận - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

65 Tham sân si - Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 422 (Tik.
V, 4) (It. 92)

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba?
Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba
loại lửa này.

*Lửa **tham** đốt cháy người,
Say mê trong các dục,
Còn lửa **sân** đốt cháy,
Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,
Các loại có sanh mạng.
Còn lửa **si** đốt cháy,
Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,
Trong giáo pháp bậc Thánh.*

*Do **không** được biết rõ,
Các loại lửa như vậy,
Nên loài Người ưa thích,
Vui thích với có **thân**.
Họ làm cảnh địa ngục,
Được lớn mạnh tăng trưởng,*

*Kể cả giới bàng sanh,
Chỗ sanh xứ súc vật,
Cùng với A-tu-la,
Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,
Trói buộc của Ác ma.*

*Nhưng ai ngày và đêm,
Chú tâm vào, chuyên học,
Học những lời giảng dạy,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác.
Họ làm cho lắng dịu,
Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,
Tánh bất tịnh sự vật.*

*Với lòng thương, từ mẫn,
Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, chỉ tịnh,
Ngọn lửa của sân hận.*

*Còn **ngọn lửa si mê,**
Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến,
Thể nhập vào chân lý.*

*Bậc thân trọng sáng suốt,
Ngày đêm làm lắng dịu,
Các loại lửa như vậy,
Không có biết mệt mỏi,*

Họ làm cho lắng dịu,
Không một chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy,
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

66 Tham sân si - Người bị ác ma trói buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 373

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 373 (Tik. II, 9) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, với ai **tham** chưa đoạn tận, **sân** chưa đoạn tận, **si** chưa đoạn tận. Này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người bị trói buộc với Ác ma, bị bẫy lưới của Ác ma bao trùm, bị làm theo ý Ác ma muốn.*

*Này các Tỷ-kheo, với ai **tham** đã đoạn tận, **sân** đã đoạn tận, **si** đã đoạn tận, này các Tỷ-kheo, người ấy được gọi là người không trói buộc với Ác ma, được thoát khỏi bẫy lưới của Ác ma, không bị làm theo Ác ma muốn.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến

Với ai đã từ bỏ

Tham, sân và vô minh,

Vị ấy được gọi là

*Đã tu tập tự ngã,
Đã trở thành Phạm Thiên
Bậc Như Lai, Phật-đà,
Bậc đã vượt qua được,
Hận thù và sợ hãi,
Bậc đoạn tận tất cả,
Được gọi danh như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

67 Tham sân si - Người chưa vượt qua đại dương - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 374

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 374 (Tik. II, 10) (It. 57)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào, này các Tỷ-kheo, **tham chưa** đoạn tận, **sân** chưa đoạn tận, **si** chưa đoạn tận; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là vị chưa vượt qua đại dương, với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài La-sát.*

*Này các Tỷ-kheo, với Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo ni nào, **tham đã** đoạn tận, **sân** đã đoạn tận, **si** đã đoạn tận; này các Tỷ-kheo, vị ấy được gọi là: Đã vượt qua đại dương, với sóng biển, với sóng ngầm, với nước xoáy, với cá mập, với các loài la-sát, đã vượt qua bờ kia, là vị Bà-la-môn đã đứng trên đất liền.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với ai đã từ bỏ,
Tham, sân và vô minh,*

Vị ấy được gọi là,
Đã vượt qua biển này,
Vội cá mập, Dạ-xoa,
Vội sóng biển hãi hùng,
Rất khó được vượt qua,
Là vị vượt ác triền,
Đã từ bỏ **thần chết**,
Không còn có sanh y,
Đã từ bỏ đau khổ,
Không còn có tái sanh,
Đã đi đến mục đích,
Không thể ước lượng được,
Ta nói rằng vị ấy,
Làm ma vương si ám.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

68 Tham sân si - Tham sanh ra bất hạnh, dao động, sợ hãi - Kinh Phật Thuyết N hư Vậ y - Ti ểu I, 410

Kinh Phật Thuyết N hư Vậ y – Ti ểu I, 410 (Tik. IV, 9) (It. 83)

Này các Tỷ-kheo, có **ba nội uế, nội thù này, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này**. Thế nào là ba?

- **Tham**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Sân**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.
- **Si**, này các Tỷ-kheo, là nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch.

Này các Tỷ-kheo, có ba nội uế, nội thù, nội đối thủ, nội sát nhân, nội thù địch này.

*Tham sanh ra bất hạnh,
Tham làm tâm dao động,
Tham chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết
Loại tham đặc biệt ấy.
Người tham không biết rõ*

Đâu chính là lợi ích,
Người tham không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có tham cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được tham,
Không tham vật đáng tham,
Với ai tham đoạn trừ,
Như giọt nước lá sen.

Sân sanh ra bất hạnh,
Sân làm tâm dao động.
Sân chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng sân đặc biệt ấy.
Người sân không biết rõ,
Đâu chính là lợi ích,
Người sân không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp.
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có sân cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được sân,

Không sân việc đáng sân,
Với ai, sân đoạn trừ,
Như quả cây ta-la,
Được chặt đứt khỏi cành.

Si sanh ra bất hạnh,
Si làm tâm dao động,
Si chính là sợ hãi,
Sanh ra từ bên trong,
Loài Người không rõ biết,
Lòng si đặc biệt ấy.
Người si không rõ biết,
Đâu chính là lợi ích,
Người si không thấy được,
Đâu chính là Chánh pháp,
Mù lòa và tối tăm,
Sẽ xuất hiện, có mặt,
Ở nơi một người nào,
Có si cùng chung sống.

Ai đoạn trừ được si,
Không si việc đáng si,
Vị ấy quét sạch được,
Tất cả mọi si ám,
Như mặt trời mọc lên,
Quét sạch mọi tăm tối.

69 Tham sân si - Từ đâu tham, sân, sợ hãi, thích, ghét, suy nghĩ sanh khởi_ - Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551

Kinh Sùciloma – Tiểu I, 551 (Sn 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Gayà, ở Tamkitamanca tại trú xứ của Dạ-xoa Sùciloma. Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara, Dạ-xoa Sùciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Sùciloma: Đây là Sa-môn. Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi Dạ-xoa Sùciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến co xát thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi Dạ-xoa Sùciloma nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?
- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông, **nhưng xúc chạm với Ông là ác.**
- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.

- Nay Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ác ma và Phạm Thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta, sẽ quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, nay Hiền giả, Ông cứ hỏi Ta như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa Sùciloma với câu kệ nói với Thế Tôn:

Sùciloma:

270. *Từ những nguyên nhân nào,
Tham và sân khởi lên?*

Không ưa thích, ưa thích?

Sợ hãi từ đâu sanh?

Từ đâu được sanh khởi,

Các suy tầm của ý?

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay?

Thế Tôn:

271. *Từ những nguyên nhân này,*

Tham, sân *được khởi lên,*

Không ưa thích, ưa thích,

Sợ hãi *từ đây sanh,*

Từ đây được sanh khởi,

Các suy tầm của ý,

*Như đứa trẻ độc ác,
Thả cho con quạ bay.*

272. ***Sự hiện hữu của ngã,***
*Chính do **thân ái** sanh,
Như các loại cây bàng,
Do thân cây bàng sanh.
Sự triền phược các **dục**,
Thật rộng lớn vô cùng,
Như cây Máluvà,
Tỏa rộng lan khắp rừng.*

273. *Hãy nghe! Này Dạ-xoa,
Những ai được rõ biết,
Từ đâu, khiến sanh khởi,
Họ tẩy sạch nhân ấy.
Họ vượt qua dòng nước,
Chảy mạnh khó vượt này,
Trước chưa được vượt qua,
Không còn có tái sanh.*

70 Tham vị - Người siêng tham đắm vị, Bỏ dích đem an lạc - Kinh Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyaṇa – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujjeni trong gia đình của vị cô vãn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujjeni để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy, và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.

499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,

Với vua hỏi về con mộng:

500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,

501. **Có mắt, như kẻ mù,**
Có tai như kẻ điếc,
Có trí, như kẻ ngu,
Có sức, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nằm như kẻ chết nằm.

71 Tham vị - Nếu tham vị khởi lên, Hãy nghĩ dụ thịt con - Kinh Brahmadata – Tiểu III, 277

Brahmadatta – *Tiểu III, 277 (221)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadata.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **nghĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

72 Tham vị - Nếu tham đắm các vị, Ý không vui tu thiền - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì và đặt tên là **Upasena (anh của Sàriputta)**. Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn **nhẫn** nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí **tin** tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

73 Tham ái - Ai có một trăm người thân yêu, người ấy có trăm sự đau khổ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 286

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 286 (Ud 91)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Đông Viên, Lộc Mầu giảng đường. Lúc bấy giờ, người cháu trai của Visàkhà mẹ của Migàra khả ái và dễ thương bị mệnh chung. Và Visàkhà mẹ của Migàra, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, thật sáng sớm đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Visàkhà, mẹ của Migàra, đang ngồi một bên:

- *Này Visàkhà, Bà từ đâu đến, với áo ướt đầm, với tóc đầm ướt, đi đến đây quá sớm như vậy?*

- Bạch Thế Tôn, đứa cháu khả ái dễ thương của con đã mệnh chung. Cho nên con, với áo đầm ướt, với tóc đầm ướt, con đến đây sáng sớm như vậy.

- Này Visàkhà, Bà có muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và là cháu của Bà không?

- Bạch Thế Tôn, con muốn tất cả người ở Sàvatthi là con và cháu của con.

- *Nhưng này Visàkhà, có bao nhiêu người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày?*

- Bạch Thế Tôn, có mười người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày, chín... tám... bảy.. sáu... năm... bốn... ba.. hai. Bạch Thế Tôn có một người ở Sàvatthi mạng chung hàng ngày. Bạch Thế Tôn, Sàvatthi không có thoát được số người bị chết!

- *Bà nghĩ thế nào, này Visàkhà? Như vậy Bà có khi nào được khỏi vải bị ướt, hay tóc khỏi bị ướt không?*

- Thưa không, bạch Thế Tôn! **Thật là vừa đủ cho con, bạch Thế Tôn, số nhiều như vậy về con và về cháu!**

- Này Visàkhà, ***những ai có một trăm người thân yêu, những người ấy có trăm sự đau khổ!*** Những ai có *chín* mười người thân yêu, những người ấy có chín mười sự đau khổ! Những ai có tám mười người thân yêu, những người ấy có *tám* mười sự đau khổ! Những ai có *bảy* mười.. có *sáu* mười... có *năm* mười... có *bốn* mười... có *ba* mười.. có *hai* mười... có *mười*.. có *chín*... có *tám*... có *bảy*..có *sáu*.. có *năm*... có *bốn*... có *ba*... có *hai*... có một người thân yêu, những người ấy có một sự đau khổ. ***Những ai không có người thân yêu, những người ấy không có sự đau khổ. Ta nói rằng họ là người không có sầu, không có tham đắm, không có ưu não.***

8. Sầu, than và đau khổ,

*Sai biệt có ở đời,
Duyên thân ái, chúng có,
Không thân ái, chúng không.*

*Do vậy, người an lạc,
Người không có sầu muộn,
Là những ai ở đời,
Không có người thân ái.*

*Do vậy ai tha thiết,
Được không sâu, không tham,
Chớ làm thân làm ái,
Với một ai ở đời.*

74 Tham ái - Phẩm Tham Ái - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái đục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,

Do vây vì Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** lìa, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,

Hiếu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

75 Tham ái - Đội quân của ác ma - Kinh Tĩnh Căn - Tiểu I, 600

Kinh Tĩnh Căn – Tiểu I, 600 (Sn 74)

Thế Tôn:

425. Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tỉnh cần tỉnh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.

426. Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.

427. Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.

428. Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tỉnh tấn làm gì?

429. *Khó thay, đường tình tẩn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tình **tẩn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tình tẩn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tình tẩn?

434. **Dầu máu có khô cạn,**

*Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền **định**.*

435. Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.

436. **Dục**, **đội quân thứ nhất**.
Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái**.

437. Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố**.

438. **Lợi, danh** và **cung kính**,
Danh vọng được tà vạy,
Ai **tự đề cao mình**,
Hủy báng các người khác.

439. Ôi, này Na-mu-ci,

Đây là quân đội Ngươi,

Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
*Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.*

444. **Nhiếp phục được tâm tư,
Khéo an trú chánh niệm,**

Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Ngươi không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muợn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. *Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.*

449. *Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.*

76 Tham ái sinh sầu ưu, Tham ái sinh sợ hãi - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73

Phẩm Hỷ Ái – *Tiểu I*, 73

209. Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.
Bỏ đích, theo **hỷ ái**,
Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác,
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do **ái** sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. **Ái luyến** sinh sầu ưu,

Ái luyện sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyện
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. **Hỷ ái** sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. **Dục ái** sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. **Tham ái** sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi.

217. Đủ giới đức, chánh kiến,
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng **pháp ly ngôn**
Ý cảm xúc thương quả
Tâm thoát ly ác dục,

Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia,
Như thân nhân, đón chào.

77 Thanh liêm - Làm chung mới biết liêm khiết của người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 234 (Ud 64)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiền tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khát sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị hỏa thiêu, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "*Thưa chư Tôn giả, con là vua Pasenadi nước Kosala!*"

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lỏa thể, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương **thật khó biết được** các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

- Thưa Đại vương, chính phải **cộng trú** mới biết được **giới đức** của một người và như vậy **phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.**
- Thưa Đại vương, chính phải có **liên hệ** mới biết được **sự thanh liêm** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.

- Thừa Đại vương, chính trong thời gian **bất hạnh** biết được **sự trung kiên** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.
- Thừa Đại vương, chính phải **đàm luận** biết được **trí tuệ** của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trình thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớt, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ sẵn sàng và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

2. *Phải siêng năng cố gắng,
Tại bất cứ chỗ nào,*

*Chớ trở thành là người
Thuộc vào con người khác.
Chớ có sống ý lại,
Nương tựa vào người khác,
Chớ sống nghề buôn bán,
Đem pháp để kiếm lời.*

78 Thanh lương - Không chậm, tỏ chậm chạp, Thường sống thật thanh lương - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tình trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

*1005. **Như ngôi thành biên địa,**
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muôn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

79 Thanh lọc tâm - Cày bừa là như vậy, Được quả là Bất tử - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvàja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là **bất tử,**
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ được giải thoát.**

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, **Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!**

Thế Tôn:

81. Ta **không** hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

80 Thanh tịnh - 3 thanh tịnh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 372 (Tik. II, 7) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thanh tịnh** này. Thế nào là ba? **Thân** thanh tịnh, **lời** thanh tịnh, **ý** thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Thân và lời thanh tịnh,
Và ý cũng thanh tịnh,
Không có các lậu hoặc,
Đây đủ sự thanh tịnh,
Vị như vậy được gọi,
Đã từ bỏ tất cả.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

81 Thanh tịnh - Ai vượt qua được sanh già_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda - Tiểu I, 794

Câu hỏi của thanh niên 7 Nanda – *Tiểu I*, 794

Nanda:

1077. *Tôn giả Nan-da nói:*

Quần chúng có nói rằng:

Có ẩn sĩ ở đời,

Ngài nghĩ như thế nào?

Chúng gọi là ẩn sĩ,

Vị có đầy đủ trí?

Hay vị đầy đủ mạng?

Thế Tôn:

1078. *Các bậc thiện nói rằng:*

Ở đời này Nan-da,

Không phải vì tri kiến,

Vì truyền thống, vì trí,

Được gọi là ẩn sĩ,

Ta chỉ gọi ẩn sĩ,

Những ai diệt quân lực,

Không phiền não, không cầu.

Nanda:

1079. Tôn giả Nan-đa thưa:

Có Sa-môn, Phạm chí,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm?
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp?
Bạch Thế Tôn, như vậy,
Là sở hành của chúng,
Vậy Ngài nghĩ thế nào,
Chúng có thể vượt qua,
Sanh và già thừa Ngài?
Con kính hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1080. Thế Tôn nói: Nan-đa!
Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Dầu chúng ở tại đây,
Vội sở hành như vậy,

*Ta nói chúng không vượt,
Khỏi sanh và khỏi già.*

Nan-da:

1081. Tôn giả Nan-đa thưa:

Sa-môn, Phạm chí này,
Nói rằng sự thanh tịnh,
Là nhờ thấy, nhờ nghe;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do giới cấm;
Có người lại nói rằng:
Thanh tịnh do nhiều pháp.
Thưa ẩn sĩ, Ngài nói:
Chúng không vượt bực lưu,
Vậy ai có thể được,
Giữa thế giới Trời, Người,
Có thể vượt qua được,
Sanh và già, thưa Ngài,
Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời con.

Thế Tôn:

1082. Thế Tôn nói: Nan-đa

Ta không nói tất cả,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Bị sanh già che lấp.

Những ai ở đời này,

*Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua được bậc lưu.*

Nanda:

1083. Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời Đại sĩ Cù-đàm,
Được Ngài khéo thuyết giảng,
Về chấm dứt sanh y,
Những ai ở đời này,
Đoạn tận khắp tất cả,
Điều được nghe, được thấy,
Được cảm tưởng, giới cấm,
Và đoạn nhiều pháp khác,
Liễu tri ái, vô lậu,
Ta nói những người ấy,
Vượt qua khỏi bậc lưu.

82 Thanh tịnh - Người sống đời an tịnh, Kiến và Giới thế nào_ - Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại - Tiểu I, 722

Kinh Trước Khi Bị Hủy Hoại – *Tiểu I, 722*

Người hỏi:

848. *Người sống đời an tịnh,*

Kiến và giới thế nào?

Con hỏi Gotama,

Là bậc người tối thượng.

Thế Tôn:

849. *Thế Tôn đáp như sau:*

Ly ái trước thân hoại,

Không y chỉ ban đầu,

Không y chỉ cuối cùng,

Không kể đến vật giữa,

Không có ưa thích nào.

850. *Không phần nộ, không sợ,*

Không khoa đại, không hối,

Nói hòa nhã, không động,

Bậc ẩn sĩ thận ngôn.

Không ước vọng tương lai,

*Không sâu muộn quá khứ,
Thấy viễn ly giữa xúc,
Không để kiến dắt dẫn.*

852. *Sống riêng, không man trá,
Không thích, không xan tham,
Không xông xáo, nhàm chán,
Không đi đến hai lười.*

853. *Không mê vật khả ái,
Cũng không có quá mạn,
Nhu hòa, nhưng ứng biện,
Không vọng tín, không tham.*

854. *Không tu tập vì lợi,
Không được lợi, không sân,
Không bị ái kích thích,
Không đam mê các vị.*

855. ***Thường trú xả, chánh niệm,**
Ở đời, không nghĩ mình,
Bằng, hơn, hay thua người,
Vị ấy, không bông bột.*

856. *Không y chỉ một ai,
Biết pháp, không y chỉ,
Vị ấy không có ái,*

Đối với hữu, phi hữu.

857. *Ta gọi vị an tịnh,
Không mong cầu các dục,
Vị ấy không triển phược,
Vượt khỏi các tham trước.*

858. *Vị ấy không con cái,
Thú vật, ruộng, đất đai,
Không có gì nắm lấy,
Là ta, là không ta.*

859. *Phàm phu có buộc tội,
Hoặc Sa-môn, Phạm chí,
Vị ấy không quan tâm,
Trong lời nói không động,*

860. *Không tham, không xan lẫn,
Ẩn sĩ không nói cao,
Không nói bằng, nói thấp,
Không đi đến thời kiếp,
Vị ấy vượt khỏi,
Sự chi phối thời kiếp.*

861. ***Ai không có vật gì,
Không có, không sâu muộn,
Không đi đến các pháp,***

*Vị ấy gọi **an tịnh**.*

83 Thanh tịnh - Ta trong sạch thuần tịnh, Thừa tự bậc trong sạch - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. *Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.*

345. *Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.*

346. *Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,*

*Với ý nghĩa chân thật,
Ta như lý quán sát.*

*347. Ta tẩy sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

*348. Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

84 Thanh tịnh - Thanh tịnh nhờ xả niệm, Suy tư pháp đi trước - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiên,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,
Với nội và ngoại **thọ**,

*Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.*

85 Thanh tịnh - Tịnh, không tịnh tự mình, Không ai thanh tịnh ai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm,**
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Để làm các điều ác,**
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thi,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.

Tĩnh, không tĩnh, tự mình,
Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

86 Thanh tịnh pháp sanh khởi, Thanh tịnh hành tiếp tục - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – Tiểu III, 370 (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ họp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

87 Thanh tịnh đạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – *Tiểu III, 422* (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tể nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiền nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vải từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vô-lu-và,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

88 Thanh văn - Bậc nghe nhiều trì pháp, Hãy gần gũi người ấy - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bạc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

89 Thiên chủ Sakka - Bồ thí khéo an trú vào Kassapa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 166

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 166 (Ud 29)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Mahakassapa, trú ở hang Pippali, ngồi một thế ngồi kiết-già trong bảy ngày, sau khi nhập vào một loại thiền định. Rồi Tôn giả Mahakassapa, sau bảy ngày, xuất khỏi định ấy, Tôn giả Mahakassapa, sau khi xuất khỏi định ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Ràjagaha để khát thực!". Lúc bấy giờ năm trăm chư Thiên đang cố gắng lo cho Tôn giả Mahakassapa được đồ ăn khát thực. Rồi Tôn giả Mahakassapa sau khi khước từ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Ràjagaha để khát thực.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka muốn cúng dường đồ ăn khát thực cho Tôn giả Mahakassapa, hóa thân làm người thợ dệt đang dệt chỉ Sujàta, thiếu nữ Asura đang làm cho đầy cái thoi. Rồi Tôn giả Mahakassapa, sau khi đi từng nhà khát thực ở Ràjagaha, đi đến trú xứ của Thiên chủ Sakka. Thiên chủ Sakka thấy Tôn

giả Mahakassapa từ xa đi đến, sau khi thấy, liền ra khỏi nhà, tiếp đón, lấy bát từ nơi tay cầm đem vào nhà, bới cơm từ nơi nồi, đựng đầy bát và đưa lại cho Tôn giả Mahakassapa. Đồ ăn khát thực ấy gồm có nhiều loại canh, nhiều loại món ăn, nhiều loại gia vị, món ăn trộn lẫn với nhau.

Rồi Tôn giả Mahakassapa suy nghĩ: "Ai là chúng sanh này, lại có thần lực uy lực như vậy?" Rồi Tôn giả Mahakassapa suy nghĩ: "Chính là Thiên chủ Sakka", sau khi biết vậy, nói với Thiên chủ Sakka:

- "Này Kosiya, chính Ông đã làm sự việc này. Chớ làm như vậy nữa!"

- Thừa Tôn giả Kassapa, **mục đích của chúng tôi là được phước**. Điều chúng tôi cần làm là được phước.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahakassapa, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên trên hư không, và ở giữa hư không nói lên ba lần cảm hứng: "Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!"

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe giữa hư không Thiên chủ Sakka nói lên ba lần lời cảm hứng: "Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!"

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Vị Tỷ-kheo khát thực,
Tự sống không nhờ người,
Chư Thiên thương vị ấy,
Thường an tịnh chánh niệm.*

90 Thiên giới - Ta tự mình biết, tự mình thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 379

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 379 (Tik, III, 2) (It. 59)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu **thân** làm **thiện**, thành tựu nói **lời** thiện, thành tựu **ý** nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.*

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩa thiện không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

*Và này các Tỷ-kheo, vì rằng **Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng:***

"Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Dẫn **ý** vào đường chánh,
Nói những **lời** chánh ngữ,
Với **thân** làm nghiệp chánh,
Người ở đời làm vậy.
Nghe nhiều học hỏi nhiều
Làm các việc công đức,
Ở đây sống trong đời,
Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với trí tuệ.
Người ấy làm như vậy,
Được sanh lên cõi Trời.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

91 Thiên nhân - Bị Thiên nhân khích lệ, tinh tấn và chứng quả - Kinh Isidinna – Tiểu III, 167

Isidinna – *Tiểu III*, 167 (154)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Sunàparanta, trong gia đình một vị chức sắc, được đặt tên là Isidinna.

Khi lớn lên, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành khi ngôi nhà bằng trầm hương được dâng cúng, với tấm lòng hân hoan đối với bậc Đạo Sư, ngài nghe pháp, trở thành bậc Dự lưu.

Dầu còn sống đời sống thế gian, một Thiên nhân khích lệ ngài như sau:

187. *Ta thấy người cư sĩ,
Trì pháp với lời nói,
"Các dục là vô thường",
Họ ưa thích ái luyến,
Châu báu và vòng nhẫn,
Họ đón chờ vợ con.*

188. *Thật sự họ không biết,
Pháp như thật là gì?*

Đầu họ có tuyên bố:
"Các dục là vô thường!"
Họ không có sức mạnh,
Để cắt đứt tham ái,
Do vậy, họ luyến tiếc,
Vợ con và tài sản.

Khi người cư sĩ nghe vậy, ngài cảm thấy xúc động, xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Nói lên chánh trí của ngài, ngài lập lại những bài kệ trên.

92 Thiên nhân - Kiết tập Kinh lần thứ nhất - Kinh Khujja Sobhita – Tiểu III, 196

Khujja Sobhita – Tiểu III, 196 (175)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Pàtaliputta trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là Sobhita. Vì ngài hơi còm, ngài được gọi là Khujja Sobhita (còm lưng).

Khi đến tuổi trưởng thành, đức Bôn Su vừa diệt độ, ngài được Tôn giả Ananda độ cho xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Trong kỳ kiết tập thứ nhất, ngài được bảo mời Tôn giả Ananda đến dự đại hội. Lúc ấy, các **thiên nhân** cử một thiên nhân đứng ở cửa hang để chặn đứng các hành vi thù nghịch của Ác ma, và khuyên Sobhita tuyên bố sự có mặt của mình cho thiên nhân ấy, với những bài kệ như sau:

*233. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pàtaliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,*

*Đứng ở tại cửa vào,
Tên là Sobhita,
Có tật, bị còm lưng.*

Rồi vị **thiên nhân** tuyên bố cho chúng Tỷ-kheo biết sự có mặt của Khujja Sobhita:

*234. Giữa các vị Sa-môn,
Sống Pataliputta,
Những vị luận thuyết giỏi,
Những vị có nghe nhiều,
Có một vị tuổi lớn,
Đứng ở tại cửa vào,
Vị ấy đã đến đây,
Theo ngọn gió đưa đến.*

Rồi chúng Tăng cho phép, vị Trưởng lão đến trước chúng Tăng và nói lên chánh trí của mình.

*235. Vị ấy khéo chiến đấu,
Vị ấy khéo tế tự,
Trên chiến trường chiến đấu,
Vị ấy đã chiến thắng,
Với Phạm hạnh tích lũy,
Vị ấy đạt an lạc.*

93 Thiên nhân - Ông không phải là Alahán - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 126 (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Bàhiya Dàruciriya trú ở Suppàraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi Bàhiya Dàruciriya khởi lên tư tưởng như sau: "*Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy*". Rồi **một Thiên nhân**, trước là bà con huyết thống với Bàhiya Dàruciriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của Bàhiya Dàruciriya, đi đến Bàhiya Dàruciriya và nói như sau:

- Nay Bàhiya. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.

- *Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?*

- *Này Bàhiya, có thành phố tên là Sàvatthi trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đăng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.*

Rồi Bàhiya Dàruciriya, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi Sappàraka, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn Anàthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bàhiya Dàruciritya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- *Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đăng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đăng Giác.*

- *Này Bàhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà để khát thực.*

Rồi Bàhiya Dàraciriva mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sàvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bàhiya Dàruciriya liền đi đến Thế

Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- *Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bàhiya Dàruciriya:

- *Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.*

Lần thứ hai Bàhiya Dàruciriya Bạch Thế Tôn:

- *Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Màhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ ba, Bàhiya Dàruciriya bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy này Bàhiya, Ông cần phải học tập như sau:

"Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri".

Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái

thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tướng, sẽ chỉ là cái thọ tướng; trong cái thức tri, sẽ chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiva, Ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya Dàruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bàhiya Dàruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bàhiya Dàruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bàhiya Dàruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bàhiya Dàruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bàhiya Dàruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi

xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của Bàhiya Dàruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bàhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Bàhiya Dàruciriya **đã nhập Niết Bàn**.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không chấp trước,
Tại đây sao không chói,
Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây trăng không chiếu,
Tại đây u ám không,
Khi ẩn sĩ Phạm chí,
Tự mình với trí tuệ,
Thế nhập vào Chánh pháp,
Vị ấy được giải thoát
Khỏi sắc và vô sắc,
Khỏi an lạc, đau khổ.*

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

94 Thiên nhân muốn chỉ cho chứng quả - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bắt chảnh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

95 Thiên nhân nhắc nhở Tỳ kheo muốn làm chòi lá mới - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiên nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ giản dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỳ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiên quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (*vị ở chòi lá*).

96 Thiên nhân động viên tâm chán nản, ham vui - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,*

Hơn bất hạnh chúng tôi.

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "**Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng**".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

97 Thiên nhân - Đệ nhất Thiên nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhân**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thương Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

98 Thiên nhân minh - Định nghĩa - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 431

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 431 (Tik. V,10) (It. 98)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng: *"Một Bà-la-môn có được **ba minh**, một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên"*.

Và này các Tỷ-kheo, thế nào là Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **nhớ đến người đời quá khứ**, ví như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, hai trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều thành kiếp, nhiều hoại kiếp, nhiều thành hoại kiếp. Vị ấy nhớ rằng: "Tại chỗ kia ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết

tại chỗ kia, ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ nọ, ta được sanh ra ở đây". Như vậy, Tỷ-kheo nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Đây là minh thứ nhất, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo với **Thiên nhãn** thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng, chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều do hạnh nghiệp của chúng. Các vị chúng sanh này làm những ác hạnh về thân, về lời, về ý, phỉ báng các bậc Thánh theo tà kiến, tạo các nghiệp theo tà kiến. Những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục. Còn những vị chúng sanh này làm những thiện hạnh về thân, về lời, về ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến, tạo các nghiệp theo chánh kiến. Những người này, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh lên thiện thú, Thiên giới, cõi đời này. Như vậy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống và chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh, đều

do hạnh nghiệp của chúng. Đây là minh thứ hai vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do **diệt tận các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Đây là minh thứ ba, vị ấy chứng đạt, vô minh diệt, minh sanh; tối tăm diệt, ánh sáng sanh, do vị ấy sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Như vậy, này các Tỷ-kheo, Ta tuyên bố rằng một Bà-la-môn có được ba minh một cách đúng pháp, không phải người nào khác được gọi vậy chỉ vì người này bập bẹ nói lên.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Người ấy, Ta tuyên bố,
Là vị Bà-la-môn,
Chớ không phải ai khác,
Chỉ mở miệng bập bẹ.*

*Ai biết được đời trước,
Thấy Thiên giới, đọa xứ,
Vị ấy đạt sanh (đã) diệt,
Thật là **bậc ẩn sĩ**,*

Đã thành tựu thắng trí.

*Ba mình này thành tựu,
Là Phạm chí ba mình,
Ta gọi vị như vậy,
Chính là **bậc Ba mình**,
Chớ không phải ai khác,
Do nói lời bập bẹ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

99 Thiên nhân đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Sakulà – Tiểu III, 590

Sakulà – *Tiểu III, 590 (44)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm Bà-la-môn, ở Sàvatthi, tên là *Sakulà*. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, nàng trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần **triển khai thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Về sau tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thế Tôn tán thán là **Thiên nhân đệ nhất**. Sau khi suy tư đến kết quả chứng của mình, nàng phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

97. *Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỷ kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.*

98. *Từ bỏ con trai, gái,
Cả tài sản lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia,
Sống đời sống không nhà.*

99. *Ta làm người học nữ,
Tu tập con đường chánh,
**Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.***

100. *Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Không uế, khéo tu tập.*

101. *Thấy các hàng ngoại diện,
Do nhân sanh biến hoại,
**Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tịnh.***

100 Thiên nữ - Năm trăm Thiên nữ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 152* (Ud 21)

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàhapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "*Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục!*" Một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: "... Tôi sẽ hoàn tục". Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo Nanda: "*Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả*".

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Nanda, sau khi đến nói với Tôn giả Nanda:

- Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Nanda vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi một bên:

- Có thật chăng này Nanda, Thầy nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, Thầy sống Phạm hạnh, khiến Thầy không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, Thầy sẽ hoàn tục?

- Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần, ngó nhìn con và nói: "Quý tử hãy về gấp!" Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng, nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không có thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh, sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục".

Rồi Thế Tôn cầm tay Tôn giả Nanda như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, biến mất ở Jetavana, và hiện ra tại **cõi trời Ba mươi ba**. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ Sakka, và họ được gọi

là "có chân như chim bồ câu". Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Nanda:

- *Này Nanda, Thầy có thấy năm trăm Thiên nữ này, có chân như chim bồ câu không?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- *Này Nanda, Thầy nghĩ thế nào? Ai đẹp đẽ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước hay năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này?"*

- Bạch Thế Tôn, ví như một con khi cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt; cũng vậy là Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này, không thể ước lượng so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với chúng. Năm trăm Thiên nữ này đẹp hơn, đáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn.

- *Hãy hoan hỷ, này Nanda! Hãy hoan hỷ, này Nanda! Ta đền cho Thầy năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu ấy!*

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh.

Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả Nanda, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ở Jetavana.

Các Tỷ-kheo được nghe: *"Tôn giả Nanda, em Thế Tôn, con của bà dì sống Phạm hạnh vì mục đích Thiên nữ. Họ nói Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ với chân như chân chim bồ câu"*. Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả Nanda là người làm thuê, là người buôn bán: *"Tôn giả Nanda là người làm thuê, Tôn giả Nanda là người buôn bán. Vì mục đích Thiên nữ, Tôn giả Nanda sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu!"*

Rồi Tôn giả Nanda, bị bức phiền, tủi nhục, chán ngấy, bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin, không bao lâu, do mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy, ngay trong hiện tại vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không trở lui trạng thái này nữa". Tôn giả Nanda đã trở thành một vị A-la-hán.

Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, **Thiên nhân** ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda con trai của bà dì, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng tri chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát.

Trí khởi lên nơi Thế Tôn: "Nanda, do đoạn trừ các lậu hoặc... vô lậu tâm giải thoát". Rồi Tôn giả Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Nanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm Thiên nữ với chân như chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa đền ấy.

- Nay Nanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của Thầy: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại... tuệ giải thoát". Lại nữa một Thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda... tuệ giải thoát". Vì rằng, này Nanda, tâm của Thầy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khỏi lời hứa này.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nó lên **lời cảm hứng** này:

2. *Ai vượt khỏi bùn này,
Đề bẹ gai của dục,
Đạt được si đoạn diệt,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

Không cảm thọ khổ lạc!

101 Thiêu thân bay đến ánh đèn và gặp nạn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 250

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 250 (Ud 72)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàathapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi giữa trời, trong đêm tối mù mịt, với những cây đèn dầu đang chói sáng. Lúc bấy giờ, nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào trong những đèn dầu ấy và gặp phải tai nạn, gặp phải hoại diệt, gặp phải tai nạn hoại diệt.

Thế Tôn thấy nhiều loại côn trùng có cánh tiếp tục rơi vào... gặp phải tai nạn và hoại diệt. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên *lời cảm hứng*:

9. *Họ chạy gấp vượt qua,
Nhưng bỏ mất lỗi cay,
Họ làm cho tăng trưởng,
Các trời buộc mới mẻ,
Như các loại côn trùng,
Rơi vào trong ánh sáng,
Có người sống dựa vào
Điều được thấy được nghe.*

102 Thiêu đốt - Đau khổ về thân thể và đau khổ về tâm tư - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,*

Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

103 Thiếu kinh nghiệm, không nhiệt tâm tu tập - Kinh Sàmidatta – Tiểu III, 98

Sàmidatta – Tiểu III, 98 (90)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn, được đặt tên là Sàmidatta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài nghe uy lực của đức Phật, và đi đến tinh xá với những cư sĩ để nghe bậc Thế Tôn thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Nhưng vì **thiếu kinh nghiệm trong một thời gian, ngài không có nhiệt tâm tu tập**, cuối cùng, lại được nghe đức Phật thuyết pháp, ngài trở nên phấn khởi, nhiệt tâm và chứng thực quả A-la-hán.

Về sau, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "Làm sao Hiền giả chứng được pháp Thượng nhân?" Và ngài nói lên hiệu năng của giáo pháp, sự tu chứng pháp và tùy pháp. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài trong bài kệ như sau:

*90. Năm uẩn được rõ biết,
Tồn tại sẽ cắt đứt,
Vòng sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

104 Thiên - Ai sống một trăm năm, Ác tuệ, không thiên định - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51

Phẩm Ngân – *Tiểu I*, 51

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thân, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư

Kính lễ bậc chánh trực.

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác **giới**, không thiên **định**,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiên **định**.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiên **định**.
Tốt hơn sống một ngày,
Có **tuệ**, tu thiên **định**.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác, không tinh **tấn**,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp sinh diệt**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **câu bất tử**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp tối thượng**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

105 Thiên - Ngồi thiền bị đau - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 151

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 151 (Ud 21)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana trong khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, một Tỷ-kheo ngồi không xa Thế Tôn, ngồi kiết già, lưng thẳng, chịu đựng sự đau đớn, kết quả của nghiệp về trước, nhói đau, cực khổ, thống khổ, chánh niệm, tỉnh giác, không có sầu não.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. *Tỷ-kheo bỏ mọi nghiệp,
Tẩy sạch bụi làm trước,
An trú, không ngã sở,
Không cần nói với người.*

106 Thiên - Trong thiên định năm chi, Thiên nhân ta thanh tịnh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhân**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tỉnh cần tỉnh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

919. Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

107 Thiền - Tu thiền, trí tuệ sanh, Bồ Thiền, trí tuệ diệt - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. **Lời nói được thận trọng,**
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đốn rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lượ trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

108 Thiền - Tầm quan trọng của quán - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi Sumana đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.

333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.

109 Thiền - Tỷ kheo, hãy tu thiền, Chớ buông lung phóng dật - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiển tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

110 Thiên - Vị Hành thiên đệ nhất - Kinh KankhaRevata – Tiểu III, 12

KankhaRevata – Tiểu III, 12 (3)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Khi ngài đứng vào vòng ngoài của những người đứng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Ngài chứng quả A-la-hán nhờ **hành thiên**, ngài trở thành lão luyện trong thiên định và bậc Đạo Sư tuyên bố ngài là **hành thiên đệ nhất**.

Sự nghiệp đã thành tựu, ngài nghĩ đến sự nghi ngờ lẫn chiếm tâm tư, và nay nghi ngờ đã được đoạn tận, ngài tán thán sức mạnh và trí tuệ của bậc Đạo Sư, nhờ vậy nay tâm tư ngài được định tĩnh và kiên trì. Ngài nói:

*3. Hãy thấy trí tuệ này
Của những bậc Như Lai,
Như lửa cháy nửa đêm,
Cho ánh sáng, cho mắt,
Họ nhiếp phục nghi ngờ,
Cho những ai đi đến.*

111 Thiền quán - An trú thiền quán và chứng quả - Kinh Usabha – Tiểu III, 173

Usabha – *Tiểu III*, 173 (159)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), trong gia đình một vị vua Sakka, được đặt tên là *Usabha*.

Khi đức Phật về thăm bà con, ngài thấy sức mạnh và sự sáng suốt của đức Phật, khởi lòng tin và xuất gia, nhưng ngài không làm các bốn phận của người tu hành, cả ngày giao du nhiều người, ban đêm thời lo ngủ.

Một hôm, với tâm tư hôn trầm phóng dật, ngài nằm ngủ, ngài mộng thấy ngài cạo đầu, đắp áo cà-sa, ngồi trên lưng voi đi vào thành để khát thực; tại đây, thấy quân chúng tụ tập đông đảo, ngài cảm thấy xấu hổ và xuống voi không ngồi nữa.

Ngài thức dậy, suy nghĩ: "*Vì sao, đây là cơn mộng hôn trầm và phóng dật, ta thấy ta nằm ngủ với tâm **uru nã***", ngài an trú **thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Như vậy lấy con mộng làm đề tài khích lệ, ngài dùng những bài kệ để nói lên chánh trí của ngài:

197. Vai đắp phủ tấm y,
Giống như màu bông xoài,
Ngồi trên lưng con voi,
Ta vào làng khát thực.

198. Từ lưng voi leo xuống,
Ta cảm nhận xúc động,
Trước ta rất ngạo mạn,
Nay ta thật lắng dịu,
Ta đã chứng đạt được,
Các lậu hoặc đoạn diệt.

112 Thiền quán - Chú tâm vào tịnh chỉ, Đúng thời tu thiền quán - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III, 328* (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học hạnh tịnh cư.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

113 Thiền quán - Chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvàja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvàja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvàja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh, ngài xuất gia**, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvàja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn, và chấp nhận giáo hội này?"** Ngài nêu rõ, **ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh**, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

114 Thiền quán - Chứng Sáu thẳng trí - Kinh Matanga Putta Con Của Màtanga – Tiểu III, 195

Matanga Putta Con Của Màtanga – *Tiểu III*, 195
(174)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kosala, **con một điền chủ** tên Màtanga, và được gọi là con của Màtanga.

Ngài lớn lên trong biếng nhác, và khi ngài bị quần chúng la rầy, ngài làm quen với các Tỷ-kheo, nhận thấy các Tỷ-kheo sống thật hạnh phúc. Nhưng khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia. Thấy các Tỷ-kheo sử dụng thần thông, ngài muốn chứng đạt thần thông. Và thực hành các **thiền quán**, ngài chứng được **sáu thẳng trí**.

Từ đây, **ngài chỉ trích biếng nhác, tán thành sự tinh cần** của ngài với những bài kệ như sau:

230. *Ôi quá lạnh, quá nóng!
Ôi, đã quá trễ rồi!
Đây là lời kêu than,
Như vậy bỏ việc làm,
Thời sát-na quý báu,*

Lặng lẽ vượt trôi qua.

231. *Ai nghĩ đến lạnh nóng,
Không hơn loài cỏ rác,
Làm bốn phận con người,
Không hại đến an lạc.*

232. *Cỏ dabba, ku-sa,
Loại cỏ gai đâm ngực,
Ta dùng ngực đẩy chúng,
Sống tăng trưởng viễn ly.*

115 Thiền quán - Chứng Sáu thắng trí với thiền quán - Kinh Gotama – Tiểu III, 207

Gotama – *Tiểu III*, 207 (183)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ Thích-ca và chỉ được biết tên là *Gotama*, ngài khởi lòng tin khi đức Phật thăm viếng bà con, xuất gia, tu học **thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**.

Khi ngài đang hưởng lạc giải thoát, bà con ngài hỏi ngài vì sao lại từ bỏ bà con đi xuất gia, ngài liền giải thích những khổ đau, ngài gặp khi phải sanh tử liên tục và hạnh phúc Niết-bàn ngài đã chứng được.

Ngài nói:

257. *Ta tái sanh địa ngục,
Liên tục đến nga quý,
Ta sống trải nhiều ngày,
Trong đau khổ bàng sanh.*

258. *Và sống vui làm Người,
Thỉnh thoảng sanh cõi Trời,
Trú Giới sắc, Vô sắc,
Phi tướng, Phi phi tướng.*

259. *Ta khéo biết **sanh hữu**,
Không cốt tử, duyên thành,
Dao động thường biến chuyển,
Tác thành **tự ngã** ta,
Ta đạt được tịnh tịch,
Chánh niệm tâm an trú.*

116 Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền quán - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32

Cittaka – Tiểu III, 32 (22)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, *Cittaka* đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa **giới luật làm đề tài tu tập**, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với **thiền quán khai triển**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

*22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

117 Thiền quán - Chứng quả khi khai triển thiền quán - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được

xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

118 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – *Tiểu III*, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

119 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Dàsaka – Tiểu III, 27

Dàsaka – Tiểu III, 27 (17)

Do nghiệp của mình, ngài sanh vào thời đức Phật hiện tại, con của một người nô lệ của Anàthapindika, và được giao việc gác cửa vào tịnh xá Jetavana.

Được nghe đức tánh và nguyện vọng của ngài, ông Anàthapindika giải thoát cho ngài khỏi vòng nô lệ và ngài nói ngài sẽ sung sướng nếu được xuất gia. Do vậy, ngài được xuất gia ngay.

Nhưng khi được xuất gia, ngài trở thành **biếng nhác, thụ động, tiêu cực, không chịu cố gắng để thoát khỏi sanh tử, và ngủ quá nhiều sau các bữa ăn**. Khi đến thời thuyết pháp, ngài lựa một chỗ ngoài vòng Tăng chúng, tìm một góc và ngồi **ngáy**. Thế Tôn nghĩ đến việc làm trước của ngài, nên nói lên bài kệ này để khích lệ ngài:

*17. Ai hôn trầm, ăn nhiều,
Nằm ngủ, lẫn qua lại,
Như heo lớn, ăn no,
Kẻ ngu tiếp thai sanh.*

Khi nghe vậy, **Dasaka trở thành dao động hốt hoảng và phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài suy nghĩ: "Bài kệ của Thế Tôn đã khích lệ ta nhiều" và ngài nói lại bài kệ này. Như vậy, dầu cho bài kệ chống đối ăn nhiều, bài kệ trở thành lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

120 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – *Tiểu III*, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài**, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,
Được thấm nhuần hướng thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

121 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III*, 19 (9)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. ***Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.***

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chúng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

122 Thiền quán - Chứng quả khi pháp triển thiền quán - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỷ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tướng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỷ-kheo ấy,*

Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

123 Thiền quán - Chứng quả khi triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuận thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tứ tử xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,*

***Chớ khiến cho đời con,
Sầu muộn bị va chạm.***

Ngài suy nghĩ: "*Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền*".

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh **tấn** hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

124 Thiền quán - Chứng quả khi đạt đến thiền quán - Kinh Sabbamitta – Tiểu III, 144

Sabbamitta – Tiểu III, 144 (135)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Sabbamitta.

Chứng kiến lễ dâng cúng tinh xá Kỳ Viên, ngài thấy được uy nghi đức độ của đức Phật, xuất gia, lựa chọn một đề tài để thiền quán, ngài sống tại một khu rừng.

Sau mùa mưa, ngài đi đến Sàvatthi để đánh lễ đức Phật, trên đường đi, ngài thấy một con nai con bị sa vào bẫy người thợ săn, con ***nai mẹ*** tuy không bị lưới chụp nhưng vì thương con nai con nên không đi xa cũng không dám đến gần cái bẫy, con nai con lăn lộn qua lại, kêu lên những tiếng thảm thiết. Vị Trưởng lão suy nghĩ: *"Ôi, tình thương đã đem lại sự đau khổ cho các loài hữu tình!"*.

Đi xa hơn nữa, ngài thấy nhiều tên cướp đang lấy rơm cột vào một người chúng bắt được để đem thiêu sống. Người ấy la lên và vị Trưởng lão cảm thấy sầu khổ đối với hai sự việc ấy, liền nói lên bài kệ để cho các tên cướp nghe.

149. *Người trói buộc vào người,
Người bám víu vào người,
Người bị người làm hại,
Và người làm hại người.*

150. *Lợi ích gì người ấy?
Hay con cháu người sanh?
Hãy bỏ người ấy đi,
Người làm hại nhiều người.*

Nói vậy, ngài **đạt đến thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Còn các tên cướp, nghe lời giáo giới của ngài, cảm thấy xúc động, từ bỏ thế tục, và thực hành Chánh pháp.

125 Thiền quán - Chứng quả nhờ triển khai thiền quán - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là *Sìha*.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

126 Thiền quán - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng Kappa có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tăng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

127 Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Candana – Tiểu III, 222

Candana – Tiểu III, 222 (194)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sinh trong một gia đình giàu có và đặt tên là Candana, ngài sống một đời sống gia đình cho đến khi ngài được **nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp. Và chứng quả Dự Lưu.**

Khi ngài sanh được một người con, ngài xuất gia, chọn lựa một đề tài thiền quán và sống ở trong rừng. Đi đến Sàvatthi để yết kiến bậc Đạo Sư, ngài ở trong một bãi tha ma, vợ ngài nghe tin ngài đến, liền trang điểm, đem con theo, nghĩ rằng: "*Với nhan sắc, nàng có thể khiến ngài từ bỏ xuất gia*". **Ngài thấy nàng từ xa đi đến nghĩ cách để thoát khỏi bị nàng cám dỗ, phát triển thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài thuyết giảng cho nàng, khiến nàng quy y và thọ các giới.

Rồi ngài trở lui ở chỗ cũ của ngài. Khi các Tỷ-kheo bạn hỏi ngài: "Các căn của bạn chói sáng, bạn đã chứng sự thực gì?" Ngài nói lên quả chứng của mình, và với những bài kệ này, chứng minh chánh trí của mình.

298. Với vàng che phủ kín,
Chúng nữ tỳ vây quanh,
Mang theo đứa con thơ,
Người vợ đến với ta.

299. **Thấy mẹ của con ta,**
Từ xa đang đi đến,
Khéo trang điểm đẹp đẽ,
Như ma gieo bẫy mồi.

300. **Rồi ta tự tác ý,**
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

301. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

128 Thiền quán - Cách thiền quán - Kinh Ràjadatta – Tiểu III, 230

Ràjadatta – Tiểu III, 230 (198)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình của những người lữ hành, cha mẹ gọi ngài là *Ràjadatta* (Vua ban cho), vì rằng sinh được ngài là nhờ cha mẹ cầu nguyện Vesavana, một vị thiên thần hư không.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài một lần dẫn năm trăm cỗ xe hàng hóa đến Ràjagaha (Vương Xá); tại đây ngài tiêu tất cả tiền, tiêu một ngàn đồng cho một kỹ nữ đẹp, đến nỗi ngài hết cả tiền, không có đủ ăn, phải đi lang thang trong đói khổ.

Rồi ngài đến tinh xá Trúc Lâm (Veluvana) với các cư sĩ khác, tại đây bậc Đạo Sư đang thuyết pháp với một thính chúng rất lớn. Rồi Ràjadatta, ngồi ở phía ngoài thính chúng nghe, khởi lòng tin và xuất gia. **Thực hành hạnh đầu đà**, ngài sống trong một nghĩa địa.

Rồi một nhà lữ hành khác cũng tiêu hết một ngàn đồng cho người kỳ nữ, nhưng trên tay người này có một chiếc nhẫn rất có giá trị và người kỹ nữ thêm muốn lấy chiếc nhẫn. Nàng cho người đánh cắp.

Nhưng người hầu hạ của người lữ hành tin cho cảnh sát biết, đến lục soát nhà nàng, giết nàng và quăng thân nàng trong nghĩa địa.

Trưởng lão *Rajadatta*, đang đi tìm một đối tượng để quán tưởng, thấy được *thi hài của người kỹ nữ*. Ngài tập trung tư tưởng, nhưng các phần thi hài nàng chưa bị chó hay chó rừng ăn, làm ngài dao động và chi phối ngài. Ngài lấy làm ảo não buồn phiền, lánh xa đi một lúc rồi lại bắt đầu tự mình khích lệ, tu thiền, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi suy tư trên thành công của mình, cảm thấy hoan hỷ phấn khởi, ngài nói:

*314. Một Tỷ-kheo đi đến,
Tại một bãi tha ma,
Thấy thân một đàn bà,
Bị quăng tại chỗ ấy,
Vất bỏ trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

*315. Có kẻ sinh nhàm chán,
Thấy thân chết khổn nạn,
Trong ta, dục tham hiện,
Như mù, ta bị trói.*

316. Mau hơn cơm sôi trào,

*Chỗ ấy, ta đi thoát,
Chánh niệm, ta tỉnh giác,
Ta đến, ngồi một bên.*

*317. **Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

*318. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

129 Thiền quán - Dục vọng tấn công, thiền quán và chứng quả - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – Tiểu III, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

*251. Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vực ma,**
*Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

253. *Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

130 Thiền quán - Khai triển thiền quán và chứng quả - Kinh Rohinì – Tiểu III, 661

Rohinì – *Tiểu III*, 661 (67)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh ở Vesali trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinì (con bò đỏ, nâu).**

Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesali, nàng đến nghe pháp, chứng được quả **Dự lưu**. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng **khai triển thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phu thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phân khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

*271. Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,*

Muốn thành nữ Sa-môn.

272. Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?

273. Họ nhác không thích làm,
Sống với đồ người cho,
Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?

274. Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ,
Tuệ giới hạnh tinh cần.

275. **Họ thích làm không nhác,**
Họ làm việc tối thắng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.

276. **Ba cội gốc điều ác,**
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.

277. Thân nghiệp họ trong sạch,
Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.

278. Không cầu uế giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ trắng tinh,
Do vậy con quý họ.

279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.

280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ chấm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.

282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,

Do vậy con quý họ.

283. *Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chứa, kho cất,
Họ tầm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.*

284. *Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.*

285. *Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.*

286. *Hồi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tín kính sắc bén.*

287. *Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phước vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,*

Các vị Sa-môn này,
Tế đàn thiết lập đây,
Đối với tôi rất lớn.

288. Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.

289. Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.

290. Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt **Ba minh**,
Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tắm rửa thật sạch.

Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin
xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng

quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng
để tỏ lộ sung sướng của mình.

131 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đây để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

132 Thiền quán - Như lý tư duy và chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

133 Thiền quán - Nhờ nhiệt tâm thiền quán, Chứng quả Bất Lai - Kinh Anopana – Tiểu III, 618

Anopana – Tiểu III, 618 (54)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Sàketa, trong gia đình vị thủ kho Majjha. Vì nàng rất đẹp, nàng được tên là *Anopana* (không ai sánh nổi).

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, nhiều con nhà giàu, các quan chức nhà vua, các hoàng tử, cử các sứ giả đến xin cưới nàng. Nghe tin vậy, nàng có tâm nguyện khác, nàng muốn sống đời sống không có gì hết. Nên nàng tìm đến bậc Đạo Sư nghe ngài thuyết pháp, nhờ trí tuệ chín muồi, nhờ nhớ đến lời dạy, nhờ nhiệt tâm thiền quán, nàng **chứng được quả thứ ba**, quả Bất lai. Xin phép bậc Đạo Sư cho xuất gia, nàng được nhận làm Tỷ-kheo-ni. Và đến ngày thứ bảy, nàng **chứng được quả A-la-hán**.

Suy tư trên quả chứng, nàng sung sướng nói lên sự phấn khởi của mình:

151. *Sanh gia đình cao quý,
Nhiều châu báu, tài sản,
Đầy đủ dung sắc đẹp,*

Con gái cưng Majjha.

152. Được con vua cầu hôn,
Con phú gia xin cưới,
Sứ giả đến cha ta,
Cho tôi Anopham.

153. Công chúa con gái ngài,
Cân nặng như thế nào,
Tôi sẽ tặng tám lần,
Bằng vàng ròng châu báu.

154. Ta thấy đáng Giác ngộ,
Bậc Thế Tôn vô thượng,
Ta đánh lễ chân Ngài,
Đến gần, ngồi một bên.

155. Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.
**Ngay tại chỗ ngồi ấy,
Ta chứng quả thứ ba.**

156. Rồi ta cạo bỏ tóc,
Xuất gia, sống không nhà,
**Hôm nay, đêm thứ bảy,
Khát ái được gột sạch.**

134 Thiền quán - Phát triển thiền quán chứng Thắng trí thứ sáu - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức

Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được *tám thiền chứng* và *năm thắng trí*. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được *thắng trí thứ sáu*.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài ***rong tiếng con sư tử*** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. ***Ta sanh nhà hạ tiện,***

*Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghề ta rất hèn hạ,
Ta kẻ quét hoa rơi.*

621. *Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.*

622. *Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.*

623. *Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.*

624. *Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.*

625. *Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.*

626. *Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,*

Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong **đêm canh thứ nhất**,
Ta nhớ các đời trước,
Trong **đêm canh chạng giữa**,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong **đêm canh cuối cùng**,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi **đêm vừa mở rộng**,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh**,
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

135 Thiền quán - Phát triển thiền quán các dục và chứng quả - Kinh Mahànàma – Tiểu III, 120

Mahànàma – Tiểu III, 120 (115)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là Mahànàma, ngài được nghe Thế Tôn thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lấy **một đề tài làm thiền quán**, ngài sống trên một ngọn đồi tên là Nesàdka. **Không thể chận đứng được các dục tưởng khởi lên**, ngài tuyên bố: "*Đời này của ta có ý nghĩa gì, với tâm tư uế nhiễm như vậy*".

Tự nhàm chán với chính mình, ngài leo lên một đỉnh núi, và như muốn lao mình xuống, ngài nói với chính mình như nói với một người khác: "**Ta sẽ giết nó!**" với bài kệ như sau:

*115. Hãy xem, sao đời nay,
Lại chấm dứt ở đây,
Với hòn núi nhiều ngọn,
Và nhiều cây cối này?
Núi Nesàdaka,
Một ngọn núi có danh,
Rậm rạp với cỏ cây,*

Che kín trùm tất cả.

Tự mình trách móc như vậy, vị Trưởng lão **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Bài kệ trên trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

136 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi bị quở trách - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bắt ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bắt tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

137 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi gặp nạn và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakāra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của **người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sāriputta**.

Một hôm, Tôn giả Sāriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một **người ăn trộm**, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. **Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền**

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, nhờ **thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

138 Thiền quán - Phát triển thiền quán khi tâm được Tĩnh chỉ - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tĩnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

139 Thiền quán - Phát triển thiền quán trên thiền định và chứng quả - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

140 Thiền quán - Phát triển thiền quán tuổi già và chứng quả - Kinh Città – Tiểu III, 558

Città – Tiểu III, 558 (23)

Nàng được sanh vào một gia đình ưu tú ở Ràjagaha (Vương Xá), khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp ở cửa thành Ràjagaha, trở thành một tín nữ và được Mahàpajàpati cho xuất gia.

Sau khi nàng về già, trong khi leo núi Linh Thứu, với **thiền quán được phát triển**, nàng chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ đến kết quả này, nàng nói lên bài kệ:

*27. Dầu ta có mỗi mệt,
Bệnh hoạn quá yếu đuối,
Dựa trên gậy ta đi,
Ta leo lên đỉnh núi.*

*28. Với đại y vắt ngang,
Với bình bát lộn ngược,
Ta dựa mình tảng đá,
Phá tan khối si ám.*

141 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Phussa – Tiểu III, 437

Phussa – Tiểu III, 437 (258)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua trị vì một tỉnh, được đặt tên là *Phussa*, và được giáo dục trong mọi tài năng của thanh niên hoàng tộc.

Nhưng ngài có tâm hướng khác thường, không thiên về thế tục, nên khi nghe một vị Trưởng lão thuyết pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Tu tập thiền định, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, chứng được *sáu thắng trí*.

Một hôm, một *ẩn sĩ tên Pandara-gotta* nghe ngài thuyết pháp, thấy xung quanh có một số Tỷ-kheo giới đức nghiêm minh, tu tập, chế ngự thân và tâm, vị ẩn sĩ suy nghĩ: "**Hệ thống này thật đáng tin tưởng, mong rằng hệ thống này được tồn tại!**".

Rồi vị ấy hỏi ngài về tương lai sự tiến bộ các Tỷ-kheo như thế nào? Ngài trả lời với những bài kệ như sau, riêng bài kệ 949 do các nhà kiết tập đặt thêm vào:

949. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Thấy nhiều vị thành tín,
Tự ngã có tu tập,
Khéo hộ trì chế ngự
Ngài mới đặt câu hỏi,
Với vị tên Phussa.

950. *Trong thời gian tương lai,*
Sẽ có ước muốn gì?
Sẽ có chí nguyện gì?
Sẽ có cử chỉ gì?
Mong ngài hãy trả lời,
Câu hỏi của chúng tôi.

951. *Ấn sĩ Pan-đa-ra,*
Hãy nghe lời ta nói,
Hãy thọ trì cẩn thận,
Ta sẽ nói tương lai.

952. *Phẫn nộ và hiềm hận,*
Che đậy và cứng đầu,
Nhiều lừa đảo, ganh tị,
Tương lai nhiều loại vậy,

953. *Họ tự cho có trí,*
Pháp sâu, chỉ đến bờ,

**Họ khinh nhờn Chánh pháp,
Họ không kính trọng nhau.**

954. Nhiều nguy hiểm ở đời,
Sẽ xảy ra tương lai,
**Pháp được khéo giảng này,
Kẻ ngu làm uế nhiễm.**

955. Trong Tăng chúng, những vị,
Có đức hạnh hạ liệt,
Họ thường hay tuyên bố,
Có tự tín, không sợ,
**Kẻ không học, lắm lời,
Sẽ đứng vào thế mạnh.**

956. Trong Tăng chúng, những vị,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Khi họ có tuyên bố,
Tuyên bố đúng sự thật,
**Họ thường ở thế yếu,
Hỗ thẹn thiếu nhiệt thành.**

957. Bạc, vàng và đồng ruộng,,
Đất đai, dê và cừu,
Nô tỳ nữ và trai,
Kẻ ngu si vô trí,
Sẽ thân nhận tất cả,

Trong tương lai là vậy.

958. *Kẻ ngu dễ nóng giận,
Không định tĩnh trong **giới**,
Kiêu ngạo, đi đó đây,
Như thú ra đánh nhau.*

959. *Họ trở thành thảo động,
Thường đắp **y màu xanh**,
Lừa đảo và ngoan cố,
Lắm mồm, ăn nói giả,
Họ bắt chước giả bộ,
Như bậc Thánh thời xưa.*

960. *Với tóc bôi dầu lảng,
Dao động, mắt vẽ xanh,
Đắp **y màu trắng** ngà,
Họ qua lại trên đường.*

961. ***Y vàng** được khéo nhuộm,
Lá cờ bậc La-hán,
Được các bậc giải thoát,
Đắp mang không nhằm chán,
Còn họ chán y vàng,
Ái luyến đắp **màu trắng**.*

962. *Họ trở thành tham lợi,*

Biếng nhác, ít tinh cần,
Khó sống rừng hoang vu,
Thích sống gần xóm làng.

963. Những ai sợ được lợi,
Luôn luôn ưa tà mạng,
Họ học đòi người ấy,
Thân cận, không tự chế.

964. Những ai không được lợi,
Họ không trọng, không kính,
Bạc khả kính, Hiền trí,
Họ không có thân cận.

965. Khinh cờ hiệu của mình,
Ưa thích màu ngoại sắc,
Có kẻ mang y trắng,
Lá cờ hiệu ngoại đạo.

966. Không kính y màu vàng,
Thời ấy họ là vậy,
Chờ đợi màu y vàng,
Không phải của Tỷ-kheo.

967. Bị đau khổ chinh phục,
Bị quặn đau tên đâm,
Chờ đợi đại khủng bố.

Voi ta không nghĩ nghĩ.

968. Khi **bạc sáu ngà** thấy,
Cờ La-hán khéo nhuộm,
Voi nói lên những kệ,
Liên hệ đến mục đích.

969. **Ai sẽ mặc cà-sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà-sa.**

970. **Ai rời bỏ uế trước,
Khéo định trong giới luật,
Tự nhiếp phục, chơn thực,
Thật xứng áo cà-sa.**

971. **Phá giới, trí hạ liệt,
Không tự chế, tham dục,
Tâm loạn, thiếu phần chấn,
Không xứng áo cà-sa.**

972. **Ai đầy đủ giới hạnh,
Ly tham, có định tĩnh,
Tâm tư thật trinh bạch,
Vị ấy xứng áo cà-sa.**

973. **Ai kiêu ngạo, phóng đãng,
Ngu si, không giới hạnh,
Xứng đáng mặc áo trắng,
Làm gì có cà-sa.**

974. **Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Tâm uế, không tin kính,
Tương lai sẽ ức hiếp,
Đối vị có **tâm từ**.**

975. **Kẻ ngu mang y áo,
Dầu được Trưởng lão dạy,
Liệt trí sẽ không nghe,
Không tự chế, tham dục.**

976. **Kẻ ngu dầu dạy vậy,
Không có kính trọng nhau,
Sẽ không có vâng lời,
Lời dạy giáo thọ sư,
Giống như ngựa bất kham,
Đối với người đánh xe.**

977. **Như vậy, thời tương lai,
Hành tung sẽ là vậy.
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ni,
Khi thời tối hậu đến,
Hãy ôn hòa thân ái,**

Hãy cung kính lẫn nhau.

978. **Đại nạn ấy chưa đến,**
Trước khi đại nạn đến,
Hãy ôn hòa thân ái,
Hãy cung kính lẫn nhau.

979. *Hãy có tâm từ bi,*
Khéo chế ngự trong giới,
Chuyên tinh tấn nỗ lực,
Thường kiên trì phần chần.

980. *Thấy nguy hiểm phóng dật,*
Không phóng dật an ổn,
Hãy tu Tám Thánh đạo,
Giác chứng đạo bất tử.

Như vậy vị Trưởng lão nói với Tăng chúng của mình.
Các bài kệ này là lời nói chánh trí của ngài.

142 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. *Tâm đi đến hỷ mạn,
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ bề gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

143 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiền nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vải từ đồng rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vải từ đồng rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

919. Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

144 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Dhammika – Tiểu III, 224

Dhammika – *Tiểu III, 224* (195)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, tên là Dhammika. Khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng, ngài khởi lòng tin, và xuất gia.

Sống tại một tinh xá ở làng, ngài cảm thấy bất mãn và khó chịu đối với các công việc các Tỷ-kheo đến tinh xá. Do vậy các Tỷ-kheo đều bỏ đi và ngài làm chủ một mình một ngôi tinh xá. Một cư sĩ báo cáo sự việc lên bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư cho gọi ngài lên để giải thích.

Theo lời các Tỷ-kheo yêu cầu, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*302. Pháp che chở hộ trì,
Người hành trì Chánh pháp,
Pháp đem lại an lạc,
Cho người khéo hành pháp,
Đây là những lợi ích,
Khi pháp khéo hành trì,*

*Người hành trì Chánh pháp,
Không đi xuống ác thú.*

*303. Cả hai pháp, phi pháp,
Kết quả không giống nhau;
Phi pháp, dẫn địa ngục,
Pháp đưa đến cõi lành.*

*304. Do vậy, đối Chánh pháp,
Khởi ý muốn hành trì,
Tâm tư sanh hoan hỷ,
Khéo thiện lai như vậy.
Vững trú trên Chánh pháp,
Đệ tử bậc Thiện Thệ,
Sáng suốt tiến bước lên,
Quy y bậc tối thượng.*

*305. **Phá vỡ cội ung nhọt,**
Nhổ lên lưới ái triền,
Luân hồi được đoạn tận,
Không còn có sanh y,
Như trăng vào ngày rằm,
Trong đêm thanh trong sáng.*

Khi Thê Tôn dạy ba bài kệ trên, Dhammika trên chỗ ngồi **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Để nói lên quả chứng của mình cho bậc Đạo Sư rõ,

ngài nói lên bài kệ cuối cùng để nói lên chánh trí của ngài.

145 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Gahvaratìrya – Tiểu III, 41

Gahvaratìrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratìrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi lầy rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi lầy đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

146 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*
***Thân** đầy những bụi bặm,*
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta *đứng chỉ một chân,*
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. *Sở hành ta nhiều vậy,*
Dẫn ta đến ác thú,
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. *Hãy nhìn Phật ta quy,*
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
***Ba mình** ta đạt được,*
Lời Phật dạy làm xong.

147 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kanhadinna – Tiểu III, 162

Kanhadinna – Tiểu III, 162 (150)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vương Xá, trong gia đình một Bà-la-môn, được đặt tên là *Kanhadinna*.

Khi đến tuổi trưởng thành, với thiện duyên thuận thực, ngài đến Tôn giả Sàriputta, nghe pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Sau khi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài.

179. *Hầu hạ bậc chân nhân,
Luôn luôn nghe Chánh pháp,
Nghe xong, ta sẽ bước,
Trên con đường bất tử.*

180. *Trong ta, tham hữu đoạn,
Tham hữu không có mặt,
Quá khứ, và vị lai,
Không có ở trong ta,
Hiện tại cũng không có,*

Tồn tại ở trong ta.

148 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 65

Kutivihàrim – Tiểu III, 65 (56)

Đời sống của ngài giống như đời sống của Tôn giả Anjana Vaniya, với sự sai khác như sau: Trong khi **phát triển thiền quán**, ngài đang đi qua cánh đồng và trú mưa trong một chòi nhỏ không người, của người giữ đồng ruộng. Tại đây, ngài chứng quả A-la-hán.

Người giữ đồng ruộng đến và hỏi: "*Ai ở trong chòi lá này?*" Ngài trả lời: "*Một Tỷ-kheo ở trong chòi lá*" và nói lên bài kệ:

56. Ai ở trong chòi lá?
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Hiền giả, hãy biết vậy!
Không phải là vô ích,
Chòi lá ông dựng lên.

Rồi người giữ ruộng nói: "Thật may mắn cho tôi. Thật khéo may mắn cho tôi. Tôn giả đã đến chòi lá của tôi và ngồi tại đây".

Thế Tôn với thiên nhĩ thanh tịnh nghe câu chuyện biết được tâm hoan hỷ của người giữ ruộng, ngài nói lên bài kệ với người giữ ruộng:

*Chính ở trong chòi lá,
Một Tỷ-kheo ly tham,
Tâm được khéo định tĩnh,
Đang ở trong chòi lá,
Việc làm này hưởng quả,
Ông sẽ thành thiên chủ,
Sáu lần đến bảy lần,
Ông ngự trị thiên giới,
Rồi mọi ái nhiễm phục,
Ông sẽ thành Độc giác.*

Bắt đầu từ đây, vị Tỷ-kheo được gọi là Kutivihàrim.

149 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Kutivihàrim – Tiểu III, 67

Kutivihàrim – Tiểu III, 67 (57)

Câu chuyện về ngài giống như câu chuyện vị Trưởng lão ở rừng Anjana với sự sai khác này. Khi ngài xuất gia với trường hợp tương tự, ngài học Chánh pháp trong một ngôi chòi nhỏ, ngài nghĩ: "*Chòi cũ này cũng đã bị hư hại, ta phải làm một chòi khác*". Rồi ngài hướng tâm ngài về hành động mới.

Một **thiền nhân** tâm cầu giải thoát, muốn làm ngài dao động, nói lên bài kệ này, với lời lẽ giản dị, nhưng ý nghĩa sâu rộng:

*57. Đây ngôi chòi cũ kỹ,
Ngài muốn ngôi chòi mới,
Hãy bỏ muốn ngôi chòi,
Chòi mới đem khổ mới,
Này Tỷ-kheo nên biết!*

Khi nghe vậy, vị Trưởng lão **cảm thấy lo lắng, và với sự cố gắng phát triển thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lại bài kệ, nhờ bài kệ này ngài đã được chứng quả, và ngài dùng bài kệ nói lên chánh trí của mình. Vì ngài chứng quả khi ở trong chòi lá, ngài được gọi là Kutivihàrim (*vị ở chòi lá*).

150 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị **ái** triển trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

151 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

152 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Mánava – Tiểu III, 85

Mánava – Tiểu III, 85 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong nhà một Bà-la-môn có danh tiếng.

Trong **bảy năm**, ngài được nuôi dưỡng trong nhà, không ra ngoài đường. Khi được ra ngoài đường, ngài thấy một người **già**, một người **bệnh**, một người **chết**.

Được nghe thấy những sự kiện này, ngài phát lòng sợ hãi, đi đến tinh xá, nghe thuyết pháp, được cha mẹ cho phép, ngài được xuất gia. Rồi ngài **phát triển thiền quán**, **chứng quả A-la-hán**.

Khi ngài đến ngôi tinh xá, các Tỷ-kheo hỏi vì sao ngài xin xuất gia sớm và trẻ như vậy, ngài tuyên bố chánh trí của ngài và nói lên bài kệ này:

*73. Ta thấy một người già,
Một người khổ bệnh hoạn,
Ta thấy một người chết,
Với tuổi thọ kiệt quệ,*

*Do vậy ta thoát ra,
Sống đời sống xuất gia,
Từ bỏ mọi dục vọng,
Hấp dẫn và thích ý.*

153 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – Tiểu III, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bôn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thục, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

154 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,*

*Loài Người không muốn sống,
Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

155 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. ***Tài sản** không làm sao,
Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

156 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,*

*Đáng được sự cúng dường.
Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.*

296. Bị dục làm mù quáng,
Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trời buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trời buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

157 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "*Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!*". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đông lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

158 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Somamitta – Tiểu III, 142

Somamitta – *Tiểu III*, 142 (134)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Benares trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Somamitta. Ngài trở thành một vị thông hiểu ba tập Vệ-đà, và được Trưởng lão Vimāla cảm hóa, ngài xuất gia, ngài sống gần vị Trưởng lão, làm trọn bốn phận của mình.

Nhưng vị Trưởng lão trở thành biếng nhác và ham ngủ, Somamitta suy nghĩ: "Ai có thể có giới đức, sống gần một người biếng nhác?"

Rồi ngài đi đến Tôn giả Mahā Kassapa (Đại Ca-diếp) nghe thuyết giảng, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài chỉ trích Vimāla với những câu kệ như sau:

*147. Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
Cũng vậy đến kẻ khác,
Người hạnh tốt cũng chìm.*

*Do vậy hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng làm nhác.*

*148. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viên ly, tinh cần,
Thiền định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

Nghe vậy, Trưởng lão Vimala rất xúc động, **phát triển thiền quán**, tự mình tinh tấn để được giải thoát, không bao lâu chứng đạt được mục đích.

159 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thấy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Rơi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

160 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684

Subhà Con Người Thợ Vàng – *Tiểu III*, 684 (70)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là Subhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại Ràjagaha, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đánh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bậc Đạo Sư biết được căn cơ tâm tư thuần thực của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về **Bốn sự thật** và nàng chứng được **quả Dự lưu**.

Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati Gotamì, hướng tâm đến con đường siêu thoát.

Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mời nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời, thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi **bệnh tham vọng**.

Rồi nàng **phát triển thiền quán**, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. *Ta trước mặc áo trắng,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Do ta không phóng dật,
Chứng tri được chân lý.*

339. *Nhờ vậy đối mọi dục,
Không còn tham muốn lớn,
Thấy sợ hãi thân kiến,
Ta mong muốn viễn ly.*

340. *Ta bỏ chúng bà con,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Khiến người thích hân hoan,
Tì bỏ, ta xuất gia,
Gia sản đâu có ít.*

341. *Nhờ diệu pháp khéo thuyết,
Ra đi, với lòng tin,
Ta không thể hy cầu,
Vật gì thuận gia sản,
Vàng bạc ta đã bỏ,
Sao lại đi đến chúng?*

342. Vàng bạc không giác ngộ,
Không làm người an tịnh,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không phải tài sản Thánh.

343. Chính vàng hay bạc này,
Làm tham ái, đắm say,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi trần,
Nguy hiểm nhiều ưu não,
Đây, không gì trường cửu.

344. Đây, loài Người tham đắm,
Phóng dật, tâm uế nhiễm,
Chống đối thù địch nhau,
Rộng đường đấu tranh nhau.

345. Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài sản, ưu tư,
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.

346. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,

**Hãy biết ta xuất gia,
Vì thấy dục đáng sợ.**

347. Bạc, vàng không có thể,
Đoạn được các lậu hoặc,
Các dục là thù địch,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Chúng là kẻ oán thù,
Là mũi tên, dây trói.

348. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Cạo tóc đắp đại y.

349. Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Vói miếng vải lượm lặt,
Sống vậy, thích hợp ta,
Cơ bản, sống không nhà.

350. Dục, đại sĩ từ bỏ,
Dục loài Trời, loài Người,
Trú an ổn, giải thoát,

Không dao động an lạc.

351. **Chớ để ta đến dục,
Trong dục, không an toàn,
Dục, thù địch sát nhân,
Gây khổ, dụ đồng lửa.**

352. *Đường hiểm, đầy sợ hãi,
Đầy khổ hoạn, gai góc,
Tham ái đường gập ghềnh,
Hoang si mê rộng lớn.*

353. **Tai họa đầy hãi hùng,
Các dục dụ đầu rắn,
Kẻ ngu thích thú dục,
Kẻ mù lò phàm phu.**

354. **Chúng sanh chìm bùn dục,
Những kẻ không thấy đời,
Họ không có rõ biết,
Sự chấm dứt sanh tử.**

355. **Loài Người vì nhân dục,
Con đường đến ác thú,
Phản nhiều đi đường ấy,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.**

356. Như vậy dục sanh thù,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Dục thuộc về thể vật,
Trói người vào tử vong.

357. **Dục** làm cho điên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy Ác ma.

358. Dục nguy hiểm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.

359. **Ta quyết định như vậy,
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.**

360. Quyết đấu tranh với dục,
Chờ đợi, mát, lắng dịu,
Sẽ sống không phóng dật,
Đoạn diệt kiết sử dục.

361. Ta đi theo đường ấy,
Đường đại sĩ đi qua,

Không sầu, không cầu ướ,
An ổn, thẳng, **Tám ngành.**

362. *Hãy xem Subhà này,
An trú trên Chánh pháp,
Con gái một thợ vàng,
Đạt được không tham dục,
Ngồi hành trì thiền định,
Ở dưới một gốc cây.*

363. *Hôm nay, ngày mồng tám,
Từ khi nàng xuất gia,
Với lòng đầy tin tưởng,
Sáng chói chân Diệu pháp,
Up-pa-la-van-na,
Huân luyện giảng dạy nàng,
Nàng chứng được Ba minh,
Vượt qua được thân chết.*

364. *Nàng tự mình giải thoát,
Không còn có nợ nần.
Là vị Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Ly hệ mọi khổ ách,
Việc cần làm làm xong,
Đối với các lậu hoặc,
Nàng đoạn diệt hoàn toàn.*

365. *Sakka đến với nàng,
Cùng với chúng chư Thiên,
Với thần thông diệu dụng,
Chúng đánh lễ Subhà,
Nàng chỉ là con gái,
Con một người thợ vàng,
Nhưng nay là **hội chủ**,
Của mọi loài chúng sanh.*

Vào ngày thứ **tám**, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương **Sakka đã đến đánh lễ nàng**.

161 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – Tiểu III, 692

Subhà ở Rừng Xoài của Jivaka – *Tiểu III*, 692 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia đình một Bà-la-môn nổi tiếng. Nàng được đặt tên là Subhà và **thân nàng rất tuyệt đẹp, nhất là về tay chân**. Do vậy nàng được gọi là **Subhà (người đẹp)**.

Khi bậc Đạo Sư ở Ràjagaha (Vương Xá), nàng khởi được lòng tin và trở thành một nữ cư sĩ. Về sau, nàng lo nghĩ đến kiếp người, **thấy sự nguy hiểm các dục lạc, và thấy được sự an tịnh trong nếp sống viễn ly**. Nàng xuất gia với sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati, và **phát triển thiền quán**, nàng chứng được quả **Bất lai**.

Một hôm, một **thanh niên ăn chơi** ở Ràjagaha, trong khi còn trẻ tuổi, đứng ở nơi vườn xoài ở Jivaka và thấy nàng đi vào rừng để nghỉ trưa. Nó chặn đường nàng lại và xin thỏa mãn dục lạc.

Nàng dạy cho nó biết, với nhiều bài kệ, sự nguy hiểm của dục lạc và sự lựa chọn của nàng về đời sống viễn ly, thuyết pháp cho chàng thanh niên ấy. Nhưng

chàng thanh niên **không** có nghe nàng và vẫn đòi thỏa mãn các dục lạc. Vị Trưởng lão Ni, không có dùng những lời khuyên nhủ của mình, thấy chàng ấy mê say con mắt của nàng, **liền móc một con mắt của nàng và đưa con mắt ấy cho chàng** và nói: "**Đây là con mắt có tội của nàng**". Chàng thanh niên hoảng sợ, khùng khiếp và xin lỗi nàng.

Nàng đi đến trước mặt vị Đạo Sư, và khi thấy Ngài, con mắt của nàng được chữa lành như cũ. Do vậy, trước mặt Thế Tôn, nàng cảm xúc rung động, hoan hỷ sung sướng. Bậc Đạo Sư biết được tâm trạng của nàng, dạy nàng và giúp nàng đạt được quả vị cao nhất. Dẫn lòng sự vui sướng của nàng, nàng **phát triển thiền quán**, chứng được **quả A-la-hán**, với hiểu biết ý nghĩa và hiểu về pháp.

Sau đó, an trú trong an lạc Niết bàn, nàng nghĩ đến những gì nàng chứng được và nói lên câu chuyện của nàng với chàng thanh niên ăn chơi bằng những câu kệ như sau:

*366. Trong rừng xoài tươi đẹp,
Của ông Jivaka,
Tỷ-kheo-ni Subhà,
Đang bộ hành đi tới,
Có chàng trẻ ăn chơi,
Ngăn chặn Subhà lại,*

*Nàng nói lên người ấy,
Những lời nói như sau.*

*367. Ta đã xúc phạm gì,
Để chàng đứng chặn tôi?
Thật là không xứng đáng,
Để một người đàn ông,
Xúc phạm nữ xuất gia,
Hỡi Hiền giả, hiểu cho.*

*368. Bạc Tôn sư ta dạy,
Chính học pháp như vậy,
Được bậc Thiện Thệ thuyết,
Là con đường thanh tịnh,
Không có cầu uế nào.
Sao chàng đứng chặn ta.*

*369. Tâm ta thật thanh tịnh,
Tâm người không thanh tịnh,
Tâm người đầy tham ái,
Ta không tham, không uế,
Mọi nơi, ý giải thoát,
Sao chàng đứng chặn ta?*

*370. Nàng trẻ, không ác pháp,
Nàng xuất gia làm gì?
Hãy bỏ áo Cà sa!*

Đến, lạc hưởng rừng hoa.

371. *Toàn hoa tỏa hương ngạt,
Cây rưới bụi muôn hoa,
Xem tuổi xuân tuổi trẻ,
Là thời tiết hạnh phúc,
Hãy đến thọ hưởng lạc,
Trong rừng nở trăm hoa.*

372. *Con đường dưới vòm hoa,
Xào xạc gió lay động,
Nàng được lạc thú gì,
Khi một mình vào rừng.*

373. *Trú xứ chúng thú dữ,
Vang tiếng voi rống dục,
Rừng lớn trống không người,
Nhiều hiện tượng hãi hùng,
Nàng lại muốn đi vào,
Không một ai bạn đường?*

374. *Như búp bê vàng chói,
Giống tiên nữ vườn trời,
Nàng đắp vãi Kàsi,
Đẹp mịn, sáng chói nàng.*

375. *Ta sống nô lệ nàng,*

*Nếu nàng sống ở rừng,
Không một sanh loại nào,
Mà ta yêu hơn nàng,
Hỡi nàng mắt dịu hiền,
Như mắt Kin-na-rì.*

*376. Nếu nàng theo lời ta,
Nàng sẽ được hạnh phúc,
Hạnh phúc sống gia đình,
Sống lâu dài che gió,
Sống có các nữ nhân,
Hầu hạ phục vụ nàng.*

*377. Mang lụa mịn Kàsi,
Dùng vòng hoa, sáp đỏ,
Ta làm nhiều trang sức,
Vàng châu báu ngọc ngà.*

*378. Nàng leo lên giường quý,
Gỗ chiên đàn, lõi thơm,
Che màn đẹp tinh sạch,
Trải nệm mới lông dài.*

*379. Như sen vươn từ nước,
Phục vụ cho phi nhân,
Như vậy nàng Phạm hạnh,
Sống toàn hảo đến già.*

380. Ở đây là cái gì,
Chàng xem là tuyệt diệu,
Trong nghĩa địa ử đây,
Tràn đầy những thân xác,
Chàng được thấy cái gì,
Trong thân xác hủy hoại,
Khi chàng thốt ra lời,
Si mê, vô ý thức?

381. Chính mắt như sơn dương,
Như Kinri giữa rừng,
Ta thấy con mắt nàng,
Dục lạc liền tăng trưởng.

382. Trong gương mặt không uế,
Sáng chói như vàng ròng,
Chẳng khác gì hoa sen,
Đặt chính giữa đài sen,
Thấy con mắt của nàng,
Lòng dục liền tăng trưởng.

383. Tuy xa ta vẫn nhớ,
Lông mi dài tuyệt đẹp,
Không gì ta yêu hơn,
Mắt Kinri của nàng.

384. *Chàng muốn dùng phi đạo,
Tìm mặt trắng mà chơi,
Muốn nhảy qua Mê-ru,
Muốn tìm đến con Phật.*

385. *Trên đời này, cõi trời,
Ta nay không tham ái.
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại tận gốc rễ.*

386. *Quãng đi như hổ than,
Than hùng đang cháy đỏ,
Đánh giá như thuốc độc,
Đang xâm nhập đến thân,
Ta không biết người ấy,
Người ấy như thế nào,
Đường đạo đã giết sạch,
Giết hại đến gốc rễ.*

387. *Hãy cám dỗ nữ nhân,
Không có biết quán sát,
Hay Đạo Sư người ấy,
Đang còn phải học tập,
Chàng mê hoặc người ấy,
Làm hại được người ấy.*

388. *Còn ta đã chánh niệm,
Đổi khen chê lạc khổ,
Biết hữu vi bất tịnh,
Bám chặt tư tưởng ấy.*

389. *Ta là đệ tử Ni,
Của bậc đại Thiện Thệ,
Ta đã dần thân bước,
Trên **đường đạo tám ngành**,
Mũi tên đã nhỏ lên,
Không còn các lậu hoặc,
Ta đi đến nhà trống,
Tâm tư ta hoan hỷ.*

390. *Ta đã được thấy nó,
Một búp bê khéo vẽ,
Với trục quay gỗ mới,
Khéo cột với dây que,
Búp bê ấy nhảy múa,
Nhiều điệu múa khác nhau.*

391. *Dây que ấy được rút,
Mở lòng rời phân tán,
Thành trống không, miếng nhỏ,
Chỗ nào ý say đắm.*

392. *Thân ta ví dụ vậy,
Không bộ phận không động.
Không bộ phận, không động.
Chỗ nào ý say đắm.*

393. *Như thấy một bức vẽ,
Tô màu đỏ trên tường,
Cái thấy chàng đảo lộn,
Vị trí người thiếu sót.*

394. *Ảo thuật xem tối thượng,
Như cây vàng trong mộng,
Mù lòa người chạy theo,
Cái trống không, không thực,
Như cái trò múa rối,
Được xem giữa quần chúng.*

395. *Mắt nàng như hòn bi,
Đặt lỗ trống của cây,
Như những bong bóng nước,
Đầy đầy những nước mát,
Những con người đa dạng,
Sanh ra những mủ ghèn.*

396. *Thiếu nữ đẹp tuyệt ấy,
Vội tâm không chấp trước,
Bóc một con mắt nàng.*

Trao liền cho người ấy,

Và nói hãy cầm lấy,
Con mắt này của người.

397. **Khi ấy tham liền diệt,**

Chàng khẩn cầu xin lỗi,

Mong rằng Phạm hạnh ni,
Được an ổn trở lại,
Tôi sẽ không còn dám,
Xâm phạm thế này nữa.

398. *Hại hạng người thế này,*

Chẳng khác ôm lửa hừng,

Tôi như nắm rắn độc,

Mong an ổn tha thứ.

399. *Thoát khỏi bị xúc phạm,*

Vị Tỷ-kheo-ni ấy,

Từ đây đi đến gần,

Bạc Giác ngộ thù thắng,

Thấy được tướng công đức,

Tốt đẹp và thù thắng,

Mắt của nàng hồi phục,

Được trở lại như xưa.

162 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùta – Tiểu III, 232

Subhùta – *Tiểu III*, 232 (199)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân ở Magadha, tên là *Subhùta*, ngài không thể sống trong gia đình, nên bỏ nhà làm người du sĩ.

Không thấy trong bộ phái của mình cái gì là chân lý và thấy Upatissa, Kolita, Sela sống hạnh phúc hoan hỷ sau khi tu hành, ngài khởi lòng tin giáo lý đức Phật và xin xuất gia. Sau khi lấy được cảm tình các vị giáo thọ sư và truyền pháp sư, ngài vào nhập thất với một đề tài thiền quán. Nhờ **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài bằng cách ôn lại sự đau khổ khi tu hành và sự hoan hỷ khi ngài được tu thiền, ngài nói lên bài kệ:

*319. Đặt mình vào tại chỗ,
Không được cho thích đáng,
Một người muốn làm việc,
Nhưng không được thành tựu,*

*Như vậy công việc ấy,
Được xem bị thất bại.*

*320. Nếu từ bỏ phần thắng,
Gốc khổ được rút lên,
Nó giống kẻ đánh bạc,
Vận rủi quăng con bài,
Nếu nó quăng tất cả,
Nó chẳng khác người mù,
Không nhìn thấy con đường,
Bằng phẳng, không bằng phẳng.*

*321. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói không làm.*

*322. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** nhưng không **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Không **làm**, không kết quả.*

*323. Như bông **hoa** tươi **đẹp**,
Có **sắc** lại có **hương**,
Cũng vậy **lời** khéo nói,
Có **làm**, có kết quả.*

163 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Sundàri – Tiểu III, 674

Sundàri – Tiểu III, 674 (69)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Benares (Ba-la-nại), con cái của Sujata, một Bà-la-môn. Vì thân nàng đẹp đẽ, nàng được gọi là *Sundarì*.

Khi nàng lớn, em trai nàng chết. Cha nàng quá đau khổ đi lang thang và gặp Trưởng lão Ni *Vasitthi*. Khi Trưởng lão Ni hỏi cha nàng bị đau khổ gì, cha nàng trả lời bằng hai câu kệ đầu. Để làm nhẹ bớt đau khổ, Trưởng lão Ni nói hai câu kệ tiếp, và nói lên tâm trạng giải thoát khỏi đau khổ của nàng. Vị Bà-la-môn hỏi làm sao Trưởng lão Ni lại được giải thoát khỏi đau khổ như vậy. Vị Trưởng lão Ni trả lời về Ba ngôi báu và quy y.

Khi được biết bậc Đạo Sư nay ở Mithilà, vị Bà-la-môn đánh xe đến Mithilà, yết kiến đức Phật. Đức Phật thuyết pháp, vị Bà-la-môn khởi lòng tin, xin xuất gia, vào ngày thứ ba chứng quả A-la-hán, sau khi tinh tấn, tinh cần **phát triển thiền quán**.

Người đánh xe, đánh xe về nhà Bà-la-môn và nói cho nữ Bà-la-môn sự việc đã xảy ra. Sundarì nghe vậy,

nàng xin mẹ xuất gia. Bà mẹ nói nay toàn thể tài sản đều thuộc của nàng, hãy thọ hưởng tài sản ấy. Sundarì nói tài sản không có nghĩa gì đối với nàng, nàng chỉ muốn xuất gia.

Sau khi được bà mẹ bằng lòng, nàng bỏ cả tài sản như những vật vô giá trị. Nhờ tinh cần tinh tấn, nhờ chúng tử tốt lành, nhờ trí tuệ chín muồi, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sống trong sự an lạc giải thoát, nàng nghĩ: "*Ta sẽ **rống lên tiếng rống con sư tử** trước mặt bậc Đạo Sư!*". Sau khi xin phép bậc thầy của mình nàng rời khỏi Benares, với một số đông Tỷ-kheo-ni, và cuối cùng đến Sàvatthi, yết kiến đức Phật, đánh lễ Ngài rồi đứng một bên. Nàng nói lên chánh trí của nàng, xem nàng như là con gái sanh ra từ miệng đức Bôn Sư.

Và tất cả bà con nàng, bắt đầu từ mẹ nàng và các người hầu cận đều xuất gia. Suy nghĩ đến quả chứng của mình và dùng lời tuyên bố của người cha, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng như sau:

Sujàta:

*312. Hồi nữ Bà-la-môn,
Những con nàng đã chết,
Trong thời gian quá khứ,*

*Thần chết ăn nghiền chúng,
Cả ngày và cả đêm,
Khổ đau nung nấu nàng.*

*313. Nay có đến bảy con,
Bị thần chết vô lấy,
Nhưng này Vāsītthi
Chính vì lý do gì?
Nàng không bị đau khổ,
Nào hại và nung nấu?*

Vāsītthi:

*314. Nhiều trăm con trai ta,
Hàng trăm chúng bà con,
Đã bị thần chết ăn,
Của ta và của người!*

*315. Ta biết đường giải thoát,
Khỏi sanh và khỏi chết,
Ta không sầu, không khóc,
Ta không bị nung nấu.*

Sujāta:

*316. Hỡi nàng Vāsītthi
Vi diệu thay, lời người!
Nàng biết pháp của ai,
Nàng nói được như vậy?*

Vàsitthi:

317. *Hỡi này, Bà-la-môn,
Bậc Chánh Đẳng Giác này,
Ở thành Mithilà,
Ngài thuyết cho hữu tình,
Chánh pháp thật vi diệu,
Đoạn tận mọi khổ đau!*

318. *Hỡi này Bà-la-môn,
Ta nghe La-hán ấy,
Thuyết pháp không sanh y,
Ở đây nhờ hiểu rõ,
Ta biết pháp vi diệu,
Sầu vì con quét sạch.*

Sujàta:

319. *Con sẽ đi ngay đến,
Thành phố Mithilà!
Mong bậc Thế Tôn ấy,
Giúp con thoát mọi khổ,
Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát mọi khổ.*

320. *Bà-la-môn thấy Phật,
Bậc giải thoát vô sanh,
Bậc Mâu-ni, vượt khổ,*

Thuyết pháp cho vị ấy.

321. **Thuyết khổ, khổ tập khởi,
Vượt qua sự đau khổ,**
*Thuyết **Thánh đạo tám ngành,**
Con đường lắng dịu khổ.*

322. *Ở đây, hiểu Diệu pháp,
Hoan hỷ chọn xuất gia,
Sujàta ba đêm,
Chúng đạt được Ba minh.*

323. *Hãy đi, người đánh xe,
Đánh xe này về nhà,
Chúc nữ Bà-la-môn,
Được sức khỏe, không bệnh,
Và nói vị Phạm chí,
Nay đã xuất gia rồi,
Sujàta ba đêm,
Chúng đạt được Ba minh.*

324. *Người đánh xe lấy xe,
Cùng với ngàn đồng tiền,
Chúc nữ Bà-la-môn,
Được sức khỏe, không bệnh,
Và nói vị Phạm chí,
Nay đã xuất gia rồi,*

*Sujàta ba đêm,
Chứng đạt được Ba minh.*

Mẹ của Sundarì:

*325. Hỡi này người đánh xe,
Xe ngựa, ngàn tiền này,
Khi nghe vị Phạm chí,
Đã đạt được Ba minh,
Ta cho người đầy bát,
Cả xe và ngàn tiền.*

*326. Hỡi nữ Bà-la-môn!
Hãy giữ lại cho người,
Xe ngựa và ngàn tiền,
Tôi sẽ đi xuất gia,
Sống thân cận gần gũi,
Bậc trí tuệ tối thắng.*

*327. Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên giàu có này,
Cha con đã xuất gia,
Đã bỏ lại tất cả....
Này con Sundarì,
Con thừa tự gia đình,
Hãy thọ hưởng tài sản,*

Của đại gia đình này,

328. Voi, trâu bò và ngựa,
Châu báu và vòng vàng,
Những gì làm gia tài,
Trở nên cám dỗ nàng;
Sầu khổ vì đứa con,
Cha con đã xuất gia,
Đã từ bỏ tất cả,
Gia sản sự nghiệp này,
Con nay sẽ xuất gia,
Sầu khổ vì anh con.

329. Hỡi này Sundarì
Nếu đây ước nguyện con,
Mong rằng tâm tư ấy,
Được thành tựu viên mãn;
Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Vớ miếng vải lượm lặt,
Những nếp sống như vậy,
Được thành tựu viên mãn,
Khiến lậu hoặc đoạn tận,
Trong thế giới đời sau.

Sundarì:

330. Kính thưa Trưởng lão Ni,
Con đã học, tu tập,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Con biết các đời trước,
Tại chỗ con được sống,
Trước kia như thế nào.

331. Nhờ Ni sư, con được,
Ôi, bạn lành của con!
Bạc sáng chói tốt đẹp,
Trong chúng Trưởng lão Ni!
Ba minh đã chứng đạt,
Lời Phật dạy, làm xong.

332. *Ni sư hãy cho phép,
Con đi đến Xá Vệ!
Con sẽ rống vang lên,
Tiếng rống con sư tử!
Trước mặt bậc Giác ngộ,
Phật-đà, bậc tối thượng.*

333. Hỡi này Sundarì,
Nàng thấy bậc Đạo Sư,
Màu da, sắc màu vàng,
Như vàng ròng sáng chói!
Bậc Chánh Đẳng, Chánh giác,
Không điều gì sợ hãi,

*Bạc đã điều phục được,
Kẻ chưa được điều phục.*

*334. Đang đi đến trước Ngài,
Ngài thấy Sundarì!
Ly tham không hệ lụy,
Giải thoát, không sanh y,
Đã làm việc phải làm,
Không còn các lậu hoặc.*

*335. Từ thành Ba-la-nại!
Con đã bước ra đi!
Con đến bậc Đại hùng.
Con là Sundarì,
Con chính đệ tử Ngài!
Con đánh lễ chân Ngài.*

*336. **Ngài là bậc Giác ngộ!**
Ngài là bậc Đạo Sư!
Con là con gái Ngài,
Ôi bậc Bà-la-môn!
Con sanh từ miệng Ngài!
Đã làm việc phải làm,
Không còn có lậu hoặc,
Con là Sundarì.*

*337. **Hiền nữ, Ta mừng con,***

Đường còn lại, không xa!

Như vậy, bậc Tự điều,

Đánh lễ chân Đạo Sư!

Bậc ly tham, ly hệ,

Không hệ lụy trói buộc,

Đã làm việc phải làm,

Không còn các lậu hoặc.

164 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. *Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.*

154. *Biết nguy hiểm như vậy,*

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
**Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.***

165 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong **sự nghiệp giải thoát**?*" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các uẩn,

*Thoát ly kẻ gài lưới,
Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

166 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiền quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: "*Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp*".

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được.

Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "*Tỷ-kheo này, nếu không được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh*", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập sớ của bộ Anguttara Nikàya và tập sớ của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài

ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.

352. Con thấy bạn đồng tu,

*Sống hòa hiệp, đồng mãi,
Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

167 Thiền quán - Phát triển thiền quán và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – *Tiểu III*, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,*

Kẻ làm biếng, làm nhác.

*266. Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiên định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

168 Thiền quán - Phát triển thiền quán về bệnh đau mắt và kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahāsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán

thời cũng mù mất luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ".*

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tự với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. Dầu ta có bị mù,
Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.

169 Thiền quán - Phát triển thiền quán về chế ngự căn - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 375

Pàràpariya – Tiểu III, 375 (249)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàvatthi, làm một con Bà-la-môn nổi tiếng, và khi lớn lên ngài được gọi theo tên gia tộc Pàrapara là *Pàràpariya*.

Được khéo giáo dục về văn hệ Bà-la-môn, một hôm ngài đi đến tịnh xá Jetavana trong khi Thế Tôn đang thuyết pháp, và đến ngồi nghe, gần phía bên ngoài hội chúng. **Bậc Đạo Sư, nhận xét tâm tánh ngài, dạy kinh "Căn tu tập** *Indriyabhàvanà*", nghe xong, ngài khởi lòng tin, xin xuất gia.

Sau khi học kinh này thuộc lòng, ngài **suy tư trên ý nghĩa, nghĩ rằng:** "*Trong những bài kệ, ý nghĩa được xuất hiện như thế này, thế này*". Sau khi suy tư về vấn đề các căn cảm thọ, ngài **phát triển thiền quán** và sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nói lên thiền định của ngài với những bài kệ như sau:

726. *Khi Tỷ-kheo tên là,*

Pàràpariya,
Ngôi độc cư một mình,
Viễn ly, tu thiền định,
Những tâm tư như sau,
Được khởi lên nơi ngài:

727. Có gì là thứ lớp,
Là giới cấm, động tác?
Con người làm phận mình,
Không làm hại một ai?

728. Các **căn** của loài Người,
Làm lợi ích, làm hại,
Không hộ trì, làm **hại**,
Có hộ trì, làm **lợi**.

729. **Người chế ngự các căn,**
Người phòng hộ các căn,
Người làm bốn phận mình,
Không làm hại một ai.

730. Con **mắt** đi đến **sắc**,
Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy các nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

731. Lỗ **tai** đi đến **tiếng**,

Không chế ngự ngăn chặn,
Không thấy sự nguy hiểm,
Vị ấy không thoát khổ.

732. Không thấy sự xuất ly,
Thọ hưởng các mùi **hương**,
Vị ấy không thoát khổ,
Vì tham đắm các hương.

733. Nhớ chua ngọt tối thượng,
Nhớ **vị** đáng tối thượng,
Bị **ái vị** nô lệ,
Tâm không thể giác tỉnh.

734. Tưởng nhớ các cảm **xúc**,
Đẹp đẽ và khoái cảm,
Đam mê, duyên tham ái,
Gặp nhiều loại đau khổ.

735. **Ý đối các pháp này**
Tất cả là năm pháp,
Không có thể phòng hộ,
Khó đi theo vị ấy.

736. Phần lớn các **thân** xác,
Đầy tràn mủ và máu,
Do người thù thắng làm,

Thành hộp đẹp tô màu.

737. Cay đắng như vị ngọt,

Khổ do khổ ái buộc,

Như dao bén dính mật,

Kẻ tham đâu có biết.

738. ***Ai tham đắm nữ sắc,***

Nữ vị, nữ xúc chạm,

Ai mê say nữ hương,

Gặp nhiều loại đau khổ.

739. Mọi dòng từ nữ nhân,

Năm loại tràn năm xứ,

Người có tinh tấn lực,

Có thể ngăn chặn chúng.

740. Người có đích, trú pháp,

Người thiện xảo, sáng suốt,

Hoan hỷ làm nghĩa vụ,

Liên hệ đến pháp, nghĩa.

741. Chìm trong việc lợi tạm,

Hãy bỏ việc không lợi,

Nếu nó nghĩ việc ấy,

Không phải việc nên làm,

Vị ấy không phóng dật,

Sáng suốt thấy rõ vậy.

742. Nếu là việc làm tốt,
Hân hoan hành đúng pháp,
Hãy nắm việc làm ngay,
Đẩy thật lực tới thượng.

743. Với phương tiện cao thấp,
Lừa dối các người khác,
Đánh giết, làm sâu khổ,
Hung bạo, áp đảo người.

743. **Như người mạnh dẻo gỏi,
Dùng nê đánh bật nê,
Cũng vậy là kẻ thiện,
Dùng căn đánh bật căn.**

745. Tu tập **tín, tấn, định,**
Huấn luyện **niệm, trí tuệ,**
Dùng năm đánh đổ năm,
Không tỳ vết bước tới.

746. Là vị Bà-la-môn,
Người có đích, trú pháp,
Làm theo giáo huấn Phật,
Làm toàn diện, toàn lực,
Người ấy hưởng an lạc.

170 Thiền quán - Phát triển thiền quán về con khổ tâm và chứng quả - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khổ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khổ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,*

*Trí tuệ cầm giữ người,
Người đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

171 Thiền quán - Phát triển thiền quán về hộ trì căn và chứng quả - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 392

Màlunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Màlunkyaputta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Màlunkyaputta, **khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thì ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. Ngửi **hương**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. Nếm **vị**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. Cảm **xúc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tì bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tì bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tì bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

172 Thiền quán - Phát triển thiền quán về khổ và chứng quả - Kinh Mẹ Của Sumangala – Tiểu III, 556

Mẹ Của Sumangala – *Tiểu III*, 556 (21)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình **nghèo** và được gả lấy một người đàn mày làm chồng. Nàng sanh được một người con trai tên Sumangala, sau trở thành bậc Trưởng lão và chứng quả A-la-hán. Nàng không được biết tên và được gọi là một Trưởng lão Ni không có tên hay mẹ của Sumangala.

Nàng trở thành một Tỷ-kheo-ni và **một hôm nghĩ đến sự đau khổ khi còn là cư sĩ, nàng cảm thấy xúc động** và với **thiền quán phát triển**, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ, nàng nói lên bài kệ như sau:

23. *Hồi thiện giải thoát Ni,
Lành thay khéo giải thoát,
Ta được khéo giải thoát,
Khỏi cái chày giã gạo,
Ta không còn xấu hổ,
Với ông chồng đàn dừ,*

*Với soong chảo nấu ăn,
Với nghèo đói tội tàn.*

*24. Chặt đứt được **tham** sân,
Ta sống không tham sân,
Ta đi đến gốc cây,
Ôi, an lạc ta thiền.*

173 Thiền quán - Phát triển thiền quán về nguy hiểm của dục và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sinh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, thiền định của ngài bị thôi thất và lòng **dục** khởi lên. Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các **dục** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,*

*Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến nhiễm luân hồi.*

174 Thiền quán - Phát triển thiền quán về thân và chứng quả - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài **phát triển thiền quán**, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

**170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.**

175 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna.

Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. Bậc ỨNG CÚNG, Thiện Thệ,
Ẩn sĩ bị phong thấp,
Nếu ông có nước nóng,
Hãy cúng dường ẩn sĩ.*

*186. Cúng dường người đáng cúng,
Cung kính người đáng kính,
Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

176 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng Sáu thắng trí - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,
Chớ có khinh khi người,**

Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

177 Thiền quán - Phát triển thiền quán, chứng quả lúc bảy tuổi - Kinh Bhadda – Tiểu III, 288

Bhadda – Tiểu III, 288 (226)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình một vị lớn trong hội đồng thành phố, làm con một gia đình cha mẹ trước đây không có con, dầu đã có cầu khấn thần linh nhiều lần vẫn chưa có con. Họ đi đến bậc Đạo Sư và nói: *"Nếu chúng con có được đứa con, chúng con sẽ dâng lên cho ngài để làm thị giả!"*.

Khi được sinh Bhadda, chúng mặc áo đẹp nhất cho ngài, đưa ngài đến bậc Đạo Sư và nói: *"Bạch Thế Tôn, đây là đứa con chúng con sanh ra, sau khi yết kiến Thế Tôn, chúng con xin dâng hiến cho Thế Tôn"*.

Thế Tôn bảo Ananda cho Bhadda xuất gia và đi vào hương phòng. Ananda giảng dạy cho ngài và căn cơ ngài quá thuần thực đến nỗi trong khi đang học, vừa lúc mặt trời mọc, ngài **phát triển thiền quán** và chứng được *sáu thắng trí*.

Thế Tôn biết được những gì xảy ra và gọi: "Hãy đến này Bhadda!" Ngài đến, chấp tay đánh lễ bậc Đạo

Sư. Đó là lễ xuất gia của ngài, đó là lễ xuất gia do đức Phật chủ trì.

Và bậc Trưởng lão nói lên chánh trí của ngài:

473. *Ta là con độc nhất,
Được cha thương, mẹ thương,
Do nhiều hạnh giới cấm,
Van vái mới được ta.*

474. *Vì lòng thương xót ta,
Muốn ta được hạnh phúc,
Cả cha và mẹ ta,
Dẫn ta đến đức Phật.*

475. *Được đưa con trai này,
Thật trải nhiều khó khăn,
Nuôi dưỡng rất tế nhị,
Được nuôi chiều sẵn sóc,
Chúng con kính dâng Ngài,
Kính thưa bậc cứu độ,
Để làm người thị giả,
Hầu hạ bậc chiến thắng.*

476. *Bậc Đạo Sư nhận ta,
Nói A-nan như sau:
Hãy cho nó xuất gia,*

Nó sẽ thành thuần lương.

*477. Sau khi bậc Đạo Sư,
Bảo xuất gia cho ta,
Xong rồi bậc chiến thắng,
Bước vào trong tinh xá,
Khi mặt trời chưa mọc,
Tâm ta được giải thoát.*

*478. Rồi bậc Đạo Sư ta,
Để chấm dứt công việc,
Từ yên lặng thiền tịnh,
Ngài đứng dậy gọi ta:
Này Bhadda hãy đến,
Ta thọ Đại giới vậy.*

*479. Từ sanh, đến bảy năm,
Ta được thọ Đại giới,
Ba mình ta đạt được,
Ôi pháp, thiện pháp tánh!*

178 Thiền quán - Phát triển thiền quán, nhờ thiền Định - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – *Tiểu III*, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Siddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati**, vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu**.

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu**, rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai**.

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng**.

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: *"Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đằm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn"*. Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

179 Thiền quán - Quán sự nguy hiểm của đời thế tục - Kinh Sonakutikanna – Tiểu III, 250

Sonakutikanna – Tiểu III, 250 (208)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Avanti, trong một gia đình rất giàu có, và được đặt tên là Sona. Vì đeo một bông tai đắt giá, ngài cũng được gọi là Koti hay *Kutikanna* (người có lỗ tai đắt giá).

Lớn lên, ngài trở thành một điền chủ, và khi Trưởng lão *Mahà Kaccàna* ở gần bên nhà, ngài cung cấp các vật dụng nhu yếu, nghe Chánh pháp, cuối cùng cảm thấy dao động, xin xuất gia với Trưởng lão Kaccàna. Rủ thêm mười người một cách khó khăn, ngài xin phép vị Trưởng lão đi đến Sàvatthi để yết kiến Thế Tôn.

Được phép ngủ đêm trong chái phòng đức Phật, và buổi sáng được mời tụng đọc, ngài được khen khi đọc mười sáu *Athaka*. Khi đọc đến câu: "*Thấy sự nguy hiểm của một đời thế tục*", ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Khi ngài được đức Bổn Sư bằng lòng về ba vấn đề mà vị Trưởng lão Mahà Kaccàna giao cho ngài hỏi, ngài trở về chỗ cũ và thừa lại với bậc giáo thọ sư của

mình (Sự kiện này được ghi chép đầy đủ trong tập Udàna và tập số Anguttara, nhưng ở đây lại nói ngài chứng quả A-la-hán khi còn học tập với vị giáo thọ sư của mình).

Rồi, trong khi sống, thọ hưởng an lạc giải thoát, ngài ôn lại sự thành đạt của mình, và với tâm hoan hỷ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

*364. Ta thọ được đại giới,
Ta giải thoát vô lậu,
Thế Tôn, ta được thấy,
Ta sống chung tịnh xá.*

*365. Thế Tôn, trải nhiều ngày,
Sống ngay ở ngoài trời,
Đạo Sư khéo an trú,
Rồi mới vào tịnh xá.*

*366. Trải y Tăng-già-lê,
Gotama nằm xuống,
Như sư tử hang đá,
Đoạn tận mọi sợ hãi.*

*367. Khéo lựa lời tốt lành,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Trước đức Phật tuyệt hảo,*

Sona thuyết diệu pháp.

368. Liễu Tri **Năm thủ uẩn,**
Tu tập con đường Thánh,
Đạt an tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

180 Thiền quán - Quán tánh vô thường của sự vật, thiền quán, chứng quả - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – Tiểu III, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

*267. Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gổ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

*268. Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bẫy mồi **thần chết**.*

269. Rồi ta **tự tác ý**,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

181 Thiền quán - Quán vô thường và chứng quả - Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655

Ambapàli – Tiểu III, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli.**

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. **Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do *nghiệp lực* của nàng, nàng trở thành một *kỹ nữ*.**

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão *Vimalakondanna* thuyết pháp**, nàng **triển khai thiền quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. *Đen như sắc con ong,*
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,

**Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.**

253. *Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

254. *Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

255. *Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

256. *Trước **lông mày** của ta,*

Chói sáng khéo tô vẽ,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

257. **Mắt** ta xanh và dài,
Sáng đẹp như châu báu,
Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,
Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

259. Trước **tai** ta sáng chói,
Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

260. Trước **răng** ta sáng chói,
Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bẻ gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

261. Ngọt là **giọng nói** ta,
Như chim cu hót rừng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bẻ bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

262. Trước **cổ** ta chói sáng,
Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

263. Trước **cánh tay** của ta,
Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

264. Trước **bàn tay** của ta,
Mềm mại như cành hoa,
Sáng như nữ trang vàng,
Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cằn,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đây vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,

Sáng chói như vôi vôi,
Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,
Vôi lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nứt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vôi trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của Bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và **phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

182 Thiền quán - Rời ta tự tác ý, Như lý khởi tư duy - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua**, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây **thiền định**,
thiền quán và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

183 Thiền quán - Thiền quán và chứng quả - Kinh Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577

Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – *Tiểu III*, 577 (37)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ Kosiya ở Sàgala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm **vợ một nhà quý tộc tên là Pippali ở làng Mahàtittha.**

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia.

Nàng sống năm năm tại Tittthiyàrama, sau đó nàng được Mahàpajàpati cho thọ đại giới, nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán.

Sau nàng trở thành một **vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ.** Nàng được đức Phật xem là người biệt tài **đệ nhất về đời sống quá khứ**, khi bậc Đạo Sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni.

Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa:

63. Con được thừa tự Phật,
Ca-diếp khéo thiên định.
Biết được đời quá khứ,
Thấy cõi trời đọa xứ.

64. Ấn sĩ đoạn diệt sanh,
Thắng trí được thành tựu,
Cùng với Ba minh này,
Là Phạm chí Ba minh.

65. Cũng vậy nàng Bhaddà,
Người xứ Kapila,
Nàng là bậc Ba minh,
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.

66. Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được chế ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.

184 Thiền quán - Thiền quán về sự nguy hiểm của các dục - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, **nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.**

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài **rất hối hận sở hành của mình** khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Khổ thay là các **dục**!
Hỡi này Ê-ra-ka,
Không lạc là các **dục**!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
*Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.
Hỡi này Ê-ra-ka!
Hãy biết là như vậy.**

185 Thiền quán - Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

186 Thiền quán - Triển khai thiền quán khi mẹ dụ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84

Atuma – *Tiểu III*, 84 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là *Atuma*.

Khi ngài lớn lên, mẹ ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình.

Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, mẹ ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

*72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.*

Khi ngài đang đứng nói chuyện với mẹ ngài, ngài **triển khai thiền quán**, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A-la-hán.

187 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83

Vacchapàla – *Tiểu III*, 83 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và *Vacchapàla*.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của *Uruvela Kassapa* trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,*

Chúng được không khó khăn.

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

188 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

189 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên **con đường chánh trí**,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

190 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

191 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III, 94 (84)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

192 Thiền quán - Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động**. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,*

Hơn bất hạnh chúng tôi.

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, **như con ngựa hay được thúc đẩy**, ngài **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

193 Thiền quán - Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74

Pakkha – *Tiểu III*, 74 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda.

Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là **Pakkha (vị què quặt)** và giữ lại tên ấy.

Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng.

Một hôm vào làng khát thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con **điều hâu** ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con điều hâu khác bay theo đàn cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "**Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ**". Ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

*63. Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,
Vội lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Vội an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.*

194 Thiền quán - Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savanniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

*67. Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

195 Thiền quán - Trời mát, tâm định, thiền quán, chứng quả - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiền định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

211. Những chim công kêu hót,

Mào đẹp, lông đuôi xinh,
Vớ cổ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Vớ khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiện tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, **chứng quả A-
la-hán**. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

196 Thiền quán - Tu tập thiền định, trí tuệ chín muồi, phát triển thiền quán - Kinh Brahmàli – Tiểu III, 180

Brahmàli – Tiểu III, 180 (163)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở nước Kosala, con một Bà-la-môn, được đặt tên là Brahmàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, thúc đẩy bởi những **điều kiện chín muồi**, do giao hảo với bạn lành, ngài xuất gia, tu tập thiền định trong một ngôi rừng, nhờ trí tuệ chín muồi, ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Sống trong vị an lạc giải thoát, vị Trưởng lão rất thuần thực pháp tinh tấn, một hôm sống ở trong rừng ngài nói lên những bài kệ này, thay mặt cho các Tỷ-kheo ở trong rừng, những bài kệ tán thán **hạnh tinh tấn**:

*205. Với những ai, các căn,
Đã đi đến **tịnh chỉ**,
Như được khéo **điều phục**,
Bởi đánh xe **điều ngự**,
Kiều mạn được **đoạn tận**,*

*Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên rất ái mộ,
Những vị có hạnh ấy.*

*206. Với chính ta, các căn,
Đã đi đến tịnh chỉ,
Như được khéo điều phục,
Bởi đánh xe điều ngự,
Kiêu mạn được đoạn tận,
Không còn có lậu hoặc,
Chư Thiên ái mộ ta,
Ta thành tựu hạnh ấy.*

197 Thiền quán - Đề tài Quán bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **đục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

198 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Bốn sự thật - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và **là một vị hùng biện vô địch.**

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tur tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

199 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Nghĩa địa - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên **chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán** và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

200 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự kiện về con bò - Kinh Nandaka – Tiểu III, 158

Nandaka – *Tiểu III*, 158 (147)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Campà trong một gia đình thị dân, được đặt tên là *Nandaka*. Ngài là em trai của *Bharata* (sẽ được nói đến sau). Cả hai được nghe Sona Kolivisa thuyết pháp, liền xuất gia, nghĩ rằng: "Sona được nuôi dưỡng tể nhị còn xuất gia được, huống nữa chúng ta?"

Bharata chứng ngay **sáu thắng trí**, còn *Nandaka*, vì còn nhiều tư tưởng không trong sạch, không thể điều khiển được thiền quán, chỉ có thể thực hành.

Rồi *Bharata* muốn giúp đỡ ngài, khiến ngài làm thị giả và cả hai người ra đi. Ngồi bên vệ đường, *Bharata* thuyết pháp cho ngài về thiền quán.

Có một đoàn lữ hành đi ngang qua, một con bò đực kéo xe qua đám bùn không nổi nên ngã quỵ xuống. Ngài dạy cỡi con bò khỏi chiếc xe, cho nó ăn cỏ, uống nước. Con bò khỏi sự mệt nhọc lại được cột vào xe, với sức mạnh, được bồi dưỡng, con bò kéo xe qua được đám bùn, Bharata nói:

- Nay em Nandaka, em có thấy hiện tượng ấy không?

- Thưa anh, em có thấy.

- Vậy hãy tìm hiểu ý nghĩa! Và Nandaka nói: "Nhu con bò được bồi dưỡng, lấy lại sức mạnh, ta cần phải tư lực lôi mình ra khỏi đám bùn lầy của tái sanh!".

Dùng sự kiện này là một **đề tài thiền quán**, ngài đã chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài tuyên bố chánh trí của ngài cho người anh nghe với những bài kệ:

173. Như con vật hiền thiện,
Thuộc giống tốt, khéo luyện,
Sau khi ngã quỵ xuống,
Lại gượng lên đứng dậy,
Lấy được thêm sức mạnh,
Không bỏ kéo gánh nặng.

174. Cũng vậy, hãy nhận con,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Con đầy đủ **chánh kiến**,
Khéo tu luyện thuần thực,
Con thật con chánh thống.
Của đức Phật Chánh giác.

201 Thiền quán - Đề tài thiền quán - Sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – Tiểu III, 89 (79)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiền quán, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,

*Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

202 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 237

Sumana – *Tiểu III*, 237 (201)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình thường dân, ở Kosala, tên là *Sumana*, ngài lớn lên trong hoàn cảnh may mắn. **Anh mẹ ngài trở thành vị A-la-hán**, sống ở trong rừng.

Và khi *Sumana* đến tuổi trưởng thành, cậu ngài cho ngài xuất gia và trao cho ngài đề tài để **thiền quán** về phía **giới hạnh**.

Cuối cùng, khi **Bốn thiền và Năm thắng trí** đã chứng được, vị Trưởng lão chỉ cho ngài **phương pháp thiền quán**, và nhờ vậy ngài chứng quả A-la-hán.

Khi đi đến người cậu của ngài, ngài được hỏi về sự thành công và ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

329. *Điều giáo thọ sư muốn,
Tôi biết trong chánh pháp,
Vớ tôi mong **bất tử**,
Điều phải làm, làm xong.*

330. ***Pháp tôi đạt, tự chứng,***

*Không phải chỉ nghe suông,
Trí tôi được thanh tịnh,
Không còn có nghi ngờ,
Mong tôi đứng gần ngài,
Nói lên điều xác chứng.*

331. Tôi biết các đời trước,
Thiên nhân tôi thanh tịnh,
Mục đích tôi đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

332. Học tập, không phóng dật,
Khéo nghe lời ngài dạy,
Mọi lậu hoặc, tôi đoạn,
Nay không còn tái sanh.

333. Ngài giảng tôi **Thánh giới**,
Từ mẫn ngài hộ trì.
Ngài dạy, không vô ích,
Tôi đệ tử học ngài.

203 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Giới luật - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và **triển khai thiền quán** trên căn bản thiền tư về **giới luật**.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

204 Thiền quán - Đề tài thiền quán là Hàm răng - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,

Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.

469. *Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.

471. Không biết được phần trong,

*Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chướng ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

205 Thiền quán - Đề tài thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

206 Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trợn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

207 Thiền quán Tánh sanh diệt của ngũ uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.*

208 Thiền quán chứng được Sáu thắng trí - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là *Lomasakangiya*.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "*Nhứt dạ hiền giả* - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,*

Hạnh cô độc viễn ly.

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

209 Thiền quán khi định tự sát và chứng quả - Kinh Sīha – Tiểu III, 582

Sīha – *Tiểu III*, 582 (40)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesālī, **con gái của một người chị võ tướng Sīha**. Do vậy, nàng được đặt tên là Sīha, như tên của người cậu của nàng.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp cho người cậu, Sīha trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Khi nàng tu tập **thiền quán**, nàng không thể chận đứng tâm tư nàng chạy theo những ngoại vật khả ý. **Bảy năm** bị dày vò, nàng kết luận: "*Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn*".

Rồi nàng cột sợi dây trên cây, **đút cổ vào thông lọng để thắt cổ chết**. Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh thần chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng **triển khai thiền quán**. Đối với nàng đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng, trong giờ phút cuối cùng, **trí tuệ** nàng được viên mãn, và với **nội tâm thiền quán** nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Mở thông lọng ra nàng trở về lại tình xá. Được thành một vị A-la-hán, nàng sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ:

77. *Không như lý tác ý,
Bị dục tham ám ảnh,
Ta trước bị dao động,
Không chế ngự được tâm.*

78. Bị phiền não chi phối,
Lạc tướng ngự trị ta,
Tâm ta không thăng bằng,
Bị *tham* tâm chi phối.

79. *Bảy năm* sống ốm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu,
Đêm ngày không an lạc,
Ta sống chịu khổ đau.

80. *Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hạ liệt.*

81. *Làm chắc dây thông lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thông lọng quanh cổ,*

Tâm ta liền giải thoát.

210 Thiền quán năm uẩn và chứng quả - Kinh Mittakali – Tiểu III, 588

Mittakali – *Tiểu III, 588 (43)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammāsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được **nghe giảng về Bốn niệm xứ** và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni.

Trong **bảy năm** nàng ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã về sau nàng biết **như lý tác ý, triển khai thiền quán** và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của nàng.

92. Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta sống tâm hướng mạnh,
Theo lợi dưỡng cung kính.

93. Từ bỏ đích tối thượng,
Phục vụ đích hạ liệt,

*Bị phiền não ngự trị,
Bỏ đích Sa-môn hạnh.*

*94. Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta cảm bị dao động,
Ta đi vào tà đạo,
Khát ái ngự trị ta.*

*95. Ngắn ngủi sinh mạng ta,
Già, bệnh đang đè nặng,
Trước khi thân hủy diệt,
Giờ phóng dật không còn.*

*96. Như thật ta quán sát,
Sinh diệt của các uẩn,
Tâm giải thoát, ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.*

211 Thiền quán sau khi chế ngự buồn ngủ, chứng quả - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bālakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đấy để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đấy, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đấy té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,

Lại lên đường kinh hành,
Qua lại đường kinh hành,
*Nội tâm ta **định** tĩnh.*

***Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiểm lộ,
Nhàm chán ta an trú.***

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

212 Thiền quán sau khi đoạn tận kiêu mạn và chứng quả - Kinh Harita – Tiểu III, 208

Harita – Tiểu III, 208 (184)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn. Vì tự kiêu sanh trong giai cấp cao, ngài quen gọi các người khác là *hạ sanh*.

Khi khởi lòng tin xuất gia, vì thói quen, ngài vẫn giữ tật xấu ấy. Nhưng một ngày kia, sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng, ngài ôn lại tâm tư của mình và ngài thấy lo ngại vì lòng tự kiêu của mình. **Đoạn tận kiêu mạn** ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó sống trong an lạc giải thoát, ngài chứng minh chánh trí của mình trong những bài kệ giảng dạy các Tỷ-kheo:

*260. Với ai, những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy, tự phá hoại,*

*Căn cứ địa an lạc,
Về sau chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.*

*261. Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

*262. Niết-bàn khéo an lạc,
Bậc Chánh giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự, là an ổn,
Tại đây, nỗi đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.*

213 Thiên quán sự sanh diệt của năm uẩn - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mồi

bò ra cắn chồng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hồi hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hờ hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả toại, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"**Thế Tôn hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chim điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết, cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng**".*

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu độ cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "*Ôi Patacàra, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm **chỗ nương tựa**. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống **giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn**".* Rồi đức Phật dạy:

*Các con, cha, bà con,
Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,*

*Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thời nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ*

*một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không
thấy được sự thật ấy":*

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

*114. Khi ta đang rửa chân,
Làm cho dòng nước chảy,*

*Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

*115. Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn quán ngọn đèn.*

*116. Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tim đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

214 Thiền quán và chứng 6 thắng trí - Kinh Nigrodha – Tiểu III, 31

Nigrodha – Tiểu III, 31 (21)

Trong lời đức Phật tại thế, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn có danh tiếng ở Sàvatthi.

Khi tinh xá Jetavana được dâng cúng đức Phật, trông thấy tướng tốt uy nghiêm của đức Phật, ngài được cảm hóa và xuất gia.

Khi **phát triển thiền quán**, ngài có thể đạt được **sáu thắng trí**. Suy tư đến sự an lạc quả chứng, sự lợi ích của giáo pháp giúp thoát khỏi tái sanh, ngài nói lên bài kệ này để tuyên bố chánh trí của ngài:

21. Đối với ta, sợ hãi
Không làm ta sợ hãi,
Thâm hiểu **đạo bất tử**,
Bậc Đạo Sư chứng ta,
Không tìm được chân đứng,
Ở đâu, sợ sợ hãi,
Chỗ ấy vị Tỷ-kheo,
Dẫn bước trên đường ấy.

215 Thiền quán và chứng quả - Kinh Isidàsi – Tiểu III, 703

Isidàsi – *Tiểu III*, 703 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Ujjeni, con gái một thương gia có giới đức, được kính trọng, và giàu có và đặt tên là Isidàsi.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha nàng gả nàng cho con trai một người thương gia, xứng đôi vừa lứa. Trong một tháng, nàng sống với chồng như một người vợ trung thành. Nhưng vì **nghiệp** đời trước của nàng, **chồng nàng trở thành lạnh nhạt** đối với nàng và đuổi nàng ra khỏi nhà. Mọi sự việc này được ghi rõ trong nguyên bản Pàli. Vì nàng tự tỏ không xứng đáng đối với người chồng này và chồng khác, nàng trở thành dao động, và được cha cho phép, nàng xuất gia với sự hướng dẫn của Trưởng lão Ni Jinadattà.

Sau khi **tu học thiền quán**, không bao lâu nàng chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về pháp và về nghĩa.

Sống trong sự an lạc Niết-bàn, một hôm sau khi đi khát thực và ăn xong, trong thành Patna, nàng ngồi bên bờ cát sông Hằng và đáp lời hỏi của Trưởng lão Ni Bodhi, nàng nói lên kinh nghiệm tu tập của nàng

ngang qua những bài kệ này. Và để cho có sự liên hệ giữa các câu trả lời trước và sau có bài kệ được các nhà kiết tập về sau thêm vào:

*400. Trong thành được đặt tên,
Tên chỉ một đóa hoa,
"Pàtaliputta",
"Con của đóa bông kèn",
Sống hai Tỷ-kheo-ni,
Có giới hạnh tốt đẹp,
Thuộc gia đình Thích-ca,
Gia đình cao quyền quý.*

*401. Một I-xi-đa-xi,
Thứ hai tên Bô-dhi,
Cả hai có giới hạnh,
Ưu thích tu thiền định,
Được nghe kinh điển nhiều,
Kiết sử được trừ bỏ.*

*402. Họ đi khát thực xong,
Ăn xong, bát rửa sạch,
Ngồi hưởng lạc viển ly,
Nói lên những lời này.*

*403. Hồi I-xi-đa-xi,
Căn nàng thật thoải mái,*

*Tuổi thọ chưa tổn giảm;
Nàng thấy khuyết điểm gì,
Khiến tâm chú trọng nhiều,
Đến hạnh nguyện xuất ly.*

*404. Như vậy sống viên ly,
Thiện xảo về thuyết pháp,
I-xi-da-xi thuyết,
Lời nói như thế này,
Hãy nghe, này Bô-đi,
Ta xuất gia thế nào.*

*405. Tại thành phố thù thắng,
Đặt tên Uj-jê-ni,
Cha ta là triệu phú,
Có đức độ giới hạnh,
Ta là con gái một,
Được cha thương, yêu quý.*

*406. Từ thành Xê-kê-ta,
Một người dạm hỏi đến,
Một gia đình quyền quý,
Hỏi ta cho con trai,
Triệu phú bèn gả ta,
Làm dâu người giàu ấy.*

407. Sáng và chiều, ta đến,

*Đánh lễ cha, mẹ chồng,
Cúi đầu đánh lễ chân,
Như ta được dạy bảo.*

*408. Với chị, với em anh,
Với bà con chồng ta,
Thấy một người bước vào,
Ta e sợ mời ngồi.*

*409. Về đồ ăn, uống, nhai,
Được cất giữ có chỗ,
Ta thiết đãi cho ăn,
Thích hợp từng người một.*

*410. Ta thức dậy đúng thời,
Đi vòng quanh khắp nhà,
Rồi chà rửa chân tay,
Ta đến lễ chồng ta.*

*411. Cầm theo lược trang liệu,
Thuốc xoa mắt gương nhỏ,
Ta trang điểm chồng ta,
Như thị tỳ hầu hạ.*

*412. Ta tự nấu dọn cơm,
Ta tự rửa chén bát,
Như mẹ đối với con,*

Ta hầu chồng như vậy.

*413. Như vậy phục vụ chồng,
Với phục vụ tối thượng,
Dậy sớm không biếng nhác,
Với tâm tư khiêm tốn,
Với giới hạnh tốt đẹp,
Nhưng chồng ác cảm ta.*

*414. Chồng ta nói mẹ cha,
Xin phép con sẽ đi,
Với I-xi-đa-xi,
Con không thể sống chung,
Cùng dưới một mái nhà,
Con không thể cùng ở.*

*415. Chớ nói vậy, này con!
Vợ con người có trí,
Thông minh, biết dậy sớm,
Sao con không hoan hỷ.*

*416. Nàng không hại gì con,
Nhưng con không bao giờ,
Có thể sống chung được,
Với I-xi-đa-xi,
Con ghét cay chán ngấy,
Xin phép, con sẽ đi.*

417. Được nghe lời chồng nói,
Cha mẹ chồng hỏi con.
Làm gì xúc phạm chồng?
Hãy thẳng thắn nói thật.

418. Con không xúc phạm gì!
Không hại, không mưu tính.
Với lời nói khó chịu,
Có thể làm gì được?
Tuy vậy chồng của con,
Lại ác cảm chống con.

419. Họ đưa ta về nhà,
Nhà thân phụ của ta,
Với tâm tư khổ não,
Sửng sốt và bối rối,
Không muốn mất con trai,
Họ muốn bảo vệ nó.
Ôi, chúng ta bại trận,
Bởi nữ thần may rủi.

420. **Cha ta lại gả ta,**
Cho gia đình thứ hai,
Một gia đình giàu có,
Bằng lòng nửa số tiền,
Là tiền gả bán ta.

421. **Ta chỉ sống một tháng,**
Trong gia đình vị ấy,
Vị ấy trả lui ta,
Dầu ta tận tụy làm,
Chẳng khác người nô lệ,
Không lỗi lầm, có đức.

422. **Cha ta nói khát sĩ,**
Sống điều phục chế ngự,
Người hãy làm rể ta,
Bỏ áo rách ghè bình.

423. Vị ấy sống **nửa tháng,**
Rồi nói với cha ta,
Hãy trả lui áo rách,
Ghè bình và bình bát,
Con nay muốn sống lại,
Nghề khát sĩ của con.

424. Cha, mẹ, toàn bà con,
Liên nói với vị ấy:
Ở đây có cái gì,
Làm con không bằng lòng?
Hãy nói gấp cái gì,
Làm con không vừa ý.

425. Được nói vậy, vị ấy,
Liên trả lời như sau:
Nếu đối với tự ngã,
Con có thể bằng lòng,
Nhưng con không chung sống,
Với I-xi-đa-xi!

426. Từ già vị ấy đi,
Một mình, ta suy nghĩ:
Ta đến để xin phép,
Hoặc chết hay xuất gia.

427. Rồi Ji-na-đạt-ta.
Vị ni sư ấy đến,
Trong khi đi khát thực,
Đến gia đình cha ta,
Vị thọ trì giới luật,
Nghe nhiều, có giới hạnh.

428. Thấy Ni sư, chúng tôi,
Đều đứng lên kính cẩn,
Và ta liền sửa soạn,
Chỗ ngồi cho Ni sư,
Ngồi xuống, ta đánh lễ,
Dưới chân bậc Ni sư,
Lễ xong, ta cúng dường,
Các đồ ăn đồ uống.

429. Các món ăn, uống, nhai,
Tại đây, được dự trữ,
Làm Ni sư thỏa mãn,
Ta thừa với Ni sư,
Nay ta muốn xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Cha ta nói với ta:
"Này con hãy ở đây".

430. Hành trì đúng Chánh pháp,
Với đồ ăn đồ uống,
Hãy làm cho thỏa mãn,
Sa-môn, hai lần sanh.

431. Vừa nói, ta khóc lóc,
Chấp tay vái cha ta;
Với điều ác con làm,
Con sẽ tiêu nghiệp ấy.

432. Cha ta nói với ta:
Hãy chứng ngộ Bồ-đề.
Và Chánh pháp tối thượng!
Hãy chứng đắc Niết-bàn,
Đã được Lương Túc Tôn,
Thành tựu và chứng đạt.

433. Ta đánh lễ mẹ cha,
Cùng tất cả bà con,
Sau **bảy** ngày xuất gia,
Ta chứng được **Ba minh**.

434. **Ta biết bảy đời trước,
Quả gì nay thành thực,
Ta sẽ nói cho bạn,
Hãy nhất trí lắng nghe.**

435. Tại thành phố đặt tên,
Ê-ra-ka-kac-chê,
**Ta sống là thợ vàng,
Tài sản thật phong phú.**

436. Say đắm với tuổi trẻ,
Ta xâm phạm vợ người,
Do vậy, sau khi chết,
Trong cảnh giới địa ngục,
Ta bị đốt, nung nấu,
Trong một thời gian dài,
Thoát khỏi sự nung đốt,
Ta sanh trong bụng **khỉ**.

437. Bảy ngày từ khi sanh,
Ta **bị khỉ chúa thiến,**
Đây là quả của nghiệp,

Do đi đến vợ người.

438. Từ đây ta chết đi,
Mệnh chung rùng Xin-đa,
Sanh trong bụng con **đê**,
Một mắt và què quặt.

439. **Mười hai năm bị thiên,**
Mang nặng những đứa con,
Sán trùng ăn vô dụng,
Do đi đến vợ người.

440. Từ đây ta chết đi,
Sanh làm con **bò cái**,
Của một lái buôn bò,
Con ghé màu đỏ sẫm,
Khi được mười hai tháng.
Lại bị người ta thiên.

441. Rồi ta lại kéo cày,
Kéo xe cho chúng nó,
Mù, lo lắng, vô dụng,
Do đi lại vợ người.

442. Từ đây chết được sanh,
Nhà **nữ tỳ gần đường,**
Không là nữ, không nam,

Do đi lại vợ người.

443. Đến tuổi **ba mươi** năm,
Bị chết, ta được sanh,
Sanh làm người con gái,
Gia đình người đánh xe,
Nghèo khổ ít tài sản,
Rơi vào tay vay lãi,
Do tiền nợ tăng trưởng,
Chủ lãi đoàn bắt ta.

444. Kéo ta, dầu ta khóc,
Lôi ta ra khỏi nhà.

445. Khi ta mười sáu tuổi,
Lớn lên thành thiếu nữ,
Con trai thương gia ấy,
Bắt ta lấy làm vợ.

446. Nhưng nó có vợ khác,
Có giới đức danh xưng,
Lại biết thương mến chồng,
Chính ta tạo thù hằn.

447. Do quả của nghiệp này,
Họ khinh ghét chống ta,
Dầu ta như nô tỳ,

*Hầu hạ phục vụ họ,
Nhưng nay ta chấm dứt,
Mọi sự việc như trên.*

216 Thiền quán và chứng quả - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!**
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

217 Thiền quán và chứng quả - Kinh Sakulà – Tiểu III, 590

Sakulà – *Tiểu III*, 590 (44)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm Bà-la-môn, ở Sàvatthi, tên là *Sakulà*. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, nàng trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần **triển khai thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Về sau tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thế Tôn tán thán là **Thiên nhãn đệ nhất**. Sau khi suy tư đến kết quả chứng của mình, nàng phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

97. *Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỷ kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.*

98. *Từ bỏ con trai, gái,
Cả tài sản lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia,
Sống đời sống không nhà.*

99. *Ta làm người học nữ,
Tu tập con đường chánh,
**Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.***

100. *Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Không uế, khéo tu tập.*

101. ***Thấy các hàng ngoại diện,
Do nhân sanh biến hoại,
Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tịnh.***

218 Thiên quán và chứng quả - Kinh Sielà – Tiểu III, 573

Sielà – *Tiểu III*, 573 (35)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm **công chúa con vua nước Alavì**, tên là *Sielà*. Nàng cũng được biết với tên là Alavika (người nước Alavì).

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư cảm hóa được vua cha, làm lễ xuất gia cho vua và cùng đi đến Alavì. Sielà chưa lập gia đình, cùng đi với phụ vương nghe thuyết pháp và trở thành một tín nữ.

Về sau nàng xuất gia, **chuyên tu thiên quán** và cuối cùng nhờ thiện duyên tốt đẹp, nhờ trí tuệ được triển khai, nàng **nhiep phục được thân hành, khẩu hành, ý hành** và chứng được quả A-la-hán.

Về sau trở thành một Trưởng lão Ni, nàng ở Sàvatthi. Một hôm, nàng đi ra khỏi Sàvatthi để nghỉ ban ngày tại Andhavana và ngồi dưới một gốc cây. **Ác ma** muốn phá sự an tịnh độc cư của nàng, dưới hình thức là một người lạ mặt, đến với nàng và nói như sau:

*57. Nàng sẽ không thoát khỏi,
Thoát ly khỏi đời này,*

*Như vậy hạnh viễn ly,
Nàng dùng để làm gì?
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Chớ dứt rút về sau.*

Rồi nàng suy nghĩ: "Đây là Ác ma muốn ngăn chặn ta không được hưởng Niết-bàn. Nó không biết ta đã chứng quả A-la-hán. Vậy nay ta hãy làm cho nó mở mắt" và nàng nói lên bài kệ:

*58. Các **dục** giống gươm giáo,
Chém nát các **uẩn** ta,
Những dục mà người gọi,
Là lạc thú cuộc đời.*

*59. Ngày nay dục lạc ấy,
Với ta không hấp dẫn,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
*Khởi tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Người hãy biết như vậy,
Người chính là Ác ma,
Người đã bị bại trận.**

219 Thiền quán và chứng quả - Kinh Somà – Tiểu III, 575

Somà – *Tiểu III*, 575 (36)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sinh ra là con gái vị giáo sĩ của vua Bimbisàra. (Bình Sa Vương) và được đặt tên là **Somà**.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành một tín nữ, và về sau nàng xuất gia và nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Ở tại Sàvatthi, một ngày kia nàng đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. **Ác ma** đến và muốn phá sự an tịnh cô độc của nàng, tàng hình không cho nàng thấy và nói lên như sau:

*60. Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt.*

Rồi nàng cự lại Ác ma:

61-62. **Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khởi tối tăm mù mịt,
Đã bị làm tan nát.**
Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.

220 Thiền quán và chứng quả - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571

Sukkà – *Tiểu III*, 571 (34)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình quyền quý ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkà (Sáng Suốt).

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinnà. Sau khi tu **thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỷ-kheo-ni đoanh vây, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khất thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đây Sukkà thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, **thuyết hay cho đến nổi** các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ nàng, những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Rồi một **vị thần cây**, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng,

nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

54. *Hỡi này người Vương Xá,
Các người đã làm gì?
Giống như người nằm mê,
Bị say vì uống mật!
Các người không hầu hạ,
Sukkà thuyết lời Phật.*

55. *Chúng tôi nghĩ bậc trí,
Uống được nước cam lồ,
Dòng nước thật thuần tịnh,
Không gì chướng ngại nổi,
Chẳng khác kẻ đi đường,
Đón nhận nước trời mưa.*

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp.

Sau một thời gian, vào cuối cuộc đời khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời. Nàng muốn nói lên pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát như thế nào, **nàng tuyên bố như sau về chánh trí của nàng.**

56. *Hỡi này nàng Sukkà!*

*Người con của ánh sáng!
Được ly tham định tĩnh,
Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
Hãy mang thân cuối cùng,
Sau khi thấy ma quân.*

221 Thiền quán và chứng quả - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏ phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ư tái sanh,
Vội thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sầu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.
Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, tình vắn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví gươm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như gươm, như cọc,
Bệnh tật và cục bấu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lòng,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sâu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

222 Thiên quán và chứng quả - Kinh Ubirì – Tiểu III, 569

Ubirì – *Tiểu III, 569 (33)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình khá giả quyền quý. Nàng rất đẹp và sanh được người con gái rất đẹp, đặt tên là Jivà.

Vua thấy đứa con gái rất lấy làm hài lòng và đưa nàng lên làm hoàng hậu. Nhưng rồi đứa con gái Jivà bị chết, và bà mẹ ngày nào cũng đi đến nghĩa địa để than khóc.

Một hôm nàng đi đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng rồi nàng đi ra bên sông Aciravàti và đứng than khóc. Bậc Đạo Sư thấy vậy liền đến với nàng và hỏi:

- *Tại sao nàng khóc?*

Nàng đáp:

- *Bạch Thế Tôn, con khóc đứa con gái của con.*

Thế Tôn nói:

- *Tại nghĩa địa này có đến tám vạn bốn ngàn con gái của nàng bị thiêu. Vậy nàng khóc than cho ai!*

Rồi chỉ cho nàng thấy chỗ đất các người bị chết, **Thế**
Tôn nói lên bài kệ:

51. *Hỡi nàng Ubirì,
Nàng khóc trong rừng sâu,
Khóc than ôi Jivà,
Con gái thân của tôi,
Hãy tự mình hồi tỉnh,
Hỡi này Ubirì!
*Trong bãi đốt thân này,
Tất cả tám vạn tư,
Người đồng tên Jivà,
Nàng khóc Jivà nào?**

Nàng suy tư với trí tuệ, trên pháp bậc Đạo Sư dạy.
Nhờ **thiền quán** tác động, những lời dạy tốt đẹp của
bậc Đạo Sư, và với tự mình đạt được những điều kiện
cần thiết nàng chứng được quả cao nhất, cho đến quả
A-la-hán, và trình bày quả vị tối thượng nàng đạt
được, nàng nói lên nửa bài kệ sau:

52. *Mũi tên khó nhìn thấy,
Đâm dính nơi tâm ta,
Chắc chắn đã được Ngài,
Nhỏ lên khỏi tâm ta,
Sâu muợn vì con gái,
Đã được chấm dứt hẳn.*

*53. Nay mũi tên được nhổ,
Mọi ham muốn lắng dịu,
Ta đi đến quy y,
Bậc Mâu-ni ẩn sĩ,
Quy y Ba ngôi báu,
Phật, Pháp và chúng Tăng.*

223 Thiền quán và chứng quả - Kinh Upàli – Tiểu III, 203

Upàli – Tiểu III, 203 (180)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong gia đình một người cạo tóc tên là Upàli.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài xuất gia, theo gương của Anuruddha và năm vị con cháu hoàng tộc, khi đức Phật ở tại rừng Anupiyà.

Khi ngài nhận một đề tài để thiền quán, ngài yêu cầu đức Phật đừng đưa ngài đi sống ra ngoài khu rừng. Đức Phật dạy: *"Nếu Thầy sống trong rừng, Thầy chỉ phát triển được một vấn đề, nhưng nếu Thầy sống với Ta, Thầy sẽ trở thành thuần thục cả về **kinh học và thiền quán**".* Ngài vâng theo lời bậc Đạo Sư khuyên tu **thiền quán** và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Tuy vậy, bậc Đạo Sư dạy cho ngài cả **Luật tạng**. Về sau, khi Upàli được Thế Tôn khen vì Upàli đã phán quyết trong ba trường hợp về *Ajjuka*, về *Tỷ-kheo Kurukacchaka* và *Kumàra-Kacapa*, ngài được xem là vị hiểu biết Luật tạng.

Trong một ngày trai giới, khi ngài đang đọc giới bốn Pàtimokkha, ngài giáo giới các Tỷ-kheo như sau:

248. Vì lòng tin ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Hãy sống với bạn lành,
Mạng thanh tịnh, không nhác.

249. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Tỷ-kheo trú giữa chúng,
Sáng suốt, học Luật tạng.

250. Vì lòng tin, ra đi,
Mới xuất gia, tân học,
Khéo biết việc nên làm,
Và việc không nên làm,
Hãy để vị ấy sống,
Không để cao tôn xưng.

224 Thiền quán và chứng quả - Kinh Vijjaya – Tiểu III, 624

Vijjaya – Tiểu III, 624 (57)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) trong một gia đình thường dân, khi lớn lên nàng trở thành **bạn của Khemà**, đưa nàng trở thành Trưởng lão Ni, khi ấy còn là nữ cư sĩ.

Khi nghe Khemà xuất gia, nàng nói: "**Khemà là hoàng hậu còn xuất gia được, huống nữa là ta**". Nàng đi đến Khemà, và Khemà biết tâm nguyện căn cơ của nàng nên thuyết pháp, **khiến nàng suy tư đến sanh lão bệnh tử và tìm được an ổn trong đạo pháp**.

Rồi Khemà cho nàng xuất gia, nàng hầu hạ, học hỏi làm tròn bốn phận của mình, tu tập **thiền quán** và khi trí tuệ thuần, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Rồi suy tư trên quả chứng của mình nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng:

*169. Bốn lần và năm lần,
Ta ra khỏi tình xá,
Tâm không được an tịnh,
Không chế ngự được tâm.*

170. Ta đến Tỳ-kheo-ni,
Ta hỏi, đàm luận pháp,
Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **giới** và về **xứ**.

171. **Bốn sự thật bậc Thánh,**
Về **các căn, các lực,**
Giác chi, Tám đường chánh,
Đạt đạo tối thượng nghĩa.

172. **Nghe lời vị ấy dạy,**
Ta làm theo giáo huấn,
Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ đến đời trước.

173. Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhãn được thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Khởi si ám tan lành.

174. Từ đây ta được sống,
Biến mãn thân hỷ lạc,
Đêm thứ bảy, duỗi chân,
Khởi si ám tan lành.

225 Thiền quán và chứng quả - Kinh Vàsitthi – Tiểu III, 611

Vàsitthi – Tiểu III, 611 (51)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh làm con một nhà quyền quý ở Vesàli. Khi nàng lớn, nàng được gả cho một người chồng tương xứng và nàng sống vui vẻ với người chồng.**

Khi có được đứa con, mới tập chạy, **nó chết đi** và nàng quá đau khổ vì đứa con chết. Khi các người bà con chữa bệnh cho chồng, **nàng bỏ trốn** và lang thang khắp đó đây cho đến khi nàng đến Mithilà.

Tại đây, nàng thấy đức Phật đang đi trên đường, tự tại, tự chế, làm chủ các căn. Khi thấy bậc Đạo Sư và nhờ Phật lực nàng lấy lại được sự bình tĩnh. Rồi bậc Đạo Sư thuyết pháp vắn tắt cho nàng, và nàng xin được xuất gia và bậc Đạo Sư chấp nhận. Làm tất cả các bốn phận của mình, nàng an trú vào **thiền quán**, và với sự cố gắng vượt bậc, với trí tuệ chín muồi, nàng chứng quả A-la-hán, với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng sung sướng nói lên niềm hân hoan của mình:

133. Ta sầu muộn vì con,
Khổ, tâm cuồng tưởng loạn,
Lỗ thể, tóc rối ren,
Đời sống vậy, ta sống.

134. Lang thang đường, đống rác,
Nghĩa địa, đường xe đi,
Ba năm ta đã sống,
Kham khổ, chịu đói khát.

135. Rồi ta thấy Thiện Thệ,
Đến thành Mi-thi-la,
Điều ngự kẻ chưa điều,
Bậc Giác Ngộ, vô úy.

136. Lấy lui tâm bình tĩnh,
Ta đánh lễ đến gần.
Thương ta, Gotama,
Ngài thuyết pháp cho ta.

137. Nghe Ngài thuyết pháp xong,
Ta xuất gia, không nhà,
Tùy hành lời Đạo Sư,
Ta chứng đạo an ổn.

138. Mọi sầu muộn chặt đứt,
Đoạn tận, được chấm dứt,

*Ta liễu tri nền gốc,
Từ đây sâu muện sanh.*

226 Thiền quán và chứng quả vào ngày thứ bảy - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám tánh thuần thực của Sela** và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giáng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

227 Thiền quán về giới hạnh - Kinh Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60

Ràmaneyyaka – Tiểu III, 60 (49)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) con một gia đình giàu có. Tâm ngài rất xúc động khi Jetavana (Kỳ Viên) được dâng cúng đức Phật và ngài xuất gia.

Sống trong rừng, ngài **thiền quán về giới hạnh**, vì quả chứng và **hạnh dễ thương** của ngài, ngài được gọi là Ràmaneyyaka (hạnh khả ái, dễ thương).

Một hôm, **Ác-ma** muốn phá hoại ngài, đã phát ra một tiếng động rất lớn, ngài dùng bài kệ nói lên sự không xúc động của mình.

*49. Dầu tiếng người hò hét,
Tiếng náo động chim muông,
Tâm ta không dao động,
Ta ưa thích độc cư.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

228 Thiền quán đề tài Bốn Sự Thật - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 20

Punnamàsa – Tiểu III, 20 (10)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh làm con của Samiddhi, một Bà-la-môn ở Sàvatthi.

Ngài xuất gia khi sanh được đưa con trai, thọ giới dưới sự hướng dẫn của đức Phật, và lấy **BỐN SỰ THẬT** làm đề tài để thiền quán và ngài chứng được quả A-la-hán.

Vợ cũ của ngài tìm cách cám dỗ ngài, trang điểm rất đẹp mắt đến thăm ngài, và đem theo đứa con trai. Nhưng ngài hoàn toàn giải thoát, không còn vương bận gì và nói lên bài kệ này:

*10. Ta sống không mong chờ,
Đời này hay đời sau,
Vị đã đạt trí tuệ,
An tịnh, tự chế ngự,
Không dính nhiễm các pháp,
Biết sanh diệt của đời.*

Vợ của ngài nghĩ rằng: "*Vị Trưởng lão này không để ý gì đến ta và con ta nữa, ta không thể cảm dỗ ngài*" nên nàng bỏ đi.

229 Thiền quán đệ nhất - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11

Mahàkotthita – Tiểu III, 11 (2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Thực hiện **thiền quán** từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

*2. Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,*

*Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

230 Thiên quán đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Khemà – Tiểu III, 613

Khemà – Tiểu III, 613 (52)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh nước Magadha (Ma-kiệt-đà) ở Sàgala, thuộc gia đình hoàng tộc, tên là Khemà. Nhan sắc đẹp đẽ, với da như vàng, nàng trở thành hoàng hậu Vua Bimbisàra.

Khi Thế Tôn ở tại Veluvana (Trúc Lâm), nàng không đi đến yết kiến đức Phật vì sợ Thế Tôn chỉ trích lỗi của mình. Vua muốn nàng đi thăm Trúc Lâm, nên nhờ người tán thán ngôi vườn này, và cuối cùng nàng bằng lòng cùng vua đi đến tinh xá, không thấy Thế Tôn, nhưng muốn nàng thấy cho được Thế Tôn, dầu phải bắt nàng ở lại. Khi nàng sắp sửa từ giả tinh xá nhưng không gặp được Thế Tôn, các người hầu cận giữ nàng ở lại và đưa nàng đến gặp đức Thế Tôn một cách miễn cưỡng.

Đức Thế Tôn dùng thần lực hóa hiện một tiên nữ rất đẹp đang đứng quạt cho Ngài, sắc đẹp thắng xa sắc đẹp của nàng rất nhiều. Rồi trước mắt nàng, nữ nhân được hóa hiện ấy lớn lên trở thành già yếu răng rụng, tóc bạc, da nhăn và ngồi ngã xuống đất với chiếc quạt. Khemà thấy vậy, tự hỏi không biết thân mình

có chịu hoàn cảnh tương tự hay không. Thế Tôn biết được tâm trạng của nàng bèn nói lên bài kệ:

*Người đắm say các dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi kế không màng.
(Pháp cú, 347)*

Tập Sớ ghi chép, khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng quả A-la-hán với pháp tín thọ. Nhưng theo tập Apadàna, nàng chỉ mới chứng quả, Dự lưu và sau khi được phép vua cho xuất gia, nàng xuất gia và trở thành A-la-hán.

Sau đó, nàng tu tập thiền quán, có danh tiếng về môn tu này, và đức Phật khi ở Jetavana (Kỳ Viên) đã đặt nàng vào hạng **thiền quán đệ nhất**.

Một ngày kia, nàng ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây, **Ác ma** hiện lên, dưới hình thức một thanh niên và cám dỗ nàng với lòng dục như sau:

*139. Nàng vừa trẻ vừa đẹp,
Ta vừa trẻ vừa xuân,
Với cung đàn năm điệu,
Hãy vui hưởng, Khemà.*

Nàng trả lời:

140. *Với thân hôi thối này,
Bệnh hoạn và mong manh,
Ta nhàm chán ghét bỏ,
Dục ái đã nhỏ lên.*

141. *Dục ví như gươm giáo,
Các uẩn đoạn đầu đài,
Điều người nói dục lạc,
Nay ta đã xa lìa.*

142. *Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khối si ám tan tành,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Ngươi bị hại, Ma vương.*

143. *Ngươi đánh lễ vàng sao!
Ngươi thờ lửa rừng sâu,
Ngươi không biết như thật,
Kẻ ngu nghĩ rằng tịnh.*

144. *Còn ta, ta đánh lễ,
Bậc Giác ngộ, Thượng nhân,
Giải thoát mọi khổ đau,
Hành lời Đạo Sư dạy.*

231 Thiền quán, thiền định và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52

Sumangala – Tiểu III, 52 (43)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày.

Một hôm vua *Pasenadi* cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này.

Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình.

Khi về, ngài thấy các dân quê cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập **thiền định**, sống cô độc, **phát triển thiền quán**. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán.

Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!

Thật sự ta khéo thoát,

Thoát ba sự cong queo,

Ta thoát cong với liềm,

Ta thoát cột với cày,

Ta thoát cực với cuốc,

Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,

Hỡi Sumangala!

Hỡi Sumangala!

Hãy thiền, hãy thiền định!

Hỡi Sumangala!

Hãy sống không phóng dật.

232 Thiền quán, thiền định, trời dễ chịu và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiền định, thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

233 Thiền tư về giới hạnh - Kinh Ujiaya – Tiểu III, 58

Ujiaya – Tiểu III, 58 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rajagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn theo truyền thống.

Lớn lên và giỏi về ba tập Vệ-đà, ngài thấy không có cốt tủy. Với nghiệp lành chín muồi, ngài đi đến rừng Trúc nghe Thế Tôn giảng và xuất gia, **thiền tư về giới hạnh** trong rừng, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến Thế Tôn đánh lễ ngài, ngòì xuống một bên, tán thán Thế Tôn, ngài nói lên bài kệ đề cập đến chánh trí của ngài:

*47. Đánh lễ Phật, anh hùng,
Ngài giải thoát mọi chỗ,
Trong nếp sống của ngài,
Gồm cả phần giáo điển,
Con sống không lậu hoặc,
Không còn bị trói buộc.*

234 Thiền định - Hãy an trú tâm tư, Vào vật thanh tịnh này - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasetthi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.

566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.

235 Thiền định - Người hằng tu thiền định, Thường kiên trì tinh tấn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,
Phóng dật là đường chết.

Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "**Người hằng tu thiền định**,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiên định,
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí dẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tĩnh cần** giữa phóng dật,
Tĩnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thiêu kết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thôi đoạ,
Nhất định gần Niết Bàn."

236 Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

237 Thiền định, thiền quán và chứng quả - Kinh Sumangala – Tiểu III, 52

Sumangala – Tiểu III, 52 (43)

Ngài sanh ở tại một làng nhỏ, gần Sàvatthi, trong một gia đình nghèo khó. Lớn lên, ngài tự nuôi sống giữa đồng ruộng, với cái liềm, cái cuốc và cái cày.

Một hôm vua *Pasenadi* cúng dường đức Phật với chư Tăng và ngài đi đến, đem theo sữa và bơ cùng với các người làm công khác. Khi thấy các Tăng, Ni được cung kính cúng dường, ngài nghĩ các Tăng, Ni này sống trong các nhà cửa được che kín và mặc các y phục tốt đẹp và ngài xin xuất gia để hưởng những tiện nghi này.

Một Trưởng lão Tăng vì lòng từ chấp nhận ngài được xuất gia, cho ngài một đề tài tu hành và bảo ngài đi vào rừng để tu tập. Nhưng trong hạnh độc cư, ngài cảm thấy buồn bã chán nản và đi về lại làng của mình.

Khi về, ngài thấy các dân quê cày bừa với áo quần nhớp nhúa, đầy bụi bặm và bị nóng bức. Thấy vậy, ngài trở lại tu tập, đi đến dưới gốc cây, tu tập **thiền định**, sống cô độc, **phát triển thiền quán**. Cuối cùng, ngài chứng được quả A-la-hán.

Để nói lên sự giải thoát khỏi nỗi khổ cuộc đời, ngài thốt lên bài kệ này:

43. Khéo thoát! Ôi khéo thoát!

Thật sự ta khéo thoát,

Thoát ba sự cong queo,

Ta thoát cong với liềm,

Ta thoát cột với cày,

Ta thoát cựa với cuốc,

Nếu có đây, có đây,

Thật đủ chán, đủ chán,

Hỡi Sumangala!

Hỡi Sumangala!

Hãy thiền, hãy thiền định!

Hỡi Sumangala!

Hãy sống không phóng dật.

238 Thiên định, thiên quán, trời dễ chịu và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiên định, thiên quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

239 Thiểu dục tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III*, 407 (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: **"Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!"**

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tế nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

859. **Hạnh viên ly**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

860. **Không giao du**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

862. *Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây quán đảnh thứ hai.*

863. *Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm gươm,*

Ta đã sống sợ hãi.

864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên **giới uẩn**,
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

240 Thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 304 (Ek II. 6) (It. 9)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **Như lý tác ý**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị Tỷ kheo hữu học,
Hành **như lý tác ý**,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,

Lợi ích thật tối thượng.

*Vị Tử khéo như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

241 **Thiện - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 305 (Ek II. 7) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **làm bạn với thiện**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Tỷ-kheo làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,*

*Vị ấy sẽ tuân tữ,
Đạt được sự hoại diệt,
Tất cả mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

242 Thiện duyên đời trước - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

243 Thiện duyên đời trước - Kinh Malitavambha – Tiểu III, 112

Malitavambha – Tiểu III, 112 (105)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở thành phố Kurukaccha.

Ngài được Trưởng lão Bacchabhu cảm hóa và xuất gia, tu tập thiền quán, ngài trú tại chỗ đồ ăn khát thực khó kiếm, chỗ nào ba đồ vật dụng cần thiết khó kiếm, còn đồ ăn khát thực dễ kiếm thời ngài bỏ đi.

Tiếp tục như vậy, và nhờ thiện duyên đời trước, ngài trở thành bậc Đại nhân, **phát triển thiền quán** và chứng được quả A-la-hán. Suy nghĩ trên quả chứng của mình, ngài nói lên bài kệ:

*105. Ta không muốn an trú,
Khi ta không vừa ý,
Chỗ nào có lạc thú,
Ta liền rời bỏ đi,
Tại chỗ nào mục đích,
Không phải không liên hệ,
Chỗ ấy, người có mắt,
Có thể an trú được.*

244 Thiện hành - 3 thiện hành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 371

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 371 (Tik. II, 6) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thiện hành** này. Thế nào là ba? **Thân** thiện hành, **ngữ** thiện hành, **ý** thiện hành. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Từ bỏ thân làm ác,
Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và bất cứ hạnh gì,
Được gọi là hạnh ác,
Không làm các điều ác,
Làm nhiều những hạnh lành,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ thù thắng,
Vị ấy được sanh lên,
Trong cảnh giới chư Thiên.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

245 Thiện hạnh - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thân thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Với **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. **Người đệ tử Sa-di,**
Của Anuruddha,
Có thần thông uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. **Đạt được tịnh tối thắng,**
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "**Không ai biết ta**".

**246 Thiện hạnh, ắt nên làm, Làm xong,
không ăn năn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I,
92**

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I*, 92

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, dọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị dọa địa ngục.

312. Sống phóng dăng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng dăng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thù,

Trong ngoài đều phòng hộ,
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng **sợ**, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

247 Thiện nhân - Bạc hiền sĩ, trí tuệ, Bạc nghe nhiều, trì giới - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn?
Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

248 Thiện pháp tánh - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – *Tiểu I, 510* (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtàgira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàgira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtägira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtägira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

*Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bấp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tưởng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

249 Thiện và bất thiện - Đi trước là Minh và Vô minh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 339 (Duk. II, 3) (It. 34)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, **vô minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện, tiếp theo là xấu hổ, không sợ hãi.*
- *Này các Tỷ-kheo, **minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện, tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Phàm có ác thú gì,
Đời này và đời sau,
Tất cả do **vô minh**,
Làm gốc, làm cội rễ,
Dục tham được cất chứa,
Vì rằng kẻ ác dục,
Không xấu hổ, không kính,*

*Từ đó nó khởi ác,
Do vậy đi đọa xứ.*

*Vậy hãy nên từ bỏ,
Dục tham và vô minh,
Muốn **minh** được sanh khởi,
Tỷ-kheo cần từ bỏ
Tất cả mọi ác thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

250 Thiện và ác - Hãy gấp làm điều lành, Ngăn tâm làm điều ác - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55

Phẩm Ác – *Tiểu I*, 55

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn **tâm** làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều **ác**,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều **thiện**,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Người ác thấy là hiền.
Khi ác chưa chín muối,
Khi ác nghiệp chín muối,
Người ác mới thấy ác.

120. Người hiền thấy là ác,
Khi thiện chưa chín muối.
Khi thiện được chín muối,
Người hiền thấy là thiện.

121. Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.

122. Chớ chê khinh điều thiện,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,

Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được **quả ác nghiệp**.

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay **thần chết**.

251 Thiện xảo tâm diễn khởi, Khéo nắm giữ các tướng - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn *Rùpasàrì* và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến**.

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học **hạnh tịnh cư**.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiền.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

252 Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95

Sunàga – Tiểu III, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tục.***

253 Thiện ác - Dễ làm các điều ác, Dễ làm tự hại mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm**,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Để làm các điều ác,**
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thi,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.

Tĩnh, không tĩnh, tự mình,
Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

254 **Thiện ác - Mến kẻ bất thiện, không ái luyện bậc thiện - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493**

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,*

Ưu mến pháp, thành công,
Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,**

Thích hội chúng, thụ động,
Biếng nhác, thường phần nộ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ ba về bại vong.
Thứ tư, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. **Ai với mẹ hay cha,**
Già yếu, tuổi trẻ hết,
Tuy giàu không giúp đỡ,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ tư về bại vong.
Thứ năm, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
*Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
*Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen nàng không ngủ được,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu hoang phí,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. *Tài sản ít, ái lớn,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. *Bại vong này ở đời,
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

255 Thiện ác - Phẩm Ác - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55

Phẩm Ác – *Tiểu I*, 55

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn **tâm** làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều **ác**,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều **thiện**,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Người ác thấy là hiền.
Khi ác chưa chín muối,
Khi ác nghiệp chín muối,
Người ác mới thấy ác.

120. Người hiền thấy là ác,

Khi thiện chưa chín muối.
Khi thiện được chín muối,
Người hiền thấy là thiện.

121. Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.

122. Chớ chê khinh điều thiện,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,
Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được **quả ác nghiệp**.

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay **thần chết**.

256 Thiện ác rõ ràng - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 338 (Duk. II, 2) (It. 33)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh-Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai?

- *"Hãy thấy ác là ác", đây là thuyết pháp thứ nhất.*
- *Sau khi thấy ác là ác, ở đây, "Hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly", đây là thuyết pháp thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với Như Lai, Phật Đà,
Từ mãi mọi chúng sanh,*

*Hãy thấy lời thuyết giảng,
Tuân tự pháp theo pháp,
Hai pháp được trình bày,
**Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác
Và chính tại ở đây,
Từ bỏ, không tham đắm.**
Từ đây, không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,
Mọi khổ đau phiền não.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

257 Thiện ý - Người có tâm thiện ý - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 311

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 311 (Ek III, 1) (It. 13)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người **thiện ý** như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này được sanh lên thiên giới. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì **tâm người ấy thiện ý**.
- Này các Tỷ-kheo, vì nhân **tâm thiện ý**, như vậy ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Biết được **tâm thiện ý**,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,
Đã nói ý nghĩa này,
Chính trong thời gian này,*

*Người ấy bị mạng chung,
Người ấy sẽ được sanh,
Lên thiên giới thiện thú,
Vì tâm có thiện ý,
Tuỳ theo lấy những gì,
Tương xứng được lãnh thọ,
Như vậy được tương xứng.
Do nhân tâm thiện ý,
Chúng sanh đi thiện thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

258 **Thuyết pháp - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 338 (Duk. II, 2) (It. 33)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh-Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai?

- *"Hãy thấy ác là ác", đây là thuyết pháp thứ nhất.*
- *Sau khi thấy ác là ác, ở đây, "Hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly", đây là thuyết pháp thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với Như Lai, Phật Đà,
Từ mãi mọi chúng sanh,*

*Hãy thấy lời thuyết giảng,
Tuân tự pháp theo pháp,
Hai pháp được trình bày,
**Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác
Và chính tại ở đây,
Từ bỏ, không tham đắm.**
Từ đây, không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,
Mọi khổ đau phiền não.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

259 **Thuyết pháp - Chớ có tự kiêu mạn, Chớ có khinh khi người - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183**

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,**

Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.

210. **Với người, thấy ý nghĩa,**
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.

260 Thuyết pháp - Họ thuyết pháp quần chúng, Vì lợi, không vì nghĩa - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. *Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.*

921. *Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,*

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Như đối lâu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viễn ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vội cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

*Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.*

944. *Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.*

945. *Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.*

946. *Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.*

947. *Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,*

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

261 **Thuyết pháp - Không dao động, khiêm tôn, Khéo nói, khéo chế ngự - Kinh Visàkha Con Của Pancàlì – Tiểu III, 183**

Visàkha Con Của Pancàlì – *Tiểu III*, 183 (165)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị vua địa phương, được đặt tên là *Visàkha*. Vì ngài là **con trai một công chúa con vua**, về sau ngài được biết là *con trai của Pancàlì*.

Sau khi phụ vương mất, ngài nối ngôi vua, nhưng khi bậc Đạo Sư đến gần chỗ ngài ở, ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin rồi xuất gia. Theo bậc Đạo Sư đến Sàvatthi (Xá-vệ), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thắng trí**.

Với lòng từ mẫn nghĩ đến bà con, ngài viếng thăm quê hương cũ, dân chúng đến nghe ngài thuyết giảng rất đông. Một hôm có người hỏi: "**Có bao nhiêu đức tánh cần thiết để một người trở thành nhà thuyết pháp?**" Ngài trả lời đại cương những đức tánh trong những bài kệ sau đây:

209. **Chớ có tự kiêu mạn,**

*Chớ có khinh khi người,
Không khinh, không hại người,
Đã đến bờ bên kia,
Và chớ có khen mình,
Trước mặt các hội chúng,
Không dao động, khiêm tốn,
Khéo nói, khéo chế ngự.*

*210. Với người, thấy ý nghĩa,
Tế nhị và kín đáo,
Thiện xảo về trí tuệ,
Nếp sống khéo hộ trì,
Thực hiện giới chư Phật,
Niết-bàn đối vị ấy,
Không gì khó chứng đạt.*

262 Thuyết pháp - Tỷ kheo chế ngự miệng, Vừa lời, không cống cao - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,**

Khi trình bày pháp nghĩa,
Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử khéo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ khéo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ khéo dầu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sâu nã,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. **Người luôn luôn chánh niệm,
Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tự tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiển tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. Tự mình chỉ trích mình,
Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

263 Thuyết pháp - Vị Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III, 13 (4)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu

mười do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: "*Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành***". Với sự hoan hỷ phấn khởi, ngài nói lên bài kệ này:

**4. *Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền minh thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.***

264 Thuyết pháp - Đệ nhất Thuyết pháp lanh lợi - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

265 **Thuyết pháp hay đến nỗi vị thần cây xúc động - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571**

Sukkà – Tiểu III, 571 (34)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình quyền quý ở Rājagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkà (Sáng Suốt).

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinnà. Sau khi tu **thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỷ-kheo-ni đoanh vây, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khất thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đây Sukkà thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, **thuyết hay cho đến nỗi** các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ nàng, những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bất tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Rồi một **vị thần cây**, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng,

nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

54. *Hỡi này người Vương Xá,
Các người đã làm gì?
Giống như người nằm mê,
Bị say vì uống mật!
Các người không hầu hạ,
Sukkà thuyết lời Phật.*

55. *Chúng tôi nghĩ bậc trí,
Uống được nước cam lồ,
Dòng nước thật thuần tịnh,
Không gì chướng ngại nổi,
Chẳng khác kẻ đi đường,
Đón nhận nước trời mưa.*

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp.

Sau một thời gian, vào cuối cuộc đời khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời. Nàng muốn nói lên pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát như thế nào, **nàng tuyên bố như sau về chánh trí của nàng.**

56. *Hỡi này nàng Sukkà!*

*Người con của ánh sáng!
Được ly tham định tĩnh,
Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
Hãy mang thân cuối cùng,
Sau khi thấy ma quân.*

266 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkuta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến **Pháp báu** và **Tặng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thì móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-

hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.

548. **Với ai khéo tu tập,**
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.

549. **Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,**
Dầu tài sản kiệt tận,

***Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.***

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vi diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,

*Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.*

*556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

267 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Punna Mamtàniputta – Tiểu III, 13

Punna Mamtàniputta – *Tiểu III*, 13 (4)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh vào một gia tộc Bà-la-môn, trong làng Bà-la-môn Donavatthu, không xa Kapilavatthi (Ca-tỳ-la-vệ). Ngài là con trai của người chị của Trưởng lão *Kondanna* và được đặt tên là **Punna**.

Sau khi làm tròn bốn phận của một người Sa-di, ngài tinh tấn nỗ lực cho đến khi chứng được quả cao nhất. Rồi ngài đi với người cậu ngài đến sống gần bậc Đạo Sư, từ bỏ miền phụ cận Kapilavatthu, **chuyên tâm tu hành**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài Punna có đến năm trăm đồ chúng cùng ở trong gia tộc ngài, và tất cả đều xuất gia. Vì ngài giỏi về **mười căn bản của thuyết giảng**, ngài dạy cho các đệ tử của ngài lão luyện về mười căn bản này cho đến khi các vị này chứng quả A-la-hán.

Các đệ tử ngài yêu cầu ngài đưa họ đến yết kiến bậc Đạo Sư, nhưng ngài nghĩ không nên đi với số đồ chúng như vậy, liền bảo họ đi trước còn ngài đi sau. Các vị ấy là đồng hương với đức Phật, đã đi bộ sáu mươi do tuần đến Vương Xá, đến tại ngôi tịnh xá

Trúc Lâm và đánh lễ bậc Đạo Sư. Đức Phật hỏi ai đồng hương với Ngài có thể giảng được về đời sống giản dị, và các vị này giới thiệu ngài Punna. Khi bậc Đạo Sư đi từ Vương Xá đến Sàvatthi, ngài Punna cũng đi đến Sàvatthi, tại đây ngài được dạy về Chánh pháp. Rồi ngài đi vào rừng Andha để suy tư về Chánh pháp. Tôn giả **Sariputta** cũng đi theo vào rừng và đàm đạo Chánh pháp với Punna. Bậc Đạo Sư tuyên bố Punna là bậc **thuyết pháp đệ nhất**.

Một hôm, suy tư trên sự giải thoát chứng đạt, ngài suy tư như sau: *"Đối với ta và nhiều vị khác đã thoát khỏi đau khổ, thật là giúp đỡ lớn nếu **thân cận với bạn lành**"*. Với sự hoan hỷ phần khởi, ngài nói lên bài kệ này:

**4. *Hãy thân cận người hiền,
Bậc hiền mình thấy nghĩa,
Nghĩa lớn và thâm sâu,
Khó thấy, tế, tế nhị,
Bậc trí chứng đạt được,
Không phóng dật, chủ tâm.***

268 Thuyết pháp đệ nhất - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – Tiểu III, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gõ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người

kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

***Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

***Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185)

và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. VớI ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,
Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.

1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phạm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Ty-kheo.

1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.

III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. **Đệ tử Gotama,**

*Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với mình, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại **bị kích thích và tham dục khởi lên**. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

**1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.***

Và Tôn giả Ananda trả lời:

**1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,
Hệ lụy đến tham dục.***

**1225. *Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,***

*Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,

*Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.*

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

*1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.*

*1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.*

*1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thần,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.*

1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bạc nhỏ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cấu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.

1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,

*Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đê tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đê tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

- Vậy nay Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,*

Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.

1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.

1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.

1245. Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,

Hãy đánh lễ, tu học.

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (Anh-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng

Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **tho**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỬ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BÓN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vị có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,

*Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhãn biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài người.

1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

1269. **Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!**

1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Gương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
*Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!

1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bạc tình tấn tới cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!

1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.

Thế Tôn:

1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,

Bạc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

1276. *Nghe vậy, con tịnh tín,
Vớ lời nói của ngài,
Bạc ần sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.*

1273. *Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thân chết xảo quyết.*

1278. *Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.*

1279. *Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tối thượng hai chân,*

Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

269 Thuyết pháp đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Dhammadinnà – Tiểu III, 548

Dhammadinnà – Tiểu III, 548 (12)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình ở Rājagaha (Vương Xá) và trở thành **vợ của Visàkha**, một người có địa vị trong xã hội.

Một ngày kia, **chồng nàng đi nghe đức Phật thuyết pháp, chứng được quả Bất lai**. Khi Visàkha về, Dhammadinnà đưa tay ra đỡ chồng lên gác, nhưng người chồng không nắm tay và không nói với nàng trong bữa ăn chiều. Nàng hỏi chồng duyên cớ, người chồng nói không phải vì lỗi gì của nàng, nhưng nay vì đã hiểu được Chánh pháp nên không còn những cử chỉ như trước nữa. Người chồng trả quyền tự do cho nàng, một là ở lại gia đình người chồng, hai là lấy tiền bạc rồi về lại gia đình cha mẹ, **nhưng** nàng không chịu, và xin được xuất gia. Visàkha đưa nàng đến các Tỷ-kheo-ni trong một chiếc kiệu vàng.

Được cho phép xuất gia, nàng xin sống nhập thất, không muốn sống chung đụng ồn ào và đi đến một tịnh xá ở làng. Tại đấy, **nhờ những thiện nghiệp quá khứ**, nàng chế ngự thân, miệng, ý, **chứng được quả A-la-hán, với Tứ vô ngại giải**: Nghĩa vô ngại giải,

pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện tài vô ngại giải.

Rồi nàng đi về Ràjagaha (Vương Xá), với các Tỷ-kheo-ni. Visàkha chồng cũ của nàng đến hỏi pháp, nàng như đã được diễn tả trong **kinh Tiểu Vedalla** (M.i. 299), nàng trả lời rất rõ ràng đúng đắn các câu hỏi của Visàkha và được đức Phật tán thán. Nàng trở thành **thuyết pháp đệ nhất** trong hàng các Tỷ-kheo-ni. Chính trong khi nàng ở lại một tỉnh xá ở làng và nàng nói lên bài kệ này:

*12. Trong ai, lòng ước muốn,
Đạt được quả vô sanh,
Được sanh khởi tỏa rộng,
Đầy tràn cả tâm ý,
Tâm không bị trói buộc,
Trong các dục chi phối,
Vị ấy được tên gọi,
Là bậc vào dòng trên.*

270 Thuần túy - Thọ tướng thuần túy - Kinh Mālunkya-putta – Tiểu III, 392

Mālunkya-putta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkya-putta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?"*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkya-putta, khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. **Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

805. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. **Ném vị như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. **Cảm xúc như thế** nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

271 Thà làm cho chấm dứt các kiết sử - Kinh CakkuPàla – Tiểu III, 102

CakkuPàla – Tiểu III, 102 (95)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của người điền chủ tên Mahāsuvanna, được đặt tên là Pàla, ngài cũng được gọi là **Pàla anh**, vì em ngài được gọi là *Pàla em*, cả hai anh em được cha mẹ giao phó cho những công việc ở gia đình.

Khi bậc Đạo Sư đến tinh xá Kỳ Viên, *Pàla anh* giao gia sản cho người em và xuất gia. Sau sáu năm làm Sa-di, ngài đi với sáu mươi Tỷ-kheo để học hỏi Chánh pháp. Các vị này lựa một ngôi rừng gần một ngôi làng biên địa, tại chỗ ấy, dân làng là các Phật tử cư sĩ, và ngài sống trong một chòi lá, sống hạnh viễn ly của một vị tu hành.

Ngài bị đau mắt và một vị thầy thuốc cho thuốc chữa, ngài không chịu nghe theo lời thầy thuốc, bệnh nặng thêm. Ngài nghĩ: "**Thà làm cho chấm dứt các kiết sử của ta, còn tốt hơn là chấm dứt bệnh đau mắt**". Như vậy, ngài bỏ qua bệnh đau mắt, chỉ lo **phát triển thiền quán**, cho đến khi ngài chứng quả A-la-hán thời cũng mù mắt luôn. Ngài được gọi là vị A-la-hán khô.

Các cư sĩ hỏi các Tỷ-kheo về ngài và nghe nói ngài mù nên các cư sĩ hết lòng săn sóc cho ngài. Rồi các Tỷ-kheo khác cũng chứng quả A-la-hán và đề nghị đến Sàvatthi (Xá-vệ) để yết kiến bậc Đạo Sư. Nhưng ngài nói: *"Tôi yếu và mù, con đường đi không phải là không nguy hiểm. Tôi sẽ làm trở ngại cho các vị, các vị hãy đi trước, thay mặt tôi đánh lễ bậc Đạo Sư và các đại đệ tử khác, hãy nói với Pàla em tôi về tình trạng của tôi, và gửi cho tôi một người giúp đỡ"*.

Cuối cùng, các Tỷ-kheo nhận lời đi, sau khi từ biệt các vị hộ chủ và sắp đặt cho ngài một chỗ ở. Các Tỷ-kheo làm theo lời dặn của ngài và Pàla em bảo người cháu tên là Pàlika đi đến giúp đỡ ngài. Các Tỷ-kheo làm lễ xuất gia cho Pàlika, vì con đường đi không có an toàn cho một người cư sĩ. Pàlika đi đến ngài và cả hai người đều lên đường đi đến Sàvatthi.

Giữa đường, Pàlika nghe một phụ nữ hát và đến tình tư với người ấy. Ngài biết được nên đuổi Pàlika đi, một mình đi đến Sàvatthi. Hạnh đức của ngài làm cho chỗ ngồi của Sakka (Đế Thích) nóng và Sakka hiện hóa một người dẫn đường cho ngài đi đến tinh xá Kỳ Viên, ngay vào buổi chiều ấy. Trong khi ngài ở Kỳ Viên, Pàla em lo phụng dưỡng ngài, ngài nói lên bài kệ như sau, khi ngài đuổi Pàlika đi.

95. *Dầu ta có bị mù,*

*Dầu mắt ta hư hoại,
Dầu con đường ta đi,
Dầu gai góc khó khăn,
Ta sẽ tự mình đi,
Dấn thân trên đường ấy,
Nhưng ta không cùng đi,
Kẻ ác hạnh như vậy.*

272 Thà quyết sống một mình, Không bè bạn kẻ ngu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,

Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,

Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phân mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiep ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngầm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: "chính ta làm".
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"
Người ngu nghĩ như vậy

Dục và mạn tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

273 Thà sống một mình nếu không gặp bạn lành - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

48. *Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

49. *Như vậy nếu ta cùng,
Với một người thứ hai,*

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

Đã đắp áo cà sa,

Xuất gia bỏ thế tục,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

65. *Không tham đắm các vị,*

Không tác động, không tham,

Không nhờ ai nuôi dưỡng,

Chỉ khát thực từng nhà.

Đối với mọi gia đình,

Tâm không bị trói buộc,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn tâm ngọng,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

274 Thành công và Thất bại - Cửa vào của thất bại - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn,**
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,
Bậc trí** khéo quán sát,
**Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.***

275 Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng máu thịt - Kinh Sundarì Nandà – Tiểu III, 584

Sundarì Nandà – *Tiểu III*, 584 (41)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình quý tộc thuộc **đồng họ Thích-ca**. Được **tên là Nandà**. Nàng có danh là Nandà hoa khôi.

Khi bậc Thế Tôn giác ngộ, đi đến Kapilavatthu và độ cho Nandà và Rahula xuất gia. Khi vua Suddhodana (Tịnh Phạn) mệnh chung và bà Mahàpajàpati xuất gia, nàng Nandà tự nghĩ: "*Anh trưởng của ta đã chối từ không thừa tự quốc độ, xuất gia và trở thành đấng Thế Tôn, một bậc siêu nhân. Con của Ngài là Rahula cũng xuất gia, anh của ta vua Nandà cũng xuất gia. Mẹ của ta, Mahàpajàpati, chị của ta, mẹ Rahula cũng xuất gia. Vậy ta ở nhà làm gì? Ta hãy xuất gia*". Như vậy nàng **xuất gia không phải vì lòng tin, mà chính vì lòng thương yêu bà con trong gia đình**.

Nàng xuất gia như vậy sau khi từ bỏ gia đình, nàng **vẫn tự kiêu với sắc đẹp của mình** và **không** chịu đến yết kiến đức Phật, sợ đức Phật quả trách nàng.

Nhưng trường hợp của nàng cũng giống như trường hợp với Tỷ-kheo-ni Abhirùpa Nandà (xem kệ XIX)

với sự sai khác nhau: khi nàng thấy hóa thân của một nữ nhân do đức Phật hiện ra, nữ nhân ấy dần dần trở thành già xấu, tâm của nàng dựa trên tánh vô thường và đau khổ, hướng đến thiền định.

Rồi đức Phật thuyết pháp cho nàng như sau:

82. *Nandà, hãy nhìn thân,
Bệnh, **bất tịnh**, hôi thúi,
**Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm khéo định tỉnh.***

83. *Như thân này thân ấy,
Như thân ấy thân này,
Hôi thối và rữa nát,
Chỉ kẻ ngu thích thú.*

84. *Như vậy quán thân này,
Ngày đêm không mệt mỏi,
Với trí tuệ của con,
Do vậy hãy thoát ly,
Với trí tuệ của con,
Thoát khỏi kiêu sắc đẹp,
Và người si nhìn thấy,
Với cái nhìn như thật.*

Rồi nàng nghe theo lời dạy, với trí tuệ an trú vững chắc trên quả thứ nhất. Muốn giúp nàng đạt được những quả vị cao hơn, Thế Tôn dạy thêm cho nàng:
- *Này Nandà, trong cái thân này không có một chút gì là tinh túy, chỉ là một đồng xương và thịt, bị già, chết chi phối.* Như đã được nói trong tập Pháp cú:

**85. *Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng máu thịt,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.***
(Pháp Cú. 150)

Khi đức Phật nói xong, nàng liền chứng quả A-la-hán. Và nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng sung sướng với lời dạy của đức Bốn Sư và nói thêm:

**86. *Với tâm không phóng dật,
Như lý, quán thân ấy,
Tánh như thật thân này,
Được thấy trong và ngoài.
Ta nhàm chán thân thể,
Nội tâm được ly tham,
Không phóng dật ly hệ,
Ta an bình tịch tịnh.***

276 Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng thịt máu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chãm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bỏ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà** kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rữ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

277 Thành tín đôi với nhau, Là bà con tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thương,
Các hành, khổ tối thương,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thương.

204. Không bệnh, lợi tối thương,
Biết đủ, tiền tối thương,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thương,
Niết Bàn, lạc tối thương.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

278 Thành tựu chánh tinh tấn, Sở hành trên niệm xứ - Kinh Devasabha – Tiểu III, 108

Devasabha – Tiểu III, 108 (100)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài tái sanh trong một gia đình hoàng tộc Thích-ca, và được đặt tên là *Devasabha*.

Khi lớn lên ngài khởi lòng tin khi Thế Tôn giải quyết sự tranh chấp giữa dòng họ Thích-ca và dòng họ Koliya, ngài xin quy y ba ngôi báu. Khi đức Phật ở vườn cây bàng, ngài đi đến gặp Thế Tôn, lần này ngài xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán.

Trú trên an lạc giải thoát, ngài nói lên sự phấn khởi của ngài với bài kệ như sau:

*100. Thành tựu chánh tinh tấn,
Sở hành trên niệm xứ,
Trần đầy hoa giải thoát,
Sẽ nhập diệt, vô lậu.*

279 **Tháng tháng bỏ ngàn vàng, Tể tự cả trăm năm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51**

Phẩm Ngàn – *Tiểu I*, 51

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,

Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thần, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên

Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,

Cúng dường **bậc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,

Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bậc tự tu.**
Cúng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Đề cầu phước ở đời.

Không bằng một phần tư
Kính lễ **bậc chánh trực.**

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác **giới**, không thiên **định**,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiên **định**.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiên **định**.
Tốt hơn sống một ngày,
Có **tuệ**, tu thiên **định**.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác, không tinh **tấn**,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp sinh diệt**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Ai sống một trăm năm,

Không thấy **câu bất tử**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp tối thượng**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

280 Thảng thảng với ngọn cỏ, Người ngu có ăn uống - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,

Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Nhu muốn với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Nhu lười với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;
Ác nghiệp chín muối rồi,

Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu **pháp hữu vi**."

71. "Nghệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngầm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"
Người ngu nghĩ như vậy

Dục và mạn tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

281 Thánh - Tỳ kheo này gọi là bậc Thánh đã chơn chánh thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 358 (Tik. I, 4) (It. 47)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỳ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỳ-kheo,

- **Lạc thọ** cần phải được xem như là **khổ**.
- **Khổ thọ** cần phải được xem như là **mũi tên**.
- **Bất khổ bất lạc thọ** cần phải được xem như là **vô thường**.

Vì rằng này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo này gọi là **bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái**, đã giải tỏa kiết sử đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc
Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự
Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,
Từ đây được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,
Bậc ẩn sĩ an tịnh
Chắc chắn đã vượt qua
Các ách nạn trói buộc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

282 Thánh quả - Giới hạnh không thanh tịnh nên không đạt được Thánh quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,*

*Trong khi ta lâm bệnh,
Không phải thời phóng dật.*

283 Thánh quả - Pháp đạt đến Thánh quả - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

*Nếu Nhà ngươi muốn chống,
Hỡi này kẻ Quỷ đen!
Ngươi đi đến đau khổ.*

284 Thánh trí tuệ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 340

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 340 (Duk. II, 4) (It. 35)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào **bị thối đạo khỏi Thánh trí tuệ**, những chúng sanh ấy là khéo thối đạo. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong đau khổ, với tàn hại, với ưu não, với nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.*

*Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào **không bị thối đạo khỏi Thánh trí tuệ**, những chúng sanh ấy không có thối đạo. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong an lạc, không có tàn hại, không có ưu não, không có nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Thối đạo khỏi trí tuệ,
Hãy nhìn xem, thế giới
Với hàng ngũ chư Thiên,
An trú trong **danh sắc**,*

*Nghĩ rằng: "Đây sự thật"
Nhưng thù thắng ở đời,
Lại chính là trí tuệ,
Chính tuệ dắt dẫn đến
Thể nhập được Niết-bàn,
Và chơn chánh quán tri,
Sự hoại diệt sanh hữu,
Chư Thiên và loài Ngươi,
Hoan hỷ được chiêm ngưỡng,
Chư Phật Chánh Đẳng Giác,
Những bậc giữ chánh niệm,
Đầy đủ với trí tuệ,
Mang thân này cuối cùng.*

Ý nghĩa này được Thê Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

285 Thánh yên lặng - Kinh Valliya Kanhhamitta – Tiểu III, 155

Valliya Kanhhamitta – *Tiểu III*, 155 (144)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Kanhhamitta.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài thấy uy nghi đức độ của đức Phật khi đức Phật đến Vesàli. Khởi lòng tin, ngài xuất gia với sự hướng dẫn của Tôn giả *Mahà Kassapa* (Đại Ca-diếp).

Với trí tuệ chậm chạp và mới bắt đầu tinh tấn, ngài phải dựa vào trí tuệ của các đồng Phạm hạnh đến nỗi ngài được gọi là **Valliya (loài cây leo)**, vì loài cây này không thể tự lớn được, nếu không dựa vào một vật gì.

Một hôm, ngài đi nghe Trưởng lão *Venudatta* giảng, ngài trở thành sáng suốt, trí tuệ chín muồi, ngài hỏi vị Thầy của ngài với những bài kệ:

167. Những bốn phận cần làm,
Với tinh cần tinh tấn,
Những bốn phận cần làm,
Với người muốn giác ngộ.

*Con sẽ làm tất cả,
Con không có thói thất,
Hãy xem sự tinh tấn,
Sự nỗ lực của con.*

*168. Ngài hãy nói cho con,
Con đường nhập bất tử,
Với yên lặng thiền tư,
Con đạt **Thánh yên lặng**,
Như dòng sông Hằng Hà,
Nhập sâu vào biển cả.*

286 Tháp của đức Phật Kassapa - Kinh Khandasumana – Tiểu III, 104

Khandasumana – Tiểu III, 104 (96)

Trong thời đức Phật hiện tại, tái sanh trong một gia đình của vua Malla, ngài được đặt tên là *Khandasumana (Bông lài)*, vì khi ngài sanh, bông lài nở hoa.

Ngài nghe đức Phật thuyết pháp khi đức Phật trú ở tại rừng xoài của Cunda ở Ràvã, xuất gia và chúng được *sáu tháng trí*.

Rồi ngài nhớ đến đời sống quá khứ khi ngài cúng một nhánh bông lài tại tháp của đức **Phật Kassapa**, trong khi tất cả bông hái được đều thuộc về của vua. Nhận thấy cử chỉ của ngài giúp ngài chứng được quả Niết-bàn, ngài nói lên bài kệ như sau:

96. *Do một bông từ bỏ,
Được hưởng tám ức năm,
Sống trong cảnh cõi trời,
Còn số năm còn lại,
Ta được sống tịch tịnh.*

287 Thân - Biết thân như bọt nước, Ngộ thân là như huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
**Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."**

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bọt nước,
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."*

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lụt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Như ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Như bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Như từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

288 Thân - Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành trì - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vậy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,

**Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."**

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

289 Thân - Cách quán nhiếp phục dục - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng *Kappa* có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tặng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

290 Thân - Gương nhiếp phục dục - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **dục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi *nhạc phụ* của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang **điểm thật đẹp** mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. *Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.*

454. *Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hố,
Phàm phu bị bắt vậy.*

455. *Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong nữ sắc.*

456. *Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.*

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,*

Kẻ đầu độc thế giới.

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.

291 Thân - Góm thay, vật hôi thối, Đầy sắc mùi hôi tanh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khất thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

278. *Góm thay, vật hôi thối!
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,*

*Ứ chảy nhiều dòng nước,
Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.*

279. *Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.*

280. *Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.*

281. *Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.*

292 Thân - Hãy nhìn như bọt nước, Hãy nhìn như cảnh huyễn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hanh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,

Ai nói lời vọng ngũ,
Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

293 Thân - Hãy xem bong bóng đẹp, Chỗ chất chứa vết thương - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chấm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bỏ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà** kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

294 Thân - Hãy xem bóng trang sức, Nhóm vết thương tích tụ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. ***Tài sản** không làm sao,
Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đức công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống**,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đức như lửa hừng**,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy**,

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

295 Thân - Không bao lâu thân này, Sẽ nằm dài trên đất - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vậy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,

**Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."**

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

296 Thân - Quán bất tịnh để diệt dục - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tỉnh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cám dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vói vú bị ung nhọt,
Thân Ngươi, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Ngươi, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Ngươi,
Như ta biết được Ngươi,
Người ấy tránh xa Ngươi,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đắm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tối hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài khuyến giáo người cháu của *Sàriputta*, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

*An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,*

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

*1169. Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

*1170. Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

*1171. Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

*1172. Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

*1173. Chớ có đến tán công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. *Hãy xem Tôn giả này,*
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hai xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. **Có nhiều chư Thiên này,**
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết,**
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
N như voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. *Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.*

1200. *Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?*

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. **Cũng vậy này Ác-ma,**
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. **Ác ma tạo ác nghiệp,**
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. **Điều ác Ác ma làm,**

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

297 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

*393. Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,*

*Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm mỗi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chon chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

298 Thân - Quán thân bất tịnh - Kinh Nandaka – Tiểu III, 215

Nandaka – Tiểu III, 215 (189)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình có gia tộc, và được gọi là Nandaka.

Ngài xuất gia, sau khi nghe Thế Tôn thuyết pháp, và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Sau đó khi đang sống trong an lạc giải thoát, ngài được bậc Đạo Sư dạy thuyết pháp cho các Tỷ-kheo-ni và khiến cho năm trăm vị chứng quả A-la-hán. Đức Phật ấn chứng cho ngài là **vị khuyến giáo Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni đệ nhất**.

Rồi một ngày kia, khi đi khát thực ở Sàvatthi, một nữ nhân trước kia lập gia đình với ngài, thấy ngài và cười lớn tiếng với một tâm bất chánh. Vị Trưởng lão thấy hành động của nàng liền dạy cho nàng về thân thể bất tịnh, với những bài kệ sau:

*278. Gớm thay, **vật hôi thối!**
Đầy sắc mùi hôi tanh,
Vật sở hữu của ma,
Ứ chảy nhiều dòng nước,*

***Thân này có chín dòng,
Luôn luôn được tuôn chảy.***

***279. Chớ khinh miệt cổ nhân!
Chớ xúc phạm Như Lai,
Họ không tham Thiên giới,
Còn nói gì cõi người.***

***280. Kẻ ngu, thiếu trí tuệ,
Tà ý, si bao phủ,
Kẻ ấy đầy tham đắm,
Bị ma quăng dây trói.***

***281. Những ai đã thoát ly,
Tham, sân và vô minh,
Đây họ không tham đắm,
Dây cắt, không trói buộc.***

299 Thân - Quán vô thường trên thân - Kinh Ambapàlì – Tiểu III, 655

Ambapàlì – Tiểu III, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàlì và được gọi là Ambapàlì.**

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. **Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do *nghiệp lực* của nàng, nàng trở thành một *kỹ nữ*.**

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão Vimalakondanna thuyết pháp**, nàng **triển khai thiền quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. *Đen như sắc con ong,*
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,
Đúng như lời giảng dạy,

Của *bạc* nói *sự* thật.

253. *Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự* thật.*

254. *Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự* thật.*

255. *Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của *bạc* nói *sự* thật.*

256. *Trước **lông mày** của ta,
Chói sáng khéo tô vẽ,*

*Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

257. **Mắt** ta xanh và dài,
*Sáng đẹp như châu báu,
Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,
*Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

259. Trước **tai** ta sáng chói,
*Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

260. Trước **răng** ta sáng chói,

*Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bẻ gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

261. Ngọt là **giọng nói** ta,
*Như chim cu hót rìng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bẻ bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

262. Trước **cổ** ta chói sáng,
*Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

263. Trước **cánh tay** của ta,
*Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yếm ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

264. Trước **bàn tay** của ta,
Mềm mại như cành hoa,
Sáng như nữ trang vàng,
Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cằn,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đầy vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,
Sáng chói như vòi voi,

Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,
Vội lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nhăn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vội trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của Bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và **phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

300 Thân - Quán vô thường, vô ngã đối với thân - Kinh Mahākàla – Tiểu III, 145

Mahākàla – Tiểu III, 145 (136)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Setavyà, trong gia đình một người lái buôn, được đặt tên là *Mahākàla*.

Khi đến tuổi trưởng thành và sống ở nhà, ngài đem theo năm trăm xe hàng hóa để buôn bán ở Sàvatthi. Khi đang nghỉ vào buổi chiều, ngài thấy các cư sĩ đem hương hoa đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) và ngài đi theo.

Tại đây ngài nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin xuất gia, quyết định lựa chọn **nghĩa địa làm đề tài thiền quán**, ngài sống ở trong nghĩa địa.

Một hôm, *một người đàn bà làm nghề thiêu đốt thân thể*, để cho vị Trưởng lão một đề tài thiền quán, nên chặt tay và chân của một thân mới thiêu, lấy sọ đầu làm bình bát đựng sữa, sắp đặt tay chân đặt chúng gần bậc Trưởng lão để ngài có thể thiền quán và ngồi xuống một bên.

Vị Trưởng lão thấy vậy liền tự sách tấn mình với những bài kệ như sau:

151. Nữ Kàlì, đẩy đà,
Dung sắc như quạ đen,
Bẻ gãy một bắp vế,
Lại bẻ bắp vế nữa,
Bẻ gãy một cánh tay,
Lại bẻ cánh tay nữa,
Lại bẻ gãy cái đầu,
Như bát đựng sữa đông.
Này Kàlì ngồi xuống,
Với lòng tin sẵn sàng.

152. Ai không rõ biết vậy,
Lại tác thành sanh y,
Kẻ ngu bước đi đến,
Chịu khổ đau liên tục,
Do vậy ai hiểu biết,
Không tạo nên sanh y,
Ta sẽ không nằm xuống,
Với đầu bị bẻ nát.

301 Thân - Ta sẽ bỏ thân này, Tỉnh giác và chánh niệm - Kinh Ajita – Tiểu III, 30

Ajita – Tiểu III, 30 (20)

Khi bậc Đạo Sư còn sống, ngài được sanh ở Sàvatthi con của một Bà-la-môn làm nghề đánh giá hàng hóa cho vua Kosala.

Ngài trở thành một **ẩn sĩ** tu theo *Bàvari*, một vị Bà-la-môn có học thức ở vườn Kapittha trên bờ sông Godhàvari. Bàvari bảo ngài cùng với Tissa và Metteya đi đến bậc Đạo Sư.

Ajita được đức Phật cảm hóa, và xuất gia. **Lựa một đề tài để thiền quán**, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên sự thắng trận của ngài với bài kệ này:

*20. Ta không có sợ chết,
Không ưa thích sanh mạng,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

302 Thân - Thành này làm bằng xương, Quét tô bằng thịt máu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chấm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà** kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rữ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

303 Thân - Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

304 Thân - Vô thường, những ngôi nhà, Đây đó lại dựng lên - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. *Vô thường, những ngôi nhà,
Đây đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.*

184. *Hỡi kẻ làm nhà kia!
Người đã bị thấy rồi,
Từ nay, người không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,*

*Mọi tường vách đổ vỡ,
Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.*

305 Thân bị hoại, tướng diệt, Mọi thọ được nguội lạnh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 288 (Ud 92)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Dabha Mallaputta bạch Thế Tôn:

- Nay đã đến thời, con nhập Niết Bàn, bạch Thiện Thệ.

- Nay Dabba, Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn.

Khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, thân của Tôn giả được

cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

9. ***Thân bị hoại, tưởng diệt,
Mọi thọ được nguội lạnh,
Các hành được lắng dịu,
Thức đạt được mục đích.***

306 Thân bị huỷ hoại, Thức bị lụn tàn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 390 (Tik. III, 8) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **thân này bị huỷ hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Biết **thân** bị huỷ hoại,
Còn **thức** bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,
Hiểu được sanh và chết.
Sau khi chứng đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,
Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

307 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lúa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

308 Thân con được tràn ngập, Với hỷ lạc tỏa rộng - Kinh Vakkali – Tiểu III, 243

Vakkali – Tiểu III, 243 (205)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một dòng họ Bà-la-môn và được gọi tên *Vakkali*.

Khi đến tuổi trưởng thành, và học xong ba tập Vệ-đà, trở thành thuần thực trong những thành tích Bà-la-môn, ngài thấy bậc Đạo Sư, ngài nhìn không chán thân hình tuyệt vời của đức Phật, và ngài đi theo bậc Đạo Sư. Khi ngài trở về nhà, ngài nghĩ nếu ở lại nhà, ngài sẽ không có dịp luôn luôn thấy được đức Phật. Do vậy, ngài xuất gia, và từ khi ăn uống và tắm rửa, ngài để toàn thì giờ để chiêm ngưỡng đức Phật.

Bậc Đạo Sư, chờ đợi thiên quán của ngài được chín muồi, nên trong một thời gian dài, đức Phật không nói gì. Một hôm đức Phật hỏi: *"Này Vakkali, thân bất tịnh này mà Thầy thấy, đối với Thầy như thế nào? Ai thấy Pháp người ấy tức thấy Ta. Vì rằng thấy Pháp tức là thấy Ta, và thấy ta tức là thấy Pháp"*.

Nghe lời nói đức Phật, ngài không chiêm ngưỡng thân đức Phật nữa, nhưng ngài chưa bỏ đi xa được. Bậc Đạo Sư nghĩ rằng: "Tỷ-kheo này, nếu không

được xúc động mạnh, sẽ không thức tỉnh", nên vào cuối ngày an cư mùa mưa, đức Phật nói: "*Này Vakkali, hãy đi đi*". Nghe bậc Đạo Sư nói vậy, ngài tự nghĩ ngài phải đi, nhưng nghĩ rằng đòi ngài có ý nghĩa gì, nếu không được gặp bậc Đạo Sư, nên ngài có ý định leo lên núi Linh Thứu để gieo mình xuống vực núi tự tử.

Đức Phật biết được Vakkali có ý định như vậy, nên sợ ngài phá hoại những điều kiện chứng được Thánh quả, nên hiện ra trước mặt ngài và đọc lên bài kệ:

*Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.*

Đức Phật đưa tay và nói: "Hãy đến, này Tỷ-kheo!" Vakkali rất lấy làm sung sướng được nghe lời Phật dạy, thấy được điều gì mình đang làm, đứng trên hư không suy tư đến lời Phật dạy, chứng quả A-la-hán với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp. (Đây là những tài liệu được tập số của bộ Anguttara Nikàya và tập số của Dhammapaca ghi chép lại).

Theo những tài liệu khác, Vakkali chưa chứng quả A-la-hán, sau khi nghe lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài ở trên núi Linh Thứu, **phát triển thiền quán**. Thế

Tôn cho ngài một đề tài tu tập, nhưng vì quá đói và
bị tê liệt nên ngài không chứng quả được.

Biết vậy, Thế Tôn nói với ngài như sau:

*349. Bị bệnh gió chi phổi,
Thầy sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu,
Tỷ-kheo sẽ làm gì?
Với thân thể như vậy?*

Vị Trưởng lão nói lên sự hân hoan thường xuyên của
mình, nhờ được sự an lạc siêu nhân:

*350. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.*

*351. Tu tập **Bốn niệm xứ,**
Năm căn và Năm lực,
Tu tập các **Giác chi,**
Con sẽ sống trong rừng.*

*352. Con thấy bạn đồng tu,
Sống hòa hiệp, đồng mãnh,*

*Luôn kiên trì tinh tấn,
Con sẽ sống trong rừng.*

*353. Tùy niệm Phật thiên định,
Bậc Tối thượng Điều Ngự,
Ngày đêm không biếng nhác,
Con sẽ sống trong rừng.*

Khi nói vậy, ngài **phát triển thiền quán** và ngay khi ấy chứng quả A-la-hán.

309 Thân cuối cùng - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – Tiểu III, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, chỉ trích ngài sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng thiền định và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lâu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

310 Thân cận - Hãy thân cận Bạc nghe nhiều trì pháp - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;
Che đậy trói buộc tâm,
Đối với mọi kiết sử,
Hãy trừ khử, dứt sạch,
Không y cứ nương tựa,
Chặt đứt ái sân hận,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

311 Thân cận bạn lành - Cho đến kẻ ngu si, Được đổi thành người trí - Kinh Susàrada – Tiểu III, 86

Susàrada – Tiểu III, 86 (75)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại sanh quán của Tôn giả Sàriputta và được gọi là **Susàrada (vì ngài lớn lên chậm chạp)**.

Ngài được Tôn giả Sàriputta giáo hóa và không bao lâu, trong địa vị Tỷ-kheo, ngài chứng quả A-la-hán và nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

75. Lành thay là tri kiến,
Của bậc có luyện tập,
Nghỉ hoặc được cắt đứt,
Trí giác được tăng trưởng.
Cho đến kẻ ngu si,
Được đổi thành người trí,
Do vậy thật tốt đẹp,
Sống giao thiệp người lành.

312 Thân cận giao thiệp, Thân ái từ đáy sinh - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đáy sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa **bạn bè** thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bạc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đần độn tâm ngọng,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vướng mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

313 Thân do ý tạo - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – *Tiểu III, 422* (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tể nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiên quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiên quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiên quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thượng Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ,**
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi**,*
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vô-lu-và,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

314 Thân hành niệm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 164

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 164 (Ud 27)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Maha Moggallàna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, nội tâm khéo an trú **thân hành niệm**. Thế Tôn thấy Tôn giả Maha Moggallàna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng nội tâm khéo an trú thân hành niệm.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

5. *Thân hành niệm an lập,
Sáu xúc xứ chế ngự,
Tỷ-kheo thường thiền định,
Tự chứng tri Niết Bàn.*

315 Thân hành niệm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 260

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 260 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàkaccàna ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt và trong nội tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Mahàkaccàna ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già, lưng thẳng, với thân hành niệm khéo an trú trước mặt trong nội tâm. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

**8. *Với ai thường thường niệm,
Liên tục trú thân hành,
"Trước không thể có được,
Với tôi, nay không có,
Sẽ không thể có được,
Với tôi, nay sẽ không".
Tiếp tục trú như vậy,
Đúng thời vượt dục ái.***

316 Thân hành niệm - Trưởng lão Lakuntaka Bhaddiya - Kinh Lakuntaka Bhaddiya – Tiểu III, 286

Lakuntaka Bhaddiya – *Tiểu III*, 286 (225)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình giàu có, được đặt tên là Bhaddiya, nhưng vì ngài rất thấp, nên được biết với tên là Lakuntaka Bhaddhiya (Bhaddiya người lùn).

Nghe bậc Đạo Sư giảng, ngài xuất gia, trở thành một nhà học giả và biện tài, ngài dạy cho các người khác với một giọng nói rất dịu ngọt.

Một hôm, nhân ngài đang lễ, một phụ nữ đi xe với một Bà-la-môn, thấy ngài và cười lên, để lộ hàm răng của nàng. Vị Trưởng lão, lấy hàm răng ấy như một đề tài để thiền quán, khởi lên thiền định và trên căn cứ ấy, **phát triển thiền quán** và trở thành một vị Bất Lai.

Về sau nhờ Tôn giả Sàriputta dạy tu **thân hành niệm**, ngài chứng quả A-la-hán, ngài nói lên chánh trí của ngài:

466. Ra ngoài các khu vườn,

Tên Ambàtaka,
Trong rừng với lùm cây,
Ái, ái căn từ bỏ,
Bhaddiya ngồi thiền,
Bậc may mắn hạnh phúc.

467. Một số người ưa thích,
Trống, sáo và trống nhỏ,
Còn ta, dưới gốc cây,
Ta thích lời Phật dạy.

468. Nếu Phật ban ân huệ,
Ta được ân huệ ấy,
Ta trì **thân hành niệm**,
Thường hằng ở mọi giới.

469. *Cười chê, ta vì thân,
Ai theo ta vì tiếng,
Chúng không biết được ta,
Vì **dục** tham chi phối.*

470. Không biết được phần trong,
Không thấy được phía ngoài,
Chận bốn phía, người ngu,
Bị tiếng nói lời cuốn.

471. Không biết được phần trong,

*Quán thấy được phía ngoài,
Chỉ thấy quả phía ngoài,
Cũng bị tiếng lời cuốn.*

*472. Quán trí được phân trong,
Quán thấy được phía ngoài,
Thấy không bị chương ngại,
Không bị tiếng lời cuốn.*

317 Thân hình bằng vàng mịn - Kinh Sona Kolivisa – Tiểu III, 347

Sona Kolivisa – Tiểu III, 347 (243)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Campà, trong gia đình một hội viên của Hội đồng thành phố nổi tiếng. Từ khi ngài sắp được sanh, tài sản lớn của phụ thân được tăng trưởng, và khi ngài được sanh, cả thành phố tổ chức hội lễ lớn.

Vì ngài bố thí cúng dường cho một vị Độc giác Phật trong đời trước, nên đời này ngài có một **thân hình như bằng vàng mịn** và đặc biệt mềm mại, và ngài được gọi là Sona (vàng). Dưới chân và trên bàn tay của ngài có lông mịn màu vàng mọc lên, và ngài được nuôi dưỡng trong giàu sang xa hoa, có đến ba tòa lâu đài thích hợp cho từng mùa.

Khi bậc Đạo Sư giác ngộ và chuyển bánh xe Pháp ở Ràjagaha (Vương Xá). Vua Bimbisàra cho mời Sona đến, ngài đến với một số đông tùy tùng, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Ngài nhận từ bậc Đạo Sư một đề tài tu tập, nhưng không thể định tâm vì có liên lạc với đông người khi sống ở trong rừng. Ngài nghĩ rằng thân ngài quá

được cung dưỡng để đạt được hạnh phúc, và đời sống
ẩn sĩ làm thân mệt mỏi, ngài vượt lên trên những đau
đớn vì chân ngài bị sưng khi ngài tập đi kinh hành,
nhưng dầu ngài hết sức tinh tấn, ngài chưa thành đạt
được quả chứng. Ngài nghĩ: "*Ta không thể thành đạt
con đường và quả vị thì sống xuất gia để làm gì? Tốt
hơn ta hoàn tục và làm các công đức!*".

Thế Tôn biết được tâm tư ngài, dạy cho ngài **bài học
của cây đàn**, phải làm lắng dịu nhiệt lực với tu tập
tịnh chỉ. Được chỉ dạy, ngài đi đến núi Linh Thứu và
sau một thời gian, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy nghĩ trên thành tựu của mình, ngài tuyên bố
chánh trí ngài như sau:

632. *Người xưa, cao trong nước,
Phục vụ vua Ăng-ga,
Nay lại cao trong pháp,
So-na vượt đau khổ.*

633. *Năm được cắt, năm bỏ,
Năm thượng pháp tu tập,
Tỷ-kheo vượt năm gút,
Được gọi vượt bực lưu.*

634. *Tỷ-kheo tánh kiêu ngoa,
Phóng dật, ưa vị ngoài,*

*Giới, thiền định, trí tuệ,
Không đi đến viên mãn.*

635. *Việc phải làm, quăng bỏ,
Không phải việc, lại làm,
Kẻ kiêu ngoa phóng dật,
Lậu hoặc được tăng trưởng.*

636. *Những ai khéo tinh cần,
Thường tu tập **niệm thân**,
Không phải việc, không làm,
Kiên trì việc nên làm.
Bậc chánh niệm tỉnh giác,
Lậu hoặc đi đến diệt.*

637. ***Trên** đường thẳng được thuyết,
Hãy bước, chớ quanh co,
Hãy tự mình trách mình,
Hãy đem Niết-bàn lại,*

638. *Khi tinh cần nỗ lực,
Căng thẳng, vượt mức độ,
Thế gian, Vô Thượng Sư,
Dùng **ví dụ chiếc đàn**,
Bậc pháp nhãn, có mắt,
Ngài thuyết pháp cho ta.*

639. Ta nghe lời Ngài giảng,
Lạc trú lời giảng dạy,
Bình tĩnh, ta thực hành,
Để đạt đích tối thượng,
Ba **minh** ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

640. *Ai chuyên nhất xuất ly,
Tâm tư hướng viễn ly,
Ai chuyên nhất vô sân,
Diệt trừ các chấp thủ.*

641. *Ai chuyên nhất ái diệt,
Tâm tư không si mê,
Thấy sanh khởi các xứ,
Tâm được khéo giải thoát.*

642. *Vị Tỷ-kheo tâm tịnh,
Được giải thoát chơn chánh,
Không chất chứa việc làm,
Điều phải làm không có.*

643. *Như một hòn đá tảng,
Không bị gió lay động,
Cũng vậy toàn bộ phận,
Sắc, vị, thanh, hương, xúc.*

644. *Pháp ái, bất khả ái,
Không động, người như vậy,
Tâm trú, không hệ lụy,
Tùy quán, sự hoại diệt.*

318 Thân khẩu ý - 2 pháp không làm nung nấu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 327

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 327 (Duk. I,4) (It. 25)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, có **hai pháp không làm cho nung nấu**. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người làm điều lành, làm điều thiện, che chở người sợ hãi, không làm điều ác, không ngoan cố trong việc làm, làm điều thiện. Người ấy không bị nung nấu vì nghĩ rằng: "Ta đã làm điều lành", không bị nung nấu vì nghĩ rằng: "Ta không làm điều ác". Này các Tỷ-kheo, hai pháp này không làm cho nung nấu.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Từ bỏ **thân** làm ác,
Hay nói các **lời** ác,
Từ bỏ **ý** ác hành,
Hay bất cứ gì khác
Có liên hệ lỗi lầm.
Không làm các nghiệp ác,

*Làm nhiều điều thiện sự,
Khi thân hoại mạng chung,
Người có **thiện trí tuệ**,
Được sanh lên cõi trời.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

319 Thân khẩu ý - 2 pháp làm cho nung nấu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 326

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 326 (Duk. I, 3) (It. 24)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này làm cho nung nấu. Thế nào là hai? Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người không làm điều lành, không làm điều thiện, không che chở người sợ hãi, làm điều ác, ngoan cố trong việc làm, làm điều không thiện. Người ấy bị nung nấu bởi ý nghĩ: "Ta đã làm điều ác". Này các Tỷ-kheo, hai pháp này làm cho nung nấu.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Làm xong **thân** ác hạnh,
Hay nói các **lời** ác,
Làm xong **ý** ác hạnh,
Hay bất cứ gì khác
Có liên hệ lỗi lầm.
Không làm các nghiệp lành,
Làm các điều bất thiện,

*Khi thân hoại mạng chung,
Người có ác trí tuệ
Bị sanh vào địa ngục.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

320 Thân khẩu ý - 3 thanh tịnh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 372 (Tik. II, 7) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thanh tịnh** này. Thế nào là ba? **Thân** thanh tịnh, **lời** thanh tịnh, **ý** thanh tịnh. Này các Tỷ-kheo, có ba thanh tịnh này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Thân và lời thanh tịnh,
Và ý cũng thanh tịnh,
Không có các lậu hoặc,
Đây đủ sự thanh tịnh,
Vị như vậy được gọi,
Đã từ bỏ tất cả.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

321 Thân khẩu ý - 3 thiện hành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 371

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 371 (Tik.
II, 6) (It. 55)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thiện hành** này. Thế nào là ba? **Thân** thiện hành, **ngữ** thiện hành, **ý** thiện hành. Này các Tỷ-kheo, có ba thiện hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Từ bỏ thân làm ác,
Từ bỏ lời nói ác,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Và bất cứ hạnh gì,
Được gọi là hạnh ác,
Không làm các điều ác,
Làm nhiều những hạnh lành,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ thù thắng,
Vị ấy được sanh lên,
Trong cảnh giới chư Thiên.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

322 Thân khẩu ý - 3 trầm lặng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 372b (Tik. II, 8) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba trầm lặng** này. Thế nào là ba? **Thân** trầm lặng, **lời** trầm lặng, **ý** trầm lặng. Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Thân và lời trầm lặng,
Và ý cũng trầm lặng,
Không có các lậu hoặc,
Đầy đủ với trầm lặng
Của các **bậc chân ẩn sĩ**,
Được tên gọi là vị,
Đã tẩy sạch điều ác.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

323 Thân khẩu ý - 3 ác hành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 370

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 370 (Tik. II, 5) (It. 54)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba ác hành** này. Thế nào là ba? **Thân** ác hành, **ngữ** ác hành, **ý** ác hành. Này các Tỷ-kheo, có ba ác hành này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

Làm ác hạnh về thân,
Làm ác hạnh về lời,
Làm ác hạnh về ý,
Và bất cứ hạnh gì,
Đều được gọi hạnh ác,
Không làm nghiệp lành nào,
Làm nhiều nghiệp không thiện,
Khi thân hoại mạng chung,
Với trí tuệ hạ liệt,
Vị ấy phải sanh vào,
Trong cảnh giới địa ngục.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

324 Thân khẩu ý - Bậc trí bảo vệ thân, Bảo vệ luôn lời nói - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chận được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thâm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.**

325 Thân khẩu ý - Giữ thân đừng phần nộ, Phòng thân khéo bảo vệ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 75

Phẩm Phần Nộ – *Tiểu I*, 75

221. Bỏ phần nộ, ly mạn,
Vượt qua mọi kiết sử,
Không chấp trước **danh sắc**.
Khô không theo vô sản.

222. Ai chận được phần nộ,
Như dừng xe đang lăn,
Ta gọi người đánh xe,
Kẻ khác, cầm cương hờ.

223. Lấy **không giận** thắng giận,
Lấy **thiện** thắng không thiện,
Lấy **thí** thắng xan tham,
Lấy **chơn** thắng hư nguy.

224. Nói thật, không phần nộ,
Của ít, thí người xin,
Nhờ ba việc lành này,
Người đến gần thiên giới.

225. Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được **cảnh bất tử**,
Đến đây, không ưu sầu.

226. Những người thường giác tỉnh,
Ngày đêm siêng tu học,
Chuyên tâm hướng Niết Bàn,
Mọi lậu hoặc được tiêu.

227. A-tu-la, nên biết,
Xưa vậy, nay cũng vậy,
Ngồi im, bị người chê,
Nói nhiều, bị người chê.
Nói vừa phải, bị chê.
Làm người không bị chê,
Thật khó tìm ở đời.

228. **Xưa, vị lai, và nay,**
Đâu có sự kiện này,
Người hoàn toàn bị chê,
Người trọn vẹn được khen.

229. Sáng sáng, thâm xét kỹ.
Bậc có trí tán thán,
Bậc trí không tỳ vết,
Đầy đủ **giới định tuệ**.

230. Hạnh sáng như vàng ròng,
Ai dám chê vị ấy?
Chư thiên phải khen thưởng,
Phạm Thiên cũng tán dương.

231. Giữ **thân** đừng phần nộ,
Phòng thân khéo bảo vệ,
Từ bỏ thân làm ác,
Với thân làm hạnh lành.

232. Giữ **lời** đừng phần nộ,
Phòng lời, khéo bảo vệ,
Từ bỏ lời thô ác,
Với lời, nói điều lành.

233. Giữ **ý** đừng phần nộ,
Phòng ý, khéo bảo vệ,
Từ bỏ ý nghĩ ác,
Với ý, nghĩ hạnh lành.

234. **Bậc trí bảo vệ thân,
Bảo vệ luôn lời nói
Bảo vệ cả tâm tư,
Ba nghiệp khéo bảo vệ.**

326 Thân khẩu ý - Ta tự mình biết, tự mình thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 379

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 379 (Tik, III, 2) (It. 59)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu **thân** làm **thiện**, thành tựu nói **lời** thiện, thành tựu **ý** nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.*

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói lên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩa thiện không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

*Và này các Tỷ-kheo, vì rằng **Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng:***

"Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành tựu thân làm thiện, thành tựu lời nói thiện, thành tựu ý nghĩ thiện, không chỉ trích các bậc Thánh, có chánh kiến, chấp nhận các nghiệp được chánh kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Dẫn **y** vào đường chánh,
Nói những **lời** chánh ngữ,
Với **thân** làm nghiệp chánh,
Người ở đời làm vậy.
Nghe nhiều học hỏi nhiều
Làm các việc công đức,
Ở đây sống trong đời,
Với sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với trí tuệ.
Người ấy làm như vậy,
Được sanh lên cõi Trời.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

327 Thân kiến - Kinh Sissupacàlà – Tiểu III, 633

Sissupacàlà – Tiểu III, 633 (61)

Câu chuyện giống như hai câu chuyện trước. Nàng theo gương người anh, xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Hưởng thọ sự an lạc, nàng suy tư đến quả chứng, đã làm những điều cần làm và nói lên sự sung sướng của nàng:

196. *Tỷ-kheo-ni giữ giới,
Khéo hộ trì các căn,
Đạt được đạo an tịnh,
Nước cam lồ thuần tịnh.*

Ác ma:

197. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Đạt-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.
Hãy hướng tâm chỗ ấy,
Chỗ xưa kia nàng sống.*

Khi Trưởng lão ni nghe vậy, liền nói: "**Hãy dừng lại, Ác ma! Dục giới mà ngươi nói đến, cho đến cả thế giới vũ trụ đều bị lửa tham, lửa sân, lửa si đốt cháy. Tại chỗ ấy, người có trí không ưa thích**". Nêu rõ cho Ác ma thấy tâm của mình đã xa lìa Ma giới, nàng trách mắng Ác ma như sau:

198. *Chư Thiên cõi Ba mươi,
Dạ-ma và Đâu-suất,
Chư Thiên trời Hóa Lạc,
Chư Thiên cõi Tự Tại.*

199. *Thời này đến thời khác,
Hữu này đến hữu khác,
Chúng đều bị thân kiến,
Lãnh đạo và chi phối,
*Chúng không vượt thân kiến,
Luân chuyển vòng sanh tử.**

200. *Toàn thế giới bốc cháy,
Toàn thế giới đồng cháy,
Toàn thế giới bùng cháy,
Toàn thế giới rung động.*

201. *Phật thuyết pháp cho ta,
Pháp bất động vô tỷ,
Được bậc không phạm phu,*

*Phục vụ và nhiệt hành,
Chỗ ấy, tâm ý ta,
Hân hoan và ưa thích.*

*202. Ta nghe lời vị ấy,
Sống vui trong giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

*203. Mọi chỗ, **hỷ diệt đoạn**,
Khởi si ám tan tàn,
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị bại, Ma Vương.*

328 Thân kiến - Thấy sợ hãi thân kiến, Ta mong muốn viễn ly - Kinh Subhà Con Người Thợ Vàng – Tiểu III, 684

Subhà Con Người Thợ Vàng – *Tiểu III*, 684 (70)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con gái một người thợ vàng. Vì nàng rất đẹp, nên được gọi là Subhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở tại Ràjagaha, nàng đến yết kiến Ngài, khởi lòng tin tưởng, đánh lễ ngài rồi ngồi xuống một bên. Bạc Đạo Sư biết được căn cơ tâm tư thuần thực của nàng, tùy theo ý nguyện của nàng, Ngài thuyết pháp cho nàng về **Bốn sự thật** và nàng chứng được **quả Dự lưu**.

Về sau, nàng nhận thấy sự khó khăn sống trong gia đình, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của bà Mahàpajàpati Gotamì, hướng tâm đến con đường siêu thoát.

Thỉnh thoảng, các bà con của nàng mời nàng trở lại với đời, nói lên sự hấp dẫn của đời. Một hôm nàng thuyết pháp cho bà con của nàng, nói lên những nguy hiểm của đời sống cư sĩ, và ở đời, thuyết pháp cho họ với hai mươi bốn bài kệ như sau và chữa cho họ thoát khỏi **bệnh tham vọng**.

Rồi nàng **phát triển thiền quán**, gột sạch các căn cuối cùng nàng chứng được quả A-la-hán. Khi đã chứng quả A-la-hán, nàng nói như sau:

338. *Ta trước mặc áo trắng,
Được nghe giảng Chánh pháp,
Do ta không phóng dật,
Chứng tri được chân lý.*

339. *Nhờ vậy đối mọi dục,
Không còn tham muốn lớn,
Thấy sợ hãi thân kiến,
Ta mong muốn viễn ly.*

340. *Ta bỏ chúng bà con,
Bỏ lao công, nô tỳ,
Làng ruộng đất phì nhiêu,
Khiến người thích hân hoan,
Tì bỏ, ta xuất gia,
Gia sản đâu có ít.*

341. *Nhờ diệu pháp khéo thuyết,
Ra đi, với lòng tin,
Ta không thể hy cầu,
Vật gì thuận gia sản,
Vàng bạc ta đã bỏ,
Sao lại đi đến chúng?*

342. Vàng bạc không giác ngộ,
Không làm người an tịnh,
Không hợp hạnh Sa-môn,
Không phải tài sản Thánh.

343. Chính vàng hay bạc này,
Làm tham ái, đắm say,
Làm con người ngu si,
Làm tăng trưởng bụi trần,
Nguy hiểm nhiều ưu não,
Đây, không gì trường cửu.

344. Đây, loài Người tham đắm,
Phóng dật, tâm uế nhiễm,
Chống đối thù địch nhau,
Rộng đường đấu tranh nhau.

345. Giết hại, trói, tra tấn,
Hao tài sản, ưu tư,
Những ai chìm trong dục,
Gặp phải nhiều tai họa.

346. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,

**Hãy biết ta xuất gia,
Vì thấy dục đáng sợ.**

347. Bạc, vàng không có thể,
Đoạn được các lậu hoặc,
Các dục là thù địch,
Sát nhân, chuyên giết hại,
Chúng là kẻ oán thù,
Là mũi tên, dây trói.

348. Vì sao bà con ta,
Giống như kẻ thù ta,
Lại trói buộc ta vào,
Trong vòng các dục lạc,
Hãy biết ta xuất gia,
Cạo tóc đắp đại y.

349. Nuôi sống bằng đồ ăn,
Tích lũy nhờ khát thực,
Y áo được tác thành,
Vói miếng vải lượm lặt,
Sống vậy, thích hợp ta,
Cơ bản, sống không nhà.

350. Dục, đại sĩ từ bỏ,
Dục loài Trời, loài Người,
Trú an ổn, giải thoát,

Không dao động an lạc.

351. **Chớ để ta đến dục,
Trong dục, không an toàn,
Dục, thù địch sát nhân,
Gây khổ, dụ đồng lửa.**

352. *Đường hiểm, đầy sợ hãi,
Đầy khổ hoạn, gai góc,
Tham ái đường gập ghềnh,
Hoang si mê rộng lớn.*

353. **Tai họa đầy hãi hùng,
Các dục dụ đầu rắn,
Kẻ ngu thích thú dục,
Kẻ mù lòa phàm phu.**

354. **Chúng sanh chìm bùn dục,
Những kẻ không thấy đời,
Họ không có rõ biết,
Sự chấm dứt sanh tử.**

355. **Loài Người vì nhân dục,
Con đường đến ác thú,
Phản nhiều đi đường ấy,
Khiến tự ngã bệnh hoạn.**

356. Như vậy dục sanh thù,
Nung nấu, làm uế nhiễm,
Dục thuộc về thể vật,
Trói người vào tử vong.

357. Dục làm cho điên cuồng,
Loạn ngôn tâm thác loạn,
Làm uế nhiễm chúng sanh,
Sắp rơi bẫy Ác ma.

358. Dục nguy hiểm không cùng,
Nhiều khổ, thuốc độc lớn,
Ngọt ít, tạo đấu tranh,
Héo tàn ngày tươi sáng.

359. **Ta quyết định như vậy,
Không trở lui dục nhân,
Tác thành điều bất hạnh,
Luôn vui hưởng Niết-bàn.**

360. Quyết đấu tranh với dục,
Chờ đợi, mát, lắng dịu,
Sẽ sống không phóng dật,
Đoạn diệt kiết sử dục.

361. Ta đi theo đường ấy,
Đường đại sĩ đi qua,

Không sầu, không cầu ướ,
An ổn, thẳng, Tám ngành.

362. *Hãy xem Subhà này,
An trú trên Chánh pháp,
Con gái một thợ vàng,
Đạt được không tham dục,
Ngồi hành trì thiền định,
Ở dưới một gốc cây.*

363. *Hôm nay, ngày mồng tám,
Từ khi nàng xuất gia,
Với lòng đầy tin tưởng,
Sáng chói chân Diệu pháp,
Up-pa-la-van-na,
Huân luyện giảng dạy nàng,
Nàng chứng được Ba minh,
Vượt qua được thân chết.*

364. *Nàng tự mình giải thoát,
Không còn có nợ nần.
Là vị Tỷ-kheo-ni,
Các căn được tu tập,
Ly hệ mọi khổ ách,
Việc cần làm làm xong,
Đối với các lậu hoặc,
Nàng đoạn diệt hoàn toàn.*

365. *Sakka đến với nàng,
Cùng với chúng chư Thiên,
Với thần thông diệu dụng,
Chúng đánh lễ Subhà,
Nàng chỉ là con gái,
Con một người thợ vàng,
Nhưng nay là **hội chủ**,
Của mọi loài chúng sanh.*

Vào ngày thứ **tám**, khi nàng đã thọ giới, nàng chứng quả A-la-hán. Thế Tôn ngồi dưới một cành cây, nói lên bài kệ (362-364) để tán dương nàng và chỉ nàng cho các Tỷ-kheo biết. Câu kệ cuối cùng do các Tỷ-kheo thêm vào để tán dương **Sakka đã đến đánh lễ nàng**.

329 Thân niệm - Kiên trì hộ thân niệm - Kinh Sıla Vaniya – Tiểu III, 16

Sıla Vaniya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhùta, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhùta.

Với ba người bạn *Bhùmija*, *Jeyyasena* và *Abhiràdana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavaniya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trợn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

330 Thân niệm - Người siêng năng cần mẫn, Thường thường quán thân niệm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ **lạc nhỏ**,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng,
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán **thân niệm**,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người **tư niệm giác tỉnh**,

Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần,
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hỏ tướng thứ năm,
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Phật Đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Chánh Pháp thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Tăng Già thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia, khó,
Tại gia sinh hoạt, khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống **luân hồi**,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần,
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành, không buồn chán,
Tự điều phục một mình,
Sống thoải mái rừng sâu.

331 Thân này luân chuyển vậy, Dẫn đi bởi xe nghiệp - Kinh Kappa – Tiểu III, 325

Kappa – Tiểu III, 325 (237)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong vương quốc Magadha, làm con một **vua** bản xứ, kế vị ngôi vua, nhưng rơi vào hưởng thụ các dục vọng.

Khi bậc Đạo Sư với lòng từ bi, nhìn thế giới để xem ai xứng đáng được cứu độ. Bậc Đạo Sư thấy ngài, nghĩ rằng *Kappa* có thể tu tập **quán bất tịnh**, xuất gia và chứng quả A-la-hán. Thế Tôn đi trên hư không đến Kappa, và nói với ngài với những câu kệ như sau:

567. *Đầy nhiều loại uế vật,
Chỗ chứa toàn phần uế,
Như vũng nước đọng lâu,
Ung nhọt vết thương lớn.*

563. *Đầy những máu và mủ,
Chìm đắm, trong hố phân,
Thân ứ nước rỉ chảy,
Luôn chảy nước bất tịnh.*

569. *Trói bởi sáu mươi gân,
Trét dùng thịt làm hồ,
Mặc áo giáp bằng da,
Thân hôi thúi vô dụng.*

570. *Nối thành dây xúc xương,
Cột lại với dây gân,
Do chúng nhiều hợp sức,
Tác thành những uy nghi.*

571. *Thường tiến đến sự chết,
Đến gần cảnh tử thần,
Ở đây, bị quăng bỏ,
Con người đi theo dục.*

572. *Thân bị vô minh che,
Trói bởi bốn trói buộc,
Thân chìm trong bực lưu,
Mắc vào lưới tùy miên,*

573. *Hệ lụy năm triền cái,
Ám ảnh bởi tâm tư,
Đi theo gốc khát ái,
Che trùm bởi màn si.*

574. *Thân này luân chuyển vậy,
Dẫn đi bởi xe nghiệp,*

*Khi thành công, khi bại,
Chịu đựng nhiều ái sanh.*

*575. Ai nghĩ "thân của tôi",
Là phàm phu ngu muội,
Tặng mộ phần đáng sợ,
Chấp chặt sự tái sanh.*

*576. Ai tránh né thân này,
Như tránh rắn dính phân,
Họ bỏ gốc sanh hữu,
Chứng Niết-bàn, vô lậu.*

Kappa nghe lời dạy bậc Đạo Sư, về thân phận các thân dưới nhiều hình ảnh, sợ hãi và nhàm chán thân mình, hốt hoảng xin xuất gia.

Bậc Đạo Sư giao cho một Tỷ-kheo làm lễ xuất gia. Kappa nhận mười đề tài tu tập và chứng quả A-la-hán. Ngài đi đến bậc Đạo Sư, đánh lễ, ngồi xuống một bên và nói lên chánh trí của mình với những bài kệ trên. Do vậy các bài kệ này trở thành bài kệ của ngài.

332 Thân sanh tử, Phải làm nhiều việc lành - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bọt nước,*
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tâm mắt thần chết."

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lạt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,

Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Nhu ong đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Nhu bông hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Nhu từ một đồng hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.
Cũng vậy, thân sanh tử,

Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,
Chỗ ấy hoa sen nở,

Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

333 Thân ta thật nhẹ nhàng, Cảm xúc hỷ lạc lớn - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

334 Thân thiện giữa thù địch, Ôn hòa giữa hung hăng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.*

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bạc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,

Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng sông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên sông,
Nếu tâm còn phiền não,

Không phiền não, chấp trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đắm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bốn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chúng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đổi chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,

Không mạn, không ganh tị,
Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,

Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,

Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ tho sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,

Bậc chiến thắng, không nhiễm,
Bậc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bậc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

335 Thân thể nặng nề, khó tu - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 119

Adhimutta – Tiểu III, 119 (114)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn giàu có ở Sàvatthi, tên là Adhimutta. Ngài cảm thấy bất mãn khi thấy giáo lý Bà-la-môn không có gì căn bản.

Chứng kiến uy nghi đức độ của đức Phật khi tinh xá Kỳ Viên được dâng cúng, ngài xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Ngài giáo giới các Tỷ-kheo sống với ngài, các vị này rất là lực lưỡng, với bài kệ sau đây:

*114. Trong nếp sống tâm tu,
Hướng về **hạnh từ bỏ**,
Với thân thể thô lỗ,
Nặng nề như thế này,
Nếu ham muốn thân thể,
Được thọ hưởng các lạc,
Từ đâu thành tựu được,
Hạnh của bậc Sa-môn?*

336 Thân thể trong sạch như giọt sương trên lá sen - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – *Tiểu III*, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

337 Thân thể yếu đuối, sợ tu không được - Kinh Lomasakangiya – Tiểu III, 36

Lomasakangiya – Tiểu III, 36 (27)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình họ Thích-ca. Ngài rất yếu đuối và thân ngài có lông mịn nên được gọi là *Lomasakangiya*.

Khi Anuruddha và một số hoàng tử trẻ Sakya xuất gia, ngài không theo. Rồi Candana, một người bạn cũ thời trước, hỏi về "*Nhứt dạ hiền giả* - Bhaddekaratta", ngài trả lời không được và đến hỏi đức Phật. Đức Phật khuyên ngài xuất gia và về xin phép cha mẹ.

Khi mẹ ngài sợ ngài yếu đuối, ngài trả lời với bài kệ như sau:

27. *Cỏ dabba, kusa,
Các loài cỏ đâm ngực,
Loài cỏ tên munja,
Cỏ tên pabbaja.
Từ nơi ngực của ta,
Ta sẽ đẩy chúng lui,
Ta sẽ làm tăng trưởng,*

Hạnh cô độc viễn ly.

Nghe xong, mẹ ngài bằng lòng để ngài xuất gia, và được phép bậc Đạo Sư cho xuất gia.

Sau thời gian học tập, ngài muốn đi vào rừng để **thiền quán**. Các Tỷ-kheo ngăn lại, nói ngài yếu đuối làm sao sống trong rừng núi được. Ngài lập lại bài kệ này và đi vào rừng tu thiền, chứng **sáu thắng trí**. Khi ngài chứng quả A-la-hán, ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ nói trên.

338 Thân tâm bị thiêu đốt - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk.
I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỷ-kheo không hộ trì,*

*Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

339 Thân tích tụ - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

340 Thân tịnh, lời an tịnh, An tịnh, khéo thiền tịnh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 102

Phẩm Tỷ Kheo – *Tiểu I*, 102

360. Lành thay, **phòng hộ** mắt,
Lành thay, phòng hộ tai,
Lành thay, phòng hộ mũi,
Lành thay, phòng hộ lưỡi.

361. Lành thay, phòng hộ thân,
Lành thay, phòng hộ lời,
Lành thay, phòng hộ ý,
Lành thay, phòng tất cả,
Tỷ kheo phòng tất cả,
Thoát được mọi khổ đau.

362. **Người chế ngự tay chân,
Chế ngự lời và đầu,
Vui thích nội thiền định,
Độc thân, biết vừa đủ,
Thật xứng gọi tỷ kheo.**

363. **Tỷ kheo chế ngự miệng,
Vừa lời, không cống cao,
Khi trình bày pháp nghĩa,**

Lời lẽ dịu, ngọt ngào.

364. Vị tử kheo thích pháp,
Mến pháp, suy tư Pháp,
Tâm tư niệm Chánh Pháp,
Không rời bỏ Chánh Pháp.

365. Không khinh điều mình được,
Không ganh người khác được,
Tỷ kheo **ganh** tị người,
Không sao chứng Thiền Định.

366. Tỷ kheo dẫu được ít,
Không khinh điều mình được,
Sống thanh tịnh không nhác,
Chư thiên khen vị này.

367. Hoàn toàn, đổi danh sắc,
Không chấp Ta, của Ta.
Không chấp, không sầu não,
Thật xứng danh Tỷ kheo.

368. Tỷ kheo **trú từ bi**,
Tín thành giáo Pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tĩnh,
Các hành an tịnh lạc.

369. Tỷ kheo, tát thuyền này,
Thuyền không, nhẹ đi mau,
Trừ tham, diệt sân hận,
Tất chứng đạt Niết-Bàn.

370. Đoạn năm, từ bỏ năm,
Tụ tập năm tối thượng,
Tỷ kheo vượt năm ái,
Xứng danh "Vượt bực lưu".

371. Tỷ kheo, hãy tu thiền,
Chớ buông lung phóng dật,
Tâm chớ đắm say dục,
Phóng dật, nuốt sắt nóng,
Bị đốt, chớ than khổ.

372. Không trí tuệ, không thiền,
Không thiền, không trí tuệ,
Người có thiền có tuệ,
Nhất định gần Niết-Bàn.

373. Bước vào ngôi nhà trống,
Tỷ kheo tâm an tịnh,
Thọ hưởng vui siêu nhân,
Tịnh quán theo Chánh pháp.

374. Người luôn luôn chánh niệm,

**Sự sanh diệt các uẩn,
Được hoan hỷ, hân hoan,
Chỉ bậc bất tử biết.**

375. Đây Tỷ kheo có trí,
Tụ tập pháp căn bản,
Hộ căn, biết vừa đủ,
Giữ gìn căn bản giới,
Thường gần gũi bạn lành,
Sống thanh tịnh tinh cần.

376. **Giao thiệp khéo thân thiện,
Cử chỉ mực đoan trang,
Do vậy hưởng vui nhiều,
Sẽ dứt mọi khổ đau.**

377. Như hoa Vassikà,
Quăng bỏ cánh úa tàn,
Cũng vậy vị Tỷ kheo,
Hãy giải thoát tham sân.

378. **Thân tịnh, lời an tịnh,
An tịnh, khéo thiền tịnh,
Tỷ kheo bỏ thế vật,
Xứng danh bậc tịch tịnh.**

379. **Tự mình chỉ trích mình,**

Tự mình dò xét mình,
Tỷ kheo tự phòng hộ,
Chánh niệm, trú an lạc.

380. Tự mình y chỉ mình,
Tự mình đi đến mình,
Vậy hãy tự điều phục,
Như khách buôn ngựa hiền.

381. Tỷ kheo nhiều hân hoan,
Tịnh tín giáo pháp Phật,
Chứng cảnh giới tịch tịnh,
Các hạnh an tịnh lạc.

382. Tỷ kheo tuy tuổi nhỏ,
Siêng tu giáo pháp Phật,
Soi sáng thế gian này,
Như trăng thoát khỏi mây.

341 Thân được thấy trống không, Trong thân cả ngoài thân - Kinh Punnamàsa – Tiểu III, 157

Punnamàsa – Tiểu III, 157 (146)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình vị điền chủ.

Khi sanh đưa con đầu tiên, ngài xuất gia, sống gần một làng, ngài tinh tấn tu hành cho đến khi ngài chứng được **sáu thắng trí**. Ngài đi đến Sàvatthi đánh lễ bậc Đạo Sư và ở tại một nghĩa địa.

Rồi đưa con ngài chết và vợ ngài **không** muốn tài sản bị vua tịch thu, vì không có thừa tự nên đi đến ngài với một số đông tùy tùng và yêu cầu ngài từ bỏ đời sống xuất gia.

Muốn nói lên sự giải thoát thế tục và quả chứng của ngài, ngài đứng trên hư không, nói lên những bài kệ:

*171. Từ bỏ năm triền cái,
Đạt an ổn khỏi ách,
Nắm giữ gương Chánh pháp,
Biết và thấy tự ngã.*

**172. Ta quán sát thân này,
Từ trong cho đến ngoài,
Thân được thấy trống không,
Trong thân cả ngoài thân.**

342 Thân được thấy trống rỗng, Chìm tôi trong đêm đen - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

*169. Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

**170. Thân được thấy trống rỗng,
Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.**

343 Thân ở làng, Tâm hướng về rừng núi - Kinh Sívaka – Tiểu III, 24

Sívaka – *Tiểu III, 24 (14)* (Một Sa-di phục vụ cho Vanavaccha)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con người chi của *Vanavaccha*.

Khi mẹ ngài được tin Vanavaccha xuất gia, thọ Đại giới, đã sống trong rừng. Mẹ ngài nói với ngài: "*Này Sívaka, con hãy xuất gia dưới sự chỉ dẫn của Vanavaccha và phục vụ cho ngài, vì nay ngài đã già!*"

Ngài nghe theo lời mẹ xuất gia sống ở trong rừng phục vụ săn sóc Vanavaccha. Một hôm, khi đi đến gần làng, ngài bị đau nặng, khi thuốc không chữa được, ngài không về và Trưởng lão Vanavaccha đi tìm và thấy ngài bị đau.

Sau khi cho ngài uống thuốc và săn sóc ngài, khi bình minh mới bắt đầu, vị Trưởng lão nói với ngài: "*Này Sívaka, từ khi ta xuất gia, ta không sống ở trong làng. Vậy chúng ta hãy đi vào rừng*".

Sívaka trả lời: "*Dầu **thân** con ở trong làng, nhưng **tâm** con bao giờ cũng hướng về rừng núi. Vậy nay con tuy nằm ở đây, con sẵn sàng đi vào rừng*".

Vị Trưởng lão cầm tay ngài, dắt ngài đi vào rừng, khích lệ ngài. Ngài nhờ sự khích lệ này, tự mình sách tấn và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên bài kệ của mình hợp chung lời vị Trưởng lão và lời mình, nói lên sự ưa thích sống viễn ly và quả chứng của mình, sự vâng lời thầy của mình và chứng đắc chánh trí:

14. *Thầy ta nói với ta,
"Hãy đi, Sívaka!"
Thân ta sống ở làng,
Nhưng tâm hướng về rừng,
Dẫu còn nằm ta đi,
Người biết, không trối buộc.*

344 **Thật vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115**

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "Thật vậy, thế giới này bị **ái** triền trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mãi,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

345 Thâu khẩu ý - Ta tự mình biết, tự mình thấy... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 377

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 377 (Tik. III, 1) (It. 58)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Ta đã thấy, này các Tỷ-kheo, các chúng sanh thành tựu **thân** làm **ác**, thành tựu **lời** nói ác, thành tựu **ý** nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối. Sau khi thân hoại mạng chung, họ bị sanh vào cõi dữ, ác thú đọa xứ, địa ngục.*

Này các Tỷ-kheo, sau khi không nghe một Sa-môn hay Bà-la-môn nào khác nói lên, Ta nói nên lời nói này: "Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, chúng phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Và này các Tỷ-kheo, vì rằng Ta tự mình biết, tự mình thấy, tự mình tìm ra, nên Ta tuyên bố rằng:

"Này các Tỷ-kheo, Ta đã thấy các chúng sanh, thành tựu thân làm ác, thành tựu lời nói ác, thành tựu ý nghĩ ác, chỉ trích các bậc Thánh, có tà kiến, chấp nhận các nghiệp bị tà kiến chi phối, sau khi thân hoại mạng chung, họ phải sanh vào cõi dữ, ác thú, đọa xứ, địa ngục".

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Dẫn ý vào đường tà,
Nói những lời tà ngữ,
Vội thân làm nghiệp tà,
Người ở đời làm vậy.
Ít nghe, ít học hỏi,
Không làm các công đức,
Ở đây sống trong đời,
Vội sanh mạng ít oi,
Khi thân hoại mạng chung,
Người ấy với liệt tuệ,
Bị sanh vào địa ngục.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

346 Thành linh - Không có thành linh chứng ngộ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- **Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.**

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Uposastha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Uposastha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Uposastha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Này các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Này các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vị mặn**. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu

báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loài sinh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy

chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lỉnh. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lỉnh. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhứt. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có thứ hai. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tinh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không** sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và **đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai

tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mận. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này các

Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

347 Thí chủ tiếp tục cho, Tiếp tục lên Thiên giới - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con
vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề,
mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa
Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì
ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên
làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm
(Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua
Suddhodana nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một
ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ
trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng
và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy
đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị
Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các
vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và *Kàludàyin* hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán về đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đáng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,*

*Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ấn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,*

Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.

534. *Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

535. *Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn** vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. ***Ta là con đức Phật,***
*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

348 Thích cung kính - Chớ ưa thích cung kính, Hãy tu hạnh viên ly - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

349 Thích danh lợi - Ưa danh không tương xứng, Muốn ngồi trước tỷ kheo - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muồi;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

350 Thích ghét - Từ đâu tham, sân, sợ hãi, thích, ghét, suy nghĩ sanh khởi_ - Kinh Sùciloma - Tiểu I, 551

Kinh Sùciloma – Tiểu I, 551 (Sn 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú tại Gayà, ở Tamkitamanca tại trú xứ của Dạ-xoa Sùciloma. Lúc bấy giờ, Dạ-xoa Khara, Dạ-xoa Sùciloma đi qua Thế Tôn không bao xa. Dạ-xoa Khara nói với Dạ-xoa Sùciloma: Đây là Sa-môn. Đây không phải là Sa-môn. Đây là Sa-môn hay là Sa-môn giả hiệu. Rồi Dạ-xoa Sùciloma đi đến Thế Tôn, sau khi đến cơ xát thân Thế Tôn. Thế Tôn tránh né thân của mình, rồi Dạ-xoa Sùciloma nói với Thế Tôn:

- Có phải Sa-môn sợ ta?
- Này Hiền giả, Ta không sợ Ông, **nhưng xúc chạm với Ông là ác.**
- Này Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài, nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm cho tâm Ngài điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ bên kia sông Hằng.

- Nay Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới chư Thiên, với chư Thiên, Ác ma và Phạm Thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm cho tâm Ta điên loạn hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân của Ta, sẽ quăng Ta qua bờ bên kia sông Hằng. Tuy vậy, nay Hiền giả, Ông cứ hỏi Ta như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa Sùciloma với câu kệ nói với Thế Tôn:

Sùciloma:

270. *Từ những nguyên nhân nào,
Tham và sân khởi lên?*

Không ưa thích, ưa thích?

Sợ hãi từ đâu sanh?

Từ đâu được sanh khởi,

Các suy tầm của ý?

Như đứa trẻ độc ác,

Thả cho con quạ bay?

Thế Tôn:

271. *Từ những nguyên nhân này,*

Tham, sân *được khởi lên,*

Không ưa thích, ưa thích,

Sợ hãi *từ đây sanh,*

Từ đây được sanh khởi,

Các suy tầm của ý,

*Như đứa trẻ độc ác,
Thả cho con quạ bay.*

272. ***Sự hiện hữu của ngã,***
*Chính do **thân ái** sanh,
Như các loại cây bàng,
Do thân cây bàng sanh.
Sự triền phược các **dục**,
Thật rộng lớn vô cùng,
Như cây Máluvà,
Tỏa rộng lan khắp rừng.*

273. *Hãy nghe! Này Dạ-xoa,
Những ai được rõ biết,
Từ đâu, khiến sanh khởi,
Họ tẩy sạch nhân ấy.
Họ vượt qua dòng nước,
Chảy mạnh khó vượt này,
Trước chưa được vượt qua,
Không còn có tái sanh.*

351 Thích hội chúng - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Parabhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

352 Thích thú - 2 pháp đưa đến hỷ lạc để diệt lậu tận - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 333 (Duk. I,10) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai?

- *Với sự hứng khởi đối với những trường hợp đáng phấn khởi,*
- *Và như lý tinh cần đối với phấn khởi.*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Bậc có trí phấn khởi,
Trường hợp đáng phấn khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Thông minh và cần trọng,*

Quán xuyên nhìn sự vật,
Với trí tuệ **Bát-nhã**,
Nhiệt tình trú như vậy,
Sống đời sống an tịnh,
Không bông bột hăng say,
Chú lực **tâm tịnh chỉ**,
Có thể đạt chứng được,
Đoạn diệt các khổ đau.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

353 Thòng lọng - Định tự sát vì bảy năm tâm không định - Kinh Sìha – Tiểu III, 582

Sìha – *Tiểu III*, 582 (40)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Vesàli, **con gái của một người chị võ tướng Sìha**. Do vậy, nàng được đặt tên là Sìha, như tên của người cậu của nàng.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp cho người cậu, Sìha trở thành một tín nữ và được phép cha mẹ cho xuất gia.

Khi nàng tu tập **thiền quán**, nàng không thể chận đứng tâm tư nàng chạy theo những ngoại vật khả ý. **Bảy năm** bị dày vò, nàng kết luận: *"Làm sao ta thoát khỏi nếp sống uế nhiễm này. Ta hãy chết, tốt hơn"*.

Rồi nàng cột sợi dây trên cây, **đút cổ vào thòng lọng để thắt cổ chết**. Trong giây phút cuối cùng với sự cố gắng tinh thần chứa từ trước cho đến nay, nàng cố gắng **triển khai thiền quán**. Đối với nàng đời sống hiện tại thật sự là đời sống cuối cùng, trong giờ phút cuối cùng, **trí tuệ** nàng được viên mãn, và với **nội tâm thiền quán** nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Mở thông lọng ra nàng trở về lại tỉnh xá. Được thành một vị A-la-hán, nàng sung sướng phấn khởi nói lên bài kệ:

77. *Không như lý tác ý,
Bị dục tham ám ảnh,
Ta trước bị dao động,
Không chế ngự được tâm.*

78. Bị phiền não chi phối,
Lạc tướng ngự trị ta,
Tâm ta không thắng bằng,
Bị *tham* tâm chi phối.

79. *Bảy năm* sống ốm yếu,
Vàng da, dung sắc xấu,
Đêm ngày không an lạc,
Ta sống chịu khổ đau.

80. Do vậy ta lấy dây,
Đi vào giữa khu rừng,
Tốt hơn ta treo cổ,
Còn hơn sống hạ liệt.

81. Làm chắc dây thông lọng,
Ta cột ở cành cây,
Quàng thông lọng quanh cổ,

Tâm ta liền giải thoát.

354 **Thô lỗ - Dễ thay, sông không hổ, Sông lỗ mãng như quạ - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78**

Phẩm Câu Uế – *Tiểu I, 78*

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo,**
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**
Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi
Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. **Không tụng** làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. **Tà hạnh** nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. **Đễ thay, sống không hô,**
Sống lỗ mẫn như quạ,

Sống công kích huênh hoang,
Sống liêu lĩnh, nhiệm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,

Người ấy ngày hoặc đêm,
Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đậy,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng **chỉ trích**,
Người ấy **lậu hoặc tăng**,
Rất xa lậu hoặc diệt.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,

Chúng sanh thích hý luận,
Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

355 **Thô thảo - Ta thô thảo dao động, Say đắm trong tham dục - Kinh Nanda – Tiểu III, 148**

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tịnh Phạn) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khát thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: *"Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đằm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn"*. Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

356 Thù hận - Kẻ thù hại kẻ thù, Oan gia hại oan gia - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vầy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

357 Thù hận - Với hận diệt hận thù, Đời này không có được - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32

Phẩm Song Yếu – *Tiểu I*, 32

1. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo".
2. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình".
3. "Nó mắṅg tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi"
**Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.**
4. "Nó mắṅg tôi, đánh tôi,

Nó thắng tôi, cướp tôi,"
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vói hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chơn thực,
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "N^{hư} ng^{oài} nh^à v^ũng l^{ạc},
M^{ưa} li^{ền} x^{âm} nh^{ập} và^o.
C^{ũng} v^{ậy} t^{âm} kh^{ông} t^u,
Th^{am} d^{ục} li^{ền} x^{âm} nh^{ập}."

14. "N^{hư} ng^{oài} nh^à kh^{éo} l^{ạc},

Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đời sau sầu,
Kẻ ác, hai đời sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đời sau vui,
Làm phước, hai đời vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đời sau than,
Kẻ ác, hai đời than,
Than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đời sau sướng,
Làm phước, hai đời sướng.
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",
Sanh cõi lành, sướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,

Không phần Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh."

358 Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước - Kinh Paccaya – Tiểu III, 191

Paccaya – Tiểu III, 191 (171)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Rohi trong một gia đình hoàng tộc, và được đặt tên là *Paccaya*.

Thọ hưởng gia tài khi phụ thân mệnh chung, ngài tuyên bố tổ chức một đàn bố thí rất lớn và một số đông người tụ họp. Trong cuộc tụ họp này, bậc Đạo Sư ngồi trên một ngai vàng trong một ngôi nhà trang hoàng châu báu. Đức Phật thuyết pháp, trong khi mọi người ngắm, chiêm ngưỡng ngài. Phần lớn dân chúng hiểu lời đức Bôn Sư dạy, nhưng ngài Paccaya đi xa hơn. **Thúc đẩy bởi nghiệp duyên đời trước**, ngài từ bỏ tài sản và xuất gia như trước kia ngài đã phát nguyện dưới thời **đức Phật Kassapa**, nay ngài đã phát nguyện, khi đã vào am tranh tu hành, nếu chưa giải thoát thì không ra khỏi am này và cuối cùng **thiền quán được phát triển**, trí tuệ được thuần thực, ngài chứng quả A-la-hán.

Để kỷ niệm thành quả này, ngài nói lên quả chứng của ngài, ngang qua những bài kệ như sau:

222. **Năm ngày** ta xuất gia,
Hữu học, ý chưa đạt,
Ta trú **hạnh viễn ly**,
Tâm phát nguyện như sau:

223. *Ta sẽ không ăn uống,
Không ra ngoài tinh xá,
Ta sẽ không nằm xuống,
Không nằm một bên hông,
Nếu mũi tên tham ái,
Chưa rút nhỏ lên được.*

224. *Hạnh ta sống như vậy,
Hãy nhìn ta **tinh cần**,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

359 Thương hại vợ cũ - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – *Tiểu III*, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi *nhạc phụ* của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang **điểm thật đẹp** mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời

sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **đục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,**
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,**
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,**
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc.**

456. **Phàm phu **tâm** say đắm,**
Chạy theo hưởng **nữ sắc,**
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.

457. **Ai tránh né **nữ sắc**,**
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,

Kẻ đầu độc thế giới.

458. **Thấy nguy hiểm** trong **dục**,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.

360 Thương mình nhiều nhất - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 200* (Ud 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Nay Mallikà có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thưa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Nay Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikà và con nói với Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikà trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. *Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã,
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

361 Thường năm giữ chánh niệm - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên **con đường chánh trí,**
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

362 Thường năm giữ chánh niệm - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 192 (Ud 43)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ Tôn giả Sàriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, kiết-già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, kiết già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường năm giữ chánh niệm.*

363 Thường tôn trọng, kính lễ Bạc kỳ lão trưởng thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51

Phẩm Ngân – *Tiểu I*, 51

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kê
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thân, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Để cầu phước ở đời.
Không bằng một phần tư

Kính lễ bậc chánh trực.

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác **giới**, không thiên **định**,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiên **định**.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiên **định**.
Tốt hơn sống một ngày,
Có **tuệ**, tu thiên **định**.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác, không tinh **tấn**,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp sinh diệt**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **câu bất tử**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp tối thượng**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

364 Thấp và cao - Kinh Piyanjaha – Tiểu III, 87

Piyanjaha – Tiểu III, 87 (76)

Ngài được sanh ở Vesàli trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình quý phái Licchavi. Khi lớn lên, ngài rất thích thú chiến tranh và trở thành một chiến sĩ không ai thắng nổi, sẵn sàng hy sinh những gì thân nhất của mình, đến nỗi ngài được đặt tên là *Piyanjaha (vị từ bỏ những gì thân ái)*.

Nhưng khi đức Phật đến Vesàli, ngài khởi lòng tin, xuất gia sống ở trong rừng, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Khi đã chứng quả A-la-hán, ngài nghĩ thật là khác biệt giữa thành công ở đời và thành công bậc Thánh. Với thiền quán ấy, ngài nói lên chánh trí, và tuyên bố bài kệ này:

*76. Khi loài Người kiêu hãnh,
Hãy hạ thấp ông xuống,
Khi loài Người hạ thấp,
Hãy nâng cao tâm ông,
Hãy sống tại những chỗ,
Loài Người không muốn sống,*

*Tại chỗ ngồi ưa thích,
Chớ có nên thích thú.*

365 **Thất bại - Cửa vào của thất bại - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493**

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

366 Thấy cây đèn Niết-bàn, Tâm ta được giải thoát - Kinh Patàcàrà – Tiểu III, 598

Patàcàrà – Tiểu III, 598 (47)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh trong gia đình vị thủ ngân khố nhà vua ở Sàvatthi.**

Khi đến tuổi trưởng thành nàng giao du với một người đầy tớ trong nhà. Khi cha mẹ nàng định ngày gả nàng cho một chàng trai xứng đôi, nàng trốn đi với người tình nhân và sống tại một ngôi làng nhỏ.

Khi nàng sắp sanh, nàng bảo chồng đưa nàng về nhà cha mẹ, vì ở đây không có ai săn sóc nàng, nhưng chồng nàng cứ hẹn lần hẹn hội cho đến khi nàng biết chồng nàng không muốn đi về. Nàng liền chờ chồng đi vắng, sắp đặt công việc, tin cho người láng giềng biết rồi nàng bỏ về nhà cha mẹ. Khi người chồng về, người chồng liền đuổi theo, sợ nàng không có người săn sóc. Chồng nàng bắt gặp nàng và giữa đường nàng sinh được người con, rồi hai vợ chồng lại đi trở về làng.

Đến kỳ sinh nở thứ hai, sự việc xảy ra như lần trước, nhưng có điểm khác biệt như sau: giữa đường mưa to gió lớn nổi lên, người chồng tìm lá và cây làm cái

chòi cho nàng tránh mưa, nhưng bị con **rắn** từ gò mối bò ra cắn chòng nàng chết tại chỗ. Trong cơn đau khổ chờ đợi chồng nàng, nàng bồng đứa con trên ngực và giữa mưa to gió lớn nàng nằm phục xuống đất để che chở cho hai đứa con trải qua một đêm như vậy cho đến sáng.

Đến sáng, nàng đi tìm chồng và thấy chồng bị rắn cắn chết rồi. Nàng khóc than suốt đêm. Vì mưa to, nước sông dâng lên đến đầu gối, nàng lại quá yếu nên không thể bồng hai đứa con lội qua sông. Nàng để đứa lớn ở bờ bên này và bồng đứa nhỏ lội qua sông. Rồi nàng đặt đứa nhỏ nằm trên khăn trùm đầu, dùng cành cây che lại để nó trên bờ, còn nàng lội qua sông lại để đem đứa lớn qua. Nhưng đến giữa dòng, quay mình trở lại thì thấy một con **diều hâu**, tưởng đứa con nít là một miếng thịt, nên bay xuống tha đứa nhỏ đi. Dầu cho người mẹ có xua đuổi và la lên nhưng vì quá xa nên không làm gì được. Còn đứa lớn bên bờ bên này, nghe tiếng mẹ la tưởng là mẹ kêu liền lội xuống nước đi qua và bị nước cuốn trôi. Thế là hai đứa con và cả người chồng bị chết.

Nàng vừa khóc vừa đi về thành Sàvatthi, lại được tin hôm mưa to gió lớn làm sụp đổ căn nhà của cha mẹ nàng, giết chết cả cha mẹ và em nàng vừa làm lễ hỏa táng xong. Trong cơn đau khổ khủng khiếp

chồng chết, nàng hóa điên dại, ăn mặc hở hang, nàng vừa khóc vừa than:

*Hai con ta đã chết,
Chồng ta cũng chết luôn,
Rồi trên giàn hỏa táng,
Cha ta và mẹ ta,
Cùng đưa em trai ta,
Vừa làm lễ thiêu đốt.*

Rồi nàng đi lang thang đây đó, khóc than nỗi đau khổ của nàng, và vì nàng mang xiêm áo tả tơi, nàng được gọi là **Patacàra (kẻ mang xiêm áo)**. Người đi đường thấy nàng gọi nàng là người điên, có kẻ ném đá, có người thì quăng đồ nhóp bụi bặm trên nàng.

Bậc Đạo Sư ở Jetavana đang thuyết pháp, thấy nàng đi lang thang như vậy và **biết căn cơ trí tuệ của nàng đã chín muồi**, ngăn cản không cho người ta xua đuổi nàng và cho phép lại gần, khiến nàng hồi tỉnh lại, và cảm thấy xấu hổ với cách ăn mặc của mình, nàng nằm phục xuống đất.

Một người quăng cho nàng một tấm y, nàng quấn y vào mình và thỉnh Phật cứu độ cho nàng và nàng kể lại thân phận của nàng: *"Thế Tôn **hãy cứu độ cho con: Một đứa con bị chìm điều hâu mang đi, một đứa con bị nước cuốn trôi, còn chồng con bị rắn cắn chết,***

cha mẹ và em con bị căn nhà sụp đổ giết chết và bị hỏa táng".

Đức Phật nói: "Này Patacàra, Đừng nghĩ rằng nàng đến với một người có thể cứu đô cho nàng. Như nay nàng than khóc vì con chết, vì chồng chết, cha mẹ chết. Cũng vậy, nàng đã khóc than kiếp luân hồi của nàng vì rằng con, chồng và cha mẹ bị chết của nàng còn nhiều hơn nước sông bốn biển".

*Nước bốn biển ít hơn,
Nước mắt của loài Người,
Khóc than vì đau khổ,
Vậy sao nàng hủy hoại,
Sanh mạng của chính mình,
Trong khóc than sâu khổ!*

Nghe Thế Tôn dạy về con đường không thể diệt khổ, nỗi đau khổ của nàng được nhẹ dần. Rồi đức Phật khuyên thêm: "Ôi Patacàrà, một người mệnh chung, thì con cháu, bà con không có thể làm chỗ nương tựa. Cho đến hiện tại, họ cũng không giúp đỡ được gì. Do vậy, người có trí sống đời sống giới đức thanh tịnh, thành tựu con đường hướng đến Niết-bàn".
Rồi đức Phật dạy:

Các con, cha, bà con,

*Không phải chỗ nương tựa,
Khi thân hoại mạng chung,
Bà con huyết thống nàng,
Không thể che chở nàng!
Thấy được sự thật này.
Kẻ trí sống giới đức,
Và mau chóng thành tựu,
Con đường hướng Niết-bàn.*

Khi bậc Đạo Sư nói xong, nàng chứng được quả Dự Lưu và xin được xuất gia. Đức Phật đưa nàng đến chúng Tỷ-kheo-ni và cho phép nàng được xuất gia.

Rồi nàng tinh tấn tu hành, cố gắng thành đạt những quả vị cao hơn. Một hôm lấy nước trong bát rửa chân, khi nàng đổ nước, thì nước chảy đến một khoảng đường ngắn rồi biến mất. Nàng đổ thêm nước, và con đường nước chảy dài hơn, và lần thứ ba, nàng lại đổ nước và con đường nước chảy còn dài hơn trước khi biến mất. Dựa trên sự kiện này làm nền tảng suy tư, nàng nghĩ: *"Cũng vậy là loài Người, chết trẻ, chết nửa chừng và chết già"*.

Và đức Phật ở tại hương phòng của Ngài phóng hào quang, hiện lên trước mặt nàng và dạy rằng: *"Hỡi nàng Patàcàrà, như vậy là cuộc sống của loài Người, cuối cùng cũng phải mạng chung. Vậy tốt*

hơn là sống như thế nào để thấy sự sanh diệt của năm uẩn, dầu cho chỉ thấy được một ngày, hay chỉ một sát-na, còn hơn sống một trăm năm mà không thấy được sự thật ấy":

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp cú. 113)*

Khi Thế Tôn nói xong, Patàcàrà chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Suy tư đến quả chứng của mình, khi còn là một học nữ, nàng tán thán sự kiện đã giúp nàng chứng được quả vị cao hơn, và nàng nói lên bài kệ:

*112. Với cây, cày ruộng đất,
Gieo hạt giống trên đất,
Loài Người được tài sản,
Nuôi dưỡng vợ và con.*

*113. Sao ta, giới đầy đủ,
Làm theo Đạo Sư dạy,
Lại không chứng Niết-bàn,
Không nhác, không dao động.*

114. *Khi ta đang rửa chân,
Làm cho **dòng nước chảy**,
Thấy được nước rửa chân
Từ cao chảy xuống thấp,
Nhờ vậy, tâm được định,
Như ngựa hiền khéo luyện.*

115. *Rồi ta cầm cây đèn,
Bước vào ngôi tinh xá,
Nằm trên chiếc giường nhỏ,
Ta nhìn **quán ngọn đèn**.*

116. *Rồi lấy cây kim nhỏ,
Dìm tìm đèn xuống dần,
Thấy cây đèn Niết-bàn,
Tâm ta được giải thoát.*

367 Thấy đục như lửa hừng, Thấy vàng như dao đâm - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đả say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống,**
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng,**
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy,**

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

368 Thấy khổ và khổ tập, Thấy sự khổ vượt qua - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

369 Thấy nguy hại ở đời, Biết pháp không sanh y Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 219

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 219 (Ud 57)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahàkaccàna trú ở giữa dân chúng Avanti, gần Kuraraghara, trên ngọn núi tên Pavatta. Lúc bấy giờ nam cư sĩ Sona Kotikanna là thị giả của Tôn giả Mahàkaccàna.

Rồi nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiên định, tư tưởng như sau được khởi lên: "*Như Tôn giả Mahàkaccàna thuyết pháp, **thật không dễ dàng cho một người sống trong gia đình có thể thực hành một cách viên mãn Phạm hạnh thuần tịnh, trắng bạch như vỏ ốc.** Vậy ta hãy cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình*". Nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna, sau khi đến đánh lễ Tôn giả rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Sona Kotikanna thưa Tôn giả Mahàakaccàna.

- Thừa Tôn giả, ở đây trong khi con độc cư thiền tịnh... sống không gia đình. *Thừa Tôn giả, Tôn giả hãy cho con xuất gia.*

Nghe nói vậy, Tôn giả Mahàkaccàna nói với nam cư sĩ Sona Kotikanna:

- Này Sona, thật khó thay đời sống Phạm hạnh, ăn một bữa ăn, nằm một mình cho đến trọn đời. Này Sona, tại đây hãy sống trong gia đình, chú tâm vào lời dạy của chư Phật, tạm thời hiện tại sống Phạm hạnh, ăn một ngày một bữa, nằm ngủ một mình. Như vậy lòng ham muốn xuất gia của nam cư sĩ Sona Kotikanna được giảm nhẹ bớt.

Lần thứ hai, trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình. Lần thứ hai nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna..."... Hãy cho con xuất gia". Lần thứ hai, Tôn giả Mahàkaccàna nói với nam cư sĩ Sona Kotipanna:

- Này Sona, thật khó thay... được giảm nhẹ bớt. Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna trong khi độc cư thiền định... sống không gia đình.

Lần thứ ba, nam cư sĩ Sona Kotikanna đi đến Tôn giả Mahàkaccàna và thưa "... Hãy cho con xuất gia".

Rồi Tôn giả Mahàkaccàna cho nam cư sĩ Sona Kotikanna xuất gia. Lúc bấy giờ, tại Avantisudakhhinàpatha, có ít Tỷ-kheo. Rồi Tôn giả

Mahàkaccàna, sau ba kỳ an cư mùa mưa, một cách khó khăn, một cách mệt nhọc tụ tập được một nhóm mười Tỷ-kheo và trao Đại giới cho Tôn giả Sona.

Tôn giả Sona sau khi an cư mùa mưa cô độc thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "*Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn, tuy rằng ta có nghe Thế Tôn là vị như vậy, như vậy. Nếu vị Giáo thọ sư của ta cho phép ta sẽ đi đến yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác*".

Rồi Tôn giả Sona vào buổi chiều từ độc cư thiền tịnh đứng dậy, đi đến Tôn giả Mahàkaccàna, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahàkaccàna rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Sona thưa với Tôn giả Mahàkaccàna:

- Thưa Tôn giả, trong khi con độc cư thiền tịnh, tư tưởng sau đây được khởi lên: "Ta chưa được thấy tận mặt Thế Tôn... Chánh Đẳng Giác".

*- Lành thay, lành thay Sona! Hãy đi này Sona, để yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác. Đây Sona, người sẽ thấy Thế Tôn khả ái, khởi dậy lòng tin, các căn an tịnh, tâm ý thanh tịnh, đã đạt được **an chỉ chế ngự tối thượng**, bậc long tượng được điều phục, hộ trì, các căn nhiếp phục. Sau khi thấy, hãy nhân danh ta, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, hỏi thăm có ít bệnh, ít não nhẹ nhàng, khoẻ mạnh, an ổn không!*

- Thừa vâng, Tôn giả.

Tôn giả Sona hoan hỷ tín thọ lời dạy của Tôn giả Mahākaccāna, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Tôn giả Mahākaccāna, thân bên hữu hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng về Tôn giả dọn dẹp sàng tọa, cầm y bát bộ hành hướng đến Sāvattī, tiếp tục bộ hành đi đến Sāvattī, Jetavana, khu vườn ông Anāthapindika, đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sona bạch Thế Tôn:

- *Bạch giáo thọ sư của con, bạch Thế Tôn, cúi đầu đánh lễ, hỏi thăm... có an ổn không?*

- *Này Tỷ-kheo, Thầy có kham nhẫn được không? Thầy có sống dễ dàng không? Đi đường đến đây có mệt mỏi không? Khất thực có mệt mỏi không?*

- Bạch Thế Tôn, con có thể kham nhẫn! Bạch Thế Tôn, con có thể sống dễ dàng. Bạch Thế Tôn, con đi đường không có mệt nhọc! Khất thực không có mệt nhọc.

Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này.

Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thế Tôn bảo ta: "Này Ananda, hãy sửa soạn sàng tọa cho Tỷ-kheo mới đến này". Như vậy Thế Tôn muốn ở chung một chỗ với

Tỷ-kheo ấy. Như vậy Thế Tôn muốn ở chung với Tôn giả Sona ấy". Nên chỗ nào Thế Tôn ở, tại chỗ ấy Tôn giả Ananda sửa soạn sàng tọa cho Tôn giả Sona.

Rồi Thế Tôn, sau khi ngồi ở ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào tịnh xá. Tôn giả Sona, sau khi ngồi ngoài trời đã quá khuya, rửa chân và đi vào Tịnh xá. Rồi Thế Tôn, khi đêm đã gần sáng, thức dậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Sona:

- Hãy nói pháp cho các Tỷ-kheo.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Sona vâng đáp Thế Tôn, đọc thuộc lòng mười sáu phần của phẩm tám một cách đầy đủ. Rồi Thế Tôn, sau khi Tôn giả Sona chấm dứt tụng đọc của mình, Thế Tôn cảm ơn và nói:

- Lành thay, lành thay Tỷ-kheo! Tỷ-kheo đã khéo nắm giữ, khéo tác ý, khéo thọ trì toàn bộ mười sáu phần trong phẩm thứ tám. Người được đầy đủ thiện ngôn, minh bạch, phát ngôn rõ ràng, ý nghĩa minh xác. Nay Tỷ-kheo, Thầy có bao nhiêu tuổi an cư mùa mưa?

- Bạch Thế Tôn, con có **một tuổi** an cư mùa mưa.
- Nay Tỷ-kheo, vì sao Thầy lại để chậm như thế?*

- Bạch Thế Tôn, đã lâu con thấy sự nguy hại trong các dục, sự bó buộc của đời sống gia đình, nhiều phận sự, nhiều công việc phải làm.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*6. Thấy nguy hại ở đời,
Biết pháp không sanh y,
Bậc Thánh không ưa ác,
Bậc tịnh không ưa ác!*

370 Thấy như thật các uẩn, Mọi sanh hữu phá hủy - Kinh Pavittha – Tiểu III, 96

Pavittha – Tiểu III, 96 (87)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sống ở quốc độ Magadha, trong một gia đình Bà-la-môn, tánh thiên về đời sống ẩn sĩ, ngài trở thành một du sĩ.

Sau khi học tập, ngài đi chỗ này chỗ khác, nghe Upatissa và Kolita (Sàriputta và Moggallàna) xuất gia theo đức Phật, nghĩ rằng giáo hội này phải tốt đẹp mới có những vị như vậy chấp nhận. Ngài đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ này:

*87. Thấy như thật các uẩn,
Mọi sanh hữu phá hủy,
Đoạn sanh tử luân hồi,
Nay không còn tái sanh.*

371 Thấy pháp tánh các pháp - Kinh Sugandha – Tiểu III, 33

Sugandha – Tiểu III, 33 (24)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Vì lời phát nguyện trong quá khứ, khi ngài sanh ra, hương thơm tỏa khắp nhà, do vậy được đặt tên là *Sugandha* (hương thơm).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài được khuyến khích xuất gia, khi nghe Trưởng lão Mahà Sela thuyết pháp; sau **bảy ngày, ngài chứng quả A-la-hán**. Nói lên chánh trí của mình, ngài thuyết bài kệ này:

24. Xuất gia, mùa mưa qua,
Thấy **pháp tánh** các pháp,
Ba mình chứng đạt được,
Làm xong lời Phật dạy.

372 Thấy sắc, mất chánh niệm, Tác ý tưởng luyện ái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106

Abhaya – Tiểu III, 106 (98)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: "*Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm*".

Từ bỏ tâm tư ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyện ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

373 Thấy sắc, niệm say mê, Nếu tác ý ái tưởng - Kinh Mālunkyaputta – Tiểu III, 392

Mālunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Mālunkyaputta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?*"

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Mālunkyaputta, **khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy. Nếu là như vậy, thì ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.***

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại** tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. Ngửi **hương**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. Nếm **vị**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. Cảm **xúc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
*Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

805. *Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.*

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế nào,*
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

374 Thấy được giới bất tử - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III, 221* (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị lưới **tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

375 Thấy được quả bất tử - Kinh Vaddha – Tiểu III, 239

Vaddha – *Tiểu III*, 239 (202)

Sanh trong đời đức Phật hiện tại, tại thành Dhamkaccha trong một dòng họ thường dân, ngài được đặt tên là Vaddha.

Khi lớn lên, mẹ ngài cảm thấy âu lo vì vấn đề tái sanh và chết, giao con lại cho bà con, rồi bà xuất gia giữa các Tỷ-kheo-ni. Sau bà trở thành một vị A-ha-hán.

Con bà, cũng xuất gia dưới sự hướng dẫn của Veludanta, học lời dạy đức Phật, trở thành một pháp sư giỏi có tiếng. Một hôm, suy nghĩ đến trách nhiệm của mình, ngài nghĩ: "*Nay ta sẽ đến thăm mẹ ta một mình và không đáp y ngoài*". Rồi ngài đi đến trú xứ các Tỷ-kheo-ni. Mẹ ngài thấy ngài vậy, **chỉ trích ngài** sao đi đến trú xứ Tỷ-kheo-ni một mình và không đáp y ngoài. Ngài nhận thấy mình có lỗi, trở về tinh xá, ngồi trong phòng **thiền định** và chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của ngài, nhờ lời chỉ trích của mẹ ngài:

334. *Lành thay, bà mẹ ta,*

Kích thích, khích lệ ta,
Nghe lời dạy của bà,
Được dạy bởi bà mẹ,
Ta tinh cần, tinh tấn,
Chứng Bồ-đề vô thượng.

335. Ta xứng được cúng dường,
Ba minh, thấy bất tử.
Ta chứng quả La-hán,
Xứng đáng được cúng dường,
Ba minh đã chứng đạt,
Thấy được quả bất tử,
Chiến thắng quân Ma vương,
Ta sống, không lâu hoặc.

336. Các lậu hoặc, nội, ngoại,
Trước đã có trong ta,
Tất cả bị nhổ sạch,
Không còn khởi lên nữa.

337. Bà chị tâm nhu thuận,
Nói lên ý nghĩa này,
Trong con và trong ta,
Cổ rường không còn nữa.

338. **Khổ** đã được chấm dứt,
Thân này thân cuối cùng,

*Đường sanh tử đứt đoạn,
Nay không còn tái sanh.*

376 Thấy, nghe, cảm thọ, thức trí - Kinh Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka - Tiểu I, 798

Câu hỏi của thanh niên 8 Hemaka – *Tiểu I*, 798

Hemaka:

1084. Tôn giả He-ma-ka:
Nhưng ai trong thời trước,
Đã trả lời cho con,
Về lời dạy Cù-đàm,
Trước đã như thế nào,
Sau sẽ là như vậy,
Tất cả đều truyền thống,
Tất cả tăng suy tư.

1085. Đây, con không hoan hỷ,
Ngài nói Pháp cho con,
Ồi mong bậc ẩn sĩ,
Nói Pháp đoạn khát ái,
Biết xong, sống chánh niệm,
Vượt ái trước ở đời.

Thế Tôn:

1086. He-ma-ka ở đây,
Đối các Pháp khả ái,

Được **nghe** và được **thấy**,
Được **cảm** tưởng, nhận **thức**,
Tây sạch ước muốn tham,
Là Niết-bàn, bất tử.

1087. *Biết vậy, giữ chánh niệm,
Hiện tại, đạt mát lạnh,
Vị ấy thường an tịnh,
Vượt chấp trước ở đời.*

377 Thần chú - Bùa chú sọ người - Kinh Migasira – Tiểu III, 163

Migasira – Tiểu III, 163 (151)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Kosala, được đặt tên là Migasira, theo ngôi sao ngày sinh.

Học theo văn hóa Bà-la-môn, ngài thực hành **bùa chú sọ người**, khi ngài đọc lên bùa chú và lấy móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố: "Người này sẽ được tái sanh trong giới này...", cho đến với những người đã chết được ba năm.

Không thích thú đời sống thế tục, ngài trở thành người du sĩ, với hạnh sọ người của ngài, ngài được cung kính cúng dường.

Đi đến Sàvatthi, đứng trước mặt bậc Đạo Sư, ngài tuyên bố sức mạnh của ngài: "*Thưa Tôn giả Gotama, ta có thể nói chỗ tái sanh của những người đã chết*".

Đức Phật hỏi: "Ông làm như thế nào?"

Ngài cho đem lại một sọ người, đọc lên **bùa chú**, với móng tay gõ trên sọ người, ngài tuyên bố đọa xứ... là chỗ tái sanh!

Đức Phật cho đem lại sọ người của một Tỷ-kheo, đã chứng Niết-bàn và nói: "Hãy nói chỗ tái sanh của người này". Migasira đọc bùa chú, lấy móng tay gõ trên sọ người, nhưng không thấy đầu đuôi như thế nào.

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay du sĩ, có phải ông làm không được?

Ngài trả lời: - Tôi cần phải xác chứng cho chắc chắn! Nhưng dù cho ngài xoay xở như thế nào, làm sao ngài biết được sanh thú của vị A-la-hán; ngài xấu hổ, toát mồ hôi, im lặng.

- Nay du sĩ, có phải ông mệt mỏi?

- Vâng, tôi mệt mỏi, tôi không biết sanh tử của vị này, Ngài có biết chăng?

- Ta biết được và Ta biết nhiều hơn thế nữa! Vị này đã nhập Niết-bàn!

Vị du sĩ nói:

- *Vậy nói lên cho con, bí quyết ấy?*

- Vậy ông phải xuất gia!

Rồi Migasira xuất gia và được dạy cho đề tài tu **định**. An trú vững vàng trên thiền và thắng trí, ngài **thực hành thiền quán**, không bao lâu, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài như sau:

*181. Từ khi ta xuất gia,
Trong pháp bậc Chánh giác,
Giải thoát, ta tiến lên,
Ta vượt qua dục giới.*

*182. Nhờ Phạm-chí quán sát,
Tâm ta được giải thoát,
Ta giải thoát **bất động**,
Mọi kiết sử đoạn diệt.*

378 Thần chú - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – Tiểu III, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của Sela và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi Sela với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, **Sela cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật**, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức

Phật và nghĩ rằng: "Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?*

*Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

*827. Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

*828. Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

*829. Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. **Ai muốn, hãy theo ta,**

*Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

*835. Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

*836. Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. Thế Tôn đáp: Sela,

*Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

*838. Kính bạch bậc Pháp nhĩn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

*839. Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,*

Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.

840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.

841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.**

379 Thần chú, bùa phép - Kinh Pilinda Vaccha – Tiểu III, 19

Pilinda Vaccha – *Tiểu III*, 19 (9)

Ngài sanh ở Sàvatthi, là con một Bà-la-môn, trước khi Thế Tôn thành đạo và được đặt tên là *Pilinda*. *Vaccha* là tên của dòng họ.

Ngài trở thành một án sĩ và được một bùa phép tên là *Tiểu Gandhàra* (có thể đi trên hư không và tha tâm thông) và nhờ vậy được nổi danh. ***Khi đức Phật thành đạo, bùa phép này không còn hiệu lực.***

Khi ngài nghe được bùa phép *Đại Gandhàra* làm bùa phép *tiểu Gandhàra* mất hiệu lực, ngài kết luận Samôn Gotama biết được bùa phép *Đại Gandhàra* và ngài đến hầu hạ đức Phật để học cho được bùa phép ấy, đức Phật dạy: "Phải xuất gia", ngài tưởng rằng xuất gia là điều kiện để chứng được bùa phép nên vâng lời theo.

Đức Phật dạy ngài Chánh pháp và phương pháp **thiền quán**, chẳng bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Nhờ sự hướng dẫn của Pilinda trong một đời trước, được sanh làm chư Thiên, vị này hầu hạ ngài sớm chiều để tỏ lòng biết ơn. Do vậy, ngài được xem là

vị Tỷ-kheo **được chư Thiên ái kính**, và được đức Phật xác nhận cho địa vị ấy.

Một hôm, Tôn giả Pilinda ngồi giữa hội chúng Tỷ-kheo, suy tư đến sự thành tựu của mình, tuyên bố cho chúng biết bùa phép ấy đã đưa ngài đến gặp Thế Tôn và nói lên bài kệ này:

9. Lời khuyên đến, tốt lành!

Lời không tốt, không đến!

Lời khuyên đến với ta,

Không thuộc về tà ác!

Giữa các pháp phân biệt,

*Ta đến **pháp tối thượng**.*

380 Thần chết - Ai vượt qua được già chết_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 3 Punnaka - Tiểu I, 780

Câu hỏi của thanh niên 3 – Punnaka – *Tiểu I, 780*

Punnaka:

1043. *Tôn giả Pun-na-ka:*

Với ai không dao động,

Thấy rõ được cội gốc,

Con đến với câu hỏi,

Liên hệ đến mục đích,

Bạc ấn sĩ, loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Do họ y chỉ gì,

Tế đàn cho chư Thiên.

Đã tổ chức rộng lớn?

Con hỏi bậc Thế Tôn,

Hãy trả lời cho con.

Thế Tôn:

1044. *Thế Tôn bèn đáp rằng:*

Hỡi này Pun-na-ka,

Bạc ấn sĩ loài Người,

Sát-đế-ly, Phạm chí,

Đã tổ chức rộng lớn,

*Tế đàn cho chư Thiên.
Khi họ thành già yếu,
Họ tổ chức tế đàn,
Vì rằng họ hy vọng,
Được sanh ở đời này,
Hồi này Pun-na-ka!*

Punnaka:

1045. Tôn giả Pun-na-ka:
*Bạc ấn sĩ loài Người,
Sát-đế-ly, Phạm chí,
Đã tổ chức rộng lớn,
Tế đàn cho chư Thiên.
Thế Tôn nghĩ thế nào,
Họ không có phóng dật,
Trên con đường tế đàn,
Họ vượt qua già chết,
Được hay không, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Con mong Ngài trả lời.*

Thế Tôn:

1046. Thế Tôn trả lời rằng:
*Hồi này Pun-na-ka,
Họ hy vọng, tán thán,
Họ cầu nguyện, cúng lễ,
Họ cầu nguyện các dục,*

Do duyên vì lợi dưỡng,
Chuyên tâm lo tế đàn,
Ưu thích, tham sanh hữu,
Họ không vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.

Punnaka:

1047. Tôn giả Pun-na-ka:
Nếu chúng chuyên tế đàn,
Nhưng không thể vượt qua,
Già chết với tế đàn,
Thời ai sống ở đời,
Trong thế giới Nhơn, Thiên,
Đã vượt qua già chết,
Ai được vậy, thưa Ngài?
Con hỏi đức Thế Tôn,
Ngài trả lời cho con.

Thế Tôn:

1048. Thế Tôn trả lời rằng:
Hỡi này Pun-na-ka,
Ai tính toán cao thấp,
Ước lượng vậy ở đời,
Ai không bị dao động,
Bất cứ đâu ở đời,
An tịnh, không phun khói,
Không phiền não, không cầu,

***Vị ấy vượt già chết,
Ta nói lên như vậy.***

381 Thần chết - Ai đuổi đi thần chết - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là Tapussa, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Pokkharavatì, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, Tapussa và Bhalliya hầu hạ Ngài và nghe pháp, Tapussa trở thành một cư sĩ, còn Bhalliya thời xuất gia và thành tựu được *sáu thắng trí*.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng Bhalliya đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chết,
Với đạo binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

382 Thần chết - Bầy mối của thần chết - Kinh Nàgasamàla – Tiểu III, 211

Nàgasamàla – *Tiểu III*, 211 (186)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong gia đình hoàng tộc Thích-ca, ngài **quán sát tánh vô thường của sự vật và triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ngài chứng minh chánh trí của ngài dựa trên kinh nghiệm riêng của ngài trong những bài kệ này:

267. *Trang điểm, mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa, thơm nức,
Mùi thơm gỗ chiên đàn,
Giữa đám đông, đường lớn,
Một **vũ nữ** đang múa,
Múa lượn theo nhạc khí.*

268. *Ta vào thành, khát thực,
Đi ngang, ta thấy nàng,
Trang điểm, mặc áo đẹp,
Gieo bầy mối **thần chết**.*

269. *Rồi ta **tự tác ý**,*

*Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán, ta an trú.*

270. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

383 Thần chết - Chính do lậu hoặc này, Bị Thần chết chi phối - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – *Tiểu I, 802*

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni* nói:

*Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi **bậc vô dục**,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.*

1097. *Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,*

Ở đây, con đoạn được,
Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng,

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn,

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. Những gì có trước Ông,

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

384 Thần chết - Chớ để cho thần chết, Lường gạt, chiến thắng ông - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cương quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thê Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,

*Kẻ thù động biếng nhác;
Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.*

*412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
*Như là chỗ nương tựa.**

*413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.*

*414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,*

**Chớ đam mê ngủ nghỉ,
Hãy nỗ lực thiền định,
Hồi Ka-ti-ya-na!**

**415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hồi Ka-ti-ya-na!
Hãy thiện xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.**

**416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hồi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.**

385 Thần chết - Các dục chưa thoả mãn đã bị chết chinh phục - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 40

Phẩm Hoa – *Tiểu I*, 40

44. "Ai chinh phục đất này
Dạ ma, Thiên giới này,
Ai khéo giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

45. "Hữu học chinh phục đất,
Dạ ma, Thiên giới này.
Hữu học giảng Pháp cú,
Như người khéo hái hoa."

46. "*Biết thân như bọt nước,*
Ngộ thân là như huyễn,
Bỏ tên hoa của ma,
Vượt tầm mắt thần chết."

47. "Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say, tham nhiễm,
Bị thần chết mang đi,
Như lạt trôi làng ngủ."

48. Người nhặt các loại hoa,
Ý đắm say tham nhiễm,
Các dục chưa thỏa mãn,
Đã bị chết chinh phục."

49. "Nhu ợng đến với hoa,
Không hại sắc và hương,
Che chở hoa, lấy nhụy.
Bậc Thánh đi vào làng".

50. "Không nên nhìn lỗi người,
Người làm hay không làm.
Nên nhìn tự chính mình.
Có làm hay không làm."

51. "Nhu ợng hoa tươi đẹp,
Có sắc nhưng không hương.
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Không làm, không kết quả."

52. "Nhu ợng hoa tươi đẹp,
Có sắc lại thêm hương;
Cũng vậy, **lời khéo nói,**
Có làm, có kết quả."

53. "Nhu ợng một đống hoa,
Nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy, thân sanh tử,
Phải làm nhiều việc lành."

54. "Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng **hương người đức hạnh**
Ngược gió khắp tung bay
Chỉ có bậc chân nhân
Tỏa khắp mọi phương trời."

55. "Hoa chiêm đàn, già la,
Hoa sen, hoa vũ quý,
Giữa những hương hoa ấy,
Giới hương là vô thượng."

56. "Ít giá trị hương này,
Hương già la, chiêm đàn;
Chỉ hương người đức hạnh,
Tối thượng tỏa Thiên giới."

57. "Những ai có giới hạnh,
An trú không phóng dật,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Ác ma không thấy đường."

58. "Như giữa đồng rác nhóp,
Quăng bỏ trên đường lớn,

Chỗ ấy hoa sen nở,
Thơm sạch, đẹp ý người."

59. "Cũng vậy, giữa quần sanh,
Uế nhiễm, mù, phạm tục,
Đệ tử bậc Chánh Giác,
Sáng ngời với **Tuệ Trí**."

386 Thần chết - Không chỗ nào trên đời, Trốn khỏi tay thần chết - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 55

Phẩm Ác – *Tiểu I*, 55

116. Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn **tâm** làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác.

117. Nếu người làm điều **ác**,
Chớ tiếp tục làm thêm.
Chớ ước muốn điều ác,
Chứa ác, tất chịu khổ.

118. Nếu người làm điều **thiện**,
Nên tiếp tục làm thêm.
Hãy ước muốn điều thiện,
Chứa thiện, được an lạc.

119. Người ác thấy là hiền.
Khi ác chưa chín muối,
Khi ác nghiệp chín muối,
Người ác mới thấy ác.

120. Người hiền thấy là ác,
Khi thiện chưa chín muối.
Khi thiện được chín muối,
Người hiền thấy là thiện.

121. Chớ chê khinh điều ác,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người ngu chứa đầy ác
Do chất chứa dần dần.

122. Chớ chê khinh điều thiện,
Cho rằng chưa đến mình,
Như nước nhỏ từng giọt,
Rồi bình cũng đầy tràn.
Người trí chứa đầy thiện,
Do chất chứa dần dần.

123. Ít bạn đường, nhiều tiền,
Người buôn tránh đường hiểm.
Muốn sống, tránh thuốc độc,
Hãy tránh ác như vậy.

124. Bàn tay không thương tích,
Có thể cầm thuốc độc.
Không thương tích, tránh độc,

Không làm, không có ác.

125. Hại người không ác tâm,
Người thanh tịnh, không uế,
Tội ác đến kẻ ngu,
Như ngược gió tung bụi.

126. Một số sinh bào thai,
Kẻ ác sinh địa ngục,
Người thiện lên cõi trời,
Vô lậu chứng Niết Bàn.

127. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn được **quả ác nghiệp**.

128. Không trên trời, giữa biển,
Không lánh vào động núi,
Không chỗ nào trên đời,
Trốn khỏi tay **thần chết**.

387 Thần chết - Một khi tử thần đến, Không có con che chở - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Vớ Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Vớ trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. **Lời nói được thận trọng,**
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đốn rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thân bắt người ấy,
Như lự trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thân đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

388 Thần chết - Nhìn đời thế nào, Để thần chết không thấy_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja - Tiểu I, 809

Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja – *Tiểu I, 809*

Mogharàja:

1116. *Mo-gha-rà-ja* nói:

*Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.*

1117. *Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lừng danh.*

1118. *Vị thầy được thù diệu,
Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy?*

Thế Tôn:

1119. *Này Mô-gha-ra-ja,
Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhổ lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,
Thân chết không thấy được.*

389 Thần chết - Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo môi - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức săn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây thiền định,
thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba mình chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

390 Thần cây - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavatì*, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị **thần cây**, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, **Ác ma** hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thần chết,
Với đao binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

391 Thần cây - Thuyết pháp hay đến nỗi vị thần cây xúc động - Kinh Sukkà – Tiểu III, 571

Sukkà – *Tiểu III*, 571 (34)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình quyền quý ở Rājagaha (Vương Xá) và được đặt tên là Sukkà (Sáng Suốt).

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng phát tâm tin Phật ở trong gia đình của nàng và trở thành một tín nữ. Về sau nàng được nghe Dhammadinnà thuyết pháp và quá cảm xúc bởi bài thuyết pháp, nàng xuất gia với Dhammadinnà. Sau khi tu **thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Được năm trăm Tỷ-kheo-ni đoanh vây, nàng trở thành một vị thuyết pháp giỏi. Một ngày kia, sau khi đi vào Vương Xá khát thực, ăn xong, toàn thể Ni chúng trở về tinh xá của Tỷ-kheo-ni. Tại đây Sukkà thuyết pháp cho toàn thể Ni chúng, **thuyết hay cho đến nỗi** các Tỷ-kheo-ni như cảm thấy được nhận từ nàng, những đường mật ngọt ngào, thấm nhuần với nước bát tử. Tất cả đều ngồi nghe, hoàn toàn im lặng nhiệt tâm tín thành. Rồi một **vị thần cây**, đứng ở cuối sân nghe pháp, quá xúc động bởi lời thuyết giảng,

nên đi ra khỏi Vương Xá, vừa đi vừa tán thán hạnh thuyết pháp tuyệt diệu của nàng và nói như sau:

54. *Hỡi này người Vương Xá,
Các người đã làm gì?
Giống như người nằm mê,
Bị say vì uống mật!
Các người không hầu hạ,
Sukkà thuyết lời Phật.*

55. *Chúng tôi nghĩ bậc trí,
Uống được nước cam lồ,
Dòng nước thật thuần tịnh,
Không gì chướng ngại nổi,
Chẳng khác kẻ đi đường,
Đón nhận nước trời mưa.*

Khi nghe thần cây nói vậy, dân chúng rất lấy làm phấn khởi và đi đến chăm chú nghe nàng thuyết pháp.

Sau một thời gian, vào cuối cuộc đời khi nàng đang sửa soạn để từ giã cuộc đời. Nàng muốn nói lên pháp môn nàng dạy đưa đến giải thoát như thế nào, **nàng tuyên bố như sau về chánh trí của nàng.**

56. *Hỡi này nàng Sukkà!*

*Người con của ánh sáng!
Được ly tham định tĩnh,
Nhờ ánh sáng Chánh pháp,
Hãy mang thân cuối cùng,
Sau khi thấy ma quân.*

392 Thần mưa - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234

Girimànanda – *Tiểu III*, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ước. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,

Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,

*Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.*

*328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.*

393 Thần mưa hãy mưa đi - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

394 Thần rắn Mucalinda - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 131

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 131 (Ud 10)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Uruvela, trên bờ sông Neranjarà, dưới gốc cây Mucalinda, khi Ngài mới chứng Chánh Đẳng Giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn, trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết-già, thọ hưởng lạc giải thoát. Lúc bấy giờ, một cơn giông tố lớn trái mùa khởi lên và trong bảy ngày, trời mưa gió lạnh, bầu trời u ám. Rồi **thần rắn Mucalinda** ra khỏi chỗ ở của mình, với thân cuốn vòng quanh bảy vòng thân của Thế Tôn, và đứng thẳng, vươn cao các mang lớn trên đầu (Thế Tôn) với ý nghĩ: "Mong Thế Tôn khỏi lạnh! Mong Thế Tôn khỏi nóng! Mong Thế Tôn khỏi xúc chạm với ruồi, muỗi, gió, sức nóng, các loài bò sát".

Rồi Thế Tôn sau bảy ngày ấy, ra khỏi định ấy. Rồi Mucalinda, vua các loài rắn, sau khi biết trời đã sáng tỏ, mây đã được thoát đi, cởi mở thân mình khỏi thân Thế Tôn, biến dạng thân sắc của mình, hóa hiện thân sắc một thanh niên đứng trước mặt Thế Tôn, chấp tay đánh lễ Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. ***Viễn ly*** là an lạc,
Với người biết tri túc,
Với người có nghe pháp,
Với người có chánh kiến.

Không sân là an lạc,
Những ai ở trên đời,
Đối hữu tình chúng sanh
Biết tự chế, ngăn ngừa.

Ly tham là an lạc,
Vượt các dục ở đời,
Ai nhiếp phục ngã mạn,
Đây an lạc tối thượng.

395 Thần rừng - Khen Tỳ kheo tu tập Tưởng bộ xương - Kinh Singàlar Pitar – Tiểu III, 28

Singàlar Pitar – Tiểu III, 28 (18)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình giàu có ở Sàvatthi, lập gia đình và đặt tên con là Singàlaka và tự mình được gọi là Singàla-pitar (cha của Singàla).

Về sau ngài từ bỏ gia đình và xuất gia. Thế Tôn biết được căn cơ xu hướng của ngài, dạy ngài đề tài **thiền quán là bộ xương người**. Dùng đề tài này để thiền quán, ngài sống giữa các dòng họ Thích-ca ở Sumsumàragira, tại khu rừng Bhesaskalà.

Trong rừng ấy, một **thần rừng** biết được ngài sẽ chứng được Thánh quả nên nói lên bài kệ này:

*18. Hãy nhìn trong khu rừng,
Rừng Bhesakala!
Một Tỳ-kheo đang sống,
Thừa tự lời Phật dạy,
Ngang thân địa đại này,
Tỏa khắp **tưởng bộ xương**.
Ta nghĩ Tỳ-kheo ấy,*

Mau đoạn tận dục tham.

Nghe bài kệ này, vị Trưởng lão nghĩ rằng: "Vị thần rừng này muốn ta cố gắng tu tập", nên ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Về sau, ngài nhớ lại bài kệ của thần rừng này và nói lên lại bài kệ ấy như là lời tuyên bố về chánh trí của ngài.

396 Thần thông - Chứng thần thông lúc bảy tuổi - Kinh Sumana – Tiểu III, 274

Sumana – *Tiểu III*, 274 (219)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong gia đình một cư sĩ, làm vị hộ trì cho Tôn giả Anuruddha.

Từ trước, con cháu của người cư sĩ này chết trẻ. Khi sắp đẻ đứa con, người cha nghĩ nếu là con trai thì sẽ cho xuất gia với vị Trưởng lão. Sau mười tháng, đẻ được đứa con trai, vị cư sĩ này cho xuất gia khi **đứa trẻ lên bảy tuổi**. Do căn tánh thuần phục, không bao lâu ngài chứng được **sáu thắng trí** trong khi đang hầu hạ bậc Trưởng lão.

Cầm được cái bình để xách nước, **Sumana với thần thông, đi đến hồ Anotatta, một con xà vương ác độc, phòng mang ngưỡng đầu lên không cho ngài lấy nước**. Rồi Sumana hóa thành con chim Garuda (Kim xí điểu) niếp phục con rắn và mang nước bay về vị Trưởng lão.

Rồi bậc Đạo Sư, ngồi tại vườn Jetavana, thấy ngài bay về, liền gọi Sàriputta cùng xem, và tán thán ngài với bốn câu kệ.

Sunmana đề nêu lên chánh trí của mình cộng thêm những bài kệ của mình như sau:

429. Khi người mới xuất gia,
Từ sanh, **mới bảy tuổi**,
Với **thần thông** ta điều,
Con xà vương thần lực.

430. Từ hồ nước to lớn,
Tên A-no-tat-ta
Ta đem nước hồ về,
Cho bậc giáo thọ sư,
Thấy vậy bậc Đạo Sư,
Nói về ta như sau:

431. **Này Sà-ri-put-ta!**
Xem đứa trẻ này đến,
Tự bưng cầm ghè nước,
Nội tâm khéo định tĩnh.
Với nhiệm vụ khả ái,
Cử chỉ rất thuần thiện.

432. **Người đệ tử Sa-di,**
Của Anuruddha,
Có thần thông uy lực,
Thuần thực và điều luyện.

433. **Thuần lương** nhờ giáo dục,
Do vị đại thuần lương,

Thiện hạnh nhờ giáo dục,
Bởi bậc khéo thiện hạnh.
Nhờ Anuruddha,
Khéo huấn luyện điều phục,
Được học tập giảng dạy,
Làm xong việc phải làm.

434. Đạt được tịnh tối thắng,
Chứng đắc, không dao động,
Sa-di Sumana,
Muốn: "Không ai biết ta".

397 Thần thông - Ngăn sông không cho dâng cao - Kinh Gavampati – Tiểu III, 47

Gavampati – Tiểu III, 47 (38)

Ngài được sanh trong thời đức Phật hiện tại, ngài là một trong bốn người bạn của Yasa (Da-xá). Khi họ nghe Yasa xuất gia, tất cả đều xuất gia và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống ở rừng Anjana tại Sàkela, và hưởng lạc giải thoát.

Khi bảy giờ, Thế Tôn đến với một số đông Tỷ-kheo tại Anjana. Chỗ ngủ không đầy đủ và một số Tỷ-kheo ngủ xung quanh tinh xá, trên bãi cát sông Sarabhà. Nửa đêm, nước sông dâng lên và các Tỷ-kheo trể la lớn. Thế Tôn nghe vậy, bảo Gavampati can thiệp, ngăn sông không cho dâng cao, khiến các Tỷ-kheo yên tâm. Vị Trưởng lão với **thần túc thông** của mình, làm theo lời Phật dạy, dùng dòng sông lại từ xa, khiến dòng sông dừng đứng lại như ngọn núi, do vậy ngài được mọi người biết là có thần thông.

Một ngày kia, Thế Tôn đang thuyết pháp giữa một số đông người, thấy Gavampati vì lòng từ bi nghĩ đến

đời, đức Phật tán thán các hạnh của Gavampati với bài kệ:

*38. Ai với thần túc thông,
Dựng đứng Sarabhu,
Chính Gavampati,
Không y lại, không động,
Vượt qua mọi trói buộc,
Chư Thiên đều đánh lễ,
Bậc Đại sĩ Mâu-ni,
Đã vượt qua sanh hữu.*

398 Thần thông - Như bông thổi trước gió, Thân ta nhẹ trôi bay - Kinh Khitaka – Tiểu III, 111

Khitaka – *Tiểu III*, 111 (104)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), trong gia đình Bà-la-môn.

Khi lớn lên, nghe danh tiếng của ngài *Mahà Moggallàna* (Đại Mục-kiền-liên) về thần thông lực, ngài nghĩ: "*Ta rồi cũng sẽ như vậy*". Thúc đẩy bởi thiện duyên đời trước, ngài xuất gia tinh tấn tu tập **chỉ** và **quán**, không bao lâu chứng được *sáu thắng trí*.

Rồi dùng sáu thắng trí ấy, ngài bắt đầu thi ơn cho chúng sanh với thần túc thông và tha tâm thông. Khi các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Hiền giả Khitaka, có phải Hiền giả dùng thần thông?*". Ngài trả lời với bài kệ:

*104. Thân ta thật nhẹ nhàng,
Cảm xúc hỷ lạc lớn,
Như bông thổi trước gió,
Thân ta nhẹ trôi bay.*

399 Thần thông - Trưởng lão Cùla Panthaka - Kinh Cùla Panthaka – Tiểu III, 323

Cùla Panthaka – Tiểu III, 323 (236)

Câu chuyện của ngài đã được kể trong chương VIII. Phần còn lại được kể trong tập số Cùlasetthi-Jàtaka. Trong một trường hợp khác ngài nói lên những bài kệ như sau:

557. *Ta chậm chạp, tiến chậm,
Trước ta bị khinh miệt,
Anh ta đuổi ta đi:
Nay, người hãy về nhà.*

558. *Ta bị đuổi như vậy,
Tại cửa chính Tăng xá,
Sâu khổ, đứng tại đấy,
Vọng luyến lời Phật dạy.*

559. *Tại đấy, Thế Tôn đến,
Ngài rờ trên đầu ta,
Với cánh tay, nắm ta,
Dắt ta vào Tăng xá.*

560. Đạo Sư thương xót ta,
Cho ta **khăn lau chân**;
Hãy an trú tâm tư,
Vào vật thanh tịnh này.
Và ngồi xuống một bên,
Tâm tư khéo an trú.

561. Ta nghe lời Ngài dạy,
Sống hân hoan Chánh pháp,
Ta thực hành thiền định,
Để đạt đích tối thượng.

562. Ta biết được đời trước,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Ba mình đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

563. Pan-tha-ka **hóa hiện**,
Dưới **hàng ngàn hình thức**,
Ngôi vườn xoài xinh đẹp,
Chờ đợi thời phát hiện.

564. Rồi Đạo Sư giữ ta,
Một sứ giả báo thời,
Đúng thời được báo hiệu,
Ta đến, ngang hư không.

565. Đánh lễ chân Đạo Sư,
Một bên ta ngồi xuống.
Biết ta đã ngồi xuống,
Bậc Đạo Sư chấp nhận.

566. Bậc nhận đồ tế vật,
Cả toàn thể thế giới,
Là phước điền loài Người,
Ngài chấp nhận cúng dường.

400 Thần thông của Đức Phật - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một thầy ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài tái sanh lần cuối cùng. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kính hành dưới bóng lâu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

401 Thần thông đệ nhất - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tinh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cám dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vớ vú bị ung nhọt,
Thân Ngươi, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Ngươi, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Ngươi,
Như ta biết được Ngươi,
Người ấy tránh xa Ngươi,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đấm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tới hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài khuyến giáo người cháu của *Sàriputta*, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

*An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,*

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

1169. *Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

1170. *Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

1171. *Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

1172. *Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

1173. *Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. **Có nhiều chư Thiên này,**
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc trắng chết**,
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
N như voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **đanh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tỳn được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. *Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.*

1200. *Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?*

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. **Cũng vậy này Ác-ma,**
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. **Ác ma tạo ác nghiệp,**
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. **Điều ác Ác ma làm,**

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

402 Thần thông đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Uppalavanna – Tiểu III, 645

Uppalavanna – *Tiểu III*, 645 (64)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, con gái của vị trưởng kho bạc. Vì da nàng màu tím của sen xanh, nàng được gọi là Uppalavannà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, vua và thường dân dành nhau đến cưới nàng. Vị trưởng kho bạc, không thể làm cho mọi người bằng lòng, nghĩ đến một kế để giải quyết. Ông cho gọi Uppalavannà và yêu cầu nàng xuất gia. Và vì căn cơ đã thuần thục, nàng nhận lời ngay, và được đưa đến tinh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau một thời gian, khi nàng phụ trách công việc dọn dẹp phòng làm lễ Bố-tát, nàng thắp ngọn đèn quét phòng. Rồi lấy ngọn đèn làm tướng để thiền quán, không bao lâu nàng chứng được quả A-la-hán. Nàng trở thành vị thần thông đệ nhất. Và bậc Đạo Sư, ngồi giữa đại chúng ở Jetavana ấn chứng cho nàng là **thần thông đệ nhất**.

Nàng suy tư trên quả an lạc của thiền và thánh quả, nói lên một số bài kệ.

Đây là những lời thốt ra từ miệng một bà mẹ trở thành tình địch với con gái của mình, đối với một người mà sau này trở thành vị Tỷ-kheo tên là Tỷ-kheo ở trên bờ sông Hằng. Những bài kệ này nói lên sự nguy hiểm, sự hạ liệt và sự uế nhiễm của các **dục**:

I

224. Hai, mẹ và con gái,
Chúng tôi sống một chồng,
Lời nàng đã nói lên,
Làm ta xúc động mạnh,
Cảnh ngộ thật hy hữu,
Làm tóc lông dựng ngược.

225. Đáng ngán thay các dục,
Bất tịnh, hôi, nhiều gai,
Ở đây, mẹ, con gái,
Chúng tôi lấy một chồng.

226. Thấy nguy hiểm trong dục,
Viễn ly an ổn vững,
Nàng xuất gia Vương Xá,
Bỏ nhà, sống không nhà.

II

Sung sướng nàng nói lên quả chứng của mình.

227. *Ta biết các đời trước,
Thiên nhân được thanh tịnh,
Trí biết được tâm người,
Nhĩ giới được trong sạch.*

228. *Ta chứng được thân thông,
Lậu tận ta đạt được,
Ta chứng sáu thắng trí,
Lời Phật dạy, làm xong.*

III

Nàng hiện lên một thân thông với sự chấp thuận của bậc Đạo Sư và ghi như sau:

229. *Do hiện hóa thân thông,
Ta đến xe bốn ngựa,
Ta đánh lễ chân Phật,
Thế giới chủ, quang vinh.*

IV

Nàng bị Ác ma đến quấy phá, tại rừng cây Sàla và trách móc Ác ma.

Ác ma:

230. Nàng đi đến gốc cây,
Đang nở hoa tuyết đẹp,
Nàng đến, đứng một mình,
Dưới gốc cây có hoa!
Nàng đến chỉ một mình;
Này kẻ đại khờ kia,
Sao nàng lại không sợ,
Có kẻ căm dỗ nàng!

Nàng:

231. Trăm ngàn người căm dỗ,
Có đến đây như người,
Mảy lông ta không động,
Ta không gì hoảng hốt,
Ác ma, làm gì ta,
Khi người đến một mình.

232. Ta có thể biến mất,
Hay vào bụng nhà người,
Ta đứng giữa hàng mi,
Người không thấy ta đứng.

233. Với tâm khéo nhiếp phục,
Thần tức khéo tu trì,
Sáu thắng trí, ta chứng,

Lời Phật dạy, làm xong.

234. **Các dục giống gương giáo,**
Chém nát các uẩn ta,
Những dục mà người gọi,
Là lạc thú cuộc đời,
Ngày nay, dục lạc ấy,
Với ta, không hấp dẫn.

235. **Ở tất cả mọi nơi,**
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khởi tối tăm mù ám,
Đã bị làm tan nát,
Hỡi này kẻ Ác ma,
Người hãy biết như vậy,
Người chính là Ác ma,
Người đã bị bại trận.

403 Thần túc - Trưởng lão Gotama - Kinh Gotama – Tiểu III, 331

Gotama – Tiểu III, 331 (239)

Sanh ở Sàvatthi trước khi đức Phật ra đời, trong một gia đình Bà-la-môn từ Udicca. Ngài lớn lên, rất giỏi các tập Vệ đà và **là một vị hùng biện vô địch.**

Rồi Thế Tôn ra đời, chuyên bánh xe pháp sau khi hóa độ Yasa với các người bạn, đã đi đến Sàvatthi theo lời mời khẩn thiết của Anàthapindika (Cấp-cô-độc), Bà-la-môn Gotama thấy Thế Tôn, nghe pháp và xin xuất gia. Theo chỉ giáo của bậc Đạo Sư, ngài được một Tỷ-kheo độ cho xuất gia, và được **chứng quả A-la-hán trong khi đang cạo tóc.**

Sau khi sống một thời gian dài ở nước Kosala, ngài trở về Sàvatthi. Nhiều bà con của ngài, một số Bà-la-môn nổi tiếng đến viếng ngài và hỏi ngài những giáo lý chỉ đạo nào là phổ thông mà ngài nghĩ là cần phải thực hành. Ngài nói với họ như sau:

*587. **Hãy biết hạnh phúc mình,
Quan sát lời nghe giảng,
Đây cái gì thích hợp,
Sa-môn hạnh mình theo.***

588. *Bạn kẻ thiện trong đạo,
Hành học pháp rộng lớn,
Khéo nghe bậc Đạo Sư,
Đây hợp Sa-môn hạnh.*

589. *Với tâm kính chư Phật,
Trọng Chánh pháp như thật,
Và mến quý chư Tăng,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

590. *Giữ uy nghi, đi lại,
Mạng sống tịnh, không chê,
Tư tưởng khéo ổn định,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

591. *Điều làm hay không làm,
Uy nghi được ái kính,
An trú tăng thượng tâm,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

592. *Sàng tọa tại rừng núi,
Xa vắng ít ồn ào,
Thân cận bậc Mâu-ni,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

593. *Giới hạnh và học nhiều,*

*Như thật nghiên cứu pháp,
Thiền quán những sự thật,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

594. *Tu quán trên vô thường,
Tưởng vô ngã, bất tịnh,
Không ưa thích tục sự,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

595. *Tu tập các Giác chi,
Thần túc, căn và lực,
Tu Chánh đạo Tám ngành,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

596. *Mâu-ni bỏ khát ái,
Đập tan gốc lậu hoặc,
Hãy an trú giải thoát,
Đây hợp Sa-môn đạo.*

Như vậy, ngài tán thán các hạnh thích hợp với đời sống một ẩn sĩ, đề cao khả năng của Tăng chúng, và chỉ rõ sự bất lực của một ẩn sĩ không theo Chánh pháp.

Rồi các Bà-la-môn ấy hoàn toàn chấp nhận giới luật, được an trú trong Chánh pháp.

404 Thầy chớ có ngủ nữa - Kinh Sona Potiriyaputta – Tiểu III, 171

Sona Potiriyaputta – *Tiểu III*, 171 (157)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ), con của điền chủ Potiriya, được đặt tên là Sona. Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành **tướng chỉ huy quân lực** của Bhaddiya, một vị vua Sakka.

Nay Bhaddiya đã xuất gia, và ngài theo gương Bhaddiya cũng xuất gia, **nhưng ngài biếng nhác, không có tu thiền định**. Thế Tôn ở tại vườn xoài Anupiya, chiếu hào quang đến ngài, **khích lệ ngài tu tập chánh niệm**, với những bài kệ như sau:

*193. Thầy chớ có ngủ nữa,
Vội đêm, sao vòng hoa,
Đêm này, người có trí,
Thức dậy, không có ngủ.*

Nghe lời này, ngài cảm thấy dao động mạnh, thấy rõ những khuyết điểm của ngài, ngài ngồi thiền ngoài trời, tu tập **thiền quán**, ngài nói lên bài kệ:

194. *Khi con voi tấn công,
Roi từ lưng voi xuống,
Trên chiến trường ta chết,
Tốt hơn sống bại trận.*

Nói vậy, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại bài kệ của bậc Đạo Sư, và với bài kệ của ngài, ngài nói lên chánh trí của mình.

405 Thầy hãy làm tự ngã, Được thẩm nhuần hưởng thượng - Kinh Hārīta – Tiểu III, 38

Hārīta – *Tiểu III, 38* (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: "*Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng*".

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,
Được thắm nhuần hưởng thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

406 Thầy thuốc - Biết người khác phần nộ, Chánh niệm, tự lắng dịu - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắng ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

441. **Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.**

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

407 Thầy thuốc - Họ giống như thầy thuốc, Họ làm các công việc - Kinh Pàràpariya – Tiểu III, 429

Pàràpariya – Tiểu III, 429 (257)

Đời sống của ngài đã được nói đến phẩm CCXLIX. Các kệ trước được nói lên khi đức Bôn Su còn sống. Khi ngài chưa chứng quả A-la-hán, về vấn đề sáu lục (năm căn và ý).

Những bài kệ sau đây được nói lên khi đức Bôn Su đã viên tịch và khi ngài sắp sửa mệnh chung.

Trong những bài kệ này, ngài nói lên tương lai của các Tỷ-kheo khi họ theo tà pháp. Câu kệ đầu do các vị chép số đặt vào:

920. Đây là những tư tưởng,
Của một vị Sa-môn,
Tại rừng gọi Đại lâm,
Khi rừng đang trở hoa,
Ngài ngồi chỉ một mình,
Viễn ly, tâm thiền định.

921. Khác thay, những uy nghi,
Của những vị Tỷ-kheo,

*Khi bậc Tối thượng nhân,
Bậc Thế Tôn còn sống,
Còn nay điều được thấy,
Thật sai khác đi nhiều.*

922. Y để ngăn gió lạnh,
Để che điều xấu hổ,
Họ thọ dụng tiết độ.
Biết đủ, từ đâu đến.

923. Vị ngon hay vị dở,
Được ít hay được nhiều,
Họ thọ dụng món ăn,
Chỉ cần nuôi mạng sống,
Tâm không có tham lam,
Cũng không có say đắm.

924. Các đồ vật để sống,
Hay các loại được phẩm,
Họ không quá tha thiết,
Nhu đối lậu hoặc diệt.

925. Dưới gốc cây trong rừng,
Hay trong hang trong động,
*Chuyên tâm tu viên ly,
Sống lấy vậy cứu cánh.*

926. Sống khiêm tốn giản dị,
Nhu hòa, ý kham nhậm,
Vội cử chỉ tao nhã,
Không nói năng quàng xiên,
Tâm tư hướng lợi ích,
Cho mình và cho người.

927. Do vậy sở hành họ,
Thật dễ thương, tốt lành,
Khi họ đi, họ ăn,
Khi họ thọ dụng gì,
Cử chỉ uy nghi họ,
Như dòng dầu trơn mượt.

928. Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đại thiên, đại thiện lợi,
Nay những Trưởng lão ấy,
Đã hoàn toàn Niết-bàn,
Ngày nay thật ít vị,
Giống như các vị ấy.

929. Do thiện pháp, trí tuệ,
Bị hao mòn tiêu diệt,
Lời dạy bậc chiến thắng,
Tổng hợp mọi tối thượng,
Về dự án hình thức,
Bị sụp đổ hao mòn.

930. Các pháp thuộc tà ác,
Thời đại bị uế nhiễm,
Đối với họ những vị,
An trú trong viễn ly,
Hy vọng được chứng ngộ.
Các diệu pháp còn lại.

931. Uế nhiễm họ tăng trưởng,
Ảnh hưởng xấu nhiều người,
Họ hình như chơi giỡn,
Với những kẻ ngu si,
Như bọn quỷ La-sát,
Đùa giỡn với kẻ điên.

932. Bị uế nhiễm chinh phục,
Chạy theo nhiễm này nọ,
Đối với vật uế nhiễm,
Họ như người la to,
Những đồ vật lấy được.

933. Từ bỏ chân diệu pháp,
Họ cãi lộn với nhau,
Họ chạy theo tà kiến,
Họ nghĩ: "Đây tốt hơn".

934. Từ bỏ, xoay lưng lại,

Tài sản, con và vợ,
Do nhân muốnng đồ xin,
Họ làm việc không xứng.

935. *Họ ăn đến đầy bụng,
Họ nằm phơi ra ngủ,
Sau khi thức, họ nói,
Điều bậc Đạo Sư trách.*

936. *Mọi mỹ nghệ thủ công,
Họ tôn trọng học tập,
Nội tâm không an tịnh,
Bỏ mặc hạnh Sa-môn.*

937. Đất, dầu, các loại bột,
Nước, chỗ ngồi, cơm ăn,
*Họ tặng cho cư sĩ,
Hy vọng được nhiều hơn.*

938. Cây tắm để rửa răng,
Loại trái Ka-pit-tha,
Lá hoa để nhai ăn,
Đồ khát thực đầy đủ,
Cùng các loại trái xoài,
Và trái A-ma-lặc.

939. *Với các loại dược phẩm,*

*Họ giống như thầy thuốc,
Họ làm các công việc,
Chẳng khác người thể tục,
Họ trang sức y phục,
Giống như các kỹ nữ.
Họ tự tỏ quyền uy,
Chẳng khác người hoàng tộc.*

940. *Giả dối và lừa đảo,
Ngụy chứng và man trá,
Với rất nhiều thủ đoạn,
Để thọ hưởng tài vật.*

941. *Sử dụng cách lường gạt,
Chạy theo những mưu chước,
Dùng phương tiện sinh sống,
Kéo về nhiều tài sản.*

942. *Họ quy tụ hội chúng,
Vì nghề, không vì pháp,
Họ thuyết pháp quần chúng,
Vì lợi, không vì nghĩa.*

943. *Những người ngoài Tăng đoàn,
Lại tranh luận cãi nhau,
Về quyền lợi Tăng đoàn,
Không tầm quý liêm sỉ,*

*Họ tự mình nuôi sống,
Với quyền lợi kẻ khác.*

944. *Một số thiếu tín thành,
Dầu đầu trọc đắp y,
Mong muốn được kính trọng,
Ham quyền lợi danh vọng.*

945. *Như vậy, như hiện nay,
Nhiều việc đã đọa lạc,
Thật không còn dễ dàng,
Như thời lúc trước nữa,
Hoặc cảm xúc chứng đắc,
Điều chưa được xúc chứng,
Hoặc gìn giữ duy trì,
Điều đã được xúc chứng.*

946. *Như người không mang giày,
Đi trên chỗ có gai,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Cũng vậy vị ẩn sĩ,
Khi đi vào trong làng,
Cần gìn giữ chánh niệm.*

947. *Nhớ vị tu đời trước,
Nhớ nếp sống của họ,
Dầu nay, thời hậu lai,*

*Vẫn có thể xúc chứng,
Con đường đạo bất tử.*

948. *Như vậy vị Sa-môn,
Trong rừng cây Sàla,
Các căn có tu tập,
Nói lên lời như vậy,
Phạm chí nhập Niết-bàn,
Ấn sĩ đoạn tái sanh.*

408 **Thập Giới - Tiểu I, 9** copie

Thập Giới – *Tiểu I, 9* (Dasasikkhàpada)

1. Đệ tử thực hành giới tránh sát sanh.^[LSEP]
2. Đệ tử thực hành giới tránh lấy của không cho.^[LSEP]
3. Đệ tử thực hành giới tránh tà hạnh trong các dục.^[LSEP]
4. Đệ tử thực hành giới tránh nói láo.^[LSEP]
5. Đệ tử thực hành giới tránh mọi cơ hội buông lung phóng dật do uống rượu hoặc các thứ men say.^[LSEP]
6. Đệ tử thực hành giới tránh ăn phi thời.^[LSEP]
7. Đệ tử thực hành giới tránh múa, hát, nhạc, kịch.^[LSEP]
8. Đệ tử thực hành giới tránh cơ hội đeo vòng hoa và trang điểm với hương liệu, dầu xoa.^[LSEP]
9. Đệ tử thực hành giới tránh dùng giường cao và rộng.^[LSEP]
10. Đệ tử thực hành giới tránh nhận vàng bạc.

409 Thập Giới - Tiểu I, 9

Thập Giới – *Tiểu I, 9* (Dasasikkhàpada)

1. Đệ tử thực hành giới tránh sát sanh.
2. Đệ tử thực hành giới tránh lấy của không cho.
3. Đệ tử thực hành giới tránh tà hạnh trong các dục.
4. Đệ tử thực hành giới tránh nói láo.
5. Đệ tử thực hành giới tránh mọi cơ hội buông lung phóng dật do uống rượu hoặc các thứ men say.
6. Đệ tử thực hành giới tránh ăn phi thời.
7. Đệ tử thực hành giới tránh múa, hát, nhạc, kịch.
8. Đệ tử thực hành giới tránh cơ hội đeo vòng hoa và trang điểm với hương liệu, dầu xoa.
9. Đệ tử thực hành giới tránh dùng giường cao và rộng.
10. Đệ tử thực hành giới tránh nhận vàng bạc.

410 Thật khó tìm ở đời, Người biết thẹn, tự chế - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I*, 57

129. Mọi người **sợ hình phạt**,
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người **thích sống còn**;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. Chúng sanh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,

Nói ác, bị nói lại,

Khổ thay lời phản nộ,

Đao trượng phản chạm mình.

134. Nếu tự mình yên lặng,

Như chiếc chuông bị bể.

Người đã chứng Niết Bàn

Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chăn bò,

Lùa bò ra bãi cỏ,

Cũng vậy, **già** và **chết**,

Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,

Không ý thức việc làm,

Do tự nghiệp, người ngu,

Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,

Làm ác người không ác.

Trong mười loại khổ đau,

Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,

Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,

Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lỏa thể
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. **Thật khó tìm ở đời,**

Người **biết thẹn, tự chế**,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. **Như ngựa hiền chạm roi,**
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với tín, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.

145. **Người trị thủy dẫn nước,**
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.

411 Thật quy y an ổn, Thật quy y tối thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phạt Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế.**"

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

412 **Thắng người không bằng thắng mình - Dầu tại bãi chiến trường Thắng ngàn ngàn quân địch - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 51**

Phẩm Ngàn – *Tiểu I*, 51

100. Dầu nói ngàn ngàn lời,
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu nghĩa,
Nghe xong, được tịnh lạc.

101. Dầu nói ngàn câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn nói một câu,
Nghe xong, được tịnh lạc.

102. Dầu nói trăm câu kệ
Nhưng không gì lợi ích,
Tốt hơn một câu pháp,
Nghe xong, được tịnh lạc.

103. **Dầu tại bãi chiến trường
Thắng ngàn ngàn quân địch,
Tự thắng mình tốt hơn,
Thật chiến thắng tối thượng.**

104. Tự thắng, tốt đẹp hơn,
Hơn chiến thắng người khác.
Người khéo điều phục mình,
Thường sống tự chế ngự.

105. Dầu Thiên Thân, Thát Bà,
Dầu Ma vương, Phạm Thiên
Không ai chiến thắng nổi,
Người tự thắng như vậy.

106. Tháng tháng bỏ ngàn vàng,
Tế tự cả trăm năm,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

107. Dầu trải một trăm năm,
Thờ lửa tại rừng sâu,
Chẳng bằng trong giây lát,
Cúng dường **bạc tự tu.**
Cùng dường vậy tốt hơn,
Hơn trăm năm tế tự.

108. Suốt năm cúng tế vật,
Đề cầu phước ở đời.

Không bằng một phần tư
Kính lễ **bậc chánh trực.**

109. Thường tôn trọng, kính lễ
Bậc kỳ lão trưởng thượng,
Bốn pháp được tăng trưởng:
Thọ, sắc, lạc, sức mạnh.

110. Dầu sống một trăm năm
Ác **giới**, không thiên **định**,
Tốt hơn sống một ngày,
Trì giới, tu thiên **định**.

111. Ai sống một trăm năm,
Ác tuệ, không thiên **định**.
Tốt hơn sống một ngày,
Có **tuệ**, tu thiên **định**.

112. Ai sống một trăm năm,
Lười nhác, không tinh **tấn**,
Tốt hơn sống một ngày
Tinh tấn tận sức mình.

113. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp sinh diệt**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sinh diệt.

114. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **câu bất tử**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.

115. Ai sống một trăm năm,
Không thấy **pháp tối thượng**,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp tối thượng.

413 Thắng thua - Chiến thắng sinh thù oán, Thất bại chịu khổ đau - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I*, 71

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?
Ác nào bằng sân hận?
Khổ nào sánh khổ uẩn?
Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiếu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,
Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bậc hiền sĩ, trí tuệ,
Bậc nghe nhiều, trì giới,
Bậc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

414 Thắng tri - Ai không liễu tri Phần nộ, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 301

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 301 (Ek II, 2) (It. 7)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Phần nộ**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với phần nộ phần uất,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ phần nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

415 Thắng tri - Ai không liễu tri Si, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 300

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 300 (Ek II, 1)
(It. 6)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Si**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ **khổ đau**.*

Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri Si, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với si, bị si mê,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ không bao giờ,
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

416 Thắng tri - Ai không liễu tri Sân, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 299

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 299 (Ek I, 10)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **Sân**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri Sân, ở đây, tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với sân bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

417 Thắng tri - Ai không liễu tri mạn, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 297

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 297 (Ek I, 8) (It. 4)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Mạn**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, thời không có thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri **Mạn**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người bị mạn chi phối,
Do bị mạn trói buộc,
Nên hoan hỷ sanh hữu,
Do không liễu tri mạn,
Nên đi đến tái sanh.*

*Những ai đoạn diệt mạn,
Giải thoát, mạn hoại diệt,
Họ thắng mạn trói buộc,*

*Họ vượt qua nhiếp phục,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

418 Thắng tri - Ai không liễu tri tham, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Nur Vây - Tiểu I, 298

Kinh Phật Thuyết Nur Vây – Tiểu I, 298 (Ek I, 9)
(It. 5)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri không liễu tri **Tham**, ở đây tâm không ly tham, không từ bỏ, không có thể diệt trừ khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri liễu tri Tham, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, thời có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với tham, bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

419 Thê Tôn - Ai thấy pháp, người ấy thấy Ta - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 420

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 420 (Tik.
V, 3) (It. 90)

Này các Tỷ-kheo, nếu một Tỷ-kheo **nằm lấy viên áo Tăng-già lê đi theo sau lưng Ta**, chân bước theo chân, nhưng vị ấy có **tham** ái trong các dục, với lòng sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, **thất niệm**, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại, **vì ấy xa hẳn Ta và Ta xa vì ấy**. Vì có sao?

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy không thấy Pháp. Do không thấy Pháp nên không thấy Ta.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo sống xa đến một trăm do-tuần và vị ấy không có tham ái trong các dục, với lòng tham không sắc xảo, tâm không sân hận, ý tư duy không nhiễm ác, chánh niệm tỉnh giác, định tĩnh nhất tâm, các căn được chế ngự, vị ấy gần hẳn Ta và Ta gần vị ấy. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ấy thấy Pháp. Do thấy Pháp nên thấy Ta.

*Nếu có thể bước theo,
Nhưng nhiều **dục** bức phiền.*

*Hãy xem người như vậy,
Thật là xa, rất xa,
Xa giữa người ái dục,
Và người không ái dục,
Xa giữa người lắng dịu
Và người không lắng dịu,
Xa giữa người tham ái,
Và người đã trừ ái.*

*Sau khi thắng tri Pháp,
Bậc Hiền trí biết Pháp,
**Như ao không gió thổi,
Không dao động, tịnh chỉ.***

*Hãy xem người như vậy,
Thật là gần, rất gần,
Gần giữa người không ái,
Và người không có ái,
Gần giữa người lắng dịu,
Và người được lắng dịu,
Gần giữa người không tham,
Và người trừ tham ái.*

420 Thế Tôn - Bảy Đức Phật - Kinh Sarabhangā – Tiểu III, 295

Sarabhangā – Tiểu III, 295 (228)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Rājagaha (Vương Xá), con của một Bà-la-môn, ngài có thể được đặt tên, độc lập hay không độc lập với truyền thống gia đình, ngài không có đặc điểm gì để đặt tên.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài trở thành một **ẩn sĩ**, tự dựng một thảo am, làm bằng cọng cây lau mà tự ngài bẻ gãy, và từ đấy ngài được biết với tên là *Sara-Bhangā*, (người bẻ gãy cọng cây lau).

Thế Tôn với Phật nhãn nhìn quanh thế giới, thấy được nơi ngài những điều kiện để thành vị A-la-hán. Thế Tôn đi đến thuyết pháp cho ngài. Và ngài khởi lòng tin, trở thành một vị xuất gia, sau một thời gian trở thành vị A-la-hán, ngài vẫn tiếp tục ở thảo am.

Thảo am dần dần hư nát và sụp đổ xuống, dân chúng hỏi ngài sao không dựng thảo am lại, ngài trả lời, khi thảo am được dựng lên, ngài còn ẩn sĩ. Nhưng nay ngài không thể làm được như vậy nữa. Rồi ngài nói lên toàn bộ vấn đề như sau:

487. Tay bẻ những cây lau,

Ta làm am ta ở,
Do vậy, được tên tục:
"Người bẻ gãy cây lau".

488. Nay không còn thích hợp,
Tự tay bẻ cây lau,
Theo học giới giảng dạy,
Gotama danh xưng.

489. Chính Sara-bhanga,
Từ trước chưa từng thấy,
Thấy chứng bệnh toàn diện,
Một cách thật đầy đủ.
Bệnh ấy nay được thấy,
Do lời **bực siêu thiên**.

490. **Chính đường ấy đã đi,**
Vipassì, Sikhi,
Kể cả Vessabhu,
Với Kakusandha,
Konàgamana.
Chính với con đường ấy,
Gotama đã đến.

491. **Ly ái, không chấp thủ,**
Bảy Phật chứng Niết-bàn,
Pháp này được thuyết giảng,

Bởi các vị chứng Pháp.

492. Vì từ mẫn chúng sanh,
Bốn Sự Thật được giảng,
Khổ, khổ tập, con đường,
Diệt, chấm dứt khổ đau.

493. Trong đời sống liên tục,
Khổ luân chuyển không dứt,
Khi thân này bị hoại,
Khi mạng sống cáo chung,
Tái sanh khác không còn,
Ta thật, khéo giải thoát,
Giải thoát mọi sanh y.

421 **Thế Tôn - Bữa ăn cuối cùng của Đức Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268**

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 268 (Ud 84)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành đi giữa dân chúng Mallà, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã **đến Pàvā. Rồi Thế Tôn trú ở Pàvā, tại rừng xoài của thọ rên Cunda**. Thọ rên Cunda được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà, đã đến Pàvā cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và trú ở Pàvā, trong rừng xoài của ta". Thọ rên Cunda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp thoại cho thọ rên Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thọ rên Cunda sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thọ rên Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thợ rèn Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ và báo tin cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn. Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ rồi từ chỗ đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda. Thế Tôn **bi** **nihiễm bệnh nặng, bệnh ly huyết, đau đốn gần như đến chết,** và Thế Tôn **chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh.**

Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra. Xin vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn:

*2. Dùng cơm Cunda xong,
Như vậy tôi được nghe,
Bậc trí cảm bệnh nặng,
Bạo bệnh, gần như chết,
Khi ăn loại mộc nhĩ
Đạo Sư bị bệnh nặng,
Khi bệnh được lắng dịu,
Thế Tôn nói như sau:
"Ta nay sẽ đi đến,
Đến Kusinàra".*

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một góc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo Sanghàti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước cho Ta. Này Ananda. Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông

Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ananda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục.

Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hi hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước và Thế Tôn uống nước.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước, rồi lội

qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Tôn giả Cundaka:

- Nay Cundaka, hãy xếp áo Sanghati làm bốn cho Ta, nay Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghati làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân đè trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tướng ngồi đây, Tôn giả Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

3. Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakutthà,
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh,
Vị Đạo Sư mỗi mệt,
Đi dần xuống mé sông,
Như Lai đáng vô thượng
Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong uống nước xong,
Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi **bậc Đại Sĩ** đến,
Tại khu vực rừng xoài,

Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka;
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho Ta nằm"
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ,
Bạc Đạo Sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, **rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận**: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ông, thật là tai hại cho Ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ông cúng dường, và nhập diệt". Nay Ananda, **cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn** Cunda: "Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: **"Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo**, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai?"

- **Một** là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- **Hai** là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử".

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi Trời;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ananda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hồi hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt **lời cảm khái** như sau:

4. *Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,*

*Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

422 **Thế Tôn - Dục - Ta không có ước muốn, Với chân động chạm nó - Kinh Mågandiya - Tiểu I, 717**

Kinh Mågandiya – *Tiểu I*, 717

Thế Tôn:

835. Sau khi thấy **khát ái**,
Bất lạc và **tham đắm**,
Không thể có **uơ muốn**,
Đối với sự **dâm dục**.

*Sao, với bao đầy tràn,
Nước tiểu, phân ứ này,
Ta không có ước muốn,
Với chân động chạm nó.*

Mågandiya:

836. Nếu Ngài không ước muốn:
Ngọc báu như thế này,
Nữ nhân được mong cầu,
Bởi rất nhiều đế vương,
Hãy nói như thế nào,
Là tri kiến của Ngài,
Giới cấm và sinh mạng,

Cùng sự hữu phát sanh.

Thế Tôn:

837. Thế Tôn liền trả lời,
Cho Mågandiya,
Vói Ta không có nói,
Ta nói như thế này,
Sau khi quán sát kỹ
Sự chấp thủ trong pháp,
Trong tất cả tri kiến,
Ta không có chấp trước,
Ta thấy sự cất chứa,
Tịch tịnh trong nội tâm.

Mågandiya:

838. Mågandiya nói:
Các lý thuyết quyết định,
Ngài nói vị ẩn sĩ,
Không nắm giữ thuyết nào.
Còn về ý nghĩa này,
Của hai chữ nội tịnh,
Thế nào là bậc Hiền trí,
Hiếu biết hai chữ ấy?

Thế Tôn:

839. Thế Tôn nói như sau:
Này Māgandiya,
Không phải từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến.
Người ta nói như vậy,
Nhưng cũng không phải là,
Không kiến, không truyền thống,
Không trí, không giới cấm,
Từ bỏ tất cả chúng,
Không chấp thủ sự gì,
*Bậc thiện không y chỉ,
Không ước muốn sanh hữu.*

Māgandiya:

840. Māgandiya nói:
Nếu không từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đưa đến.
Người ta nói như vậy,
Cũng không phải không kiến,
Không truyền thống, không trí,
Không giới luật giới cấm,

*Thanh tịnh được đem đến
Con nghĩ rằng pháp vậy,
Là pháp kẻ ngu si,
Vì rằng thật có người,
Nhờ kiến đến thanh tịnh.*

Thế Tôn:

841. *Thế Tôn nói như sau:
Này Mågandiya,
Nếu y vẫn tri kiến,
Ông còn tiếp tục hỏi,
Chính do những chấp thủ,
Đi đến sự ngu si,
Từ đó, Ông không thấy,
Một chút gì về tướng,
Do vậy, Ông chớ thấy,
Tất cả là ngu si.*

842. *Bằng ta, thắng hơn ta,
Hay thấp kém hơn ta,
Ai suy nghĩ như vậy,
Do vậy đấu tranh khởi.
Ai không bị dao động,
Bởi ba vấn đề ấy,
Như vậy, đối vị ấy,
Không bằng, không thù thắng.*

843. Sao Bà-la-môn ấy,
Lại nói: "Đây sự thật",
Đây chính là nói láo,
Để gây nên tranh luận,
Vói ai không hề có,
Bằng nhau, không bằng nhau.
Do đâu nó có thể,
Mắc vào tranh luận được.

844. Đoạn tận mọi nhà cửa,
Sống là kẻ không nhà,
Ăn sĩ không thân thiết,
Vói một ai ở làng,
Trống không các dự vọng,
Không xem trọng sự gì,
Không nói chuyện tranh luận,
Vói một ai ở đời.

845. Vị ấy sống viễn ly,
Mọi sự việc ở đời,
Bạc Long tượng không chấp,
Và không nói đến họ.
Như hoa sen có gai,
Sanh ra ở trong nước,
Không bị nước và bùn,
Mắc dính và thấm ướt.

*Như vậy bậc ẩn sĩ,
Nói an tịnh, không tham,
Không bị dục và đời,
Mắc dính và thấm ướt.*

846. *Bậc trí, không do kiến,
Cũng không do thọ tưởng,
Đi đến sự kiêu mạn,
Không có tham dự vào,
Không để cho hành động,
Cho truyền thống dắt dẫn,
Không để bị chi phối,
Trong trú xứ của ý.*

847. *Người không ưa thích **tưởng**,
Không có bị trói buộc,
Vị được **tuệ giải thoát**,
Không có sự si mê,
Và những ai chấp thủ,
Tư tưởng và tri kiến,
Người ấy sống xung đột,
Với mọi người ở đời.*

423 **Thế Tôn - Hỏi đáp với Dạ-xoa - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510**

Kinh Hemavata – Tiểu I, 510 (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,
Và pháp không khả ái?*

Sàtàgira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtàgira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,
Nói vậy là dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất **khéo léo chế ngự**,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự **sống viễn ly**,
Đức Phật đối thiền định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,
Không nói lời vu khống,

*Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. Có phải đối các dục,

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. Vị ấy không tham ái,

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,

Đầy đủ về các mình?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải là vị ấy,

Sở hành thật thanh tịnh?

Có phải là vị ấy,

Các lậu hoặc đoạn tận?

Có phải là vị ấy,

Không còn có tái sanh?

Sàtägira:

163. *Sự thật là vị ấy,*

Đầy đủ với các mình,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtägira

Sở hành thật thanh tịnh,

Mọi lậu hoặc đoạn tận,

Thật sự đối vị ấy,

Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) *Có phải vị ẩn sĩ,*

Với tâm được viên mãn,

Mọi việc làm vị ấy,

Được làm khéo hoàn mãn,

Có phải người tán thán,

Một cách đúng Chánh pháp,

Vị đầy đủ **trí đức**,
Đầy đủ cả **hạnh đức**?

Sàtàgira:

163. (b) *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo **hoàn mãn**.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ **trí đức**,
Đầy đủ cả **hạnh đức**.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ẩn sĩ,
Vói tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,
Giản dị ít nhu cầu,*

*Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiền định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?
Nói vậy là dạy-xoa,*

Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,

Tác thành sự giao hợp?

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ cái gì?

Do pháp nào có mặt,

Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới được sanh khởi,

Này Hemavata,

Thế Tôn nói như vậy.

Do **sáu pháp** có mặt,

Tác thành sự giao hợp,

Sự chấp thủ ở đời,

Là chấp thủ sáu pháp,

Do **sáu pháp** có mặt,

Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,

Đây thế giới bị hại?

Được hỏi, hãy nói lên,

Về con đường thoát đời.

Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng,***
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới,***
Có ***tuệ,*** khéo thiền ***định,***
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. *Ai từ bỏ dục tưởng,*
Vượt khỏi mọi kiết sử,
Ai, hỷ, hữu đoạn tận,

Không chìm vào vực sâu.

Hemavata:

176. Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.

177. Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.

178. Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,
Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,

**Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

424 Thế Tôn - Khi mới thành Chánh giác - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 173

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 173 (Ud 32)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Uruvelà, trên bờ sông Neranjara, dưới gốc cây Bồ-đề, khi mới thành Chánh giác. Lúc bấy giờ Thế Tôn trong bảy ngày ngồi một thế ngồi kiết già, hưởng thọ giải thoát lạc. Rồi Thế Tôn, sau bảy ngày ấy, từ định ấy xuất khởi, nhìn đời với Phật nhãn, thấy các chúng sanh bị thiêu đốt với nhiều loại thiêu đốt, bị nhiệt nã bởi nhiều loại nhiệt nã, bởi **tham**, bởi **sân**, bởi **si**.

Rồi Thế Tôn, sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời này bị thiêu đốt,
Chi phần bởi cảm xúc,
Tự mình nói rõ lên,
Chứng bệnh của chính mình,
Bởi vì nó nghĩ đến,
Do đó bị đời khác,
Bị đời khác vì hữu,
Bị lệ thuộc vì hữu,
Đời này hữu chi phối,*

Lại hoan hỷ với hữu,
Khi nào có hoan hỷ,
Ở đây có sợ hãi,
Với ai có sợ hãi,
Đây tức là đau khổ,
Chính do đoạn diệt hữu,
Phạm hạnh này được sống.

Những Sa-môn hay Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự giải thoát khỏi hữu là do hữu. Ta nói rằng tất cả những vị ấy không giải thoát khỏi hữu.

Những Sa môn hay những Bà-la-môn nào đã tuyên bố rằng sự xuất ly khỏi hữu là do phi hữu, tất cả những vị ấy, Ta tuyên bố rằng chúng không nương tựa nơi hữu.

Do duyên sanh y, khổ này được sanh khởi. Chính do đoạn diệt tất cả sanh y, khổ không có hiện hữu.

11. *Hãy xem đời rộng này,
Bị vô minh chi phối,
Các sanh loại được sanh,
Ưa thích được sanh khởi,
Không thoát được sanh hữu.*

*Với ai đốt sanh hữu,
Tất cả mọi thời, xứ,
Tất cả sanh hữu này,
Vô thường, khổ, biến hoại,*

*Như vậy, thấy như thật,
Vội chơn chánh trí tuệ,
Hữu ái được đoạn tận,
Phi hữu ái hoan hỷ,
Đoạn diệt ái hoàn toàn,
Ly tham, diệt, hoàn toàn,
Như vậy là Niết Bàn,
Tỷ-kheo ấy mát lạnh,
Không chấp thủ tái sanh,
Nhiếp phục được ma vương,
Trận chiến đã chiến thắng,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Vượt qua mọi sanh hữu.*

425 Thê Tôn - Không được công nhận là đệ tử của Phật - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 447

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 447 (Cat. 9)
It. 112)

Này các Tỷ-kheo, **những Tỷ-kheo nào lừa đảo
ngoan cố, lấm mồm**, lấm miệng, buông thả, hỗn hào,
vô lễ, không định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-
kheo ấy không phải đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo,
các Tỷ-kheo ấy roi khỏi Pháp và Luật này. Và này
các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy không đi đến tăng
trưởng, tăng thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

Và này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo nào **không** lừa đảo,
không lấm mồm, lấm miệng, nghiêm trang, không
ngoan cố, khéo định tĩnh, này các Tỷ-kheo, **các Tỷ-
kheo ấy là đệ tử của Ta**. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-
kheo ấy không rời khỏi Pháp và Luật này. Và này các
Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy đi đến tăng trưởng, tăng
thịnh, tăng rộng trong Pháp và Luật này.

**Lừa đảo và ngoan cố,
Lấm mồm và buông thả,
Hỗn hào, không định tĩnh,
Những hạng người như vậy,**

*Không lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

*Không lừa đảo lắm mồm,
Nghiêm trang và bình tĩnh,
Không ngoan cố, khéo định,
Họ lớn mạnh trong Pháp,
Được bậc Chánh giác giảng.*

426 **Thế Tôn - Người hãy nhiệt tình làm, Như Lai chỉ thuyết dạy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85**

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. **Người hãy nhiệt tình làm,**
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. **Lời nói được thận trọng,**
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đốn rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lượ trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

427 Thế Tôn - Như Lai là bậc nhĩ nại điều mà... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 335 (Duk. II, 1) (It. 31)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hai tâm tứ được hành trì nhiều đó là **an ổn** và **ẩn dật**.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, tâm tứ này được hành trì nhiều. "*Với cử chỉ uy nghi này Ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật*".

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này, tâm tứ này được hành trì nhiều! Phạm có bất thiện gì, thì đều được đoạn tận.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, **các Thầy *hãy an trú, hân hoan trong không làm hại***, thích thú trong không làm hại. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. "Với cử chỉ uy nghi này, chúng ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật".

Này các Tỷ-kheo, ***hãy an trú hân hoan trong ẩn dật***, thích thú trong ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. Còn có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ bỏ nữa đâu?

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Như Lai, bậc Giác ngộ,
Bậc có thể **nhân nại**,
Những gì mà người khác,
Không có thể nhân nại,
Hai tâm tứ, vị ấy
Hành trì và thực hiện,
Trước hết được nói đến,
Là **an ổn tâm tứ**,
Thứ đến là **ẩn dật**,
Thứ hai được trình bày,
Phá tan màn hắc ám,*

Đã đến bờ bên kia,
Bậc Đại sĩ đạt được,
Quyền lực không lậu hoặc,
Đạt thân mạng tối hậu
Trong **ái diệt, giải thoát**.

Vị ẩn sĩ như vậy,
Chắc mang thân tối hậu,
Ta nói rằng vị ấy
Từ bỏ được kiêu mạn,
Thoát khỏi được già lão,
Đạt được bờ bên kia.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi đầu non,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng dưới chân mình,
Cũng vậy bậc Thiện tuệ,
Leo lên lầu Chánh pháp
Biến nhãn không sâu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sâu khổ,
Bị sanh già áp bức.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

428 Thê Tôn - Pháp cú - Phẩm Phật Đà - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 67

Phẩm Phật Đà – *Tiểu I*, 67

179. Vị chiến thắng không bại,
Vị bước đi trên đời,
Không dấu tích chiến thắng,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

180. Ai giải tỏa lưới **tham**,
Ái phược hết dắt dẫn,
Phật giới rộng mênh mông,
Ai dùng chân theo dõi,
Bậc không để dấu tích?

181. Người trí chuyên thiền định,
Thích an tịnh viễn ly,
Chư thiên đều ái kính,
Bậc Chánh giác, chánh niệm.

182. Khó thay, được làm người,
Khó thay, được sống còn,

Khó thay, nghe diệu pháp,
Khó thay, Phật ra đời!

183. Không làm mọi điều ác.
Thành tựu các hạnh lành,
Tâm ý giữ trong sạch,
Chính lời chư Phật dạy.

184. Chư Phật thường giảng dạy;
Nhẫn - khổ hạnh tối thượng.
Niết bàn - quả tối thượng;
Xuất gia không phá người;
Sa-môn không hại người.

185. Không phỉ báng, phá hoại,
Hộ trì giới căn bản,
Ăn uống có tiết độ,
Sàng tọa chỗ nhàn tịnh
Chuyên chú tăng thượng tâm,
Chính lời chư Phật dạy.

186. Dầu mưa bằng tiền vàng,
Các **dục** khó thỏa mãn.
Dục đáng nhiều, ngọt ít,
Biết vậy là bậc trí.

187. Đệ tử bậc Chánh giác,

Không tìm cầu dục lạc,
Dầu là dục chư thiên,
Chỉ ưa thích ái diệt.

188. Loài người sợ hoảng hốt,
Tìm nhiều chỗ quy y,
Hoặc rừng rậm, núi non,
Hoặc vườn cây, đền tháp.

189. Quy y ấy không ổn,
Không quy y tối thượng.
Quy y các chỗ ấy,
Không thoát mọi khổ đau.

190. Ai quy y Đức Phật,
Chánh pháp và chư tăng,
Ai dùng chánh tri kiến,
Thấy được **Bốn Thánh đế**."

191. Thấy khổ và khổ tập,
Thấy sự khổ vượt qua,
Thấy **đường Thánh tám ngành**,
Đưa đến khổ não tận.

192. Thật quy y an ổn,
Thật quy y tối thượng,
Có quy y như vậy,

Mới thoát mọi khổ đau.

193. Khó gặp bậc Thánh nhơn,
Không phải đâu cũng có,
Chỗ nào bậc trí sanh,
Gia đình tất an lạc.

194. Vui thay, **Phật** ra đời!
Vui thay, **Pháp** được giảng!
Vui thay, **Tăng** hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

195. Cúng dường bậc đáng cúng,
Chư Phật hoặc đệ tử,
Các bậc vượt hý luận,
Đoạn diệt mọi sầu bi.

196. Cúng dường bậc như vậy,
Tịch tịnh, không sợ hãi,
Các công đức như vậy,
Không ai ước lường được.

429 Thế Tôn - Quán sát các pháp thiện và bất thiện của mình - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 237

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 237* (Ud 65)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn ngồi quán sát các **pháp bất thiện** của mình được trừ diệt, và các **pháp thiện** của mình được tu tập, làm cho tăng trưởng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết các pháp bất thiện của mình đã được trừ diệt và các pháp thiện của mình được tu tập, được làm cho sung mãn, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*3. Trước có nay không có,
Trước không có nay có,
Đã không và sẽ không,
Và nay hiện không có.*

430 Thế Tôn - Quán sát sự từ bỏ các hý luận tưởng của mình - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 259

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 259 (Ud 77)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang ngồi quán sát sự từ bỏ, đoạn diệt các hý luận tưởng.

Rồi Thế Tôn sau khi biết sự từ bỏ, đoạn diệt các tướng hý luận của mình, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Với ai các **hý luận**,
Không còn có an trú,
Thoát ly được liên hệ,
Thoát ly được **ảo tưởng**,
Chư Thiên và thế giới,
Không thể nào rõ biết,
Sở hành vị ẩn sĩ,
Đã vượt khỏi **tham ái**.*

431 Thế Tôn - Ta cũng cày và cũng gieo - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvāja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là bất tử,
Sau cày bừa như vậy,
Mọi khổ được giải thoát.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!

Thế Tôn:

81. **Ta không** hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

432 Thế Tôn - Ta không có thọ dụng, Đồ ăn từ kệ tụng - Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607

Kinh Sundarika Bhàradvāja – *Tiểu I, 607* (Sn 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở phía dân chúng Kosala, trên bờ sông Sundarikà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja đốt lửa thiêu trên bờ sông Sundarikà và đang cử hành các lễ tế lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradavāja, sau khi đốt lửa thiêu, sau khi cử hành các lễ tế lửa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bốn phương nghĩ rằng: "**Ai có thể ăn đồ ăn còn lại của lễ tế tự này?**"

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, đầu che trùm lại, thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja liền mở đầu ra. Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja nghĩ rằng: "Đầu trọc là vị này. Một kẻ đầu trọc là vị này", và muốn đi trở lại.

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja suy nghĩ: "Ở đây, cũng có một số Bà-la-môn trọc đầu. Vậy ta hãy

đi đến vị này và hỏi về thọ sanh". Rồi Bà-la-môn Sundaikabhàradvàja đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn:

- Thọ sanh của Tôn giả là thế nào?

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja những bài kệ:

Thế Tôn:

455. *Ta không phải Phạm chí,
Cũng không phải con vua,
Cũng không phải buôn bán,
Không phải là ai hết,
Do liễu tri giai cấp,
Của các hàng phàm phu,
Ta kẻ trí ở đời,
Bộ hành, không sở hữu.*

456. *Mang áo Tăng-già-lê,
Ta sống, không gia đình,
Với tóc được cạo sạch,
Tự ngã được an tịnh,
Ở đời Ta không nhiễm,
Với các thiếu niên nào,
Không xứng đáng, Ông hỏi,
Hỏi Ta về thọ sanh.*

Bà-la-môn:

457. *Thật sự, thưa Tôn giả,
Các vị Bà-la-môn,
Thường hỏi Bà-la-môn,
Có phải người Phạm chí?*

Thế Tôn:

*Nếu Ông nói lên rằng:
Ông là Bà-la-môn,
Và nếu Ông hỏi Ta,
Không phải Bà-la-môn,
Vậy Ta sẽ hỏi Ông,
Về Sàvitti này,
Gồm có mười hai câu,
Và hai mươi bốn chữ.*

Bà-la-môn:

458. *Do y tựa vào gì,
Các ẩn sĩ, loài Người,
Sát-đế-lị Phạm chí,
Đã tổ chức tế đàn,
Cho các hàng chư Thiên,
Rộng rãi trong đời này?*

Thế Tôn:

Vị nào đạt cứu cánh,

Vị nào hiểu Vệ-đà, (???)

Trong lễ tế đàn này,

Thọ hưởng đồ cúng dường,

Ta tuyên bố, nói rằng,

Lễ ấy được tăng thịnh.

Bà-la-môn:

459. *Chắc chắn tế đàn ấy,*

Cúng dường được tăng thịnh.

Vì chúng ta thấy được,

Vị am hiểu Vệ-đà, (???)

Nếu chúng ta không thấy,

Được một người như Ông,

Một người khác thọ hưởng,

Đồ cúng dường tế đàn.

Thế Tôn:

460. *Vì Ông, này Phạm chí,*

Đến Ta vì cần thiết,

Với mục đích rõ ràng,

Vậy nay Ta hỏi Ông,

Ông có thể tìm được,

*Một bậc trí ở đây,
An tịnh, không sân hận,
Không khổ, không tầm cầu?*

Bà-la-môn:

*461. Tôi vui trong tế đàn,
Tôn giả Gotama,
Tôi tha thiết ao ước,
Được cúng dường tế đàn,
Nhưng tôi không được biết,
Tôn giả hãy dạy tôi!
Hãy nói lên cho tôi,
Chỗ cúng dường tăng thịnh.*

Thế Tôn:

*Vậy này Bà-la-môn,
Hãy lắng tai mà nghe,
Ta nay sẽ vì Ông,
Tuyên thuyết pháp vi diệu.*

*462. Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về hạnh đức,
Thật vậy, từ củi gỗ,
Một ngọn lửa được sanh,
Từ gia đình thấp kém,*

Bạc ản sĩ, có trí,
Được huấn luyện thuần thực,
Được xấu hổ chế ngự.

463. Được chân thật huấn luyện,
Được **nhiếp phục chế ngự**,
Bạc đạt đến hiểu biết,
Phạm hạnh được viên thành,
Hãy đúng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vội vị Phạm chí nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Vội cúng dường như vậy.

464. Những vị nào **bỏ dục**,
Du hành, không gia đình,
Khéo chế ngự nhiếp phục,
Như con thoi trực chỉ.
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy,
Hãy tổ chức tế đàn,
Vội cúng dường như vậy.

465. Những vị đã **ly tham**,

Các căn khéo đình tĩnh,
Như trắng được giải thoát,
Khỏi nanh vuốt Ràhu,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy,
Vậy vị Phạm hạnh nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

466. **Không tham** dính vật gì,
Họ du hành ở đời,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Từ bỏ ngã sở kiến,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vậy vị Phạm chí nào,
Muốn cầu nguyện công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

467. **Ài từ bỏ các dục,**
Tự nhiếp phục, du hành.
Ài biết sự chấm dứt,
Của sanh và sự chết,
Tịch tịnh và mát lạnh.
Mát lạnh như nước hồ.

Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

468. **Bình đẳng** kẻ bình đẳng,
Xa lánh không bình đẳng,
Như Lai chứng đạt được,
Trí tuệ không giới hạn,
Không bị dính, uế nhiễm,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

469. Trong ai không man trá,
Không sống với kiêu mạn,
Ai không có tham dục,
Không của ta, không cầu,
Phần nộ được đoạn trừ,
Tư ngã thật tịch tịnh,
Vị Bà-la-môn ấy,
Cầu uế, sâu muợn đoạn,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

470. Ai đoạn diệt hoàn toàn,
Mọi trứ xứ của **ý**,
Không còn có nắm giữ,
Sự vật gì ở đời,

Không còn có chấp thủ,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

471. Tâm ai thật **định tĩnh**,
Vượt khỏi được bộc lưu,
Rõ biết được Chánh pháp,
Với tri kiến tối thượng,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Mang thân này tối hậu.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

472. Với ai, các **hữu lậu**,
Và **lời nói thô ác**,
Được đoạn tận chấm dứt,
Không còn có tồn tại,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Giải thoát mọi khía cạnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

473. Giữa những người nhiễm trước,
Vị ấy **không nhiễm trước**,
Giữa chúng sanh kiêu mạn,
Vị ấy không kiêu mạn,

*Liễu tri được đau khổ,
Kể cả ruộng và đất.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*474. Không dựa vào ước vọng,
Vị ấy thấy **viễn ly**,
Vượt qua sự hiểu biết,
Cùng tri kiến người khác,
Đối với mọi sở duyên,
Vị ấy đều không có,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*475. Vị ấy chứng tri được,
Các pháp gần hay xa,
Được đoạn trừ, chấm dứt,
Không còn có hiện hữu,
An tịnh, **không chấp thủ**,
Được hoàn toàn giải thoát.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*476. Thấy được sự đoạn tận,
Sanh diệt các **kiết sử**,
Trừ được đường tham dục,
Không còn lại dư tàn.*

Thanh tịnh, không lỗi lầm,
Không cầu uế, không nhiễm.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

477. Ai không thấy **tự ngã**,
Với tự ngã của mình,
Định tâm và chánh trực,
Kiên trì không dao động,
Vị ấy không có dục,
Không cứng cõi, phân vân.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

478. Với ai không còn nữa,
Nguyên nhân của **si mê**,
Biết rõ và thấy rõ,
Đối với hết thấy pháp,
Và mang nặng thân này,
Thân này thân cuối cùng.
Chứng đạt Chánh Đẳng Giác,
Vô thượng an ổn xứ,
Đạt cho đến như vậy,
Bậc Dạ-xoa thanh tịnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

Bà-la-môn:

479. *Đây đồ con cúng dường,
Đồ cúng dường chân thật,
Con đã tìm thấy được,
Bậc trí đức như vậy,
Phạm thiên hãy chứng giám,
Thế Tôn hãy chấp nhận,
Thế Tôn hãy thọ hưởng,
Đồ cúng dường của con.*

Thế Tôn:

480. *Ta không có thọ dụng,
Đồ ăn từ kệ tụng,*
*Hỡi này Bà-la-môn,
Đây không phải là pháp,
Của những người có trí,
Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ,
Chỗ nào pháp an trú,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đấy chính là truyền thống.*

481. *Ông cần phải cúng dường,
Đồ ăn, đồ uống khác,
Bậc Đại sĩ toàn vẹn,*

*Đoạn tận các lậu hoặc,
Đã đoạn tận trao hối,
Không còn bị dao động,
Ngài chính là thừa ruộng,
Cho người cầu công đức.*

Bà-la-môn:

*482. Thế Tôn, con muốn biết,
Người có tin như con,
Ai có thể hưởng thọ,
Đồ cúng dường của con,
Trong khi lễ tế đàn,
Con phải tìm đến ai?
Lời Ngài dạy thế nào,
Con sẽ đạt cho được.*

Thế Tôn:

*483. Với ai, không xông xáo,
Với ai, tâm không động,
Giải thoát khỏi các dục,
Với ai bỏ hôn trầm.*

*484. Lãnh đạo kẻ biên giới,
Thiện xảo trong sanh tử,
Ấn sĩ đầy đủ tuệ,*

Đã đến lễ tế đàn.

485. *Nhiếp phục kiều ngạo xong,
Hãy chấp tay đánh lễ,
Cúng dường đồ ăn uống,
Cúng dường vậy tăng trưởng.*

Bà-la-môn:

486. *Ngài là bậc Giác Ngộ,
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài là ruộng phước đức,
Vô thượng, không gì hơn,
Vị tiếp nhận cúng dường,
Xứng đáng toàn thế giới.
Bố thí cho Tôn giả,
Kết quả thật to lớn.*

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvaja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người ***dựng đứng*** lại những gì bị quăng ngã xuống, hay ***phơi bày ra*** những gì bị che kín, hay ***chỉ đường*** cho kẻ lạc hướng, hay ***đem đèn sáng*** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con nay quy y Tôn

giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hãy cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama. Hãy cho con thọ đại giới.

Và Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja... trở thành một vị A-la-hán.

433 Thế Tôn - Thần thông của Ngài - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – Tiểu III, 291 (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là Sopàka (người cùng đinh). Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một cây ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài **tái sanh lần cuối cùng**. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kính hành dưới bóng lâu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chắp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

434 **Thế Tôn - Thế Tôn bị đau nhức mỗi - Kinh Upavàna – Tiểu III, 166**

Upavàna – Tiểu III, 166 (153)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Sàvatthi, được đặt tên là Upavàna. Thấy được uy nghi đức Phật khi Kỳ Viên được dâng cúng. Ngài xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Rồi Upavàna trở thành vị thị giả đức Phật. Bấy giờ, **Thế Tôn bị đau nhức mỗi**, một đệ tử cư sĩ của ngài tên là Devahita sống ở Sàvatthi cúng dường bốn vật dụng cần thiết cho ngài.

Khi Upavàna đến với y và bát, Devahita biết ngài cần dùng một vật đặc biệt nên hỏi. Ngài trả lời với bài kệ như sau:

*185. **Bậc ỨNG CÚNG, THIỆN THỆ,**
ẨN SĨ BỊ PHONG THẤP,
NẾU ÔNG CÓ NƯỚC NÓNG,
HÃY CÚNG DƯỠNG ẨN SĨ.*

*186. **CÚNG DƯỠNG NGƯỜI ĐÁNG CÚNG,**
CUNG KÍNH NGƯỜI ĐÁNG KÍNH,*

*Tôn trọng người đáng trọng,
Ta mong muốn vị ấy,
Được vật cúng mang đến.*

Rồi vị Bà-la-môn dâng cúng nước nóng và thuốc trị bệnh. Nhờ vậy, bệnh của Thế Tôn thuyên giảm và Thế Tôn tỏ lời cảm ơn.

435 Thê Tôn - Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyin – Tiểu III, 312

Kàludàyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con
vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề,
mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa
Kanthaka, Channa và Kàludàyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyin, và vì
ngài da đen nên được gọi là Kàludàyin. Ngài lớn lên
làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thê Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm
(Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua
Suddhodana nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một
ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ
trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng
và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy
đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị
Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các
vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyin* với một ngàn người tùy tùng và *Kàludàyin* hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán về đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hừng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đáng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,*

*Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,
Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ấn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,*

Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,
Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.

534. *Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

535. *Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn** vị A-la-hán, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

536. ***Ta là con đức Phật,***
*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

436 Thế Tôn - Vì sao được gọi là Như Lai_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat. 13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, do vậy Ngài được gọi là **Như Lai**.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

437 Thê Tôn - Ví như Người có mắt đứng trên bờ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 448 (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: *"Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp đẽ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa, nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết"*. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, **bơi ngược dòng**.

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau:

- **Dòng sông**, là đồng nghĩa với **ái**.
- **Sắc khả ái** dễ thương, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- **Cái hồ** ở dưới, là đồng nghĩa với **năm hạ phần kiết sử**.
- **Sóng**, là đồng nghĩa với **phân nộ, ưu não**.

- Nước xoáy, là đồng nghĩa với *năm dục tăng trưởng*.
- Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, là đồng nghĩa với *đàn bà*.
- Ngược dòng, là đồng nghĩa *xuất ly*.
- Tinh tấn với tay với chân, là đồng nghĩa với *tinh cần tinh tấn*.
- Người có mắt đứng trên bờ, là *Như Lai, bậc A-la-hán*, Chánh Đẳng Giác.

*Cùng với sự đau khổ,
 Hãy từ bỏ các dục,
 Mong cầu trong tương lai,
 An ổn khỏi khó ách,
 Chơn chánh hiểu biết rõ,
 Tâm khéo được giải thoát,
 Tại đây, ở tại đây,
 Cảm xúc được giải thoát,
 Vị ấy đạt hiểu biết,
 Phạm hạnh được thành tựu,
 Đến tận cùng thế giới,
 Đến được bờ bên kia.
 Vị ấy được gọi vậy.*

438 **Thế Tôn - Ác ma theo chân bảy năm - Kinh Tinh Cần - Tiểu I, 600**

Kinh Tinh Cần – Tiểu I, 600 (Sn 74)

Thế Tôn:

425. *Bên sông Ni-liên-thuyền,
Ta tỉnh cần tỉnh tấn,
Cố gắng, Ta thiền định,
Đạt an ổn khổ ách.*

426. *Ác ma đến gần Ta,
Nói lên lời từ mẫn,
Ông ốm không dung sắc,
Ông đã gần chết rồi.*

427. *Cả ngàn phần, Ông chết,
Chỉ một phần còn sống,
Hãy sống, sống tốt hơn,
Sẽ làm các công đức.*

428. *Như Ông sống Phạm hạnh,
Hãy đốt lửa tế tự,
Hãy chất chứa công đức,
Ông tỉnh tấn làm gì?*

429. *Khó thay, đường tình tẩn,
Khó làm, khó đạt được.
Ác ma đứng gần Phật,
Nói lên những kệ này.*

430. Thế Tôn đã đáp lại,
Lời Ác ma như sau:

*Bà con ác phóng dật,
Ngươi đến đây làm gì?*

*Với công đức nhỏ bé,
Ta đâu có cần đến?
Với ai cần công đức,
Ác ma đáng nói chúng.*

432. Đây có **tín**, tình **tẩn**,
Và Ta có trí **tuệ**,
Như vậy, Ta tình tẩn,
Sao Ngươi hỏi Ta sống?

433. Gió này làm khô cạn,
Cho đến các dòng sông,
Làm sao khô cạn máu,
Khi Ta sống tình tẩn?

434. **Dầu máu có khô cạn,**

Mật, đàm Ta khô cạn,
Dầu thịt có hủy hoại,
Tâm Ta càng tịnh tín,
Ta lại càng vững trú,
Niệm, tuệ và thiền **định**.

435. Do Ta sống như vậy,
Đạt được thọ tối thượng,
Tâm không cầu các dục,
Nhìn chúng sanh thanh tịnh.

436. **Dục**, **đội quân thứ nhất**.
Thứ hai, gọi **bất lạc**,
Thứ ba, **đói** và **khát**,
Thứ tư, gọi **tham ái**.

437. Năm, **hôn trầm** thụy miên,
Thứ sáu, gọi **sợ hãi**,
Thứ bảy, gọi **nghi ngờ**,
Tám, **dèm pha ngoan cố**.

438. **Lợi, danh** và **cung kính**,
Danh vọng được tà vạy,
Ai **tự đề cao mình**,
Hủy báng các người khác.

439. Ôi, này Na-mu-ci,

Đây là quân đội Ngươi,

Đây quân đội chiến trận,
Của dòng họ Kanhà,
Kẻ nhất, không thắng Ngươi,
Ai thắng Ngươi, được lạc.

440. Ta mang cỏ munja,
Vững thay, đây đời sống,
Thà Ta chết chiến trận,
Tốt hơn, sống thất bại.

441. Bị thấy đắm ở đây,
Số Sa-môn, Phạm chí,
Không biết được con đường,
Bậc giới đức thường đi.

442. Thấy khắp quân đội dàn,
Ác ma trên lưng voi,
Ta bước vào chiến trận,
Không để ai chiếm đoạt.

443. Đội ngũ quân nhà Ngươi,
Đời này và chư Thiên,
Không một ai thắng nổi,
*Ta đến Ngươi với tuệ,
Như hòn đá đập nát,
Chiếc bát chưa nung chín.*

444. **Nhiếp phục được tâm tư,
Khéo an trú chánh niệm,**

Ta sẽ đi bộ hành,
Nước này qua nước khác,
Để huấn luyện rộng rãi,
Cho những người đệ tử.

445. Không phóng dật, tinh cần,
Họ hành lời Ta dạy,
Dầu Ngươi không muốn vậy,
Họ vẫn sẽ đi tới,
Chỗ nào họ đi tới,
Chỗ ấy không sâu muợn.

Ác-ma:

446. **Bảy năm**, ta bước theo,
Chân theo chân Thế Tôn,
Không tìm được lỗi lầm,
Nơi Thế Tôn chánh niệm.

447. **Như quạ bay xung quanh,**
Hòn đá như đóng mở,
Có thể có gì mềm?
Có thể có gì ngọt?

448. *Không tìm được gì ngọt,
Quạ từ đó bay đi,
Như quạ mổ hòn đá,
Ta bỏ Gotama.*

449. *Bị sâu muộn chi phối,
Cây đàn rơi khỏi nách,
Kẻ Dạ-xoa ác ý,
Tại đây liền biến mất.*

439 **Thế Tôn - Ác ý với Ngài, đổ cỏ trâu vào giếng - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 261**

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 261 (Ud 78)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, đi đến làng Bà-la-môn của dân chúng Malà tên là Thùna. **Các Bà-la-môn gia chủ ở Thùna** được nghe: "Sa-môn Gotama từ dòng họ Thích Ca xuất gia, đang bộ hành giữa dân chúng Mallà cùng với đại chúng Tỷ-kheo, nay đã đến Thùna". **Họ đổ đầy miệng giếng với cỏ và trâu với ý nghĩ**: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Rồi Thế Tôn từ trên đường bước xuống, đi đến dưới một gốc cây, sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay các giếng ấy bị các gia chủ Bà-la-môn ở Thùna lấp đầy miệng với cỏ và trấu với ý nghĩ: "Mong rằng các Sa-môn trọc đầu ấy không có nước uống".

Lần thứ hai, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta!

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Nay các giếng ấy... không có nước uống.

Lần thứ ba, Thế Tôn bảo Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đem nước uống từ nơi giếng này cho Ta.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bình bát, đi đến cái giếng ấy. Tại cái giếng ấy, khi Tôn giả Ananda đi đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng, và nước trong sáng không cấu uế, trong lắng, tràn đầy miệng, cho đến như là tràn ra ngoài. Rồi Tôn giả Ananda suy nghĩ: "Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực, đại uy lực của Như Lai. Cái giếng này khi ta đến, phun ra tất cả cỏ và trấu khỏi miệng giếng... như là tràn ra ngoài".

Rồi Tôn giả Ananda cầm lấy bát nước, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay là đại thần lực... như là tràn ra ngoài! Bạch Thế Tôn hãy uống nước. Bạch Thiện Thệ, hãy uống nước!

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng* này:

9. *Cần làm gì với giếng,
Khi nước có cùng khắp,
Chặt đứt ái từ gốc,
Cần hành tầm cầu gì?*

440 Thê Tôn - Đức Phật Sikhi - Kinh Sandhita – Tiểu III, 188

Sandhita – Tiểu III, 188 (169)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, tên là *Sandhita*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài **nghe bài giảng về vô thường, hoảng hốt lo sợ**, và xin xuất gia với **trí tuệ chín muồi**, ngài an trú **thiền quán** và chứng đạt **sáu tầng trí**.

Nhớ đến đời sống trước của mình, **sau khi đức Phật Sikhi (Thi-khí) mệnh chung**. Ngài đánh lễ tại cây **Bồ-đề và nhận thức được ý nghĩa vô thường**, ngài tuyên bố ngài thành đạt ý tưởng, nhờ nguyên nhân ấy với những bài kệ như sau:

217. Dưới gốc cây Bồ-đề,
Với ánh sáng lá xanh,
Khi cây đang vươn lên,
Trong sức sống lớn mạnh,
Một tưởng về Phật hành,
Chánh niệm ta đạt được.

218. Đã qua **ba một kiếp**,
Tưởng ấy ta không chứng,

*Nay chính nhờ tướng ấy,
Ta đạt lâu hoặc diệt.*

441 Thế Tôn - Đức Phật độ cho vua cha - Kinh Nanda – Tiểu III, 148

Nanda – Tiểu III, 148 (139)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu, **con vua Suddhodana (Tinh Phan) và bà Mahàpajàpati,** vì đem lại hoan hỷ cho bà con nên được gọi là *Nanda*.

Khi đến tuổi trưởng thành, bậc Đạo Sư chuyên bánh xe pháp đi đến Kapilavatthu, với lòng từ mẫn độ chúng sanh. Nhân có dịp trời mưa, Thế Tôn kể chuyện tiền thân Vessantara. Trong ngày thứ hai, với câu kệ: "Hãy đứng dậy!". Thế Tôn giúp cho **phụ thân chúng quả Dự lưu.**

Với câu kệ: "Hãy sống theo Phạm hạnh". Thế Tôn giúp **bà Mahàpajàpati cũng chứng quả Dự lưu,** rồi Thế Tôn giúp **phụ thân chúng thêm quả Nhất lai.**

Ngày thứ ba khi đi khất thực tại phòng đăng quang, lúc mọi người đang chúc mừng hoàng tử Nanda trong ngày lễ đám cưới, bậc Đạo Sư đưa bình bát, đi theo bậc Đạo Sư đến tinh xá và **đức Phật độ cho Nanda xuất gia, dầu ngài không bằng lòng.**

Từ lúc ấy, biết được Nanda không ưa thích đời sống xuất gia, bậc Đạo Sư tiếp tục giáo hóa cho đến khi

Nanda, **nhờ thiền định, phát triển thiền quán** và đạt được quả A-la-hán.

Về sau, hưởng thọ lạc giải thoát, ngài nói: "**Ôi tuyệt diệu thay pháp môn Phật dạy. Nhờ vậy ta thoát khỏi sa lầy vào đăm tái sanh, đứng được trên bãi cát Niết-bàn**". Phần khởi với suy nghĩ này, ngài nói lên những bài kệ:

*157. Không như lý tác ý,
Ta chuyên trang sức ngoài,
Ta thô tháo dao động,
Say đắm trong tham **dục**.*

*158. Với phương tiện thiện xảo,
Ta, bà con mặt trời,
Được hướng về chánh lý,
Làm ta thoát sanh hữu.*

Thế Tôn, biết được quả chứng tự tu, tự luyện của ngài, tuyên bố ngài là bậc **tự chế ngự đệ nhất** trong các đệ tử của Thế Tôn.

442 Thê Tôn - Ẩn sĩ Upaka gặp Thê Tôn trên đường đến Balanại - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,*

*Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nai,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ

săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng

chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đùa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,*

Khổ hạnh khó thanh tịnh.

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quuyến rũ.

295. *Hãy trở lui thừa chàng,*
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.

296. *Này Càpà phân tư,*
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,

Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

298. Uớp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đưa con trai của thiếp,
Đưa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đưa con,
Chàng không thể bỏ đi.

303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.

304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?

305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,

*Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

*306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.*

*307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.*

*308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.*

*309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,*

Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**

Vượt qua sự đau khổ,

Thuyết **đường Thánh tám ngàn,**

Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,

Hữu nhiều quanh Ngài xong,

Trình lên lời ước nguyện,

Của Càpà vợ chàng!

Rồi chàng xin xuất gia,

Sống đời không gia đình,

Chứng đạt được **Ba minh,**

Làm xong lời Phật dạy.

443 **Thế Tôn Kassapa - Ác Tỷ kheo từ thời đó - Kinh Yasoja – Tiểu III, 200**

Yasoja – Tiểu III, 200 (178)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại cửa thành ở Sàvatthi, trong một làng người đánh cá, con vị chủ hộ năm trăm gia đình đánh cá và được gọi là Yasoja.

Đến tuổi trưởng thành, một hôm ngài đánh cá với những người con các người đánh cá trên sông Aciravati, quăng lưới, ngài bắt được con cá lớn có màu sắc vàng. Họ dâng con cá lên vua Pasenadi và vua nói chỉ có đức Phật mới biết nguyên nhân, màu sắc của con cá.

Đức Phật dạy, **tiền thân con cá là một ác Tỷ-kheo trong thời đức Phật Ca-diếp**, nay vẫn đang sống trong cõi địa ngục. Các chị của nó vẫn sống trong địa ngục. Chỉ có anh nó là vị Trưởng lão, sống đời sống tốt đẹp, và Thế Tôn thuyết pháp về **kinh Kapila**. Nghe xong, Yasoja cảm thấy xúc động và xin xuất gia, và các bạn cũng xin xuất gia theo.

Họ đi đến tinh xá Jetavana (Kỳ Viên) để yết kiến đức Phật, nhưng khi đến họ làm quá ồn ào nên bị Thế Tôn đuổi đi. Bị đuổi, và sống trên sông Vaggumudà,

Yasoja như con người thuần thực, quyết tâm quyết chí tu trì, không bao lâu chúng được **sáu thắng trí**.

Rồi Thế Tôn cho gọi Yasoja, và ngài vì tu khổ hạnh đặc biệt, nên ốm yếu, xấu xí. Thế Tôn tán thán hạnh tu khắc khổ của ngài với những bài kệ như sau:

242. *Một người đen, gầy mòn,
Yếu ốm đầy đường gân,
Tiết độ trong ăn uống,
Tâm tư không ưu não.*

Yasoja được tán thán như vậy, đề cao **hạnh cô độc** và dạy như sau:

243. *Trong rừng núi rộng lớn,
Bị muỗi ruồi đốt cắn,
Như con voi lâm trận,
Ta chánh niệm chịu đựng.*

244. *Sống một, như Phạm thiên,
Sống hai, như chư Thiên,
Sống ba, như làng mạc,
Nhiều hơn, như ở chợ.*

444 Thệ Tôn độ trưởng lão Kassapa - Kinh Mahà Kassapa – Tiểu III, 466

Mahà Kassapa – Tiểu III, 466 (261)

Bậc Đạo Sư đã ra đời, đang chuyên pháp luân và ở tại Ràjagaha (Vương Xá), khi ấy tại làng Bà-la-môn Mahàtittha ở Ràjagaha, ngài ra đời tên **Pippali-mànava**, con bà vợ chính của Bà-la-môn Kapila.

Pippali-mànava, không chịu lập gia đình, xin ở nhà để hầu hạ cha mẹ, sau khi cha mẹ chết, sẽ xuất gia. Để làm cho bà mẹ bằng lòng, ngài cho làm **tượng một thiếu nữ trẻ đẹp**, mặc áo đỏ và đeo đồng trang sức, và nói với bà mẹ rằng nếu bà tìm cho được một thiếu nữ như vậy, ngài sẽ chịu lập gia đình.

Bà mẹ sai các người Bà-la-môn đem theo tượng ấy và tìm cho được một thiếu nữ giống như vậy. Họ đến Sàgala, đặt tượng trên bờ sông và ngồi xuống xa bức tượng. Người vú của **Bhaddà**, sau khi tắm cho Bhaddà lại xuống sông tắm cho mình, thấy bức tượng, tưởng là Bhaddà và nói Bhaddà sao lại thiếu giáo dục như vậy, đánh nàng nơi má và biết được đó không phải là Bhaddà mà chỉ là một bức tượng bằng vàng. Các Bà-la-môn được đưa về nhà, được thấy

Bhaddà, nhận Bhaddà giống như bức tượng và đưa tin về Kapila.

Nhưng cả hai *Pippali-mànava* và *Bhaddà* đều không muốn lập gia đình, nên cả hai viết thư cho nhau nói rõ quyết định của mình. Hai người đưa thư gặp nhau giữa đường, đưa thư cho nhau coi, đánh tráo hai bức thư khác, và do vậy đám cưới được cử hành. Nhưng đêm tân hôn, hai người nằm cách nhau với một giấy hoa. Khi cha mẹ mệnh chung, cả hai quyết định cùng nhau xuất gia.

Hai người cùng mặc áo vàng, cắt tóc, mang bình bát, trước cùng đi với nhau, sau thấy bất tiện nên từ giã nhau, Pippali-mànava đi phía mặt, Bhaddà đi phía đường bên phía trái.

Trước giới đức như vậy, quả đất rung động, và Thế Tôn biết được nguyên nhân nên ra ngồi giữa đường từ Nalandà đến Ràjagaha. Gặp Thế Tôn, **Mahà Kassapa đánh lễ Thế Tôn, tôn Thế Tôn là bậc Thầy, tự nhận mình làm đệ tử**. Cả hai về lại Magadha và Mahà Kassapa tu tập **mười ba hạnh đầu đà**. Đến ngày thứ tám, ngài chứng quả A-la-hán.

Bậc Đạo Sư tuyên dương ngài là **đầu đà thứ nhất**. Và ngài nói lên kinh nghiệm của mình để giáo huấn các vị Tỷ-kheo.

Thấy các Tỷ-kheo ưa sống với quần chúng, và hay
đến các nhà cư sĩ, ngài nói:

1052. *Chớ du hành đi đâu,
Do quần chúng tôn xưng,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Quần chúng tụ là khổ,
Thấy vậy, tránh quần chúng.*

1053. *Bậc ẩn sĩ không đi,
Đi đến các gia đình,
Tâm ý bị loạn động,
Thiền định khó tu chứng,
Ai hằng say **tham vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

1054. *Đảnh lễ cúng dường này,
Xuất phát từ gia đình
Nên biết họ thực sự,
Là đám bùn sa lầy.
Như **mũi tên té nhị**,
Rất khó rút ra khỏi,
Kẻ xấu rất khó lòng,
Từ bỏ sự cung kính.*

II

Một lời khuyên các Tỷ-kheo hãy biết đủ với **bốn vật dụng** cần thiết:

1055. Từ trú xứ bước xuống,
Ta vào thành khát thực,
Ta cẩn thận đến gần,
Một người cùi đang ăn.

1056. Với bàn tay lở loét,
Nó bỏ vào một muống,
Khi bỏ vào muống ấy,
Ngón tay rời rơi vào.

1057. Dựa vào một chân tường,
Ta ăn miếng ăn ấy,
Đang ăn và ăn xong,
Ta không cảm ghê tởm.

1058. **Miếng ăn** đứng nhận được
Xem như thuốc tiêu hôi,
Chỗ nằm dưới góc cây,
Và y từ đóng rác,
Ai thọ dụng chúng được,
Được gọi **người bốn phương**.

III

Về sau, khi được hỏi, sao ngài già như vậy, lại có thể hằng ngày leo lên đồi núi, ngài trả lời:

1059. Khi họ leo núi đá,
Một số bị mạng chung,
Thừa tự bậc Giác ngộ,
Tĩnh giác và chánh niệm,
Dựa trên sức thần lực,
Kassapa leo núi.

1060. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đoạn sợ hãi kinh hoàng.

1061. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá,
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Đã đốt cháy, thanh lương.

1062. Đi khát thực trở về,
Ca-diếp leo tảng đá
Ngồi thiền, không chấp thủ,
Xong việc, không lâu hoặc.

IV

Sau khi được hỏi thêm, vì sao khi lớn tuổi ngài vẫn ở trên núi rừng? Trúc Lâm hay các tịnh xá không làm cho ngài thích ý chăng? Ngài trả lời:

*1063. Khu đất thật khả ái,
Với những vòng tràng hoa,
Hoa tên Ka-rê-ri,
Trải rộng ra cùng khắp,
Với voi rú khả ý,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1064. Những hồ nước trong mát,
Tuyệt đẹp, màu mây xanh,
Che kín bởi loài bọ,
Tên "kẻ chăn In-đa"
Những ngọn núi đá ấy,
Làm tâm ta thích thú.*

*1065. Giống đồi mây xanh biếc,
Vĩ tháp đẹp lâu đài,
Với vườn hủ khả ý,
Đồi núi ấy, ta thích.*

*1066. Đất bằng thật khả ái,
Được mưa ướt thấm nhuần,
Đồi núi được ẩn sĩ,*

*Làm thành nơi trú xứ.
Vang lên tiếng chim công,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1067. Vừa đủ ta chánh niệm,
Hăng hái muốn tu thiền,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn phước lợi.*

*1068. Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái muốn an lạc,
Vừa đủ ta Tỷ-kheo,
Hăng hái tu Du-già.*

*1069. Tràn đầy hoa cây gai,
Như trời phủ làn mây,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1070. Không đông chúng gia chủ,
Chỗ trú xứ đoàn thú,
Đầy mọi loài chim chóc,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1071. Dưới tảng đá, băng đá,
Có nước suối trong chảy,
Có khỉ và có nai,*

*Lai vãng sống gần bên,
Cỏ cây bao trùm nước,
Đồi núi ấy ta thích.*

*1072. Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,
Khi đã được nhất tâm,
Chơn chánh thiền quán pháp.*

V

Khi khuyên bảo các Tỷ-kheo thích thú các tục sự, và tham các vật cúng dường cần thiết cho sự sống, ngài nói:

*1073. Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quần chúng đua tranh,
Người siêng tham đắm vị,
Bỏ đích đem an lạc.*

*1074. Chớ làm nhiều công việc,
Tránh việc không lợi này,
Thân cực nhọc mệt mỏi,
Người khổ không an chỉ.*

VI

Các câu kệ sau được nói lên để khuyên bảo trong một vài trường hợp:

1075. *Chỉ lấp bắp cái môi,
Không thấy được tự ngã,
Cổ cứng đòi nó đi,
Nó nghĩ: ta tốt hơn.*

1076. *Không hơn nghĩ tốt hơn,
Kẻ ngu nghĩ tự ngã,
Bậc trí không tán thán,
Người có trí cứng đòi.*

1077. *Ta tốt hơn, hay là
Ta không được tốt hơn,
Hay ta là dở hơn,
Ta cũng tốt như vậy,
**Ai không có dao động
Trong các loại mạn này.***

1078. ***Có tuệ, nói như thật,
Khéo định tĩnh trong giới,
Đạt được tâm an chỉ,
Người ấy kẻ trí khen.***

1079. *Ai giữa dòng Phạm hạnh,
Không có sự kính trọng,*

Vị ấy xa diệu pháp,
Như đất xa bầu trời.

1080. Những ai có **tâm quý**,
Thường chọn chánh an trú,
Phạm hạnh được tăng trưởng,
Họ đoạn được tái sanh.

1081. Tỷ-kheo **cống cao, động**,
Dầu đắp y đóng rác,
Như con khỉ đội lốt,
Với da con sư tử,
Người vậy không có thể,
Chói sáng nhờ y ấy.

1082. **Không cống cao, không động,**
Thận trọng, cẩn chế ngự,
Chói sáng với tấm y,
Được lượm từ đóng rác,
Chẳng khác con sư tử,
Trong hang động núi rừng.

VII

Khi thấy **chư Phạm thiên** đánh lễ ngài *Sàriputta*, và
thấy Trưởng lão *Kappina* mỉm cười, ngài nói:

1083. Rất nhiều chư Thiên này,
Có thần thông, lòng danh,
Cả mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm hạnh chúng thiên.

1084. Đứng đánh lễ, chấp tay,
Đôi ngài Xá-lợi-phát,
Vị tướng quân Chánh pháp,
Sáng suốt, đại thiên định.
Đánh lễ bậc Thượng sanh,
Đánh lễ bậc Tối thượng.

1085. **Dựa vào gì, thiện tu,**
Chúng tôi không thắng trí.

1086. Kỳ diệu thay chư Phật,
Hành xứ ngài thâm sâu,
Chúng con không nghĩ được,
Dầu chúng con hội đủ,
Tài nghệ người bắn cung,
Có thể chẻ sợi tóc.

1087. Khi thấy Xá-lợi-phát
Xứng đáng được đánh lễ,
Được Phạm thiên chúng ấy,
Đánh lễ, kính như vậy,
Tôn giả Kappina,

Liền mỉm cười vui vẻ.

VIII

Trưởng lão Kassapa ***rống lên tiếng rống sư tử*** của mình:

*1088. Trong đám ruộng đệ tử,
Những vị theo đức Phật,
Ngoại trừ bậc Tối tôn,
Đại ẩn sĩ Mâu-ni,
**Ta ưu việt Đầu đà.
Không ai bằng ta được.***

*1089. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

*1090. Không nhiễm dính y phục
Chỗ nằm và đồ ăn,
Không thể trắc lường được,
Là con bậc Gotama!
**Như hoa sen trong sạch,
Không thể dính nước vào,
Ý thiên về xuất ly,
Thoát ly cả ba giới.***

1091. Với bậc Đại ẩn sĩ,
Cổ dựng trên **Niệm xứ,**
Tay dựa trên **Đức tin,**
Với **đầu** là **Trí tuệ**
Bậc Đại trí luôn luôn,
Hành trì thật thanh lương.

445 Thế gian - Phẩm Thế Gian - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 65

Phẩm Thế Gian – *Tiểu I*, 65

167. Dầu lợi người bao nhiêu,
Chớ quên phần tư lợi,
Nhờ thắng trí tư lợi.
Hãy chuyên tâm lợi mình.

168. "Nỗ lực, chớ phóng dật!
Hãy sống theo chánh hạnh;
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau."

169. Hãy khéo sống chánh hạnh,
Chớ sống theo tà hạnh!
Người chánh hạnh hưởng lạc,
Cả đời này, đời sau.

170. Hãy nhìn như bọt nước,
Hãy nhìn như cảnh huyễn!
Quán nhìn đời như vậy,
Thần chết không bắt gặp.

171. Hãy đến nhìn đời này,
Như xe vua lộng lẫy,
Người ngu mới tham đắm,
Kẻ trí nào đắm say.

172. Ai sống trước buông lung,
Sau sống không phóng dật,
Chói sáng rực đời này.
Như trăng thoát mây che.

173. Ai dùng các hạnh lành,
Làm xóa mờ nghiệp ác,
Chói sáng rực đời này,
Như trăng thoát mây che.

174. Đời này thật mù quáng,
Ít kẻ thấy rõ ràng.
Như chim thoát khỏi lưới,
Rất ít đi thiên giới.

175. Như chim thiên nga bay,
Thần thông liệng giữa trời,
Chiến thắng ma, ma quân,
Kẻ trí thoát đời này.

176. Ai vi phạm một pháp,
Ai nói lời vong ngữ,

Ai bác bỏ đời sau,
Không ác nào không làm.

177. Keo kiết không sanh thiên,
Kẻ ngu ghét **bố thí**,
Người trí thích bố thí,
Đời sau, được hưởng lạc.

178. Hơn thống lãnh cõi đất,
Hơn được sanh cõi trời,
Hơn chủ trì vũ trụ,
Quả Dự Lưu tôi thắng.

446 Thế giới - Do gì đời bị che_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 1 Ajita - Tiểu I, 776

Câu hỏi của thanh niên 1 – Ajita – *Tiểu I*, 776

Ajita:

1032. Tôn giả A-ji-ta:

*Do gì, đời bị che,
Do gì, không chói sáng?
Hãy nói lên cái gì,
Làm uế nhiễm cuộc đời,
Cái gì sợ hãi lớn?*

Thế Tôn:

1033. Thế Tôn liền đáp lại:

*Đời bị **vô minh** che,
Do **xan tham, phóng dật**,
Đời không được chói sáng,
Ta nói do **mong cầu**,
Nên đời bị uế nhiễm,
Chính là sự **đau khổ**,
Nên có sợ hãi lớn.*

Ajita:

1034. Tôn giả A-ji-ta:

Mọi nơi dòng nước chảy,

*Cái gì ngăn dòng nước?
Hãy nói lên cái gì?
Chế ngự được dòng nước?
Cái gì đóng dòng nước?*

Thế Tôn:

1035. Thế Tôn liền đáp lại:
*Hỡi này A-ji-ta,
Các dòng nước ở đời,
Chánh niệm ngăn chặn lại,
Chánh niệm được Ta gọi,
Chế ngự các dòng nước,
Và chính do **Trí tuệ**,
Đóng lại các dòng nước.*

Ajita:

1036. Tôn giả A-ji-ta:
*Trí tuệ và chánh niệm,
Cùng với danh và sắc,
Kính thưa bậc Tôn giả,
Hãy nói điều con hỏi,
Từ đâu chúng bị diệt?*

Thế Tôn:

1037. Câu hỏi gì Ông hỏi,
*Hỡi này A-ji-ta,
Ta sẽ đáp cho Ông,*

Chỗ nào danh và sắc,
Được đoạn diệt hoàn toàn,
Không còn lại dư tàn,
Chính do đoạn diệt **Thức**,
Danh sắc được đoạn diệt.

Ajita:

1038. Những ai biết tư sát,
Các pháp thuộc hữu vi,
Cùng với bậc hữu học,
Và phàm phu ở đời,
Được hỏi, Ngài hãy nói,
Về nếp sống của họ?
Bậc thận trọng sáng suốt,
Hãy nói lên, thưa Ngài!

Thế Tôn:

1039. **Chớ tham đắm các dục,**
Giữ tâm tư an tịnh,
Thiện xảo trong các pháp,
Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Sống đời sống xuất gia.

447 Thế giới - Thế giới sanh khởi do pháp nào có mặt_ - Kinh Hemavata - Tiểu I, 510

Kinh Hemavata – Tiểu I, 510 (Sn 27)

Sàtàgira:

153. *Nay đứng vào ngày rằm,
Ngày trai giới, bố-tát,
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đêm đã được an trú,
Đêm đẹp như cỏi trời,
Hãy gặp Gotama,
Bậc Đạo Sư vô thượng.*

Hemavata:

154. *Có phải ý vị ấy,
Tâm nguyện thật khéo phát?
Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải đối sanh loại,
Có tâm tư như vậy?
Có phải các tư duy,
Được khéo léo điều phục
Đối với các pháp khả ái,*

Và pháp không khả ái?

Sàtägira:

155. Ý *vị ấy là vậy,*
Tâm nguyện thật khéo phát,
Nói vậy là *dạ-xoa,*
Tên Sàtägira,
Đối với mọi sanh loại,
Có tâm tư như vậy,
Như vậy là **tư duy,**
Được khéo léo điều phục.

Hemavata:

156. Có phải là vị ấy,
Không lấy vật không cho?
Nói vậy là *dạ-xoa,*
Tên Hemavata,
Có phải với hữu tình,
Vị ấy khéo chế ngự?
Có phải với phóng dật,
Vị ấy khéo viễn ly?
Có phải đối thiên đình,
Vị ấy không từ bỏ?

Sàtägira:

157. *Vị ấy không có lấy,*
Những vật không được cho,

Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Vị ấy với hữu tình,
Rất khéo léo chế ngự,
Vị ấy với phóng dật,
Thật sự sống viễn ly,
Đức Phật đối thiên định,
Không từ bỏ, sao lãng.

Hemavata:

158. Có phải là vị ấy,
Không nói lời nói láo?
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Đoạn tận các trách nhiệm?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời vu khống?
Có phải là vị ấy,
Không nói lời phù phiếm?

Sàtàgira:

159. Và thật sự vị ấy,
Không nói lời nói láo,
Nói vậy là Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira,
Đoạn tận đường ác ngữ,

*Không nói lời vu khống,
Vị ấy nói những lời,
Sáng suốt, có nghĩa lý.*

Hemavata:

160. *Có phải đối các dục,*

Vị ấy không tham ái?

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Hemavata,

Có phải tâm vị ấy,

Không có bị dao động?

Có phải tâm vị ấy,

Vượt khỏi sự si ám?

Có phải thật vị ấy,

Có mắt đối các pháp?

Sàtàgira:

161. *Vị ấy không tham ái,*

Đối với các dục vọng,

Đây là lời Dạ-xoa,

Tên Sàtàgira,

Tâm không có dao động,

Vượt khỏi mọi si ám,

Đức Phật thật có mắt,

Đối với tất cả pháp.

Hemavata:

162. Có phải là vị ấy,
Đầy đủ về các minh?
Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Hemavata,
Có phải là vị ấy,
Sở hành thật thanh tịnh?
Có phải là vị ấy,
Các lậu hoặc đoạn tận?
Có phải là vị ấy,
Không còn có tái sanh?

Sàtàgira:

163. Sự thật là vị ấy,
Đầy đủ với các minh,
Đây là lời Dạ-xoa,
Tên Sàtàgira
Sở hành thật thanh tịnh,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Thật sự đối vị ấy,
Không còn có tái sanh.

Hemavata:

163. (a) Có phải vị ẩn sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn,
Có phải người tán thán,

*Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức?*

Sàtàngira:

163. (b) *Thật sự vị ản sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy,
Được làm khéo hoàn mãn.
Thật sự Ông tùy hỉ,
Một cách đúng Chánh pháp,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Cả hai:

164. *Thật sự vị ản sĩ,
Với tâm được viên mãn,
Mọi việc làm vị ấy
Được làm khéo hoàn mãn.
Chúng ta hãy yết kiến,
Tôn giả Gotama,
Vị đầy đủ trí đức,
Đầy đủ cả hạnh đức.*

Hemavata:

165. *Bắp chân giống như nai,
Thon vững chắc, bền bỉ,*

*Giản dị ít nhu cầu,
Không tham đắm vật gì.
Hãy đi đến yết kiến
Ấn sĩ Gotama,
Vị hành trì thiên định,
Trong rừng núi xa vắng.*

*166. Sống cô độc một mình,
Như sư tử, như voi,
Ngài không có tham đắm,
Không cầu mong các dục.
Chúng ta hãy đi đến,
Và hỏi thăm vị ấy,
Về con đường giải thoát,
Khỏi cạm bẫy Ác ma.*

Cả hai:

*167. Vị tuyên bố giải thích,
Vị đạt đến mọi pháp,
Bậc giác ngộ vượt khỏi,
Hận thù và sợ hãi,
Chúng ta hãy đến học,
Sa-môn Gotama.*

Hemavata:

*168. Do pháp nào có mặt,
Thế giới được sanh khởi?*

Nói vậy là dạ-xoa,
Tên Hemavata.

Do pháp nào có mặt,
Tác thành sự giao hợp?
Sự chấp thủ ở đời,
Là chấp thủ cái gì?
Do pháp nào có mặt,
Thế giới bị tàn hại?

Thế Tôn:

169. Do **sáu pháp** có mặt,
Thế giới được sanh khởi,
Này Hemavata,
Thế Tôn nói như vậy.
Do **sáu pháp** có mặt,
Tác thành sự giao hợp,
Sự chấp thủ ở đời,
Là chấp thủ sáu pháp,
Do **sáu pháp** có mặt,
Thế giới bị tàn hại.

Hemavata:

170. Do chấp thủ cái gì,
Đây thế giới bị hại?
Được hỏi, hãy nói lên,
Về con đường thoát đời.
Làm thế nào đau khổ,

Được giải thoát hoàn toàn?

Thế Tôn:

171. Đây, ***năm dục trưởng dưỡng***,
Ý được gọi thứ sáu,
Bỏ ước muốn ở đây,
Như vậy, thoát đau khổ.

172. Đây, con đường thoát đời.
Như thật nói Ông rõ,
Đường này Ta nói Ông,
Như vậy, thoát đau khổ.

Hemavata:

173. Đây, ai vượt bực lưu?
Đây, ai vượt biển lớn?
Không chân đứng bám víu,
Ai không chìm vực sâu?

Thế Tôn:

174. Ai luôn luôn đủ ***giới***,
Có ***tuệ***, khéo thiền ***định***,
Tâm hướng nội, chánh niệm,
Vượt bực lưu khó vượt.

175. ***Ai từ bỏ dục tưởng,***
Vượt khỏi mọi kiết sử,

*Ai, hỷ, hữu đoạn tận,
Không chìm vào vực sâu.*

Hemavata:

176. *Vị trí tuệ thâm sâu,
Thấy được đích tế nhị,
Vị không có sở hữu,
Không tham đắm dục hữu.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị luôn luôn giải thoát,
Bậc đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thiên đạo.*

177. *Bậc danh xưng vô thượng,
Bậc thấy đích tế nhị,
Bậc ban bố trí tuệ,
Không tham đắm dục tạng.
Hãy yết kiến vị ấy,
Vị Toàn trí, Thiện tuệ,
Bậc Đại sĩ tiến bước,
Trên con đường Thánh đạo.*

178. *Hôm nay thật chúng con,
Được thấy điềm tốt lành,
Được hào quang chói sáng,
Của bình minh tốt lành.
Vì chúng con được thấy,*

**Bậc Chánh Đẳng Chánh Giác,
Bậc đã vượt bậc lưu,
Bậc đã đoạn lậu hoặc.**

179. Ngàn vị dạ-xoa này,
Có thần lực danh xưng,
Tất cả xin đi đến,
Y tựa quy ngưỡng Ngài,
**Ngài là bậc Đạo Sư,
Vô thượng của chúng con.**

180. Chúng con sẽ bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Chánh giác,
Đảnh lễ **thiện pháp tánh,**
Của Chánh pháp vi diệu.

448 Thế giới - Vị đạt đến Tận cùng thế giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 448 (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp đẽ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: *"Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp đẽ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa, nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết"*. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, **bơi ngược dòng**.

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau:

- **Dòng sông**, là đồng nghĩa với **ái**.
- **Sắc khả ái** dễ thương, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- **Cái hồ** ở dưới, là đồng nghĩa với **năm hạ phần kiết sử**.
- **Sóng**, là đồng nghĩa với **phân nộ, ưu não**.

- Nước xoáy, là đồng nghĩa với *năm dục tăng trưởng*.
- Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, là đồng nghĩa với *đàn bà*.
- Ngược dòng, là đồng nghĩa *xuất ly*.
- Tinh tấn với tay với chân, là đồng nghĩa với *tinh cần tinh tấn*.
- Người có mắt đứng trên bờ, là *Như Lai, bậc A-la-hán*, Chánh Đẳng Giác.

Cùng với sự đau khổ,
 Hãy từ bỏ các dục,
 Mong cầu trong tương lai,
 An ổn khỏi khó ách,
 Chơn chánh hiểu biết rõ,
 Tâm khéo được giải thoát,
 Tại đây, ở tại đây,
 Cảm xúc được giải thoát,
 Vị ấy đạt hiểu biết,
 Phạm hạnh được thành tựu,
 Đến tận cùng thế giới,
 Đến được bờ bên kia.
 Vị ấy được gọi vậy.

449 Thế giới - Đời bị hỷ trối buộc, Suy tầm là sở hành - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I, 806*

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiên,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,
Với nội và ngoại **thọ**,

*Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.*

450 Thế giới - Đức Phật chánh đẳng giác về thế giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat.
13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, **do vậy Ngài được gọi là Như Lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

451 Thế giới là vô thường, đi đến hoại diệt - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.** Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước những hành vi cảm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,*

*Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xoắn, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vải, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,
Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,*

Từ bỏ mọi tài sản,
Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.

781. *Kẻ thừa tự mang đi,*
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
*Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,*
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;*
Phú quý nào có thể,
*Tránh khỏi được **già suy**.*
Bậc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,*
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,
Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,

Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. **Như kẻ trộm bị bắt**,
Quả tang, khi ăn trộm,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,
Chúng làm **tâm đắm say**,
Với sắc và phi sắc,

*Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đức công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,*

788. *Như trái cây rụng xuống,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.*

789. *Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.*

790. *Thấy đức như lửa hừng,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.*

791. *Thấy nguy hiểm như vậy,
Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,*

*Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại lậu hoặc.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

452 Thế giới này bị ái triền trói buộc - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triền trói buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,
Đến lời dạy Bốn Sự.*

*Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, phát triển thiền quán và chứng quả A-la-hán.

453 Thể nhập vào bất tử - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bậc vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
Như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

454 **Thỉnh Đức Phật về thăm Phụ Vương - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312**

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

455 Thị giả - Gương trưởng lão Ananda - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói **ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình**, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. **Sau khi nghe bài thuyết pháp của Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm *thị giả* đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một *thị giả thường trực*, có Tỷ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda bị hiểu lầm là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, đem nước, đem tắm rửa, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hân hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,*

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

*1019. Với bậc tin, dễ thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

*1021. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.***

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

*1022. **Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,***

*Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

*1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

*1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

*1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,*

Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

*1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Năm giữ điều khéo nắm,*

Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ **đức kham nhẫn**,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. **Nghe nhiều, thọ trì pháp**,
Có tuệ, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. **Nghe nhiều thọ trì pháp**,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. **Ưu pháp, vui thích pháp**,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nặng chằng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân lạc**,
Từ đâu, **Sa-môn lạc**?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi**
nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiền,
Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bạc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trãi hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,

*Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1043. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1044. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1045. *Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

1046. *Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.*

1047. *Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,*

Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thế giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. *Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

456 Thịnh vượng - Kinh Samiddhi – Tiểu III, 57

Samiddhi – Tiểu III, 57 (46)

Ngài sanh ra trong đời đức Phật hiện tại, ở Rajagaha (Vương Xá) con một gia đình quý tộc. Từ khi sanh ngài, tài sản của gia đình được tăng trưởng, ngài lại đẹp trai, có giới hạnh và được đặt tên là **Samiddhi (thịnh vượng)**.

Ngài chứng kiến sức mạnh của bậc Đạo Sư khi gặp vua Bình Sa (Bimbisàra), khởi lên lòng tin, xuất gia, **tinh tấn tu thiền**.

Khi đức Phật sống ở vườn Tapoda, Samiddhi đang cảm thấy an lạc được sống hạnh Tỳ-kheo, thời **Ác-ma** hiện ra quấy phá, phát ra tiếng động như quả đất nổ tung. Ngài thưa với đức Phật và đức Phật khuyên nên bình tĩnh, vẫn kiên trì tu tập và đừng nghĩ đến vấn đề ấy nữa. Ngài vâng theo và không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Ác-ma không biết sự kiện ấy, Ác-ma lại tạo nên một tiếng động kinh khủng, nhưng ngài không có sợ hãi, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

46. Ta với lòng tin ngưỡng,

Bỏ gia đình, xuất gia,
Niệm tuệ ta tăng trưởng,
Tâm tư ta thiên **định**,
Dầu người tạo sắc gì,
Không làm ta sợ hãi.

457 Thọ - Không than van trong khi cảm xúc các loại cảm giác - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – Tiểu I, 744

Người hỏi:

915. Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?

Thế Tôn:

916. Thế Tôn đáp như sau:
Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có **nội ái** nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngỉ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

458 Thọ - Ly tham mọi cảm thọ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. **Hãy thiền tu, chiến thắng,**
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. *Ánh sáng được tạo ra,*
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hỡi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.

459 Thọ - Lạc thọ cần được xem là Khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 358

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 358 (Tik. I, 4) (It. 47)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ.

Này các Tỷ-kheo,

- **Lạc thọ** cần phải được xem như là **khổ**.
- **Khổ thọ** cần phải được xem như là **mũi tên**.
- **Bất khổ bất lạc thọ** cần phải được xem như là **vô thường**.

Vì rằng này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đã xem lạc thọ như là khổ, đã xem khổ thọ như là mũi tên, đã xem bất khổ bất lạc thọ như là vô thường, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo này gọi là **bậc Thánh đã chơn chánh thấy, đã chặt đứt ái**, đã giải tỏa kiết sử đã chơn chánh thắng tri mạn, đã đoạn tận khổ đau.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai thấy lạc là khổ,
Thấy khổ là mũi tên,
Thấy bất khổ bất lạc
Thọ ấy là vô thường,
Tỷ-kheo ấy thật sự
Đã thấy thật chơn chánh,
Chính tại ở nơi đây,
Từ đây được giải thoát.
Thành tựu được thắng trí,
Bậc ẩn sĩ an tịnh
Chắc chắn đã vượt qua
Các ách nạn trói buộc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

**460 Thọ - Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào_ - Kinh Câu
hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I,
806**

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

Con đến với câu hỏi,

Về tất cả mọi pháp,

Để hỏi bậc tu thiền,

Bậc an tọa không bụi,

Trách nhiệm đã làm xong,

Bậc không có lậu hoặc,

Đã đạt bờ bên kia,

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi này U-da-ya,

Đoạn ước muốn, dục vọng,

Và cả hai loại ưu,

Và trừ bỏ hôn trầm,

Ngăn chặn mọi hối hận.

1107. *Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.*

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ,**

Với nội và ngoại **thọ**,
Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.

461 Thọ - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phần khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

462 Thọ - Tỷ kheo nhờ diệt thọ, không ham muốn tịch tịnh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 357

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 357 (Tik. I, 3) (It. 46)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba cảm thọ** này. Thế nào là ba? Lạc thọ, khổ thọ, bất khổ bất lạc thọ. Này các Tỷ-kheo, có ba cảm thọ này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các cảm thọ,
Và hiện hữu các thọ.
Tại đây, tâm được diệt,
Con đường đưa đến diệt,
Tỷ-kheo nhờ diệt thọ,
Không ham muốn, tịch tịnh.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

463 Thọ hành - Từ bỏ thọ hành - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 229

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 229 (Ud 62)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vesàli tại Đại Lâm chỗ ngôi nhà có nóc nhọn. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm bát, đi vào Vesàli để khát thực. Khát thực ở Vesàli xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, Thế Tôn gọi Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy cầm tọa cụ, Ta sẽ đi đến điện Càpàla để nghỉ ban ngày.
- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, cầm tọa cụ và đi sau lưng Thế Tôn. Thế Tôn đi đến đền Càpàla, khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahuputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!

Này Ananda, những ai đã tu tập **Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành, nếu muốn, người ấy có thể sống đến một kiếp hay phần kiếp còn lại. Này Ananda, nay **Như Lai đã tu tập Bốn như ý túc**, làm cho sung mãn, làm thành cỗ xe, làm thành căn cứ địa, được an trú, tích lũy, khéo thực hành. Này Ananda, nếu muốn Như Lai có thể sống đến một kiếp hay phần còn lại!

Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người". Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Lần thứ hai...

Lần thứ ba Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda: "Này Ananda, khả ái thay Vesàli! Khả ái thay đền Udena! Khả ái thay đền Gotamaka! Khả ái thay đền Sattambaka! Khả ái thay đền Bahyputta! Khả ái thay đền Sàrandada! Khả ái thay đền Càpàla!... " Nhưng Tôn giả Ananda không thể nhận hiểu sự gợi ý quá rõ ràng, sự hiện tướng quá rõ ràng của Thế Tôn, không thỉnh cầu Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy ở

lại cho đến trọn kiếp! Thiện Thệ hãy ở lại cho đến trọn kiếp, vì lợi ích cho chúng sanh, vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người!" Vì tâm Tôn giả bị Ma vương ám ảnh.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, hãy đi và làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ngồi xuống một góc cây không xa bao nhiêu.

Tôn giả Ananda ra đi không bao lâu, Ác ma đi đến Thế Tôn, sau khi đến liền đứng một bên. Đứng một bên, Ác ma nói với Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ. Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói:

- Nay Ác ma, Ta sẽ chưa diệt độ, khi nào những **Tỷ-kheo** của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp, sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình; khi nào họ chưa có thể tuyên bố, diễn giảng, trình bày, xác định, khai

mở, phân tích rõ ràng Chánh pháp; khi nào có tà đạo khởi lên, họ chưa có thể, sau khi chất vấn, khéo hàng phục một cách đúng pháp, chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những Tỷ-kheo, đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín, an ổn khỏi các khổ ách, nghe nhiều, trì pháp, thực hành Chánh pháp và tùy pháp, sống chánh hạnh, sống tùy pháp; sau khi học hỏi giáo lý từ Thầy của mình, họ tuyên bố diễn giảng trình bày, xác định, khai mở, phân tích và giải thích rõ ràng Chánh pháp. Khi có tà đạo khởi lên, sau khi chất vấn, họ khéo hàng phục một cách đúng pháp, thuyết pháp thần diệu. Bạch Thế Tôn, nay Thế Tôn hãy diệt độ; Thiện Thệ hãy diệt độ. Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào những Tỷ-kheo ni của Ta... Những nam cư sĩ của Ta... Những nữ cư sĩ của Ta chưa trở thành những đệ tử có tài năng... chưa có thể thuyết pháp thần diệu.

- Bạch Thế Tôn, nay có những **Tỷ-kheo ni...** Những **nam cư sĩ...** Những **nữ cư sĩ** đệ tử của Thế Tôn có tài năng, được huấn luyện, đạt được tự tín... có thể thuyết pháp thần diệu. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ, Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn, nay

đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Bạch Thế Tôn, đây là lời Thế Tôn đã nói.

- Nay Ác ma, Ta sẽ không diệt độ khi nào Phạm hạnh Ta giảng dạy chưa được thành tựu, thành đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa là được khéo giảng dạy, cho chư Thiên và loài Người.

- Bạch Thế Tôn, nay Phạm hạnh Thế Tôn giảng dạy đã được thành tựu, thịnh đạt, phổ biến, quảng bá, biến mãn, nghĩa được khéo giảng dạy cho chư Thiên và loài Người. Như vậy, nay Thế Tôn hãy diệt độ! Thiện Thệ hãy diệt độ! Bạch Thế Tôn! Nay đã đến thời Thế Tôn diệt độ! Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Ác ma:

- Nay Ác ma, hãy yên tâm, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Sau ba tháng bắt đầu từ hôm nay, Như Lai sẽ diệt độ.

Và tại đền Càpàla, Thế Tôn chánh niệm tỉnh giác, từ bỏ thọ hành, không duy trì mạng sống lâu hơn nữa. Khi Thế Tôn từ bỏ thọ hành, thời đại địa chấn động, ghê rợn, lông tóc dựng ngược, sấm trời vang dậy.

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

1. *Bạc ản sĩ từ bỏ,
Các hành động sanh hữu,
Sanh hữu có cân lượng,*

*Sanh hữu không cân lượng,
Ưu thích hướng nội tâm,
Thật định tĩnh an tịnh,
Phá đồ ngã sanh hữu,
Như cởi thoát áo giáp.*

464 Thọ mạng ít thay là Mẹ của Bồ-tát- Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 202 (Ud 48)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, chỗ khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất".

- Chính là như vậy, này Ananda! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! Thọ mạng ít thay là các bà mẹ của các Bồ Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bồ-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

2. *Tất cả hữu tình nào,
Sẽ có mặt ở đời,
Tất cả chúng sẽ đi,
Sau khi bỏ sắc thân.*

*Hiểu tất cả là vậy,
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

465 Thọ sanh - Không còn có rơi rớt Vào sanh hữu thọ sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 253 (Ud 74)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Lakumthakabbaddiya. Do Tôn giả Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả Lakumthakabbaddiya được giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabbaddiya, do Tôn giả Sàriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. *Trên dưới khắp tất cả,
Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán*

*"Cái này chính là tôi".
Giải thoát vậy vượt dòng,
Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt
Vào sanh hữu thọ sanh.*

466 Thọ sanh - Vượt khỏi bốn ách nạn, Không đi đến thọ sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu 247* (Ud 71)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn Giả Subhùti ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tầm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Subhùti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tầm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng***:

*7. Với ai, tâm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn
Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,
Không đi đến thọ sanh.*

467 Thọ tướng thuần túy - Kinh Màlunkyaputta – Tiểu III, 392

Màlunkyaputta – Tiểu III, 392 (252)

Đời sống của ngài được ghi trong chương VI (CCXIV) khi bậc Trưởng lão đã chứng quả A-la-hán, nói lên bài kệ để dạy cho các bà con về con đường.

Nhưng trong những bài kệ này, bậc Trưởng lão chưa chứng quả A-la-hán, hỏi Thế Tôn về giáo lý vắn tắt, và được Thế Tôn trả lời:

- *Này Màlunkyaputta, ông nghĩ thế nào? **Những pháp mà ông chưa bao giờ thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm xúc, và nhận thức**, hiện tại ông không có lãnh thọ và đối với chúng, ông cũng không muốn có cảm thọ và suy tưởng, vậy ông có ước muốn, tha thiết được chúng hay không?"*

- *Thưa không, bạch Thế Tôn.*

- *Ở đây, này Màlunkyaputta, **khi ông không có cảm thọ, cảm tưởng chúng, ông chỉ có thọ và tưởng thuần túy.** Nếu là như vậy, thời ông không có tham, sân, si. Do vậy, ở đây hay tại chỗ nào, hay đời sau chính như vậy, như vậy là sự chấm dứt đau khổ.*

Rồi Mālunkya-putta, nêu rõ ngài đã thâm nhận giáo lý được giảng dạy này, ngài nói lên trong những bài kệ như sau:

794. Thấy **sắc**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm **tham** đắm cảm **thọ**,
Tâm nhập và an trú.

795. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do sắc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

796. Nghe **tiếng**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

797. **Thọ** người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do tiếng sanh,
Tham, **hại tâm** lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa vời Niết-bàn.

798. *Ngửi hương, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

799. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do hương sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó.
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

800. *Ném vị, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

801. *Thọ người ấy tăng trưởng,*
Nhiều loại do vị sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

802. *Cảm xúc, niệm say mê,*
Nếu tác ý ái tưởng,

*Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.*

803. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại, do xúc sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

804. **Biết pháp**, niệm say mê,
Nếu tác ý ái tưởng,
Tâm tham đắm cảm thọ,
Xâm nhập và an trú.

805. Thọ người ấy tăng trưởng,
Nhiều loại do ý sanh,
Tham, hại tâm lớn mạnh,
Chúng gia hại tâm nó,
Khổ chất chứa như vậy,
Rất xa rời Niết-bàn.

806. **Không tham nhiễm các sắc,**
Thấy sắc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

807. *Thấy sắc như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn,*

808. *Không tham nhiễm các **tiếng**,
Nghe tiếng, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

809. *Nghe tiếng như thế nào,
Như vậy có cảm thọ,
Tìr bỏ không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi gần Niết-bàn.*

810. *Không tham nhiễm các **hương**,
Ngửi hương, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập an trú.*

811. *Ngửi hương như thế nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Tìr bỏ, không tích lũy,*

Chánh niệm, hành trì vậy,
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

812. **Không tham nhiễm** các **vị**,
Ném vị, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

813. *Ném vị như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

814. **Không tham nhiễm** các **xúc**,
Cảm xúc, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

815. *Cảm xúc như thế* nào,
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

816. *Không tham nhiễm* các **pháp**,
Biết pháp, giữ chánh niệm,
Tâm không tham cảm thọ,
Không xâm nhập, an trú.

817. **Cảm xúc như thế nào,**
Như vậy, có cảm thọ,
Từ bỏ, không tích lũy,
Chánh niệm, hành trì vậy.
Như vậy, không chứa khổ,
Được gọi, gần Niết-bàn.

Rồi vị Trưởng lão đứng dậy, đánh lễ bậc Đạo Sư, rồi
ra đi không bao lâu sau đó, **phát triển thiền quán**,
ngài chứng quả A-la-hán.

468 Thôi đoạ - 3 pháp thôi đoạ cho vị hữu học - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 393

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 393 (Tik. III, 10) (It. 71)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba pháp này đưa đến tổn giảm** cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học:

- Ưa thích **công việc**, thích thú công việc, đam mê ưa thích công việc;
- Ưa thích **nói chuyện**, thích thú nói chuyện, đam mê ưa thích nói chuyện;
- Ưa thích **nằm ngủ**, thích thú nằm ngủ, đam mê ưa thích nằm ngủ.

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến sự tổn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Này các Tỷ-kheo, có **ba pháp này không đưa đến tổn giảm** cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học:

- *Không ưa thích công việc, không thích thú công việc, không đam mê ưa thích công việc;*
- *Không ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không đam mê ưa thích nói chuyện;*
- *Không ưa thích nằm ngủ, không thích thú nằm ngủ, không đam mê ưa thích nằm ngủ.*

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tôn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Tỷ-kheo thích công việc,
Thích thú trong nói chuyện,
Và ưa thích nằm ngủ,
Sống dao động trạo cử,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không thể nào chứng ngộ,
Chứng Bồ-đề tối thượng.*

*Do vậy, đổi vị ấy,
Cần phải ít công việc,
Phải ít sự nằm ngủ,
Không được có tháo động,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Mới có thể chứng được,
Chứng tối thượng Bồ-đề.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

469 Thối đoạ - Thối đoạ khỏi Thánh trí tuệ là khéo thối đoạ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 340

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 340 (Duk.
II, 4) (It. 35)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào bị thối đoạ khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy là khéo thối đoạ. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong đau khổ, với tàn hại, với ưu não, với nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Này các Tỷ-kheo, những chúng sanh nào không bị thối đoạ khỏi Thánh trí tuệ, những chúng sanh ấy không có thối đoạ. Ngay trong hiện tại, họ an trú trong an lạc, không có tàn hại, không có ưu não, không có nhiệt não. Sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Thối đoạ khỏi trí tuệ,
Hãy nhìn xem, thế giới*

Với hàng ngũ chư Thiên,
An trú trong **danh sắc**,
Nghĩ rằng: "Đây sự thật"
Nhưng thù thắng ở đời,
Lại chính là trí tuệ,
Chính tuệ dắt dẫn đến
Thể nhập được Niết-bàn,
Và chơn chánh quán tri,
Sự hoại diệt sanh hữu,
Chư Thiên và loài Người,
Hoan hỷ được chiêm ngưỡng,
Chư Phật Chánh Đẳng Giác,
Những bậc giữ chánh niệm,
Đầy đủ với trí tuệ,
Mang thân này cuối cùng.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

470 Thờ lửa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 125 (Ud 6)*

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Gayà, tại Gayasisa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.*

471 Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275 (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lửa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài.** Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

472 Thờ lửa - Từ bỏ thờ lửa, theo chánh pháp, chứng Ba minh - Kinh Anganika Bhàradvāja – Tiểu III, 189

Anganika Bhàradvāja – *Tiểu III*, 189 (170)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh gần núi Hy-mã-lạp-sơn, trong thành phố Ukkattha, trong gia đình một Bà-la-môn phú cường và được đặt tên là *Anganika Bhàradvāja*. Khi ngài được học xong giáo điển và nghệ thuật Vệ-đà, ngài hướng về giải thoát.

Trong khi bộ hành chỗ này chỗ khác, ngài gặp bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đang du hành ở vùng quê, và với tâm tư tín thành, ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng. **Từ bỏ tà khổ hạnh**, ngài **xuất gia**, tu tập **thiền quán**, và sau một thời gian chứng được **sáu thắng trí**.

Sau khi sống tận hưởng vị ngọt giải thoát, ngài với lòng thương đối với bà con, đến thăm và dạy họ về quy y và giới luật. Rồi từ giã các bà con, ngài sống trong một ngôi rừng gần làng Kundiya của dân tộc Kuru. Khi có việc đi đến Uggàyàman, một số Bà-la-môn quen biết đến hỏi: **"Thưa Tôn giả Bhàradvāja, do ngài thấy gì mà ngài từ bỏ giáo hội Bà-la-môn,**

và chấp nhận giáo hội này?" Ngài nêu rõ, ngoài giáo hội đức Phật, không có giới thanh tịnh, ngài nói:

219. Trong rừng ta thờ lửa,
Truyền thống không chơn chánh,
Không biết đường thanh tịnh,
Theo khổ hạnh bất tử.

220. Với lạc, ta được lạc,
Hãy xem pháp, tùy pháp,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.

221. Trước bà con Phạm chí,
Nay ta chính Phạm chí,
Ba minh, ta quán đảnh,
An ổn ta đạt được,
Thông hiểu đúng Chánh pháp,
Thuần thực lời Phật dạy.

Khi các Bà-la-môn ấy nghe ngài nói, các vị ấy chấp nhận và từ bỏ rất là phần khởi.

473 Thời gian - 3 thời - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 368

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 368 (Tip.
II, 4) (It. 53)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba thời gian** này. Thế nào là ba? Thời gian **quá khứ**, thời gian **tương lai**, thời gian **hiện tại**. Này các Tỷ-kheo, có ba thời gian này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Chúng sanh cần tưởng đến,
Những gì được tuyên bố,
An trú thật vững vàng,
Trên điều được tuyên bố,
Nếu không có liễu tri,
Điều đáng được tuyên bố,
Họ đi đến ách nạn,
Dưới ách của thân chết.*

*Nếu đã liễu tri được,
Điều đáng được tuyên bố,
Vị ấy không nghĩ đến,
Điều đã được nói lên,*

*Chính nhờ có tâm ý,
Giải thoát được cảm giác,
Về con đường an tịnh,
Vô thượng không gì hơn.*

*Ai thật được đầy đủ,
Về điều đáng tuyên bố,
Tự mình được an tịnh,
Ưa thích đường an tịnh,
Sống bình tĩnh tinh tấn.
An trú trên chánh pháp,
Vị ấy vượt tên gọi,
Thành đạt được trí tuệ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

474 Thời tiết dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

475 Thời Đức Phật Konàgamana - Cúng tịnh xá - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantàvatì con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vàranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tịnh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong định Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ưa tái sanh,
Vội thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Nga quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.

Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, tình vẫn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví guơm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như guơm, như cọc,
Bệnh tật và cục bứu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Với tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chắp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

476 Thọ cung tên làm cây tên ngay thẳng - Kinh Hàrita – Tiểu III, 38

Hàrita – Tiểu III, 38 (29)

Sanh ra trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn giàu có. **Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp** hoàn toàn xứng đôi vừa lứa, và ngài sống sung sướng bên người vợ của ngài.

Một hôm, ngài đang ngắm nhìn sắc đẹp của vợ mình, do nghiệp nhân đời trước, ngài được nhắc lại là sắc đẹp ấy cũng vô thường. Vài ngày sau, vợ ngài bị con rắn đen cắn và bị chết.

Bị đau khổ bởi cái chết này, ngài đi yết kiến đức Phật, được nghe pháp và xuất gia. Nhưng khi ngài tu về **giới**, ngài không giữ được tâm cho chánh trực. Khi đi khát thực, ngài thấy một người làm tên, dùng dụng cụ làm cho cây tên được ngay thẳng, ngài suy nghĩ: *"Những người này còn làm cho một cây tên ngay thẳng".*

Ngài quay về, ngồi nghỉ trưa, **phát triển thiền quán.** **Và ngài thấy đức Phật hiện ra trước mặt ngài**, ngồi trên hư không, và dạy ngài với bài kệ này:

29. *Thầy hãy làm tự ngã,*

*Được thấm nhuần hương thượng,
Như người thợ cung tên,
Làm cây tên ngay thẳng,
Hãy làm tâm ngay thẳng,
Hỡi này Ha-ri-ta!
Hãy chặt đứt vô minh.*

Nghe Thế Tôn dạy, ngài **phát triển thiền quán**, và không bao lâu trở thành vị A-la-hán. Ngài liền nói lên bài kệ này như lời tuyên bố chánh trí của ngài.

477 Thọ gồm xuất gia chứng quả - Kinh Dhaniya – Tiểu III, 194

Dhaniya – Tiểu III, 194 (173)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá) trong một gia đình **thọ làm đồ gồm**, được đặt tên là *Dhaniya*, và tiếp tục làm nghề của ông cha.

Chính trong nhà của ngài, bậc Đạo Sư giảng cho **Pakkusati kinh Dhātuvibhaṅgasutta**. Dhaniya nghe tin Pukkāsati (đã thành bậc A-la-hán) mệnh chung đêm ấy. Ngài nghĩ: "**Lời Phật dạy thật là sức mạnh lãnh đạo, chỉ có một đêm đã đủ giải thoát một người khỏi sự đau khổ tái sanh**". Rồi ngài xuất gia. Tuy vậy ngài vẫn tiếp tục nghề làm ngói lợp nhà. Bị đức Phật quở vì đã là am tranh bằng gạch, ngài quyết định sống giữa các Tỷ-kheo, và tại đây chứng quả A-la-hán.

Về sau, nhân dịp giáo giới các Tỷ-kheo tu tập khổ hạnh và xem hạnh mình cao hơn các người khác, ngài tuyên bố chánh trí ngài như sau:

*228. Nếu muốn mong đợi lạc,
Trong đời sống Sa-môn,*

*Chớ khinh y chúng Tăng,
Chớ khinh Tăng ẩm thực.
Nếu muốn mong đợi lạc
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy sử dụng trú xứ,
Như rắn và như chuột.*

229. *Nếu muốn mong đợi lạc,
Trong đời sống Sa-môn,
Hãy biết tự bằng lòng,
Với bất cứ việc gì,
Và hãy cương quyết tu,
Tu tập **hạnh nhất pháp**.*

478 Thợ rèn Cunda - Cúng đường Đức Phật bữa ăn cuối cùng - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 268

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 268 (Ud 84)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành đi giữa dân chúng Mallà, cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và đã **đến Pàvā. Rồi Thế Tôn trú ở Pàvā, tại rừng xoài của thợ rèn Cunda**. Thợ rèn Cunda được nghe: "Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Mallà, đã đến Pàvā cùng với đại chúng Tỷ-kheo, và trú ở Pàvā, trong rừng xoài của ta". Thợ rèn Cunda đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp thoại cho thợ rèn Cunda đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Thợ rèn Cunda sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, liền bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời mời của con ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Thợ rèn Cunda, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Thợ rèn Cunda, sau khi đêm đã mãn, liền cho sửa soạn tại nhà của mình các món ăn thượng vị, loại cứng, loại mềm và nhiều thứ mộc nhĩ và báo tin cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, giờ đã đến, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn buổi sáng đắp y, mang theo y bát, cùng với chúng Tỷ-kheo đến nhà thợ rèn Cunda, khi đến liền ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Sau khi ngồi, Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, loại mộc nhĩ đã soạn sẵn, hãy dọn cho Ta. Còn các món ăn khác đã soạn sẵn, loại cứng và loại mềm, hãy dọn cho chúng Tỷ-kheo.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng lời Thế Tôn, dọn cho Thế Tôn các món mộc nhĩ đã soạn sẵn, và dọn cho chúng Tỷ-kheo các món ăn khác, loại cứng và loại mềm. Rồi Thế Tôn nói với thợ rèn Cunda:

- Nay Cunda, món ăn mộc nhĩ còn lại, hãy đem chôn. Này Cunda, Ta không thấy một ai, ở cõi trời, cõi Người, ở Ma giới, ở Phạm thiên giới, không một người nào trong chúng Sa-môn và chúng Bà-la-môn, giữa những Thiên nhân, ăn món mộc nhĩ này mà có thể tiêu hóa được, trừ Như Lai.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thợ rèn Cunda vâng đáp Thế Tôn, đem chôn món ăn mộc nhĩ còn lại vào một lỗ, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho thợ rèn Cunda đang ngồi xuống một bên, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ rồi từ chỗ đứng dậy và ra đi.

Sau khi dùng cơm của thợ rèn Cunda. Thế Tôn **bi** **nihiễm bệnh nặng, bệnh ly huyết, đau đớn gần như đến chết**, và Thế Tôn **chánh niệm tỉnh giác, nhẫn nại chịu đựng cơn bệnh.**

Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, chúng ta hãy đi đến Kusinàra. Xin vâng, bạch Thế Tôn, Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn:

*2. Dùng cơm Cunda xong,
Như vậy tôi được nghe,
Bậc trí cảm bệnh nặng,
Bạo bệnh, gần như chết,
Khi ăn loại mộc nhĩ
Đạo Sư bị bệnh nặng,
Khi bệnh được lắng dịu,
Thế Tôn nói như sau:
"Ta nay sẽ đi đến,
Đến Kusinàra".*

Rồi Thế Tôn bước xuống đường, đến một góc cây và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy xếp tư áo Sanghàti. Ta cảm thấy mệt mỏi và muốn ngồi nghỉ, này Ananda.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn và xếp áo Sanghàti lại. Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước cho Ta. Này Ananda. Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Khi được nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

Lần thứ hai, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, vừa mới có khoảng năm trăm cỗ xe chạy qua. Do bánh xe khuấy lên, nước trở thành nông cạn, khuấy động và vẫn đục. Bạch Thế Tôn, sông

Kakutthà không xa ở đây, nước thuần tịnh, dễ chịu, mát mẻ, trong sáng, dễ đến và khả ái. Tại đó, Thế Tôn có thể uống nước và làm mát dịu chân tay.

Lần thứ ba, Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Này Ananda, hãy đem nước uống cho Ta. Này Ananda, Ta nay đang khát và muốn uống nước.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn, lấy bát và đi đến con sông nhỏ. Con sông đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục, khi Tôn giả Ananda đến, liền chảy trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục.

Tôn giả Ananda tự nghĩ: "Thật kỳ diệu thay! Thật hi hữu thay! Thần lực và uy lực của Như Lai. Con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi ta đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục". Sau khi dùng bát lấy nước, Ananda đến chỗ Thế Tôn và bạch với Ngài:

- Bạch Thế Tôn, thật là kỳ diệu! Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu! Bạch Thế Tôn, con sông nhỏ đang chảy nông cạn, khuấy động và vẩn đục này, khi con đến, liền trở thành trong trẻo, sáng lạng và không vẩn đục. Xin thỉnh Thế Tôn dùng nước, xin thỉnh Thiện Thệ dùng nước và Thế Tôn uống nước.

Rồi Thế Tôn cùng với đại chúng Tỷ-kheo đi đến con sông Kakutthà, xuống sông tắm và uống nước, rồi lội

qua bờ bên kia, đi đến rừng xoài và tại đây, nói với Tôn giả Cundaka:

- Nay Cundaka, hãy xếp áo Sanghati làm bốn cho Ta, nay Cundaka, Ta nay mệt mỏi, muốn nằm nghỉ.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Cundaka vâng lời Thế Tôn và xếp áo Sanghati làm bốn. Rồi Thế Tôn nằm xuống phía hông bên mặt như dáng điệu con sư tử, hai chân để trên nhau, chánh niệm, tỉnh giác, tác ý đến tướng ngồi đây, Tôn giả Cundaka ngồi phía trước Thế Tôn.

3. Đức Phật tự đi đến,
Con sông Kakutthà,
Con sông chảy trong sáng,
Mát lạnh và thanh tịnh,
Vị Đạo Sư mỗi mệt,
Đi dần xuống mé sông,
Như Lai đáng vô thượng
Ngự trị ở trên đời.
Tắm xong uống nước xong,
Lội qua bên kia sông,
Bậc Đạo sư đi trước,
Giữa Tăng chúng Tỷ-kheo,
Vừa đi vừa diễn giảng,
Chánh pháp thật vi diệu,
Rồi **bậc Đại Sĩ** đến,
Tại khu vực rừng xoài,

Cho gọi vị Tỷ-kheo,
Tên họ Cundaka;
"Hãy gấp tư áo lại,
Trải áo cho Ta nằm"
Nghe dạy, Cundaka,
Lập tức vâng lời dạy,
Gấp tư và trải áo,
Một cách thật mau lẹ,
Bạc Đạo Sư nằm xuống,
Thân mình thật mệt mỏi.
Tại đây Cundaka,
Ngồi ngay ngắn trước mặt.

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Ananda:

- Nay Ananda, **rất có thể có người làm cho thợ rèn Cunda hối hận**: "Này Hiền giả Cunda, thật không lợi ích gì cho Ông, thật là tai hại cho Ông, vì Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ Ông cúng dường, và nhập diệt". Nay Ananda, **cần phải làm tiêu tan sự hối hận ấy của thợ rèn** Cunda: "Này Hiền giả, thật lợi ích cho bạn, thật là công đức cho bạn, vì được Như Lai dùng bữa ăn cuối cùng từ bạn cúng dường, và nhập diệt. Nay Hiền giả Cunda, tôi tự thân nghe, tôi tự thân lãnh thọ lời nói này của Thế Tôn: **"Có hai sự cúng dường ăn uống đồng một quả báo**, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác. Thế nào là hai?"

- **Một** là, bữa ăn trước khi Như Lai chứng Vô thượng Chánh Đẳng Giác.
- **Hai** là, bữa ăn trước khi Như Lai diệt độ Niết-bàn giới, không còn di hưởng sanh tử".

Hai bữa ăn này đồng một quả báo, đồng một dị thực quả, quả báo lớn hơn, lợi ích hơn các sự cúng dường ăn uống khác.

- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng tuổi thọ;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng sắc đẹp;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng an lạc;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng danh tiếng;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng cõi Trời;
- Nhờ hành động này, Tôn giả Cunda sẽ được hưởng uy quyền".

Này Ananda, cần phải làm cho thợ rèn tiêu tan hồi hận.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu ý nghĩa này, liền thốt **lời cảm khái** như sau:

4. *Công đức người bố thí,
Luôn luôn được tăng trưởng,*

*Trừ được tâm hận thù,
Không chất chứa chế ngự,
Kẻ chí thiện từ bỏ,
Mọi ác hạnh bất thiện,
Diệt trừ tham, sân, si.
Tâm giải thoát thanh tịnh.*

479 Thụ động - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn,**
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,
Bậc trí** khéo quán sát,
**Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.***

**480 Thức - Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào_ - Kinh Câu
hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I,
806**

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. *Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.*

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ,**

Với nội và ngoại **thọ**,
Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.

481 Thức - Thân bị huỷ hoại, Thức bị lụn tàn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 390

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 390 (Tik. III, 8) (It. 69)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, **thân này bị huỷ hoại, thức bị lụn tàn, tất cả sanh y là vô thường, khổ, chịu sự biến hoại.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, ý nghĩa này được nói đến.

Biết **thân** bị huỷ hoại,
Còn **thức** bị lụn tàn,
Thấy sợ trong sanh y,
Hiểu được sanh và chết.
Sau khi chứng đạt được,
Sự an tịnh tối thượng,
Tự ngã được tu tập,
Chỉ còn đợi thời gian.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

**482 Thức - Thức diệt - Người sở hành
chánh niệm, Thức được diệt thế nào_
- Kinh Câu hỏi của thanh niên 13
Udaya - Tiểu I, 806**

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I, 806*

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiền,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-da-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. *Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.*

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ,**

Với nội và ngoại **thọ**,
Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.

483 Thức ăn - Cách quán từ bỏ việc ăn ngon - Kinh Paripunnaka – Tiểu III, 99

Paripunnaka – Tiểu III, 99 (91)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Kapilavatthu trong gia đình dòng họ Thích-ca. **Vì khả năng và tài sản của ngài được viên mãn.** Ngài được biết với tên là *Paripumaka* (viên mãn).

Ngài có đủ điều kiện để luôn luôn thưởng thức các vị ăn ngon. Nhưng khi ngài được nghe bậc Đạo Sư dùng các đồ ăn khát thực, ngài nghĩ: "*Thế Tôn được nuôi dưỡng rất được nuông chiều, nhưng nay Ngài lại dùng các đồ ăn như vậy để hưởng Niết-bàn an lạc. Vậy sao ta lại ham muốn đồ ăn ngon?*"

Bị dao động, ngài từ bỏ gia đình, xuất gia, lấy **đề tài tu tập về thân** từ nơi bậc Đạo Sư, cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên bài kệ này:

*91. Dầu có hưởng món ăn,
Như cam lồ trăm vị,
Nhưng không thể sánh bằng,
Món ta ăn hôm nay.
Đây là Pháp vi diệu,*

*Được Phật Go-ta-ma,
Bậc tri kiến vô lượng,
Đã thuyết giảng cho ta.*

484 Thức ăn - Mọi loài hữu tình đều tồn tại nhờ thức ăn - Kinh Nam Tử Hối Đạo - Tiểu I, 11

Nam Tử Hối Đạo – Tiểu I, 11 (Kumàrapanha)

Thế nào là một? - Mọi loài hữu tình đều tồn tại nhờ thức ăn.^{[L][SEP]}

Thế nào là hai? - Danh và sắc.^{[L][SEP]}

Thế nào là ba? - Ba loại cảm thọ.^{[L][SEP]}

Thế nào là bốn? - Bốn Thánh đế.^{[L][SEP]}

Thế nào là năm? - Năm thủ uẩn.^{[L][SEP]}

Thế nào là sáu? - Sáu nội xứ.^{[L][SEP]}

Thế nào là bảy? - Bảy giác chi.^{[L][SEP]}

Thế nào là tám? - Thánh đạo tám ngành.^{[L][SEP]}

Thế nào là chín? - Chín nơi cư trú của các loài hữu tình.^{[L][SEP]}

Thế nào là mười? - Vị nào có đủ mười đức tánh được gọi là vị A-la-hán.

485 Thức đạt được mục đích - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 288

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 288 (Ud 92)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Dabha Mallaputta bạch Thế Tôn:

- Nay đã đến thời, con nhập Niết Bàn, bạch Thiện Thệ.

- Nay Dabba, Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!

Rồi Tôn giả Dabha Mallaputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn.

Khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết-già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết Bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Ví như bơ hay dầu được cháy, được đốt, không còn có than hay có tro có thể thấy được. Cũng vậy, khi Tôn giả Dabha Mallaputta bay lên hư không, ngồi kiết già giữa hư không, nhập định hỏa giới, xuất khỏi định và nhập Niết-bàn, thân của Tôn giả được cháy sạch, đốt sạch, không còn có than hay có tro có thể thấy được.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

9. **Thân bị hoại, tướng diệt,**
Mọi thọ được nguội lạnh,
Các hành được lắng dịu,
Thức đạt được mục đích.

486 Thức đối với ngoại trần không tán loạn... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 424 (Tik. V, 5) (It. 93)

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, **thức** của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tản rộng, tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh già, chết, trong tương lai.

*Tỷ-kheo đã đoạn tận,
Cả bảy loại trói buộc,
Đã chấm dứt sợi dây,
Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận chặn đứng,
Vị ấy không tái sanh.*

487 Thực hành pháp, tùy pháp - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 408 (Tik.
IV, 7) (It, 81)

Với vị Tỷ-kheo hành trì tùy pháp đúng pháp, đây là cách thức đúng đắn để giải thoát những chũr: "*Thực hành tùy pháp đúng pháp*". Khi vị ấy **nói** vị ấy nói đúng pháp không phải phi pháp; khi vị ấy **suy tư**, vị ấy suy tư với suy tư đúng pháp, không phải suy tư phi pháp. Do từ bỏ hai điều ấy, vị ấy trú **xả**, chánh niệm tỉnh giác.

*Thích pháp, hân hoan pháp,
Suy tư trên Chánh pháp,
Tỷ-kheo tùy niệm pháp,
Chánh pháp không tổn giảm,
Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hoặc khi nằm,
Nội tâm được chế ngự,
Vị ấy đạt an tịnh.*

488 Tinh cần giữa phóng dật, Tỉnh thức giữa quần mê - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 36

Phẩm Không Phóng Dật – *Tiểu I*, 36

21. "**Không phóng dật**, đường sống,
Phóng dật là đường chết."

Không phóng dật, không chết,
Phóng dật như chết rồi."

22. "Biết rõ sai biệt ấy,
Người trí không phóng dật,
Hoan hỷ, không phóng dật,
An vui **hạnh bậc Thánh**."

23. "Người hăng tu thiền định,
Thường kiên trì tinh tấn,
Bậc trí hưởng Niết Bàn,
Ách an tịnh vô thượng."

24. "Nỗ lực, giữ chánh niệm,
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều, sống theo pháp,
Ai sống không phóng dật,
Tiếng lành ngày tăng trưởng."

25. "Nỗ lực, không phóng dật,
Tự điều, khéo chế ngự.
Bậc trí xây hòn đảo,
Nước lụt khó ngập tràn."

26. "Họ ngu si thiếu trí,
Chuyên sống đời phóng dật.
Người trí, không phóng dật,
Như giữ tài sản quý."

27. "Chớ sống đời phóng dật,
Chớ mê say dục lạc.
Không phóng dật, thiên định,
Đạt được an lạc lớn."

28. "Người trí dẹp phóng dật,
Vội hạnh không phóng dật,
Leo lên cao trí tuệ,
Không sầu, nhìn khổ sầu,
Bậc trí đứng núi cao,
Nhìn kẻ ngu, đất bằng."

29. "**Tĩnh cần** giữa phóng dật,
Tĩnh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn."

30. "Đế Thích không phóng dật,
Đạt ngôi vị Thiên chủ.
Không phóng dật, được khen;
Phóng dật, thường bị trách."

31. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Bước tới như lửa hừng,
Thiêu kết sử lớn nhỏ."

32. "Vui thích không phóng dật,
Tỷ kheo sợ phóng dật,
Không thể bị thôi đoạ,
Nhất định gần Niết Bàn."

489 Tinh tấn - Không có nhiệt tình, không thể chứng ngộ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 330 (Duk. I,7) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi, có thể chứng được giác ngộ, có thể chứng được Niết-bàn, có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người không có nhiệt tình,
Không có biết sợ hãi,
Biếng nhác, không tinh cần,
Nhiều hôn trầm thụy miên,
Không biết đến xấu hổ,*

*Không có lòng tôn kính,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không có thể đạt tới,
Tới thượng Chánh-Đẳng-Giác.*

*Ai giữ được chánh niệm,
Thông minh, tu thiền định,
Nhiệt tình, biết sợ hãi,
Và không có phóng dật,
Sau khi chặt đứt được
Kiết sử sanh và già,
Ở đây có thể đạt,
Chánh Đẳng Giác vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

490 Tinh tấn - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 304

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 304 (Ek II. 6) (It. 9)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành nội chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **Như lý tác ý**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo như lý tác ý, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

Vị Tỷ kheo hữu học,
Hành **như lý tác ý**,
Không một pháp nào khác,
Nhiều lợi ích như vậy.
Để đạt cho bằng được,

Lợi ích thật tối thượng.

*Vị Tử khéo như lý,
Tinh tấn và tinh cần,
Có thể thành đạt được,
Sự đoạn diệt khổ đau.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

491 Tinh tấn - Làm sao từ bỏ bất thiện, tu tập thiện_ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 305

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 305 (Ek II. 7) (It. 10)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, với vị Tỷ-kheo hữu học, tâm chưa thành tựu, đang sống cần cầu vô thượng an ổn khỏi các triền ách, sau khi làm thành ngoại chi phần, Ta không thấy một chi phần nào khác, được nhiều lợi ích như vậy, này các Tỷ-kheo, tức là **làm bạn với thiện**.*
- *Này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo làm bạn với thiện, từ bỏ bất thiện, tu tập thiện.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Tỷ-kheo làm bạn thiện,
Tôn kính và kính trọng,
Làm theo những lời nói,
Của bạn bè thân hữu,
Tỉnh giác và chánh niệm,*

*Vị ấy sẽ tuân tữ,
Đạt được sự hoại diệt,
Tất cả mọi kiết sử.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

492 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con bò bị ngã - Kinh Ramaniya Vihàrim – Tiểu III, 56

Ramaniya Vihàrim – *Tiểu III*, 56 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một công dân có tên tuổi và sống đời sống **tuổi trẻ trác táng**.

Một hôm, ngài thấy các quân lính nhà vua bắt một người thông dân, **ngài sanh tâm dao động, nghe lời Phật dạy và xuất gia**.

Là Tỷ-kheo, ngài **vẫn còn những ái dục về thân**, ngài sắp đặt phòng ngài thật đầy đủ bàn ghế, đầy đủ đồ ăn, đồ uống, đồ nằm và sống như vậy. Do vậy, ngài được tên là Ramaniyavìhàrim (người sống trong lạc dục).

Nhưng đời sống cũ của ngài làm ngài khó sống đời sống Tỷ-kheo, ngài cảm thấy **không** xứng đáng để nhận đồ cúng dường, ngài bỏ đi, bộ hành **lang thang đó đây**.

Trên đường đi, khi ngồi nghỉ dưới gốc cây, ngài thấy các xe bò đi ngang qua, một **con bò** vì mệt mỏi nên vấp ngã, người đánh xe cỡi dây cho con bò, cho nó

rom và nước, và làm cho nó đỡ mệt, xong lại cột con bò vào xe và bắt nó kéo xe đi. Ngài suy nghĩ: "**Con bò này đã vấp ngã nhưng đã đứng dậy và kéo đi gánh nặng của mình. Vậy ta phải tỉnh táo, sau khi rơi vào rình nhục dục, cần phải đứng dậy và làm tròn bổn phận của người tu hành**".

Rồi ngài trở về, kể lại câu chuyện cho Trưởng lão Upàli và được Upàli chấp nhận cho sám hối các lỗi lầm, và giúp ngài trở lại nếp sống chơn chánh. Không bao lâu, ngài chứng quả A-la-hán. Về sau, hưởng thọ an lạc giải thoát, ngài nói lên sai lầm của ngài, và sự trở lui lại nếp sống chơn chánh trong bài kệ này:

45. *Như con thú hiền thiện,
Giống tốt, huấn luyện khéo,
Sau khi đã vấp ngã,
Lại đứng lên, an trú,
Ta đầy đủ chánh kiến,
Đệ tử bậc Chánh giác.*

493 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ con nai mẹ - Kinh Langha Rakkhita – Tiểu III, 115

Langha Rakkhita – Tiểu III, 115 (109)

Trong thời đức Phật tại thế, sanh trong một gia đình giàu có ở Sàvatthi. Ngài tìm được lòng tin, xuất gia, lấy một đề tài để thiền quán, và cùng với một Tỷ-kheo sống trong rừng.

Không xa chỗ ngài ở, có **con nai mẹ** nuôi con nai con trong một đám cây rậm rạp, vì thương con, con nai mẹ không đi xa được, nên phải đói khát, không đủ cỏ, nước gần đó. Thấy vậy, ngài nói: "*Thật vậy, thế giới này bị ái triển trối buộc, sống trong đau khổ, không thể chặt đứt được!*". Với cảm thọ ấy để khích lệ, ngài **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Thấy bạn mình nuôi dưỡng nhiều tư tưởng sai lầm, ngài giáo giới bạn mình với bài kệ như sau:

*109. Dầu có sống cô độc,
Với lòng thương từ mẫn,
Của bậc đã lo nghĩ,
Đến hạnh phúc tối thượng,
Vị này vẫn không nghĩ,*

*Đến lời dạy Bốn Sư.
Như vậy vị ấy sống,
Với căn còn mộc mạc,
Chẳng khác con nai cái,
Non yếu trong khu rừng.*

Khi nghe những lời này, vị Tỷ-kheo kia bị dao động mạnh, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

494 Tinh tấn - Tự sách tấn mình với ví dụ cây lau - Kinh Usabha – Tiểu III, 116

Usabha – *Tiểu III*, 116 (110)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, ngài khởi lên lòng tin khi bậc Đạo Sư nhận lãnh tinh xá Jetavana (Kỳ Viên).

Sau khi hành trì hạnh Sa-di, ngài sống trong rừng dưới chân núi. Vào mùa mưa, các mây xả mưa xuống cây cỏ trong rừng, các bụi cây nhóm cây đều đầy những hoa lá. Rồi ngài từ hang đi ra, thấy cây cối xanh tươi đẹp nên nghĩ rằng: "*Các cây và các cây lau này không có ý thức, tuy vậy với mùa mưa tiếp sức, chúng được lớn mạnh. Sao ta lại không làm lớn mạnh các đức tánh tốt đẹp khi ta đã đạt thời tiết thuận tiện?*"

Rồi ngài nói lên bài kệ, tuyên bố chánh trí của ngài, và với **tinh tấn nghị lực**, ngài chứng quả A-la-hán.

*110. Những cây được vươn cao,
Nhờ mây cao tưới mát,
Với mưa mới thấm nhuần,
Được xanh tươi lớn mạnh,
Đối với U-xa-bha,*

*Ưa thích sống viễn ly,
Ý thức được rừng núi,
Vị ấy khiến sanh khởi,
Rất nhiều điều tốt đẹp.*

495 Tinh tấn hạ liệt - Không tẩy sạch 3 ác tâm trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 449 (Cat.
11) (It. 115)

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên *dục* tâm, *sân* tâm hay *hại* tâm, nếu Tỷ-kheo **chấp nhận**, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm. Nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm, nếu Tỷ-kheo **không**

chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu, thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu... thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

*Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Khởi lên ác tâm tư,
Liên hệ đến gia đình,
Thực hành theo ác đạo,
Mờ ám bởi si mê,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không chứng Vô thượng giác.*

*Ai khi đi, khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Tập trung được tâm tư,
Ưa thích tâm chỉ tịnh,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

Chúng được Vô thượng giác.

496 Tinh tấn hạ liệt - Không tẩy sạch 5 triền cái trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 451

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 451 (Cat.
12) (5 It. 118)

Này các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới
bốn Pàtimokkha, được chế ngự với chế ngự giới bốn
Pàtimokkha. Hãy sống đầy đủ oai nghi chánh
hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận
và học tập trong các học pháp.**

*Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ giới
bốn Pàtimokkha, được chế ngự với sự chế ngự của
giới bốn Pàtimokkha, sống đầy đủ uy nghi chánh
hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận
và học tập trong các học pháp, **còn có gì cần phải
làm thêm nữa?***

*Nếu Tỷ-kheo trong khi **đi**, **tham**, **sân** được từ bỏ, hôn
trầm thuy miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi
được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động,
niệm được an trú không có thất niệm, **thân** được
khinh an không có cuồng nhiệt, **tâm** được định tĩnh
nhất tâm.*

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có sợ hãi liên tục thường hằng tinh tấn, siêng năng.

Nếu Tỷ-kheo trong khi *đứng*... nếu Tỷ-kheo trong khi *ngồi*... nếu Tỷ-kheo trong khi *nằm* thức, tham được trừ bỏ, sân được trừ bỏ, hôn trầm thuy miên được trừ bỏ, trạo hối được trừ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú, không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người nhiệt tâm, có sợ hãi, liên tục thường hằng, tinh tấn, siêng năng.

*Đi, đứng biết tự chế,
Ngồi, nằm biết tự chế,
Tỷ-kheo biết tự chế,
Khi co tay, duỗi tay.*

*Phía trên, ngang, cùng khắp,
Xa cho đến cùng tốt,
Bất cứ sanh thú nào,
Ở tại thế giới này,
Khéo quán sát sanh diệt,
Của tất cả pháp uẩn.*

*Sống như vậy nhiệt tâm,
Tâm chỉ tịnh, đúng pháp,*

Tâm an tịnh, không động,
Thường xuyên chuyên học tập,
Liên tục, thường siêng năng,
Tỷ-kheo được gọi vậy.

497 Tinh tấn Đệ nhất - Trưởng lão ni - Kinh Sonà – Tiểu III, 591

Sonà – Tiểu III, 591 (45)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được **sinh trong một gia đình quý tộc ở Sàvatthi**. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được **murì** người con trai, con gái và được biệt danh là "người nhiều con".

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại cho các con trai, con gái cai quản gia đình và giao cả gia sản cho các con trai, không giữ gì cho thân mình. **Các con trai và con dâu nuôi dưỡng nàng, không bao lâu trở mặt khinh rẻ nàng**.

Nàng buồn cho thái độ các dâu con, xuất gia trở thành Tỷ-kheo-ni. Nàng suy nghĩ, nàng đã lớn tuổi mới xuất gia, nên hết sức tinh cần, tinh tấn. Trong khi hầu hạ các Trưởng lão Ni, nàng thức đêm tu học, **nàng kiên trì học tập, không biếng nhác, không xao nhãng, như người chụp nắm các cột trong mái hiên, hay chụp nắm cành cây trong đêm tối để tránh đầu khỏi va chạm**.

Hạnh tinh tấn của nàng được mọi người biết, và **bậc Đạo Sư biết được trí tuệ của nàng đã chín muồi, nên**

phóng hào quang, hóa hiện trước mặt nàng và nói lên bài kệ:

*Ai sống một trăm năm,
Không thấy câu bất tử,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được câu bất tử.*
(Pháp cú. 114)

Khi đức Phật nói câu này xong, nàng chứng được quả A-la-hán. Thế Tôn tán thán là "Tỷ-kheo-ni **tinh tấn đệ nhất**".

Một hôm, suy tư đến quả chứng của mình, nàng phấn khởi nói lên những bài kệ:

*102. Ta sanh được mười con,
Trong thân chất chứa này,
Do vậy ta già yếu,
Ta đến Tỷ-kheo-ni.*

*103. Nàng thuyết pháp cho ta,
Về **uẩn, xứ và giới**,
Nghe pháp nàng thuyết giảng.
Cắt tóc ta xuất gia.*

104. Ta học lời nàng dạy,

*Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Ta biết các đời trước,
Chỗ ta sống đời trước.*

*105. Ta tu pháp vô tướng,
Nhất tâm khéo thiền tịnh,
Tức thời ta giải thoát,
Không chấp thủ tịch tịnh.*

*106. Năm uẩn được liễu tri,
Đứng lại, gốc bị cắt,
Tham dục, ta không có,
Căn cứ địa kiên trì?
Từ nay ta không còn,
Vấn đề phải tái sanh.*

498 Tissa – Tiểu III, 105

Tissa – Tiểu III, 105 (97)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lòng phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **đục** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.*

499 Tissa – Tiểu III, 146

Tissa – Tiểu III, 146 (137)

Trong đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong một gia đình Bà-la-môn, tên là Tissa và trở thành một chuyên viên về ba tập Vệ-đà. Giảng **bùa chú** cho hơn năm trăm Bà-la-môn trẻ, và danh tiếng đồn vang.

Khi Thế Tôn đến Ràjagaha (Vương Xá), Tissa thấy uy nghi đức độ của đức Phật, khởi lòng tin, xuất gia, về sau chứng quả A-la-hán, do **phát triển thiền quán**. Nhờ vậy, ngài trở thành có danh tiếng nữa.

Có một số Tỷ-kheo thiên về thế lợi, thấy ngài có được trọng vọng, nên không thể chịu nổi. Ngài biết như vậy, nói lên sự nguy hiểm của danh vọng và sự thoát ly của ngài đối với danh vọng, ngang qua những bài kệ này:

153. Vị trọc đầu, đắp y,
Được nhiều kẻ thù oán,
Khi nhận đồ ăn uống,
Vải mặc và chỗ nằm.

154. **Biết nguy hiểm như vậy,**

*Biết có sợ hãi lớn,
Trong cung kính cúng dường;
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Nhận ít, không tham đắm,
Luôn luôn giữ chánh niệm.*

500 Tissa – Tiểu III, 48

Tissa – Tiểu III, 48 (39)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, con người dì của đức Phật và được đặt tên là Tissa. Ngài xuất gia theo đức Phật, sống tại một lâm trại và tự phụ với địa vị của mình, tánh hay nóng nảy bất thường, vì vậy ngài không làm bốn phận của mình được hăng hái.

Rồi bậc Đạo Sư, với thiên nhãn thấy ngài đang ngủ há miêng liền hiện đến trước ngài, thức ngài dậy với bài kệ:

39. *Như bị **kiếm** chém xuống,
Như bị **lửa** cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

501 Tissametteyya - Kinh Câu hỏi của thanh niên 2 Tissametteyya - Tiểu I, 779

Câu hỏi của thanh niên 2 – Tissametteyya – *Tiểu I*,
779

Tissa:

1040. **Tissa Met-tey-ya:**

*Ai thỏa mãn ở đời,
Với ai không dao động,
Ai thắng trí hai biên,
Ở giữa, không dính lú,
Ai Ngài gọi đại nhân?
Ở đời, ai vượt khỏi,
Thêu dệt các **ái nhiễm**?*

Thế Tôn:

1041. *Thế Tôn liền đáp rằng:*

Hỡi này Met-tey-ya,

*Giữa **đục**, sống Phạm hạnh,*

*Không **ái**, luôn chánh niệm,*

Tỷ-kheo lặng tính toán,

An tịnh, không dao động.

1042. *Ai thắng trí hai biên,*

Chặng giữa, nhờ suy tư,
Không dính líu bị nhiễm,
Ta gọi là đại nhân,
Vị ấy, ở đời này,
Vượt khỏi sự thêu dệt,
Các **ái nhiễm** tham muốn.

502 Tissà – Tiểu III, 543

Tissà – Tiểu III, 543 (4)

Bài kệ sau này là của Tissà, một giới học nữ trải qua nhiều đức Phật, nàng tích lũy các công đức, và trong đời đức Phật hiện tại, nàng được tái sinh ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong gia đình quý tộc Thích-ca, được tuyển vào nội cung của vị Bồ-tát.

Nàng cùng với Mahàpajàpati xuất gia và tu tập thiền quán. **Bậc Đạo Sư hiện ra trước nàng và nói lên bài kệ:**

*4. Tissà hãy học tập,
Học trong những học pháp,
Chớ để cho các ách,
Vượt khỏi chi phối nàng.
Hãy sống không liên hệ,
Mọi ách không trói buộc,
Sống giữa thế giới này,
Không có các lậu hoặc.*

Và nàng nghe bài kệ này, được **tăng trưởng thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Sau đó nàng thường đọc lên bài kệ này.

503 Tiến trình tu tập - Kinh Uttara – Tiểu III, 152

Uttara – Tiểu III, 152 (141)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sàketa, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là Uttara.

Bị cảm hóa bởi thần thông song hành tại cây Gandamba ở Sàvatthi, ngài được khích lệ xuất gia, khi bậc Đạo Sư ở Sàketa thuyết pháp tại vườn Kàlaka. Đi với bậc Đạo Sư đến Ràjagaha (Vương Xá), ngài **phát triển thiền quán**, chứng được **sáu thăng trí**.

Trở về Sàvatthi để hầu hạ đức Phật, các Tỷ-kheo hỏi ngài: "*Thưa Hiền giả, Hiền giả đã thành tựu những gì trong **sự nghiệp giải thoát?***" Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ như sau:

161. Ta liễu tri **các uẩn**,
Ta khéo nhỏ tham ái,
Ta tu tập **giác chi**,
Ta đạt lậu hoặc diệt.

162. Do liễu tri các **uẩn**,
Thoát ly kẻ gài lưới,

*Tu tập giác chi xong,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Các lậu hoặc tận diệt.*

504 Tiếng lành đồn xa - Người lành dầu ở xa, Sáng tỏ như núi tuyết - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ **lạc nhỏ**,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng,
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán **thân niệm**,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người **tư niệm giác tỉnh**,

Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần,
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hỏ tướng thứ năm,
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Phật Đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Chánh Pháp thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Tăng Già thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia, khó,
Tại gia sinh hoạt, khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống **luân hồi**,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần,
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành, không buồn chán,
Tự điều phục một mình,
Sống thoải mái rừng sâu.

505 Tiếng rống con sư tử đệ nhất - Kinh Pindola Bhàradvāja – Tiểu III, 129

Pindola Bhàradvāja – *Tiểu III*, 129 (122)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con của vị giáo sĩ của vua Udena xứ Kosambi, được đặt tên là Bhàradvāja. Sau khi học tập ba tập Vệ-đà, dạy các **bài chú**, bài tụng rất thành công cho các thanh niên Bà-la-môn, ngài chán ngấy với công việc đang làm.

Từ giã họ, ngài đi đến Rājagaha (Vương Xá), thấy chúng Tỷ-kheo được trọng vọng cúng dường, ngài xuất gia. Với phương pháp Phật dạy, ngài tiết độ trong ăn uống và chứng được **sáu thắng trí**.

Ngài tuyên bố trước mặt đức Bổn Sư rằng ngài sẵn sàng trả lời tất cả những câu hỏi của Tỷ-kheo nào nghi ngờ đến con đường và kết quả, như vậy, ngài rống tiếng rống con sư tử, đức Phật nói về ngài như sau: "***Trong các đệ tử của Ta rống tiếng rống con sư tử, Pindola Bhàradvāja là đệ nhất***".

Rồi một người bạn cũ đến thăm ngài, một Bà-la-môn có tánh keo kiệt. Vị Trưởng lão khuyên bạn nên cúng dường chúng Tăng. Vì bạn ngài tin rằng ngài cũng ích kỷ và nghĩ đến tư lợi, nên ngài dùng bài kệ để giáo giới bạn ngài:

123. Nói về đời sống này,
Không phải không có luật,
Nhưng các món đồ ăn,
Không có gì gần tâm,
Do có các món ăn,
Thân thể được tồn tại,
Thấy vậy, ta bộ hành,
Tìm kiếm các món ăn.

124. *Bạc trí kinh nghiệm rằng:*
Thật sự là đám bùn,
Đánh lễ và cúng dường,
Xuất phát từ gia đình,
Như mũi tên tể nhị,
Rất khó nhỏ được ra,
Cũng vậy với kẻ ngu,
Cung kính khó từ bỏ.

506 Tiếng trống bất tử - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,
Trên đời đứng một mình,*

*Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nại,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử.
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú

nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đưa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng **Upaka chứng được quả Bất lai**. Sau khi mạng chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khôn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc dừa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,
Khổ hạnh khó thanh tịnh.*

294. *Ta sẽ rời Nàlà!
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Tróí buộc vào quuyến rũ.*

295. *Hãy trở lui thừa chàng,
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.*

296. *Này Càpà phân tư,
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.*

297. *Chàng mắt đen của thiếp,
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,
Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.*

298. Ướp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đứa con trai của thiếp,
Đứa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,

*Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đứa con,
Chàng không thể bỏ đi.*

*303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.*

*304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?*

*305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.

307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.

308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.

309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,
Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**
Vượt qua sự đau khổ,
Thuyết **đường Thánh tám ngành,**
Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,
Hữu nhiều quanh Ngài xong,
Trình lên lời ước nguyện,
Của Càpà vợ chàng!
Rồi chàng xin xuất gia,
Sống đời không gia đình,
Chứng đạt được **Ba minh,**
Làm xong lời Phật dạy.

507 Tiếng đồn ấy chỉ tồn tại một tuần thôi - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 193

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 193 (Ud 44)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Thế Tôn được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường, tôn kính, nhân được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Chúng Tỷ-kheo cũng được cung kính, tôn trọng, đánh lễ, cúng dường tôn kính, cũng nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng các du sĩ ngoại đạo không được cung kính... Cũng không nhận được các vật dụng như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Các du sĩ ngoại đạo ấy, không có thể chịu nổi sự cung kính đối với Thế Tôn và chúng Tỷ-kheo, đi đến nữ du sĩ Sundari, sau khi đến, nói với nữ du sĩ Sundari:

- Này chị, chị có thể làm lợi ích cho các bà con?

- Thừa các Tôn giả, con có thể làm gì? Việc gì con có thể làm được? Đời sống của con là một vật hy sinh cho các bà con.

- Vậy Chị hãy thường đi đến Jetavana.

- Thừa vâng, các Tôn giả.

Nữ du sĩ Sundari, sau khi vâng đáp các du sĩ ngoại đạo ấy thường xuyên đi đến Jetavana. Khi các du sĩ ngoại đạo ấy được biết rằng nữ du sĩ Sundari được nhiều người thấy thường xuyên đi đến Jetavana, họ đoạt mạng sống của nữ du sĩ Sundari, tại đây, chôn nàng vào cái hố trong các mộ của Jetavana, rồi đi đến Vua Pasenadi nước Kosala, sau khi đến thưa với vua Pasenadi nước Kosala:

- Thừa Đại vương, nữ du sĩ Sundari không được thấy nữa.

- Nhưng các Người nghĩ ở tại đâu?

- Ở tại Jetavana, thưa Đại vương.

- Vậy hãy đi tìm ở Jetavana.

Các du sĩ ngoại đạo ấy đi tìm ở Jetavana, đào mộ tại chỗ đã quăng nàng xuống, đặt nàng trên giường, đi vào Sàvatthi từ đường này đến đường khác, từ ngã ba đường này đến ngã ba đường khác, họ làm cho dân chúng tức giận nói rằng: "*Các Ông hãy xem công việc làm của các Thích tử! Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp, nói láo, không Phạm hạnh họ tự cho là sống đúng pháp, sống thẳng bằng, sống Phạm hạnh, nói lời chân thật, giữ giới, theo thiện pháp. Không có Sa-môn hạnh trong những vị này. Không có Bà-la-môn hạnh trong*

những vị này. Từ đâu họ có Sa-môn hạnh? Từ đâu họ có Bà-la-môn hạnh? Sa-môn hạnh của họ đã đi mất. Sau khi làm xong phận sự của đàn ông, họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Lúc bấy giờ, các người ở Sàvatthi, khi thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo nói rằng: "Vô liêm sỉ là các Sa-môn Thích tử này, theo ác giới, theo ác pháp... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này".

Rồi một số đông Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y cầm bát, vào Sàvatthi để khát thực, khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nay các người ở Sàvatthi khi thấy các Tỷ-kheo... họ đoạt mạng sống của nữ nhân này.

- Nay các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không còn tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau một tuần sẽ biến mất.

Này các Tỷ-kheo, những ai thấy các Tỷ-kheo, với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nảo, các Thầy hãy chỉ trích lại với bài kệ này:

*8. Ai nói lời không thật,
Phải đi đến địa ngục,*

*Ai có làm lại nói
Việc ấy tôi không làm,
Cả hai sau khi chết,
Sẽ đồng đẳng như nhau.
Họ là những hạng người,
Làm các hạnh hạ liệt,
Trong một đời sống khác.*

Rồi các Tỷ-kheo ấy sau khi học thuộc lòng bài kệ này từ nơi Thế Tôn, nếu có những người thấy các Tỷ-kheo với những lời không tốt, ác độc, mắng nhiếc, mạ lỵ, phỉ báng, bức nã, các vị liền chỉ trích lại với bài kệ này: "Ai nói lời không thật... Trong một đời sống khác", những người suy nghĩ như sau: "*Các Thích tử Sa-môn không có phạm tội. Sự việc ấy không phải do họ làm. Các Sa-môn Thích tử này đã thế như vậy.*" Và lời nói ấy không có lâu dài, lời nói ấy chỉ có tồn tại có một tuần, sau một tuần được biến mất.

Rồi nhiều Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên, ngồi một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Bạch Thế Tôn, thật là khéo nói, lời này của Thế Tôn: "*Này các Tỷ-kheo, tiếng đồn này sẽ không tồn tại lâu dài, chỉ có một tuần thôi, sau*

một tuần sẽ biến mất". Bạch Thê Tôn, tiếng đồn ấy đã biến mất.

Rồi Thê Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Người không biết chế ngự,
Với lời đâm người khác,
Giống như voi bị đâm,
Khi tham gia chiến trận.*

*Nghe những lời thô ác,
Tỷ-kheo hãy chịu đựng,
Giữ gìn không nói lên,
Tâm không có hiềm hận.*

508 **Tiết độ - Ăn uống có tiết độ, An lạc về thân thể - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 324**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 324 (Duk. I, 2) (It. 23)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú. Thế nào là hai? Hộ trì các căn và Tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại, an trú an lạc, không có hoạn nạn, không có ưu não, không có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, được chờ đợi là thiện thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,
Tỷ-kheo khéo hộ trì,*

*Ăn uống có tiết độ,
An lạc về thân thể,
Các căn có hộ trì,
An lạc về tâm tư,
Vị ấy được thọ lãnh
Những an lạc như vậy.
Thân không bị thiêu đốt,
Tâm không bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú lạc như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

509 Tiết độ - Ăn uống không tiết độ, Đau khổ về thân thể - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 323

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 323 (Duk. I, 1) (It. 22)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp, ngay trong hiện tại, an trú đau khổ có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú. Thế nào là hai?

Không hộ trì các căn và không tiết độ trong ăn uống.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đầy đủ hai pháp này, ngay trong hiện tại an trú đau khổ, có hoạn nạn, có ưu não, có nhiệt não, sau khi thân hoại mạng chung, chờ đợi là ác thú.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Mắt, tai, mũi và lưỡi,
Kể cả thân và ý,
Những cửa này ở đây,*

Tỷ-kheo không hộ trì,
Ăn uống không tiết độ,
Đau khổ về thân thể,
Các căn không hộ trì,
Đau khổ về tâm tư,
Vị ấy phải thọ lãnh
Những đau khổ như vậy,
Thân thể bị thiêu đốt,
Tâm tư bị thiêu đốt,
Dầu là đêm hay ngày,
An trú khổ như vậy.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

510 Tiết độ ăn uống - Ai sống quán bất tĩnh, Khéo hộ trì các căn - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 32

Phẩm Song Yếu – *Tiểu I*, 32

1. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo;
Nếu với ý ô nhiễm,
Nói lên hay hành động,
Khổ não bước theo sau,
Như xe, chân vật kéo".
2. "Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình".
3. "Nó mắng tôi, đánh tôi,
Nó thắng tôi, cướp tôi"
**Ai ôm hiềm hận ấy,
Hận thù không thể nguôi.**
4. "Nó mắng tôi, đánh tôi,

Nó thắng tôi, cướp tôi,"
Không ôm hiềm hận ấy,
Hận thù được tự nguôi.

5. "Vói hận diệt hận thù,
Đời này không có được.
Không hận diệt hận thù,
Là định luật ngàn thu".

6. "Người khác không hiểu biết,
Chúng ta đây bị hại.
Chỗ ấy, ai biết được
Tranh luận được lắng êm."

7. "Ai sống nhìn tịnh tướng,
Không hộ trì các căn,
Ăn uống thiếu tiết độ,
Biếng nhác, chẳng tinh cần.
Ma uy hiếp kẻ ấy,
Như cây yếu trước gió".

8. "Ai sống quán bất tịnh,
Khéo hộ trì các căn,
Ăn uống có tiết độ,
Có lòng tin, tinh cần,
Ma không uy hiếp được,
Như núi đá, trước gió"

9. "Ai mặc áo cà sa,
Tâm chưa rời uế trước,
Không tự chế, không thực,
Không xứng áo cà sa ".

10. "Ai rời bỏ uế trước,
Giới luật khéo nghiêm trì,
Tự chế, sống chơn thực,
Thật xứng áo cà sa."

11. "Không chân, tưởng chân thật,
Chân thật, thấy không chân
Họ không đạt chân thật
Do tà tư tà hạnh.

12. "Chân thật, biết chân thật,
Không chân, biết không chân.
Chúng đạt được chân thật,
Do chánh tư, chánh hạnh."

13. "Nhu ngôi nhà vụng lợp,
Mưa liền xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm không tu,
Tham dục liền xâm nhập."

14. "Nhu ngôi nhà khéo lợp,

Mưa không xâm nhập vào.
Cũng vậy tâm khéo tu,
Tham dục không xâm nhập."

15. "Nay **sầu**, đòi sau sầu,
Kẻ ác, hai đòi sầu;
Nó sầu, nó ưu não,
Thấy nghiệp uế mình làm."

16. "Nay **vui**, đòi sau vui,
Làm phước, hai đòi vui.
Người ấy vui, an vui,
Thấy nghiệp tịnh mình làm."

17. "Nay **than**, đòi sau than,
Kẻ ác, hai đòi than,
Than rằng: "Ta làm ác "
Đọa cõi dữ, than hơn."

18. "Nay **sướng**, đòi sauướng,
Làm phước, hai đòiướng.
Mừng rằng: "Ta làm thiện ",
Sanh cõi lành,ướng hơn."

19. "Nếu người nói nhiều kinh,
Không hành trì, phóng dật;
Như kẻ chăn bò người,

Không phần Sa môn hạnh."

20. "Dầu nói ít kinh điển,
Nhưng hành pháp, tùy pháp,
Từ bỏ tham, sân, si,
Tỉnh giác, tâm giải thoát,
Không chấp thủ hai đời,
Dự phần Sa môn hạnh."

511 **Tiết độ ăn uống - Được đồ ăn của người, Không có sự tham đắm - Kinh Chánh xuất gia - Tiểu I, 579**

Kinh Chánh xuất gia – Tiểu I, 579 (Sn 63)

Người hỏi:

359. *Tôi hỏi bậc ẩn sĩ,
Có trí tuệ rộng lớn,
Đã vượt qua bờ kia,
Tịch tịnh, tự an trú.
Làm sao một Tỷ-kheo,
Bỏ nhà, bỏ các dục,
Lại có thể chơn chánh,
Du hành ở trên đời?*

Thế Tôn:

360. *Ai nhờ lên điềm lành,
Như vậy, Thế Tôn đáp,
Các sao băng mộng寐,
Và các tướng lành dữ,
Vị ấy đoạn trừ được,
Các lỗi lầm điềm lành;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,*

Du hành ở trên đời.

361. *Tỷ-kheo nhiếp phục tham,
Đối với các dục vọng,*

*Tại thiên giới, nhân giới,
Vượt hữu, chứng tri pháp;
Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

362. Tỷ kheo *bỏ hai lười,
Bỏ phần nộ, xan tham,
Với tùy thuộc chống đối,
Đoạn tận thật hoàn toàn,*

*Tỷ kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

363. *Sau khi đã từ bỏ,
Cả ái và phi ái,
Không chấp thủ một ai,
Không y chỉ chỗ nào,
Giải thoát được hoàn toàn,
Các kiết sử trói buộc,*

*Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

364. *Ai không tìm lỗi cây,
Đối với các sanh y,*

Có thể nhiếp phục tham,
Đối với các chấp thủ,
Vị ấy không y chỉ,
Không để ai dắt dẫn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

365. Với **lời** và với ý,
Và với cả nghiệp làm,
Không chống đối một ai,
Chơn chánh biết diệu pháp,
Thường cố gắng hướng đến,
Đường Niết bàn tịch tịnh,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

366. Tỷ-kheo không tự cao,
Khi người đánh lễ mình,
Dầu có bị nhiếc mắng,
Không khởi tâm tức tối,
Được đồ ăn của người,
Không có sự tham đắm,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

367. Tỷ-kheo sau khi đoạn,
Tham dục và sanh hữu,

Từ bỏ, không làm hại,
Không trói buộc một ai,
Vị ấy vượt nghi hoặc,
Đã rút ra mũi tên,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

368. Tỷ-kheo sau khi biết,
Điều thích đáng cho mình,
Không làm hại một ai,
Có mặt ở trên đời,
Sau khi đã biết pháp,
Như thật, như thế nào,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

369. Với ai, **các tùy miên,**
Không còn có tồn tại,
Và **cội gốc bất thiện,**
Được nhổ lên tận trờ,
Vị ấy không tham dục,
Không có hy cầu gì.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

370. **Ai đoạn tận lậu hoặc,**
Đoạn trừ cả kiêu mạn,

Mọi con đường tham **dục**,
Được chế ngự nhiếp phục,
Được nhiếp phục tịch tịnh,
Tự ngã được an lập,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

371. Có lòng tin, nghe pháp,
Thấy được **quyết định tánh**,
Bậc hiền không phe phái,
Giữa rất nhiều phe phái,
Có thể nhiếp phục được,
Tham, sân và hận thù,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

372. Thanh tịnh và chiến thắng,
Kéo lên màn che kín,
Tự tại trong các pháp,
Đến bờ kia, bất động,
Đoạn diệt các sở hành,
Thiện xảo trong chánh trí,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.

373. Trong những thời quá khứ,
Trong những thời vị lai,

*Vượt qua các chủ thuyết,
Trí tuệ thật thanh tịnh,
Với tất cả mọi xứ,
Được hoàn toàn giải thoát.
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

374. *Rõ biết được Pháp cú,
Chứng tri được Chánh pháp,
Thấy được sự mở rộng,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Đối tất cả sanh y,
Được trừ diệt hoàn toàn,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

Người hỏi:

375. *Bạch Thế Tôn, chắc chắn,
Thực sự là như vậy,
Tỷ-kheo được chế ngự,
Đã an trú như vậy,
Đã nhiếp phục hoàn toàn,
Tất cả các kiết sử,
Tỷ-kheo ấy chơn chánh,
Du hành ở trên đời.*

512 Todeyya - Kinh Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya - Tiểu I, 800

Câu hỏi của thanh niên 9 Todeyya – *Tiểu I, 800*

Todeyya:

1088. Tôn giả Tô-đê-ya:

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Giải thoát như thế nào?

Thế Tôn:

1089. Đây lời nói Thế Tôn:

Hỡi nầy Tô-đê-ya,

Ai sống không dục vọng,

Ai sống không có ái,

Ai vượt khỏi nghi hoặc,

Giải thoát của vị ấy,

Không có gì là khác.

Todeyya:

1090. Vì sống không ước vọng,

Hay sống có ước vọng,

Vì ấy có trí tuệ,

Hay tác thành trí tuệ,
Ôi kính bậc Biến nhãn,
Hãy trả lời con rõ,
Để con có thể biết,
Thế nào là ân sĩ,
Ôi kính bậc Thích tử.

Thế Tôn:

1091. *Vị sống không ước vọng,*
Không có ước vọng nào,
Vị ấy có trí tuệ,
Không tác thành trí tuệ,
Như vậy, Tô-đê-ya,
Hãy biết bậc ân sĩ,
Không có sở hữu gì,
Không tham dính đục hữu.

513 Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thì toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thì không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt, ngài nói lên bài kệ:

81. *Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

514 Toàn hảo - Vị toàn hảo - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 428 (Tik. V,8) (It. 96)

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, có **giới** tốt lành, có **pháp** tốt lành, có **tuệ** tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là **vị toàn hảo**.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là **Giới** tốt lành?

Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có **Pháp** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập **Bảy pháp giác chi**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là **Tuệ** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do **diệt trừ các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí

chúng ngộ chúng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

*Ai với thân, với lời,
Với ý, không làm ác,
Vị ấy **giới** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Có được lòng xấu hổ.*

*Ai, pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,
Chứng được quả Bồ-đề,
Vị ấy **pháp** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Không có dục trào ra.*

*Ai quán tri đau khổ,
Ở đây, diệt trừ khổ,
Vị ấy **tuệ** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo.
Không có các lậu hoặc.*

*Đầy đủ những pháp ấy,
Thoát khỏi sự phiền muộn,
Chặt đứt mọi nghi ngờ,*

*Không luyến ái tham đắm,
Mọi sự vật ở đời,
Vị ấy được xưng gọi,
Vị đoạn tận tất cả.*

515 Trai giới - Mười bốn, rằm, ngày tám - Kinh Dhammika - Tiểu I, 585

Kinh Dhammika – *Tiểu I*, 585 (Sn 66)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn ông Anàthapindika. Rồi nam cư sĩ Dhammika đi đến Thế Tôn **với năm trăm nam cư sĩ**, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, nam cư sĩ Dhammika nói lên những bài kệ với Thế Tôn:

Dhammika:

376. *Kính thưa Gotama,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Con xin kính hỏi Ngài,
Vấn đề đặc biệt này:*

***Với vị đệ tử Ngài,
Làm thế nào là thiện?
Nếu là vị xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Hay là vị có nhà,
Sống đời nam cư sĩ?***

377. Ngài rõ biết đường đi,

Cùng mục đích tối hậu,
Của Thế Tôn đời này,
Và thế giới chư Thiên.
Không ai so sánh Ngài,
Bậc thấy nghĩa thù diệu,
Chính Ngài được tôn xưng,
Là đức Phật thù thắng.

378. Ngài biết tất cả trí,
Ngài trình bày Chánh pháp,
Vì lòng thương, từ mẫn,
Đối với mọi chúng sanh,
Ngài mở rộng bức màn,
Bậc có mắt mọi nơi,
Không cầu uế, thanh tịnh,
Ngài chói toàn thế giới.

379. Vị vua loài Nàgà,
Tên **Eràvano**,
Đã đến gần bên Ngài,
Được nghe: Ngài chiến thắng.
Vị ấy tìm đến Ngài,
Để nghe lời khuyên nhủ,
Sau khi nghe, thích thú,
Nói lên lời: Lành thay!

380. Vua **Vessavana**,

*Kuvera đến Ngài,
Tìm hiểu hỏi han Ngài,
Về vấn đề diệu pháp,
Được hỏi, ôi bậc trí,
Hãy nói lên cho vua!
Sau khi nghe, vị ấy,
Cũng thích thú, ưa thích.*

*381. Các bậc ngoại đạo này,
Ưu luận tranh khẩu chiến,
Các tà mạng ngoại đạo,
Hay các Ni-kiến Tử,
Tất cả không vượt qua,
Hơn thắng trí của Ngài,
Như người đang đứng lại,
Không thắng kẻ đi mau.*

*382. Các Bà-la-môn này,
Ưu luận tranh khẩu chiến,
Có những bậc Phạm-chí,
Đã đến tuổi trưởng thành,
Tất cả đều trời buộc,
Bởi tư tưởng của Ngài,
Kể cả những hạng người,
Tự phụ nói khoe khoang.*

383. Pháp này là tế nhị,

*Đem lại nguồn an lạc,
Đã được bậc Thế Tôn,
Khéo nói, khéo thuyết giảng,
Tất cả mọi hạng người,
Đều thích thú ưa nghe,
Được hỏi, hãy nói lên,
Ôi đức Phật tối thượng.*

384. Các vị Tỷ-kheo này,
Đang ngồi đây tất cả,
Kể cả nam cư sĩ,
Tất cả đều chờ nghe,
Hãy để họ nghe pháp,
Bậc Vô úế Giác ngộ,
Như chư Thiên nghe lời,
Vàśava khéo nói!

Thế Tôn:

385. Tỷ-kheo, hãy nghe Ta,
Ta khiến các Thầy nghe,
Pháp đoạn trừ điều ác,
Tất cả hãy trợ trì,
Vội ai thấy ý nghĩa,
Nghĩ ngợi có suy tư,
**Hãy sống theo chánh hạnh,
Thích hợp với xuất gia.**

386. Tỳ-kheo *chớ ra ngoài,*
Trong thời gian phi thời,
Hãy vào làng khát thực,
Đúng thời, thì hãy đi,
Ai đi đứng phi thời,
Bị bấy sập trói buộc.
Do vậy các đức Phật,
Không có đi phi thời.

387. Các *sắc* và các *tiếng*,
Các vị, hương và xúc,
Chính những loại pháp ấy,
Làm mê hoặc chúng sanh.
Hãy nhiếp phục, lòng dục,
Đối với các pháp ấy,
Hãy vào cho đúng thời,
Để dùng buổi ăn sáng.

388. Tỳ-kheo *được đúng thời,*
Các đồ ăn khát thực,
Hãy đi về một mình,
Ngồi tại chỗ an tịnh,
Suy tư hướng nội tâm,
Ý không chạy ra ngoài,
Làm cho thoát ra khỏi,
Mọi chấp thủ tự ngã.

389. Nếu vị ấy có nói,
Vội một vị đệ tử,
Hay nói với một vị,
Một Tỷ-kheo nào khác,
Hãy nói cho vị ấy,
Sự thù diệu Chánh pháp,
Không có nói hai lời,
Không bài xích một ai.

390. Nhưng có những hạng người,
Dùng khẩu chiến bằng lời,
Những hạng người tuệ nhỏ,
Chúng ta không tán thán,
Triền phược trói buộc họ,
Từ chỗ này chỗ kia,
Ở đây họ dẫn tâm,
Đưa **tâm đi quá xa**.

391. Đồ khát thực, tình xá,
Cùng sàng tọa trú xứ,
Nước để trừ bụi nhớp,
Y áo Tăng-già-lê,
Sau khi nghe Chánh pháp,
Do Thiện Thệ thuyết giảng,
Bậc đệ tử thắng tuệ,
Quán sát, hãy dùng chúng.

392. Do vậy đồ khát thực,
Sàng tọa và trú xứ,
Nước để trừ bụi nhóp,
Y áo Tăng-già-lê,
Đối với những pháp ấy,
Đừng để cho dính nhiễm.
Tỷ-kheo **như giọt nước,**
Không dính trên lá sen.

393. Trách nhiệm của gia chủ,
Ta cũng nói các Ông,
Làm theo đúng như vậy,
Đệ tử là tốt lành.
Pháp Tỷ-kheo toàn diện,
Khó thành tựu đầy đủ,
Vì là người gia chủ,
Phải làm nhiều việc đời.

394. **Chớ giết loài hữu tình,**
Chớ bảo người giết hại,
Hay chấp nhận kẻ khác,
Giết hại các người khác,
Đối với mọi sanh loại,
Từ bỏ các hình phạt,
Đối với kẻ mạnh bạo,
Như đối kẻ run sợ.

385. Rồi hãy quyết từ bỏ,
Lấy của không được cho,
Đệ tử khéo sáng suốt,
Vật gì, vật của ai,
Chớ khiến người khác lấy,
Chớ chấp nhận lấy trộm.
Hãy từ bỏ, chấm dứt,
Mọi của cải không cho.

396. Hãy từ bỏ, tránh xa,
Đời sống **phi** Phạm hạnh,
Như bậc trí tránh né,
Lửa cháy hồ than hừng.
Nếu tự mình bất lực,
Không thể sống Phạm hạnh,
Thời chớ có xâm phạm,
Vợ của các người khác.

397. Khi đi đến hội chúng,
Hay đi đến đoàn chúng,
Hay một mình một người,
Chớ nói lời **nói láo,**
Chớ khiến người nói láo,
Chớ chấp nhận nói láo,
Tất cả điều không thật,
Hãy tránh xa từ bỏ.

398. Chớ sống theo nếp sống,
Uống **rượu** và say rượu,
Vội vì là cư sĩ,
Đã chấp nhận pháp này,
Chớ khiến người uống rượu,
Chớ chấp thuận uống rượu,
Sau khi biết uống rượu,
Cuối đường là điên cuồng.

399. Chỉ kẻ ngu say rượu,
Mới làm các điều ác,
Và khiến các người khác,
Sống buông lung phóng dật,
Hãy từ bỏ, tránh xa,
Xử phi công đức này,
Khiến điên cuồng si mê,
Làm kẻ ngu thỏa thích.

400. Chớ có giết hữu tình,
Chớ lấy của không cho,
Chớ nói láo không thật,
Chớ uống rượu say mê,
Từ bỏ phi Phạm hạnh,
Không hành trì dâm dục,
Không có ăn ban đêm,
Không ăn lúc phi thời.

401. *Chớ mang các vòng hoa,
Chớ dùng các nước thơm,
Hãy nằm trên mặt đất,
Trên thảm chiếu trải dài,
Tám hạnh này được gọi
Là **hạnh ngày trai giới**.
Do đức Phật giảng dạy,
Để chấm dứt khổ đau.*

402. *Từ nay ngày trai giới,
Chia nửa tháng hai phần,
Ngày mười bốn, mười lăm,
Hay **ngày tám** mỗi tháng,
Với tâm ý hoan hỷ,
Thực hành thân thông pháp,
Gồm có đủ tám phần,
Khéo đầy đủ vẹn toàn.*

403. *Do vậy, vào buổi sáng,
Thực hành ngày trai giới,
Bậc có trí sáng suốt,
Với tâm tư tín thành,
Với tâm ý tùy hỷ,
Cúng dường Tỷ-kheo Tăng,
Với món ăn đồ uống,
Hợp với khả năng mình.*

404. *Hãy nuôi dưỡng mẹ cha,
Hợp pháp và đúng pháp,
Và cũng đúng với pháp,
Hãy làm nghề buôn bán,
Người gia chủ như vậy,
Sở hành không phóng dật,
Được sanh làm Thiên nhân,
Tên là: "Tự chói sáng".*

516 Trai gái - Khi nào chưa cắt tiết, Ái dục giữa gái trai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Vớ Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Vớ trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. **Lời nói được thận trọng,**
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đốn rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

517 Trang sức, mặc áo đẹp, Như thần chết gieo mối - Kinh Sundara Samudda – Tiểu III, 284

Sundara Samudda – Tiểu III, 284 (224)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một người trong hội đồng thành phố giàu có, ở Ràjagaha (Vương Xá) và được đặt tên là *Samudda*. Vì ngài rất đẹp trai nên được gọi là *Sundara-Samudda*.

Khi ngài còn trẻ, ngài thấy được uy nghi đức Phật, khi có cuộc lễ đón rước đức Phật đến Ràjagaha, với lòng tin và với thiên tánh tự nhiên, ngài xuất gia.

Được giao cho một đề tài thiền quán, ngài đi từ Ràjagaha đến Sàvatthi, ở với một người bạn và tu tập thiền quán. Mẹ ngài ở Vương Xá, thấy các người con của các đại biểu hội đồng thành phố khác với những người vợ trang sức thật lộng lẫy vui chơi trong những ngày lễ, bà mẹ buồn, nhớ con và khóc; một kỹ nữ thấy vậy liền dỗ bà và tự nguyện đi đến Sàvatthi để đem con bà về. Bà mẹ hứa rằng, nếu con bà chịu cưới nàng, bà sẽ cho nàng làm chủ gia đình và tặng nhiều tặng phẩm.

Với một số tùy tùng, nàng đi đến Sàvatthi và dừng lại ngôi nhà ngài thường hay đến hằng ngày để khát

thực; nàng hết sức sẵn sóc cho ngài. Nàng ăn mặc
lộng lẫy và mang dép vàng; một hôm nàng để đôi
dép nàng tại ngưỡng cửa, đánh lễ ngài với hai tay
chấp lại, khi ngài đi qua với cử chỉ muốn cảm ơn
ngài.

Và ngài **một tư tưởng thể tục thoáng qua, ngài cương
quyết nỗ lực cuối cùng đứng tại đây thiền định,
thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Ngài diễn
đạt quả chứng của ngài như sau:

459. *Trang sức mặc áo đẹp,
Đeo vòng hoa trang điểm,
Chân bôi sơn màu đỏ,
Một kỹ nữ đi dép.*

460. *Chân rút ra khỏi dép,
Chấp tay, hướng phía trước,
Nàng với giọng nhẹ dịu,
Mở đầu nói với ta.*

461. *Chàng trẻ tuổi xuất gia,
Hãy dừng, lãnh vực em,
Thọ hưởng năm dục vọng,
Em cho chàng phương tiện,
Em hứa chàng sự thật,
Em đem chàng lửa thế.*

462. Khi chàng, em đều già,
Cả hai đều chống gậy,
Cả hai cùng xuất gia,
Hai phần được vận may.

463. Thấy người kỹ nữ ấy,
Chấp tay lời van xin,
Trang sức, mặc áo đẹp,
Nhu **thần chết** gieo mồi.

464. Rồi ta tự tác ý,
Nhu lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

465. Và tâm ta giải thoát,
Thấy Pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

518 Tranh luận - Do chỉ thấy một phía - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 238

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 238 (Ud 66)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ một số đông các ngoại đạo sai khác. Các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực. Họ có quan điểm khác nhau, có kham nhẫn khác nhau, có sở thích khác nhau, y cứ nương tựa vào quan điểm khác nhau.

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn, luận thuyết như sau: "Thế giới là thường còn, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là vô thường, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Thế giới là có biên tế, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, có quan điểm như sau: "Thế giới là vô biên, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là một, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Sanh mạng và thân thể là khác, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Sa-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai có tồn tại và không có tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".
- Một số Bà-la-môn, Bà-la-môn luận thuyết như sau, quan điểm như sau: "Như Lai không có tồn tại và không không tồn tại sau khi chết, chỉ đây là sự thật, ngoài ra là hư vọng".

→ Họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi: "Như thế này là pháp. Như thế này là pháp. Như thế này không phải pháp. Như thế này không phải pháp".

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Sàvatthi, để khát thực, Khất thực ở Sàvatthi xong sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, một số đông ngoại đạo sai khác, các Sa-môn, Bà-la-môn, các du sĩ ngoại đạo đều vào Sàvatthi để khát thực..."... như thế này không phải pháp, như thế này là pháp".

- Đây các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo **là những người mù, không có mắt**, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:" Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

Này các Tỷ-kheo, thưở xưa tại thành Sàvatthi này, có một ông vua. Này các Tỷ-kheo, ông vua ấy bảo một người:

- "Này người kia, phàm có bao nhiêu **những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi** hãy nhóm lại một chỗ tất cả "

- "Thưa vâng, Đại vương". Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi, người ấy giữ lại tất cả, rồi đi đến ông vua ấy, sau khi đến thưa với vị vua: "Thưa Đại vương, phàm có bao nhiêu những người sanh ra đã mù ở Sàvatthi đã được tụ tập lại".

- Này khanh, **hãy đưa ra một con voi cho những người mù.**

- Thưa vâng, Đại vương.

Này các Tỷ-kheo, người ấy vâng đáp ông vua ấy, đưa ra một con voi cho những người mù: "Này các người mù, đây là con voi".

Với một số người mù, ông ta đưa cái đầu và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lỗ tai con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa các ngà con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái vòi con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái thân con voi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái chân...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lưng...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái đuôi...

Đối với một số người mù, ông ta đưa cái lông đuôi và nói: "Này các người mù, đây là con voi".

Này các Tỷ-kheo, rồi người ấy sau khi đưa con voi cho các người mù, đi đến ông vua ấy, sau khi đến tâu với vua: "Thưa Đại vương, con voi đã được các người mù thấy, nay Đại vương hãy làm những gì Đại vương nghĩ là hợp thời!"

Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua đi đến các người mù ấy, sau khi đến nói với họ:

- "*Này các người mù, các ông đã thấy con voi chưa?*"

- "Thưa Đại vương, chúng tôi đã thấy con voi".

- "*Này các người mù, hãy nói con voi là như thế nào?*"

- Này các Tỷ-kheo, những ai thấy **đầu** con voi, họ nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái **qhè**!"

- Những ai được thấy cái **tai** con voi... như cái **rồ sàng gạo**."

- Những ai được thấy cái **ngà** con voi... như cái lưỡi cây."
- Những ai được thấy cái **vòi**... như cái cày".
- Những ai được thấy cái **thân**... như cái kho chứa."
- Những ai được thấy cái **chân**... như cái cột."
- Những ai được thấy cái **lưng**... như cái cối."
- Những ai được thấy cái **đuôi**... như cái chày".
- Những ai được thấy cái **nhóm lông đuôi** con voi, chúng nói như sau: "Thưa Đại vương, con voi là như thế này, như cái chổi"
- "Con voi các ông nói như vậy không phải là con voi. Con voi không phải như vậy. Con voi không phải vậy. Như thế này là con voi". Cho đến khi họ đánh lộn nhau bằng tay. Rồi này các Tỷ-kheo, ông vua ấy hoan hỷ.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, *các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, không biết mục đích, không biết phải mục đích, không biết pháp, không biết phi pháp. Do họ không biết mục đích, do họ không biết không phải mục đích, do không biết pháp, do không biết phi pháp, họ sống cạnh tranh, luận tranh, đấu tranh, đả thương nhau bằng binh khí miệng lưỡi:* "Như thế này là pháp...Như thế này không phải pháp".

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng***:

4. *Có một số Sa-môn,
Cùng với Bà-la-môn,
Họ chấp trước, giành giật,
Trong các luận thuyết này,
Họ tranh luận tranh chấp,
Họ nhìn chỉ một phía.*

519 Tranh luận - Kiến thủ gây xung đột với nhau - Kinh Mågandiya - Tiểu I, 717

Kinh Mågandiya – Tiểu I, 717

Thế Tôn:

835. Sau khi thấy **khát ái**,
Bất lạc và **tham đắm**,
Không thể có ưa muốn,
Đối với sự **dâm dục**.

Sao, với bao đầy tràn,
Nước tiểu, phân ứ này,
Ta không có ước muốn,
Với chân động chạm nó.

Mågandiya:

836. Nếu Ngài không ước muốn:
Ngọc báu như thế này,
Nữ nhân được mong cầu,
Bởi rất nhiều đế vương,
Hãy nói như thế nào,
Là tri kiến của Ngài,
Giới cấm và sinh mạng,
Cùng sự hữu phát sanh.

Thế Tôn:

837. Thế Tôn liền trả lời,
Cho Mågandiya,
Vói Ta không có nói,
Ta nói như thế này,
Sau khi quán sát kỹ
Sự chấp thủ trong pháp,
Trong tất cả tri kiến,
Ta không có chấp trước,
Ta thấy sự cất chứa,
Tịch tịnh trong nội tâm.

Mågandiya:

838. Mågandiya nói:
Các lý thuyết quyết định,
Ngài nói vị ẩn sĩ,
Không nắm giữ thuyết nào.
Còn về ý nghĩa này,
Của hai chữ nội tịnh,
Thế nào là bậc Hiền trí,
Hiểu biết hai chữ ấy?

Thế Tôn:

839. Thế Tôn nói như sau:
Này Māgandīya,
Không phải từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến.
Người ta nói như vậy,
Nhưng cũng không phải là,
Không kiến, không truyền thống,
Không trí, không giới cấm,
Từ bỏ tất cả chúng,
Không chấp thủ sự gì,
*Bậc thiện không y chỉ,
Không ước muốn sanh hữu.*

Māgandīya:

840. Māgandīya nói:
Nếu không từ tri kiến,
Từ truyền thống, từ trí,
Không phải từ giới cấm,
Thanh tịnh được đưa đến.
Người ta nói như vậy,
Cũng không phải không kiến,
Không truyền thống, không trí,
Không giới luật giới cấm,
Thanh tịnh được đem đến

*Con nghĩ rằng pháp vậy,
Là pháp kẻ ngu si,
Vì rằng thật có người,
Nhờ kiến đến thanh tịnh.*

Thế Tôn:

841. *Thế Tôn nói như sau:*

*Này Māgandiya,
Nếu y vẫn tri kiến,
Ông còn tiếp tục hỏi,
Chính do những chấp thủ,
Đi đến sự ngu si,
Từ đó, Ông không thấy,
Một chút gì về tướng,
Do vậy, Ông chớ thấy,
Tất cả là ngu si.*

842. *Bằng ta, thắng hơn ta,
Hay thấp kém hơn ta,
Ai suy nghĩ như vậy,
Do vậy đấu tranh khởi.
Ai không bị dao động,
Bởi ba vấn đề ấy,
Như vậy, đối vị ấy,
Không bằng, không thù thắng.*

843. Sao Bà-la-môn ấy,
Lại nói: "Đây sự thật",
Đây chính là nói láo,
Để gây nên tranh luận,
Vội ai không hề có,
Bằng nhau, không bằng nhau.
Do đâu nó có thể,
Mắc vào tranh luận được.

844. Đoạn tận mọi nhà cửa,
Sống là kẻ không nhà,
Ẩn sĩ không thân thiết,
Vội một ai ở làng,
Trống không các dự vọng,
Không xem trọng sự gì,
Không nói chuyện tranh luận,
Vội một ai ở đời.

845. Vị ấy sống viễn ly,
Mọi sự việc ở đời,
Bạc Long tượng không chấp,
Và không nói đến họ.
Như hoa sen có gai,
Sanh ra ở trong nước,
Không bị nước và bùn,
Mắc dính và thấm ướt.
Như vậy bậc ẩn sĩ,

Nói an tĩnh, không tham,
Không bị dục và đời,
Mắc dính và thấm ướt.

846. Bậc trí, không do kiến,
Cũng không do thọ tưởng,
Đi đến sự kiêu mạn,
Không có tham dự vào,
Không để cho hành động,
Cho truyền thống dắt dẫn,
Không để bị chi phối,
Trong trú xứ của ý.

847. Người không ưa thích **tưởng**,
Không có bị trói buộc,
Vị được **tuệ giải thoát**,
Không có sự si mê,
Và những ai chấp thủ,
Tư tưởng và tri kiến,
Người ấy sống xung đột,
Với mọi người ở đời.

520 Tranh luận - Từ Ái mà tranh luận khởi - Kinh Tranh luận - Tiểu I, 725

Kinh Tranh luận – Tiểu I, 725

Người hỏi:

862. *Từ đâu được khởi lên,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Từ đâu chúng sanh nhiều,
Mong Ngài hãy nói lên?*

Thế Tôn:

863. *Từ **ái** sanh khởi nhiều,
Các tranh luận, đấu tranh,
Than van và sầu muộn,
Cùng với tánh xan tham,
Mạn và tăng thượng mạn,
Kể cả với hai lười,
Các tranh luận, đấu tranh,
Đều liên hệ **xan tham**,*

*Những lời nói hai lữ,
Khởi lên từ tranh luận.*

Người hỏi:

864. *Do những nhân duyên nào,
Khả ái sanh ở đời?
Hay những tham lam nào,
Được lưu hành ở đời?
Ước vọng và thành đạt,
Là do nhơn duyên nào?
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai?*

Thế Tôn:

865. *Do ước muốn là nhân,
Khả ái sanh ở đời,
Hay với những tham lam,
Được lưu hành ở đời,
Ước vọng và thành đạt,
Do ước muốn làm nhân,
Khiến loài Người được sanh,
Trong thời gian tương lai.*

Người hỏi:

866. Ước muốn sanh ở đời
Là do nhân duyên nào?
Hay cả những quyết định,
Do nhân nào được sanh?
Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Hoặc là những pháp nào,
Được Sa-môn nói đến?

Thế Tôn:

867. **Khả ý, bất khả ý,**
Được gọi vậy ở đời,
Do y chỉ nơi chúng,
Ước muốn được sanh khởi.
Sau khi thấy trong sắc,
Cả hữu và phi hữu,
Chúng sanh mới làm được,
Những quyết định ở đời.

868. Phần nộ và vọng ngữ,
Cùng với cả nghi hoặc,
Những pháp này lưu hành,
Khi pháp đôi có mặt,
Kẻ nghi hãy học tập,
Trên con đường chánh trí,
Sau khi biết các pháp,

Do Sa-môn thuyết giảng.

Người hỏi:

869. *Khả ý, bất khả ý,
Là do nhân duyên nào,
Do cái gì không có,
Họ không có hiện hữu.
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Hãy nói cho chúng con,
Nguyên nhân gì chúng sanh?*

Thế Tôn:

870. *Do nhân duyên **cảm xúc**,
Khả ý, bất khả ý,
Nếu không có cảm xúc,
Họ cũng không hiện hữu,
Còn về ý nghĩa này,
Về phi hữu và hữu,
Ta nói cho Ông rõ,
Nguyên nhân này, chúng sanh.*

Người hỏi:

871. *Còn cảm xúc ở đời,*

Do nhân gì sanh khởi?
Hay các loại chấp thủ,
Do từ đâu sanh nhiều?
Do cái gì không có,
Ngã sở hữu không có?
Cái gì không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc?

Thế Tôn:

872. Do duyên **danh** và **sắc**,
Nên có các cảm xúc,
Do nhân các **ước muốn**,
Nên có những chấp thủ,
Nếu ước muốn không có,
Ngã sở hữu cũng không,
Do sắc không hiện hữu,
Khiến không có cảm xúc.

Người hỏi:

873. Sở hành như thế nào,
Sắc pháp không hiện hữu?
An lạc và khổ đau,
Thế nào không có mặt?
Hãy nói lên cho con,
Không có như thế nào,

Chúng con muốn được biết,
Tâm ý con nói vậy.

Thế Tôn:

874. *Không có tướng các tướng,
Không có tướng vô tướng,
Phi tướng cũng không có,
Vô hữu tướng cũng không.*
Do sở hành như vậy,
Sắc pháp không hiện hữu,
*Do nhân duyên các tướng,
Hý luận* được hình thành.

Người hỏi:

875. Ngài đã nói chúng con,
Những điều chúng con hỏi,
Có điều nữa hỏi Ngài,
Mong Ngài trả lời cho,
Bậc Hiền trí nói rằng,
Như thế này tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa
Hay là chúng muốn nói,
Có điều gì khác nữa?

Thế Tôn:

876. Bạc Hiền trí nói rằng,
N hư thế là tối thượng,
Nghĩa là ở đời này,
Sự thanh tịnh Dạ-xoa,
N hư có người nói rằng,
Chính là sự hoại diệt,
Lại một số thiện nhân,
Nói rằng: "Không dư y".

877. Biết được những pháp ấy,
Đều nương tựa y chỉ,
Biết vậy bậc ẩn sĩ,
Suy tư trên y chỉ,
Biết được, nên giải thoát,
Không đi đến tranh luận,
Bạc Hiền không tìm đến,
Cả hữu và phi hữu.

521 Trao truyền - Pháp thiết thực hiện tại, Không do trao truyền lại - Kinh Câu hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I, 783

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – *Tiểu I*, 783

Mettagu:

1049. *Tôn giả Mêt-ta-gu:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Thế Tôn trả lời,
Vấn đề con đã hỏi,
Con nghĩ Ngài hiền trí,
Tự ngã đã tu tập,
Từ đâu ở trong đời,
Đau khổ này khởi lên,
Với nhiều loại như vậy?*

Thế Tôn:

1050. *Thế Tôn trả lời rằng:*

*Hỡi này Mêt-ta-gu,
Ông hỏi ta vấn đề,
Sanh khởi của khổ đau,
Ta sẽ nói cho Ông,
Như Ta đã được biết,
Chính do duyên **sanh** y,*

Nên khổ được khởi lên,
Với nhiều loại như vậy,
Khác biệt ở trong đời.

1051. *Những ai vì vô minh,*
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi.
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.

Mettagu:

1052. Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muôn than khóc?
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

Pháp thiết thực hiện tại,

Không do trao truyền lại,

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Mettagu:

1054. Thừa bậc Đại ẩn sĩ,

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Phàm Ông rõ biết gì,

Trên, dưới, ngang, ở giữa,

Hãy từ bỏ hoan hỷ,

Hãy từ bỏ trú xứ,

Chớ để cho ý thức,

An trú trên sanh hữu.

1056. *An trú vậy, chánh niệm,
Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi bỏ sở hành,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với sanh và già,
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.*

Mettagu:

1057. *Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.*

1058. *Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài,
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đánh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,
Mong Thế Tôn thường hằng,*

Giáo hóa dạy dỗ con.

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến đục hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bực lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cõi, không nghi.

1060. Người ấy sau khi biết,
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy, không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

522 Trao truyền - Pháp tịch tịnh hiện tại, Không do xưa truyền lại - Kinh Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka - Tiểu I, 789

Câu hỏi của thanh niên 5 – Dhotaka – *Tiểu I*, 789

Dhotaka:

1061. *Tôn giả Dhô-ta-ka:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời cho,
Con chờ đợi lời Ngài,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Chúng con sẽ tự mình,
Học tập giới Niết-bàn.*

Thế Tôn:

1062. *Thế Tôn đáp lại rằng:*

*Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ở đây Ông nhiệt tâm,
Sáng suốt và chánh niệm,
Từ đây, nghe tuyên bố,
Tự học tập Niết-bàn.*

Dhotaka:

1063. Con thấy ở thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Sở hành của Phạm chí,
Không một gì sở hữu.
Con đánh lễ chính Ngài,
Bạc có mắt cùng khắp,
Kính thừa bậc Thích tử,
Hãy giải thoát cho con,
Tất cả mọi nghi ngờ.

Thế Tôn:

1064. Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ta sẽ không đi đến,
Giải thoát cho một ai,
Có nghi ngờ ở đời,
Khi pháp được Ông biết,
Là tôi thương tôi thắng,
Như vậy Ông vượt khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.

Dhotaka:

1065. Hãy giáo hóa, từ mẫn,
Ôi bậc đại Phạm thiên,
Để con được rõ biết,
Pháp viên ly vô thượng,
Như vậy con sẽ sống,
Như trời không áp bức,

*Sở hành ở đời này,
An tịnh và độc lập.*

Thế Tôn:

1066. Thế Tôn liền nói rằng:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Ta sẽ giảng cho Ông,

Pháp tịch tịnh hiện tại,

Không do xưa truyền lại,

Sau khi biết pháp này,

Hãy sống, giữa chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Dhotaka:

1067. Con cảm thấy hoan hỷ,

Pháp bậc Đại sĩ giảng,

Pháp tịch tịnh vô thượng;

Sau khi biết pháp này,

Con sẽ sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1068. Thế Tôn lời đáp lại:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Phàm Ông rõ biết gì,

Cao, thấp, ngang, chằng giữa,

Sau khi được rõ biết,

*Tham ái này ở đời,
Chớ tạo nên khát ái
Với hữu và phi hữu.*

523 Tri túc - Kinh Bhaddiya Kàligodhàyaputta – Tiểu III, 407

Bhaddiya Kàligodhàyaputta – *Tiểu III*, 407 (254)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Kapilavatthu, trong một **dòng họ Sàkya**, ngài được đặt tên là *Bhaddiya*.

Khi đã trưởng thành, ngài từ bỏ gia đình, **cùng với Anuruddha và bốn vị hoàng tộc** khác, khi bậc Đạo Sư đang ở trong vườn xoài, tại Anupiy. Khi xuất gia, ngài chứng được quả A-la-hán. Ngài được đức Phật xác chứng là **đệ nhất trong những Tỷ-kheo thuộc về hoàng tộc**.

Mỗi khi ngài hưởng lạc giải thoát, lạc Niết-bàn trong lúc ở trong rừng, dưới một gốc cây, trong cảnh rừng tịch tịnh, ngài thường thốt ra lời: "**Ôi hạnh phúc làm sao! Ôi, hạnh phúc làm sao!**"

Được đức Phật hỏi vì sao ngài thốt ra lời ấy, ngài trả lời khi ngài trị vì quốc độ của ngài, dầu ngài được bảo vệ chặt chẽ, ngài vẫn cảm thấy sợ hãi, hoảng hốt. Nhưng nay ngài đã từ bỏ tất cả, ngài không còn trong trạng thái sợ hãi nữa. Rồi trước mặt Thế Tôn, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

842. Khi ta ngồi cổ voi,
Mang đồ mặc tể nhị,
Ăn gạo thật ngon thơm,
Với món thịt khéo nấu.

843. Nay hiền thiện, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

844. Áo lượm rác, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

845. Thường khát thực, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

846. Mặc ba y, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

847. Đi từng nhà, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,

*Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

848. **Ăn một bữa**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

849. **Ăn trong bát**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

850. **Không ăn thêm**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

851. **Sống trong rừng**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

852. **Ngồi gốc cây**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

853. **Sống ngoài trời**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

854. **Trú nghĩa địa**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

855. **Tùy xứ trú**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

856. **Sống thường ngôi**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

857. **Ham muốn ít**, kiên trì,
Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.

858. **Sống biết đủ**, kiên trì,

*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

859. **Hạnh viên ly**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

860. **Không giao du**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

861. **Sống tinh cần**, kiên trì,
*Vui đồ ăn đặt bát,
Thiền tư, không chấp trước,
Là con của Gô-dha.*

862. *Từ bỏ bát quý giá,
Bằng vàng, bằng nhựa quý,
Ta lấy bát bằng đất,
Đây quán đảnh thứ hai.*

863. *Vòng thành cao bảo vệ,
Vọng lâu, cửa kiên cố,
Với lính tay cầm gươm,*

Ta đã sống sợ hãi.

864. Nay hiền thiện, không sợ,
Bỏ run sợ kinh hãi,
Thiền tư, vào rừng sâu,
Là con của Gô-dha.

865. An trú trên **giới uẩn,**
Chánh niệm, tu tuệ quán,
Thứ lớp ta đạt được,
Mọi kiết sử đoạn diệt.

524 Triền cái - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là **Vô minh triền cái**.*

Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Không có một pháp khác,
Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy lưu chuyển,
Như bao phủ bởi **si**.*

*Và ai đoạn diệt si,
Đâm thủng khối u ám,*

Họ không lưu chuyển nữa,

525 Triển khai Thiền quán Thân bất tịnh - Kinh Sīla Vāṇiya – Tiểu III, 16

Sīla Vāṇiya – Tiểu III, 16 (6)

Đây là bài kệ của Trưởng lão Sambhūta, ngài được sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con trai một Bà-la-môn có danh tiếng, tên là Sambhūta.

Với ba người bạn *Bhūmija*, *Jeyyasena* và *Abhirādana*. Ngài nghe Thế Tôn thuyết pháp và ngài xuất gia. Khi đang tu tập **thiền quán thân bất tịnh**, ngài ở luôn luôn tại Sitavana (rừng mát) và được gọi là **Sitavāṇiya (vị ở rừng mát)**.

Khi thấy các Tỷ-kheo đang đi đến yết kiến đức Phật, ngài nói: "*Thưa các Hiền giả, các Hiền giả hãy đánh lễ bậc Đạo Sư thay mặt tôi và thưa với bậc Đạo Sư như sau:*

**6. Có Tỷ-kheo đi đến,
Rừng Sitavana,
Sống một mình, độc cư,
Biết đủ, tâm nhập định,
Thẳng trắn, không kinh hoàng,
Kiên trì hộ thân niệm.**

526 Triển khai Thiền quán và chứng quả - Kinh Subhùti – Tiểu III, 9

Subhùti – Tiểu III, 9 (1)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong gia đình vị Cố vấn Sumana, em trai Ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc), được đặt tên là *Subhùti*.

Trong ngày ông Cấp Cô Độc dâng cúng vườn Kỳ Viên cho đức Phật, ngài có chứng kiến. Sau khi nghe pháp, ngài khởi lòng tin và xuất gia. Thọ Đại giới xong, ngài thâm hiểu hai loại giới luật. Được Thế Tôn cho một đề tài để thiền quán, ngài đi vào rừng để hành thiền. Sau khi **triển khai thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài bắt đầu thuyết pháp, không phân biệt giới hạn, được trở thành vị Tỷ-kheo **đệ nhất về hạnh Từ vô lượng**. Khi Ngài đi khát thực, ngài vẫn hành thiền, và khi xuất thiền, ngài mới nhận đồ ăn, và như vậy đem lại công đức lớn cho thí chủ và ngài trở thành vị **xứng đáng được bố thí đệ nhất**. Do vậy, Thế Tôn có nói: "Này các Tỷ-kheo, *Subhùti* được xem là vị Tỷ-kheo đệ nhất về hạnh từ bi vô lượng, xứng đáng được cúng dường".

Bậc Đại đệ tử này, trong khi đi khát thực đi đến Vương Xá, vua Bimbisàra (Bình-sa) nghe ngài đến, liền đến kính chào và xin dựng một chỗ ở cho ngài, nhưng rồi vua quên, ngài không nhận được chỗ ở, nên hành thiền ngoài trời. Vì thái độ nghiêm túc của ngài, trời không mưa và do vậy nạn hạn hán đe dọa dân chúng, quần chúng tụ họp than phiền ồn ào trước hoàng cung. Vua tìm hiểu nguyên nhân vì sao trời không mưa và nghĩ rằng có lẽ vì ngài Subhùti hành thiền ngoài trời. Vua cho làm các am thất bằng lá cho ngài, và khi ngài vào ngồi thiền trong am thất ấy, trời bắt đầu mưa từng hột một chớ không mưa ào ào.

Ngài muốn quần chúng khỏi sợ hạn hán, tuyên bố rằng, không có sự sợ hãi gì đe dọa ngài, từ phía ngoài hay từ phía trong, với những bài kệ như sau:

1. *Am thất ta khéo lợp,
An lạc, ngăn chặn gió,
Thần mưa, hãy mưa đi,
Mưa như ý Người muốn!*
***Tâm ta khéo định tĩnh,
Giải thoát, sống tinh cần***
Thần mưa, hãy mưa đi!
Thần mưa, hãy mưa đi!

527 Triển khai thiền quán dục vọng và chứng quả - Kinh Uttarapàla – Tiểu III, 205

Uttarapàla – Tiểu III, 205 (181)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là Uttarapàla.

Ngài thấy Thế Tôn thực hiện thần thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chăm lo tu học.

Một hôm, do nhớ nghĩ chuyện này chuyện khác, **dục vọng** tấn công ngài, và **sau một thời chiến đấu tư tưởng mãnh liệt**, ngài chận đứng các phiền não, và **triển khai thiền quán**, ngài chứng được quả A-la-hán.

Suy tư đến chiến thắng, ngài rống lên tiếng rống con sư tử:

*251. Ta thật là hiền thiện,
Suy tư mục đích tốt,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
Là thế giới si mê.*

252. **Sanh trong giới vực ma,**
*Bị tên mạnh xung kích,
Nhưng ta giải thoát được,
Cạm bẫy của Ma vương.*

253. *Mọi dục, ta đoạn tận,
Mọi sanh hữu, hủy hoại,
Đường sanh tử chấm dứt,
Nay không còn tái sanh.*

528 Triển khai thiên quán khi mẹ dụ về - Kinh Atuma – Tiểu III, 84

Atuma – *Tiểu III*, 84 (72)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một vị nghị sĩ, được đặt tên là *Atuma*.

Khi ngài lớn lên, *mẹ* ngài tìm cho ngài một người vợ và hỏi ý kiến bà con, nhưng ngài không chịu vì chán ngấy nếp sống gia đình.

Mặc dầu ngài xuất gia và sống với các Tỷ-kheo, *mẹ* ngài vẫn tìm cách cám dỗ ngài hoàn tục. Ngài nói lên chí nguyện với bài kệ như sau:

*72. Như cây măng lớn mạnh,
Khó vượt khỏi cây cành,
Cũng vậy, đến với ta,
Vấn đề đem vợ về,
Hãy vui lòng chấp thuận,
Nay ta đã xuất gia.*

Khi ngài đang đứng nói chuyện với *mẹ* ngài, ngài **triển khai thiên quán**, từ bỏ các cấu uế, trở thành vị A-la-hán.

529 Triển khai thiền quán lời mẹ nói - Kinh Kassapa – Tiểu III, 92

Kassapa – Tiểu III, 92 (82)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn thuộc Tây Bắc (Udicca-hahmanacsa) và được đặt tên là *Kassapa*.

Cha ngài mất khi ngài còn nhỏ, mẹ ngài nuôi ngài lớn lên. Một ngày kia, ngài nghe đức Phật giảng ở Jetavana, ngay lúc ấy nhờ nghiệp duyên thuận thực, ngài chứng được Sơ quả. Ngài đi đến gặp mẹ và xin xuất gia.

Khi đức Phật an cư, làm lễ tự tứ xong, bắt đầu bộ hành, Kassapa muốn được đi theo Thế Tôn. Trước hết ngài đến xin phép bà mẹ và được **mẹ cho phép đi với lời khuyên dạy như sau:**

*82. Hãy đi tại chỗ nào,
Khát thực nhận dễ dàng,
Những chỗ được an toàn,
Những chỗ không sợ hãi,
Tại những chỗ như vậy,
Này con, con hãy đi,
Chớ khiến cho đời con,*

Sầu muộn bị va chạm.

Ngài suy nghĩ: "*Mẹ ta muốn ta đi đến chỗ ta giải thoát khỏi phiền não, như vậy đây là dịp cho ta đạt được giải thoát hoàn toàn, không có sầu não buồn phiền*".

Rồi ngài cố gắng **triển khai thiền quán**, chứng quả A-la-hán. Vì rằng lời khuyên của mẹ giúp ngài tinh tấn hành trì chứng quả, nên ngài nói lại bài kệ ấy.

530 Triển khai thiền quán năm uẩn và chứng quả - Kinh Mittakali – Tiểu III, 588

Mittakali – *Tiểu III*, 588 (43)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh trong một gia đình Bà-la-môn, ở xứ dân chúng Kuru, tại thành Kammāsadamma. Khi đến tuổi trưởng thành, nàng được nghe giảng về **Bốn niệm xứ** và xuất gia làm Tỷ-kheo-ni.

Trong bảy năm nàng ưa thích được cúng dường, được trọng vọng và thường hay gây lộn cãi vã về sau nàng biết **như lý tác ý**, **triển khai thiền quán** và chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ.

Nghĩ đến sự chiến thắng của mình, nàng nói lên sự phân khởi của nàng.

92. Vì lòng tin, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta sống tâm hướng mạnh,
Theo lợi dưỡng cung kính.

93. Từ bỏ đích tối thượng,

*Phục vụ đích hạ liệt,
Bị phiền não ngự trị,
Bỏ đích Sa-môn hạnh.*

*94. Ngồi trong phòng tinh xá,
Ta cảm bị dao động,
Ta đi vào tà đạo,
Khát ái ngự trị ta.*

*95. Ngăn ngừa sinh mạng ta,
Già, bệnh đang đè nặng,
Trước khi thân hủy diệt,
Giờ phóng dật không còn.*

*96. Như thật ta quán sát,
Sinh diệt của các uẩn,
Tâm giải thoát, ta chứng,
Lời Phật dạy làm xong.*

531 Triển khai thiền quán tánh sanh diệt của năm uẩn và chứng quả - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – Tiểu III, 32 (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, **được ăn một bữa ăn thích hợp**, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. *Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tăng trưởng hạnh viên ly.*

532 Triển khai thiền quán và chứng Sáu thắng trí - Kinh Vacchapàla – Tiểu III, 83

Vacchapàla – *Tiểu III*, 83 (71)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có và được đặt tên và *Vacchapàla*.

Ngài chứng kiến cuộc gặp gỡ giữa vua Bimbisàra với đức Phật. Sự hàng phục của *Uruvela Kassapa* trước Thế Tôn, ngài khởi lòng tin và xin xuất gia.

Chỉ trong một tuần, ngài **triển khai thiền quán** và chứng **sáu thắng trí**.

Chứng quả A-la-hán, ngài vui vẻ tán thán quả chứng này và quả chứng Niết-bàn trong bài kệ như sau:

*71. Nếu thấy được **sự thật**,
Thật vi diệu, vi tế,
Với trí tuệ thiện xảo,
Với tâm tư khiêm tốn,
Sống rập theo giới luật,
Do chính đức Phật dạy,
Với người ấy Niết-bàn,*

Chúng được không khó khăn.

Bài kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

533 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Belatthakàni – Tiểu III, 109

Belatthakàni – Tiểu III, 109 (101)

Tái sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn, ngài được đặt tên là *Belatthakàni*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết giảng, ngài xuất gia, tu tập **chỉ quán** trong một khu rừng ở Kosala.

Nhưng ngài rất **biếng nhác và hay nói lời thô ngữ**, do vậy tâm tư ngài không chơn chánh để tu tập, Thế Tôn biết được thiền quán chín muồi của ngài, khích lệ ngài với bài kệ như sau:

*101. Từ bỏ đời cư sĩ,
Trách nhiệm chưa làm xong,
Dùng miệng như cái cày,
Bụng ăn no, biếng nhác,
Như con heo to lớn,
Đồ ăn thật đầy đủ,
Kẻ nhác lại liên tục,
Đi đến chỗ thai tạng.*

Như thấy đức Bồ Sư trước mặt, ngài cảm thấy xúc động mãnh liệt khi nghe bài kệ này và **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, ngài dùng bài kệ này nói lên chánh trí của ngài.

534 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – Tiểu III, 577

Bhaddà Thuộc Dòng Họ Kapllà – *Tiểu III*, 577 (37)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh vào một gia đình Bà-la-môn dòng họ Kosiya ở Sàgala. Được sống trong giàu sang, nàng được gả làm **vợ một nhà quý tộc tên là Pippali ở làng Mahàtittha**.

Khi người **chồng xuất gia**, nàng giao lại tài sản cho các người bà con để nàng được xuất gia.

Nàng sống năm năm tại Tittthiyàrama, sau đó nàng được Mahàpajàpati cho thọ đại giới, nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán.

Sau nàng trở thành một **vị có biệt tài về các đời quá khứ nhờ hạnh nguyện trong đời quá khứ**. Nàng được đức Phật xem là người biệt tài **đệ nhất về đời sống quá khứ**, khi bậc Đạo Sư ở Jetavana (Kỳ Viên) ngồi phân loại các Tỷ-kheo-ni.

Một ngày kia nàng nói lên những bài kệ, nói đến những kinh nghiệm quá khứ và tán thán hạnh của Trưởng lão Kassapa:

63. Con được thừa tự Phật,
Ca-diếp khéo thiên định.
Biết được đời quá khứ,
Thấy cõi trời đọa xứ.

64. Ấn sĩ đoạn diệt sanh,
Thắng trí được thành tựu,
Cùng với Ba minh này,
Là Phạm chí Ba minh.

65. Cũng vậy nàng Bhaddà,
Người xứ Kapila,
Nàng là bậc Ba minh,
Đã đoạn được sự chết,
Mang thân này cuối cùng,
Sau khi thắng ma quân.

66. Thấy nguy hại ở đời,
Hai chúng tôi xuất gia.
Chúng tôi được chế ngự,
Đoạn tận các lậu hoặc,
Cảm xúc thành mát lạnh,
Được tịch tịnh giải thoát.

535 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Cittaka – Tiểu III, 32

Cittaka – Tiểu III, 32 (22)

Ngài sanh ở Ràjagaha, con một gia đình Bà-la-môn giàu có. Khi bậc Đạo Sư ở vườn Trúc Lâm, *Cittaka* đến nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Lựa **giới luật làm đề tài tu tập**, ngài vào một khu rừng và tu tập thiền định, với **thiền quán khai triển**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật, được các vị đồng Phạm hạnh hỏi ngài có tinh tấn tu hành khi ở trong rừng không, ngài trả lời có và với bài kệ này, ngài nói lên chánh trí của ngài.

*22. Chim công, màu xanh biếc,
Cổ đẹp, có màu tươi,
Đang gọi nhau trong rừng,
Rừng Kà-ram-vi-yà,
Với gió mát tiếng trong,
Chúng gọi và thức dậy,
Vị hành thiền đang ngủ.*

536 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

537 Triển khai thiên quán và chứng quả - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiên quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiên quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,*

Nhiếp phục con voi rừng.

Nhờ làm vậy, thiên quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

538 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636

Mẹ Của Vaddha – Tiểu III, 636 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở thành phố Bhàrukaccha, trong một gia đình thường dân. Sau khi lập gia đình, nàng sanh được một người con, đặt tên là Vaddha và nàng được biết là mẹ Vaddha.

Nghe một Tỷ-kheo thuyết pháp, nàng trở thành một tín nữ, và giao lại con cho bà con. Nàng đi đến các Tỷ-kheo-ni và xuất gia. Vaddha đi thăm mẹ, đi một mình vào tinh xá Tỷ-kheo-ni và bị mẹ khiển trách như sau:

204. *Vaddha, chớ bao giờ,
Roi vào cỗi tham dục,
Này con, chớ chia phần,
Trong đau khổ liên tục.*

205. *Hạnh phúc là ẩn sĩ,
Không tham, nghi đoạn tận,
Sống mát lạnh, chế ngự,
Không còn các lậu hoặc.*

206. *Ấn sĩ ấy hành trì,
Con đường đạt chánh kiến,
Chấm dứt sự khổ đau,
Vaddha! Hãy tiến tu.*

Rồi Vaddha suy nghĩ: "Mẹ ta chắc đã chứng quả A-la-hán", nên nói như sau:

207. *Với tự tín mẹ nói,
Mục đích này cho con,
Mẹ thân! Con nghĩ rằng,
Mẹ không còn tham dục.*

Rồi vị Trưởng lão Ni trả lời, nêu rõ trách nhiệm của mình đã làm xong:

208. *Vaddha! Phàm hành gì,
Thấp, cao hay bậc trung,
Một tí nhỏ tham dục,
Không có ở nơi ta.*

209. *Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Không phóng dật, **thiền tu**,
Ba minh đã đạt được,
Làm xong lời dạy.*

Người con dùng lời khuyên của mẹ để tự sách tấn đi vào tinh xá, ngồi trên chỗ mình thường ngồi, **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Suy tư trên hạnh phúc về quả chứng của mình, Vaddha đi đến mẹ và nói lên chánh trí của mình:

210. *Vi diệu thay, mẹ ta,
Khích lệ, thúc đẩy ta,
Những kẻ thuộc **chân đế**,
Với lòng từ thương tưởng.*

211. *Ta nghe lời mẹ dạy,
Lời giáo giới mẹ hiền,
Ta hành pháp cảm kích,
Đạt an ổn khổ ách.*

212. *Ta tinh tấn tinh cần,
Ngày đêm không biếng nhác,
Được mẹ khéo khích lệ,
Ta chứng tịnh tối tợ.*

539 Triển khai thiện quán và chứng quả - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III, 94* (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiện quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

540 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Sakulà – Tiểu III, 590

Sakulà – *Tiểu III*, 590 (44)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh làm Bà-la-môn, ở Sàvatthi, tên là *Sakulà*. Khi đức Phật nhận tinh xá Jetavana, nàng trở thành người tín nữ, và về sau được nghe một vị A-la-hán thuyết pháp, nàng phát nguyện xuất gia, tinh cần **triển khai thiền quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Về sau tùy theo lời phát nguyện, nàng được Thế Tôn tán thán là **Thiên nhãn đệ nhất**. Sau khi suy tư đến kết quả chứng của mình, nàng phấn khởi hoan hỷ và nói lên bài kệ:

97. *Khi sống ở gia đình,
Nghe Tỷ kheo thuyết pháp,
Ta thấy pháp vô uế,
Đạo Niết-bàn bất tử.*

98. *Từ bỏ con trai, gái,
Cả tài sản lúa gạo,
Cạo tóc ta xuất gia,
Sống đời sống không nhà.*

99. *Ta làm người học nữ,
Tu tập **con đường chánh,**
Đoạn tận tham và sân,
Đoạn từng lậu hoặc một.*

100. *Thọ giới Tỷ-kheo-ni,
Ta nhớ đời quá khứ,
Thiên nhãn ta thanh tịnh,
Không uế, khéo tu tập.*

101. ***Thấy các hàng ngoại diện,**
Do nhân sanh biến hoại,
Ta đoạn mọi lậu hoặc,
Mát lạnh ta tịch tịnh.*

541 Triển khai thiên quán và chứng quả - Kinh Somà – Tiểu III, 575

Somà – *Tiểu III*, 575 (36)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sinh ra là con gái vị giáo sĩ của vua Bimbisàra. (Bình Sa Vương) và được đặt tên là *Somà*.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng trở thành một tín nữ, và về sau nàng xuất gia và nhờ **triển khai thiên quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ.

Ở tại Sàvatthi, một ngày kia nàng đi vào rừng Andhavana để nghỉ ban ngày và ngồi dưới một gốc cây. **Ác ma** đến và muốn phá sự an tịnh cô độc của nàng, tàng hình không cho nàng thấy và nói lên như sau:

*60. Địa vị khó chứng đạt,
Chỉ thánh nhân chứng đạt,
Trí nữ nhân hai ngón,
Sao hy vọng chứng đạt.*

Rồi nàng cự lại Ác ma:

61-62. *Nữ tánh chướng ngại gì,
Khi tâm khéo thiền định,
Khi trí tuệ triển khai,
Chánh quán pháp vi diệu,
Ở tất cả mọi nơi,
Hỷ lạc được đoạn tận,
Khởi tối tăm mù mịt,
Đã bị làm tan nát.*
*Hỡi này kẻ Ác ma,
Ngươi hãy biết như vậy,
Ngươi chính là Ác ma,
Ngươi đã bị bại trận.*

542 Triển khai thiện quán và chứng quả - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là *Sìha*.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiện quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

543 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

544 Triển khai thiền quán và chứng quả - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 73

Vajji Putta – Tiểu III, 73 (62)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình vị nghị sĩ và được gọi là **con của Vajji**.

Ngài thấy uy nghi đức độ của bậc Đạo Sư khi bậc Đạo Sư đến Vesàli. Ngài khởi lòng tin và xuất gia sau thời kỳ làm Sa-di, ngài ở trong một ngôi rừng gần Vesàli.

Một ngày lễ được tổ chức ở Vesàli có hát, có nhạc, có múa và mọi người hoan hỷ tham gia ngày lễ, **tiếng ồn làm vị Tỷ-kheo dao động. Ngài bỏ chỗ tịnh cư của ngài**, dừng nghỉ tu tập thiền quán và nêu rõ sự yếm ly của mình trong câu kệ:

*Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Như vậy ngày tháng qua,
Ngày này tiếp ngày khác,
Còn có ai bất hạnh,
Hơn bất hạnh chúng tôi.*

Một **Thiên nhân** trong rừng nghe vậy, thương xót vị Tỷ-kheo, nên đến trách vị Tỷ-kheo: "Này Tỷ-kheo, dầu Ông có khinh thường đời sống trong rừng núi, nhưng những vị sáng suốt muốn sống thanh tịnh đều nói nhiều đến núi rừng".

Thiên nhân ấy nói lên bài kệ tán thán đời sống ở rừng núi:

*62. Một mình chúng tôi sống,
Trong rừng núi hoang vu,
Như khúc gỗ bị quăng,
Bỏ rơi trong rừng núi,
Nhưng nhiều người thương mến,
Đời sống ấy của ta,
Như kẻ đọa địa ngục,
Ưa đón cảnh thiên giới.*

Rồi vị Tỷ-kheo, như con ngựa hay được thúc đẩy, ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nghĩ: "Bài kệ của Thiên nhân đã thúc đẩy ta". Và ngài đọc lại bài kệ ấy.

545 Triển khai thiền quán về các dục và chứng quả - Kinh Pakkha – Tiểu III, 74

Pakkha – *Tiểu III*, 74 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh thuộc dòng họ Thích-ca, thành Devadahi, trong gia đình vua chúa Thích-ca và được gọi là thanh niên Sangmoda.

Nhưng khi còn nhỏ, ngài bị bệnh tê thấp, có khi bước đi như người bị què, vì vậy được tên là **Pakkha (vị què quặt)** và giữ lại tên ấy.

Sau khi ngài lành bệnh, ngài có mặt khi đức Phật về thăm gia đình, ngài khởi lòng tin, xuất gia và sống ở trong rừng.

Một hôm vào làng khát thực, ngài ngồi dưới một gốc cây, một con **diều hâu** ngoạm được miếng thịt, bay bổng trên trời cao, các con diều hâu khác bay theo đàn cướp lấy miếng thịt, thấy vậy, vị Tỷ-kheo suy nghĩ: "**Các dục ở đời cũng vậy, đầy những đau khổ**". Ngài **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán, ngài nói lên bài kệ tuyên bố chánh trí của ngài:

*63. Chúng rơi theo, sà xuống,
Cái đang bị rơi xuống,
Với lòng tham thúc đẩy,
Chúng lại đến, đến nữa.
Bốn phận ta làm xong,
Ta vui thích sung sướng,
Với an lạc, đón mừng,
Ta đón mừng an lạc.*

546 Triển khai thiền quán về cảm thọ và khổ uẩn - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

547 Triển khai thiên quán về sự nguy hiểm của dục vọng - Kinh Rakkhita – Tiểu III, 89

Rakkhita – *Tiểu III, 89 (79)*

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành Devadaha, trong gia đình một quý phái Thích-ca, tên là *Rakkhita*.

Ngài là một trong năm trăm các hoàng tử dòng họ Thích-ca được xuất gia để làm hộ chúng cho Thế Tôn, theo quyết định các vua chúa Thích-ca và Koliya.

Đức Phật đã cảm hóa các hoàng tử tuổi trẻ này với *câu chuyện tiền thân Kunàla*, một bài học về sự nguy hiểm của dục vọng. Liên hệ bài học này với đề tài thiên quán, ngài **triển khai thiên quán** và chứng quả A-la-hán.

Sau đó suy nghĩ đến sự xuất ly của mình khỏi các phiền não, ngài nói lên chánh trí của mình với bài kệ như sau:

79. Mọi **tham** ta đã đoạn,
Mọi **sân** được nhổ lên,

*Mọi **si** được từ bỏ,
Ta mát lạnh tịch tịnh.*

548 Triển khai thiên quán về vô thường và chứng quả - Kinh Ambapàli – Tiểu III, 655

Ambapàli – *Tiểu III*, 655 (66)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng được sanh dưới một gốc cây xoài trong vườn vua Vesàli và được gọi là Ambapàli.**

Nàng rất đẹp nên đến khi lớn lên nhiều vương tôn công tử cạnh tranh để chiếm đoạt nàng. **Về sau để tránh những cạnh tranh ấy và cũng do *nghiệp lực* của nàng, nàng trở thành một *kỹ nữ*.**

Vì lòng tin đối với bậc Bổn Sư, nàng xây dựng một tinh xá trong ngôi vườn của nàng và cúng cho đức Phật và chúng Tăng. Khi nàng nghe **con nàng, tức là Trưởng lão *Vimalakondanna* thuyết pháp**, nàng **triển khai thiên quán về lý vô thường**, như thân nàng, chứng Tam minh và nàng nói lên những bài kệ sau đây:

252. *Đen như sắc con ong,*
Tóc dài ta khéo uốn,
Nay biến đổi vì già,
Như vải gai, vỏ cây,

**Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.**

253. *Thơm như hộp ướp hương,
Đầu ta đầy những hoa,
Nay biến đổi vì già,
Hôi như lông con thỏ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

254. *Như rừng khéo vun trồng,
Lược kim tu chói sáng,
Nay biến đổi vì già,
Tóc lơ thơ rơi rụng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

255. *Trang điểm với bện tóc,
Sáng chói nữ trang vàng,
Tóc mềm mại êm dịu,
Thơm ngát với mùi hương,
Nay biến đổi vì già,
Rơi rụng đầu sói trọc,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.*

256. *Trước **lông mày** của ta,*

Chói sáng khéo tô vẽ,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nheo, rơi suy sụp,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

257. **Mắt** ta xanh và dài,
Sáng đẹp như châu báu,
Nay biến đổi vì già,
Hư hại không chói sáng,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

258. **Lỗ mũi** mềm và thon,
Sáng chói và trẻ măng,
Nay biến đổi vì già,
Héo khô và tàn tạ,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

259. Trước **tai** ta sáng chói,
Như vàng vòng khéo làm,
Nay biến đổi vì già,
Nhăn nhu chảy xệ xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

260. Trước **răng** ta sáng chói,
Như búp nụ chuối hoa,
Nay biến đổi vì già,
Bể gãy vàng như lúa,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

261. Ngọt là **giọng nói** ta,
Như chim cu hót rừng,
Nay biến đổi vì già,
Tiếng bể bị đứt đoạn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

262. Trước **cổ** ta chói sáng,
Mềm đầy đặn nhu nhuyến,
Nay biến đổi vì già,
Nhiều ngán và khô cằn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

263. Trước **cánh tay** của ta,
Sáng như hai cột tròn,
Nay biến đổi vì già,
Như hoa kèn yết ớt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

264. Trước **bàn tay** của ta,
Mềm mại như cành hoa,
Sáng như nữ trang vàng,
Nay biến đổi vì già,
Như rễ cây khô cằn,
Nhăn nhiu và thô nhám,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

265. Trước **vú** ta sáng chói,
Căng thẳng và tròn đầy,
Nay biến đổi vì già,
Trống rỗng treo lủng lẳng,
Như da không có nước,
Trống không, không căng tròn,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

266. Trước **thân** ta chói sáng,
Như giáp vàng đánh bóng,
Nay biến đổi vì già,
Đây vết nhăn nhỏ xíu,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

267. Trước **bắp vế** của ta,

Sáng chói như vôi vôi,
Nay biến đổi vì già,
Giống như những ống tre,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

268. Trước **ống chân** của ta,
Mềm mại như vòng vàng,
Nay biến đổi vì già,
Chẳng khác gậy cây mè,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

269. Trước **chân** ta chói sáng,
Vôi lông mềm như bông,
Nay biến đổi vì già,
Nứt nẻ đầy đường nứt,
Đúng như lời giảng dạy,
Của bậc nói sự thật.

270. **Thân này là như vậy,**
Nay già chứa nhiều khổ,
Ngôi nhà đã cũ kỹ,
Vôi trét tường rơi xuống,
Đúng như lời giảng dạy,
Của Bậc nói sự thật.

Và vị trưởng lão Ni, thấy được những hình tướng vô thường trên thân của mình, nhận thức được tánh vô thường của ba giới: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Tâm tư quán triệt tánh Vô thường, Khổ, Vô ngã, và **phát triển tuệ quán** trên con đường tu tập, chứng được quả A-la-hán.

549 Triển khai thiền quán về đau khổ và vô ngã - Kinh Ekadhamma Savanniya – Tiểu III, 78

Ekadhamma Savanniya – *Tiểu III*, 78 (67)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Sitavyà, trong gia đình một vị nghị sĩ. Khi Thế Tôn đến thăm Sitavyà, và ở tại rừng Singsapa, ngài đến nghe Thế Tôn giảng, đánh lễ ngồi xuống một bên, Thế Tôn hiểu được tâm tư ngài, dạy pháp cho ngài với câu kệ: "*Các hành là vô thường*".

Và ngài nhờ ảnh hưởng đời trước, thấy sự thật rõ ràng hơn, xuất gia tìm học nghĩa chữ *đau khổ*, nghĩa chữ *vô ngã*, triển khai thiền quán và chứng quả A-la-hán.

Vì ngài chỉ nghe ***một pháp*** và chỉ nghe ***một mình*** mà chứng được Thánh quả, nên ngài được tên *Ekadhamma Savaniya (vì được nghe một pháp)*, ngài tuyên bố chánh trí trong bài kệ như sau:

67. *Phiền não ta đốt cháy,
Mọi hữu được nhỏ lên,
Đường luân hồi đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

550 Trong ai không man trá, Không mạn, tham đoạn tận - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 165* (Ud 28)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pilindavaccha, thường hay gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ **bần tiện**.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Pilindavaccha: "Này Hiền giả, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn đi đến Tôn giả Pilindavaccha, sau khi đến nói với Pilindavaccha:

- Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Pilindavaccha vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Pilindavaccha đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này Vaccha. Thầy thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện?

- Thừa có, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn sau khi tác ý đến đời sống trước của Pilindavaccha, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này, các Tỷ-kheo, chớ có bực phiền với Tỷ-kheo Pilindavaccha. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà Vaccha thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn. Danh từ bản tiện đã lâu nay được chứa chấp trong vì ấy. Do vậy, Vaccha thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bản tiện.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

6. *Trong ai không mạn trá,
Không mạn, tham đoạn tận,
Không ngã sở, không dục,
Phần nộ được trừ diệt,
Tự ngã thành mát lạnh*

*Vị ấy là Phạm chí,
Là Sa môn Tỷ-kheo.*

551 Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

125. *Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

126. *Này khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,
Trí tuệ cầm giữ ngươi,*

*Ngươi đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

552 Trong cái thấy sẽ chỉ là cái thấy - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 126

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 126* (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Bàhiya Daruciriya trú ở Suppàraka, trên bờ biển, được cung kính, tôn trọng đánh lễ, cúng dường và nhận được y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Rồi Bàhiya Dàruciriya khởi lên tư tưởng như sau: "*Với ai là bậc A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán, ta là một trong những vị ấy*". Rồi một Thiên nhân, trước là bà con huyết thống với Bàhiya Dàruciriya, vì lòng từ mẫn, vì muốn lợi ích, với tâm của mình biết tâm tư của Bàhiya Dàruciriya, đi đến Bàhiya Dàruciriya và nói như sau:

- *Này Bàhiya. Ông không phải là A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán. Ông không có đạo lộ ấy, với đạo lộ này Ông có thể trở thành A-la-hán hay đang đi trên con đường đưa đến A-la-hán.*

- *Nhưng ai là những vị, trong thế giới này, với thế giới chư Thiên là những vị A-la-hán hay đang đi trên con đường A-la-hán?*

- Nay Bàhiya, có thành phố tên là Sàvatthi trên những quốc lộ phương Bắc. Tại đây có Thế Tôn hiện đang trú, bậc A-la-hán. Chánh Đẳng Giác. Vị ấy là bậc A-la-hán và thuyết pháp đưa đến quả A-la-hán.

Rồi Bàhiya Dàruciriya, được Thiên nhân ấy thúc dục, đi ra khỏi Sappàraka, trong suốt đường trường, chỉ nghỉ một đêm, đi đến chỗ Thế Tôn đang trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, trong khu vườn Anàthapindika. Lúc bấy giờ nhiều Tỷ-kheo đang đi kinh hành giữa trời. Bàhiya Dàruciritya đi đến các Tỷ-kheo ấy, sau khi đến nói như sau:

- *Thưa các Tôn giả, nay Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác ở đâu? Chúng tôi muốn được yết kiến Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác.*

- Nay Bàhiya, Thế Tôn đã đi vào giữa các nhà đề khát thực.

Rồi Bàhiya Dàraciriva mau chóng ra khỏi Jetavana, đi vào Sàvatthi, và thấy Thế Tôn đang đi khát thực, khả ái, khởi lên tịnh tín, các căn an tịnh, tâm ý an tịnh, đạt được an chỉ, chế ngự tối thượng, giống như một con voi được điều phục, phòng hộ với các căn an tịnh. Thấy vậy, Bàhiya Dàruciriya liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu xuống chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con, Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bàhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ hai Bàhiya Dàruciriya Bạch Thế Tôn:

- *Thật khó biết, bạch Thế Tôn, là chướng ngại cho mạng sống của Thế Tôn, hay chướng ngại cho mạng sống của con. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết pháp cho con. Thiện Thệ hãy thuyết pháp cho con, nhờ vậy con có thể được hạnh phúc an lạc lâu dài.*

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Māhiya Dàruciriya:

- Không phải thời, này Bàhiya, Ta đang khát thực.

Lần thứ ba, Bàhiya Dàruciriya bạch Thế Tôn:

- Thật khó biết... hạnh phúc lâu dài.

- Vậy này Bàhiya, Ông cần phải học tập như sau:
"Trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy. Trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe. Trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng. Trong cái thức tri, sẽ chỉ là các thức tri".

Như vậy, này Bàhiya, Ông cần phải học tập. Vì rằng, này Bàhiya, nếu với Ông, trong cái thấy, sẽ chỉ là cái thấy; trong cái nghe, sẽ chỉ là cái nghe; trong cái thọ tưởng, sẽ chỉ là cái thọ tưởng; trong cái thức tri, sẽ

chỉ là cái thức tri. Do vậy, này Bàhiva, Ông không là chỗ ấy. Vì rằng, này Bàhiya, Ông không là đời này, không là đời sau, không là đời chặng giữa. Như vậy là đoạn tận khổ đau.

Nhờ lời thuyết pháp tóm tắt này của Thế Tôn, tâm của Bàhiya Dàruciriya được giải thoát khỏi các lậu hoặc, không có chấp thủ. Thế Tôn sau khi thuyết cho Bàhiya Dàruciriya lời giáo giới tóm tắt này, liền ra đi. Thế Tôn ra đi không bao lâu, một con bò con húc chết Bàhiya Dàruciriya. Thế Tôn sau khi khát thực ở Sàvatthi xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, đi ra khỏi thành với nhiều Tỷ-kheo, thấy Bàhiya Dàruciriya bị chết, thấy vậy liền nói với các Tỷ-kheo:

- Này các Tỷ-kheo, hãy lấy thân xác Bàhiya Dàruciriya, đặt lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, rồi xây tháp lên trên. Này các Tỷ-kheo, một vị đồng Phạm hạnh với các Thầy đã qua đời!

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, sau khi đặt xác thân của Bàhiya Dàruciriya lên trên cái chõng, đem đi hỏa thiêu, xây dựng cái tháp cho vị ấy, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, thân xác của Bàhiya Dàruciriya đã được hỏa thiêu, tháp đã được xây dựng xong cho vị ấy. Sanh thú cho vị ấy là gì? Đời sau vị ấy là gì?

- Nay các Tỷ-kheo, Hiền trí là Bàhiya Dàruciriya đã hành trì tùy pháp, đúng pháp và không có phiền nhiễu Ta với những tranh luận về pháp. Nay các Tỷ-kheo, Bàhiya Dàruciriya đã nhập Niết Bàn.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Chỗ nào nước và đất,
Lửa, gió không chấp trước,
Tại đây sao không chói,
Mặt trời không chiếu sáng,
Tại đây trăng không chiếu,
Tại đây u ám không,
Khi ẩn sĩ Phạm chí,
Tự mình với trí tuệ,
Thế nhập vào Chánh pháp,
Vị ấy được giải thoát
Khỏi sắc và vô sắc,
Khỏi an lạc, đau khổ.*

Lời cảm hứng này được Thế Tôn thuyết giảng và tôi được nghe như vậy.

553 Trong hai mươi lăm năm, Đoạn dứt được ngũ nghĩ - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏ,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không nã loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sanh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sanh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

554 Trong hàng cầu uế ấy, Vô minh, nhớ tôi thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Cầu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo,**
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cầu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự.**

Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi

Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. Không tụng làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bần nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. Tà hạnh nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. Đễ thay, sống không hổ,
Sống lỗ mãng như quạ,
Sống công kích huênh hoang,

Sống liêu lĩnh, nhiễm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nẫu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,
Người ấy ngày hoặc đêm,

Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đây,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi của người**,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy **lậu** hoặc **tăng**,
Rất xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,
Chúng sanh **thích hý luận**,

Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

555 Trong khi ta lâm bệnh, Niệm khởi lên nơi ta - Kinh Uttiya – Tiểu III, 39

Uttiya – Tiểu III, 39 (30)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi con trai một Bà-la-môn, và **xuất gia để tìm đời sống bất tử**, trở thành một du sĩ ngoại đạo. Một ngày kia, trong khi bộ hành ngài gặp Thế Tôn đang thuyết pháp và ngài xin xuất gia.

Vì **giới** hạnh ngài không thanh tịnh, nên ngài không đạt được Thánh quả. Thấy các Tỷ-kheo khác nói lên chánh trí của mình, ngài xin Thế Tôn một bài học tóm tắt. Đức Phật trả lời ngài phải làm cho thanh tịnh nếp sống căn bản và đức Phật dạy ngài về nếp sống căn bản một cách tóm tắt, Uttiya học tập bài học này, **phát triển thiền quán**, nhưng rồi bị bệnh. Trong sự cố gắng tối hậu, ngài chứng được quả A-la-hán.

Vì ngài chứng được Thánh quả trước những trở ngại lớn như vậy, ngài nói lên chánh trí của ngài liên hệ đến con bệnh của ngài:

*30. Trong khi ta lâm bệnh,
Niệm khởi lên nơi ta,
Trong khi ta lâm bệnh,*

Không phải thời phóng dật.

556 Trong khi được cảm xúc, Với các loại cảm giác - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là ",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghे câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thân được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thân được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngỉ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỳ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỳ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

557 Trong rừng núi rộng lớn, Bị muỗi làng đốt cắn - Kinh Gahvaratīrya – Tiểu III, 41

Gahvaratīrya – Tiểu III, 41 (31)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và được gọi là *Aggidatta*.

Khi lớn lên ngài thấy đức Phật hiện hóa thân thông song hành, khởi lòng tin và xuất gia. Lấy một đề tài để hành trì, ngài đi vào rừng Ratira và được biết với tên là *Gahvaratīrya*, **phát triển thiền quán**, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài đi đến đánh lễ đức Phật ở Sàvatthi, các bà con ngài nghe tin ngài đến, liền cúng dường ngài rất nhiều. Khi ngài muốn trở lui lại khu rừng, các bà con ngăn lại, nói rằng núi nhiều muỗi và ruồi làng rất khó sống. Ngài trả lời đời sống rừng núi thích hợp với ngài và ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

*31. Trong núi rừng rộng lớn,
Bị muỗi làng đốt cắn,
Như voi đầu chiến trận,
Tại đây sống chánh niệm.*

558 Trong thời luân hồi dài, Ta trôi lăn nhiều cõi - Kinh Vajjita – Tiểu III, 187

Vajjita – *Tiểu III*, 187 (168)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Kosala giàu có, sau khi từ Phạm Thiên giới hạ sanh, ngài luôn luôn khóc trong bàn tay bà mẹ, vì ngài không chịu nổi xúc chạm của nữ nhân, ngài được gọi là *Vajjita* (vị từ bỏ).

Đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến Thế Tôn hiện thân thông song hành, khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Nhớ đến đời sống quá khứ, ngài cảm thấy xúc động nói:

215. Trong thời luân hồi dài,
Ta trôi lăn nhiều cõi,
Ta không thấy **Thánh đế**,
Ta phàm phu mù lòa.

216. Với **hạnh không phóng dật**,
Ta phá vỡ luân hồi,
Mọi sanh thú chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.

Và bài kệ trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

559 Trong đêm canh thứ nhất, Ta nhớ các đời trước - Kinh Sunìta – Tiểu III, 342

Sunìta – *Tiểu III*, 342 (242)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình đồ rác, và sống với nghề đi quét đường, không đủ tiền để sống khỏi đói.

Trong canh một Thế Tôn khởi lòng từ mẫn, nhìn khắp thế giới và thấy trong tâm của Sunìta, có đủ điều kiện để chứng quả A-la-hán, chói sáng như ngọn đèn trong cái ghè. Khi trời đã mới sáng, Thế Tôn dậy, đắp y cầm y bát, với một số Tỷ-kheo tùy tùng, đi đến Vương Xá để khát thực và tìm đến con đường *Sunìta* đang quét dọn. Sunìta đang quét các đồng rác gom lại từng đồng, đổ vào thúng rồi gánh mang đi.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư đi đến với đoàn tùy tùng, ngài cảm thấy hoan hỷ xúc động không tìm được chỗ để ẩn núp, ngài đứng sát như mắc dính vào vách tường và chấp tay vái chào. Khi đức Bôn Sư đến gần, *đức Phật với lời rất dịu ngọt hỏi ngài sao cam phận sống đời sống khổ sở như vậy, và có thể xuất gia được không?* Ngài hoan hỷ chấp nhận và được đức Phật độ cho xuất gia với câu: "Hãy đến này các Tỷ-kheo!".

Bậc Đạo Sư đưa ngài về tịnh xá, dạy cho ngài một phương pháp thiền quán. Ngài chứng được tám thiền chứng và năm thắng trí. **Phát triển thiền quán**, ngài chứng được thắng trí thứ sáu.

Rồi Sakka và các Phạm thiên đến đánh lễ ngài đã được ghi như sau:

*Rồi bảy trăm chư Thiên,
Huy hoàng đi đến gần,
Tùy tùng đáng Phạm Thiên,
Và Thiên chủ Đế Thích,
Họ sung sướng đánh lễ,
Trưởng lão Sunita,
Bậc chiến thắng cao sang,
Vượt qua già và chết!*

Thế Tôn thấy ngài được chư Thiên đoanh vây, Thế Tôn mỉm cười và khen ngài, thuyết giảng cho ngài với câu kệ: "Với giới sống Phạm hạnh" (kệ số 631).

Rồi nhiều Tỷ-kheo, muốn ngài **rống tiếng con sư tử** hỏi ngài sanh ra từ gia đình nào, vì sao lại xuất gia, làm thế nào để chứng quả, ngài trả lời cho họ với những bài kệ như sau:

620. Ta sanh nhà hạ tiện,
Nghèo khổ không đủ ăn,
Nghê ta rất hèn hạ,

Ta kẻ quét hoa rơi.

621. Ta bị người nhàm chán,
Miệt thị và khinh bỉ,
Hạ mình xuống thật thấp,
Ta kính lễ quần chúng.

622. Rồi ta thấy đức Phật,
Thượng thủ chúng Tỷ-kheo,
Bậc Đại Hùng vào thành,
Magadha tối thượng.

623. Ta quăng bỏ đòn gánh,
Đến gần để đánh lễ,
Với lòng thương xót ta,
Bậc Thượng nhân đứng lại.

624. Lễ chân Đạo Sư xong,
Ta đứng liền một bên,
Ta xin được xuất gia,
Bậc tối thượng mọi loài.

625. Bậc Đạo Sư từ bi,
Từ mẫn khắp thế giới,
Nói: "Hãy đến Tỷ-kheo",
Đại giới, ta thọ vậy.

626. Rồi ta sống trong rừng,
Một mình không biếng nhác,
Ta theo lời Đạo Sư,
Như **bậc chiến thắng** dạy.

627. Trong đêm canh thứ nhất,
Ta nhớ các đời trước,
Trong đêm canh chạng giữa,
Thiên nhân ta thanh tịnh,
Trong đêm canh cuối cùng,
Ta phá khỏi si ám.

628. Khi đêm vừa mở rộng,
Rạng đông, trời ló rạng,
Đế Thích, Phạm Thiên đến,
Chấp tay đánh lễ ta,

629. **Đánh lễ bậc Thượng sanh!**
Đánh lễ bậc Thượng nhân!
Ngài đoạn tận lậu hoặc,
Ngài xứng đáng cúng dường.

630. Bậc Đạo Sư thấy ta,
Đứng đầu chúng chư Thiên,
Nở ra một nụ cười,
Nói với ta nghĩa này:

631. **Nhờ khổ hạnh, Phạm hạnh,**
Nhờ tự chế, điều phục,
Nhờ vậy, là Phạm chí,
Đây, Phạm chí tối thượng.

560 Tránh ác, gần thiện - Kinh Vimala – Tiểu III, 209

Vimala – *Tiểu III*, 209 (185)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ba-la-nại trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Trưởng lão Amitta, và nhờ sự hướng dẫn này, ngài **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Rồi ngài giảng dạy cho một Tỷ-kheo là bạn của ngài như sau:

263. *Hãy tránh xa bạn ác,
Giao thiệp bậc thượng nhân,
Vâng theo lời khuyến giáo,
Hướng đến lạc bất động.*

264. *Như leo trên ván nhỏ,
Giữa biển lớn bị chìm,
(Xem kệ 147 - 148)*

265. *Cũng vậy đến kẻ nhác,
Người hạnh tốt cũng chìm,
Do vậy, hãy bỏ nó,
Kẻ làm biếng, làm nhác.*

266. *Hãy sống gần bậc Thánh,
Bậc viễn ly tinh cần,
Thiên định, thường tinh tấn,
Bậc Hiền trí sáng suốt.*

561 Trên dưới khắp tất cả, Được giải thoát hoàn toàn - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 253

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 253 (Ud 74)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bảy giờ, Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn đang trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ Tôn giả Lakumthakabbaddiya. Do Tôn giả Sàriputta, với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm của Tôn giả Lakumthakabbaddiya được giải thoát các lậu hoặc, không có chấp thủ.

Thế Tôn thấy Tôn giả Lakumthakabbaddiya, do Tôn giả Sàriputta với pháp thoại gồm nhiều pháp môn trình bày, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ nên tâm được giải thoát khỏi các lậu hoặc không có chấp thủ. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên ***lời cảm hứng*** này:

1. *Trên dưới khắp tất cả,
Được giải thoát hoàn toàn,
Không còn có tùy quán*

*"Cái này chính là tôi".
Giải thoát vậy vượt dòng,
Trước chưa từng vượt qua,
Không còn có rơi rớt
Vào sanh hữu thọ sanh.*

**562 Trên dưới ngang - Phàm ông rõ biết gì,
Cao, thấp, ngang, chặng giữa - Kinh
Câu hỏi của thanh niên 5 Dhotaka -
Tiểu I, 789**

Câu hỏi của thanh niên 5 – Dhotaka – *Tiểu I*, 789

Dhotaka:

1061. *Tôn giả Dhô-ta-ka:*

*Con xin hỏi Thế Tôn,
Mong Ngài trả lời cho,
Con chờ đợi lời Ngài,
Kính thưa bậc Đại sĩ,
Nghe lời Ngài tuyên bố,
Chúng con sẽ tự mình,
Học tập giới Niết-bàn.*

Thế Tôn:

1062. *Thế Tôn đáp lại rằng:*

*Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ở đây Ông nhiệt tâm,
Sáng suốt và chánh niệm,
Từ đây, nghe tuyên bố,
Tự học tập Niết-bàn.*

Dhotaka:

1063. Con thấy ở thế giới,
Chư Thiên và loài Người,
Sở hành của Phạm chí,
Không một gì sở hữu.
Con đánh lễ chính Ngài,
Bạc có mắt cùng khắp,
Kính thừa bậc Thích tử,
Hãy giải thoát cho con,
Tất cả mọi nghi ngờ.

Thế Tôn:

1064. Hỡi này Dhô-ta-ka,
Ta sẽ không đi đến,
Giải thoát cho một ai,
Có nghi ngờ ở đời,
Khi pháp được Ông biết,
Là tôi thương tôi thắng,
Như vậy Ông vượt khỏi,
Dòng nước chảy mạnh này.

Dhotaka:

1065. Hãy giáo hóa, từ mẫn,
Ôi bậc đại Phạm thiên,
Để con được rõ biết,
Pháp viên ly vô thượng,
Như vậy con sẽ sống,
Như trời không áp bức,

*Sở hành ở đời này,
An tịnh và độc lập.*

Thế Tôn:

1066. Thế Tôn liền nói rằng:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Ta sẽ giảng cho Ông,

Pháp tịch tịnh hiện tại,

Không do xưa truyền lại,

Sau khi biết pháp này,

Hãy sống, giữa chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Dhotaka:

1067. Con cảm thấy hoan hỷ,

Pháp bậc Đại sĩ giảng,

Pháp tịch tịnh vô thượng;

Sau khi biết pháp này,

Con sẽ sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1068. Thế Tôn lời đáp lại:

Hỡi này Dho-ta-ka,

Phàm Ông rõ biết gì,

Cao, thấp, ngang, chằng giữa,

Sau khi được rõ biết,

Tham ái này ở đời,
Chớ tạo nên khát ái
Với hữu và phi hữu.

**563 Trên dưới ngang - Phàm ông rõ biết gì,
Trên dưới ngang, ở giữa - Kinh Câu
hỏi của thanh niên 4 Mettagu - Tiểu I,
783**

Câu hỏi của thanh niên 4 – Mettagu – *Tiểu I*, 783

Mettagu:

1049. *Tôn giả Mêt-ta-gu:*

Con xin hỏi Thế Tôn,

Mong Thế Tôn trả lời,

Vấn đề con đã hỏi,

Con nghĩ Ngài hiền trí,

Tự ngã đã tu tập,

Từ đâu ở trong đời,

Đau khổ này khởi lên,

Với nhiều loại như vậy?

Thế Tôn:

1050. *Thế Tôn trả lời rằng:*

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ông hỏi ta vấn đề,

Sanh khởi của khổ đau,

Ta sẽ nói cho Ông,

Như Ta đã được biết,

*Chính do duyên **sanh** y,*

Nên khổ được khởi lên,
Với nhiều loại như vậy,
Khác biệt ở trong đời.

1051. **Những ai vì vô minh,**
Tác thành các sanh y,
Kẻ ngu tạo đau khổ,
Tiếp tục được sanh khởi.
Do vậy kẻ hiểu biết,
Không nên tạo sanh y,
Vì thấy sự sanh khởi,
Của sanh và đau khổ.

Mettagu:

1052. Điều chúng con đã hỏi,
Ngài đã đáp chúng rồi,
Nay xin hỏi câu khác,
Mong Ngài giải đáp cho,
Thế nào bậc Hiền trí,
Vượt khỏi dòng nước mạnh,
Vượt khỏi sanh và già,
Cùng sầu muôn than khóc?
Mong rằng bậc ẩn sĩ,
Hãy khéo trả lời con,
Đúng như Ngài đã biết,
Pháp nhĩ là như vậy?

Thế Tôn:

1053. Thế Tôn trả lời rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Ta sẽ nói cho Ông,

Pháp thiết thực hiện tại,

Không do trao truyền lại,

Sau khi biết pháp ấy,

Vị ấy sống chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Mettagu:

1054. Thừa bậc Đại ẩn sĩ,

Con hết sức hoan hỷ,

Chánh pháp vô thượng ấy,

Sau khi biết pháp ấy,

Sống gìn giữ chánh niệm,

Vượt tham ái ở đời.

Thế Tôn:

1055. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Mêt-ta-gu,

Phàm Ông rõ biết gì,

Trên, dưới, ngang, ở giữa,

Hãy từ bỏ hoan hỷ,

Hãy từ bỏ trú xứ,

Chớ để cho ý thức,

An trú trên sanh hữu.

1056. *An trú vậy, chánh niệm,
Tỷ-kheo không phóng dật,
Sau khi bỏ sở hành,
Đưa đến ngã, sở hữu.
Đối với sanh và già,
Sầu muộn và than khóc,
Ở đây, biết được vậy,
Hãy từ bỏ đau khổ.*

Mettagu:

1057. *Con cảm thấy hoan hỷ,
Lời nói bậc Đại sĩ;
Đoạn tận được sanh y,
Được Ngài khéo tuyên thuyết.
Chắc chắn đức Thế Tôn,
Đã đoạn tận đau khổ,
Vì pháp này được Ngài,
Rõ biết là như vậy.*

1058. *Những vị ấy hãy đoạn,
Hãy từ bỏ đau khổ,
Những người ấy được Ngài,
Thường thường dạy, giáo hóa.
Con xin đảnh lễ Ngài,
Hãy đến, bậc Long tượng,
Mong Thế Tôn thường hằng,*

Giáo hóa dạy dỗ con.

Thế Tôn:

1059. Vị Bà-la-môn nào,
Được thắng tri, có trí,
Không có sở hữu gì,
Không ái luyến đục hữu,
Chắc chắn vị như vậy,
Vượt qua bực lưu này,
Đã đến được bờ kia,
Không cứng cõi, không nghi.

1060. Người ấy sau khi biết,
Thông suốt được Thánh điển,
Không dính ái triền này,
Về hữu và phi hữu,
Vị ấy ly tham ái,
Không phiền lụy, không cầu,
Ta nói rằng vị ấy,
Đã vượt khỏi sanh già.

564 Trì pháp - Không phải vì nói nhiều, Mới xứng danh trì pháp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 82

Phẩm Pháp Trụ – *Tiểu I*, 82

256. Người đâu phải pháp trụ,
Xử sự quá chuyên chế,
Bậc trí cần phân biệt,
Cả hai chánh và tà.

257. Không chuyên chế, đúng pháp,
Công bằng, dắt dẫn người,
Bậc trí sống đúng pháp,
Thật xứng danh pháp trụ.

258. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh bậc trí,
An ổn, không oán sợ,
Thật đáng gọi bậc trí.

259. Không phải vì nói nhiều,
Mới xứng danh trì pháp,
Những ai tuy nghe ít,
Nhưng thân hành đúng pháp,
Không phóng túng chánh pháp,

Mới xứng danh trì pháp.

260. Không phải là Trưởng lão,
Dầu cho có bạc đầu,
Người chỉ tuổi tác cao,
Được gọi là: "**Lão ngu**."

261. Ai chân thật, đúng pháp,
Không hại, biết chế phục,
Bậc trí không cầu ướ,
Mới xứng danh **Trưởng Lão**.

262. Không phải nói lưu loát,
Không phải sắc mặt đẹp,
Thành được người lương thiện,
Nếu ganh, tham, dối trá.

263. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhổ tâm ấy,
Người trí ấy diệt sân,
Được gọi người hiền thiện.

264. Đầu trọc, không Sa môn,
Nếu phóng túng, nói láo,
Ai còn đầy dục tham,
Sao được gọi Sa-môn?

265. Ai lắng dịu hoàn toàn,
Các điều ác lớn nhỏ,
Vì lắng dịu ác pháp,
Được gọi là **Sa-môn**.

266. Chỉ khát thực nhờ người,
Đâu phải là Tỷ kheo!
Phải theo pháp toàn diện,
Khất sĩ không, không đủ.

267. Ai vượt qua thiện ác,
Chuyên sống đời Phạm Hạnh,
Sống thâm sát ở đời,
Mới xứng danh Tỷ kheo.

268. Im lặng nhưng ngu si,
Đâu được gọi ẩn sĩ,
Như người cầm cán cân,
Bậc trí chọn điều lành.

269. Từ bỏ các ác pháp,
Mới thật là ẩn sĩ.
Ai thật hiểu hai đời
Mới được gọi ẩn sĩ.

270. Còn sát hại sinh linh,
Đâu được gọi Hiền Thánh.

Không hại mọi hữu tình,
Mới được gọi Hiền Thánh.

271. Chẳng phải chỉ giới cấm,
Cũng không phải học nhiều,
Chẳng phải chứng thiền định,
Sống thanh vắng một mình.

272. Ta hưởng an ổn lạc,
Phàm phu chưa hưởng được.

Tỷ kheo, chớ tự tin
Khi lậu hoặc chưa diệt.

565 Trí giải thoát để phá hoại vô minh là gì_ - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiên,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,
Với nội và ngoại **thọ**,

*Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.*

566 Trí kim cang - Trí kim cang đánh nát, Mọi chấp trì của thức - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

Migajàla – *Tiểu III*, 269 (217)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. *Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.*

418. *Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.*

419. ***Phá vỡ gốc vô trí,
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cang đánh nát,***

Mọi chấp trì của thức.

420. *Cảm thọ được phơi bày,
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hổ than hùng,
Được tùy quán bởi trí.*

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường **Thánh tám ngành**,
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.

567 Trí tuệ - Bình khí trí tuệ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản dục vọng và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bảy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,
Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,*

Nhưng **tâm** không an tịnh.

748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.

749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.

750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.

751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,

752. Bị **nghi** hoặc trói buộc,

Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình **phẫn nộ**,
Khiến tâm tư **cứng rắn**,
Bị xâu xé **cắt đứt**,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trói buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. Các tùy kiến không đoạn,
Các tư niệm dao động,
Bị chúng **đâm**, ta run,
Như lá bị **gió thổi**.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với **sáu xúc xứ**,
Ngã hữu từ **đấy** sanh.

756. Ta không thấy **lượng y**,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng **dao** **thăm** dò.

757. Có vị **lượng y** nào,

Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bặc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Ầy bụi bùn không thoát,
Ầy man trá, tặc đồ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**
Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?

Ai chặt đứt cây leo?

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,
Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.

766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.

767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.

768. **Cột gút đã lâu ngày,**
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cười, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.

568 Trí tuệ - Phải đàm luận mới biết được trí tuệ của một người - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 234

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 234 (Ud 64)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Sàvatthi, tại Đông Viên, lâu đài mẹ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn vào buổi chiều, từ độc cư thiên tịnh đứng dậy và đến ngồi tại một ngôi nhà nhỏ phía cửa ngoài.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Lúc bấy giờ bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ, với nách đầy lông, với móng tay dài, mang các dụng cụ khát sĩ, đã đi ngang qua Thế Tôn không xa bao nhiêu.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y một bên vai, quỳ xuống trên đầu gối tay mặt, chấp tay hướng về bảy vị bên tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lửa thể, bảy vị mặc một y và bảy vị du sĩ ấy, nói lên ba lần tên của mình: "*Thưa chư Tôn giả, con là vua Pasenadi nước Kosala!*"

Rồi vua Pasenadi nước Kosala, khi bảy vị bện tóc, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị Ni-kiền Tử, bảy vị lỏa thể, bảy vị mặc một y, và bảy vị du sĩ ấy đã đi ngang qua không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pasenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, có phải những Tôn giả ấy là những vị A-la-hán trên đời này, hay là những vị đang đi trên con đường hướng đến đạo quả A-la-hán?

- Thưa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ trong khi còn sống với gia đình, thọ hưởng dục lạc, bị vợ con trói buộc, quen dùng các loại chiên đàn ở xứ Kàsi, trang sức với vòng hoa, hương thơm, dầu sáp, thọ hưởng vàng và bạc thời Đại vương **thật khó biết được** các vị ấy là bậc A-la-hán hay là bậc đang đi con đường hướng đến A-la-hán quả.

- Thưa Đại vương, chính phải **cộng trú** mới biết được **giới đức** của một người và như vậy **phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý không phải không có tác ý; phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.**
- Thưa Đại vương, chính phải có **liên hệ** mới biết được **sự thanh liêm** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được, phải có tác ý, không phải không có tác ý, phải có trí tuệ không phải với ác tuệ.

- Thừa Đại vương, chính trong thời gian **bất hạnh** biết được **sự trung kiên** của một người, phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý; phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.
- Thừa Đại vương, chính phải **đàm luận** biết được **trí tuệ** của một người, và như vậy phải trong một thời gian dài không thể ít ngày được; phải có tác ý, không phải không tác ý, phải có trí tuệ, không phải với ác tuệ.

- Thật là hy hữu, bạch Thế Tôn! Thật là kỳ diệu, bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn đã khéo nói như sau: "Thừa Đại vương, khi Đại vương còn là cư sĩ... không phải với ác tuệ". Bạch Thế Tôn, có những trình thám này của con những người trinh sát sau khi đi trinh sát mặt nước, chúng đến con. Trước hết họ báo cáo rồi con mới đúc kết. Bạch Thế Tôn, ở đây những người ấy sau khi tẩy sạch bụi và nhớt, sau khi tắm rửa và xoa dầu, sau khi chải sạch râu tóc, mặc áo vải trắng, chúng được hầu hạ sẵn sàng và cho thọ hưởng năm dục công đức.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên bài kệ này:

2. *Phải siêng năng cố gắng,
Tại bất cứ chỗ nào,*

*Chớ trở thành là người
Thuộc vào con người khác.
Chớ có sống ỷ lại,
Nương tựa vào người khác,
Chớ sống nghề buôn bán,
Đem pháp để kiếm lời.*

569 Trí tuệ Bát-nhã - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 333

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 333 (Duk. I,10) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Đây đủ hai pháp, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại an trú với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc. Thế nào là hai?

- *Với sự hứng khởi đối với những trường hợp đáng phấn khởi,*
- *Và như lý tinh cần đối với phấn khởi.*

Thành tựu hai pháp này, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo ngay trong hiện tại sống với nhiều lạc hỷ, như lý nỗ lực để diệt tận các lậu hoặc.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Bậc có trí phấn khởi,
Trường hợp đáng phấn khởi,
Vị Tỷ-kheo nhiệt tình,
Thông minh và cẩn trọng,
Quán xuyên nhìn sự vật,*

*Với trí tuệ Bát-nhã,
Nhiệt tình trú như vậy,
Sống đời sống an tịnh,
Không bông bột hăng say,
Chú lực tâm tịnh chỉ,
Có thể đạt chứng được,
Đoạn diệt các khổ đau.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

570 Trí tuệ là ách và lưỡi cày - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bảy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvāja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là **bất tử,**
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ được giải thoát.**

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, **Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!**

Thế Tôn:

81. Ta **không** hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

571 Trói buộc - Bạc anh hùng cắt đứt, Mọi trói buộc gia đình - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,*

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

572 Trói buộc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhỏ tận gốc ái,
Như nhỏ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vớ tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các hỷ lạc,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,

Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thả bị sa lưới,
Do vậy vị Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Lìa rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,
Như nhện sa lưới dệt,

Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** là, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,
Hiểu thứ lớp trước sau,

Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

573 Trói buộc - Những ai không yêu ghét, Không thể có buộc ràng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 73

Phẩm Hỷ Ái – *Tiểu I*, 73

209. Tự chuyên, không đáng chuyên
Không chuyên, việc đáng chuyên.

Bỏ đích, theo **hỷ ái**,
Ganh tị bậc tự chuyên.

210. Chớ gần gũi người yêu,
Trọn đời xa kẻ ghét.
Yêu không gặp là khổ,
Oán phải gặp cũng đau.

211. Do vậy chớ yêu ai,
Ái biệt ly là ác,
Những ai không yêu ghét,
Không thể có buộc ràng.

212. Do **ái** sinh sầu ưu,
Do ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

213. **Ái luyện** sinh sầu ưu,
Ái luyện sinh sợ hãi.
Ai giải thoát ái luyện
Không sầu, đâu sợ hãi?

214. **Hỷ ái** sinh sầu ưu,
Hỷ ái sinh sợ hãi,
Ai giải thoát hỷ ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

215. **Dục ái** sinh sầu ưu,
Dục ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi dục ái,
Không sầu, đâu sợ hãi?

216. **Tham ái** sinh sầu ưu,
Tham ái sinh sợ hãi,
Ai thoát khỏi tham ái,
Không sầu, đâu sợ hãi.

217. Đủ giới đức, chánh kiến,
Trú pháp, chứng chân lý,
Tự làm công việc mình,
Được quần chúng ái kính.

218. Ước vọng **pháp ly ngôn**
Ý cảm xúc thương quả

Tâm thoát ly ác dục,
Xứng gọi bậc Thượng Lưu.

219. Khách lâu ngày ly hương,
An toàn từ xa về,
Bà con cùng thân hữu,
Hân hoan đón chào mừng.

220. Cũng vậy các phước nghiệp,
Đón chào người làm lành,
Đời này đến đời kia,
Như thân nhân, đón chào.

574 Trói buộc - Đòi bị hỷ trói buộc, Suy tâm là sở hành - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I, 806*

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

Con đến với câu hỏi,

Về tất cả mọi pháp,

Để hỏi bậc tu thiền,

Bậc an tọa không bụi,

Trách nhiệm đã làm xong,

Bậc không có lậu hoặc,

Đã đạt bờ bên kia,

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi này U-đa-ya,

Đoạn ước muốn, dục vọng,

Và cả hai loại ưu,

Và trừ bỏ hôn trầm,

Ngăn chặn mọi hối hận.

1107. Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,
Với nội và ngoại thọ,

*Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.*

575 Trăm hai mươi tuổi, chứng Ba minh - Kinh Phụ Thân Của Dhammasava – Tiểu III, 114

Phụ Thân Của Dhammasava – *Tiểu III*, 114 (108)

Ngài theo gương người con, nói rằng: "*Con ta từ bỏ đời sống thế tục khi còn trẻ như vậy, sao ta không noi theo gương?*". Rồi ngài tìm gặp Thế Tôn xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán và nói lên bài kệ:

108. *Với tuổi **trăm hai mươi**,
Ta xuất gia không nhà,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy, làm xong.*

576 Trăng - Như trăng thoát vùng mây - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt! Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-

hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. *Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.*

548. *Với ai khéo tu tập,
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.*

549. ***Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.*

550. ***Bậc có tuệ vẫn sống,
Dầu tài sản kiệt tận,***

**Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vi diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mắt,
Dung sắc, lực và trí,

*Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.*

*556. Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

577 Trước hết tự đặt mình, Vào những gì thích đáng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tỉnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm**,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Để làm các điều ác,**
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thị,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.
Tinh, không tinh, tự mình,

Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

578 Trước nó giết tự ngã, Sau nó giết người khác - Kinh Vasabha – Tiểu III, 137

Vasabha – Tiểu III, 137 (130)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Vesàli, con vị vua địa phương Licchavì.

Được cảm hóa bởi uy nghi đức độ của đức Phật khi Ngài đến thăm Vesàli, ngài xuất gia, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Biết ơn những ai ủng hộ ngài, ngài không có từ chối những vật dụng được cúng dường và hưởng thọ các vật cúng dường ấy. Người thường dân cho ngài thích thọ hưởng, nhưng ngài không để ý những lời phê bình ấy.

Gần ngài có một vị Tỷ-kheo giả dối, lừa gạt quần chúng bằng cách giả dối sống thiếu dục tri túc, do vậy được quần chúng tôn trọng. Rồi thiên chủ **Sakka** (Đế Thích) thấy được sự giả dối này, đi đến Trưởng lão Vasabha hỏi: "*Thưa Tôn giả, kẻ giả dối kia sao lại làm vậy?*" Ngài trả lời với bài kệ, chỉ trích kẻ ác bất thiện kia:

139. *Trước nó giết tự ngã,
Sau nó giết người khác,*

*Họ khéo giết tự ngã,
Như chim mỗi, mỗi chim.*

*140. Không phải Bà-la-môn,
Vội dung sắc bên ngoài,
Bà-la-môn chính thống,
Phải dung sắc bên trong,
Vội ai, làm ác nghiệp,
Người ấy là hắc nhân,
Là chồng của Sujà.*

579 Trước tâm này buông lung, Chạy theo ái, dục, lạc - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,

Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lẫn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. *Trước tâm này buông lung,
Chạy theo ái, dục, lạc,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.*

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo phòng hộ tâm ý,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Như vua bỏ nước bại,

Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

580 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

581 Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – Tiểu III, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tàn,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bậc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

*Dịu ngọt, rất khả ý,
Ở đây, hàng phàm phu,
Vô trí, bị trói buộc.*

*Họ muốn chịu đau khổ,
Khi họ tìm tái sanh,
Dắt dẫn bởi tâm họ,
*Họ chết trong địa ngục.**

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chú tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này **tâm**, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước **tâm** này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

582 Trước, giữa và sau - Kinh Cháp trượng - Tiểu I, 751

Kinh Cháp trượng – *Tiểu I*, 751

Thế Tôn:

935. *Từ người cầm các trượng,
Sợ hãi được sanh ra,
Hãy xem các loài người,
Trong khi đấu tranh nhau,
Ta sẽ nói sợ hãi,
Như Ta đã được biết.*

936. *Thấy loài người vùng vẫy,
Như cá trong nước cạn,
Thấy họ chống đối nhau,
Ta rơi vào sợ hãi.*

937. *Đời toàn không lỗi cây,
Mọi phương đều dao động,
Muốn cho mình **ngôi nhà**,
Ta không thấy nhà ở.*

938. *Cuối cùng là xung đột,
Thấy vậy Ta chán ngắt,*

Đây Ta thấy mũi tên,
Khó thấy, gắn vào tim.

939. Ai bị mũi tên đâm,
Chạy khắp mọi phương hướng,
Ai rút mũi tên ra,
Không chạy, liền ngồi xuống.

940. Ở đây sự học tập,
Đã được nói rõ lên,
Phàm triền phược ở đời,
Chớ liên hệ với chúng,
Đâm thẳng đục hoàn toàn,
Tự học tập Niết-bàn.

941. Chân thật không xông xáo,
Không man trá, hai lưỡi,
Không phần nộ, ẩn sĩ,
Vượt tham ác, xan tham.

942. Người nghĩ đến Niết-bàn,
Bỏ ngủ, nhác, thuy miên,
Không sống với phóng dật,
Không an trú quá mạn.

943. Không rơi vào nói láo,
Không tham ái các sắc,

Cần liễu tri **quá mạn**,
Sống từ bỏ **bạo ác**.

944. Không hoan hỷ việc cũ,
Không nhân chịu sự mới,
Trong tổn giảm không sầu,
Không liên hệ tham ái.

945. **Ái**, Ta gọi bực lưu,
Mong cầu gọi bọt nước,
Sở duyên gọi biển kể,
Bùn dục khó vượt qua.

946. Ẩn sĩ không rời chân,
Phạm chí trú đất liền,
Vì từ bỏ tất cả,
Thật được gọi an tịnh.

947. Biết vậy, gọi người biết,
Biết rồi không y pháp,
Chơn chánh sống ở đời,
Không tham ái một ai.

948. **Ai ở đây vượt dục,**
Ái khó vượt ở đời,
Không sầu, không tham muốn,
Cắt dòng không trói buộc.

949. Trước Ông làm khô cạn,
Sau Ông không vạt gì,
Ở giữa không nắm giữ,
Ông sẽ sống an tĩnh.

950. Toàn diện đối **danh sắc**,
Không gì nghĩ "của ta",
Không có gì không sâu,
Không có già ở đời.

951. Không nghĩ "đây của tôi",
Không nghĩ "đây của người",
Người không có tư ngã,
Không sâu vì không ngã.

952. Không tàn bạo, không tham,
Không dục, thường đồng đẳng,
Được hỏi Ta nói lên,
Lợi ích **bạc bất động**.

953. Bạc ly dục rõ biết,
Vị ấy không sở hành,
Thoát ly, không tinh cần,
Thấy an ổn khắp nơi.

954. Bạc ẩn sĩ không nói,

Bằng nhau, thua, hơn nhau,
An tĩnh, ly xan tham,
Không nhận, không bác bỏ.
Thế Tôn giảng như vậy.

583 Trước, sau, giữa - Kinh Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni - Tiểu I, 802

Câu hỏi của thanh niên 11 Jatukanni – *Tiểu I, 802*

Jatukanni:

1096. *Ja-tu-kan-ni* nói:
*Được nghe bậc anh hùng,
Không tham đắm dục vọng,
Nên con đã đến đây,
Để hỏi **bậc vô dục**,
Đã thoát khỏi bộc lưu,
Bậc sanh với con mắt,
Hãy nói đường an tịnh,
*Thế Tôn hãy như thật,
Nói cho con được biết.**

1097. *Chinh phục dục vọng xong,
Thế Tôn sống ở đời,
Như mặt trời chiếu sáng,
Cõi đất với hào quang,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói pháp cho con,
Kẻ trí tuệ bé nhỏ,
Do rõ biết pháp này,
Ở đây, con đoạn được,*

Kể cả sanh và già.

Thế Tôn:

1098. Thế Tôn nói như sau:

Hỡi Ja-tu-kan-ni,

Hãy nhiếp phục lòng tham,

Đối với các dục vọng,

Hãy nhìn hạnh xuất ly,

Đưa đến sự an ổn,

Chớ chấp chước, từ bỏ,

Sự vật gì ở đời.

1099. **Những gì có trước Ông,**

Hãy làm nó khô cạn,

Đừng có sự vật gì,

Ở phía đằng sau Ông,

Ở giữa, Ông không chấp,

Ông sẽ sống an tịnh.

1100. Hỡi này Bà-la-môn!,

Đối với danh và sắc,

Hoàn toàn không tham đắm,

Không có các lậu hoặc,

Chính do lậu hoặc này,

Bị thân chết chi phối.

584 Trạch pháp - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 338 (Duk. II, 2) (It. 33)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh-Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai?

- *"Hãy thấy ác là ác", đây là thuyết pháp thứ nhất.*
- *Sau khi thấy ác là ác, ở đây, "Hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly", đây là thuyết pháp thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với Như Lai, Phật Đà,
Từ mãi mọi chúng sanh,*

*Hãy thấy lời thuyết giảng,
Tuân tự pháp theo pháp,
Hai pháp được trình bày,
**Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác
Và chính tại ở đây,
Từ bỏ, không tham đắm.**
Từ đây, không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,
Mọi khổ đau phiền não.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

585 Trạo cử - Chớ lắc qua lắc lại, Chớ khiến ta phải đánh - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bắt ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

586 Trạo cử - Sấm trạo cử nỗ vang, Mây kiết sử bao phủ - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vô-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đâm, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **bình khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

587 Trạo cử - Đức Phật nhắc nhở và chứng quả - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

588 Trạo hôi - Này tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. *Tâm đi đến hỷ mạn,
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Này tâm, ta gọi người,
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi người,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của người,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

589 Trải qua vô lượng kiếp, Ta tác thành có thân - Kinh Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177

Kumàra Kassapa – Tiểu III, 177 (161)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), mẹ ngài là con một vị chức sắc, mẹ ngài không được cha mẹ bằng lòng cho xuất gia khi còn là thiếu nữ, lập gia đình, được chồng bằng lòng cho xuất gia, nhưng bà không biết là đang có thai.

Khi các Tỷ-kheo-ni thấy hiện trạng này, liền đến hỏi ý kiến *Devadatta* (Đề-bà-đạt-đa), vị này cho mẹ ngài là Tỷ-kheo-ni bất chánh.

Các Tỷ-kheo-ni tới hỏi ý kiến bậc Đạo Sư, bậc Đạo Sư giao việc này cho Tôn giả *Upàli* giải quyết. Upàli cho mời một số vị cư sĩ ở Sàvatthi, gồm có nữ cư sĩ *Visàkhà*, và giữa hội nghị, có sự có mặt của vua, Tôn giả Upàli tuyên bố vị Tỷ-kheo-ni đã có thai trước khi xuất gia, và bậc Đạo Sư đã chấp nhận sự kiện này.

Mẹ ngài nuôi dưỡng đứa con tại ngôi tịnh xá, đưa con như bức tượng bằng vàng, và vua nuôi dưỡng đứa trẻ và ngài được đưa đến cho bậc Đạo Sư xuất gia. Vì ngài xuất gia khi còn thiếu niên, ngài được gọi là Kumàra-kassapa, dầu cho khi ngài đã lớn.

Trong khi ngài tu tập thiền quán, học lời Phật dạy, ngài ở tại rừng Andha. Rồi **một Thiên nhân**, đã chứng quả Bất lai, đã được làm Đại Phạm Thiên ở **Tịnh Cư Thiên**, muốn chỉ cho Kumàra-kassapa phương pháp chứng được đạo quả. Vị Thiên nhân đến tại rừng Andha và hỏi ngài mười lăm câu hỏi mà chỉ có bậc Đạo Sư mới có thể trả lời. Ngài hỏi đức Phật các câu hỏi ấy và học thuộc lòng các câu đức Phật trả lời, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Được bậc Đạo Sư ấn chứng cho là **vị thuyết pháp lành lợi đệ nhất**, ngài nhớ lại quá trình tu hành của mình và dưới hình thức tán thán Ba ngôi báu, ngài nói lên chánh trí của mình:

*201. Ôi Phật đà, ôi Pháp!
Ôi Đạo Sư thành tựu!
Ở đây, vị đệ tử,
Chúng đạt Chánh pháp này.*

*202. Trải qua vô lượng kiếp,
Ta tác thành có thân,
Thân này thân cuối cùng,
Thân này hành trì xong,
Trên con đường sống chết,
Nay không còn tái sanh.*

590 Trầm lặng - 3 trầm lặng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 372b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 372b (Tik. II, 8) (It. 56)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba trầm lặng** này. Thế nào là ba? **Thân** trầm lặng, **lời** trầm lặng, **ý** trầm lặng. Này các Tỷ-kheo, có ba trầm lặng này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Thân và lời trầm lặng,
Và ý cũng trầm lặng,
Không có các lậu hoặc,
Đầy đủ với trầm lặng
Của các **bậc chân ẩn sĩ**,
Được tên gọi là vị,
Đã tẩy sạch điều ác.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

591 Trắng đen rõ ràng - 2 thuyết pháp của Như Lai - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 338

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 338 (Duk.
II, 2) (It. 33)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Có hai loại thuyết pháp của Như Lai, bậc A-la-hán Chánh-Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia. Thế nào là hai?

- *"Hãy thấy ác là ác", đây là thuyết pháp thứ nhất.*
- *Sau khi thấy ác là ác, ở đây, "Hãy nhàm chán, hãy từ bỏ, hãy thoát ly", đây là thuyết pháp thứ hai.*

Này các Tỷ-kheo, có hai loại thuyết pháp này của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, cái này tiếp nối cái kia.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với Như Lai, Phật Đà,
Từ mãi mọi chúng sanh,*

*Hãy thấy lời thuyết giảng,
Tuân tự pháp theo pháp,
Hai pháp được trình bày,
**Một là hãy nhìn rõ,
Pháp ác là pháp ác
Và chính tại ở đây,
Từ bỏ, không tham đắm.**
Từ đây, không tham đắm,
Hãy làm cho an tịnh,
Mọi khổ đau phiền não.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

**592 Trẻ không tu, già hối hận - Lúc trẻ,
không phạm hạnh, Không tìm kiếm
bạc tiền - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 61**

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chãm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà** kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tâm ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rữ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

593 Trọn đêm Thầy nằm ngủ, Ban ngày thích tụ hội - Kinh Nita – Tiểu III, 94

Nita – *Tiểu III*, 94 (84)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con một Bà-la-môn và được đặt tên là *Nita*.

Khi lớn lên, ngài nghĩ: "*Các tu sĩ Thích-ca thật may mắn, được cúng dường đầy đủ các vật cần dùng. Thật là một đời sống thoải mái, đời sống của một Tu sĩ*". Rồi ngài xin xuất gia để được sống thoải mái, không chú ý đến tu tập, ăn no, nói chuyện nhảm nhí, và ban đêm ngủ dài.

Bậc Đạo Sư thấy được thiện duyên của ngài đời trước, nên nói lên bài kệ này để giáo giới ngài.

*84. Trọn đêm Thầy nằm ngủ,
Ban ngày thích tụ hội,
Kẻ ngu sống như vậy,
Sẽ đoạn khổ được sao?*

Bị dao động bởi lời dạy của bậc Đạo Sư, ngài **triển khai thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán. Rồi ngài nói lên chánh trí của ngài, bằng cách lập lại bài kệ trên.

594 Trồng bắt tử - Đánh tiếng trồng bắt tử, Rưới cam lồ giải thoát - Kinh Càpà – Tiểu III, 666

Càpà – Tiểu III, 666 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở xứ Vankahàra, trong làng những người thợ săn đặt bẫy mồi, con người chủ thợ săn và được đặt tên là Càpà.

Trong lúc ấy, Upaka một ẩn sĩ khổ hạnh, gặp đức Bốn Sư khi Ngài đi từ Bồ đề đạo tràng đến Ba-la-nại để chuyển pháp luân và hỏi ngài: "*Này Ngài, hình như Ngài được dồi dào sức khỏe. Da của Ngài thật trong sáng. Này Ngài, Ngài từ ai xuất gia? Vị Đạo Sư của Ngài là ai? Hay ngài tin tưởng giáo lý gì?*".

Và bậc Đạo Sư trả lời như sau:

*Ta chinh phục tất cả,
Mọi sự việc, Ta biết,
Sống giữa vật, không nhiễm,
Ta từ bỏ tất cả,
Mệnh chung, ác đoạn tận,
Kiến thâm sâu, Ta chứng,
Ta chỉ ai cho ông,
Ta không có Bốn Sư,*

*Trên đời đứng một mình,
Không ai sánh bằng Ta.
Nay Ta đang đi đến,
Thành phố Ba-la-nai,
Để vận chuyển Pháp luân,
Quay bánh xe Chánh pháp,
Thức tỉnh và hướng dẫn,
Quần chúng đang mê muội,
Đánh tiếng trống bất tử,
Rưới cam lồ giải thoát.*

Vị ẩn sĩ, biết được sự giác ngộ và sứ mệnh của Ngài nên nói: "*Này Ngài, mong rằng sự việc sẽ như Ngài nói, Ngài xứng đáng là bậc chiến thắng bất diệt*".

Rồi Upaka đi con đường tắt đến Vankahara, và sống gần chỗ các người thợ săn. Người chủ thợ săn lo cung phụng cho Upaka. Một hôm, người chủ đoàn thợ săn đi bắn xa với các con trai và anh em, bảo Càpà lo cúng dường cho Upaka. Nhưng Càpà rất đẹp và khi Upaka đến tại nhà để khát thực, Upaka mê say sắc đẹp của nàng, đến nỗi ăn không được, phải đem thức ăn về nhà và nguyện thà chịu chết nếu không lấy được Càpà.

Sau bảy ngày, người chủ thợ săn trở về hỏi vị A-la-hán của mình ở đâu, và được biết Upaka chỉ đến nhà mình một lần đầu rồi thôi không đến nữa. Người thợ

săn tìm kiếm đến Upaka và Upaka than khóc thú nhận sự đắm say của mình. Người thợ săn hỏi Upaka có biết nghề gì không, Upaka trả lời là không và chịu đi lượm các loài chim thú bị bắt được và đem bán. Người thợ săn bằng lòng cho Upaka một cái áo khoác ngoài đưa về nhà và gả Càpà cho.

Sau một thời gian Càpà sanh được một người con trai và đặt tên là *Subhadda*. Khi đứa con khóc, Càpà liền hát lên như sau để chế nhạo chồng mình: "*Con của Upaka! Con của vị ẩn sĩ! Con kẻ bán đồ săn! Chớ khóc, chớ khóc này con*". Cuối cùng Upaka tức quá trả lời: "*Này Càpà, đừng nghĩ rằng không có ai che chở cho ta! Ta có một người bạn, một vị chiến thắng bất diệt, ta sẽ đến với người bạn ấy*".

Càpà biết chồng mình tức giận, nhưng vẫn trêu chọc chồng mình, cho đến một hôm Upaka cương quyết ra đi. Nàng cố cản ngăn nhưng không được và cuối cùng Upaka ra đi để gặp Thế Tôn ở Sàvatthi. Thế Tôn dặn các Tỷ-kheo khi nào có ai đến hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ở đâu?*" thì đưa người ấy vào gặp đức Phật.

Khi Upaka đến tịnh xá và hỏi: "*Vị chiến thắng bất diệt ấy ở đâu?*" Các Tỷ-kheo đưa Upaka đến gặp đức Phật. Đức Phật cho Upaka xuất gia và cuối cùng Upaka chứng được quả Bất lai. Sau khi mạng

chung Upaka được sanh lên cõi Trời Aviha, và khi tái sanh, Upaka chứng được quả A-la-hán.

Còn **Càpà**, đau buồn vì chồng bỏ đi, giao con lại cho ông ngoại đi theo Upaka, xin được xuất gia và chứng được quả A-la-hán và lấy bài kệ của Upaka, hợp chung với bài kệ của mình, nàng nói lên sự phấn khởi của mình:

Upaka nói:

291. *Ta trước tay cầm gậy,
Nay ta thành thợ săn,
Sa lầy đầm khốn cùng,
Ta không đến bờ kia.*

292. *Càpà chọc đùa con,
Mĩa mai ta say đắm,
Chặt trói buộc Càpà,
Ta nay đã xuất gia.*

Càpà nói:

293. *Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại chiến thắng,
Chớ có tức giận em,
Hồi bậc đại ẩn sĩ,
Kẻ bị giận chi phối,*

Khổ hạnh khó thanh tịnh.

294. *Ta sẽ rời Nàlà!*
Ai ở lại Nàlà,
Khi nếp sống đúng pháp,
Tại đây vị Sa-môn,
Bị sắc đẹp nữ nhân,
Trói buộc vào quuyến rũ.

295. *Hãy trở lui thừa chàng,*
Chàng mắt đen của thiếp,
Hãy hưởng thọ dục lạc,
Như trước chàng đã hưởng,
Thiếp xin phục tùng chàng,
Lại còn bà con thiếp.

296. *Này Càpà phân tư,*
Điều nàng đã nói lên,
Đôi kẻ say mê nàng,
Có thể thành lớn mạnh.

297. *Chàng mắt đen của thiếp,*
Thiếp chẳng đẹp hay sao,
Như cây lựu nảy mầm,
Nở hoa trên đầu núi,
Như giây leo giăng hoa,
Hay như bông thối kèn,

Trong nội địa hoang đảo,
Hãy nhìn sắc đẹp thiếp.

298. Ướp thơm với mùi hương,
Hương chiên đàn đỏ thắm,
Thiếp mang lụa Kàsi,
Lụa Kàsi tối thương,
Thiếp đẹp như thế này,
Sao chàng bỏ rơi thiếp.

299. Như thợ săn bắt chim,
Muốn dùng mồi bắt chim,
Dầu bữa giăng sắc đẹp,
Nàng không trối ta được!

300. Còn quả **con trai** này,
Do chàng sanh ra thiếp,
Chàng mắt đen của thiếp,
Sao chàng lại từ bỏ,
Đưa con trai của thiếp,
Đưa con trai của chàng.

301. Bạc trí bỏ con trai,
Bỏ bà con, tài sản,
Bạc đại hùng xuất gia,
Như voi biết trối buộc.

302. Con trai này của chàng,
Nay thiếp dùng gậy dao,
Đánh ngã nó trên đất,
Hãy tự cứu cho chàng,
Vì sáu muện đưa con,
Chàng không thể bỏ đi.

303. Nếu nàng quăng con trai
Cho chó sói, loài chó,
Kẻ sanh con trai ta,
Không động lòng trắc ẩn,
Nàng sẽ không làm được,
Khiến ta trở lui lại.

304. Nay mong chàng tốt lành,
Chàng mắt đen của thiếp!
Chàng sẽ đi đến đâu?
Làng nào, thị trấn nào,
Chàng đi thành phố nào?
Chàng đi kinh đô nào?

305. Xưa đời sống chúng tôi,
Tổ chức thành đồ chúng!
Không phải là Sa-môn,
Chúng tôi tưởng Sa-môn!
Chúng tôi sống bộ hành,
Làng này qua làng khác,

*Sống trong những thành phố,
Cũng như tại thủ đô.*

*306. Nay thật Thế Tôn này,
Dọc bờ sông Ni-liên,
Ngài thuyết giảng Chánh pháp,
Cho các loài hữu tình,
Đoạn tận mọi khổ đau,
Ta nay đi đến Ngài,
Ngài sẽ là Đạo Sư,
Đạo Sư của chúng ta.*

*307. Nay chàng đi đánh lễ,
Bậc Thế Tôn vô thượng!
Đi hữu nhiều quanh Ngài!
Dâng Ngài lòng cung kính.*

*308. Càpà, như nàng nói!
Lợi ích cả hai ta!
Nay ta thay mặt nàng,
Lễ Thế Tôn vô thượng,
Đi hữu nhiều quanh Ngài,
Ta dâng lòng cung kính.*

*309. Rời Kàla ra đi,
Dọc sông Ni-liên-thiên,
Thấy bậc Chánh Đẳng giác,*

Thuyết pháp **đạo bất tử**.

310. Thuyết **khổ, khổ tập khởi!**

Vượt qua sự đau khổ,

Thuyết **đường Thánh tám ngàn,**

Đưa đến khổ tịnh chỉ.

311. Đánh lễ chân Ngài xong,

Hữu nhiều quanh Ngài xong,

Trình lên lời ước nguyện,

Của Càpà vợ chàng!

Rồi chàng xin xuất gia,

Sống đời không gia đình,

Chứng đạt được **Ba minh,**

Làm xong lời Phật dạy.

**595 Trống không - Hãy nhìn đời trống
không, Luôn luôn giữ chánh niệm -
Kinh Câu hỏi của thanh niên 15
Mogharàja - Tiểu I, 809**

Câu hỏi của thanh niên 15 Mogharàja – *Tiểu I, 809*

Mogharàja:

1116. *Mo-gha-rà-ja nói:*

*Đã hai lần con hỏi,
Bậc có mắt, họ Thích,
Ngài chưa trả lời con,
Nhưng con được nghe rằng,
Cho đến lần thứ ba,
Vị Thiên nhân ẩn sĩ,
Sẽ trả lời cho con.*

1117. *Đời này và đời sau,
Phạm thiên giới, thiên giới,
Con không rõ quan điểm,
Gotama lừng danh.*

1118. *Vị thầy được thù diệu,
Con đến với câu hỏi,
Cần nhìn đời thế nào,
Để thần chết không thấy?*

Thế Tôn:

1119. *Này Mô-gha-ra-ja,
Hãy nhìn đời trống không,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Nhổ lên ngã tùy kiến,
Như vậy vượt tử vong,
Hãy nhìn đời như vậy,
Thần chết không thấy được.*

596 Trống rỗng - Ta quán sát thân này, Trống rỗng cả trong ngoài - Kinh Kulla – Tiểu III, 260

Kulla – Tiểu III, 260 (213)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ) trong gia đình một điền chủ tên là Kulla, ngài được cảm hóa với lòng tin và được bậc Đạo Sư độ cho xuất gia.

Nhưng ngài thường bị tham **dục** chi phối. Bậc Đạo Sư biết yếu điểm này của ngài, cho ngài một **đề tài bất tịnh** và **khuyên ngài thiền quán** trong một nghĩa địa.

Khi tu tập này chưa được kết quả bậc Đạo Sư đi với ngài và yêu cầu ngài theo dõi tiến trình thối nát và tiêu diệt của vật bất tịnh. Khi Kulla đã được tự tại **thoát ly**, Thế Tôn phóng hào quang, khiến ngài nhớ lại bài học, chứng Sơ thiền và từ đây **phát triển thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Ôn lại kinh nghiệm, ngài thốt ra những câu kệ sau đây, trước nói về ngài, rồi nhắc lại lời dạy của bậc Đạo Sư, cuối cùng lại nói về ngài:

393. *Kulla đến nghĩa địa,
Thấy bỏ một đàn bà,
Vắt ném trong nghĩa địa,
Làm môi cho sâu ăn.*

394. *Kulla, hãy nhìn thân,
Bệnh hoạn nhớp hôi thối,
Nước ứ chảy, rỉ chảy,
Được kẻ ngu thích thú.*

395. *Sau khi nắm gương pháp,
Đạt được chánh tri kiến,
Ta quán sát thân này,
Trống rỗng cả trong ngoài.*

396. *Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Dưới thế nào, trên vậy,
Trên thế nào, dưới vậy.*

397. *Ngày thế nào, đêm vậy,
Đêm thế nào, ngày vậy,
Trước thế nào, sau vậy,
Sau thế nào, trước vậy.*

398. *Người vậy không ưa thích,
Cả năm loại nhạc khí,*

*Khi đã được nhất tâm,
Chọn chánh thiền quán pháp.*

Những kệ này là lời tuyên bố chánh trí của ngài.

597 Trộm cắp - Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối - Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500

Kinh Kê Bàn Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvāja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvāja. Bà-la-môn Aggibhàradvāja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bàn tiện, hãy đứng lại.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvāja:

- *Này Bà-la-môn, Người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện không?*

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi

được biết về kẻ bần tiện hay các pháp tạo thành kẻ bần tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvàja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phẫn nộ, hiềm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. Ai vay nợ của người,
Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**

Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,
Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy,**
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,

Được biết là bản tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và xan tham,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đê tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,

Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Màtanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Màtanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Tì bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,*

*Quyển thuộc với **bùa chú**,
Họ vẫn thường được thấy,
Làm các điều ác nghiệp,*

*141. Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

*142. Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành bản tiện,
Do hành thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

598 Trời dễ chịu, Tâm được thiên định - Kinh Cùlaka – Tiểu III, 184

Cùlaka – Tiểu III, 184 (166)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Cùlaka.

Khi ngài thấy bậc Đạo Sư nhiếp phục con voi Dhanapàla, ngài phát khởi lòng tin xuất gia.

Trong khi tu tập, ngài trú ở hang cây Indra-sàla. Một hôm ngồi trước cửa hang, nhìn xuống các thửa ruộng ở Magadha (Ma-kiệt-đà), một cơn giông tố khởi lên với những lớp mây trùng điệp ùn ùn khởi lên, sấm sét vang dậy, trời mưa ào ào đổ xuống, các đàn chim công nghe tiếng sấm sét, sung sướng kêu lên tiếng kê-la của chúng, và múa hát chung quanh. Làn gió giông tố đem lại cho ngài cảm giác dễ chịu và thỏa thích khi ngài đang ngồi trong hang, với nhiệt độ vừa phải, **tâm** ngài được thiên định. Ngài bước vào con đường hành trì, và nhận thức được thời gian thích hợp đã đến, ngài nói lên lời tán thán, sự tu hành của ngài với những bài kệ sau:

*211. Những chim công kêu hót,
Mào đẹp, lông đuôi xinh,*

Với cỏ, màu xanh tươi,
Mỏ đẹp, tiếng hót hay,
Đất này, khéo lát cỏ,
Nước mắt khéo thấm nhuần,
Với khoảng trời khéo che,
Mây mưa khéo bao phủ.

212. Thân người khéo khỏe mạnh,
Tâm ý tốt, thiền tu,
Lành thay, khéo khởi tâm,
Trong lời khéo Phật dạy.
Hãy cảm xúc **con đường**,
Đưa đến cõi **bất tử**,
Đường ấy đường vô thượng,
Đường trong trắng lành mạnh,
Đường tế nhị nhỏ nhiệm,
Con đường thật khéo thấy.

Ngài tự giáo giới lấy mình, **chứng được
thiền định, và phát triển thiền quán**, chứng quả A-
la-hán. Ôn lại những việc đã làm, với tâm hoan hỷ,
ngài nói lên những bài kệ này như là lời tuyên bố
chánh kiến của ngài.

599 Trôi dễ chịu, tâm tịnh chỉ, thiền quán, chứng quả - Kinh Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168

Sambula Kaccàna – Tiểu III, 168 (155)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một thị dân thuộc dòng họ Kaccàna, tên là Sambula, ngài được biết với tên Sambula-Kaccàna.

Sau khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia rồi đi đến miền phụ cận núi Hy-mã-lạp-sơn, tu học thiền quán trong một cái hang tên là Bheravàyanà (đường đi dễ sợ).

Một hôm, một cơn giông tố trái mùa nổi lên, mây ùn ùn nổi lên trên hư không, sấm sét vang động, chớp sáng chói lòa, trời bắt đầu mưa đổ ào ào xuống. Các loài vật như gấu, dã can, trâu, voi đều la hét run sợ. Nhưng vị Trưởng lão phát triển thiền quán, không kể gì đến mạng sống của mình, không để ý đến tiếng động vang, nhưng cơn động làm cho dịu khí trời, tâm ngài được tịnh chỉ, ngài triển khai thiền quán, chứng được quả A-la-hán với sáu thắng trí.

Nghĩ đến thành quả đạt được, ngài cảm thấy phấn khởi, ngài nói lên chánh trí của ngài, với những bài kệ:

*189. Mưa ào ào đổ xuống,
Mưa âm âm vang động,
Ta sống chỉ một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Dầu ta sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

*190. Pháp nhĩ ta là vậy,
Nên dầu sống một mình,
Trong hang động kinh hoàng,
Ta không hoảng, sợ hãi,
Không lông tóc dựng ngược.*

600 Trời mát, thiên định, thiên quán, và chứng quả - Kinh Sirivaddka – Tiểu III, 50

Sirivaddka – Tiểu III, 50 (41)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong nhà một Bà-la-môn giàu có.

Khi vua *Bimbisàra* gặp bậc Đạo Sư, do nghiệp duyên đời trước, ngài xuất gia, đi đến một ngọn núi gần Vebhàra và Pandava, và trú tại chỗ ấy, chuyên hành tu tập.

Một hôm, một cơn giông tố lớn nổi lên và sét đánh vào hang, nhưng nhờ gió lớn của các đám mây, làm nhẹ bớt sức nóng đang đè nặng trên ngài, nhờ vậy với một **hiệt độ thích hợp**, ngài có thể **thiên định, thiên quán** và cuối cùng chứng quả A-la-hán. Với bài kệ nói lên chánh trí của mình, ngài thốt lên những lời như sau:

*41. Giữa đời Vebhara,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào cửa hang,
Đưa con bậc Vô tử,
Như vậy, vẫn ngồi thiền.*

601 Trời mát, tâm định và chứng quả - Kinh Vimala – Tiểu III, 60

Vimala – Tiểu III, 60 (50)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), từ một gia đình giàu có. Do hạnh nguyện đời trước, ngài có một **thân thể thật trong sạch như giọt sương trên lá sen**, bởi vậy, được tên là **Vimala**.

Khi lớn lên ngài khởi tín tâm khi gặp được đức Phật ở Ràjagaha, rồi ngài xuất gia, tìm một đề tài học tập, đến ở trong một hang núi ở Kosala.

Một hôm trời chuyển giông, mưa rơi xuống, làm nhẹ bớt sức nóng, ngài có thể **định tâm, chứng được quả A-la-hán**. Sung sướng với quả chứng của mình, ngài thốt lên bài kệ này:

*50. Đất, nước mưa ướt thấm,
Gió thổi mát không gian,
Trên trời, chớp vạch đường,
Tư tưởng ta lắng dịu,
Tâm ta thật định tĩnh.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

602 Trời mưa như bài ca, Khéo hát với nhạc điệu - Kinh Girimànanda – Tiểu III, 234

Girimànanda – *Tiểu III*, 234 (200)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Ràjagaha (Vương Xá) **con trai của vị cố vấn nghi lễ** cho vua Bimbisàra (Tần-bà-sa-la). Ngài thấy uy lực và uy nghi của đức Phật khi đức Phật dự hội ở Ràjagaha, và xin xuất gia.

Trong thời kỳ học tập, ngài sống trong một thời gian tại một ngôi làng rồi trở lui lại thành phố để đánh lễ Đức Phật. *Vua Bimbisàra* nghe tin ngài tới, đến yết kiến ngài và nói ngài hãy ở lại đây, vua xin lo liệu tất cả. Vì vua nhiều việc nên quên đi lời hứa, và ngài phải sống giữa trời. Và **thần mưa** không mưa, sợ làm ngài ước. Rồi vua Bimbisàra, thấy trời hạn hán nên xây dựng một am thất cho ngài. Và ngài sống trong am thất ấy cố gắng tu hành tinh tấn, quyết tâm nỗ lực, tu tập **thiền định, thiền quán**, chứng được quả A-la-hán.

Rồi hoan hỷ với sự kiện này, ngài nói lên lời chánh trí của ngài trong khi trời bắt đầu đổ mưa.

324. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở,
Tại đây ta an trú,
Thoải mái và an tịnh,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

325. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư thật tịnh chỉ,
Thần mưa, nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

326. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư, ly tham ái,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

327. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly sân hận,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

328. Trời mưa như bài ca,
Khéo hát với nhạc điệu,
Ta ngồi trong am thất,
An lạc, được che chở.
Tại đây ta an trú,
Tâm tư ly si mê,
Thần mưa nếu người muốn,
Hãy mưa, hãy mưa đi.

603 Trời mưa như hát hay, Ta ở trong am thất - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng.

Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển khai lòng từ**. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

*51. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

*52. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

*53. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,*

*Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

**604 Tà dâm - Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật theo vợ người - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 92**

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I, 92*

306. Nói láo dọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, dọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị dọa địa ngục.

312. Sống phóng đảng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng đảng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thù,

Trong ngoài đều phòng hộ,
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng **sợ**, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

605 Tà dâm - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

606 Tà dâm - Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối - Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500

Kinh Kê Bàn Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvāja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvāja. Bà-la-môn Aggibhàradvāja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn: - Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bàn tiện, hãy đứng lại.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvāja:

- *Này Bà-la-môn, Người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện không?*

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi

được biết về kẻ bần tiện hay các pháp tạo thành kẻ bần tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvàja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phẫn nộ, hiềm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. Ai vay nợ của người,
Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**

Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,
Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy,**
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,

Được biết là bản tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác độc và xan tham,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đê tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,

Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Màtanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Màtanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Tì bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,*

Quyển thuộc với **bùa chú**,
Họ vẫn thường được thấy,
Làm các điều ác nghiệp,

141. Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.

142. Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do hành thành bản tiện,
Do hành thành Phạm chí.

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

607 Tà hạnh như đàn bà, Xan tham nhóp kẻ thí - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 78

Phẩm Câu Uế – *Tiểu I*, 78

235. Người nay giống lá héo,
Diêm sứ đang chờ Người,
Người đứng trước cửa chết,
Đường trường thiếu tư lương.

236. **Hãy tự làm hòn đảo**,
Tinh cần gấp, sáng suốt.
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Đến Thánh địa chư Thiên.

237. Đòi người nay sắp tàn,
Tiền gần đến Diêm Vương.
Giữa đường không nơi nghỉ,
Đường trường thiếu tư lương.

238. Hãy tự làm hòn đảo,
Tinh cần gấp, sáng suốt,
Trừ cấu uế, thanh tịnh,
Chẳng trở lại sanh già.

239. **Bậc trí theo tuần tự**.

Tùng sát na trừ dần.

Như thợ vàng lọc bụi

Trừ cầu uế nơi mình.

240. Như sét từ sắt sanh,
Sắt sanh lại ăn sắt,
Cũng vậy, quá lợi dưỡng
Tự nghiệp dẫn côi ác.

241. Không tụng làm nhóp kinh,
Không đứng dậy, bản nhà,
Biếng nhác làm nhơ sắc,
Phóng dật uế người canh.

242. Tà hạnh nhơ đàn bà,
Xan tham nhóp kẻ thí,
Ác pháp là vết nhơ,
Đời này và đời sau.

243. Trong hàng cầu uế ấy,
Vô minh, nhơ tối thượng,
Đoạn nhơ ấy, Tỷ kheo,
Thành bậc không uế nhiễm.

244. Đễ thay, sống không hổ,
Sống lỗ mãng như quạ,
Sống công kích huênh hoang,

Sống liêu lĩnh, nhiễm ô.

245. Khó thay, sống xấu hổ,
Thường thường cầu thanh tịnh,
Sống vô tư, khiêm tốn,
Trong sạch và sáng suốt.

246. Ai ở đời sát sinh,
Nói láo không chân thật,
Ở đời lấy không cho,
Qua lại với vợ người.

247. Uống rượu men, rượu nấu,
Người sống đam mê vậy,
Chính ngay tại đời này,
Tự đào bới gốc mình.

248. Vậy người, hãy nên biết,
Không chế ngự là ác,
Chớ để tham phi pháp,
Làm người đau khổ dài.

249. Do tín tâm, hỷ tâm
Loài người mới bố thí.
Ở đây ai bất mãn
Người khác được ăn uống,
Người ấy ngày hoặc đêm,

Không đạt được tâm định.

250. Ai cắt được, phá được,
Tận gốc nhỏ tâm ấy.
Người ấy ngày hoặc đêm,
Đạt được tâm thiền định.

251. **Lửa** nào bằng lửa **tham**,
Chấp nào bằng **sân hận**,
Lưới nào bằng lưới **si**,
Sông nào bằng sông **ái**.

252. Dễ thay thấy **lỗi người**,
Lỗi mình thấy mới khó,
Lỗi người ta phanh tùm,
Như sàng trấu trong gạo,
Còn lỗi mình, che đây,
Như kẻ gian dấu bài.

253. **Ai** thấy **lỗi** của người,
Thường sanh lòng chỉ trích,
Người ấy **lậu** hoặc **tăng**,
Rất xa **lậu** hoặc **diệt**.

254. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn,
Chúng sanh **thích** **hý** **luân**,

Như lai, hý luận trừ.

255. Hư không, không dấu chân,
Ngoài đây, không Sa môn.
Các hành không thường trú,
Chư Phật không giao động.

608 Tà khổ hạnh - Đứng chỉ một chân - Kinh Jambuka – Tiểu III, 216

Jambuka – Tiểu III, 216 (190)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình rất nghèo. Như trong đời trước, ngài **dùng phân làm đồ ăn**, và rời bỏ gia đình, làm vị tu *khổ hạnh*. Thực hành nhiều *khổ hạnh*, ăn từng hạt đậu một, được chấm trên đầu ngọn rom.

Ngài đã năm lẫn tuổi khi đức Phật thấy ngài căn cơ thuần thực, như ngọn đèn đặt trong cái ghè, đi đến ngài, thuyết pháp và hóa độ cho ngài. Rồi Thế Tôn gọi: "Hãy đến, này Tỷ-kheo" và cho ngài xuất gia. Rồi Jambuka **phát triển thiền quán** và Thế Tôn ấn chứng ngài chứng quả A-la-hán.

Đây chỉ là sơ lược, trong đoạn số giải các câu kệ của Dhammapàda, câu chuyện được giải thích rộng rãi từ nơi câu: "Ăn từng hạt đậu một, với ngọn rom chấm đậu. Khi đến giờ mệnh chung, ngài nói lên rằng: dầu một lần sống theo tà hạnh, nhưng nếu dựa vào đức Phật tối thượng, ngài cũng có thể chứng quả như các đệ tử khác. Ngài nói lên những bài kệ:

282. *Trải năm mươi lăm năm,*

Thân đầy những bụi bặm,
Ăn cơm tháng một lần,
Tóc râu ta nhỏ sạch.

283. Ta **đứng chỉ một chân**,
Ta không dùng giường nằm,
Ta ăn phân phơi khô,
Ta không nhận lời mời.

284. **Sở hành ta nhiều vậy,**
Dẫn ta đến ác thú,
Bị nước lớn cuốn trôi,
Cho đến khi quy Phật.

285. Hãy nhìn Phật ta quy,
Hãy nhìn Pháp, pháp nhĩ
Ba mình ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

609 Tà kiến - 2 tà kiến Chấp chặt và Đi quá trớn - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 352

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 352 (Duk. II, 12) (It. 43)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, chư Thiên và loài Người **bị xâm chiếm bởi hai tà kiến**, một số người chấp chặt, một số người đi quá trớn, một số người có mắt thấy được.*

*Này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người chấp chặt**?*

Này các Tỷ-kheo, có chư Thiên và loài Người ưa muốn sanh hữu, khi các pháp đoạn diệt sanh hữu được giảng cho họ, tâm họ không có phần khởi, không có tín thành, không có an trú, không có bị lôi cuốn. Như vậy, này các Tỷ-kheo, đó là một số người chấp chặt.

*Và này các Tỷ-kheo, thế nào là một số **người đi quá trớn**?*

Nhưng có một số người lo âu, xấu hổ, nhàm chán với sanh hữu, hoan hỷ, phi sanh hữu. Họ nói: "Vì rằng

khi thân hoại mạng chung, tự ngã này bị chặt đứt, bị hoại diệt, không có tồn tại sau khi chết. Quan điểm này là thiết thực, là thù thắng, là chân thật". Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là một số người đi quá trớn.

Và này các Tỷ Kheo, thế nào là một số có mắt được thấy?

Ở đây, Tỷ-kheo thấy sự sanh hữu là sanh hữu, sau khi thấy sự sanh hữu, vì ấy hướng đến nhàm chán, ly tham, đoạn diệt. Như vậy này các Tỷ-kheo, đó là những người có mắt được thấy.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Những ai đã thấy được
Sanh hữu là sanh hữu,
Thấy được sự vượt qua
Của sự sanh hữu ấy.
Những vị ấy giải thoát,
Đối như thật hiện hữu,
Vì nhờ đoạn diệt được
Tham ái đối sanh hữu.
Nếu vị ấy liễu tri,
Sanh hữu là sanh hữu,
Vị ấy ly tham ái
Đối hữu và phi hữu,
Tỷ-kheo quyết phi hữu,
Đối với chính sanh hữu,*

*Sẽ không còn đi đến
Sanh đi rồi sanh lại.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

610 Tà kiến - Bị dục làm mù quáng, Bị lưới tà bao trùm - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – *Tiểu III*, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhàra**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
Ta là con đức Phật,
Ta lại được **Pháp nhãn**.*

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,*

*Đáng được sự cúng dường.
Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.*

296. Bị dục làm mù quáng,
Bị lưới tà bao trùm,
Khát ái làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do phóng dật trời buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trời buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

611 Tà kiến - Chúng lồi cuốn trôi ta, Vào đại dương tà kiến - Kinh Kelakàni – Tiểu III, 379

Kelakàni – Tiểu III, 379 (250)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trước đức Phật ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và đặt tên là *Kelakàni*.

Quá kinh nghiệm về những vấn đề quá khứ, ngài chán nản **dục vọng** và xuất gia làm người du sĩ ngoại đạo. Tìm sự giải thoát tinh thần, ngài giao du nhiều chỗ, nghĩ rằng ai ở đời này đã đến được bờ bên kia. Ngài hỏi rất nhiều Sa-môn và Bà-la-môn nhưng không được trả lời thỏa đáng.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn đã ra đời, đang chuyển Pháp Luân, đem lại hạnh phúc cho chúng sanh. Một hôm, Kelakàni nghe đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, được xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán. Một hôm, ngồi với các Tỷ-kheo, nhớ đến sự khó nhọc tìm đạo và chứng đạo của mình, ngài tuyên bố với chúng Tỷ-kheo như sau:

747. *Lâu ngày, đầy nhiệt tình,*

*Ta suy tư Chánh pháp,
Hỏi Sa-môn, Phạm chí,
Nhưng **tâm** không an tịnh.*

*748. Ở đời, ai đã đến,
Đến được bờ bên kia,
Ai đã chứng đạt được,
Lặn sâu vào **bất tử**,
Pháp ai ta chấp nhận,
Pháp thông đệ nhất nghĩa.*

*749. Mắc lưới câu bên trong,
Như cá ăn mồi tục,
Ta bị bắt, bị trói,
Chẳng khác A-tu-la,
Tên Vê-pa-xi-li,
Bị lưới Đế Thích trói.*

*750. Ta kéo lê xiềng xích,
Không sao thoát sầu bi,
Ai cởi trói cho ta,
Giúp ta chứng Chánh giác.*

*751. Sa-môn, Phạm chí nào,
Nói cách hủy hoại chúng,
Pháp ai ta chấp nhận,
Giúp từ bỏ **già chết**,*

752. Bị **nghi** hoặc trối buộc,
Bị **hăng say** chi phối,
Khiến tánh tình phản nộ,
Khiến tâm tư cứng rắn,
Bị xâu xé cắt đứt,
Bởi lòng **tham** mạnh mẽ.

753. Bị cung **ái** bắn trúng,
Ba mươi kiến trối buộc,
Xem sức mạnh ngực ta,
Bị áp đè, vẫn vững.

754. **Các tùy kiến không đoạn,**
Các tư niệm dao động,
Bị chúng đam, ta run,
Như lá bị gió thổi.

755. Khởi lên từ nội tâm,
Đốt cháy nhanh ngã sở,
Thân với sáu xúc xứ,
Ngã hữu từ đây sanh.

756. Ta không thấy lương y,
Rút mũi tên cho ta,
Dùng cách khác dò tìm,
Không dùng dao thăm dò.

757. Có vị **lượng y** nào,
Không dao, không vết thương,
Không hại đến tay chân,
Rút mũi tên cho ta,
Mũi tên đã đâm vào,
Trong nội tâm của ta.

578. **Bậc Pháp chủ** tối tôn,
Loại trừ thuốc độc hại,
Khi ta rơi vực sâu,
Đưa tay giúp đỡ ta,
Tới đất liền an toàn.

759. Ta lặn sâu trong hồ,
Đầy bụi bùn không thoát,
Đầy man trá, tật đổ,
Căng thẳng và hôn ám.

760. **Sấm trạo cử** nổ vang,
Mây kiết sử bao phủ,
Thác nước tà tư duy,
Liên hệ đến tham dục,
Chúng lôi cuốn trôi ta,
Vào đại dương tà kiến.

761. **Khắp nơi, dòng suối chảy,**

*Cây leo đứng, đâm chồi,
Ai chặn đứng dòng ấy?
Ai chặt đứt cây leo?*

762. Tôn giả **hãy làm đê**,
*Ngăn chặn những dòng suối,
Chớ có để dòng nước,
Do ý sanh cuốn ngài,
Như dòng nước cuốn gập,
Trôi cây chảy theo dòng.*

763. Cũng vậy ta sợ hãi,
Bờ này tìm bờ kia,
Khi ấy **bậc Đạo Sư**,
Có Thánh chúng hầu hạ,
Với **binh khí trí tuệ**,
Chờ y chỉ cho người.

764. Đưa ta, đang chìm đắm,
Chiếc cầu thang, khéo làm,
Phật thanh tịnh, vững chắc,
Làm bằng **lỗi Chánh pháp**,
Rồi ngài nói với ta,
Chớ có sợ hãi gì!

765. Leo lên lầu **Niệm xứ**,
Từ đây ta quán sát,

*Loài Người ưa **thân kiến**,
Trước đây, ta tự hào.*

*766. Khi ta thấy con đường,
Con thuyền cần leo lên,
Ta không trú tự ngã,
Vì thấy **bến tối thượng**.*

*767. Mũi tên khởi tự ngã,
Sanh do nhân sanh hữu
Ngài dạy **đường tối thượng**,
Chấm dứt các pháp ấy.*

*768. **Cột gút đã lâu ngày,
Ẩn nằm, trú trong da,
Đức Phật cỡi, quăng đi,
Loại bỏ mọi độc hại.***

612 Tà kiến - Các hệ phái ngoại đạo, Nương tựa trên tà kiến - Kinh Calà – Tiểu III, 628

Calà – Tiểu III, 628 (59)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Magadha, tại làng Nàlaka, con của một nữ Bà-la-môn tên là Surùpasàri. Khi đến tuổi đặt tên, nàng được gọi là **Càlà**. Em gái nàng tên là **Upacàlà** và em nhỏ nhất tên là **Sisùpacàlà** và cả ba là em của Tôn giả Sàriputta.

Khi ba đưa em nghe người anh xuất gia trở thành vị Tỷ-kheo chúng suy nghĩ: *"Đây không phải là một giáo pháp thường tình, một sự xuất gia thường tình, vì một người anh như người anh chúng ta đã quyết tâm tu hành theo"*, ba nàng cũng xuất gia, đầu gia đình than khóc. Với sự tinh tấn, tinh cần, cả ba tu hành, chứng quả A-la-hán và sống an lạc giải thoát.

Rồi Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khát thực, đi vào rừng Andho để nghỉ trưa và tại đây **Ác ma** hiện ra để cám dỗ nàng. Trong kinh, có đề cập đến vấn đề này.

Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khát thực ở Sàvatthi, đi vào trong rừng an lạc để nghỉ trưa. Đi vào rừng Andho, nàng ngồi xuống một gốc cây, Ác ma đến để

lung lạc năng và hỏi nàng những câu trong các bài kệ của nàng. Sau khi nàng nói lên những đức hạnh của vị Đạo Sư, và sức mạnh của Chánh pháp, nàng làm cho Ác ma thấy rõ sự vô ích của mình muốn cám dỗ nàng và Ác ma thất vọng biến mất. Rồi nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng và câu chuyện với Ác ma như sau:

*182. Sau khi an trú niệm,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
An lạc tịnh các hành.*

Ác ma:

*183. Vì ai, người đầu trọc,
Hiện tướng, Sa-môn ni?
Không theo hệ phái nào,
Sao sống si mê vậy?*

Càlà:

*184. Các hệ phái ngoại đạo,
Nương tựa trên tà kiến,
Họ không hiểu Chánh pháp,
Họ không thuần thực pháp.*

185. Sanh gia tộc Thích-ca,
Đức Phật, bậc vô tỷ,
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua các tà kiến.

186. Ngài thuyết **Tám thánh đạo**,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.

187. Ta nghe lời Phật dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba mình đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khói si ám tan tàn!
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị hại, Ma vương.

613 Tà kiến - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 125* (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Gayà, tại Gayasisa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*9. Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.*

614 Tà kiến - Kinh Nanduttara – Tiểu III, 587

Nanduttara – *Tiểu III*, 587 (42)

Trong đời đức Phật hiện tại, nàng sanh trong một gia đình Bà-la-môn, nước Kuru thành Kammāsaddhamma. Sau khi học hỏi ngoại đạo, nàng xuất gia theo phái Ni-kiền-tử và vì nàng thuyết pháp giỏi, nàng cầm cành cây diêm phù và đi khắp xứ Ấn Độ như nàng Bhaddā (XLVI). Nàng gặp Tôn giả Mahā-Moggallāna và bị ngài chiến thắng trong cuộc tranh luận.

Nàng nghe theo lời dạy của Tôn giả Moggallāna, xuất gia trong giáo pháp đức Bổn Sư và không bao lâu chứng quả A-la-hán với nghĩa tín thọ, pháp tín thọ. Suy tư trên chiến thắng của mình, nàng sung sướng nói lên bài kệ:

87. Trước ta đánh lễ lửa,
Trăng, mặt trời, chư thiên,
Ta đi đến bến sông,
Ta xuống nước, lễ tắm.

88. Chấp nhận nhiều giới cấm,

*Ta chỉ cạo nửa đầu,
Ta nằm ngủ dưới đất,
Cơm tối ta không ăn.*

*89. Thích trang điểm trang sức,
Ưa tắm rửa, xoa bóp,
Thân này ta cung dưỡng,
Thỏa mãn các dục tham,*

*90. Từ khi được lòng tin,
Không nhà ta xuất gia,
Ta thấy thân như Phật,
Nhờ sạch các dục tham.*

*91. Mọi sanh hữu chặt đứt,
Cả ham muốn hy cầu,
Mọi ách nạn giải tỏa,
Ta đạt tâm an tịnh.*

615 Tà kiến - Nhờ nước làm thanh tịnh - Kinh Punna hay Punnikà – Tiểu III, 650

Punna hay Punnikà – *Tiểu III*, 650 (65)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong gia đình ông Anàthapindika (Cấp Cô Độc) con gái của một người nô lệ.

Nàng chứng quả Dự lưu khi nghe **kinh Sư tử hống** (Trung Bộ Kinh, kinh số 11 hay 12).

Về sau, sau khi *nàng hóa độ* được một Bà-la-môn tin tưởng nhờ nước làm cho thanh tịnh và được cảm tình của ông chủ, nàng được thoát ly khỏi giới nô lệ, và với sự bằng lòng của ông chủ, nàng được xuất gia.

Và nhờ **triển khai thiền quán**, nàng chứng quả A-la-hán với hiệu pháp và hiệu nghĩa. Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ như sau:

*236. Mùa đông ta mang nước,
Luôn luôn xuống dòng nước,
Ta sợ các hình phạt,
Lời trách móc các bà.*

237. Hỏi này Bà-la-môn,
Ngươi sợ hãi vì ai?
Luôn luôn xuống dòng nước,
Tay chân run cầm cập.
Ngươi phải chịu cảm thọ,
Rét lạnh quá độ vậy?

238. Và nàng có biết chăng,
Hỏi này Punnikà?
Sao nàng lại đến hỏi,
Vị làm các nghiệp lành,
Vị đã chận đứng lại,
Các nghiệp ác bất thiện.

239. Vị ấy già hay trẻ,
Làm các nghiệp ác độc,
Người ấy nhờ rẫy nước,
Được giải thoát ác nghiệp.

240. Ai nói với ngươi vậy,
Kẻ ngu với kẻ ngu,
Người tin nhờ rẫy nước,
Được giải thoát ác nghiệp.

241. Tất cả những ếch, rùa,
Sẽ được lên cõi trời,
Cùng các rắn cá sấu,

Và các thủy vậ khác.

242. *Kẻ giết bò giết heo,
Kẻ đánh cá sanh thú,
Các kẻ cướp giết người,
Các người làm ác khác,
Họ nhờ có rẫy nước,
Có thể thoát ác nghiệp.*

243. *Nếu những con sông này,
Có thể làm trôi mát,
Ác nghiệp xưa người làm,
Chúng cũng làm trôi luôn,
Các thiện nghiệp người làm,
Khiến người thành rỗng không.*

244. *Phạm chí vì cái gì,
Người sợ phải xuống nước,
Cái ấy chớ có làm,
Chớ để lạnh hại da.*

245. *Ta đi theo tà đạo,
Nàng hướng ta Thánh đạo,
Thưa nàng ta cho nàng,
Cái áo thấm nước này.*

246. *Người giữ cái áo lại,*

*Ta không muốn cái áo!
Nếu người sợ đau khổ,
Nếu người không thích khổ.*

*247. Chớ làm các điều ác,
Công khai hay kín đáo,
Nếu người làm sẽ làm,
Làm các điều ác nghiệp.*

*248. Người không thoát đau khổ,
Dầu thấy đến, người chạy,
Nếu người sợ đau khổ,
Không ưa thích đau khổ.*

*249. Hãy đến quy y Phật,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận Giới luật,
Người sẽ được lợi ích.*

*250. Ta đến quy y Phật,
Quy y Pháp và Tăng,
Ta chấp nhận Giới luật,
Ta sẽ được lợi ích.*

*251. Trước ta là bà con,
Với tộc họ Phạm thiên,
Nay ta là Phạm chí,*

*Chân thật là như vậy,
Ta chứng ngộ Ba minh,
Đây đủ trí Vệ-đà,
An ổn đến với ta,
Tâm tư được gột sạch.*

Vị Bà-la-môn quy y và thọ năm giới. Về sau được nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp trở thành một thiện nam và xuất gia. Nhờ tinh cần tu tập không bao lâu chứng được Ba minh, và nghĩ đến quả chứng của mình, nói lên bài kệ này. Và vị Tỷ-kheo-ni, lập lại bài kệ ấy trở thành bài kệ của mình.

616 Tà kiến - Quán đánh một bên nước - Kinh Senaka – Tiểu III, 218

Senaka – Tiểu III, 218 (191)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chị của Trưởng lão Kassapa ở Uruvela, và được đặt tên là *Senaka*. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Thaggumà (tháng ba) một lễ quán đánh một bên nước, lễ ấy được gọi là Gayà melà (hay ngày trai giới Gayà).

Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, Senaka cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này:

*286. Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,*

Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tối thượng.

287. Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thắng,
Bậc lãnh đạo nhiếp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cân lường.

288. Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sợ hãi.

289. Lâu nay ta uế nhiễm,
Bị **tà kiến** trói buộc,
Nay chính Thế Tôn ấy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại, giải thoát.

617 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh NadiKassapa – Tiểu III, 240

NadiKassapa – *Tiểu III*, 240 (203)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha (Ma-kiệt-đà), là **anh của Kassapa**. Ngài thiên hỷ đời sống xuất gia, không ưa thích đời sống gia đình, và ngài trở thành một **ẩn sĩ**.

Với **ba trăm đồ chúng**, ngài sống một đời sống ẩn sĩ trên bờ sông Neranjarà (Ni-liên-thiên), và do vậy ngài được biết và được gọi là **Kassapa ở bên sông (Nadi-Kassapa)**. Ngài được Thế Tôn giáo hóa cùng với hai anh em, như đã được ghi trong Luật tạng. Sau khi Thế Tôn thuyết **kinh Lửa Bốc Cháy**, ngài chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tư trên thiên chứng, ngài nói lên chánh trí của mình, bằng cách nhô lên các sai lầm:

339. **Thật lợi ích cho ta,
Đức Phật đến tại đây,
Đến con sông tên gọi
Sông Nê-răn-ja-ra,
Ta nghe pháp ngài giảng,
Đoạn tận các tà kiến.**

340. Ta hành lễ tế tự,
Đọc cao lời tế lễ,
Ta đốt lên **lửa thiêng**,
Đổ cúng dường vào lửa,
Nghĩ rằng ta thanh tịnh,
Ta thật mù, phàm phu.

341. **Lạng thang rùng rờ tà kiến,**
Bị giới cấm, mờ mắt,
Không tịnh, nghĩ thanh tịnh,
Mù lòa, ta không thấy.

342. Ta đoạn tận **tà kiến**,
Mọi sanh hữu phá tan,
Ta đốt lên ngọn lửa,
Xứng đáng được cúng dường,
Ta cúi mình đánh lễ,
Bạc Như Lai Điều Ngự.

343. **Mọi si mê, ta đoạn,**
Hữu ái được phá hủy,
Đường sanh tử đoạn tận,
Nay không còn tái sanh.

618 Tà kiến - Thờ lửa - Kinh Nhàlaka Muni – Tiểu III, 275

Nhàlaka Muni – *Tiểu III, 275* (220)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), trong gia tộc Bà-la-môn, được giáo dục trong văn chương Vệ-đà, ngài được biết là vị đã đậu cấp bậc Nhàlaka (cấp bậc tắm rửa). Trở thành một **ẩn sĩ**, ngài sống trong một khu rừng cách xa Vương Xá khoảng ba do-tuần, sống với lửa hoang và thờ lửa.

Đức Thế Tôn, thấy được điều kiện trở thành một vị A-la-hán chói sáng trong tâm ngài, như ánh sáng trong một cái ghè.

Thế Tôn đến tại am thất của ngài, ngài vui vẻ đón tiếp đức Phật, thỉnh đức Phật dùng cơm ngài nấu và như vậy ba ngày trôi qua. Ngày thứ tư, Thế Tôn nói: "**Ông hết sức yếu ớt, làm sao ông sống với đồ ăn như thế này?**". Rồi đức Phật giảng về **hạnh biết đủ và thuyết pháp cho ngài**. Và từ quả Dự Lưu ngài chứng quả A-la-hán.

Thế Tôn xác chứng quả vị của ngài và ra đi. Ngài vẫn ở tại chỗ cũ, nhưng rồi bị đau vì tê liệt. Bạc Đạo Sư lại đến thăm và hỏi ngài về sức khỏe:

435. Bị bệnh gió chi phổi,
Ông sống trong rừng sâu,
Chỗ khát thực hạn chế,
Thân gầy mòn ốm yếu.
Tỷ-kheo sẽ làm gì,
Với thân thể như vậy.

436. Thân con được tràn ngập,
Với hỷ lạc tỏa rộng,
Dầu có bị gầy ốm,
Con sẽ sống trong rừng.

437. Tu tập **Bảy giác chi,**
Năm căn và Năm lực,
Đầy đủ **thiền tế nhị,**
Con sống, không lậu hoặc.

438. Thoát khỏi các kết sử,
Tâm tịnh, không uế nhiễm,
Thường hằng, khéo quán sát,
Con sống không lậu hoặc.

439. Mọi lậu hoặc nội ngoại,
Trước có mặt trong con,
Tất cả bị chặt đứt,
Không dư, không khởi nữa.

440. **Năm uẩn** được liễu tri,
Chúng đứng, rễ chặt đứt,
Khổ diệt đã đạt được,
Nay không còn tái sanh.

619 Tà kiến - Tắm sông tẩy sạch điều ác - Kinh Gayà Kassapa – Tiểu III, 242

Gayà Kassapa – Tiểu III, 242 (204)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, câu chuyện ngài **giống như câu chuyện của Nadi-Kassapa**, chỉ khác ngài chỉ có **hai trăm đệ tử và sống ở Gayà**.

Ngài nói lên chánh trí bằng cách tán thán tẩy sạch các điều ác như sau:

344. **Buổi sáng, trưa, buổi chiều,
Ba lần trong một ngày,
Ta xuống dòng Gà-yà,
Sông Ga-ya-phay-gu.**

345. **Các điều ác, ta làm,
Trong các đời sống trước,
Nay đây ta rửa sạch,
Xưa ta tin là vậy.**

346. **Nghe lời nói khéo giảng,
Con đường đủ pháp nghĩa,
Với ý nghĩa chân thật,**

Ta như lý quán sát.

347. *Ta tắm sạch mọi ác,
Ta không uế, trong sạch.
Ta trong sạch thuần tịnh,
Thừa tự bậc trong sạch,
Ta chính là con trai,
Con chính tông đức Phật.*

348. *Lặn vào dòng **Tám chánh**,
Ta gột sạch mọi ác,
Ba minh ta đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.*

620 Tà tín - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 125 (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Gayà, tại Gayasisa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.*

621 Tà đạo - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 125 (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Gayà, tại Gayasisa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mùng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.*

622 Tài sản - Con tôi, tài sản tôi, Người ngu sanh ưu não - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muối;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tỷ kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

623 Tài sản - Thế nào được tài sản_ - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

Kinh Alavaka – Tiểu I, 520 (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,
Tối thắng cho con người?
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì trong **các vị,**
Là vị ngọt tối thượng?
Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với **trí tuệ,**
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**
Thế nào vượt biển lớn?

Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

Phần đầu được tài sản,
Với **sự thật** được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và **Chánh pháp**,
Kiên trì và **bố thí**,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác,
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và **niếp phục**,
Bố thí và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. *Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiên pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.*

624 Tài sản của chúng sanh - Kinh Bảo Tàng - Tiểu I, 24

Kinh **Bảo Tàng** – *Tiểu I, 24* (Nidhikanda Sutta)

1. Một người cất kho báu,^{[L][SEP]}
Ở tận dưới giếng sâu,^{[L][SEP]}
Nghĩ: "Nếu cần giúp đỡ,^{[L][SEP]}
Nó ích lợi cho ta".
2. Nếu bị vua kết án,^{[L][SEP]}
Hoặc trả các nợ nần,^{[L][SEP]}
Hoặc bị cướp giam cầm,^{[L][SEP]}
Và đòi tiền chuộc mạng,^{[L][SEP]}
Khi mất mùa, tai nạn,^{[L][SEP]}
Vớ mục đích như vậy,^{[L][SEP]}
Ở trên cõi đời này,^{[L][SEP]}
Sẽ đến giành kho báu.
3. Dầu nó không bao giờ,^{[L][SEP]}
Được cất kỹ như vậy,^{[L][SEP]}
Ở tận dưới giếng sâu,^{[L][SEP]}
Vẫn không đủ hoàn toàn,^{[L][SEP]}
Giúp ích người mọi lúc.
4. Kho báu bị dời chỗ,^{[L][SEP]}
Hoặc người quên dấu vết,^{[L][SEP]}
Hoặc rắn thần lấy đi,^{[L][SEP]}
Hoặc thần linh tâu tán,

5. Hoặc đám người thừa kế,^[SEP]
Kẻ ấy không chấp nhận,^[SEP]
Di chuyển kho báu đi,^[SEP]
Khi kẻ ấy không thấy,^[SEP]
Và khi phước đức tận,^[SEP]
Tất cả đều tiêu tan.
6. Những khi người nam, nữ,^[SEP]
Có **bố thí, trì giới**,^[SEP]
Hoặc **thiền định, trí tuệ**,^[SEP]
Kho báu khéo để dành.
7. Trong chùa, tháp, Tăng đoàn,^[SEP]
Một cá nhân, lũ khách,^[SEP]
Hoặc người mẹ, người cha,^[SEP]
Hoặc là người anh nữa.
8. Kho này khéo để dành,^[SEP]
Đi theo người, không mất,^[SEP]
Giữa mọi vật phải rời,^[SEP]
Người cùng đi với nó.
9. Không ai khác chia phần,^[SEP]
Không cướp nào lấy được,^[SEP]
Vậy những kẻ tinh cần,^[SEP]
Hãy làm việc phước đức,^[SEP]
Kho báu ấy theo người,^[SEP]
Sẽ không bao giờ mất.
10. **Đây là một kho báu**,^[SEP]

Có thể làm thỏa mãn,
Mọi ước vọng Thiên, nhân,
Dù họ mong muốn gì,
Đều đạt được tất cả,
Nhờ **công đức phước nghiệp**.

11. Vẻ đẹp của màu da,
Vẻ đẹp của âm thanh,
Vẻ đẹp của dáng hình,
Vẻ đẹp của toàn thân,
Địa vị thật cao sang,
Cùng với đoàn hầu cận,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
12. Ngồi đế vương một cõi,
Cực lạc Chuyên luân vương,
Và ngự trên Thiên đường,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
13. Vẻ tối thắng của người,
Mọi hoan lạc cõi trời,
Hay tịch diệt tối thắng,
Tất cả đều đạt được,
Nhờ phước nghiệp công đức.
14. Đạt tối thắng bằng hữu,
Chuyên tu tập chánh chân,
Đạt minh trí giải thoát,

Tất cả đều đạt được.
Nhờ phước nghiệp công đức.

15. **Tứ vô ngại giải đạo.**
Tám cấp độ giải thoát.
Viên mãn trí Thanh văn.
Cả hai cách giác ngộ:
Độc giác, Chánh Đẳng giác.
Tất cả đều đạt được.
Nhờ phước nghiệp công đức.

16. Phước báo thật lớn lao.
Do công đức thù thắng.
Vì thế kẻ tinh cần.
Và những người có trí.
Đã tạo nên kho tàng.
Công đức nhờ phước nghiệp.

625 Tài sản hại người ngu, Không người tìm bờ kia - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 97

Phẩm Tham Ái – *Tiểu I*, 97

334. Người sống đời phóng dật,
Ái tăng như giây leo,
Nhảy đời này đời khác,
Như vượn tham quả rừng.

335. Ai sống trong đời này,
Bị ái dục buộc ràng,
Sầu **khổ** sẽ tăng trưởng,
Như cỏ Bi gặp mưa.

336. Ai sống trong đời này,
Ái dục được hàng phục,
Sầu rơi khỏi người ấy,
Như giọt nước lá sen.

337. Đây điều lành Ta dạy,
Các người tụ họp đây,
Hãy nhổ tận gốc ái,
Như nhổ gốc cỏ Bi,
Chớ để ma phá hoại,
Như giòng nước cỏ lau.

338. Như cây bị chặt đốn,
Gốc chưa hại vẫn bền,
Ái tùy miên chưa nhỏ,
Khổ này vẫn sanh hoài.

339. Ba mươi sáu dòng **Ái**,
Trôi người đốn khả ái,
Các tư tưởng tham ái,
Cuốn trôi người tà kiến.

340. Dòng ái dục chảy khắp,
Như giầy leo mọc tràn,
Thấy giầy leo vừa sanh,
Vội tuệ, hãy đoạn gốc.

341. Người đời nhớ **ái dục**,
Ưa thích các **hỷ lạc**,
Tuy mong cầu an lạc,
Họ vẫn phải sanh già.

342. **Người bị ái buộc ràng,**
Vùng vầy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,
Họ sanh ái trói buộc,
Chịu khổ đau dài dài.

343. Người bị ái buộc ràng,
Vùng vẫy và hoảng sợ,
Như thỏ bị sa lưới,

Do vậy vì Tỷ kheo,
Mong cầu mình ly tham,
Nên nhiếp phục ái dục.

344. Là rừng lại hướng rừng,
Thoát rừng chạy theo rừng,
Nên xem người như vậy,
Được thoát khỏi buộc ràng,
Lại chạy theo ràng buộc.

345. Sắt, cây, gai trói buộc,
Người trí xem chưa bền,
Tham châu báu, trang sức,
Tham vọng vợ và con.

346. Người có trí nói rằng:
Trói buộc này thật bền,
Rì kéo xuống, lún xuống,
Nhưng thật sự khó thoát,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ dục lạc, không màng.

347. Người đắm say ái dục,
Tự lao mình xuống dòng,

Như nhện sa lưới dệt,
Người trí cắt trừ nó,
Bỏ mọi khổ, không màng.

348. Bỏ quá, hiện, vị lai,
Đến bờ kia cuộc đời,
Ý giải thoát tất cả,
Chớ vướng lại sanh già.

349. Người tà ý nhiếp phục,
Tham sắc bén nhìn tịnh,
Người ấy ái tăng trưởng,
Làm giây trói mình chặt.

350. Ai vui, an tịnh ý,
Quán bất tịnh, thường niệm,
Người ấy sẽ diệt ái,
Cắt đứt Ma trói buộc.

351. Ai tới đích, không sợ,
Ly ái, không nhiễm ô,
Nhỏ mũi tên sanh tử,
Thân này thân cuối cùng.

352. **Ái** lìa, không chấp thủ,
Cú pháp khéo biện tài,
Thấu suốt **từ vô ngại**,

Hiếu thứ lớp trước sau,
Thân này thân cuối cùng,
Vị như vậy được gọi,
Bậc Đại trí, đại nhân.

353. Ta hàng phục tất cả,
Ta rõ biết tất cả,
Không bị nhiễm pháp nào,
Ta từ bỏ tất cả,
Ái diệt, tự giải thoát,
Đã tự mình thắng trí,
Ta gọi ai thầy ta?

354. **Pháp thí**, thắng mọi thí!
Pháp vị, thắng mọi vị!
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ!
Ái diệt, dứt mọi khổ!

355. Tài sản hại người ngu,
Không người tìm bờ kia,
Kẻ ngu vì tham giàu,
Hại mình và hại người.

356. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Tham làm hại người đời,
Bố thí người ly tham,
Do vậy được quả lớn.

357. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Sân làm hại người đời
Bố thí người ly sân,
Do vậy được quả lớn.

358. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Si làm hại người đời,
Bố thí người ly si,
Do vậy được quả lớn.

359. Cỏ làm hại ruộng vườn,
Dục làm hại người đời,
Bố thí người ly dục,
Do vậy được quả lớn.

626 Tài sản không chất chứa, Ăn uống biết liều tri - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 49

Phẩm ALaHán – *Tiểu I*, 49

90. Đích đã đến, không sâu,
Giải thoát ngoài tất cả,
Đoạn trừ mọi buộc ràng,
Vị ấy không nhiệt nảo.

91. Tự sách tấn, chánh niệm,
Không thích cư xá nào,
Như ngỗng trời rời ao,
Bỏ sau mọi trú ẩn.

92. Tài sản không chất chứa,
Ăn uống biết liều tri,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát,
Như chim giữa hư không,
Hướng chúng đi khó tìm.

93. Ai lậu hoặc đoạn sạch,
Ăn uống không tham đắm,
Tự tại trong hành xứ,
Không, vô tướng, giải thoát.

Như chim giữa hư không,
Dấu chân thật khó tìm.

94. Ai nhiếp phục các căn,
Như đánh xe điều ngự,
Mạn trù, lậu hoặc dứt,
Người vậy, Chư Thiên mến.

95. Như đất, không hiềm hận,
Như cột trụ, kiên trì,
Như hồ, không bùn nhơ,
Không luân hồi, vị ấy.

96. Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy.

97. Không tin, hiểu vô vi.
Người cắt mọi hệ lụy
Cơ hội tận, xả ly
Vị ấy thật tối thượng.

98. Làng mạc hay rừng núi
Thung lũng hay đồi cao,
La Hán trú chỗ nào,
Đất ấy thật khả ái.

99. Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham ưa thích,
Vì không tìm dục lạc.

627 Tài sản không làm sao, Mua được tuổi trường thọ - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rối tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đắm say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đục công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống**,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đục như lửa hừng**,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy**,

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

628 Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

1092. *Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

1093. *Khi nào ta sẽ là,
Ân sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,
Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?

1095. Khi nào ta sẽ lấy,
Guơm sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Vớ nhiều dây chẳng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?

1096. Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút guơm,
Guơm do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Vớ sức mạnh đập tan,
Ác ma vớ Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?

1097. Khi nào ta sẽ được,

Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. **Khi nào ta có thể,**
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,
Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,

*Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cổ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,

Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,
Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,

*Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Đây tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-đà.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

*1110. **Trong gia đình, bạn bè,***

*Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hồi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?*

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
*Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.*

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,
Vọng động như con vượn.

1113. Các **đục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Người sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**

Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. Hãy như lý quán sát,
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. Hãy như lý tuệ quán,
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,

*Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.*

**1120. *Hãy đi trên con đường,
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Như trăng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.***
*Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.*

**1121. *Hãy sống trong rừng núi,
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghĩa địa,
Mặc y lượm đóng rác.***
***Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.***

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,
Này tâm, đối với người.*

1125. **Ít dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.

1126. Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.

1127. Nay **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,
Khổ do chính người tạo.

1128. *Này tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.*

1129. *Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.*

1130. *Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,
Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,*

Chỗ nào ta lỗi lầm.

1131. **Trước tâm này lang thang,**
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.

1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định **đời vô thường**,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bậc lưu,
Rất khó được vượt qua.

1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tổn thất.

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,

*Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.*

1135. Kìa, kìa, hồi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Gớm ghiếc thay cái vật,
Đầy chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thấm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Vội mào đẹp, cánh đẹp,

Với lòng nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,

Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dẫn người,
Rơi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa,**
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,
Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,

*Ngươi sẽ là thừa tự,
Bạc phát ngôn tối thượng.*

*1144. Nay tâm, ngươi dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bạc có tâm đại bi,
Bạc Mâu-ni vĩ đại.*

*1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Ngươi vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng ngươi sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Ngươi sẽ đến bờ kia.*

*1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn ngươi,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc ngươi cho,
Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này **tâm** của ta.*

629 Tàm quý - 2 pháp trắng che chở cho đời - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 341

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 341 (Duk.
II, 5) (It. 36)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời.

*Thế nào là hai? **Xấu hổ** và **sợ hãi**.*

Này các Tỷ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho đời, thời ở đây **không có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh, em của mẹ, hay giữa vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào **loạn luân** như các loài dê cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây **có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với những ai không có,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Họ đi xuống bào thai,
Dựa trên gốc tình dục
Họ đi đến sanh tử.*

*Với những ai chánh trí,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Vững trú trên Phạm hạnh,
Họ được sự an tịnh,
Tái sanh được diệt tận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

630 Tàm quý - Không có sợ hãi thì không thể chứng ngộ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 330

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 330 (Duk. I,7) (It. 27)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo không có nhiệt tình, không có sợ hãi, không có thể chứng được Chánh giác, không có thể chứng được Niết-bàn, không có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có nhiệt tình, có sợ hãi, có thể chứng được giác ngộ, có thể chứng được Niết-bàn, có thể chứng được vô thượng an ổn khỏi các khổ ách.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Người không có nhiệt tình,
Không có biết sợ hãi,
Biếng nhác, không tinh cần,
Nhiều hôn trầm thụy miên,
Không biết đến xấu hổ,*

*Không có lòng tôn kính,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không có thể đạt tới,
Tới thượng Chánh-Đẳng-Giác.*

*Ai giữ được chánh niệm,
Thông minh, tu thiền định,
Nhiệt tình, biết sợ hãi,
Và không có phóng dật,
Sau khi chặt đứt được
Kiết sử sanh và già,
Ở đây có thể đạt,
Chánh Đẳng Giác vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

**631 Tầm quý - Không đáng hổ, lại hổ. Việc
đáng hổ, lại không - Kinh Pháp Cú -
Tiểu I, 92**

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I, 92*

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, dọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị dọa địa ngục.

312. Sống phóng đảng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng đảng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thù,

Trong ngoài đều phòng hộ,
Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng **sợ**, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

632 Tàm quý - Xảo quyệt, không tàm quý - Kinh Kê Bàn Tiện - Tiểu I, 500

Kinh Kê Bàn Tiện – Tiểu I, 500 (Vasalasuttam)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvathi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Thế Tôn vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Sàvatthi để khát thực. Lúc bấy giờ, tại trú xứ của Bà-la-môn Aggikabhàradvàja, **lửa tế lễ** được đốt cháy, đồ cúng dường được dâng cao. Rồi Thế Tôn, trong khi thứ lớp khát thực ở Sàvatthi, đi đến trú xứ của Bà-la-môn Aggibhàradvàja. Bà-la-môn Aggibhàradvàja thấy Thế Tôn từ xa đi đến, thấy vậy bèn nói với Thế Tôn:
- Ở đây kẻ trọc đầu, ở đây kẻ Sa-môn ti tiện, ở đây kẻ bàn tiện, hãy đứng lại.

Khi được nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Aggibhàradvàja:

- *Này Bà-la-môn, Người có biết người bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện không?*

- Này Tôn giả Gotama, tôi không biết kẻ bàn tiện hay những pháp tạo ra kẻ bàn tiện. Lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết pháp như thế nào cho tôi, để tôi được biết về kẻ bàn tiện hay các pháp tạo thành kẻ bàn tiện.

- Vậy này Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.
- Thừa vâng, Tôn giả!

Bà-la-môn Aggibhàradvāja vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

116. *Người phần nộ, hiểm hận,
Ác nhân, gièm pha người,
Ác tà kiến, man trá,
Được biết là **bần tiện**.*

117. *Ai ở đây **hại vật**,
Một sanh, hoặc hai sanh,
Không thương xót hữu tình,
Được biết là bần tiện.*

118. *Ai làm hại vây hãm,
Các làng, các thị trấn,
Kẻ cướp đoạt có tiếng,
Được biết là kẻ bần tiện.*

119. *Tại làng hay tại rừng,
Vật sở hữu của người,
Lấy trộm của không cho,
Được biết là kẻ bần tiện.*

120. *Ai vay nợ của người,*

Bị đòi liền **trốn** tránh,
Ta đâu mắc **nợ** người,
Được biết là kẻ bần tiện.

121. Ai vì ham vật mọn,
Kẻ đang đi trên đường,
Giết hại cướp vật mọn,
Được biết là kẻ bần tiện.

122. Ai vì mình, vì người,
Hay vì nhân tài sản,
Làm nhân họ **nói láo,**
Được biết là kẻ bần tiện.

123. Ai được thấy giữa **vợ**
Của bà con, bạn thân,
Ép buộc hay ưng thuận,
Được biết là kẻ bần tiện.

124. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Già yếu, tuổi trẻ qua,
Tuy **giàu không giúp đỡ,**
Được biết là kẻ bần tiện.

125. Ai với **mẹ** hay **cha,**
Với anh chị, nhạc mẫu,
Làm hại, dùng lời mắng,

Được biết là kẻ bần tiện.

126. Ai được hỏi mục đích,
Lại khuyên lời trái đích,
Khuyên bảo nên che đậy,
Được biết là kẻ bần tiện.

127. Ai làm các nghiệp ác,
Muốn không biết mình làm,
Ai làm **hạnh che đậy**,
Được biết là kẻ bần tiện.

128. Ai đến nhà người khác,
Ăn món **ăn** ngon lành,
Lại **không đáp lễ** lại,
Được biết là bần tiện.

129. Ai **nói dối** lường gạt,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các người nghèo khác,
Được biết là bần tiện.

130. Dùng lời **mắng**, không cho,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Khi thời ăn uống đến,
Được biết là bần tiện.

131. Ở đời **nói không thật**,
Bị si mê che đậy,
Tham cầu chút lợi nhỏ,
Được biết là bản tiện.

132. Ai **đề cao tự ngã**,
Khinh miệt giá trị người,
Hạ mình với tự cao,
Được biết là bản tiện.

133. Ai **gây hấn**, hà tiện,
Ác đục và **xan tham**,
Xảo quyết, không tâm quý,
Được biết là bản tiện.

134. Ai **phỉ báng** đức Phật,
Hay đê tử của Ngài,
Hàng xuất gia, tại gia,
Được biết là bản tiện.

135. Ai **không phải La-hán**,
Tự nhận là La-hán,
Kẻ trộm Phạm thiên giới,
Chính tối hạ bản tiện.
Những hàng bản tiện này,
Ta nói rõ cho Ông.

136. *Bản tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành**, thành bản tiện,
Do **hành**, thành Phạm chí.*

137. *Do đây, nên hiểu biết,
Như Ta trình bày rõ,
Màtanga được danh,
Bản tiện, ăn thịt chó.*

138. *Danh tối thượng khó đạt,
Màtanga đạt được,
Nhiều Sát-ly, Phạm chí,
Đến hầu hạ vị ấy.*

139. *Vị ấy leo thiên xa,
Trên đường lớn không bụi,
Từ bỏ mọi dục tham,
Đạt được Phạm thiên giới,
Thọ sanh không ngăn chận,
Vị ấy sanh Phạm thiên.*

140. *Có những Bà-la-môn,
Sanh gia đình Đạo sư,
Hay sanh những gia đình,
Quyến thuộc với **bà chú**,
Họ vẫn thường được thấy,*

Làm các điều ác nghiệp,

141. *Hiện tại bị khinh miệt,
Đời sau sanh ác thú,
Thọ sanh không ngăn chặn,
Sanh ác thú đáng khinh.*

142. *Bần tiện không vì sanh,
Phạm chí không vì sanh,
Do **hành** thành bần tiện,
Do **hành** thành Phạm chí.*

Khi được nói vậy, Bà-la-môn Bhàradvāja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thưa Tôn giả Gotama, ví như người **dừng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, **mở toang** ra những gì bị che kín, **chỉ đường** cho kẻ bị lạc hướng, **đem đèn sáng** vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con nay qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp và qui y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời qui ngưỡng.

633 Tầm uý - Bị quả trách, rồi tinh tấn chứng quả - Kinh Kappata Kura – Tiểu III, 174

Kappata Kura – Tiểu III, 174 (160)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Sàvatthi, trong tình cảnh nghèo nàn, ngài chỉ biết tự nuôi sống, bằng cách mặc đồ rách rưới, bắt ăn xin cầm tay, đi xin gạo cơm. Vì vậy ngài được tên là *Kappatakura* (rách và gạo).

Khi lớn lên, ngài nuôi sống bằng cách bán cỏ. Một hôm, đang cắt cỏ trong rừng, ngài gặp một vị Trưởng lão, ngài đánh lễ, ngồi xuống nghe pháp. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ nếp sống cũ, xuất gia, cắt đồ rách rưới vào một chỗ.

Khi ngài cảm thấy nhàm chán với đời sống mới, ngài đi đến nhìn đồ rách rưới ấy, tâm ngài trở thành bất an. Làm như vậy, bảy lần ngài rời khỏi chúng Tăng. Các Tỷ-kheo báo cáo lên sự việc này.

Một hôm, khi ngài là một Tỷ-kheo đang ngồi giữa chúng Tăng tại giảng đường, bậc Đạo Sư giáo giới ngài với những bài kệ như sau:

199. Đây là đồ rách rưới,
Của Kappata-kura,
Y áo đang phủ đắp,
Thật là quá nặng nề,
**Trong bình bát bất tử,
Được đựng đầy Chánh pháp,
Nhưng nó không thực hành,
Con đường hành thiền định.**

200. Hồi này Kappata,
Chớ lắc qua lắc lại,
Chớ khiến ta phải đánh,
Các tiếng vào tai ông,
Hồi này Kappata,
Chớ làm kẻ si mê,
Ngồi lắc qua lắc lại,
Giữa Tăng chúng hội họp.

Bị đức Phật quả trách mạnh mẽ, ngài dao động mạnh, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chúng quả A-la-hán. Rồi ngài lập lại các bài kệ đã khích lệ ngài tu hành và những bài kệ này trở thành những lời tuyên bố chánh trí của ngài.

634 Tầm uý - Xấu hổ là cán cày - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bảy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bảy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvāja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **con mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi cày**,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày, gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,

Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,
Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.

79. Với tình cần tình **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. **Cày bừa là như vậy,**
Được quả là **bất tử,**
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ được giải thoát.**

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, **Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!**

Thế Tôn:

81. *Ta không hưởng vật dụng,
Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.*

82. *Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruộng,
Cho những ai cầu phước.*

- *Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?*

- *Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai.*

Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu, do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvàja trở thành một vị A-la-hán.***

635 Tầm uý - Đi trước là Minh và Vô minh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 339

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 339 (Duk.
II, 3) (It. 34)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, **vô minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp bất thiện, tiếp theo là không xấu hổ, không sợ hãi.*
- *Này các Tỷ-kheo, **minh** đi trước, làm cho đạt được các pháp thiện, tiếp theo là xấu hổ và sợ hãi.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Phàm có ác thú gì,
Đời này và đời sau,
Tất cả do **vô minh**,
Làm gốc, làm cội rễ,
Dục tham được cất chứa,
Vì rằng kẻ ác dục,
Không xấu hổ, không kính,*

*Từ đó nó khởi ác,
Do vậy đi đọa xứ.*

*Vậy hãy nên từ bỏ,
Dục tham và vô minh,
Muốn **minh** được sanh khởi,
Tỷ-kheo cần từ bỏ
Tất cả mọi ác thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

636 Tái sanh - Bị bao phủ bởi Vô minh triền cái - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 302

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 302 (Ek II, 4) (It. 7)

Điều này được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một triền cái nào khác, do bị bao trùm bởi triền cái ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, lưu chuyển. Này các Tỷ-kheo, tức là **Vô minh triền cái**.*

Này các Tỷ-kheo, bị bao trùm bởi Vô minh triền cái, chúng sanh trong một thời gian dài chạy dài, lưu chuyển.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Không có một pháp khác,
Quần sanh bị bao phủ,
Ngày đêm chạy lưu chuyển,
Như bao phủ bởi **si**.*

*Và ai đoạn diệt si,
Đâm thủng khối u ám,*

Họ không lưu chuyển nữa,

637 Tái sanh - Bị dục và hữu trói buộc - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 426

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 426 (Tik. V, 7) (It. 95)

Này các Tỷ-kheo,

- Những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **dục**, những ai bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu** là những bậc đến lại, đi đến lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, nhưng còn bị trói buộc bởi trói buộc của **hữu**, những vị ấy là hạng **Bất lai**, không trở lui lại có mặt ở đây.
- Những ai chế ngự được sự trói buộc của **dục**, chế ngự được sự trói buộc của **hữu**, những vị ấy là bậc **A-la-hán**, đã đoạn tận các lậu hoặc.

Những ai bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của dục,
Bởi trói buộc của hữu,
Bởi trói buộc cả hai,
Chúng sanh ấy đi đến,
Luân chuyển trong luân hồi,

Họ đi đến sanh tử.

*Những ai đoạn tận dục,
Nhưng chưa đạt thành được,
Sự diệt tận lậu hoặc,
Họ còn bị nhiếp phục,
Bởi trói buộc của hữu,
Họ được gọi Bất lai.*

*Những ai chặt đứt được,
Mọi nghi hoặc phân vân,
Đoạn tận được kiêu mạn,
Đoạn tận được tái sanh,
Chắc chắn trong đời này,
Họ đi đến bờ kia,
Vì họ đã đạt tới,
Sự đoạn diệt lậu hoặc.*

638 Tái sanh - Bị trói buộc bởi Ái kiết sử, chúng sanh phải... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 303

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 303 (Ek II, 5) (It. 8)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, Ta không thấy một kiết sử nào khác, do bị cột bởi kiết sử ấy, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài, lưu chuyển, này các Tỷ-kheo tức là **Ái kiết sử**.*
- *Này các Tỷ-kheo, bị cột với ái kiết sử, chúng sanh trong một thời gian dài, chạy dài lưu chuyển.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Người có ái làm bạn,
Thời gian dài, lưu chuyển,
Không vượt được lưu chuyển,
Sanh hữu vậy hay khác.*

*Ai biết nguy hiểm này,
Biết ái tác thành khổ,
Bỏ ái, không chấp trước,*

*Tỷ-kheo giữ chánh niệm,
Bỏ gia đình xuất gia,
Sống nếp sống như vậy.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

639 Tái sanh - Chơn chánh nhận thức rõ, Nguy hiểm trong sanh hữu - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. *Do thân cận giao thiệp,
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo thân ái,
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

37. *Do lòng từ thương mến,
Đối bạn bè thân hữu,*

Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,

Do thấy sợ hãi này,

Trong giao du mật thiết,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,

Đối với **con** và **vợ**,

Người ấy bị buộc ràng,

Như cành tre rậm rạp,

Còn các ngọn tre cao,

Nào có gì buộc ràng,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

39. **Như nai trong núi rừng,**

Không gì bị trời buộc,

Tự đi chỗ nó muốn,

Để tìm kiếm thức ăn.

Như các bậc Hiền trí,

Thấy tự do giải thoát,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu ru một sừng.

40. **Giữa bạn bè thân hữu,**

Bị gọi lên gọi xuống,

Tại chỗ ở trú xứ,
Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,

*Cũng như các gia chủ,
Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

44. *Từ bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

45. *Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.*

46. *Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,*

Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,*
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bậc không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

48. *Thấy đồ trang sức vàng,*
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

49. *Như vậy nếu ta cùng,*
Với một người thứ hai,

Tranh luận cãi vã nhau,
Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trưởng dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sùng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,

*Gió thổi, ánh mặt trời.
Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

*55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,*

*Đạt được quyết định tánh,
Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

57. Với bạn bè độc ác,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

58. Bạc nghe nhiều trì pháp,
Hãy gần gũi người ấy,

*Bạn người tâm rộng lớn,
Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,*

Vị ngọt thật ít oi,
Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

62. *Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,*
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

63. *Vói mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.*
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

64. *Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,*

*Như loại cây san hô,
Loại bỏ các nhánh lá.*

*Đã đắp áo cà sa,
Xuất gia bỏ thế tục,*

*Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

65. *Không tham đắm các vị,
Không tác động, không tham,
Không nhờ ai nuôi dưỡng,
Chỉ khát thực từng nhà.*

*Đối với mọi gia đình,
Tâm không bị trói buộc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

66. *Từ bỏ năm triền cái;*

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngưu một sừng.

67. *Hãy xoay lưng trở lại,*

Đối với **lạc** và **khổ**,
Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Đồng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,

Sống hạnh không phóng dật,
Không đàn độn tâm ngong,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bậc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,

Bi tâm, hạnh giải thoát,
Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham **ái**,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

640 Tái sanh - Cách quán để nhằm chán tái sanh - Kinh Uttara – Tiểu III, 127

Uttara – Tiểu III, 127 (121)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Ràjagaha (Vương Xá), con một Bà-la-môn có danh tiếng, được đặt tên là Uttara. Ngài thông suốt giáo điển Vệ-đà, và có danh tiếng về gia tộc, về dung sắc, về thông minh, về đức hạnh.

Vassakàra, một vị bộ trưởng có danh ở Magadha (Ma-kiệt-đà), thấy những thành tích của ngài, muốn gả con gái cho ngài, nhưng ngài đã thiên về hạnh giải thoát nên đã từ chối và ngài đến nghe ngài Sàriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng. Với lòng tin, ngài xuất gia, làm tròn bốn phận của người Sa-di, hầu hạ Tôn giả Sàriputta.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta bị bệnh, Uttara đi tìm một y sĩ chữa bệnh, ngài đặt bình bát ngài trên bờ hồ để xuống hồ nước súc miệng. Một người ăn trộm, bị lính đuổi, chạy ra khỏi cửa thành, khi chạy ngang liền quăng bỏ các châu báu đánh cắp vào trong bình bát của người Sa-di và bỏ chạy. Khi các người lính đến, thấy đồ châu báu trong bình bát của ngài liền

bất ngài đưa đến Bà-la-môn Vassakàra để trưng phạt ngài.

Đức Phật nhận thấy **thiền quán** của ngài đã chín muồi, nên đi đến ngài, đặt nhẹ tay trên đầu ngài và nói: *"Đây là kết quả nghiệp trước của Thầy, Thầy cần phải chấp nhận nhờ sức mạnh suy tư"*.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài, Uttara vì nhờ đức Phật đặt nhẹ tay trên đầu, tâm tư được phấn khởi, **nhờ thiền quán chín muồi**, nhờ uy nghi đức độ của bậc **Đạo Sư**, ngài cảm thọ hỷ lạc, đoạn tận các uế nhiễm, chứng *sáu thắng trí*.

Vươn mình lên khỏi cột trụ, ngài đứng trên hư không, hiển hiện thần thông vì lòng từ mẫn đối với kẻ khác. Trước sự ngạc nhiên của tất cả mọi người, các vết thương của ngài được lành hẳn.

Khi được các Tỷ-kheo khác hỏi: *"Thưa Hiền giả, làm sao khi Hiền giả đau khổ như vậy, Hiền giả có thể phát triển thiền quán?"*

Ngài trả lời: *"Khi tôi thấy rõ được sự đau khổ của mình tái sanh, và tánh nhân duyên sanh của sự vật, thời sự nguy hiểm của sự đau khổ ít hơn, hiện tại không ngăn tôi phát triển thiền quán và chứng được kết quả."*

121. **Không có gì có mặt,
Lại thường còn mãi mãi,**

Không có các hành gì,
Lại thường hằng thường trú.
Các uẩn được khởi lên,
Đến đời khác diệt vong.

122. **Biết được nguy hiểm này,**
Ta không muốn sanh hữu,
Từ bỏ tất cả dục,
Ta chứng lậu hoặc tận.

641 Tái sanh - Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 267

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 267 (Ud 83)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đang thuyết giảng pháp thoại liên tưởng đến Niết-bàn cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ. Các Tỷ-kheo ấy chú tâm, tác ý, dồn tất cả tâm tư lắng nghe pháp.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

- **Cái gì có nương tựa, cái ấy có dao động.**

Cái gì không nương tựa, cái ấy không dao động.

Không có dao động thì có khinh an.

Có khinh an thì không có thiên về.

Không có thiên về thì không có đến và đi.

Không có đến và đi thì không có diệt và sanh.

Không có diệt và sanh thì không có đời này, không có đời sau, không có đời ở giữa. Đây là sự đoạn tận khổ đau.

642 Tái sanh - Hãy từ bỏ gièm pha, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 294

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 294 (Ek 1,5)
(It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe: *Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.*

Thế nào là một pháp? **Gièm pha**, này các Tỷ kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với gièm pha, gièm người,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ gièm pha ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

643 Tái sanh - Hãy từ bỏ khát ái, Không còn bị tái sanh - Kinh Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya - Tiểu I, 811

Câu hỏi của thanh niên 16 Pingiya – *Tiểu I*, 811

Pingiya:

1120. Tôn giả Pin-gi-ya:

Con đã già, yếu đuối,
Không còn có dung sắc,
Mắt không thấy rõ ràng,
Tai không nghe thông suốt,
Để con khỏi mệnh chung,
Với tâm tư si ám,
Mong Ngài nói Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp ấy,
Chính tại ở đời này,
Con đoạn tận sanh già.

Thế Tôn:

1121. Thế Tôn đáp lại rằng:

Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy được sự tác hại,
Trong các loại sắc pháp,
Chúng sanh sống phóng dật,
Bị phiền lụy trong sắc,

Do vậy, Pin-gi-ya,
Ông chớ có phóng dật,
Hãy từ bỏ sắc pháp
Chớ đi đến tái sanh.

Pingiya:

1122. Bốn phương chính, bốn phụ,
Cộng thêm trên và dưới,
Như vậy có mười phương,
Và trong thế giới này,
Không có sự việc gì,
Mà Ngài không được thấy,
Không nghe, không nghĩ đến,
Và không được thức tri,
Hãy nói đến Chánh pháp,
Nhờ rõ biết pháp này,
Con ngay tại đời này,
Đoạn tận được sanh già.

Thế Tôn:

1123. Thế Tôn nói như sau:
Hỡi này Pin-gi-ya,
Thấy chúng sanh loài Người,
Rơi vào trong khát ái,
Bị già nua đốt cháy,
Bị già nua chinh phục
Do vậy, Pin-gi-ya,

Ông chớ có phóng dật
Hãy từ bỏ khát ái,
Không còn bị tái sanh.

644 Tái sanh - Hãy từ bỏ mạn, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 295

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 295 (Ek1,6)
(It.3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Này các Tỷ-kheo, **hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.*** Thế nào là một pháp? **Mạn**, này các Tỷ kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với kiêu mạn kiêu căng,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ kiêu mạn ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

645 Tái sanh - Hãy từ bỏ phần nộ, Ta bảo đảm... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 294

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 294 (Ek I, 4) (It. 2)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Phần nộ**, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với phần nộ phần uất.
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán, chánh trí
Từ bỏ phần nộ ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Đây là ý nghĩa đã được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

646 Tái sanh - Hãy từ bỏ si, Ta bảo đảm các thầy không có tái sanh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 293

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 293 (Ek I, 3) (It. 2)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Si**, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với si bị si mê
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiên quán, chánh trí
Từ bỏ si mê ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

647 Tái sanh - Hãy từ bỏ sân, Ta bảo đảm các thầy không có tái sanh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 292

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 292 (Ek I, 2)
(It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Sân**, này các Tỷ-kheo, là một pháp các Thầy hãy từ bỏ. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến:

*Với **sân** bị sân hận,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí
Từ bỏ sân hận ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

648 Tái sanh - Hãy từ bỏ tham, Ta bảo đảm các thầy không có tái sanh - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 291

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 291 (Ek I, 1)
(It. 1)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ một pháp. Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh. Thế nào là một pháp? **Tham**, này các Tỷ-kheo, là một pháp, các Thầy hãy từ bỏ! Ta bảo đảm cho các Thầy không có tái sanh.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này đã được nói đến.

*Với **tham** bị tham đắm,
Chúng sanh đi ác thú,
Bậc thiện quán, chánh trí,
Từ bỏ tham ái ấy,
Từ bỏ, không bao giờ
Trở lại tại đời này.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

**649 Tái sanh - Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp - Kinh Pháp
Cú - Tiểu I, 61**

Phẩm Già – *Tiểu I*, 61

146. Cười gì, hân hoan gì,
Khi đời mãi bị thiêu,
Bị tối tăm bao trùm,
Sao không **tìm ngọn đèn**?

147. **Hãy xem bong bóng đẹp,**
Chỗ chất chứa vết thương,
Bệnh hoạn nhiều suy tư,
Thật không gì trường cửu.

148. **Sắc này bị suy già,**
Ồ tật bệnh, mỏng manh,
Nhóm bất tịnh, đổ vỡ,
Chết chầm dứt mạng sống.

149. Như trái bầu mùa thu,
Bị vát bỏ quăng đi,
Nhóm xương trắng bồ câu,
Thấy chúng còn vui gì?

150. Thành này làm bằng xương,
Quét tô bằng thịt máu,
Ở đây già và chết,
Mạn, lừa đảo chất chứa.

151. Xe vua đẹp cũng già.
Thân này rồi sẽ già,
Pháp bậc thiện, không già.
Như vậy bậc chí thiện
Nói lên cho bậc thiện.

152. Người ít nghe kém học,
Lớn già như trâu đực.
Thịt nó tuy lớn lên,
Nhưng **tuệ** không tăng trưởng.

153. Lang thang bao kiếp sống,
Ta tìm nhưng chẳng gặp,
Người xây dựng nhà này,
Khổ thay, phải tái sanh.

154. **Ôi! Người làm nhà** kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa.
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan
Tim ta đạt tịch diệt,

Tham ái thấy tiêu vong.

155. Lúc trẻ, không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền.
Như cò già bên ao,
Ủ rũ, không tôm cá.

156. Lúc trẻ không phạm hạnh,
Không tìm kiếm bạc tiền,
Như cây cung bị gãy,
Thở than những ngày qua.

650 Tái sanh - Lửa tham sân si - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 422

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 422 (Tik.
V, 4) (It. 92)

Này các Tỷ-kheo, có ba loại lửa này. Thế nào là ba?
Lửa tham, lửa sân, lửa si. Này các Tỷ-kheo, có ba
loại lửa này.

*Lửa **tham** đốt cháy người,
Say mê trong các dục,
Còn lửa **sân** đốt cháy,
Những người có sân hận,
Những người giết, sát hại,
Các loại có sanh mạng.
Còn lửa **si** đốt cháy,
Những kẻ bị mê muội,
Những kẻ không tinh luyện,
Trong giáo pháp bậc Thánh.*

*Do **không** được biết rõ,
Các loại lửa như vậy,
Nên loài Người ưa thích,
Vui thích với có **thân**.
Họ làm cảnh địa ngục,
Được lớn mạnh tăng trưởng,*

*Kể cả giới bàng sanh,
Chỗ sanh xứ súc vật,
Cùng với A-tu-la,
Với cảnh giới quỷ đói,
Họ không được thoát khỏi,
Trói buộc của Ác ma.*

*Nhưng ai ngày và đêm,
Chú tâm vào, chuyên học,
Học những lời giảng dạy,
Bậc Chánh đẳng Chánh giác.
Họ làm cho lắng dịu,
Ngọn lửa của lòng tham,
Luôn luôn ý thức được,
Tánh bất tịnh sự vật.*

*Với lòng thương, từ mẫn,
Những hạng người tối thượng,
Làm lắng dịu, chỉ tịnh,
Ngọn lửa của sân hận.*

*Còn **ngọn lửa si mê,**
Với trí tuệ dập tắt,
Trí tuệ này đưa đến,
Thể nhập vào chân lý.*

*Bậc thân trọng sáng suốt,
Ngày đêm làm lắng dịu,
Các loại lửa như vậy,
Không có biết mệt mỏi,*

Họ làm cho lắng dịu,
Không một chút dư tàn,
Những bậc Thánh đã thấy,
Bậc trí tuệ hiểu biết,
Là những bậc Hiền trí,
Thấy được nhờ chánh trí,
Do họ thắng tri được,
Sự diệt tận của sanh,
Nên họ không đi đến,
Sanh đi rồi sanh lại.

651 Tái sanh - Nay không còn tái sanh - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiền nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. *Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.*

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì rằng ta ưa thích,
Trong giới vực của Ma.*

894. *Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.*

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tỉnh cần tỉnh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

652 Tái sanh - Người có ái làm bạn, Bị luân hồi dài dài - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 443

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 443 (Cat. 6)
(It. 109)

Này các Tỷ-kheo, có **bốn sự sanh khởi này của ái**, ở đây ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo. Thế nào là bốn?

Này các Tỷ-kheo,

- Do nhân **y áo**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **đồ ăn** khát thực, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sàng tọa**, ái khởi sanh cho Tỷ-kheo.
- Do nhân **sanh hữu, không sanh hữu**, ái sanh khởi cho Tỷ-kheo.

Này các Tỷ-kheo, có bốn sự sanh khởi này của ái. Ở đây, ái sanh khởi lên cho Tỷ-kheo.

*Người có ái làm bạn,
Bị luân hồi dài dài,
Nó không vượt luân hồi,
Đời này qua đời khác.
Do biết nguy hại vậy,*

*Ái tác thành ra khổ,
Không còn có khát ái,
Không còn có chấp trước,
Vị Tỷ-kheo chánh niệm,
Du hành khắp đó đây.*

653 Tái sanh - Thế Tôn, bậc vĩ đại không sanh hữu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 453

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 453 (Cat.
13) (It. 121)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo,

- **Thế giới được Như Lai Chánh đẳng giác.** Như Lai **không hệ lụy** đối với đời.
- **Thế giới tập khởi** được Như Lai Chánh đẳng giác, thế giới tập khởi được Như Lai **đoạn tận**.
- **Thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, thế giới đoạn diệt được Như Lai **giác ngộ**.
- **Con đường đưa đến thế giới đoạn diệt** được Như Lai chánh đẳng giác, con đường đưa đến thế giới đoạn diệt Như Lai đã **tu tập**.
- Này các Tỷ-kheo, trong toàn thế giới với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cái gì được thấy, được nghe, được thọ tưởng, được thức tri, được đạt đến, được tầm cầu,

được ý tư sát, tất cả đều được Như Lai chánh đẳng giác. Do vậy được gọi là **Như Lai**.

- Nay các Tỷ-kheo, từ đêm Như Lai chứng ngộ Vô thượng Chánh đẳng giác đến đêm Ngài nhập Niết-bàn không có dư y trong thời gian ấy, điều gì Ngài nói, tuyên bố, nêu rõ lên tất cả là như vậy, không có khác được. Do vậy Ngài được gọi là Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, Như Lai nói gì làm vậy, làm gì nói vậy. Vì rằng nói gì làm vậy, làm gì nói vậy, nên Ngài được gọi Như Lai.
- Nay các Tỷ-kheo, trong toàn thể thế giới, Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, cùng với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Như Lai là bậc chiến thắng, không bị ai chiến bại, toàn tri, toàn kiến, đại tự tại, **do vậy Ngài được gọi là Như Lai.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến:

*Thắng tri mọi thế giới,
Mọi thế giới như thật,
Ly hệ mọi thế giới,
Không giống mọi thế giới.*

*Thắng tất cả bậc trí,
Giải thoát mọi buộc ràng.
Cảm thọ tối thắng tịnh,*

Niết-bàn, không sợ hãi,
Vị này đoạn lậu hoặc,
Bậc giác ngộ trí giả,
Không dao động, nhiều loạn,
Nghỉ ngơi được chặt đứt,
Đạt diệt tận mọi nghiệp,
Giải thoát diệt sanh y,
Là Thế Tôn, là Phật,
Bậc Sư tử vô thượng,
Trong thế giới thiên giới,
Chuyển bánh xe Phạm luân.

Như vậy loài Trời, Người,
Đến quy y đức Phật,
Gặp nhau, đánh lễ Ngài,
Vĩ đại không sanh hữu,
Điều phục, bậc Tối thượng,
Trong người được điều phục,
An tịnh, bậc ẩn sĩ,
Những người được an tịnh.
Giải thoát bậc tối thượng,
Những người được giải thoát,
Vượt qua bậc tối thắng,
Những người được vượt qua.
Như vậy họ lễ Ngài
Vĩ đại, không sanh hữu,
Thiên giới, thế giới này,
Không ai được bằng Ngài.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

654 Tái sanh - Tăng nghĩa địa hải hùng, Chất chứa sự tái sanh - Kinh Sabbhakàma – Tiểu III, 281

Sabbhakàma – Tiểu III, 281 (223)

Trong thời đức Phật hiện tại, sau khi đức Phật nhập diệt, ngài sanh ở Vesàli, thuộc gia đình quý tộc và được đặt tên là *Sabbhakàma*.

Khi đến tuổi trưởng thành, thuận theo chí hướng xuất ly, ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của *Tôn giả Sàriputta* (Xá-lợi-phất). Trong khi đi học tập, ngài trở về Vesàli với bậc y chỉ sư của mình và về thăm gia đình.

Vợ ngài lúc trước, buồn khổ, gầy mòn, áo xiêm không sẵn sóc, nước mắt chạy quanh, chào ngài và đứng một bên. Thấy vợ cứ như vậy, lòng thương hại khởi lên, và quên mất chí hướng xuất trần, ngài để cho **đục** vọng nổi lên.

Như con **ngựa** khéo luyện tập bị roi đánh, ưu não khởi lên và ngài đi đến nghĩa địa để **quán bất tịnh**. **Thiền định được chứng đạt, thiền quán được triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi **nhạc phụ** của ngài dắt vợ cũ của ngài đến, trang điểm thật đẹp mắt, và với một số tùy tùng đông đảo, đi đến tinh xá để gặp ngài và kéo ngài trở lui với đời sống gia đình. Nhưng ngài tuyên bố với mọi người là ngài đã từ bỏ các **dục** vọng như vậy, với những bài kệ như sau:

453. **Con vật hai chân này,
Bất tịnh và hôi thối,
Đầy các loại tử thi,
Từ đấy, nước rỉ chảy.**

454. **Nai trốn, dùng bẫy sập,
Với cá dùng câu móc,
Với khỉ, dùng hàm hổ,
Phàm phu bị bắt vậy.**

455. **Sắc, tiếng, vị, hương, xúc,
Khả ái và thích ý,
Năm dục trưởng dưỡng này,
Được tiếng trong **nữ sắc**.**

456. **Phàm phu tâm say đắm,
Chạy theo hưởng nữ sắc,
Tăng nghĩa địa hải hùng,
Chất chứa sự tái sanh.**

457. *Ai tránh né nữ sắc,
Như chân tránh đầu rắn,
Chánh niệm, vượt qua được,
Kẻ đầu độc thế giới.*

458. *Thấy nguy hiểm trong dục,
An ổn trong viễn ly,
Thoát khỏi tất cả dục,
Ta đạt lậu hoặc tận.*

655 Tái sinh - Vượt khỏi bốn ách nạn, Không đi đến thọ sanh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 247 (Ud 71)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn Giả Subhùti ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, **nhập định không tâm**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Subhùti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tâm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng***:

*7. Với ai, tâm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn
Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,
Không đi đến thọ sanh.*

656 Tái sanh - Xem nhập thai là khổ, Họa lớn trong địa ngục - Kinh Ratthapàla – Tiểu III, 385

Ratthapàla – Tiểu III, 385 (251)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh ra ở nước Kuru, trong thành phố Thullakotthita, con của một hội viên hội đồng thành phố, tên **Ratthapàla** và được gọi theo tên gia tộc, ngài được **sống trong nhung lụa, lớn lên được gả vợ và sống như một thiên thần.**

Khi đức Phật đến thuyết pháp ở Thullakotthila, **Ratthapàla** đến nghe giảng, khởi lòng tin, xin cha mẹ được xuất gia rất khó khăn. Đi đến bậc Đạo Sư, ngài được thọ giới với một Tỷ-kheo theo lời giới thiệu của đức Phật, tu học rất tinh tấn, **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài được phép về thăm cha mẹ, đi đến Thullakotthita và đi khát thực từng nhà. Đến nhà cha mẹ, ngài nhận được cơm chua đã lâu ngày nhưng ngài vẫn ăn như là đồ ăn bất tử.

Ngày sau, theo lời mời của người cha, ngài đến **thăm nhà và các người vợ trước của ngài, ăn mặc rất đẹp đẽ, hỏi ngài, vì những thiên nữ nào, ngài đã xuất gia.**

Ngài thuyết pháp cho họ về vô thường v.v... từ khước
những hành vi căm dỗ của họ:

769. *Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn, nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.*

770. *Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu, vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ,
Sáng chói nhờ y phục.*

771. *Chân sơn với sơn, sáp,
Mặt thoa với phấn bột,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

772. *Tóc được uốn tám vòng,
Mắt xoa với thuốc son,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

773. *Như hộp thuốc mới sơn,
Uế thân được trang điểm,
Chỉ mê hoặc kẻ ngu,
Không mê bậc cầu giác.*

774. *Thợ săn bày lưới sập,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ bắt nai khóc.*

775. *Bầy thợ săn bị cắt,
Nai khôn không chạm lưới,
Ăn mỗi xong, ta đi,
Mặc kẻ săn nai sầu.*

Rồi Ratthapàla đi ngang qua hư không đến vườn nai của vua Koravya và ngồi trên một phiến đá. Người cha của ngài cho đóng chốt then cài cả bảy cái cửa, và cắt người giữ ngài không cho đi, lại lấy chiếc y vàng của ngài và choàng vào ngài y trắng của người cư sĩ. Do vậy ngài phải đi ngang qua hư không.

Rồi vua Koravya, nghe ngài đã đến vườn nai, liền chào ngài và hỏi: "*Thưa Tôn giả, ở đời người ta xuất gia vì một vài tai họa, như bệnh hoạn, như tai họa từ nhà vua, về tài sản, về gia đình. Ngài không có một tai họa gì, sao ngài lại xuất gia?*"

Vị trưởng lão trả lời: "*Thế giới là vô thường, không có gì trường cửu. Thế giới không có nơi nương tựa, thiếu thốn, không có thỏa mãn, làm nô lệ cho khát ái*".

Rồi ngài nói lên những bài kệ như sau:

776. *Ta thấy người đời giàu,
Được tiền, si không cho,
Vì tham, cất chứa tiền,
Chạy theo **dục** càng nhiều.*

777. *Vua dùng lực chiếm đất,
Chiếm ở đến bờ biên,
Biên bên này chưa thỏa,
Còn muốn biên bờ kia.*

778. *Vua và rất nhiều người,
Aí chưa hết, đã chết,
Tái sanh, bị thiếu thốn,
Chúng từ bỏ thân này,
*Nhưng ở đời lòng **dục**,
Không bao giờ thỏa mãn.**

779. *Bà con than khóc nó,
Tóc xõa, rồi tơ vò,
Chúng nói: Ôi chúng ta,
Không có được bất tử,
Thân trùm vãi, chúng mang,
Dựng giàn hỏa, chúng thiêu.*

780. *Bị cây đâm, cây thọc,*

Nó bị thiêu bị cháy,
Chỉ với một tấm vải,
Từ bỏ mọi tài sản,
**Kẻ chết không nương tựa,
Bà con, bạn láng giềng.**

781. *Kẻ thừa tự mang đi,
Tài sản gia nghiệp nó.
Riêng con người phải đi,
Theo chỗ, **ngiệp** nó tạo,
Tài sản không có đi,
Đi theo người đã chết,
Không con trai, không vợ,
Không tài sản, quốc độ.*

782. **Tài sản** không làm sao,
*Mua được **tuổi trường thọ**;
Phú quý nào có thể,
Tránh khỏi được **già suy**.
Bạc có trí nói rằng:
Mạng sống này ít ỏi,
Thật sự là vô thường,
Luôn luôn bị biến hoại.*

783. *Giàu, nghèo đều cảm xúc,
Ngu, trí đồng cảm thọ,
Kẻ ngu bị ngu đánh,*

Ngã quy, nằm dài xuống.
Còn bậc trí không sợ,
Đối với mọi cảm xúc.

784. Do vậy **tuệ** thắng **tài**,
Nhờ tuệ đạt viên mãn,
Chưa đạt được cứu cánh,
Đối với hữu, phi hữu,
Kẻ ngu làm các nghiệp,
Ác độc và bất thiện.

785. **Nhập thai**, sanh đời khác,
Luân hồi, tiếp tục sanh,
Kẻ ít trí, tin tưởng,
Nhập thai, sanh đời khác.

786. *Như kẻ trộm bị bắt,*
Quả tang, khi ăn trộm,
*Do **nghiệp** tự chính nó,*
Bị hại theo ác tội,
Cũng vậy sau khi chết,
Quần chúng trong đời sau,
Do nghiệp tự chính nó,
Bị hại theo ác tội.

787. Các **dục** thật đẹp đẽ,
Vị ngọt và khả ái,

Chúng làm **tâm đắm say**,
Vớ sắc và phi sắc,
Do thấy sự nguy hiểm,
Trong các đức công đức,
Do vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,

788. **Như trái cây rụng xuống**,
Cũng vậy tuổi thanh niên,
Lớn lên và già yếu,
Rồi thân hoại mạng chung,
Thấy vậy tôi xuất gia,
Như vậy thừa Đại vương,
Đời sống Sa-môn hạnh,
Chơn thật, tốt đẹp hơn.

789. Tín tâm tôi xuất gia,
Vào giáo hội bậc Thánh,
Tôi xuất gia không tội,
Không nợ, tôi thọ thực.

790. **Thấy đức như lửa hừng**,
Thấy vàng như dao đâm,
Xem nhập thai là khổ,
Họa lớn trong địa ngục.

791. **Thấy nguy hiểm như vậy**,

*Ta cảm thấy hoảng sợ,
Khi bị đâm, bị thương,
Ta đạt được tịch tịnh,
Và ta tận diệt được,
Cả ba loại **lậu hoặc**.*

*792. Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy, làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

*793. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

657 Tái sanh - Xương của một người chồng chất như... - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 315

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 315 (Ek III, 4) (It. 17)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

*Các **xương** của một người, này các Tỷ-kheo, chạy dài, lưu chuyển có thể lớn như một đống xương, một chồng xương, một đống xương, như núi Vepulla này, nếu có người thâu người lượm xương lại, gìn giữ chúng không làm chúng hủy hoại.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Chồng chất như xương người,
Chỉ sống có một kiếp,
Chất đống bằng hòn núi,
Bậc Đại sĩ nói vậy,
Đống xương ấy được nói,
Lớn như Vepulla,
Phía Bắc núi Linh Thứu,
Thành núi Magadha.*

Người thấy **Bốn sự thật**,
Với chân chánh trí tuệ
Khổ và khổ tập khởi
Sẽ vượt qua đau khổ
Con đường Thánh tám ngành,
Dẫn đến khổ tận chỉ,
Người ấy phải luân chuyển,
Tôi đa là bảy lần,
Là vị đoạn tận khổ,
Đoạn diệt mọi kiết sử.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

658 Tái sinh - Đời bị si trời buộc, Được thấy bị tái sinh - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 263

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 263 (Ud 79)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Kosambi tại khu vườn Ghosita. Lúc bấy giờ, vua Udena đang đi ngoài vườn, thì nội cung bị cháy và năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàlavati.

Rồi nhiều Tỷ-kheo vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào Kosambi để khát thực. Các Tỷ-kheo ấy khát thực ở Kosambi xong, sau buổi ăn, sau khi đi khát thực trở về đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi vua Udena đi ra ngoài vườn, nội cung bị cháy, năm trăm nữ nhân bị chết, đứng đầu là Sàlavati. Các nữ cư sĩ ấy, sanh thú họ là gì? Tương lai họ thế nào?

- Nay các Tỷ-kheo, có nữ cư sĩ là bậc Dự lưu, có nhất bậc Nhất lai, có bậc Bất Lai. Nay các Tỷ-kheo, **tất cả**

các nữ cư sĩ ấy mạng chung không phải không có kết quả.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

10. *Đời bị si trói buộc,
Được thấy bị tái sanh,
Bị trói bởi sanh y,
Kẻ ngu bị mù mê,
Tự thấy mình thường còn,
Nhưng với ai thấy được,
Sẽ không có vật gì.*

659 Tái sanh là đau khổ - Kinh Abhibhùta – Tiểu III, 206

Abhibhùta – *Tiểu III, 206* (182)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Vetthapura, đặt tên là Abhibhùta, và khi phụ thân mất, ngài thừa hưởng tài sản đất đai.

Khi đức Phật đến tại thành phố, trong dịp Thế Tôn du hành, Abhibhùta đến nghe Thế Tôn thuyết pháp, và mai sáng mời Thế Tôn đến nhà. Thế Tôn cảm ơn và dạy cho ngài Chánh pháp với nhiều chi tiết. Ngài khởi lòng tin, từ bỏ gia sản, **xuất gia và chứng quả A-la-hán.**

Trong khi thọ hưởng vị ngọt giải thoát, các bà con, thân tín, quen biết đến than van với ngài và ngài đã từ bỏ họ, không để lại một vị lãnh đạo. Và ngài thuyết pháp cho họ nói lên lý do xuất gia của ngài:

*254. Hãy nghe mọi bà con,
Những ai đã đến đây,
Ta thuyết pháp cho ông,
Tái sanh là đau khổ.*

255. Hãy tỉnh cần, ra đi,

*Chú tâm lời Phật dạy,
Đánh bại quân lực ma,
Như voi, nhà cỏ lau.*

**256. Ai trong Pháp Luật này,
Sẽ sống không phóng dật,
Từ bỏ dòng tái sanh,
Sẽ chấm dứt khổ đau.**

660 Tái sanh là đau khổ - Kinh Sivàka – Tiểu III, 165

Sivàka – *Tiểu III*, 165 (152)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Ràjagaha (Vương Xá), được đặt tên Sivàka.

Khi đã nhận được một sự giáo dục toàn diện, ngài theo xu hướng sở thích của mình, từ bỏ thế tục làm người du sĩ. Đến nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài khởi lòng tin xuất gia, và cuối cùng chứng quả A-la-hán.

Ngài nói lên chánh trí của mình:

183. ***Vô thường, những ngôi nhà,
Đấy đó lại dựng lên,
Tìm kiếm người làm nhà,
Tái sanh là đau khổ.***

184. ***Hỡi kẻ làm nhà kia!
Ngươi đã bị thấy rồi,
Từ nay, ngươi không thể,
Lại dựng nhà lên nữa,
Mọi tường vách đổ vỡ,***

*Nóc nhà bị tan hoang,
Tâm bị đẩy khỏi dòng,
Ở đây, bị thổi nát.*

661 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sankicca – Tiểu III, 335

Sankicca – Tiểu III, 335 (240)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn nổi tiếng. Me ngài chết khi sanh ngài, và ngài được cứu sống, chưa bị đốt cháy trên giàn hỏa. Vì rằng sự sống của một hữu tình trong **đời sống cuối cùng** không thể chết được, trước khi chúng quả A-la-hán, dầu cho có rơi từ núi Sineru (Tu-di).

Khi lên **bảy tuổi**, được nghe mẹ ngài chết khi sanh ngài, ngài cảm thấy xúc động và phát nguyện xuất gia. Ngài được đưa tới gặp Tôn giả Sàriputta, và ngài chứng được quả A-la-hán, khi tóc ngài đang bị cạo.

Ngài dâng đời sống ngài cho các tên cướp như thế nào để cứu **ba ngàn** Tỷ-kheo được nói đến trong **tập số Dhammapàla**.

Rồi một cư sĩ muốn hầu hạ ngài, yêu cầu ngài sống gần chỗ vị ấy đang ở, nói như sau:

597. Lợi ích ngài là gì,
Ở rừng sâu, mùa mưa,
Như U-ju-hà-na,

*Hỡi này ngài thân mến!
Hang gió đẹp cho ngài,
Sống một mình, tu thiền.*

Rồi vị Trưởng lão, đề nêu rõ vẻ đẹp của núi rừng và sự thật khác, trả lời như sau:

*598. Như gió mùa thổi mây,
Trong thời tiết mùa mưa,
**Tưởng ta bay tràn khắp,
Tưởng dung hòa viễn ly.***

*599. Qua đen, từ trứng sinh,
Lấy nghĩa địa làm nhà,
Khiến ta khởi lên niệm,
Viễn ly đối với thân.*

*600. Người kẻ khác không hộ,
Người không hộ kẻ khác,
Tỷ-kheo, sống an lạc,
Không kỳ vọng các dục.*

*601. Tảng đá có nước trong,
Chỗ hội họp quy tụ,
Các loài vượn mặt đen,
Các loài nai nhút nhát,
Dưới màn hoa nước chảy,*

Tảng đá ấy ta thích.

602. *Ta sống trong rừng núi,
Trong hang động khe đá,
Tại trú xứ xa vắng,
Chỗ thú rừng qua lại.*

603. *Hãy hại chúng, giết chúng!
Hãy làm khổ hữu tình,
Ta không biết niệm ấy,
Phi Thánh liên hệ sân,
Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhổ sạch.*

604. *Vì đích gì, xuất gia,
Bỏ nhà sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử tận diệt.*

605. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

606. *Ta không thích thú chết,*

*Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữa chánh niệm.*

662 Tái sanh lần cuối cùng - Kinh Sopàka – Tiểu III, 291

Sopàka – *Tiểu III, 291* (227)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh từ vợ một người cùng đinh, và do thọ sanh, ngài được gọi là **Sopàka (người cùng đinh)**. Có người nói ngài là con một thương gia. Sự kiện này không được tập Apadàna chấp nhận:

*Khi ta chứng được,
Tái sanh cuối cùng,
Ta vào bào thai,
Của Sopàka.*

Bốn tháng sau khi sanh, cha ngài mệnh chung, và được người **cậu** nuôi dưỡng. Người cậu, do người con hay nóng giận của mình xúi giục, muốn giết ngài. Nó đem ngài đến bãi tha ma, trói hai tay ngài cột vào cổ một thầy ma, nghĩ rằng các con chó rừng sẽ ăn thịt ngài. Nó không thể giết ngài vì ngài **tái sanh lần cuối cùng**. Ban đêm các con chó rừng và các con thú khác đến, và đưa con nít kêu khóc:

Thế nào là định mệnh,

*Được để dành cho ta.
Ai là người bà con,
Của đứa trẻ mồ côi!
Giữa nghĩa địa kinh hoàng,
Ta bị cột, trói chặt!
Ta sẽ tìm được ai,
Là người bạn của ta!*

Bậc Đạo Sư trong lúc ấy đang nhìn xem ai là người đáng cứu độ, thấy trong đứa trẻ, những nhân duyên chứng quả A-la-hán được chói sáng trong tâm của đứa trẻ, liền chiếu sáng hào quang và nói:

*Hãy đến, Sopaka,
Người đừng có sợ hãi,
Hãy nhìn đến Như Lai,
Chính Ta sẽ cứu con!
Như mặt trăng thoát khỏi,
Hàm răng của Ràhu.*

Với sức mạnh của đức Phật, đứa trẻ bứt đứt dây trói, và cuối bài kệ đứng dậy, trở thành một bậc Dự lưu và đứng trước hương phòng của đức Phật!

Mẹ ngài tìm ngài hỏi người cậu, nhưng người cậu im lặng không nói gì. Mẹ ngài đi đến đức Phật, nghĩ rằng đức Phật biết tất cả, quá khứ, hiện tại, vị lai. Bậc Đạo Sư, dùng thần thông giấu đứa con.

Bà thưa với Thế Tôn: "*Bạch Thế Tôn, con không thể tìm thấy đứa con. Nhưng Thế Tôn biết được con tôi đang làm gì?*". Thế Tôn trả lời:

*Các người con không phải,
Là chỗ y, nương tựa,
Cả cha cũng là vậy,
Kể cả các bà con.
Với kẻ bị mệnh chung,
Dẫu bà con huyết thống,
Cũng không thể nương tựa!*

Và như vậy, Thế Tôn thuyết pháp cho bà, bà nghe xong chứng quả Dự lưu, nhưng đứa trẻ chứng quả A-la-hán. Rồi Thế Tôn rút lại thân thông và bà mẹ sung sướng thấy được người con. Được biết con mình đã chứng quả A-la-hán, bà bằng lòng để con xuất gia và bà ra về.

Rồi ngài đến đánh lễ bậc Đạo Sư, khi bậc Đạo Sư đang đi dưới bóng mát của hương phòng và đi theo Thế Tôn. Thế Tôn muốn thế độ cho ngài liền hỏi ngài mười câu hỏi, bắt đầu bằng câu: "*Thế nào là một pháp?*" Ngài hiểu được ý Thế Tôn liền trả lời: "*Các chúng sanh được nuôi dưỡng bằng thức ăn...*", với trí sáng suốt của mình. Bậc Đạo Sư thỏa mãn với

những câu trả lời của đứa trẻ, thọ giới cho ngài. Do vậy ngài có được tên là: "Đứa trẻ với những câu hỏi".

Ngài nói lên chánh trí của mình, thuật lại những sự việc đã xảy ra, với bài kệ như sau:

480. Thấy bậc Tối thượng nhân,
Kinh hành dưới bóng lầu,
Tại đây, ta đi tới,
Đảnh lễ bậc Tối thượng.

481. Đắp y một bên vai,
Chấp hai tay đưa lên,
Đi theo **bậc Vô cầu**,
Tối thượng trên mọi loài.

482. Ngài hỏi ta câu hỏi,
Khéo biết đặt câu hỏi,
Ta trả lời Đạo Sư,
Không run, không sợ hãi.

483. Đức Như Lai tùy hỷ,
Câu trả lời câu hỏi,
Nhìn chúng Tỷ-kheo Tăng,
Ngài nói ý nghĩa này:

484. Lợi ích thay, dân chúng,

Ăng-ga, Magadha,
Cúng dường cho vị ấy,
Y được thuốc sàng tọa,
Biết cung kính thích nghi,
Thật lợi ích cho chúng,
Bậc Đạo Sư nói vậy.

485. Bắt đầu từ hôm nay,
Hỡi này Sopaka,
Hãy đến yết kiến Ta,
Như vậy, Sopaka,
Ông thành tựu Đại giới,
Được an lành tốt đẹp.

486. **Bảy năm** từ khi sanh,
Ta được thọ Đại giới,
Ta mang thân cuối cùng!
Ôi pháp, thiện pháp tánh.

663 Tái sinh lần cuối cùng - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

Sīlavat – *Tiểu III*, 339 (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajātasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajātasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,

Đưa đến mọi thành công.

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng, tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.

610. **Người trì giới, tự chế**,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.

611. Người **ác giới** chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bạc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.

612. **Khởi đầu, an trú giới,**
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự,**
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chực Phật,
Vậy hãy trong sạch giới.

614. *Giới, sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,
Giới, hương thơm vô thượng,
Giới, hương thoa đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới, vận tải đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không **định, giới,**
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh giải thoát,
Kẻ trí khéo **định, giới,**
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. *Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí **tuệ, tối thượng,***

*Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.*

664 Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Eraka - Kinh Eraka – Tiểu III, 100

Eraka – Tiểu III, 100 (93)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của một người có địa vị, được đặt tên là Eraka.

Ngài khôi ngô, tuấn tú, làm mọi công việc đều thông suốt thành tựu. Cha mẹ cưới cho ngài một người vợ trẻ đẹp có giới hạnh. Nhưng vì là **đời sống cuối cùng** nên ngài sanh dao động và tìm kiếm đến gặp bậc Đạo Sư.

Khi nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia, bậc Đạo Sư cho ngài đề tài để tu hành, nhưng trong một thời gian ngài bị các suy tư bất thiện ám ảnh.

Đức Thế Tôn biết được tâm tư của ngài nên nói lên bài kệ dạy ngài, ngài rất hối hận sở hành của mình khi nghe lời Phật dạy, ngài trở nên tinh tấn, **phát triển thiền quán**, không bao lâu chứng quả A-la-hán, Ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ sau đây:

93. *Hỡi này Ê-ra-ka,
Khổ thay là các dục!
Hỡi này Ê-ra-ka,*

*Không lạc là các dục!
Ai tham dục các dục,
Là tham dục đau khổ,
Ai không tham các dục,
Là không tham dục khổ.
Hỡi này Ê-ra-ka!
Hãy biết là như vậy.*

665 Tái sinh lần cuối cùng - Trưởng lão Tissa - Kinh Tissa – Tiểu III, 105

Tissa – Tiểu III, 105 (97)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại thành phố Roguva trong một gia đình vua chúa. Khi phụ vương mất, ngài tiếp nối sự nghiệp của **vua** cha.

Như một đồng minh với vua Bimbisàra, ngài gửi vua các tặng vật châu báu, ngọc và y áo. Vua gửi ngài **đời sống của đức Phật** vẽ trên tám tranh và **lý duyên khởi** được khắc trên một đĩa bằng vàng.

Khi ngài thấy vật này, vì lòng phát nguyện trước các đức Phật quá khứ, vì nhân duyên **đời sống cuối cùng**, ngài suy tư định lý ấy, quán sát qua lại nhiều lần, học thuộc lòng nhiều lần, cho đến khi ngài cảm thấy dao động và đi đến kết luận: "*Nay ta đã được thấy hình dung của Thế Tôn cùng với quá trình giáo lý của Ngài. Các **đục** đầy những đau khổ, vậy ta sống đời sống gia đình làm gì?*"

Rồi ngài thoái vị, xuất gia, cầm bát bằng đất và với một số quần chúng đi theo và khóc than, như Hoàng tử Pukkusàti, ngài từ bỏ hoàng cung, đi đến Rajagaha (Vương Xá). Tại đây, ngài ở tại hang Sabhasondika

và yết kiến Thế Tôn. Nhờ Thế Tôn thuyết pháp, ngài chứng quả A-la-hán.

Nói đến kinh nghiệm bản thân, ngài nói lên bài kệ:

*97. Từ bỏ trăm bình bát,
Bằng đồng, vàng quý giá,
Ta cầm lấy bình bát,
Làm bằng đất sét thường,
Đây là lần thứ hai,
Ta làm lễ quán đảnh.*

666 Tám mươi bốn ngàn pháp - Kinh Ananda – Tiểu III, 455

Ananda – Tiểu III, 455 (260)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh trong gia đình Thích-ca Amitedana. Vì các bà con nói ngài sanh đem hoan hỷ cho gia đình, nên được đặt tên là **Ananda (Khánh Hỷ)**.

Khi lớn lên, các sự kiện xuất gia, giác ngộ, chuyển Pháp luân được diễn ra, và sau khi Thế Tôn viếng thăm Kapilavatthu, ngài xuất gia với Bhaddiya và các người khác và được Thế Tôn thế độ cho. Sau khi nghe bài thuyết pháp của **Punna Mantani**, ngài chứng được Sơ quả.

Trong hai mươi năm đầu, Thế Tôn không có thị giả riêng, khi thì *Nàgasamàla*, khi thì *Nàgita*, khi thì *Upavàna*, *Sunakkhatta*, *Sa-di Cunda*, *Sàgata*, *Meghiya*. Thế Tôn không có lựa chọn ai làm thị giả đặc biệt.

Sau Thế Tôn khi đã năm mươi sáu tuổi, gợi ý muốn có một thị giả thường trực, có Tỷ-kheo đề nghị Ananda và Ananda chỉ nhận lời nếu Thế Tôn chịu **từ chối bốn việc và chấp nhận bốn việc**.

Từ chối không cho Ananda:

- Y,
- Đồ ăn,
- Một phòng riêng
- Và mời ăn.

Vì nếu không từ chối thời Ananda **bị hiểu lầm** là hầu hạ Thế Tôn để được y, đồ ăn khát thực, phòng xá và mời ăn.

Chấp nhận cho Ananda bốn việc là:

- Nếu Ananda được mời ăn, Thế Tôn bằng lòng đi dự.
- Thế Tôn bằng lòng gặp những người từ xa đi đến và do Ananda giới thiệu.
- Thế Tôn chấp nhận cho Ananda yết kiến nếu Ananda gặp phân vân khó xử.
- Thế Tôn sẽ giảng lại những giáo lý ngài dạy khi Ananda vắng mặt.

Nếu Thế Tôn không chấp nhận bốn điều này, thời sự hầu hạ của Ananda không đem lại thiện quả gì.

Thế Tôn chấp nhận điều Ananda yêu cầu. Từ hôm ấy, Ananda hầu hạ Thế Tôn, **đem nước, đem tắm rửa răng, rửa chân, đi theo Thế Tôn, quét phòng cho Thế Tôn. Ban ngày, Ananda ở một bên đức Phật, nhắc nhở những điều cần làm, ban đêm cầm đèn và gậy. Ananda đi xung quanh phòng đức Phật sẵn sàng đáp ứng nếu Thế Tôn có gọi.**

Thế Tôn tại Jetavana, xác chứng Ananda là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về năm phương diện:**

- Đa văn,
- Tâm tư cảnh giác,
- Sức mạnh đi bộ,
- Lòng kiên trì,
- Và sự hân hạ chu đáo.

Như vậy, Ananda sau khi Thế Tôn nhập diệt vẫn chưa chứng quả A-la-hán, và đêm trước khi kỳ kiết tập thứ nhất được tổ chức, ngài phát tâm tinh cần tinh tấn, **thiền quán suốt đêm** trong mái hiên, nhưng chưa có hiệu quả. Rồi ngài vào phòng ngồi trên giường, muốn nằm xuống và khi đầu chưa đụng chiếc gối, chân chưa rời khỏi đất, trong khoảng thời gian ấy, ngài chứng được quả A-la-hán. Rồi ngài bước vào phòng kiết tập.

Các câu kệ của ngài được góp thâu lại và để vào trong tập Trưởng lão Tăng Kệ, khi ***Khuddaka Nikàya (Tiểu bộ kinh)*** được tụng đọc.

Những bài kệ đầu được nói lên, khi ngài khuyên các Tỷ-kheo thường thân cận với kẻ theo **Devadatta:**

*1018. Hai lưỡi và phần nộ,
Xan tham, thích phá hoại,
Bậc trí không giao du,*

Kẻ ác bạn kẻ xấu.

*1019. Với bậc tin, dễ thương,
Với bậc trí, nghe nhiều,
Bậc Hiền trí, giao du,
Kẻ thiện bạn chân nhân.*

Các bài kệ sau được nói lên khi **nữ cư sĩ Uttarà**, vì nàng đẹp nên thiên về dục vọng và được nói lên để nàng thấy sự mỏng manh của thân nàng. Có người nói các bài kệ này nói lên cho những ai đắm say **Ambapàli**:

*1020. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

*1021. **Hãy nhìn sắc trang sức,
Với châu báu vòng tai,
Bộ xương, da bao phủ
Sáng chói nhờ y phục.***

Hai câu kệ tiếp được vị Trưởng lão nói lên khi chứng quả A-la-hán, đêm ấy trên giường của mình:

*1022. **Nghe nhiều, diễn thuyết giỏi,***

*Thị giả bậc Giác giả,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Ràng buộc được thoát ly,
Bậc họ Gotama,
Đặt lưng nằm xuống nghỉ.*

*1023. Các lậu hoặc đoạn tận,
Ràng buộc được thoát ly,
Mọi chấp trước vượt qua,
Khéo đạt được thanh lương,
Gánh vác thân cuối cùng,
Đến bờ kia sanh tử.*

*1024. Pháp an trú trong ấy,
Phật bà con mặt trời,
Trên đường đến Niết-bàn
Gotama an trú.*

Một hôm Moggallàna người chăn bò, hỏi ngài lời dạy của đức Phật là gì, có bao nhiêu giáo lý tất cả. Vị Trưởng lão trả lời:

*1025. Ta nhận từ đức Phật,
Tám mươi hai ngàn pháp,
Còn nhận từ Tỷ-kheo,
Thêm hai ngàn pháp nữa,
Tổng cộng tám tư ngàn,*

Là pháp ta chuyển vận.

Một hôm, vị Trưởng lão nói cho một người sống bê tha phóng đãng sự nguy hiểm của một đời sống không giáo dục văn hóa:

*1026. Người ít nghe, ít học,
Lớn già như con bò,
Những thịt nó lớn lên,
Trí tuệ nó không lớn.*

Những bài kệ tiếp nói cho vị Tỷ-kheo khinh khi những người ít học thua mình:

*1027. Người học nhiều khinh miệt,
Kể học ít về học,
Như người mù mang đèn,
Ta có ý là vậy.*

*1028. Hãy kính người nghe nhiều,
Chớ hại điều sở học,
Đấy cội gốc Phạm hạnh,
Do vậy, hãy trì pháp.*

*1029. Biết câu trước câu sau,
Biết nghĩa, giỏi từ cú,
Năm giữ điều khéo năm,*

Suy tìm trên nghĩa lý.

1030. Chính nhờ **đức kham nhẫn**,
Sở nguyện được tác thành,
Sau khi đã tinh tấn,
Vị ấy lại cân nhắc,
Đúng thời, ra nỗ lực,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1031. **Nghe nhiều, thọ trì pháp**,
Có **tuệ**, đệ tử Phật,
Chờ đợi thức tri pháp,
Nên thân cận vị ấy.

1032. **Nghe nhiều thọ trì pháp**,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt, toàn thế giới,
Hãy lễ vị nghe nhiều.

1033. **Ưu pháp, vui thích pháp**,
Luôn suy tư Chánh pháp,
Tỷ-kheo nhớ niệm pháp,
Diệu pháp không tổn giảm.

Một hôm, ngài đốc thúc vị Tỷ-kheo dao động, biếng
nhác như sau:

1034. **Thân** ích kỷ nặng chằng,
Không có ưa hoạt động,
Thời gian mòn mỏi qua,
Không thể đứng dậy sao?
Tham đắm theo **thân lạc**,
Từ đâu, **Sa-môn lạc**?

Những câu kệ sau, Trưởng lão Ananda đọc lên **khi**
nghe tin Sàriputta mệnh chung:

1035. Mọi phương đều mờ mịt,
Pháp không khởi nơi ta,
Người bạn tốt đã đi,
Tối tăm lan tràn khắp.

1036. Người bạn đã đi qua,
Đạo Sư đã đi qua,
Bạn như vậy không còn,
Như quán thân hành niệm.

1037. Các vị xưa đã qua,
Vị mới ta không hạp,
Nay một mình ta thiện,
Như chim, khi mưa đến.

Câu kệ tiếp là của bậc Đạo Sư. Câu tiếp là của Ananda, hoan hỷ làm theo lời vị Đạo Sư:

1038. Từ các địa phương khác,
Nhiều người yết kiến Ta,
Chớ ngăn họ nghe pháp,
Nay thời họ gặp Ta.

1039. Từ các địa phương khác,
Quần chúng đến yết kiến,
Bổn Sư cho họ dịp,
Để được yết kiến Ngài;
Bậc có mắt không có,
Từ chối ngăn chặn ai.

Năm câu kệ tiếp nêu rõ ngài là **bậc thị giả đệ nhất**:

1040. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Dục tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1041. Trái hai mươi lăm năm,
Ta chỉ là hữu học,
Sân tướng không khởi lên,
Hãy xem pháp, pháp tánh.

1042. Trái hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,

*Với thân nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1043. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với khẩu nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1044. *Trải hai mươi lăm năm,
Ta hầu hạ Thế Tôn,
Với ý nghiệp từ hòa,
Như bóng không rời hình.*

1045. *Khi đức Phật kinh hành,
Ta đi theo sau lưng,
Khi pháp được thuyết giảng,
Trí khởi lên nơi ta.*

1046. *Ta vẫn còn là người,
Có việc cần phải làm,
Ta chỉ là hữu học,
Tâm ý chưa chứng đạt,
Đạo Sư nhập Niết-bàn,
Ai sẽ từ mất ta.*

1047. *Như vậy thật khủng khiếp,
Như vậy thật kinh hoàng,*

Khi **bạc toàn tuyệt hảo**,
Bạc Giác ngộ Niết-bàn.

Ba câu kệ tiếp, do các vị dự kỳ kiết tập thêm vào đề tán thán Trưởng lão Ananda:

1048. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thể giới,
Anan nhập Niết-bàn.

1049. Nghe nhiều, thọ trì pháp,
Hộ tạng Đại ẩn sĩ,
Cặp mắt toàn thể giới
Đoạn ám chỗ tối tăm.

1050. Ngài là **bạc ẩn sĩ**,
Với hành vi tuyệt hảo,
Với chánh niệm tuyệt hảo,
Với kiên trì tuyệt hảo,
Thọ trì chân diệu pháp,
Là Trưởng lão A-nan,
Là kho tàng sống động,
Đầy châu báu ngọc ngà.

Câu kệ này được Ananda nói lên khi nằm trên giường, trong giờ phút cuối cùng:

1051. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

667 Tám mươi tuổi xuất gia, chứng quả - Kinh Bàkula – Tiểu III, 192

Bàkula – Tiểu III, 192 (172)

Ngài sanh ở Kosambi, trong một gia đình có chức vụ, trước khi bậc Đạo Sư sanh ra, và ngài được đem đi tắm ở sông Yamunà để được sức khỏe, và một con cá nuốt ngài trong tay người vú.

Con cá bị người câu cá bắt được và đem bán cho vợ một vị chức sắc khác ở Ba-la-nại. Khi con cá bị mổ ra, đứa con nít nhờ phước nghiệp đời trước, nên còn sống không bị thương tích.

Vợ vị chức sắc thương ngài như con đẻ, và khi bà nghe được câu chuyện của ngài, và hỏi về cha mẹ. Vua trong nước quyết định cho ngài thuộc quyền sở hữu của hai gia đình, và do vậy ngài được tên là Bàkula (hai gia đình).

Sau một đời sống giàu sang, ngài nghe đức Bôn Su thuyết pháp, xuất gia khi tám mươi tuổi. Trong bảy ngày, ngài chưa được giấc ngủ, nhưng ngày thứ tám, ngài chứng được quả A-la-hán, thông hiểu nghĩa, thông hiểu pháp.

Một hôm, khi ấn chứng vị trí tu hành cho các vị đệ tử, bậc Đạo Sư ấn chứng cho ngài là **vị đệ tử có sức**

khỏe độ nhất. Về sau, khi sắp sửa mệnh chung ngài nói lên chánh trí của ngài giữa hội chúng Tỷ-kheo như sau:

225. Với ai những công việc,
Cần phải làm từ trước,
Về sau, vị ấy mới,
Có ý định muốn làm.
Vị ấy tự phá hoại,
Căn cứ địa an lạc,
Về sau, chịu khổ đau,
Trong nung nấu hối tiếc.

226. *Hãy nói điều có làm,
Không nói điều không làm,
Bậc Hiền trí rõ biết,
Người chỉ nói, không làm.*

227. Niết-bàn nhiệm màu lạc,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Không sâu muộn, ly tham,
Thật sự là an ổn,
Tại đây, sự đau khổ,
Được đoạn diệt hoàn toàn.

668 Tám ngành, đường thù thắng, Bốn câu, lý thù thắng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Vớ trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. **Lời nói được thận trọng,**
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đốn rùng không đốn cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đốn rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thân bắt người ấy,
Như lự trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thân đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. **Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.**

669 Tám tư duy của bậc đại nhân - Kinh Anuruddha – Tiểu III, 422

Anuruddha – Tiểu III, 422 (256)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà dòng họ Sakya Amitodana và được đặt tên là *Anuruddha*.

Anh của ngài là *Thích-ca Mahànàma*, con người cậu của đức Phật. Ngài được nuôi dưỡng rất tế nhị, mỗi mùa ở mỗi nhà khác nhau, có các vũ nữ vũ sư đoanh vây, thọ hưởng sự giàu sang thần tiên.

Khi được gọi làm người bảo vệ cho bậc Đạo Sư, ngài đi đến đức Phật, trong rừng xoài ở Anupiyà, thọ giới xuất gia, và trong mùa an cư mùa mưa, ngài chứng **Thiên nhãn**.

Nhận được đề tài thiền quán từ ngài Xá-lợi-phất. Ngài đi đến rừng trúc ở phương Đông, hành thiền quán, và **chứng được bảy tư duy của một vị Đại nhân, nhưng chưa chứng được tư duy thứ tám**. Bậc Đạo Sư nhận thấy vậy liền dạy cho ngài quá trình tu chứng của bậc Thánh. Nhớ lại lời dạy này, Anuruddha **phát triển thiền quán** và chứng quả A-la-hán cùng với **thắng trí và vô ngại giải** thù thắng.

Ngài được Thế Tôn xác nhận là **bậc Thiên nhân đệ nhất**. Và ngài sống trong an lạc giải thoát. Một hôm ôn lại quá trình tu chứng của mình, ngài hoan hỷ phân khởi, và nói lên bài kệ sau đây:

892. Bỏ cha mẹ, bà con,
Bỏ anh em, chị em,
Bỏ năm dục trưởng dưỡng,
A-na-luật tu thiền.

893. *Sống hệ lụy múa, ca,
Dạy với tiếng xập xỏa,
Sống vậy không đạt được,
Cảnh giới **đạo thanh tịnh**,
Vì **rằng ta ưa thích**,
Trong giới vực của Ma.*

894. Và ta vượt tất cả,
Vui thích lời Phật dạy,
Vượt mọi loại bực lưu,
A-na-luật tu thiền.

895. *Sắc, thanh, vị, hương, xúc,
Hấp dẫn, rất thích ý,
Vượt qua tất cả chúng,
A-na-luật tu thiền.*

896. Đi khát thực trở về,
Đơn độc, vị ẩn sĩ,
Tìm vãi từ đống rác,
A-na-luật đạt được,
Không còn các lậu hoặc.

897. Ẩn sĩ thâu, lượm lấy,
Giặt, nhuộm, và đắp mặc,
Các vãi từ đống rác,
Sáng suốt, A-na-luật,
Không còn các lậu hoặc.

898. **Nhiều dục, không biết đủ,
Ưa giao du, tháo động,
Những pháp này có mặt,
Thuộc tà ác, uế nhiễm.**

899. **Chánh niệm và ít dục,
Biết đủ, không náo loạn,
Thích viễn ly, hân hoan,
Thường tinh cần tinh tấn.**

900. Những pháp này có mặt,
Thuần thiện **Bồ đề phần,**
Vị ấy không lậu hoặc,
Bậc Đại tiên nói vậy.

901. Biết tâm tư ta vậy,
Thế gian Vô Thường Sư,
Với **thân do ý tạo**,
Thần thông đến với ta.

902. Tùy theo ta nghĩ gì,
Ngài thuyết rõ tất cả,
Phật **không ra hý luận**,
Ngài thuyết không hý luận.

903. Ngộ pháp ta hoan hỷ,
Trú trong giáo pháp Ngài,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

904. Suốt **năm mươi lăm năm**,
Ta không bao giờ nằm,
Trong **hai mươi lăm năm**,
Đoạn dứt được ngủ nghỉ.

905. Không thở vô, thở ra,
Bạc như vậy trú tâm,
Không tham dục, tịch tịnh,
Bạc có mắt Niết-bàn.

906. Với **tâm không dao động**,
Sống cảm thọ cuối cùng,

*Như ngọn lửa diệt tắt,
Tâm Ngài được giải thoát.*

*907. Nay chính những pháp này,
Là những pháp cuối cùng,
Những cảm xúc thứ năm,
Của bậc Đại Mâu-ni,
Sẽ không còn pháp khác,
Bậc Chánh giác Niết-bàn.*

Rồi một **Thiên nhân**, trước kia là người hầu cận ngài, thấy ngài già và ốm, vì lòng thương ngài, yêu cầu ngài tái sinh ở chư Thiên. Ngài trả lời như sau:

*908. Nay không còn tái sinh,
Trong thế giới chư Thiên,
Này kẻ gieo cạm bẫy.
Dòng sanh tử, đoạn tận,
Nay không còn tái sinh.*

Rồi vị Tỷ-kheo khác, không thấy vị Thiên nhân, không hiểu bậc Trưởng lão nói với ai. Để nói lên thần thông của mình, ngài nói câu kệ:

*909. Ai trong thời gian ngắn,
Biết thế giới ngàn cõi,
Vị ấy thật xứng đáng,*

*Được sống giới Phạm thiên,
Nhưng nay Tỷ-kheo ấy,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được thời gian nào,
Chư Thiên chết và sanh.*

Rồi ngài nói lên **ngiệp trước** của ngài:

*910. **Đời trước** ta đã sống,
Tên Annabhara,
Bản cùng, phải làm lưng,
Lo nuôi sống tự thân,
Rồi ta đến cúng dường,
Bậc Sa-môn danh tiếng,
Sa-môn với xưng danh,
Ngài Uparittha.*

*911. Rồi ta được sanh trưởng,
Trong dòng họ Thích-ca,
Ta được biết với tên,
Là Anuruddha,
Sống hệ lụy múa ca,
Dạy với tiếng xập xỏa.*

*912. Ta thấy bậc Chánh giác,
Bậc Đạo Sư vô úy,
Tín tâm khởi nơi Ngài,*

Ta xuất gia không nhà.

913. *Ta biết các đời trước,
Trước ta sống chỗ nào,
Giữa cõi **Ba mươi ba**,
Ta sanh làm **Đế Thích**.*

914. ***Bảy lần làm Nhân chủ**,
Ta trị vì quốc độ,
Ta chinh phục bốn phương,
Làm chúa châu Diêm phù,
Không dùng gậy dùng gươm,
Trị vì với Chánh pháp.*

915. *Từ đây bảy bảy lần,
Mười bốn lần luân hồi,
Ta biết được đời sống,
Khi ta trú thiên giới.*

916. Trong ***thiền định năm chi***,
Tâm an tịnh nhất tâm,
Tâm ta được khinh an,
Thiên nhãn ta thanh tịnh.

917. Ta biết sanh và chết,
Chỗ đến đi hữu tình,
Đời này và đời khác,

Ta trú thiền năm chi.

918. *Ta hầu hạ Đạo Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

919. *Tại làng Vê-lu-va,
Giữa dân tộc Vajji,
Ta đi đến đoạn diệt,
Chấm dứt dòng sanh tử,
Dưới bóng của khóm trúc,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.*

670 Tám vi diệu trong đạo Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mẹ của Migàra. Lúc bảy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp

qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Upasatha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Upasatha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, nay các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Upasatha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Nay các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Nay các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, nay các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Nay các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, phạm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông

Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tự. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vi mặn**. Nay các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cù, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì

rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là **trú xứ các loài sinh vật lớn**. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.**

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lình như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, **trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lình**. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lình. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ nhứt**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập

*tức bị quăng trên bờ hay vát lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tịnh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.*

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có **bốn giai cấp này**: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, **sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích***

tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mẫn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đáy có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc,

vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- *Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. **Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và*

Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

671 Tám đôi bốn vị - Kinh Châu Báu - Tiểu I, 534

Kinh Châu Báu – Tiểu I, 534 (Ratana Sutta) (Sn 39)

222. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Mong rằng mọi **sanh linh**,
Được đẹp ý vui lòng,
Vậy, hãy nên cẩn thận,
Lắng nghe lời dạy này.

223. Do vậy các sanh linh,
Tất cả hãy chú tâm,
Khởi lên lòng từ mẫn,
Đối với mọi loài, người.
Ban ngày và ban đêm,
Họ đem vật **cúng dường**,
Do vậy không phóng dật,
Hãy giúp họ trì họ.

224. Phàm có tài sản gì,
Đời này hay đời sau,

Hay ở tại thiên giới,
Có châu báu thù thắng,
Không gì sánh bằng được,
Vội **Như Lai, Thiện Thệ,**
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

225. **Đoạn diệt** và **ly tham,**
Bất tử và thù diệu,
Phật Thích Ca Mâu-Ni,
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được,
Vội pháp thù diệu ấy.
Như vậy, nơi Chánh pháp,
Là châu báu thù diệu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

226. Phật Thế Tôn thù thắng,
Nói lên lời tán thán,
Pháp **thiền định** trong sạch,
Liên tục không gián đoạn,
Không gì sánh bằng được,
Pháp thiền vi diệu ấy,
Như vậy, nơi Chánh pháp,

Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

227. **Tám vị bốn đôi** này,
Được bậc thiện tán thán,
Chúng đệ tử Thiện Thệ,
Xứng đáng được cúng dường.
Bồ thí các vị ấy,
Được kết quả to lớn.
Như vậy, nơi **Tăng chúng,**
Là châu báu thù diêu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

228. Các vị lòng ít dục,
Với ý thật kiên trì,
Khéo liên hệ mật thiết,
Lời dạy Gotama!
Họ đạt được quả vị,
Họ **thể nhập bất tử,**
Họ chứng đắc dễ dàng,
Hưởng thọ sự tịch tịnh,
Như vậy, nơi tăng chúng,
Là châu báu thù diêu,
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

229. Như cây cột trụ đá,
Khéo y tựa lòng đất,
Dẫu có gió bốn phương,
Cũng không thể dao động,
Ta nói bậc chơn nhân,
Giống như ví dụ này.
Vị thể nhập với tuệ,
Thấy được những Thánh đế,
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

230. Những vị khéo giải thích,
Những **sự thật Thánh đế**,
Những vị khéo thuyết giảng,
Với trí tuệ thâm sâu,
Dẫu họ có hết sức,
Phóng dật không tư chế,
Họ cũng không đến nổi,
Sanh hữu lần thứ tám.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

231. Vị ấy nhờ đầy đủ,
Với **chánh kiến** sáng suốt,
Do vậy, có ba pháp,
Được hoàn toàn từ bỏ.
Thân kiến và nghi hoặc,
Giới cấm thủ cũng không;
Đối với bốn đọa xứ,
Hoàn toàn được giải thoát;
Vị ấy không thể làm,
Sáu điều ác căn bản.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

232. Dầu vị ấy có làm,
Điều ác gì đi nữa,
Với **thân** hay với **lời**,
Kể cả với tâm ý,
Vị ấy không có thể,
Che đậy việc làm ấy,
Vị ấy được nói rằng,
Không thể thấy ác đạo.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

233. Đẹp là những cây rừng,
Có bông hoa đầu ngọn,
Trong tháng ba nóng bức,
Những ngày hạ đầu tiên,
Pháp thù thắng thuyết giảng,
Được ví dụ như vậy,
Pháp đưa đến Niết-bàn,
Pháp hạnh phúc tối thượng.
Như vậy, nơi Đức Phật,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

234. Cao thượng, biết cao thượng,
Cho, đem lại cao thượng,
Bậc vô thượng thuyết giảng,
Pháp cao thượng thù thắng.
Như vậy, nơi đức Phật,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

235. Nghiệp cũ đã đoạn tận,
Nghiệp mới không tạo nên,
Với tâm tư từ bỏ,
Trong sanh hữu tương lai.

Các hột giống đoạn tận,
Ước muốn không tăng trưởng,
Bậc trí chứng Niết-bàn,
Ví như ngọn đèn này.
Như vậy, nơi Tăng chúng,
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chơn hạnh phúc.

236. Phàm ở tại đời này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không,
Hãy đánh lễ đức Phật,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đánh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.

237. Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đánh lễ Chánh pháp,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,

*Đảnh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

238. *Phàm ở tại nơi này,
Có sanh linh tụ hội,
Hoặc trên cõi đất này,
Hoặc chính giữa hư không.
Hãy đảnh lễ chúng Tăng,
Đã như thực đến đây,
Được loài Trời, loài Người,
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong rằng với hạnh này,
Mọi loài được hạnh phúc.*

672 Tán thán giữ giới - Kinh Sīlavat – Tiểu III, 339

Sīlavat – *Tiểu III*, 339 (241)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Rājagaha (Vương Xá), con của vua Bimbisāra (Tần-bà-ta-la), và được đặt tên là Sīlavat.

Khi đến tuổi trưởng thành, anh ngài là Ajātasattu làm vua, muốn giết ngài, nhưng không giết được, vì ngài sống đời sống cuối cùng và chưa chứng quả A-la-hán.

Rồi Thế Tôn, biết sự việc đã xảy ra bảo *Mahā Moggallāna* đi mời ngài đến. Hoàng tử Sīlavat xuống voi, thích nghi giáo lý với tâm tánh của ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia, và sau một thời gian, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài ở Kosala, và khi Ajātasattu sai những người đến giết ngài, ngài dạy cho những người ấy, hóa độ và những người ấy xuất gia học đạo. Và ngài giảng cho họ như sau:

608. Ở đây hãy học **giới**,
Khéo học tập ở đời,
Giới thành đạt toàn diện,

Đưa đến mọi thành công.

609. Bạc trí **hãy hộ giới**,
Nếu kỳ vọng ba lạc,
Được danh xưng, tài sản,
Sau chết, hưởng thiên lạc.

610. **Người trì giới, tự chế**,
Được nhiều người bạn tốt,
Kẻ ác giới, hành ác,
Mất mát các bạn bè.

611. Người **ác giới** chỉ được,
Ác danh, không tài sản,
Bạc trì giới luôn được
Khen danh xưng, tán thán.

612. **Khởi đầu, an trú giới,**
Giới là mẹ thiện pháp,
Giới đứng đầu mọi pháp,
Vậy hãy trong sạch giới.

613. **Giới, hạn chế, phòng ngự,**
Làm sáng chói tâm tư,
Là đầu bến chụ Phật,
Vậy hãy trong sạch giới.

614. *Giới, sức mạnh vô song,
Giới, binh khí tối thượng,
Giới, trang sức đệ nhất,
Giới, áo giáp hy hữu.*

615. *Giới, đầu cầu cường đại,
Giới, hương thơm vô thượng,
Giới, hương thoa đệ nhất,
Nhờ giới, bay bốn phương.*

616. *Giới, tư lương cao nhất,
Giới, hành trang tối thượng,
Giới, vận tải đệ nhất,
Nhờ giới, đi bốn phương.*

617. *Đây, kẻ xấu bị trách,
Sau chết sanh đọa xứ,
Kẻ ngu không **định, giới,**
Ưu tư khắp các chỗ.*

618. *Đây bậc tốt được khen,
Sau chết sanh giải thoát,
Kẻ trí khéo **định, giới,**
Hân hoan, khắp các chỗ.*

619. *Ở đây, giới tối cao,
Nhưng trí **tuệ, tối thượng,***

*Giữa loài Người, loài Trời,
Bậc giới tuệ thắng lợi.*

673 Tán thán hạnh xuất gia - Kinh Rohinì – Tiểu III, 661

Rohinì – *Tiểu III*, 661 (67)

Trong thời đức Phật hiện tại, **nàng sanh ở Vesali trong nhà một phú gia Bà-la-môn và được đặt tên là Rohinì (con bò đỏ, nâu).**

Đến tuổi trưởng thành, khi đức Phật còn ở Vesali, nàng đến nghe pháp, chứng được quả **Dự lưu**. Rồi nàng giảng pháp cho cha mẹ, cha mẹ chấp nhận pháp và cho phép nàng xuất gia. Nàng **khai triển thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Suy tư đến một cuộc đàm thoại về pháp với phu thân, khi nàng mới chứng quả Dự lưu, nàng nói lên sự phân khởi của nàng với những bài kệ sau đây về nội dung cuộc đàm thoại:

*271. Nàng chỉ cho ta thấy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng thức ta tỉnh dậy,
Đây là một Sa-môn,
Nàng khen tặng Sa-môn,
Muốn thành nữ Sa-môn.*

272. Nàng tìm cho Sa-môn
Rất nhiều đồ ăn uống,
Này hỡi, Rô-hi-ni,
Sao nàng quý Sa-môn?

273. Họ nhác không thích làm,
Sống với đồ người cho,
Họ ham lợi thích ngọt,
Sao nàng quý Sa-môn?

274. Cha thân đã lâu rồi,
Cha hỏi về Sa-môn,
Con sẽ tán thán họ,
Tuệ giới hạnh tinh cần.

275. Họ thích làm không nhác,
Họ làm việc tối thắng,
Họ trừ bỏ tham sân,
Vì vậy con quý họ.

276. Ba cội gốc điều ác,
Họ quét sạch thanh tịnh,
Mọi điều ác đoạn tận,
Vì vậy con quý họ.

277. Thân nghiệp họ trong sạch,

Khẩu nghiệp họ cũng vậy,
Ý nghiệp họ trong sạch,
Do vậy con quý họ.

278. Không cầu uế giải thoát,
Như vỏ ốc trong sạch,
Trong sạch cả bên trong,
Trong sạch cả bên ngoài,
Công đức họ trắng tinh,
Do vậy con quý họ.

279. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Họ thuyết nghĩa thuyết pháp,
Do vậy con quý họ.

280-281. Nghe nhiều thọ trì pháp,
Mạng sống đúng Chánh pháp,
Nhứt tâm giữ chánh niệm,
Lời sáng suốt khiêm nhường
Họ chấm dứt đau khổ,
Do vậy con quý họ.

282. Từ làng họ ra đi,
Không nhìn ngó vật gì,
Họ đi không mong chờ,
Do vậy con quý họ.

283. Không tìm cầu kho tàng,
Không kho chứa, kho cất,
Họ tầm cầu cứu cánh,
Do vậy con quý họ.

284. Họ không nắm giữ tiền,
Không nắm vàng, nắm bạc,
Họ sống với hiện tại,
Do vậy con quý họ.

285. Từ gia đình quốc độ,
Họ xuất gia khác nhau,
Nhưng họ thương kính nhau,
Do vậy con quý họ.

286. Hỡi này Rô-hi-ni,
Nàng sanh trong gia đình,
Nàng đem lại hạnh phúc,
Cho gia đình chúng tôi,
Nàng tin Phật, Pháp, Tăng,
Lòng tín kính sắc bén.

287. Nàng biết rõ cái này,
Là ruộng phước vô thượng,
Chúng tôi cùng tín kính,
Các vị Sa-môn này,

*Té đàn thiết lập đây,
Đối với tôi rất lớn.*

*288. Nếu cha sợ đau khổ,
Nếu cha không thích khổ,
Hãy quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Hãy chấp nhận giới đức,
Cha sẽ được hạnh phúc.*

*289. Tôi quy y Phật-đà,
Quy y Pháp và Tăng,
Tôi chấp nhận giới luật,
Tôi sẽ được hạnh phúc.*

*290. Lúc trước ta chỉ là,
Bà con của Phạm thiên,
Nay ta thật chính là,
Một vị Bà-la-môn,
Ta chứng đạt **Ba minh**,
Được an toàn yên ổn,
Ba Vệ-đà chứng ngộ,
Ta tắm rửa thật sạch.*

Và vị Bà-la-môn sau khi thọ quy y và các giới, xin
xuất gia và chứng quả A-la-hán. Nghĩ đến sự chứng

quả của mình, vị này nói lên những câu kệ cuối cùng
để tỏ lộ sung sướng của mình.

674 Tán tán trưởng lão Kassapa - Kinh Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499

Mahà Moggallàna – Tiểu III, 499 (263)

Đời ngài được kể với đời ngài *Sàriputta* (CCLIX).

Sau khi xuất gia một tuần, ở gần làng Kallavàla tại Magadha, trong khi du hành ngài bị hôn trầm thụy miên và được Thế Tôn dạy: "*Này Moggallàna, biếng nhác không giống với im lặng của bậc Thánh*". Ngài liền tinh tấn chế ngự sự yếu đuối của mình. Khi chỉ nghe đề tài về các **giới** do đức Phật giảng dạy, ngài chứng được quả A-la-hán.

Một thời, Thế Tôn ở tại Jetavana, xác chứng ngài là bậc **thần thông đệ nhất**. Các bài kệ của ngài được kiết tập thứ nhất.

I

Khích lệ các Tỷ-kheo:

*1147. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định.*

1148. Chúng ta người ở rừng,
Sống đồ ăn khát thực,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

1149. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Phá nát ma, ma quân,
Nếu nội tâm khéo định

1150. Chúng ta ở gốc cây,
Nhẫn nại, tâm kiên trì,
Bằng lòng với miếng ăn,
Được bỏ rơi trong bát,
Đẹp sạch ma, ma quân,
Như voi, nhà bằng lau.

II

Với một **kỹ nữ** muốn cảm dỗ ngài:

1151. **Với am, sườn bằng xương,**

May dính với gân thịt,
Góm thay, đầy hơi thối!
Mang tay chân người khác,
Làm **thân** thể của mình!

1152. Cái bị đưng đầy phân,
Được da bao bọc lại,
Ôi con Quỷ cái kia!
Vớ vú bị ung nhọt,
Thân Người, chín dòng nước,
Luôn luôn được tuôn chảy.

1153. **Thân** Người, chín dòng nước
Hôi thối, tạo trời buộc,
Tỷ-kheo **tránh thân ấy,**
Như kẻ sạch tránh phân.

1154. Nếu người khác biết Người,
Như ta biết được Người,
Người ấy tránh xa Người,
Như khi **mưa tránh phân.**

Người đàn bà ấy cảm thấy hổ thẹn, đánh lễ vị Trưởng
lão rồi thưa:

1155. Thật là vậy, Đại hùng,
Như Sa-môn, ngài nói:

*Ở đây, có kẻ đấm,
Như bò già trong bùn.*

Bậc Trưởng lão:

*1156. Ai nghĩ có thể nhuộm,
Bầu trời với màu nghệ,
Hoặc với màu sắc khác,
Kẻ ấy chỉ thất bại.*

*1157. Tâm ta giống trời ấy,
Nội tâm khéo định tĩnh,
Chớ đem ác tâm đến,
Như chim rơi đồng lửa.*

*1158. **Hãy xem bóng trang sức,
Nhóm vết thương tích tụ,
Bệnh hoạn nhiều tham tưởng,
Nhưng không gì trường cửu.***

III

Khi được tin Trưởng lão *Sàriputta* viên tịch:

*1159. Ôi, thật hãi hùng thay!
Ôi! Lòng tóc dựng ngược,
Bạc đủ nhiều đức tánh,*

Xá-lợi-phất nhập diệt.

*1160. Các hành là vô thường,
Có sanh phải có diệt,
Sau khi sanh, chúng diệt,
Nhiếp chúng là an lạc.*

IV

Nói về Trưởng lão **Tissa**:

*1161. Những ai thấy **Năm uẩn**,
Là khác, không phải ngã,
Quán thấu vật tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

*1162. Những ai thấy các **hành**,
Là khác, không phải ngã,
Chúng thấu triệt tế nhị,
Như tên đâm mũi tóc.*

V

Nói về Trưởng lão **Vaddhamàna**:

*1163. **Như bị kiếm** chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,*

*Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham dục.*

*1164. Như bị kiếm chém xuống,
Như bị lửa cháy đầu,
Vị Tỷ-kheo xuất gia,
Chánh niệm, đoạn tham hữu.*

VI

Tuyên bố liên hệ đến **kinh Pàsàdakamma**:

*1165. Được khuyên bảo bởi vị,
Đã tu tập tự ngã,
Mang thân này tới hậu,
Với ngón chân ta làm,
Rung chuyển cả lâu đài,
Migàramàtu.*

VII

Nói liên hệ với một Tỷ-kheo:

*1166. Không với nhu nhược này,
Không với ít lực này,
Có thể chứng Niết-bàn,
Giải thoát mọi buộc ràng.*

*1167. Vị Tỷ-kheo trẻ này,
Con người tối thượng này,
Chiến thắng ma, ma quân,
Mang thân này tới hậu.*

VIII

Về đời sống viễn ly của mình:

*1168. Giữa đời Vebhàra,
Giữa đời Pandava,
Sét đánh vào hang động,
Con bậc Vô tỷ ấy,
Đã đi vào hang núi,
Đang ngồi nhập thiền định.*

IX

Đi vào Ràjagaha (Vương Xá) để khát thực, ngài **khuyến giáo người cháu của Sàriputta**, một Bà-la-môn có tà kiến, người này thấy ngài **Đại-ca-diếp**, cảm thấy ghê tởm, như thấy được một nữ thần bất hạnh.

*An tịnh và thoải mái,
Ẩn sĩ trú vùng xa,*

***Thừa tự Phật tối thắng,
Được Phạm thiên tán thán.***

1169. *Hồi này Bà-la-môn,
Hãy đánh lễ Ca-diếp,
Ngài là con thừa tự,
Bậc Giác Ngộ tối thắng,
Ấn sĩ trú vùng xa,
An tịnh và thoải mái.*

1170. *Vị trái trăm đời sống,
Đều thuộc dòng Phạm chí,
Học giả, giỏi Vệ-đà,
Sanh tiếp tục làm người.*

1171. *Dầu là bậc giáo sư,
Thấu triệt ba Vệ-đà,
Đánh lễ vị như vậy,
Chỉ giá một mười sáu.*

1172. *Vị ấy trước bữa ăn,
Thấy được tám giải thoát.
Thuận hướng và nghịch hướng.
Rồi mới đi khát thực.*

1173. *Chớ có đến tấn công,
Một Tỷ-kheo như vậy,*

Hỡi này Bà-la-môn,
Chớ có đào tự ngã,
Hãy khởi ý **tín nhiệm**,
Vị La hán như vậy,
Chấp tay đánh lễ gấp,
Chớ để đầu ông hồng.

X

Khi khuyến giáo một Tỷ-kheo tên **Potthila**:

1174. **Người không thấy diệu pháp,**
Dẫn đầu về luân hồi,
Chạy theo hướng tà đạo,
Đường cong không nên đi.

1175. **Như con sâu dính phân,**
Say mê theo các hành,
Đắm sâu vào lợi danh,
Trống rỗng, hỡi Pôt-thi.

XI

Tán thán Tôn giả **Sàriputta**:

1176. Hãy xem Tôn giả này,
Xá-lợi-phất đẹp sắc,

Giải thoát cả hai phần,
Nội tâm khéo định tĩnh.

1177. Không bị tên khát ái,
Các kiết sử đoạn tận,
Ba minh đã đạt được,
Sát hại xong thân chết,
Đáng được người cúng dường,
Là ruộng phước vô thượng.

XII

Do ngài **Sàriputta** nói lời tán thán **Moggallàna**:

1178. *Có nhiều chư Thiên này,*
Có thần lực danh xưng,
Đến mười ngàn chư Thiên,
Tất cả Phạm phụ Thiên.
Họ đứng chấp hai tay,
Đảnh lễ Mục-kiền-liên.

1179. Đảnh lễ **thượng sanh nhân!**
Đảnh lễ **vô thượng nhân!**
Lậu hoặc ngài đã đoạn,
Ngài xứng được cúng dường.

1180. Được trời người đảnh lễ,

Đã sanh, **bạc thắng chết,**
Như sen không dính nước,
Ngài không dính các hành.

1181. **Vị trong một sát-na,**
Biết đời, dưới ngàn cách,
Chẳng khác Đại Phạm Thiên,
Tỷ-kheo ấy Thiên tử,
Đầy đủ thần thông lực,
Thấy được những thời cơ,
Chết sống của mọi loài.

XIII

Mahà-Moggallàna nói lên, xác nhận khả năng của mình:

1182. Xá-lợi-phất với tuệ,
Giới hạnh, an tịnh tâm,
Tỷ-kheo đến bờ kia,
Vị ấy thật tối thượng.

1183. **Nhưng ta ngay giây phút**
Đến trăm ngàn triệu lần,
Biến hóa tự thân được,
Ta thiện xảo biến hóa,
Thuần thực với thần thông.

1184. Dòng họ Môg-gal-la,
Sống thiền định trí tuệ,
Đi đến bờ bên kia,
Không ái giáo pháp đạt.
Hiền trí, các căn tịnh,
Chặt đứt các trói buộc,
N như voi đứt đứt ngang,
Dây leo đã mục nát.

1185. Ta hầu hạ Bốn Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

1186. **Sanh của ta đã tận,**
Chiến thắng dạy làm xong,
Lưới **danh** được đoạn diệt,
Gốc **sanh hữu** nhỏ lên,
Mục đích hạnh xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy đã đạt được,
Mọi kiết sử diệt xong.

La mắng **Màra** đã vào và ra khỏi bụng ngài:

1187. **Địa ngục ấy thế nào,**

Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử *Kà-kùsandha*.

*1188. Có trăm loại cọc sắt,
Tự cảm thọ riêng biệt,
Địa ngục là như vậy,
Dù si bị nấu sôi,
Vì đánh Vidhura,
Đệ tử Kakusandha.*

*1189. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

*1190. Dựng lên giữa biển cả,
Cung điện trải nhiều kiếp,
Bằng ngọc chói lưu ly,
Huy hoàng cùng chiếu diệu,
Tiên nữ múa tại đây,
Trang sức màu dị biệt.*

*1191. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.*

1192. Ai Thế Tôn khuyến khích,
Chúng Tỷ-kheo chứng kiến,
Với ngón chân rung chuyển,
Lầu mẹ Migàra.

1193. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1194. **Với ngón chân rung chuyển,**
Lầu Vi-ja-yan-ta,
Đầy đủ thần thông lực,
Chư Thiên cũng hoảng sợ.

1195. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1196. Ai hỏi vị **Sakka**,
Tại lầu Vijayan,
Hiền giả, người có biết,
Ái tận được giải thoát?
Sakka đã chân thành,
Trả lời câu được hỏi.

1197. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1198. **Ai từng hỏi Phạm thiên,
Tại hội chúng Thiện Pháp:
Hiền giả nay vẫn chấp,
Các tà kiến thuở xưa,**
Có thấy cảnh huy hoàng
Phạm thiên cảnh thiên giới.

1199. *Brahmà đã chân thành,
Tiếp tục đáp câu hỏi:
Tôn giả tôi không chấp,
Các tà kiến thuở xưa.*

1200. Tôi thấy sự huy hoàng,
Phạm thiên cảnh thiên giới,
Sao nay tôi nói được,
Tôi thường hằng thường tại?

1201. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiểu biết rõ như vậy,
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1202. **Ai với sự giải thoát,**
Cảm xúc Cao Sơn đánh,
Rừng đông Videha,
Và người nằm trên đất.

1203. Tỷ-kheo đệ tử Phật,
Hiếu biết rõ như vậy.
Vì người đánh Tỷ-kheo,
Kanha chịu khổ thọ.

1204. **Thật sự lửa không nghĩ:**
"Ta đốt cháy kẻ ngu",
Kẻ ngu đột kích lửa,
Tự mình bị thiêu cháy.

1205. **Cũng vậy này Ác-ma,**
Người đột kích Như Lai,
Tự đốt mình cháy mình,
Như kẻ ngu chạm lửa.

1206. **Ác ma tạo ác nghiệp,**
Do nhiều hại Như Lai,
Người nghĩ chẳng Ác-ma,
Ác quả không đến ta.

1201. **Điều ác Ác ma làm,**

*Chát chứa đã lâu rồi,
Ác-ma, hãy tránh Phật,
Chớ vọng tưởng Tỷ-kheo.*

*1208. Tỷ-kheo chống Ác ma,
Tại rừng Bhe-kalà,
Vị Dạ-xoa thất vọng,
Biến mất tại chỗ ấy.*

Như vậy, Tôn giả Mahà-Moggallàna nói lên những bài kệ.

675 Tán thán Đức Phật - Kinh Kosiya – Tiểu III, 252

Kosiya – *Tiểu III, 252* (209)

Trong thời Đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn ở Magadha và được đặt tên là *Sona*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài hay đến nghe Trưởng lão Sàriputta thuyết pháp, tin tưởng ở nơi giáo lý, xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Rồi ôn lại quá trình giải thoát của mình, ngài tán thán đức hạnh và sức mạnh quyết định hành thiện của các bậc Thánh với những bài kệ sau đây:

*369. Ai hiểu những lời dạy,
Của các bậc Đạo Sư,
Bậc trí sống an trú,
Phát sanh lòng ái niệm,
Bậc trí có lòng tin,
Biết thù thắng trong Pháp.*

*370. Vị khi nạn lớn khởi,
Suy tư không tê liệt,
Bậc trí có kiên trì,*

Biết thù thắng trong Pháp.

371. *Ai vững trú như biển,
Không dục, trí tuệ sâu,
Thấy rõ chân nghĩa lý,
Tế nhị và vi diệu,
Bậc trí trú **bất động**,
Biết thù thắng trong Pháp.*

372. *Bậc nghe nhiều, trì Pháp,
Hành pháp và Tùy pháp,
Bậc trí gọi như thị,
Biết thù thắng trong Pháp.*

373. *Ai hiểu nghĩa lời nói,
Biết nghĩa, hành như thật,
Bậc trí gọi nội nghĩa,
Biết thù thắng trong Pháp.*

676 Tán thán Đức Phật - Kinh Mettaji – Tiểu III, 102

Mettaji – *Tiểu III, 102* (94)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở nước Magadha (Ma-kiệt-đà), con một vị Bà-la-môn và được đặt tên là *Mettaji*.

Lớn lên, ngài thấy sự đau khổ của **dục** và sống ở trong rừng làm một vị **ẩn sĩ**.

Khi nghe sứ mệnh đức Phật và do thiện duyên thúc đẩy, ngài đến gặp đức Phật và hỏi về sự tu hành tấn thối của Ngài, câu trả lời của đức Phật khiến ngài phát khởi lòng tin xuất gia, và không bao lâu chúng quả A-la-hán.

Với bài kệ này, ngài tán thán bậc Đạo Sư:

94. *Đảnh lễ đức Thế Tôn,
Thích tử bậc điềm lành,
Quả chứng này đạt được,
Là quả vị thượng thủ,
Pháp Ngài khéo thuyết giảng,
Là Chánh pháp tối thượng.*

677 Tán thán Đức Phật - Kinh Migajàla – Tiểu III, 269

Migajàla – *Tiểu III, 269* (217)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con của nữ cư sĩ nổi tiếng Visàkhà, và hay đi đến tinh xá để nghe pháp. Cuối cùng, ngài xuất gia, và sau một thời gian chứng quả A-la-hán.

Khi nói lên chánh trí của mình, ngài nói:

417. *Khéo giảng bậc có mắt,
Hào quang còn yếu ớt,
Mọi kiết sử vượt qua,
Mọi **luân chuyển** hoại diệt.*

418. *Pháp hướng dẫn, hướng thượng,
Làm khô héo ác căn,
Chặt đứt gốc nọc độc,
Diệt ác, đạt tịch tịnh.*

419. ***Phá vỡ gốc vô trí,
Chấm dứt nghiệp sanh hữu,
Trí kim cương đánh nát,
Mọi chấp trì của thức.***

420. **Cảm thọ được phơi bày,**
Chấp thủ được giải thoát,
Hữu như hổ than hùng,
Được tùy quán bởi trí.

421. Vị lớn, khéo thâm sâu,
Chận đứng già và chết,
Con đường **Thánh tám ngành,**
Tịnh chỉ khổ, vận tốt.

422. Biết được nghiệp là nghiệp,
Biết nghiệp quả là quả,
Như thực soi, quán chiếu,
Các pháp do duyên sanh,
Đưa đến đại an ổn,
Tịch tịnh, cứu cánh thiện.

678 Tán thán Đức Phật - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – *Tiểu III*, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của *Sela* và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi *Sela* với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, *Sela* cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào

đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,
Với hạnh Sa-môn Ngài,

Cần gì sắc tối thượng.

822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.

823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

824. Sela, *Ta là vua!*
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.

Phạm chí Sela nói:

825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyên bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hồi này Bà-la-môn.

831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thừa rằng:

832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giáng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sự rử rống trong rừng!

833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỷ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sự, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán và chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhân,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,
Ngài là bậc Đạo Sư,*

*Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

679 Tán thán Đức Phật - Kinh Senaka – Tiểu III, 218

Senaka – *Tiểu III*, 218 (191)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình, con trai người chị của Trưởng lão Kassapa ở Uruvela, và được đặt tên là *Senaka*. Khi học về văn hóa Vệ-đà Bà-la-môn, ngài ở với gia đình. Trong thời ấy dân chúng tổ chức hàng năm vào tháng Thaggumà (tháng ba) một lễ quán đánh một bên nước, lễ ấy được gọi là Gayà melà (hay ngày trai giới Gayà).

Thế Tôn vì lòng thương tưởng đến những người có thể giáo hóa, ở lại gần bờ sông. Và khi quần chúng tụ họp lại, Senaka cũng đến, nghe bậc Đạo Sư thuyết giảng được cảm hóa xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Sau đó, suy tưởng đến sự thắng trận của mình, ngài cảm thấy hân hoan, và ứng khẩu nói lên những bài kệ này:

*286. Thật tốt lành cho ta,
Khi ở thành Gayà,
Trong tháng lễ mùa xuân,*

Tháng tên Phagguna,
Ta thấy bậc Chánh Giác,
Thuyết Chánh pháp tối thượng.

287. Bậc có hào quang lớn,
Là Đạo Sư hội chúng,
Đạt được vị tối thắng,
Bậc lãnh đạo nhiếp chúng,
Chiến thắng giới Trời, Người,
Bậc thấy khó cân lường.

288. Đại long tượng, đại hùng,
Đại quang minh, vô lậu,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Đạo Sư, không sợ hãi.

289. Lâu nay ta uế nhiễm,
Bị **tà kiến** trói buộc,
Nay chính Thế Tôn ấy,
Giải thoát Senaka,
Thoát khỏi mọi buộc ràng,
Được tự tại, giải thoát.

680 Tán thán Đức Phật - Kinh Udàyin – Tiểu III, 365

Udàyin – Tiểu III, 365 (247)

Trong thời đức Phật tại thế, ngài sanh ở Kapilavatthu, trong một gia đình Bà-la-môn.

Ngài thấy được uy lực của đức Phật khi đức Phật thăm gia đình ngài. Ngài khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian, ngài thành bậc A-la-hán. Nay có đến ba vị Trưởng lão Udàyin: con một Bộ trưởng, tên là *Kàludàyin* (xem CCXXXIII), vị Bà-la-môn này và *Đại Udàyin*.

Khi **kinh Ví dụ con voi** được thuyết giảng, trong kinh này, con voi Sela của vua *Pasenadi* được tán thán, ngài Udàyin này cảm thấy phẫn khởi khi nghĩ đến đức Phật, nghĩ rằng các người này chỉ tán thán một con vật, còn ta sẽ tán thán các đức tánh tốt đẹp của một con voi tuyệt diệu, tức là đức Phật. Rồi Ngài nói lên những bài kệ như sau:

689. *Đức Phật, sanh làm người,
Tự điều phục thiên định,
Uy nghi Phạm thiên đạo,
Hoan hỷ trong tâm tịnh.*

690. Loài người đánh lễ Ngài,
Bạc đạt được bờ kia,
Đối với hết thấy pháp,
Chư Thiên đánh lễ Ngài,
Như vậy ta được nghe,
Ta là A-la-hán.

691. Vượt qua mọi kiết sử,
Từ rừng đến Niết-bàn,
Vui thoát ly các dục,
Như vàng thoát khoáng sản.

692. Vị ấy thật như voi,
Tuyệt luân đẹp rực rỡ,
Đứng trên đỉnh núi cao,
Dãy trường sơn Hi-mã,
Trong mọi danh Nàga,
Ngài chân danh Vô thượng.

693. Rồi ta sẽ tán thán,
Nàga này cho người,
Nàga không làm ác,
Nên được gọi Nàga,
Từ tổn, không làm hại,
Là hai chân Nàga.

694. **Chánh niệm và tỉnh giác,**
Hai chân khác Nàga,
Voi Nàga là **tín**,
Nàga màu trắng là **xả**.

695. **Chánh niệm** là cổ họng,
Trí tuệ chỉ cho đầu,
Suy tầm với cái **vòi**,
Chỉ cho tư duy pháp.
Hòa trú là bụng pháp,
Viễn ly ví đuôi voi.

696. Tu thiền, thờ vô lạc,
Nội tâm, khéo định tỉnh,
Nàga **đi**, **định tỉnh**,
Nàga **đứng**, định tỉnh.

697. Nàga **nằm**, định tỉnh,
Nàga **ngồi**, định tỉnh,
Trong tất cả tình huống,
Nàga sống chế ngự,
Đây thành tích Nàga.

698. **Ăn đồ ăn không tội,**
Đồ có tội không ăn;
Được đồ ăn, y phục,
Từ bỏ, không tích trữ.

699. *Kiệt sử tế, hay thô,
Chặt đứt mọi trói buộc,
Chỗ nào vị ấy đi,
Bước đi, không kỳ vọng.*

700. *Như sen sanh trong nước,
Lớn lên được tăng trưởng,
Không có dính nước ướt,
Thơm ngát, rất khả ái.*

701. *Cũng vậy bậc Chánh Giác,
Sanh và trú ở đời,
Không có dính sự đời,
Như sen không dính nước.*

702. *Như đồng lửa cháy đỏ,
Không củi tự tắt dần,
Trong than tro lắng dịu,
Được gọi lửa diệt tận.*

703. *Ví dụ, bậc trí thuyết,
Để nêu rõ ý nghĩa,
Đại Nàga sẽ hiểu,
Những gì về Nàga,
Do Nàga ấy giảng.*

704. **Vô tham** và **vô sân**,
Vô si, không lậu hoặc,
Nàga từ bỏ thân,
Sẽ diệt độ Niết-bàn,
Không còn có lậu hoặc.

681 Tán thán Đức Phật - Kinh Vangisa – Tiểu III, 516

Vangisa – *Tiểu III*, 516 (264)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là **Vangisa** và được dạy ba tập Vệ-đà.

Ngài được trọng vọng cúng dường, nhờ gỗ trên sọ người và biết được kiếp trước của người ấy. Các Bà-la-môn thấy Vangisa là một nguồn lợi dưỡng nên đem ngài đi chỗ này chỗ khác.

Trong ba năm, Vangisa đoán kiếp trước trên các sọ người được mang đến, và lấy tiền khoảng một trăm, một ngàn, Kahapana (đồng tiền vàng) mỗi đầu người. Ngài nghe danh tiếng của Thế Tôn, muốn đến yết kiến Thế Tôn, nhưng các Bà-la-môn ngăn lại.

Vangisa không nghe đi yết kiến đức Phật. Khi đức Phật hỏi Vangisa biết được nghề gì, ngài trả lời có thể đoán được sọ người, bằng cách lấy móng tay gỗ trên sọ người và đoán được số mệnh người ấy trong ba năm.

Thế Tôn bảo Vangisa đoán sọ người sanh vào địa ngục, vào loài Người, hàng chư Thiên và một vị giải thoát. Vangisa có thể đoán số mạng ba hạng người

kia nhưng đối với **vị đã giải thoát** thời không thể nói được gì. Cuối cùng, ngài yêu cầu Thế Tôn và được trả lời như sau:

***Ai biết thật hoàn toàn,
Sự sanh diệt chúng sanh,
Không tham trước, Thiện Thệ,
Giác ngộ đạt Chánh giác,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

***Thiên, Nhân, Càn-thát-bà,
Không biết chỗ sở thú,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Bậc Ứng Cúng, La-hán,
Vị ấy Ta mới gọi,
Chánh danh Bà-la-môn.***

(Kinh Tập, kệ 643-644 - Trung Bộ kinh II, 196M)

Sau khi nghe xong, Vangisa yêu cầu đức Phật dạy cho con đường đạt đến đích ấy, xin xuất gia và đức Phật bảo Trưởng lão *Nigrodhakappa* độ cho xuất gia rồi dạy cho **quán ba mươi hai bộ phận của thân và tuệ quán**.

Cuối cùng ngài chứng quả A-la-hán, từ bỏ các Bà-la-môn cũ, dùng nhiều câu tán thán Thế Tôn (Si, 185)

và đức Phật xác chứng ngài là vị Tỷ-kheo **đệ nhất về thuyết pháp**. Những điều ngài nói lên trước và sau khi chứng quả A-la-hán được kiết tập bởi ngài **Ananda** và các vị khác trong kỳ kiết tập thứ nhất như sau:

I

Khi còn là Sa-di, sau khi bị ảnh hưởng vì thấy nhiều thiếu nữ mặc áo đẹp, ngài nói lên những cảm thọ được nhiếp phục của ngài:

*1209. VớI ta đã xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Tư tưởng này chạy loạn,
Khởi lên từ hắc ám.*

*1210. Nhà bắn cung thiện xảo,
Thượng sanh giới cung pháp,
Ngàn người bắn khắp phía,
Không nao núng chút nào.*

*1211. Nếu phụ nữ có đến,
Dầu nhiều hay đông hơn,
Sẽ không dao động ta,
Vì ta trú Chánh pháp.*

1212. Chính ta từng được nghe,
Phật dòng họ Mặt Trời,
Giảng đạo hướng Niết-bàn,
Ở đây ý ta thích.

1213. Như vậy ta an trú,
Ác ma, người có đến,
Ta sẽ làm như vậy,
Người không thấy đường ta.

II

Được nói khi **nhiep phục các cảm thọ của mình như
sân hận v.v...**

1214. Ta bỏ lạc bắt lạc,
Mọi tâm tư gia sự,
Không tạo một chỗ nào,
Thành cơ sở tham dục,
Ai thoát rùng, ly tham,
Mới xứng danh Tỷ-kheo.

1215. Phàm địa giới, không giới,
Cả sắc giới trong đời,
Đều biến hoại vô thường,
Hiểu vậy, sống liễu tri.

1216. Chúng sanh thường chấp trước,
Đối với các sanh y,
Đối vật họ thấy nghe,
Họ xúc chạm suy tư,
Ở đây ai đoạn dục,
Tâm tư không nhiễm ô.
Không mắc dính chỗ này,
Vị ấy danh Mâu-ni.

1217. Đối sáu mươi tám kiến,
Thuộc phạm phu phi pháp,
Không học phái tà chấp,
Vị ấy chân Ty-kheo.

1219. Vẹn toàn, tâm thường định,
Không dối trá thận trọng,
Ly ái, vị Mâu-ni,
Chúng đạt đường an tịnh,
Tùy duyên nhập Niết Bàn,
Vị ấy chờ thời đến.

III

Nói đến khi ngài nhiếp phục cử chỉ của ngài về khả năng nói dễ dàng của mình:

1219. **Đệ tử Gotama,**

*Hãy từ bỏ kiêu mạn,
Trên con đường kiêu mạn,
Hãy tránh né hoàn toàn,
Ham mê đường kiêu mạn,
Sẽ hối trách dài dài.*

*1220. Bị lừa bởi lừa dối,
Bị hại bởi kiêu mạn,
Loài Người rơi địa ngục,
Chúng sầu khổ lâu dài,
Bị hại về kiêu mạn,
Họ phải sanh địa ngục.*

*1221. Không bao giờ sầu muộn,
Tỷ-kheo chiến thắng đạo,
Chơn chánh dẫn thân bước,
Hưởng danh dự an lạc,
Như thật được tên gọi,
Là bậc đã thấy pháp.*

*1222. Do vậy ở đời này,
Không thô lậu, không kiêu,
Đoạn triền cái, thanh tịnh,
Đoạn kiêu mạn, không dư,
Với mình, tâm an tịnh,
Bậc đoạn tận khổ đau.*

IV

Khi còn là Sa-di, ngài hầu Tôn giả Ananda, khi Tôn giả được một vị đại thần của vua mời đến thăm Tôn giả và ngài được vây quanh với những nữ nhân trang sức đẹp đẽ, những người này kính lễ Tôn giả, hỏi thăm và nghe Tôn giả thuyết pháp. Nhưng Vangisa lại bị kích thích và tham dục khởi lên. Ngài nghĩ như vậy là không tốt cho hiện tại và tương lai của ngài. Ngài nói lên tâm trạng của mình cho Tôn giả Ananda:

1223. *Dục ái đốt cháy tôi!
Tâm tôi bị thiêu cháy,
Lành thay Gotama,
Vì lòng từ nói lên,
Pháp tiêu diệt lửa hừng.*

Và Tôn giả Ananda trả lời:

1224. *Chính vì điên đảo tưởng,
Tâm ông bị thiêu đốt,
Hãy từ bỏ tịnh tưởng,
Hệ lụy đến tham dục.*

1225. *Nhìn các hành vô thường,
Khổ đau, không phải ngã,*

*Dập tắt đại tham dục,
Chớ để bị cháy dài,
Hãy tu tâm bất tịnh,
Nhứt tâm, khéo định tĩnh,
Tu tập thân hành niệm,
Hành hạnh nhiều yếm ly.*

*1226. Hãy tập hạnh vô tướng,
Đoạn diệt mạn tùy miên,
Nhờ quán sân kiêu mạn,
Hạnh ông sẽ an tịnh.*

V

Được nói lên sau khi Thế Tôn dạy kinh về "Sự vật được khéo nói", tán thán Thế Tôn:

*1227. Ai nói lên lời gì,
Lời ấy không khổ mình,
Lời không làm hại người,
Lời ấy là **thiện** thuyết.*

*1228. Ai nói lời ái ngữ,
Lời nói khiến hoan hỷ,
Lời nói không ác độc,
Lời nói là **ái ngữ**.*

1229. Lời chân, lời bất tử,
Thường pháp xưa là vậy,
Thiện nhân trú trên chân,
Trên nghĩa và trên pháp.

1230. *Lời đức Phật nói lên,
Đạt an ổn Niết-bàn,
Chấm dứt mọi khổ đau,
Thật nói lời tối thượng.*

VI

Nói lên để tán thán Tôn giả Sàriputta:

1231. Trí tuệ thâm, trí giả,
Thiện xảo đạo, phi đạo,
Xá-lợi-phát đại trí,
Thuyết pháp chúng Tỷ-kheo.

1232. Ngài giảng cách tóm tắt,
Ngài cũng thuyết rộng rãi,
Như tiếng chim Sà-li,
Tiếng ngài được nói lên.

1233. Lời ngài giảng tuôn trào,
Tiếng ngài nghe ngọt lịm,

Với giọng điệu ái luyến,
Êm tai và mỹ diệu,
Họ lắng tai nghe pháp,
Tâm phấn khởi hoan hỷ.

VII

Nói lên sau khi Thế Tôn thuyết trong **kinh Pavàranà**
(Tự Tứ):

1234. Nay ngày rằm thanh tịnh,
Năm trăm Tỷ-kheo họp,
Bậc Thánh đoạn kiết phược,
Vô phiền, dứt tái sanh.

1235. Như vua chuyển luân vương
Đại thần hầu xung quanh,
Du hành khắp bốn phương,
Đất này đến hải biên.

1236. Như vậy các đệ tử,
Đã chứng được Ba minh,
Sát hại được tử thân,
Những vị này hầu hạ,
Bậc thắng trận chiến trường,
Vô thượng lữ hành chủ.

1237. Tất cả con Thế Tôn,
Không ai là vô dụng,
Xin chí thành đảnh lễ,
Bạc nhỏ tên khát ái,
Xin tâm thành cung kính,
Bạc dòng họ Mặt Trời.

VIII

Nói lên **tán thán Thế Tôn** khi Thế Tôn đang thuyết pháp cho các Tỷ-kheo về vấn đề Niết-bàn:

1238. Hơn một ngàn Tỷ-kheo,
Hầu hạ bậc Thiện Thệ,
Ngài thuyết **vô cầu pháp**,
Niết-bàn **vô bố úy**.

1239. Họ nghe pháp rộng lớn,
Bậc Chánh giác thuyết giảng;
Bậc Chánh giác chói sáng,
Chúng Tỷ-kheo vây quanh.

1240. Bạch Thế Tôn, Thiện Thệ,
Ngài thật bậc Long tượng,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,

*Trong các vị ẩn sĩ,
Ngài trở thành mây lớn,
Mưa móc ban đệ tử.*

*1241. Con từ nghỉ trưa đến,
Muốn yết kiến Đạo Sư,
Ôi bậc Đại anh hùng,
Con là đệ tử Ngài,
Con tên Vangisa,
Đánh lễ dưới chân Ngài.*

Rồi Thế Tôn hỏi:

- Nay Vangisa, những bài kệ này của Ông, có phải Ông suy nghĩ từ trước hay được khởi lên tại chỗ?

- Bạch Thế Tôn, những bài kệ này của con, không phải suy nghĩ từ trước chính được khởi lên tại chỗ.

- Vậy nay Vangisa, hãy cho nhiều bài kệ nữa, không suy nghĩ từ trước, được khởi lên tại chỗ.

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn. Tôn giả Vangisa vâng đáp Thế Tôn, nói lên những bài kệ tán thán Thế Tôn, những bài kệ không suy nghĩ từ trước:

*1242. Thắng Ác ma tà đạo,
Ngài sống chường ngại đoạn,
Hãy thấy bậc giải thoát,*

Thoát ly mọi hệ phược,
Không y trước phân tích,
Thành từng phần rõ ràng.

1243. Ngài nói lên con đường,
Nhiều pháp môn khác biệt,
Giúp mọi người vượt qua,
Dòng bậc lưu nguy hiểm,
Chính trên **pháp bất tử**,
Được ngài thường tuyên thuyết,
Chúng con bậc pháp kiến,
Vững trú, không thoái chuyển.

1244. Bậc tạo dựng quanh mình,
Ngài thâm nhập các pháp,
Thấy được chỗ vượt qua,
Tất cả mọi kiến xứ,
Sau khi biết và chứng,
Ngài thuyết tối thượng xứ.

1245. Pháp như vậy khéo giảng,
Ai có thể phóng dật,
Khi được biết pháp ấy,
Pháp khéo giảng như vậy,
Do vậy trong giáo pháp,
Đức Thế Tôn, Thiện Thệ,
Luôn luôn không phóng dật,

Hãy đánh lễ, tu học.

IX

Nói lên đề **tán thán Tôn giả Annà Kondannà** (Anh-nhã Kiều-trần-như):

*1246. Sau đức Phật hiện tại,
Trưởng lão được Chánh giác,
Chính là Kondannà,
Nhiệt tâm và tinh cần,
Chứng được an lạc trú,
Sống viễn ly liên tục.*

*1247. Thực hành lời sư dạy,
Đệ tử chứng được gì,
Tất cả ngài chứng được,
Nhờ tu học tinh tấn.*

*1248. Đại uy lực **ba minh**,
Thiện xảo tâm tư người,
Phật tử Kondannà
Đánh lễ chân Đạo Sư.*

X

Nói lên để **tán thán Tôn giả Moggallàna**, trước mặt Thế Tôn, khi Tôn giả Moggallàna nhận thấy tâm của năm trăm vị La-hán, hội họp tại Hắc Sơn, trên sườn núi Isigili, tại Rajagaha đều giải thoát khỏi tái sanh:

*1249. Cao trên sườn đồi núi,
Những vị chứng Ba minh,
Những vị đoạn tử thần,
Các đệ tử hầu hạ,
Bậc Thánh giả Mâu-ni,
Đã vượt qua đau khổ.*

*1250. Đại thần lực Mục-liên,
Quán tâm các vị ấy,
Biết họ được giải thoát,
Không còn có sanh y.*

*1251. Như vậy họ hầu hạ,
Gotama Mâu-ni
Ngài vượt qua đau khổ,
Mọi sở hành đầy đủ,
Mọi đức tánh vẹn toàn.*

XI

Nói lên để **tán thán Thế Tôn**, chói sáng với dung sắc và huy hoàng của mình, khi Thế Tôn được chúng

Tăng và cư sĩ bao vây xung quanh tại hồ sen Gaggara ở Campà:

1252. Như **mặt trăng** giữa trời,
Mây mù được quét sạch,
Chói sáng như mặt trời,
Thanh tịnh không cấu uế,
Cũng vậy Ngài thật là,
Đại Mâu-ni Hiền thánh,
Danh xưng ngài sáng chói,
Vượt qua mọi thế giới.

XII

Nói lên khi **ngài mới chứng quả A-la-hán**, suy tư trên kinh nghiệm của mình và về Bốn sự:

1253. Thuở trước ta mê **tho**,
Bộ hành khắp mọi nơi,
Từ làng này thành này,
Qua làng khác thành khác,
Ta thấy bậc Chánh giác,
Đạt bờ kia mọi pháp.

1254. Nghe pháp, ta tín thành,
Tín khởi lên nơi ta.

1255. Ta nghe lời Ngài dạy,
Về **UẨN, XỬ VÀ GIỚI**
Sau khi biết, xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà.

1256. Vì hạnh phúc số đông,
Như Lai sanh ở đời,
Ngài tạo ra giải pháp,
Cho nữ nhân, nam nhân.

1257. Vì hạnh phúc của họ,
Mâu-ni chứng Bồ-đề,
Ngài thấy luật chi phối
Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni.

1258. Vì lòng thương chúng sanh,
BỒN SỰ THẬT khéo thuyết,
Bởi vì có con mắt,
Phật, bà con Mặt Trời.

1259. Ngài thuyết Khổ, Khổ tập,
Sự vượt qua đau khổ,
Con đường đạo TÁM NGÀNH,
Đưa đến khổ an chỉ.

1260. Như vậy là những điều,
Được nói lên như thật,

*Và ta được thấy họ,
Đúng như thật là vậy,
Ta đạt được mục đích,
Lời Phật dạy làm xong.*

*1261. Thật tốt thay cho ta!
Được sống gần đức Phật,
Trong các pháp phân tích,
Pháp tối thượng, ta đến.*

*1262. Đại thắng trí tuyệt đích,
Thế giới được thanh tịnh,
Đạt **Ba minh**, thần lực,
Thiện xảo biết tâm người.*

XIII

Hỏi giáo thọ sư của mình là **Nigrodha Kappa** có
nhập Niết-bàn khi mệnh chung:

*1263. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thắng,
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết-bàn tịch tịnh.*

1264. Nigrodha Kappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm-chí ấy!
Vị ấy đánh lễ cầu Ngài,
Sống tầm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh pháp.

1265. Bạch Thích-ca, chúng con,
Đệ tử Ngài tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Thưa bậc Nhân biến tri!
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo Sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

1266. **Hãy đoạn nghi chúng con,
Hãy nói con vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa?**
Bậc trí tuệ rộng lớn!
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mắt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.

1267. Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghi hoặc,
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa,
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài người.

1268. Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đêm tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.

1269. **Bậc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem ngài như vậy
Ôi bậc trí sáng suốt.
Chúng con đều cùng đến,
Bậc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng chúng con,
Hãy nói về Kappa!**

1270. Hãy gấp, phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Gương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Với giọng khéo ngân nga,
Tất cả bọn chúng con,
Trực tâm nghe lời ngài.

1271. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu ngài thuyết pháp,
*Kẻ phàm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn,
Bậc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.*

1272. Câu trả lời của ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ,
Hãy chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao!

1273. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bạc tình tấn tới cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưu sự hiểu biết!

1274. Kappa sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uống phí!
Vị ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe.

Thế Tôn:

1275. **Vị ấy trên danh sắc,**
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,

Bạc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

1276. *Nghe vậy, con tịnh tín,
Vội lời nói của ngài,
Bạc ẩn sĩ thứ bảy!
Và lời hỏi của con,
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.*

1273. *Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của thân chết xảo quyết.*

1278. *Ôi Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.*

1279. *Ngài lớn hơn chư Thiên,
Con đánh lễ kính Ngài!
Con đánh lễ con Ngài!
Bạc tối thượng hai chân,*

Bạc Hậu duệ, Đại hùng!
Bạc Long tượng đích tôn.

Như vậy, Tôn giả Vangisa nói lên những câu kệ của mình.

682 Tánh hay nóng giận - Cửa vào của bại vong - Kinh Bại Vong - Tiểu I, 493

Kinh Bại Vong – Tiểu I, 493 (Paràbhava)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Rồi một Thiên nhân, sau khi đêm gần mãn, với dung sắc thù thắng, chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, Thiên nhân ấy bạch Thế Tôn với những bài kệ:

Thiên nhân:

91. *Về bại vong con người,
Con hỏi Gotama,
Con đến hỏi Thế Tôn,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

92. *Thật dễ hiểu thành công,
Thật dễ hiểu bại vong,
Ưa mến pháp, thành công,*

Thù ghét pháp, bại vong.

Thiên nhân:

93. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ nhất về bại vong,
Thứ hai, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

94. **Ai mến kẻ bất thiện,
Không ái luyện bậc thiện,
Thích pháp kẻ bất thiện,
Chính cửa vào bại vong.**

Thiên nhân:

95. *Như vậy, chúng con rõ,
Thứ hai về bại vong,
Thứ ba, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

96. **Người tánh ưa thích ngủ,
Thích hội chúng, thụ động,**

Biếng nhác, thường phần nộ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

97. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ ba về bại vong.

Thứ tư, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

98. ***Ai với mẹ hay cha,***

Già yếu, tuổi trẻ hết,

Tuy giàu không giúp đỡ,

Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

99. *Như vậy, chúng con rõ,*

Thứ tư về bại vong.

Thứ năm, mong Ngài nói,

Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

100. ***Ai nói dối lường gạt,***

*Sa-môn, Bà-la-môn,
Hay các khát sĩ khác,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*101. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ năm về bại vong.
Thứ sáu, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

*102. Người **giàu có** tài sản,
Có vàng bạc thực vật,
Hương vị ngọt một mình,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

*103. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ sáu về bại vong.
Thứ bảy, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

104. Người **tự hào về sanh,**
Về tài sản dòng họ,
Khinh miệt các bà con,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

105. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ bảy về bại vong,
Thứ tám, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

106. Người **đắm say nữ nhân,**
Đắm say rượu, cờ bạc,
Hoang phí mọi lợi đắc,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

107. Như vậy, chúng con rõ,
Thứ tám về bại vong.
Thứ chín, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

108. **Không vừa đủ vợ mình,**
Được thấy giữa dâm nữ,
Được thấy với vợ người,
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

109. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ chín về bại vong.
Thứ mười, mong Ngài nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

110. **Người tuổi trẻ đã qua,**
Cưới cô vợ vú tròn,
Ghen *nàng không ngủ được,*
Chính cửa vào bại vong.

Thiên nhân:

111. *Như vậy, chúng con rõ,*
Thứ mười về bại vong.
Thứ mười một, xin nói,
Cửa vào của bại vong?

Thế Tôn:

112. *Đàn bà, hay đàn ông,
Rượu chè, tiêu **hoang phí**,
Được địa vị quyền thế,
Chính cửa vào bại vong.*

Thiên nhân:

113. *Như vậy, chúng con biết,
Thứ mười một bại vong.
Thứ mười hai, xin nói,
Cửa vào của bại vong?*

Thế Tôn:

114. ***Tài sản ít, ái lớn**,
Sanh gia đình hoàng tộc,
Ở đây muốn trị vì,
Chính cửa vào bại vong.*

115. ***Bại vong này ở đời,**
Bậc trí khéo quán sát,
Đầy đủ với chánh kiến,
Sống hạnh phúc ở đời.*

683 Tánh không sầu não - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III, 370* (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

705. *Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. *Nhưng ngài không khiếp sợ,*

*Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?*

Adhimutta trả lời:

*707. **Chủ cướp! Tâm không khổ,**
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.*

*708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.*

*709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.*

*710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.*

711. Bờ kia đến, không thủ,

Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
*Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.*

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?**

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,
Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,**

Không sợ hãi, thừa ngài.

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sâu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,
Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sầu não.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thế,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,
Niết-bàn đạo, vô vi.

684 Tánh sanh diệt các uẩn - Kinh Gosàla – Tiểu III, 32

Gosàla – *Tiểu III, 32* (23)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Magadha giàu có, ngài có quen với Sonakutikanna. Khi được biết Sonakutikanna xuất gia, ngài bị dao động và suy nghĩ: "*Vị ấy có tài sản lớn mà còn xuất gia, sao ta lại không làm theo?*"

Rồi ngài xuất gia, dùng **giới luật** làm **đề tài thiền quán** và tìm một chỗ thích hợp, ngài lựa một cao nguyên không xa làng sanh quán.

Me ngài ngày nào cũng bỏ thí cúng dường. Một hôm cúng cho ngài *cháo*, cơm nấu với *mật* và *đường*, ngài nhận đồ cúng dường, ngồi ăn dưới bóng một ngọn đồi có tre mọc dày.

Với tay và bát rửa sạch, được ăn một bữa ăn thích hợp, ngài **phát tâm thiền quán** và **chú tâm vào vấn đề sanh diệt các pháp**, đạt được thiền định cao nhất, chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa, về pháp.

Ngài muốn đi lên ngọn đồi để hưởng an lạc thiền vị, ngài nói lên kinh nghiệm của ngài với bài kệ:

23. Ta ăn tại khóm trúc,
Với cháo cơm và mật,
Ta chấp nhận toàn diện,
Lời dạy bậc đáng kính,
Tánh sanh diệt các uẩn,
Ta sẽ lên ngọn núi,
Tặng trưởng hạnh viên ly.

685 Tâm - Biết thân như đồ gốm, Trú tâm như thành trì - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vẫy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,

**Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."**

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

686 Tâm - Cách điều phục tâm - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

687 Tâm - Gương nhiếp phục tâm - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên hay cười*.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ấn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát ái,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
N như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta bị nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Nhữn pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Dắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. ***Hãy tu thiền, Căn, Lực,***

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọn mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.*

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. *Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,*

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thế lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

688 Tâm - Gương nhiếp phục tâm dao động - Kinh Vigitasena – Tiểu III, 246

Vigitasena – Tiểu III, 246 (206)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ra trong một gia đình huân luyện voi ở nước Kosala, và được đặt tên là Vigitasena.

Những người cậu bên ngoại, Sena và Upasena cả hai đã xuất gia và chứng quả A-la-hán. Vigitasena sau khi đã thuần thục nghề của mình, thấy thần thông song hành của bậc Đạo Sư khởi lòng tin, và theo bản năng tự nhiên, xin xuất gia dưới sự hướng dẫn của các người cậu.

Nhờ các người cậu giảng dạy, ngài đạt đến **thiền quán**, nhưng tâm trí ngài thiên về lý luận chạy theo những vật bên ngoài, nên **ngài giảng dạy cho tâm trí ngài như sau:**

354. **Ta sẽ chế ngự người,**
Như cửa khóa ngăn voi,
Ta sẽ câu thúc người,
Này tâm trong điều ác,
Người chính là lưới dục,
Người do thân sanh ra.

355. *Chế ngự người không đi,
Như voi, không cửa mở,
Này **tâm**, **kẻ phù thủy**,
Dầu người cố gắng mãi,
Người không còn lang thang,
Ưa thích làm điều ác.*

356. *Như người cầm câu móc,
Ngăn mãi voi chưa thuần,
Như người dùng sức mạnh,
Cải hóa kẻ không muốn,
Cũng vậy đối với người,
Ta sẽ cải hóa người.*

357. *Như bánh xe tuyệt hảo,
Khéo huấn luyện ngựa hay,
Cũng vậy ta điều người,
Dựa lên trên **Năm lực**.*

358. *Ta sẽ cột chặt người,
Với **chánh niệm** vững chắc,
Tự mình đã chế ngự,
Ta sẽ chế ngự người,
Nhờ sức **nặng tinh tấn**,
Người được ta áp lực,
Do vậy, hồi này tâm,*

Người sẽ không xa ta.

689 Tâm - Gương tu tập - Trước tâm này lang thang, Chạy chỗ này chỗ khác - Kinh Hatthàroha Putta – Tiểu III, 88

Hatthàroha Putta – *Tiểu III*, 88 (77)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình người nài voi, và lớn lên ngài giỏi trong nghề điều khiển voi.

Một ngày kia, khi đang huấn luyện con voi, vì điều kiện chín muồi, ngài suy nghĩ: "*Chế ngự voi để làm gì cho ta. Tốt hơn là chế ngự ta*".

Rồi ngài đi đến Thế Tôn nghe pháp khởi lòng tin, xuất gia, và triển khai thiền quán trên căn bản thiền tư về giới luật.

Như một người nài chế ngự thú tánh con voi bằng cái móc, ngài thiền định không cho tư tưởng chạy loạn khỏi đề tài thiền quán, ngài nói lên bài kệ:

*77. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,*

*Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

Nhờ làm vậy, thiền quán được triển khai, ngài chứng quả A-la-hán.

690 Tâm - Gương tự nhiếp phục tâm - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. **Tâm đi đến hỷ mạn,**
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.

214. **Này tâm, ta gọi ngươi,**
Kẻ bề gãy hạnh phúc,
Này tâm, ta gọi ngươi,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của ngươi,
Khó được nay đã được,
Chớ có dắt dẫn ta,

Đến chỗ có hại ta!

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiên quán**, chứng quả A-la-hán.

691 Tâm - Khéo nắm giữ các tướng, Thiện xảo tâm diễn khởi - Kinh Upasena Con Của Vanganta – Tiểu III, 328

Upasena Con Của Vanganta – *Tiểu III*, 328 (238)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, làm con của nữ Bà-la-môn Rùpasàrì và đặt tên là **Upasena** (anh của *Sàriputta*). Khi đến tuổi trưởng thành và học ba tập Vệ-đà.

Ngài xuất gia sau khi nghe đức Phật thuyết pháp. Sau một năm thọ giới, ngài nghĩ làm tăng trưởng hột giống Thánh chủng, độ cho một Tỷ-kheo và với Tỷ-kheo này, ngài đi đến bậc Đạo Sư, **bậc Đạo Sư nghe được việc này, chỉ trích cử chỉ hấp tấp của ngài.**

Rồi Upasena suy nghĩ: *"Nếu nay, vì có một đệ tử, ta bị bậc Đạo Sư quả trách. Nay cũng nhân lý do này, ta sẽ được Đạo Sư tán thán"*. Rồi tu tập **thiền quán**. Ngài chứng được quả A-la-hán.

Ngài chấp nhận lối sống **hạnh đầu đà** và khuyên các vị khác thực hành theo, và lời khuyên của ngài rất có kết quả khiến cho Thế Tôn chấp nhận ngài là **đệ tử rất được nhiều người biết đến.**

Một Tỷ-kheo hỏi ngài cần phải làm gì khác khi các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau và có nạn phá hòa hợp Tăng. Upasena dạy Tỷ-kheo ấy như sau:

577. *Xử viễn ly, không ồn,
Chỗ thú rừng thường trú,
Tỷ-kheo dọn sàng tọa,
Tu học **hạnh tịnh cư**.*

578. *Từ những đống rác rưởi,
Từ một phần, xa lộ,
Làm Y Tăng-già-lê,
Mang áo cũ sờn mòn.*

579. *Với tâm tư hạ mình,
Tiếp tục đi từng nhà,
Tỷ-kheo sống khát thực,
Căn hộ, khéo chế ngự.*

580. *Bằng lòng món ăn thô,
Không tìm nhiều vị khác;
Nếu tham đắm các vị,
Ý không vui tu thiện.*

581. *Ít dục và biết đủ,
Ẩn sĩ sống viễn ly,
Không thân cận cả hai,*

Tại gia và xuất gia.

582. *Như kẻ ngu, người câm,
Hãy tỏ mình như vậy,
Bậc trí giữa chúng Tăng,
Chớ có giảng quá dài.*

383. *Chớ có chỉ trích ai,
Hãy tránh làm hại ai,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống.*

584. *Khéo nắm giữ các tướng,
Thiện xảo tâm diễn khởi,
Chú tâm vào tịnh chỉ,
Đúng thời tu thiền quán.*

585. *Đủ tinh tấn nhẫn nại,
Luôn chuyên chú bốn phận,
Chưa đạt được khổ diệt,
Kẻ trí tin tưởng tiến.*

586. *Tỷ-kheo muốn thanh tịnh,
Sống nếp sống như vậy,
Mọi lậu hoặc đoạn tận,
Chứng được tối tịch tịnh.*

Như vậy vị Trưởng lão, trong khi giảng dạy vị Tỷ-kheo, nêu rõ quả chứng của mình và nói lên chánh trí.

692 Tâm - Lời dạy của Trưởng lão Brahmadatta - Kinh Brahmadatta – Tiểu III, 277

Brahmadatta – Tiểu III, 277 (221)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, con vua nước Kosala, tên là Brahmadatta.

Ngài chứng kiến uy nghi của đức Phật nhân ngày lễ dâng cúng Jetavana, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời gian chứng **sáu thắng trí** với lòng tin và hiểu biết về *nghe*, bởi lòng tin và hiểu biết về *Pháp*.

Một hôm ngài đi khát thực, một Bà-la-môn nhiếc mắt ngài, ngài im lặng nghe và tiếp tục đi, Bà-la-môn ấy lại chửi mắng ngài, và dân chúng phê bình sự im lặng của ngài; ngài giảng dạy cho dân chúng như sau:

**441. *Từ đâu phần nộ khởi,
Với người không phần nộ,
Với người được nhiếp phục,
Sống nếp sống thắng bằng.
Với vị, trí giải thoát,
Phật an tịnh như vậy.***

442. Với ai bị chửi mắng,
Lên tiếng chửi mắng lại,
Người ấy tệ ác hơn,
Người đã chửi mắng trước.
- Với ai bị chửi mắng,
Nhưng không chửi mắng lại,
Người ấy được chiến thắng,
Trên cả hai mặt trận.

443. Sở hành của người ấy,
Vừa lợi mình, lợi người,
Biết người khác phần nộ,
Chánh niệm, tự lắng dịu.

444. Là **thầy thuốc cả hai**,
Cho mình và cho người,
Quần chúng **ngĩ là ngu**,
Không khéo hiểu Chánh Pháp.

Rồi Bà-la-môn chửi mắng ấy nghe những lời này,
cảm thấy ưu não và hoan hỷ rồi xin lỗi ngài.

Được xuất gia với sự hướng dẫn của ngài, được dạy
đề tài **quán từ bi**, như vậy ngài dạy cho phương pháp
để đối trị phần nộ:

445. Nếu **phần nộ** nổi lên,
Hãy nghĩ dụ **cái cưa**,
Nếu **tham vị** khởi lên,

*Hãy nghĩ dụ **thịt con**.*

*446. **Nếu tâm người chạy theo,
Theo dục, theo sanh hữu,
Hãy gấp nắm với niệm,
Như nắm con vật ác,
Đi vào trong ruộng lúa.***

693 Tâm - Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nản tên - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 46

Phẩm Hiền Trí – *Tiểu I*, 46

76. Nếu thấy bậc Hiền trí,
Chỉ lỗi và khiển trách,
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy thân cận người trí!
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.

77. Những người hay khuyên dạy,
Ngăn người khác làm ác,
Được người hiền kính yêu,
Bị người ác không thích.

78. Chớ thân với bạn ác,
Chớ thân kẻ tiểu nhân.
Hãy thân người bạn lành,
Hãy thân bậc thượng nhân.

79. Pháp hỷ đem an lạc,
Với tâm tư thuần tịnh;
Người trí thường hoan hỷ,

Với pháp bậc Thánh thuyết.

80. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,
Bậc trí nhiếp tự thân.

81. Như đá tảng kiên cố,
Không gió nào giao động,
Cũng vậy, giữa khen chê,
Người trí không giao động.

82. Như hồ nước sâu thẳm,
Trong sáng, không khuấy đục,
Cũng vậy, nghe chánh pháp,
Người trí hưởng tịnh lạc.

83. Người hiền bỏ tất cả,
Người lành không bàn dục,
Dầu cảm thọ lạc khổ,
Bậc trí không vui buồn.

84. Không vì mình, vì người.
Không cầu được con cái,
Không tài sản quốc độ,
Không cầu mình thành tựu,
Với việc làm phi pháp.

Vị ấy thật trì giới,
Có trí tuệ, đúng pháp.

85. Ít người giữa nhân loại,
Đến được bờ bên kia
Còn số người còn lại,
Xuôi ngược chạy bờ này.

86. Những ai hành trì pháp,
Theo chánh pháp khéo dạy,
Sẽ đến bờ bên kia,
Vượt ma lực khó thoát.

87. Kẻ trí bỏ pháp đen,
Tu tập theo pháp trắng.
Bỏ nhà, sống không nhà,
Sống viễn ly khổ lạc.

88. Hãy cầu vui Niết Bàn,
Bỏ dục, không sở hữu,
Kẻ trí tự rửa sạch,
Cầu uế từ nội tâm.

89. Những ai với chánh tâm,
Khéo tu tập **giác chi**,
Từ bỏ mọi ái nhiễm,
Hoan hỷ không chấp thủ.

Không lậu hoặc, sáng chói,
Sống tịch tịnh ở đời.

694 Tâm - Người trị thủy dẫn nước, Kẻ làm tên nắn tên - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 57

Phẩm Hình Phạt – *Tiểu I, 57*

129. Mọi người **sợ hình phạt**,
Mọi người **sợ tử vong**.

Lấy mình làm ví dụ

Không giết, không bảo giết.

130. Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người **thích sống còn**;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.

131. **Chúng sanh cầu an lạc,**
Ai dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.

132. Chúng sanh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.

133. Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phản nộ,
Đao trượng phản chạm mình.

134. Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Niết Bàn
Người không còn phản nộ.

135. Với gậy người chẵn bò,
Lùa bò ra bãi cỏ,
Cũng vậy, **già** và **chết**,
Lùa người đến mạng chung.

136. Người ngu làm điều ác,
Không ý thức việc làm,
Do tự nghiệp, người ngu,
Bị nung nấu, như lửa.

137. Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.

138. Hoặc khổ thọ khốc liệt,
Thân thể bị thương vong,

Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán tâm.

139. Hoặc tai họa từ vua,
Hay bị vu trọng tội,
Bà con phải ly tán,
Tài sản bị nát tan.

140. Hoặc phòng ốc nhà cửa,
Bị hỏa tai thiêu đốt.
Khi thân hoại mạng chung,
Ác tuệ sanh địa ngục.

141. Không phải sống lừa thê
Bện tóc, tro trét mình,
Tuyệt thực, lăn trên đất,
Sống nhóp, siêng ngồi xỏm,
Làm con người được sạch,
Nếu không trừ nghi hoặc.

142. Ai sống tự trang sức,
Nhưng an tịnh, nhiếp phục,
Sống kiên trì, phạm hạnh,
Không hại mọi sinh linh,
Vị ấy là phạm chí,
Hay Sa môn, khát sĩ.

143. Thật khó tìm ở đời,
Người **biết thẹn, tự chế**,
Biết tránh né chỉ trích
Như ngựa hiền tránh roi.

144. *Như ngựa hiền chạm roi,*
Hãy nhiệt tâm, hăng hái,
Với tín, giới, tinh tấn,
Thiền định cùng trạch pháp.
Minh hạnh đủ, chánh niệm,
Đoạn khổ này vô lượng.

145. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên nắn tên,
Người thợ mộc uốn ván,
Bậc tự điều, điều thân.

695 Tâm - Nay tâm, hãy khích lệ, Hãy khuyến ta như trước - Kinh Tàlaputta – Tiểu III, 479

Tàlaputta – *Tiểu III*, 479 (262)

Trong thời gian đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình kịch sĩ, trở thành thiện xảo trong nghề diễn kịch thích hợp với người trong gia tộc và trở thành lừng danh khắp Ấn Độ, như nhà lãnh đạo một ban hát với năm trăm nữ nhân, với sự huy hoàng của nghề kịch, ngài dự các lễ ở làng, ở thị trấn, ở cung điện vua, và rất được sủng ái và danh tiếng.

Khi ngài trình diễn ở Ràjagaha với nhiều thành công, ngài đến yết kiến đức Phật và hỏi có phải một kịch sĩ khi trên sân khấu giả danh sự thật, làm cho khán giả ưa thích, vui cười, người ấy sau khi chết được sanh vào *chư Thiên* hay cười.

Đức Phật ban đầu không trả lời. Đến khi hỏi lần thứ tư, đức Phật trả lời những ai khiến cho con người thiên về tình dục, tiêu cực, tâm tư hoang mang khiến người ta mất nhiệt tình, người như vậy sau khi chết sẽ sinh vào địa ngục. Nhưng nếu có tà kiến thời bị sanh vào địa ngục và súc sanh. Tàlaputta khóc không phải vì đức Phật nói chỗ tái sanh, chỉ vì bị các kịch

sĩ xưa lừa dối nói rằng kịch sĩ sẽ được sanh trong một đời sống hạnh phúc.

Rồi Tàlaputta nghe lời đức Phật thuyết pháp, khởi lòng tin, xuất gia và sau một thời tu tập, chứng quả A-la-hán.

Rồi nêu rõ với nhiều chi tiết, như thế nào ngài chế ngự và làm cho trong sạch tâm tư, đi đến chỗ giác ngộ thâm sâu, ngài nói lên những câu kệ như sau:

I

*1092. Khi nào ta sẽ đến,
Một mình, không có hai,
Ở trong những hang động,
Của các loại núi rừng,
Ta quán mọi sanh hữu,
Tất cả là vô thường,
Nay ta là như vậy,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1093. Khi nào ta sẽ là,
Ẩn sĩ mang y vá,
Mang y vải màu vàng,
Không của ta, không ái,
Đoạn trừ, diệt **tham** tâm,
Đoạn luôn cả **sân**, **si**,*

*Ta đi đến khu rừng,
Sẽ trú trong an lạc.*

1094. *Khi nào ta thấy được,
Thân này là vô thường,
Bị chết già áp bức,
Ổ giết chóc, bệnh tật
Ta sẽ trú trong rừng,
Một mình, quán vô úy
Khi nào sẽ là vậy?*

1095. *Khi nào ta sẽ lấy,
Gương sắc bén trí tuệ,
Chặt dây leo khát **ái**,
Với nhiều dây chằng chặt,
Sanh khởi lên sợ hãi,
Mang đến sự khổ đau.
Khi nào sẽ là vậy?*

1096. *Khi nào ta sẽ là,
Có sức mạnh rút gương,
Gương do tuệ tạo thành,
Là lửa sáng ẩn sĩ,
Với sức mạnh đập tan,
Ác ma với Ma quân,
Trên chỗ ngồi sư tử,
Khi nào sẽ là vậy?*

1097. Khi nào ta sẽ được,
Hội tụ với bậc thiện,
Được thấy giữa các vị,
Đảm nhận các trọng pháp,
Tinh cần với các vị,
Thấy sự vật như thật,
Chiến thắng được các căn,
Khi nào sẽ là vậy?

1098. Khi nào nhác đói khát,
Gió, nóng, trùng bò sát,
Sẽ không nào hại ta,
Ở Gi-ri-bhaje,
Đang lo đến tự ngã,
Khi nào sẽ là vậy?

1099. Khi nào ta có thể,
Chánh niệm, ngã định tĩnh,
Hiểu được với trí tuệ,
Bốn sự thật khéo giảng,
Bởi bậc Đại ẩn sĩ,
Khi nào sẽ là vậy?

1100. Khi nào ta sẽ chuyên,
Chú tâm vào an chỉ,
Thấy được với trí tuệ,

*Sắc, thanh, hương, vị, xúc,
Các pháp vô thường này,
Như lửa cháy hừng đỏ,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1101. Khi nào ta **bị** nói,
Vớ lời nói thô ác,
Không vì lý do ấy,
Tâm trí bị thất vọng.
Khi được lời tán thán,
Không vì lý do ấy,
Tâm tư được thỏa mãn.
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1102. Khi nào nhiều như củi,
Cỏ, cây leo, thân cây,
Ta cân nhắc bình đẳng,
Những pháp vô lượng này,
Nội pháp và ngoại pháp,
Khi nào ta sẽ vậy?*

*1103. Khi nào mây đem mưa,
Vớ nước mới trong rừng,
Làm ướt y áo ta,
Ta đi trên đường ướt,
Con đường ẩn sẽ đi.
Khi nào sẽ là vậy?*

1104. Khi nào nghe trong rừng,
Tiếng kêu của loài chim,
Chim công, có mào đầu.
Trong hang động núi rừng,
Ta an trú suy tư,
Để đạt quả bất tử,
Khi nào ta sẽ vậy?

1105. Khi nào với thần thông,
Ta có thể vượt qua,
Không chìm, không sợ hãi,
Sông Hằng, Yamunà,
Sông Sarasvati,
Với cửa sông hải hùng,
Với nước ào vực sâu,
Khi nào sẽ là vậy?

1106. Khi nào, như con voi,
Trên chiến trường tấn công,
Ta sẽ phá tan tành,
Lòng dục đối dục cảnh,
Chuyên chú trong thiền định,
Từ bỏ mọi tịnh tướng,
Khi nào sẽ là vậy?

1107. Khi nào như người nghèo,

*Mắc nợ chưa trả được,
Bị kẻ giàu thúc bách,
Tìm ra được của chôn,
Ta sẽ được thoải mái,
Họ được lời giảng dạy,
Của vị Đại ân sĩ,
Khi nào sẽ được vậy?*

II

*1108. Nhiều năm ta được người,
Yêu cầu làm như sau:
Như vậy là vừa rồi,
Người sống đời gia đình,
Nay ta đã xuất gia,
Do vậy, **hồi này tâm**,
Do vì lý do gì,
Người không có chuyên tâm?*

*1109. Nay tâm, phải chăng người,
Yêu cầu ta như sau:
Tại Giribbaje
Loài chim có lông sáng,
Đón chào với tiếng kêu,
Sấm của Đại In-da.
Hãy làm vị ấy vui,
Đang tu thiền trong rừng.*

1110. Trong gia đình, bạn bè,
Người yêu và bà con,
Các du hí ở đời,
Các đối tượng của dục,
Tất cả đều từ bỏ,
Ta chấp nhận thế này.
Hỡi này tâm, người không,
Bằng lòng với ta chăng?

1111. Việc này chỉ vì ta,
Đây không vì người khác,
Khi đến thời vũ trang,
Sao lại còn than khóc?
Thế giới này toàn động,
Chờ đợi là như vậy.
Nên ta đã ra đi,
Tìm cầu đạo bất tử.

1112. Vị nói điều khó nói,
Tối thượng loài hai chân,
Bạc Y vương vĩ đại,
Đánh xe điều ngự người,
Với tâm không tham dục,
Ngài khéo chế ngự được,
Người khó lòng chế ngự,
Chế ngự được tâm người,

Vọng động như con vượn.

1113. Các **dục** có nhiều vẻ.

Dịu ngọt, rất khả ý,

Ở đây, hàng phàm phu,

Vô trí, bị trói buộc.

Họ muốn chịu đau khổ,

Khi họ tìm tái sanh,

Đắt dẫn bởi tâm họ,

Họ chết trong địa ngục.

1114. Trong khu rừng vang lên,

Tiếng chim công, chim cò,

Chỗ trú xứ ưu tiên,

Của loài beo, loài cọp,

Ngươi sống tại chỗ ấy,

Chớ chờ đợi về thân,

Chớ có quá đam mê,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1115. **Hãy tu thiền, Căn, Lực,**

Hãy tu Định Giác chi,

Hãy giác chứng Ba Minh,

Trong lời dạy đức Phật,

Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1116. **Hãy tu tập con đường,**
Để đạt được bất tử,
Đường đưa đến thể nhập,
Chỗ đoạn diệt mọi khổ.
Con đường có **Tám ngành,**
Rửa sạch mọi uế nhiễm.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1117. **Hãy như lý quán sát,**
Các uẩn là đau khổ,
Hãy từ bỏ xa người,
Những nguyên nhân đau khổ.
Ngay trong thời hiện tại,
Hãy chấm dứt đau khổ,
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1118. **Hãy như lý tuệ quán,**
Là vô thường, là khổ,
Là không, là vô ngã,
Là tà ác, sát hại,
Hãy chế ngự tâm người,
Chớ để nó chạy loạn.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1119. Trọc đầu và xấu sắc,
Đi đến bị nguyên rửa,
Khi khát thực gia đình,
Tay cầm hình đầu lâu,
Nay người có chủ tâm,
Vào lời dạy Bốn Sư,
Vào lời Đại ẩn sĩ,
Này tâm, hãy khích lệ
Hãy khuyên ta như trước.

1120. **Hãy đi trên con đường,**
Tự ngã khéo chế ngự,
Giữa các nhà, tâm ý,
Không ái luyến các dục,
Nhu trắng vào tháng tròn,
Không có bọt mây mù.
Này tâm, hãy khích lệ,
Hãy khuyên ta như trước.

1121. **Hãy sống trong rừng núi,**
Ăn đồ ăn khát thực,
Sống tại chỗ nghỉ địa,
Mặc y lượm đồng rác.
Chỉ có ngồi, không nằm,
Luôn vui hạnh Đầu-đà,
Này tâm, hãy khích lệ,

Hãy khuyên ta như trước.

1122. *Như người đã trồng cây,
Liên tìm cho được trái,
Nay người ước muốn trái,
Há chặt rễ cây sao?
Này tâm, thật giống như,
Ví dụ người đã làm,
**Khi người khích lệ ta,
Trong vô thường dao động.***

1123. *Người, vô sắc, cô độc,
Kẻ lữ hành từ xa,
Nay ta sẽ không làm,
Theo lời nói của người.
Các dục là khổ đau,
Cay đắng, sợ hãi lớn,
Tâm hướng vọng Niết-bàn,
Ta sẽ bước, đi tới.*

1124. ***Ta đi tới xuất gia,
Không phải vì bất hạnh,
Không đùa vô liêm sỉ,
Không vì duyên tâm hứng,
Không bị đày đi xa,
Không vì nhân mạng sống,
Khi ta đã bằng lòng,***

*Này **tâm**, đối với người.*

1125. *Ít **dục** được tán dương,
Bởi những bậc chân nhân,
Kể cả đoạn giả dối,
Và an tịnh đau khổ.
Như vậy, hồi này **tâm**,
Khi người khích lệ ta,
**Còn nay người đi ngược,
Điều người trước quen làm.***

1126. *Khát ái và vô minh,
Đáng thương và đáng ghét,
Sắc đẹp và lạc thọ,
Dục trưởng dưỡng hấp dẫn,
Tất cả đã quăng bỏ,
Ta không có cố gắng,
Đi đến một lần nữa,
Những đồ đã quăng bỏ.*

1127. *Này **tâm**, khắp mọi nơi,
Ta làm theo lời người,
Trải qua nhiều đời sống,
Người không tức giận ta,
**Và thân nội sanh này,
Là lòng người biết ơn!
Trên đường luân hồi dài,***

Khổ do chính người tạo.

***1128. Nay tâm, chính người làm,
Tác thành con người ta,
Chính người làm, ta thành,
Thành một Bà-la-môn,
Thành vua chúa hoàng tộc,
Một ngày là người buôn,
Ngày kia thành nô tỳ,
Hoặc thành loại chư Thiên.
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1129. Chính do nhân nhà người,
Chúng ta thành Tu-la,
Chính do người tác thành,
Ta rơi đáy địa ngục;
Một thời thành súc sanh,
Một thời thành ngựa quý,
Tất cả đều do người,
Chính do người tác thành.***

***1130. Người sẽ không lừa ta,
Nhiều lần, nhiều thời nữa,
Như những người phù thủy,
Bày các trò ảo thuật,
Người chơi lừa phỉnh ta,***

*Như chơi với người điên,
Này tâm, hãy nói ta,
Chỗ nào ta lỗi lầm.*

*1131. Trước tâm này lang thang,
Chạy chỗ này chỗ khác,
Chạy chỗ nó ưa thích,
Chạy chỗ nó vui sướng,
Nay ta chế ngự tâm,
Với như lý tư duy,
Như câu móc chế ngự,
Nhiếp phục con voi rừng.*

*1132. Với ta, bậc Đạo Sư,
Xác định đời vô thường,
Đời không có trường cửu,
Đời không có kiên thực.
Này tâm, hãy đẩy ta,
Nhảy vào lời Phật dạy,
Khiến ta vượt bực lưu,
Rất khó được vượt qua.*

*1133. Ta nay đã xuất gia,
Trong pháp Đại ẩn sĩ,
Những người giống như ta,
Không chấp nhận tồn thất.*

1134. Rừng, biển, sông, đất liền,
Bốn phương, phụ trên dưới,
Tất cả là vô thường,
Ba hữu là hoạn nạn,
Này tâm, hãy đi đâu?
Ngươi sẽ hưởng an lạc.

1135. Kìa, kìa, hỡi này **tâm**,
Đích ta thật vững chắc,
Ngươi sẽ làm được gì,
Khiến ta phải quay lại,
Này tâm, ta đâu còn,
Tùy thuộc thế lực ngươi,
Không ai chịu xúc chạm,
Cái bị có hại miệng,
Góm ghiếc thay cái vật,
Đây chín dòng chảy nước.

1136. Ôi, ngươi sẽ ưa sống,
Trên đỉnh sườn núi cao,
Chỗ ở đàn heo nai,
Hay cảnh đẹp thiên nhiên,
Hay trong núi rừng sâu,
Thắm mát mưa nước mới,
Tại đây ngươi sẽ thích,
Ngươi lấy hang làm nhà.

1137. Loài chim lông cổ đẹp,
Với mào đẹp, cánh đẹp,
Với lông nhiều màu sắc,
Đón chào tiếng sấm vang,
Với tiếng kêu dịu ngọt,
Chúng sẽ làm người thích,
Người tu tập thiền định,
Trong núi rừng thâm sâu.

1138. Khi trời đổ mưa xuống,
Trên đám cỏ bốn phân,
Và trong rừng nở hoa.
Với đầu hoa như mây,
Giữa rừng, ta sẽ nằm,
Chẳng khác gì khúc cây,
Đối ta, rất mềm dịu,
Thật giống như giường bông.

1139. Như vậy, ta sẽ làm,
Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Như thợ da không nhác,
Khéo làm cho nhuần nhuyễn,
Cái bị bằng da mèo.

1140. Như vậy ta sẽ làm,

Giống như **người chủ nhà**,
Những gì ta nhận được,
Ta xem là vừa đủ,
Tinh tấn ta dân người,
Roi vào thể lực ta.
Như voi say bị nài,
Khéo dùng móc chế ngự.

1141. **Với người khéo nhiếp phục,**
Khéo an trú vững vàng,
Như người huấn luyện **ngựa**,
Với con ngựa thuần thực,
Ta có thể dẫn bước,
Trên con đường an lành,
Con đường được những vị,
Hộ trì tâm thường dùng.

1142. **Ta sẽ trói chặt người,**
Vào đối tượng cần thiết,
Như con voi bị dây,
Trói chặt vào cây cột.
Ta khéo hộ trì người,
Khéo luyện với chánh niệm.
Nhờ vậy, người sẽ thành,
Không dựa mọi sanh hữu.

1143. Với **tuệ**, chặt tà đạo,

Với **lực**, chặn, hướng chánh,
Thấy tập khởi, diệt sanh,
Người sẽ là thừa tự,
Bậc phát ngôn tối thượng.

1144. Nay tâm, người dẫn ta,
Đến **ngôi làng thô lỗ**,
Khiến trú vào thế lực,
Của **bốn tướng điên đảo**,
Hãy đến, theo vị ấy,
Vị chặt đứt kiết sử,
Bậc có tâm đại bi,
Bậc Mâu-ni vĩ đại.

1145. Như loài thú tự do,
Trong ngôi rừng đẹp đẽ.
Người vào núi xinh đẹp,
Có mây làm vòng hoa,
Tại đây, không có người,
Trong rừng người sẽ thích,
Nay tâm, chắc chắn vậy,
Người sẽ đến bờ kia.

1146. **Những ai còn rơi vào,**
Thế lực ý muốn người,
Nam nhân và nữ nhân,
Hưởng an lạc người cho,

*Không trí, bị rơi vào,
Trong thế lực Ác-ma.*

*Ai ưa thích sanh hữu,
Sẽ là thuộc hạ người,
Hồi này tâm của ta.*

696 Tâm - Nay tâm, ta gọi người, Kẻ bẻ gãy hạnh phúc - Kinh Anupama – Tiểu III, 186

Anupama – Tiểu III, 186 (167)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình giàu có ở Kosala, vì ngài đẹp trai nên được đặt tên là *Anupama* (không thể so sánh được).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài cảm thấy sức mạnh của các nguyên nhân, xuất gia và sống trong một ngôi rừng để tu tập thiền quán, nhưng tâm ngài chạy theo ngoại cảnh, xoay quanh những vấn đề đối tượng thiền định, ngài tự trách mình như sau:

213. *Tâm đi đến hỷ mạn,
Như bị đâm giáo nhọn,
Nếu người sống tâm ấy,
Như sống với giáo, gậy.*

214. *Nay tâm, ta gọi người,
Kẻ bẻ gãy hạnh phúc,
Nay tâm, ta gọi người,
Kẻ phá hoại đời ta!
Bậc Đạo Sư của người,
Khó được nay đã được,*

*Chớ có dắt dẫn ta,
Đến chỗ có hại ta!*

Như vậy ngài giáo giới tâm ngài, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

697 Tâm - Phẩm Tâm - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vầy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

698 Tâm - Thiện xảo tướng của tâm, Biết vị ngọt viễn ly - Kinh Sunàga – Tiểu III, 95

Sunàga – Tiểu III, 95 (85)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở làng Nàlaka, con một Bà-la-môn và bạn của Sàriputta trước khi Sàriputta xuất gia. Nghe Tôn giả Sàriputta thuyết pháp, ngài xuất gia, an trú trên **thiền quán** và không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Do vậy, khi ngài dạy cho các Tỷ-kheo, ngài nói lên chánh trí của ngài với bài kệ:

**85. *Thiện xảo tướng của tâm,
Biết vị ngọt viễn ly,
Hành thiền, niệm, thận trọng,
Chứng lạc không thể tực.***

699 Tâm - Trong chòi nhỏ, năm cửa, Có con khỉ đi vào - Kinh Valliya – Tiểu III, 131

Valliya – Tiểu III, 131 (123)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi (Xá-vệ), con một Bà-la-môn tên tuổi, được đặt tên là Valliya.

Khi đến tuổi trưởng thành, làm chủ được các căn, ngài làm bạn với người có giới đức. Rồi ngài đi đến Thế Tôn, khởi lòng tin, xuất gia, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Nghĩ đến quá khứ với các sự vật thế tục, ham muốn, và như thế nào nhờ **Thánh đạo**, ngài thoát ly các chi phối ấy, ngài nói lên chánh trí của ngài:

*125. Trong chòi nhỏ, năm cửa,
Có con khỉ đi vào,
Loanh quanh từng cửa một,
Nó va chạm từng giây!*

*126. Nay khỉ, hãy dừng lại!
Chớ có chạy như vậy,
Ngươi không còn như trước,*

*Trí tuệ cầm giữ người,
Người đâu còn có thể,
Đi xa như trước được.*

**700 Tâm - Trước tâm này buông lung,
Chạy theo ái, dục, lạc - Kinh Pháp Cú
- Tiểu I, 94**

Phẩm Voi – *Tiểu I, 94*

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lũy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

701 Tâm - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

702 Tâm ai như tảng đá, An trú không dao động - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 186 (Ud 39)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, **đang nhập định**. Có **hai Dạ-xoa** là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sàriputta trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực" Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với

vị Sa-môn! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Đây bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn. Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả Sàriputta. Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khữ tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahà Moggallàna với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sàriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Đây Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Hiền giả Moggallàna, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Hiền giả Sàriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở

đây, thừa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao, hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả Sàriputta đã nói như sau: "*Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!*"

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallàna! Thật hy hữu thay Hiền giả Moggallàna! Có đại thần lực là tôn giả Mahà Moggallàna, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Tâm ai như tảng đá,
An trú không dao động,
Không tham vật khả ái,
Đáng phần nộ, không sân,
Tâm ai tu như vậy,
Từ đâu khổ đến được?*

703 Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hồi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

704 Tâm còn bị đắm say, Con cái và súc vật - Kinh Kisà Gotamì – Tiểu III, 639

Kisà Gotamì – Tiểu III, 639 (63)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình **nghèo khổ**, tên là Gotamì, **vì nàng yếu đuối nên được gọi là Kisà Gotamì (Gotamì ốm yếu).**

Khi lập gia đình, nàng bị khinh thường và được gọi là con gái một người không có gì. Nhưng khi nàng có con, nàng được kính trọng.

Khi người con lớn lên và có thể chạy được, **nó chết**, và nàng cảm thấy đau khổ, và nhớ đến sự đối xử với mình được thay đổi khi để đứa con, nàng nghĩ: "*Chúng sẽ giữ lấy con ta và đem bỏ vào nghĩa địa*". Nàng ôm đứa con chết vào lòng và đi vào từng nhà xin: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Và được trả lời: "*Nay thuốc còn gì dùng nữa*". Nhưng nàng không hiểu.

Có người thương xót khuyên nàng đến đức Phật để xin thuốc, Nàng đi đến tinh xá và xin đức Phật: "**Hãy cho con tôi thuốc**". Bậc Đạo Sư thấy được hy vọng tu chứng nơi nàng bèn nói: "***Hãy đi đến nhà nào không có người chết, và đem lại một hột cải***"

Nàng vâng lời, đi vào nhà đầu tiên và yêu cầu như vậy, nhưng bị từ chối, vì trong nhà có người chết. Nàng đi vào nhiều nhà khác, được trả lời như vậy và nàng nghĩ: *"Đây có thể là bậc Đạo Sư dạy khéo cho ta"*, nên nàng đem đặt con nàng ở nghĩa địa và nói:

*Pháp này không riêng làng,
Không riêng thành, gia tộc,
Không riêng cho một ai,
Cho đến toàn thế giới,
Kể cả các chư Thiên,
Ở tại mọi tầng trời,
Pháp nhĩ là như vậy.
Tất cả là vô thường.*

Rồi nàng đi đến bậc Đạo Sư, và khi ngài hỏi có tìm được hột cải không, nàng trả lời: *"Việc làm đã làm xong về hột cải. Hãy xác nhận cho con"*.

Thế Tôn nói:

*Tâm còn bị đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lút trôi làng ngủ
(Pháp cú, 287)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng được **Sơ quả (quả Dự lưu)** và xin được xuất gia. Đức Phật chấp nhận và nàng được các Tỷ-kheo-ni cho thọ giới. Sau đó, **không bao lâu nàng nghiên cứu về nguyên nhân của sự vật và khiến thiền quán tăng trưởng.** Rồi bậc Đạo Sư nói lên bài kệ:

*Người sống một trăm năm,
Không thấy pháp sanh diệt,
Tốt hơn sống một ngày,
Thấy được pháp sanh diệt.
(Pháp Cú 113)*

Khi đức Phật nói xong, nàng chứng quả A-la-hán. Vì nàng đặc biệt tu **hạnh khắc khổ** nên nàng mặc thô y, và đức Phật ngồi tại tinh xá Kỳ Viên đặt nàng vào **hạnh mặc thô y đệ nhất.**

Suy tư trên quả chứng của mình, nàng nói lên những bài kệ này trước mặt Thế Tôn, những bài kệ tán thán sự thân cận với các bậc Hiền Thánh:

*213. Bạn lành được ẩn sĩ,
Khắp thế giới, ngợi khen,
Thân cận với bạn lành,
Kẻ ngu thành người trí.*

214. *Hãy thân bậc chân nhân,
Thân vậy, trí tăng trưởng,
Thân cận bậc chân nhân,
Mọi khổ đau được thoát.*

215. *Hãy biết, **Bốn Thánh đế**,
Khổ và khổ tập khởi,
Biết về đau khổ diệt,
Và đường Thánh tám ngành.*

216. *Khổ thay phận nữ nhân,
Chính Ngài đã nói lên,
Bạc đánh xe điều ngự,
Những ai đáng điều ngự,
Khổ thay phận chồng chung,
Nhiều người một lần sanh.*

217. *Trong đau khổ đâm hòng,
Mẹ yếu uống thuốc độc,
Trường hợp gặp bào thai,
Bị chết khi đang sanh,
Cả hai mẹ và con,
Đều cùng gặp tai nạn.*

218. *Khi mang thai đi về,
Ta thấy chồng chết đường,
Và khi ta sanh đẻ,*

Ta không về đến nhà.

*219. Hai con đều bị chết,
Chồng nữ nhân khốn khổ,
Lại bị chết giữa đường;
Mẹ, cha và cả anh,
Đều cùng bị thiêu đốt,
Dồn chung trên đồng lửa.*

*220. Ôi, nữ nhân khốn khổ,
Sanh gia cảnh khốn cùng,
Người phải chịu khổ đau,
Vô lượng, không kể xiết.
Nước mắt người đã khóc,
Trải nhiều ngàn lần sanh.*

*221. Ta thấy giữa nghĩa trang,
Thịt con ta bị ăn,
Gia đình bị tàn hại,
Bị mọi người khinh bỉ,
Tuy vậy, người chết chồng.
Đạt được sự bất tử.*

*222. **Ta tu tập Thánh đạo,**
Đường tám ngành, bất tử,
Ta chứng được Niết-bàn,
Thấy được gương Chánh pháp.*

223. Trên ta, **mũi tên đâm**,
Đã được rút ra khỏi,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Việc nên làm đã làm,
Ta là Trưởng lão Ni,
Kisà-Gotamì,
Với tâm khéo giải thoát,
Ta nói lên lời này.

705 Tâm hoảng hốt giao động, Khó hộ trì, khó nhiếp - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vầy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "**Kẻ thù hại kẻ thù,**
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

706 Tâm hướng tà, Tâm hướng chánh - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vậy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,

Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trời buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vát bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "**Kẻ thù hại kẻ thù,**
Oan gia hại oan gia,
Không bằng tâm hướng tà,

Gây ác cho tự thân."

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

707 Tâm khó thấy, tế nhị, Theo các dục quay cuồng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vậy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,

**Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."**

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

708 Tâm không trú trước nội trần, không bị chấp thủ quấy rối - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 424

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 424 (Tik. V, 5) (It. 93)

Này các Tỷ-kheo, *Tỷ-kheo cần phải quán sát một cách như thế nào, như thế nào, do quán sát như vậy, thức của vị ấy đối với ngoại trần không có tán loạn, không có tán rộng, tâm không trú trước nội trần, không chấp thủ, không bị khủng bố, sẽ không có sự* sanh khởi, sự tập khởi của khổ về sanh già, chết, trong tương lai.

*Tỷ-kheo đã đoạn tận,
Cả bảy loại trói buộc,
Đã chấm dứt sợi dây,
Vòng sanh tử luân chuyển,
Đã đoạn tận chặn đứng,
Vị ấy không tái sanh.*

709 Tâm không đầy tràn dục, Tâm không hận công phá - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 38

Phẩm Tâm – *Tiểu I*, 38

33. "Tâm hoảng hốt giao động,
Khó hộ trì, khó nhiếp,
**Người trí làm tâm thẳng,
Như thợ tên, làm tên."**

34. "Như cá quăng trên bờ,
Vắt ra ngoài thủy giới;
Tâm này vững vậy mạnh,
Hãy đoạn thế lực Ma."

35. "**Khó nắm giữ, khinh động,
Theo các dục quay cuồng.
Lành thay, điều phục tâm;
Tâm điều, an lạc đến."**

36. "**Tâm khó thấy, tế nhị,
Theo các dục quay cuồng.
Người trí phòng hộ tâm,
Tâm hộ, an lạc đến."**

37. "Chạy xa, sống một mình,
Không thân, ẩn hang sâu
Ai điều phục được tâm,
Thoát khỏi Ma trối buộc".

38. "Ai tâm không an trú,
Không biết chân diệu pháp,
Tịnh tín bị rúng động,
Trí tuệ không viên thành."

39. "Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không hận công phá,
Đoạn tuyệt mọi thiện ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi."

40. "Biết thân như đồ gốm,
Trú tâm như thành trì,
Chống ma với gươm trí;
Giữ chiến thắng không tham"

41. "Không bao lâu thân này,
Sẽ nằm dài trên đất,
Bị vất bỏ, vô thức,
Như khúc cây vô dụng."

42. "Kẻ thù hại kẻ thù,
Oan gia hại oan gia,

**Không bằng tâm hướng tà,
Gây ác cho tự thân."**

43. "Điều mẹ cha bà con,
Không có thể làm được
Tâm hướng chánh làm được
Làm được tốt đẹp hơn."

710 Tâm không định được thì làm sao_ - Kinh Kula – Tiểu III, 29

Kula – Tiểu III, 29 (19)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong một gia đình Bà-la-môn, xuất gia và vì tâm tư chưa được thẳng bằng, ngài không chú tâm được trên một đề tài nhất định.

Một ngày kia đi khát thực, ngài thấy *người dẫn nước* bằng cách đào cách kinh dẫn nước. Trong thành phố, ngài thấy *người làm cung tên* uốn nắn cung tên bằng nheo một con mắt như thế nào, và khi trở về với bình bát đầy đồ ăn, ngài thấy những *người làm xe* sửa soạn trục xe, bánh xe và vành xe như thế nào. Bước vào tịnh xá, dùng cơm xong, khi đang nghỉ trưa, ngài nghĩ đến **ba phương pháp nhiếp phục** này, và lấy chúng làm khích lệ và dùng chúng để tự mình tu tập, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán.

Liên hệ những bài học này với sự tu tập tâm của mình, ngài nói lên lời chánh trí với bài kệ như sau:

**19. Người trị thủy dẫn nước,
Kẻ làm tên uốn tên,
Người thợ mộc uốn gỗ,**

Bạc tự điều, điều thân.

711 Tâm không định được, cứ chạy theo ngoại cảnh - Kinh Guttà – Tiểu III, 622

Guttà – Tiểu III, 622 (56)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng được sanh ở Sàvatthi trong một gia đình Bà-la-môn và tên là Guttà.

Khi đến tuổi trưởng thành, nàng nhàm chán đời sống gia đình và được phép gia đình cho xuất gia, dưới sự lãnh đạo của Mahàpajàpati.

Sau đó dầu nàng hành trì với tín tâm, nhưng tâm của nàng cứ chạy theo ngoại cảnh và do vậy nàng không thiền định được. Rồi bậc Đạo Sư muốn khích lệ nàng, phóng hào quang và hiện ra trước mặt nàng và nói lên bài kệ như sau:

*163. Vì mục đích tối thượng,
Guttà, người xuất gia,
Từ bỏ cả con cái,
Cho đến bản thân mình,
Hãy nhiệt tâm hành trì,
Chớ để tâm chi phối.*

164. Tâm lừa đảo chúng sanh,
Ưu ác ma lãnh vực,
Luân hồi nhiều đời sống,
Chúng dong ruồi, si mê.

165. **Dục** vọng và **sân** hận,
Kể cả với thân kiến,
Cộng thêm giới cấm thủ,
Với nghi hoặc thứ năm.

166. **Hồi này, Tỷ-kheo-ni,**
Từ bỏ kiết sử này,
Là hạ phần kiết sử,
Người hết lại đời này.

167. **Hãy tránh xa tham mạn,**
Vô minh và trạo cử,
Chặt đứt kiết sử xong,
Người sẽ dứt đau khổ.

168. **Quảng bỏ vòng sanh tử,**
Liễu tri sự tái sanh,
Hiện tại không ước vọng,
Người sẽ sống an tịnh.

712 Tâm phục - Chưa tâm phục vì ganh, mạn lừa dối - Kinh Uruvelà Kassapa – Tiểu III, 254

Uruvelà Kassapa – *Tiểu III*, 254 (210)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm **anh cả** trong ba anh em một gia đình Bà-la-môn tên *Kassapa*, và cả ba đều học thông ba tập Vệ-đà.

Ba anh em có đến năm trăm, ba trăm và hai trăm thanh niên đệ tử vì không tìm được chân lý trong kinh điển của họ, chỉ tìm thấy những vấn đề thế tục, nên họ từ bỏ gia đình và trở thành những ẩn sĩ.

Cả ba được đặt tên tùy theo chỗ ở của mỗi vị, và ngài được gọi là *Uruvelà Kassapa* vì ngài ở Uruvelà.

Một số sự kiện đã xảy ra, vị Bồ-tát xuất gia, chuyển Pháp luân, năm vị Trưởng lão chứng quả A-la-hán, năm mươi bạn đứng đầu là Yasa được hóa độ, **sự xuất phát của vị A-la-hán để thuyết pháp độ sanh**, sự hóa độ ba mươi người bạn giàu có, bậc Đạo sư đi đến Uruvelà. Khi Thế Tôn hiện ra nhiều thần thông bắt đầu với sự nhiếp phục con **rắn**, Kassapa khởi lòng tin và xuất gia, hai người em cũng bắt chước người anh cả. Thế Tôn giảng **kinh Adittapariyàya**

cho ba anh em Kassapa với một ngàn đệ tử và khiến mọi người chứng quả A-la-hán.

Uruvelà Kassapa ôn lại sự thành quả của mình, nói lên chánh trí với những bài kệ như sau:

375. *Thấy được các thần thông,
Gotama danh tiếng,
Nhưng ta chưa thần phục,
Bị ganh, mạn lừa dối.*

376. *Bậc Điều Ngự loài Ngươi,
Biết được tâm tư ta,
Chất vấn, ta hốt hoảng,
Kỳ diệu lông dựng ngược.*

377. *Xưa ta thuộc bện tóc,
Thần thông ta nhỏ mọn,
Ta xem chúng vô dụng,
Ta xuất gia đầu Phật,*

378. *Xưa bằng lòng té tự,
Xem dục giới hàng đầu,
Sau ta nhổ tận sạch,
Cả tham, sân và si.*

379. *Ta biết các đời trước,*

Thiên nhân ta trong sạch,
Thần thông biết tâm người,
Thiên nhĩ, ta đạt được.

380. Do *đích* gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Đích ấy ta đạt được,
Mọi *kiết sử* tận diệt.

713 Tâm ta thật trắng bạch, Vô lượng, khéo tu tập - Kinh Mahà Kappina – Tiểu III, 319

Mahà Kappina – *Tiểu III*, 319 (235)
(MahaKiếpTânNa)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở biên địa, tại thành phố tên Kukkuta, trong gia đình một vị vua và được đặt tên là *Kappina*. Khi phụ vương mất, ngài thừa tự ngôi **vua** với tên là *Mahà-Kappina*.

Để tăng trưởng sự hiểu biết, ngài sai sứ giả mỗi buổi sáng đi ra khỏi bốn cửa thành, giữ lại các vị học giả và tin cho ngài biết. Thời ấy bậc Đạo Sư đã ra đời và đang ở Sàvatthi. Các thương gia của thành phố Sàvatthi đem đồ đến Kukkutta bán, đem quà dâng vua. Vua hỏi tình hình ở Sàvatthi và dân chúng theo tôn giáo nào. Các thương gia thưa không trả lời cho vua được, vì chưa được súc miệng. Sau khi vua bảo đem nước súc miệng xong, các thương gia chấp tay và thưa: "*Ở đất nước chúng tôi, Phật báu đã ra đời*".

Khi nghe nói đến chữ Phật, vua cảm thấy hân hoan thoải mái, bảo thương gia nói lại ba lần, và thưởng chúng một trăm ngàn đồng tiền vàng. Các thương gia

cũng nói đến **Pháp báu** và **Tăng báu**, và vua tặng thưởng gấp ba lần. Rồi vua từ bỏ thế tục và xuất gia.

Các vị Bộ trưởng cũng theo gương vua. Rồi tất cả cùng đi tìm đức Bôn Su và đi đến sông Hằng. **Rồi họ tuyên bố, nếu có bậc Đạo Sư, có đức Phật tối thượng thời móng chân các con ngựa không bị thấm ướt!** Rồi họ đi ngang qua con sông ấy và qua một con sông khác nữa, sông Candabhàgà.

Hôm ấy, bậc Đạo Sư dậy sớm khi rạng đông, **với lòng từ bi, dùng Phật nhãn xem xung quanh thế giới** và thấy Mahà Kappina đã từ bỏ vương quốc và đi đến với một số tùy tùng lớn để xuất gia. Bậc Đạo Sư trước hết đi vào Sàvatthi khát thực với một số Tỷ-kheo, rồi Ngài bay đến bờ sông Candabhàgà, và ngồi xuống kiết-già, đối diện với bên nước và phóng hào quang. Mahà Kappina và các tùy tùng thấy được các hào quang liền đến đánh lễ đức Phật.

Thế Tôn thuyết pháp cho họ và tất cả đều chứng quả A-la-hán. Và xin trở thành Sa-môn. Đức Phật nói: "Hãy đến, các Tỷ-kheo", và như vậy là lễ thọ giới của họ. Rồi Thế Tôn đem toàn thể về Jetavana ngang qua hư không.

Một hôm Thế Tôn hỏi Mahà Kappina có thuyết pháp cho đại chúng không, và khi được trả lời không. Thế Tôn cho gọi Mahà Kappina và khuyên Mahà Kappina thuyết pháp cho đại chúng. Mahà Kappina

vâng lời dạy của Thế Tôn và trong buổi thuyết pháp đầu tiên độ cho hơn ngàn Sa-môn chứng quả A-la-hán. Rồi đức Phật xác nhận Mahà Kappina là **vị thuyết pháp đệ nhất** cho chúng Tăng.

Một hôm, ngài giảng cho các Tỷ-kheo-ni như sau:

547. *Ai thấy sớm sự việc,
Trước khi sự việc đến,
Và biết được cả hai,
Có lợi hay có hại,
Thù hay bạn người ấy,
Không thấy được sơ hở,
Dầu quan sát kỹ càng.*

548. *Với ai khéo tu tập,
Niệm thở vào thở ra,
Tiếp tục hành viên mãn,
Như lời Phật thuyết giảng,
Sẽ chói sáng đời này,
Như **trăng** thoát vùng **mây**.*

549. ***Tâm** ta thật trắng bạch,
Vô lượng, khéo tu tập,
Thấu triệt, chế ngự vững,
Chói sáng khắp mọi phương.*

550. **Bậc có tuệ vẫn sống,
Dầu tài sản kiệt tận,
Không có được trí tuệ,
Có tiền, như không sống.**

551. Tuệ phê phán điều nghe,
Tuệ tăng trưởng danh xưng,
Ở đời người có tuệ,
Được vui trong đau khổ.

552. **Pháp này thuộc hiện tại,**
Không vì diệu hy hữu,
Đâu có sanh, thì chết,
Đây không gì hy hữu.

553. *Sanh đã không gián đoạn,
Sống có chết thường hằng,
Sanh sanh, chết tại đây,
Pháp hữu tình là vậy.*

554. Điều lợi cho kẻ sống,
Không lợi cho kẻ chết,
Than khóc cho kẻ chết,
Không danh, không thanh tịnh,
Không được hàng Sa-môn,
Bà-la-môn tán thán.

555. Than khóc hại thân, mất,
Dung sắc, lực và trí,
Nếu tâm tư, hoan hỷ,
Các phương cũng hân hoan,
Dầu hạnh phúc đi tìm,
Không có gì an lạc.

556. *Do vậy các cư sĩ,
Muốn nhận trong gia đình,
Chỉ những người có trí,
Và những người nghe nhiều,
Với sức mạnh trí tuệ,
Họ làm tròn nhiệm vụ,
Như chiếc thuyền vượt qua,
Con sông nước tràn đầy.*

714 Tâm ta đi cùng khắp, Tất cả mọi phương trời - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 200

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 200 (Ud 47)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, vua Pasenadi nước Kosala có mặt với hoàng hậu Mallikà trên lầu thượng của hoàng cung, rồi vua Pasenadi nước Kosala nói với hoàng hậu Mallikà:

- Này Mallikà có ai khác thân ái với hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?

- Thừa Đại vương, không có khác thân ái với thiếp hơn là tự ngã của thiếp. Nhưng thừa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?

- Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta.

Rồi vua Pasenadi nước Kosala bước xuống lầu và đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vua Pesenadi nước Kosala bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con đi lên lầu thượng của hoàng cung với Hoàng hậu Mallikà và con nói với Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, có ai khác thân ái với Hoàng hậu hơn là tự ngã của Hoàng hậu?"

Khi được nói như vậy, bạch Thế Tôn, Hoàng hậu Mallikà trả lời với con: "Thưa Đại vương, không có ai khác thân ái với Thiếp hơn là tự ngã của Thiếp. Nhưng thưa Đại vương, có ai khác thân ái với Đại vương hơn là tự ngã của Đại vương?" Được nói vậy, bạch Thế Tôn, con trả lời cho Hoàng hậu Mallikà: "Này Mallikà, không có ai khác thân ái với ta hơn là tự ngã của ta".

Rồi Thế Tôn, sau khi biết rõ ý nghĩa này trong lúc ấy liền nói lên bài kệ này:

1. *Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã,
Tự ngã đối mọi người,
Quá thân ái như vậy,
Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người.*

715 Tâm thiện ý - Người có tâm thiện ý - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 311

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 311 (Ek III, 1) (It. 13)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người **thiện ý** như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng, người này được sanh lên thiên giới. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì **tâm người ấy thiện ý**.
- Này các Tỷ-kheo, vì nhân **tâm thiện ý**, như vậy ở đây, một số loài hữu tình, sau khi thân hoại mạng chung, được sanh vào thiện thú, thiên giới, cõi đời này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Biết được **tâm thiện ý**,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,*

*Đã nói ý nghĩa này,
Chính trong thời gian này,
Người ấy bị mạng chung,
Người ấy sẽ được sanh,
Lên thiên giới thiện thú,
Vì tâm có thiện ý,
Tuỳ theo lấy những gì,
Tương xứng được lãnh thọ,
Như vậy được tương xứng.
Do nhân tâm thiện ý,
Chúng sanh đi thiện thú.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

716 Tâm thường hằng, hướng mạnh về Chánh pháp - Kinh Nandiya – Tiểu III, 34

Nandiya – Tiểu III, 34 (25)

Ngài được sanh ở Kapilavatthu, trong nhà một vương tộc Thích-ca, và cha mẹ ngài nói: "*Con ta sanh đem lại hoan hỷ trong nhà*" và đặt tên ngài là *Nandiya*.

Lớn lên, ngài xuất gia, khi Anuruddha và các bạn đều xuất gia. Nhờ chú tâm học tập và lời phát nguyện quá khứ, ngài chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài sống với Trưởng lão Anuruddha và các bạn tại rừng Trúc phía Đông. Tại đây, **Ác-ma** muốn làm ngài sợ hãi, hiện ra trong hình thù rất dữ sợ, nhưng ngài đuổi Ác--ma đi với những lời như sau: "*Này Ác-ma, Người làm gì với những người đã vượt qua cảnh giới của người. Do vậy, Người chỉ gặp thất bại và bất hạnh*".

*25. Với ai, tâm thường hằng,
Hướng mạnh về Chánh pháp,
Pháp phát sanh hào quang,
Pháp đạt đến Thánh quả,*

*Vị Tỷ-kheo như vậy,
Nếu Nhà người muốn chống,
Hồi này kẻ Quỷ đen!
Người đi đến đau khổ.*

717 Tâm trạo cử - Kinh Sìha – Tiểu III, 93

Sìha – Tiểu III, 93 (83)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở xứ Malla, trong gia đình hoàng tộc và được đặt tên là Sìha.

Khi thấy đức Phật, ngài bị cảm hóa, đánh lễ và ngồi xuống một bên, bậc Đạo Sư biết được tâm tư của ngài, thuyết pháp cho ngài, ngài khởi lòng tin, xuất gia và lấy một đề tài vào trong rừng để thiền quán.

Tâm tư của ngài bị nhiều đối tượng ám ảnh, ngài không thể thiền định, bậc Đạo Sư thấy vậy, liền nói lên với ngài bài kệ như sau:

83. *Hỡi Sìha, hãy sống,
Không buông lung, phóng dật,
Ngày đêm không biếng nhác,
Kiên trì trong tu tập,
Hãy thực hành thiện pháp,
Gấp bỏ thân tích tụ.*

Nhờ vậy ngài có thể **triển khai thiền quán** và chứng quả A-la-hán. Lúc nói lên chánh trí của mình, ngài đọc lại bài kệ trên.

718 Tâm tăng thượng ẩn sĩ - Kinh Ekudàniya – Tiểu III, 79

Ekudàniya – Tiểu III, 79 (68)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị nghị sĩ giàu có. Khi lớn lên, ngài thấy được uy đức của đức Phật khi được dâng cúng rừng Jeta (Kỳ Viên), ngài xuất gia từ bỏ gia đình, làm bốn phận người Sa-di, sống trong rừng, ngài đến đức Phật để học hỏi.

Khi ấy Thế Tôn thấy Sàriputta đang ngồi thiền định gần ngài nên nói lên câu kệ này: "*Tâm tăng thượng ẩn sĩ*".

Ngài nghe câu kệ này, nên về rừng sâu chỉ lập đi lập lại câu kệ này, đến nỗi người ta đặt tên ngài là *Ekuddàniyo* (vị thuộc một câu kệ).

Một ngày kia, tâm tư ngài được định tĩnh với **thiền quán triển khai**, ngài chứng quả A-la-hán. Sống trong an lạc giải thoát, ngài được Tôn giả Sàriputta mời đến để trình bày sự thành đạt của mình, ngài nói lên bài kệ này:

68. *Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,*

*Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sâu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

Bài kệ này trở thành lời tuyên bố chánh trí của ngài.

719 Tâm tăng thượng ỷ sĩ, Không phóng dật, tu tập - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 192 (Ud 43)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ **Tôn giả Sàriputta** ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, kiết-già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, **tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.**

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, kiết già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Tâm tăng thượng ỷ sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

720 Tâm ác ý - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 309

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 309 (Ek II, 11) (It. 12)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- Ở đây này các Tỷ-kheo, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của một người **ác ý** như vậy, và nếu trong thời gian này, người này mạng chung, như vậy tương xứng người này bị rơi vào địa ngục. Vì có sao? Này các Tỷ-kheo, vì **tâm người ấy ác ý**.
- Này các Tỷ-kheo, vì nhân **tâm ác ý**, như vậy ở đây một số loài hữu tình sau khi thân hoại mạng chung bị sanh vào cõi ác, ác thú, đọa xứ, địa ngục.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Biết được **tâm ác ý**,
Của hạng người ở đời,
Đức Phật giữa Tỷ-kheo,
Đã nói ý nghĩa này.
Chính trong thời gian này,*

*Người ấy bị mạng chung,
Sẽ bị sanh địa ngục,
Vì tâm nó ác độc,
Tùy theo lấy những gì,
Tương xứng bị rơi xuống,
Như vậy được tương xứng,
Do nhân tâm ác ý,
Chúng sanh đi ác thú.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

721 Tâm định hướng tà vạy, Còn làm ác hơn nữa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 184

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 184 (Ud 38)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn đang bộ hành giữa dân chúng Kosala với đại chúng Tỷ-kheo. Rồi Thế Tôn từ con đường bước xuống, đi đến một gốc cây, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi một kẻ chăn bò đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ người chăn bò đang ngồi một bên ấy. Rồi người chăn bò ấy, sau khi được Thế Tôn, với pháp thoại trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho phấn khởi, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn nhận lời, ngày mai đến dùng cơm với chúng Tỷ-kheo.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi người chăn bò ấy, sau khi biết Thế Tôn đã nhận lời, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi người chăn bò ấy, sau khi đêm ấy đã mãn, sau khi dự trữ sẵn sàng một số lớn cơm sữa đặc và bơ tươi và báo thời giờ cho Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, cơm đã sẵn sàng.

Thế Tôn vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến trú xứ của người chăn bò ấy, với chúng Tỷ-kheo, sau khi đến ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Người chăn bò ấy, tự tay mời, làm cho thỏa mãn chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị cầm đầu, với cơm sữa đặc và bơ tươi. Rồi người chăn bò, khi đức Phật đã dùng xong, tay đã rời khỏi bát, liền lấy một ghế ngồi thấp, ngồi xuống một bên, Thế Tôn với pháp thoại, trình bày, khích lệ, làm cho phấn chấn, làm cho hoan hỷ, người chăn bò đang ngồi một bên, từ chỗ ngồi đứng dậy rồi ra đi. **Thế Tôn ra đi không bao lâu, có người đoạt mạng sống người chăn bò ấy** tại biên giới của làng.

Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, hôm nay chúng Tỷ-kheo với đức Phật là vị dẫn đầu đã được người chăn bò ấy tự tay mời ăn và làm cho thỏa mãn với cơm sữa đặc và bơ tươi. Người chăn bò ấy, bạch Thế Tôn, đã bị một người đoạt mạng sống tại biên giới của làng.

Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng:

3. *Nếu có độc ác gì,
Kẻ thù hại người thù,
Tâm định hướng tà vạy,
Còn làm ác hơn nữa.*

722 Tâm định trên thân - Kinh Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – Tiểu III, 62

Ghodhika Subàhu Valliya Uttiya – *Tiểu III*, 62 (51)

Trong thời đức Phật tại thế, **bốn vị này sanh ở Pava, con của bốn vua Malla**, và giữa bốn người này, có một tình bạn chân thành. Bốn vị này có một sứ mệnh, cùng đi đến vua xứ Kapilavatthu.

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cũng đến đó và sống tại vườn cây bàng, tại đây, Thế Tôn đã cảm hóa bốn vị này với thần thông song hành. Các vị này xuất gia và không bao lâu chứng quả A-la-hán, với sự hiểu biết về nghĩa và về pháp.

Sau khi được vua chúa kính trọng cúng dường, bốn vị này sống ở trong rừng. Khi bốn vị này đến Vương Xá, *vua Bimbisàra* (Bình Sa), mời bốn vị an cư mùa mưa và bảo làm mỗi người một cái nhà, nhưng vô ý lại không lợp mái. Các vị này sống trong nhà ấy, nhưng không có chỗ che mưa, và dẫu là mùa mưa, trời lại không mưa.

Vua Bimbisàra nhận thấy hiện tượng này, nhớ lại sự sai trái sơ hở của mình, liền cho lợp mái lại tổ chức một ngày khánh thành, cúng dường cho Tăng chúng. Các vị Trưởng lão nhận lời, đi vào ngôi nhà và **triển**

khai lòng từ. Từ phía Bắc và phía Đông một cơn giông tố nổi lên, và các vị Trưởng lão xuất định, mưa to bắt đầu rơi xuống.

Rồi **Godhika** do mưa to gió lớn, nói lên bài kệ:

51. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm ta khéo định tĩnh.
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Subàhu nói lên bài kệ:

52. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Tâm khéo định trên thân,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Vàlliya nói lên bài kệ:

53. *Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất,
Được che kín, khỏi gió,*

*Ta sống thật an lạc.
Không phóng dật, ta sống,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

Uttiya nói lên bài kệ:

*54. Trời mưa, như hát hay,
Ta ở trong am thất
Được che kín, khỏi gió,
Ta sống thật an lạc,
Trong ấy, sống một mình,
Hãy mưa, nếu trời muốn.*

723 Té khi kinh hành vì buồn ngủ - Kinh Bhagu – Tiểu III, 212

Bhagu – *Tiểu III*, 212 (187)

Sanh trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình dòng họ Sakya (Thích Ca), ngài xuất gia với *Anuruddha* và *Kimbila*, và sống gần làng Bàlakalona.

Một ngày kia, khi ngài từ tỉnh xá ra ngoài để đối trị bệnh buồn ngủ, ngài té khi ngài bước lên đường kinh hành. Xem đây để tự khích lệ, ngài **tự chế ngự và phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán. Từ đây, sống thọ hưởng an lạc giải thoát Niết-bàn. Thế Tôn đến, tán thán cô độc của ngài và hỏi: "*Này Tỷ-kheo, sao cho đến nay, Thầy vẫn còn tỉnh tấn?*"

Ngài trả lời, với những bài kệ như sau:

271. Bị buồn **ngủ** chi phối,
Ta ra khỏi tỉnh xá,
Lại lên đường kinh hành,
Tại đây té xuống đất.

272. Xoa bóp cả chân tay,
Lại lên đường kinh hành,

Qua lại đường kinh hành,
Nội tâm ta **định** tĩnh.

Rồi ta tự tác ý,
Như lý khởi tư duy,
Các hiểm nguy hiển lộ,
Nhàm chán ta an trú.

273. Và tâm ta giải thoát,
Thấy pháp nhĩ là vậy,
Ba minh chứng đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

724 Té ngã - Thiền quán khi bị ngã và chứng quả - Kinh Dhammà – Tiểu III, 552

Dhammà – Tiểu III, 552 (17)

Sau khi chết chứa công đức trong nhiều đời, nàng được sanh trong một gia đình quyền quý dưới thời đức Phật hiện tại. Sau khi lấy chồng, nàng được cảm hóa theo đạo Phật, xin xuất gia nhưng người chồng không bằng lòng. Nàng chờ cho khi chồng mất, mới xuất gia.

Một hôm, sau khi khát thực, trên con đường về tỉnh xá, nàng mất thăng bằng bị ngã. Dùng sự kiện ấy để **thiền quán**, nàng chứng được quả A-la-hán với pháp tín thọ, nghĩa tín thọ. Trong sự vui sướng, nàng nói lên bài kệ;

*17. Sau khi khát thực xong,
Yếu sức, chống trên gậy,
Vội chân tay run rẩy,
Ta ngã trên mặt đất,
Thấy nguy hiểm của thân,
Tâm ta được giải thoát.*

725 Té xuống vì quá buồn ngủ - Kinh Kàtiyàna – Tiểu III, 266

Kàtiyàna – Tiểu III, 266 (216)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, con của một Bà-la-môn thuộc dòng họ Kosiya, nhưng được gọi là Kàtiyàna, theo gia đình của bà mẹ.

Thấy bạn của mình là Sàmannakàni trở thành một Trưởng lão, ngài cũng xuất gia. Khi ngài học tập, ngài cuong quyết đối trị nằm ngủ ban đêm. Trong khi đi qua lại trên con đường kinh hành, ngài **quá buồn ngủ** nên **té xuống**.

Bậc Đạo Sư thấy vậy, đi đến đứng trước ngài và gọi: "Này Kàtiyàna!". Ngài liền đứng dậy, đánh lễ, và đứng một bên, bị dao động mạnh, rồi Thế Tôn thuyết pháp cho ngài như sau:

411. Này Ka-tiya-na,
Hãy thức dậy, ngồi lên,
Chớ có **ngủ** quá nhiều,
Hãy tự mình thức tỉnh,
Này bà con phóng dật,
Kẻ thụ động biếng nhác;

**Chớ để cho thần chết,
Lường gạt, chiến thắng ông.**

412. Như sóng tràn biển lớn,
Cũng vậy **sanh** và **già**,
Tràn ngập chôn lấp ông,
Hãy tự làm cho ông,
Một *hòn đảo* an toàn,
Vì rằng không ai khác,
Phục vụ giúp đỡ ông,
Như là chỗ nương tựa.

413. Đạo Sư lập con đường,
Đường vượt qua trời buộc,
Vượt qua sự sợ hãi,
Của sanh và của già,
Trước đêm và sau đêm,
Hãy sống không phóng dật,
Chú tâm cố kiên trì,
Trong nỗ lực chuyên tâm.

414. Từ bỏ triền phược trước,
Mặc áo Tăng-già-lê,
Đầu cạo trọc trơn láng,
Ăn đồ ăn khát thực,
Chớ có ưa chơi giỡn,
Chớ đam mê ngủ nghỉ,

Hãy nỗ lực thiền định,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

415. Hãy thiền tu, chiến thắng,
Hỡi Ka-ti-ya-na!

Hãy thiền xảo con đường,
An ổn các khổ ách;
Hãy đạt cho kỳ được,
Sự thanh tịnh tối thượng.
Ông sẽ chứng Niết-bàn,
Như nước làm tắt lửa.

416. Ánh sáng được tạo ra,
Hào quang còn yếu ớt,
Chẳng khác như cây lau,
Gió thổi nằm rạp xuống,
Hỡi bà con Tu-đà,
Như vậy, chớ chấp thủ,
Hãy tấn xuất Ác-ma,
Ly tham mọi cảm thọ,
Chờ đợi thời của ông!
Tại đây ông mát lạnh.

726 Tê Ngưu - Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng - Tiểu I, 471

Kinh Con Tê Ngưu Một Sừng – *Tiểu I*, 471

35. *Đối với các hữu tình,
Từ bỏ gây và trượng,
Chớ làm hại một ai,
Trong chúng hữu tình ấy.
Con trai không ước muốn,
Còn nói gì bạn bè,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

36. **Do thân cận giao thiệp,**
Thân ái từ đây sanh,
Tùy thuận theo **thân ái,**
Khổ này có thể sanh.
Nhìn thấy những nguy hại,
Do thân ái sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.

37. **Do lòng từ thương mến,**
Đối bạn bè thân hữu,
Mục đích bị bỏ quên,

Tâm tư bị buộc ràng,
Do thấy sợ hãi này,
Trong giao du mật thiết,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

38. Ai nhớ nghĩ chờ mong,
Đối với **con** và **vợ**,
Người ấy bị buộc ràng,
Như cành tre râm rạp,
Còn các ngọn tre cao,
Nào có gì buộc ràng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

39. ***Như nai trong núi rừng,***
Không gì bị trói buộc,
Tự đi chỗ nó muốn,
Để tìm kiếm thức ăn.
Như các bậc Hiền trí,
Thấy tự do giải thoát,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

40. ***Giữa bạn bè thân hữu,***
Bị gọi lên gọi xuống,
Tại chỗ ở trú xứ,

*Hay trên đường bộ hành.
Thấy tự do giải thoát,
Không có gì tham luyến,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*41. Giữa bạn bè thân hữu,
Ưa thích, vui cười đùa,
Đối với con, với cháu,
Ái luyến thật lớn thay,
Nhàm chán sự hệ lụy,
Với những người thân ái,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*42. Khắp cả bốn phương trời,
Không sân hận với ai,
Tự mình **biết vừa đủ**,
Với vật này vật khác,
Vững chịu các hiểm nguy,
Không run sợ dao động,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*43. Có số người xuất gia,
Chung sống thật khó khăn,
Cũng như các gia chủ,*

Ở tại các cửa nhà,
Sống vô tư vô lự,
Giữa con cháu người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

44. Tì bỏ, để một bên,
Mọi biểu dương gia đình,
Như loại cây san hô,
Tước bỏ mọi lá cây,
Bạc anh hùng cắt đứt,
Mọi trói buộc gia đình.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

45. Nếu tìm được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,
Bạn thiện trú Hiền trí.
Cùng nhau đồng nhiếp phục,
Tất cả mọi hiểm nạn,
**Hãy sống với bạn ấy,
Hoan hỷ, giữ chánh niệm.**

46. Nếu không được bạn lành,
Thận trọng và sáng suốt,
Bạn đồng hành chung sống,

Bạn thiện trú Hiền trí.
Hãy như vua từ bỏ,
Đất nước bị bại vong,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

47. *Thật chúng ta tán thán,
Các bằng hữu chu toàn,
Bác hơn ta, bằng ta,
Nên sống gần thân cận.
Nếu không gặp bạn này.
Những bác không làm lỗi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

48. *Thấy đồ trang sức vàng,
Lấp lánh và sáng chói,
Được con người thợ vàng,
Khéo làm, khéo tay làm,
Hai chúng chạm vào nhau,
Trên hai tay đeo chúng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

49. *Như vậy nếu ta cùng,
Với một người thứ hai,
Tranh luận cãi vã nhau,*

Sân hận, gây hấn nhau,
Nhìn thấy trong tương lai,
Sợ hãi hiểm nguy này,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

50. Các **dục** thật mỹ miều,
Ngọt thơm và đẹp ý,
Dưới hình sắc, phi sắc,
Làm mê loạn tâm tư,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trường dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

51. Đây là một mụn nhọt,
Và cũng là tai họa,
Một tật bệnh, mũi tên,
Là sợ hãi cho ta,
Thấy sự nguy hiểm này,
Trong các **dục trường dưỡng**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

52. Lạnh lẽo và nóng bức,
Đói bụng và khát nước,
Gió thổi, ánh mặt trời.

Muối lặn và rắn rết.
Tất cả xúc chạm này,
Đều chịu đựng vượt qua,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

53. Như con voi to lớn,
Từ bỏ cả bầy đàn,
Thân thể được sanh ra,
To lớn tựa hoa sen,
Tùy theo sự thích thú,
Sống tại chỗ rừng núi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

54. Ai ưa thích hội chúng,
Sự kiện không xảy ra,
Người ấy có thể chứng,
Cảm thọ **thời giải thoát**.
Cân nhắc lời giảng dạy,
Đáng bà con mặt trời,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.

55. Được giải thoát vượt khỏi,
Các tri kiến hý luận,
Đạt được **quyết định tánh**,

*Chứng đắc được con đường.
Nơi ta trí được sanh,
Không cần nhờ người khác,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.*

56. Không tham, không lừa đảo,
Không khát dục, gièm pha,
Mọi si mê ác trược,
Được gạn sạch, quạt sạch.
Trong tất cả thế giới,
Không tham ái ước vọng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

57. Với **bạn bè độc ác**,
Hãy từ bỏ lánh xa,
Bạn không thấy mục đích,
Quen nếp sống quanh co,
Chớ tự mình thân cận,
Kẻ đam mê phóng dật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

58. *Bậc nghe nhiều tri pháp,
Hãy gần gũi người ấy,
Bạn người tâm rộng lớn,*

*Người thông minh biện tài,
Biết điều không nên làm,
Nhiếp phục được nghi hoặc,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*59. Mọi du hí vui đùa,
Và dục lạc ở đời,
Không điểm trang bày biện,
Không ước vọng mong cầu,
Từ bỏ mọi hào nhoáng,
Nói lên lời chân thật,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*60. Với con và với vợ,
Với cha và với mẹ,
Tài sản cùng lúa gạo,
Những trói buộc bà con,
Hãy từ bỏ buộc ràng,
Các dục vọng như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngưu một sừng.*

*61. Chúng đều là trói buộc,
Lạc thú thật nhỏ bé,
Vị ngọt thật ít oi,*

*Khổ đau lại nhiều hơn,
Chúng đều là câu móc,
Bậc trí biết như vậy,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*62. **Hãy chặt đứt, bẻ gãy,
Các kiết sử trói buộc,**
Như các loài thủy tộc,
Phá hoại các mạng lưới.
Như lửa đã cháy xong,
Không còn trở lui lại,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*63. **Vội mắt cúi nhìn xuống,
Chân đi không lưu luyến,
Các căn được hộ trì,
Tâm ý khéo chế ngự.**
Không đầy ứ, rỉ chảy,
Không cháy đỏ bừng lên,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu ru một sừng.*

*64. **Hãy trút bỏ, để lại,
Các biểu tượng gia chủ,
Như loại cây san hô,***

Loại bỏ các hành lá.

Đã đắp áo cà sa,

Xuất gia bỏ thế tục,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

65. ***Không tham đắm các vị,***

Không tác động, không tham,

Không nhờ ai nuôi dưỡng,

Chỉ khát thực từng nhà.

Đối với mọi gia đình,

Tâm không bị trói buộc,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

66. ***Từ bỏ năm triền cái;***

Che đậy trói buộc tâm,

Đối với mọi kiết sử,

Hãy trừ khử, dứt sạch,

Không y cứ nương tựa,

Chặt đứt ái sân hận,

Hãy sống riêng một mình,

Như tê ngu một sừng.

67. ***Hãy xoay lưng trở lại,***

Đối với **lạc** và **khổ**,

Cả đối với **hỷ ưu**,
Được cảm thọ từ trước,
Hãy chứng cho được xả,
An chỉ và thanh tịnh,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

68. Tinh cần và tinh tấn,
Đạt được **lý chân đế**,
Tâm không còn thụ động,
Không còn có biếng nhác,
Kiên trì trong cố gắng,
Dũng lực được sanh khởi,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

69. Không từ bỏ độc cư,
Hạnh viễn ly thiền định,
Thường thường sống hành trì,
Tùy pháp trong các pháp.
Chơn chánh nhận thức rõ,
Nguy hiểm trong **sanh hữu**,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

70. Mong cầu đoạn diệt **ái**,
Sống hạnh không phóng dật,

Không đàn động tâm ngọ,
Nghe nhiều, giữ chánh niệm.
Các pháp được giác sát,
Quyết định, chánh tinh cần.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

71. Như *sư tử* không động,
An tịnh giữa các tiếng,
Như *gió* không vương mắc,
Khi thổi qua màn lưới.
Như *hoa sen* không dính,
Không bị nước thấm ướt,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

72. Giống như con sư tử,
Vội quai hàm hùng mạnh,
Bạc chúa của loài thú,
Sống chinh phục chế ngự.
Hãy sống các trú xứ,
Nhàn tịnh và xa vắng,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

73. *Từ* tâm, sống trú xả,
Bi tâm, hạnh giải thoát,

Sống hành trì thực hiện,
Hỷ tâm, cho đúng thời,
Không chống đối va chạm,
Vội một ai ở đời.
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

74. **Đoạn tận** lòng tham ái,
Sân hận và **si** mê,
Chặt đứt và cắt đoạn,
Các kiết sử lớn nhỏ,
Không có gì sợ hãi,
Khi mạng sống gần chung,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

75. Có những bạn vì lợi,
Thân cận và chung sống,
Những bạn không mưu lợi,
Nay khó tìm ở đời.
Người sáng suốt lợi mình,
Không phải người trong sạch,
Hãy sống riêng một mình,
Như tê ngu một sừng.

727 Tìm cầu - 3 tìm cầu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 359

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 359 (Tik. I, 5) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tâm cầu** này. Thế nào là ba?
Dục tâm cầu, **hữu** tâm cầu, **Phạm hạnh** tâm cầu.
Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các tâm cầu,
Và hiện hữu tâm cầu,
Ở đây, tâm ấy diệt.
Và con đường đến diệt.
Tỷ-kheo do diệt tận,
Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có ước muốn
Được lắng dịu tịch tịnh.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

728 Tìm không được bạn đường, Hơn mình hay bằng mình - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 43

Phẩm Ngu – *Tiểu I*, 43

60. "Đêm dài cho kẻ thức,
Đường dài cho kẻ mệt,
Luân hồi dài, kẻ ngu,
Không biết chơn diệu pháp."

61. "Tìm không được bạn đường,
Hơn mình hay bằng mình,
Thà quyết sống một mình,
Không bè bạn kẻ ngu."

62. "Con tôi, tài sản tôi,
Người ngu sanh ưu não,
Tự ta, ta không có,
Con đâu, tài sản đâu."

63. "Người ngu nghĩ mình ngu,
Nhờ vậy thành có trí.
Người ngu tưởng có trí,
Thật xứng gọi chí ngu."

64. "Người ngu, dầu trọn đời,
Thân cận người có trí,
Không biết được Chánh pháp,
Như muông với vị canh."

65. "Người trí, dầu một khắc,
Thân cận người có trí,
Biết ngay chân diệu pháp,
Như lưỡi với vị canh."

66. "Người ngu si thiếu trí,
Tự ngã thành kẻ thù.
Làm các nghiệp không thiện,
Phải chịu quả đắng cay."

67. "Nghiệp làm không chánh thiện,
Làm rồi sanh ăn năn,
Mặt nhuốm lệ, khóc than,
Lãnh chịu quả dị thực."

68. "Và nghiệp làm chánh thiện,
Làm rồi không ăn năn,
Hoan hỷ, ý đẹp lòng,
Hưởng thọ quả dị thực."

69. "Người ngu nghĩ là ngọt,
Khi ác chưa chín muồi;

Ác nghiệp chín mươi rồi,
Người ngu chịu khổ đau."

70. "Tháng tháng với ngọn cỏ,
Người ngu có ăn uống
Không bằng phần mười sáu
Người hiểu pháp hữu vi."

71. "Nghiệp ác đã được làm,
Như sữa, không đông ngay,
Cháy ngấm theo kẻ ngu,
Như lửa tro che đậy."

72. "Tự nó chịu bất hạnh,
Khi danh đến kẻ ngu.
Vận may bị tổn hại,
Đầu nó bị nát tan."

73. "Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước tử kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người lễ kính."

74. "Mong cả hai tăng, tục,
Nghĩ rằng: “chính ta làm”.
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta"

Người ngu nghĩ như vậy
Dục và **mạn** tăng trưởng.

75. "Khác thay duyên thế lợi,
Khác thay đường Niết Bàn.
Tỷ kheo, đệ tử Phật,
Hãy như vậy thắng tri.
Chớ ưa thích cung kính,
Hãy tu **hạnh viễn ly**."

729 Tình cảm trai gái - Kinh Abhaya – Tiểu III, 106

Abhaya – Tiểu III, 106 (98)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn, được đặt tên là *Abhaya*.

Sau khi nghe đức Phật thuyết pháp, ngài xuất gia. Một hôm, ngài đi khát thực ở trong làng, thấy một nữ nhân ăn mặc rất đẹp đẽ, tâm tư ngài bị dao động, khi trở về tịnh xá, ngài suy nghĩ: "*Thấy một sắc pháp, tâm ta sanh cấu uế, ta đã phạm lỗi lầm*".

Từ bỏ tâm tư ấy, ngài **phát triển thiền quán** và chứng A-la-hán. Rồi ngài nói lên sự sai lầm và sự thức tỉnh của ngài ngang qua bài kệ:

98. *Thấy sắc, mất chánh niệm,
Tác ý tưởng luyến ái,
Tâm cảm thọ say mê,
Đắm trước tưởng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,
Đưa đến gốc sanh hữu.*

730 Tình yêu trai gái - Kinh Uttiya – Tiểu III, 107

Uttiya – Tiểu III, 107 (99)

Ngài tái sinh ở Kapilavatthu, trong thời đức Phật hiện tại, trong một gia đình vương tộc Thích-ca, được đặt tên là Uttiya.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài chứng kiến sức mạnh của đức Phật, khi ngài đến thăm các gia đình bà con của ngài, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Trong thời kỳ tu học, ngài đi vào làng khát thực, nghe một nữ nhân ca hát, **thiền định của ngài bị thôi thất và lòng *dục* khởi lên.** Ché ngự với sức mạnh suy tư, ngài bước vào tịnh xá rất dao động, ngài ngồi thiền định vào buổi trưa, **phát triển thiền quán**, chứng quả A-la-hán.

Rồi ngài nói lên sự giải thoát của ngài khỏi đau khổ sanh tử, nhờ nhàm chán các ***dục*** trong bài kệ sau đây:

99. *Nghe tiếng, mất chánh niệm,
Tác ý **tưởng** luyến ái,
Tâm cảm **thọ** say mê,
Đắm trước tướng an trú,
Các lậu hoặc tăng trưởng,*

Đưa đến nhiệm luân hồi.

731 Tín - 3 tín thành tối thượng - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 416

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 416 (Tik. V, 1) (It. 87)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tín thành tối thượng** này. Thế nào là ba?

Này các Tỷ-kheo, so sánh các chúng sanh, không chân, hai chân, bốn chân hay nhiều chân, có sắc hay không có sắc, có tướng, không có tướng, hay không có tướng không không có tướng. **Như Lai** được xem là tối thượng đối với chúng, tức là bậc A-la-hán, Chánh đẳng Chánh giác. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành với đức Phật, những vị ấy có lòng tín thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tín thành nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.**

Này các Tỷ-kheo, so sánh các pháp hữu vi hay vô vi, **ly tham** được xem là tối thượng đối với họ, tức là kiêu mạn bị nhiếp phục, khát ái bị chế ngự, chấp nhận được nhỏ lên, lưu chuyển bị cắt đứt, ái diệt, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tín thành nơi ly tham, những vị ấy có lòng

tín thành nơi tối thượng. Với những ai có lòng tin nơi tối thượng, quả dị thực là quả tối thượng.

Này các Tỷ-kheo, so sánh Tăng chúng hay hội chúng, **Tăng chúng đệ tử của Như Lai** được xem là **tối thượng**, tức là bốn đôi, tám vị. Chúng đệ tử này của Thế Tôn là đáng cung kính, đáng tôn trọng, đáng cúng dường, đáng chấp tay, là ruộng phước vô thượng ở đời. Này các Tỷ-kheo, những ai có lòng tin thành nơi Tăng chúng, những vị ấy có lòng tin thành nơi tối thượng. **Với những ai có lòng tin thành nơi tối thượng, này các Tỷ-kheo có ba quả dị thực là quả tối thượng.**

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây điều này được nói đến.

*Những ai có lòng tin,
Lòng tin nơi tối thượng,
Chính là sự rõ biết,
Biết Chánh pháp tối thượng.
Những ai có lòng tin,
Nơi **đức Phật** tối thượng,
Bậc Vô thượng xứng đáng,
Xứng đáng được cúng dường.
Những ai có lòng tin,
Nơi **Chánh pháp** tối thượng,
Những **pháp rời bỏ tham**,
An tịnh, thật tịnh lạc.*

Những ai có lòng tin,
Nơi **Tăng chúng tối thượng**.
Những ruộng phước công đức,
Vô thượng không gì hơn.

Những ai đã bố thí,
Với đối tượng tối thượng,
Công đức được tăng trưởng,
Tăng trưởng đến tối thượng.
Tho mạng được tối thượng,
Dung sắc cũng tối thượng,
Danh vọng, tiếng đồn tốt,
An lạc và sức mạnh.

Bậc trí có bố thí,
Bố thí vị tối thượng,
Vị định tĩnh, thiên định,
Trong Chánh pháp tối thượng,
Chư Thiên hay loài Ngươi,
Đạt được sự tối thượng,
Họ sung sướng hân hoan.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

732 Tín - Lòng tin là tài sản tối thắng cho con người - Kinh Alavaka - Tiểu I, 520

Kinh Alavaka – Tiểu I, 520 (Sn 31)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Alavi, tại trú xứ của Dạ-xoa Alavaka. Rồi Dạ-xoa Alavaka đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ hai, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Này Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra:

- Này Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ ba, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi ra.

- Nay Sa-môn, hãy đi vào.

- Lành thay, Hiền giả.

Thế Tôn đi vào.

Lần thứ tư, Dạ-xoa Alavaka nói với Thế Tôn:

- Nay Sa-môn, hãy đi ra.

- **Này Hiền giả, Ta sẽ không đi ra cho Ông. Ông cần gì hãy làm?**

- Nay Sa-môn, ta sẽ hỏi Ngài. Nếu Ngài không trả lời cho ta, ta sẽ làm tâm trí Ngài điên loạn, hay ta sẽ bóp nát quả tim của Ngài, hay nắm chân của Ngài, ta sẽ quăng qua bờ sông bên kia sông Hằng.

- Này Hiền giả, Ta không thấy một ai trong thế giới với chư Thiên, với Ác ma và với Phạm thiên, trong quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn với chư Thiên và loài Người, lại có thể làm tâm Ta điên loạn, hay bóp nát quả tim của Ta, hay nắm chân quăng Ta qua bên kia bờ sông Hằng. Tuy vậy, này Hiền giả, Ông cứ hỏi như ý Ông muốn.

Rồi Dạ-xoa với bài kệ nói với Thế Tôn:

Alavaka:

181. Ở đời, **tài sản** gì,
Tối thắng cho con người?
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Cái gì trong **các vị,**
Là vị ngọt tối thượng?
Nếp sống như thế nào,
Gọi nếp sống tối thắng?

Thế Tôn:

182. Ở đời này, **lòng tin,**
Tối thắng cho con người,
Cái gì khéo thực hành,
Đem lại chơn an lạc?
Chánh pháp khéo thực hiện,
Đem lại chơn an lạc,
Sự thật trong các vị,
Là vị ngọt tối thượng,
Nếp sống với **trí tuệ,**
Là nếp sống tối thắng.

Alavaka:

183. **Thế nào vượt bậc lưu?**
Thế nào vượt biển lớn?

Thế nào vượt qua khổ?
Thế nào thật thanh tịnh?

Thế Tôn:

184. Với **tín**, vượt bậc lưu,
Không phóng dật, vượt biển,
Tinh **tấn**, vượt đau khổ,
Với **tuệ**, được thanh tịnh.

Alavaka:

185. *Thế nào được trí tuệ?*
Thế nào được tài sản?
Thế nào đạt danh xưng?
Thế nào cột bạn hữu?
Đời này qua đời sau,
Thế nào, chết không sầu?

Thế Tôn:

186. Tin tưởng bậc La-hán,
Tin pháp, đạt Niết-bàn,
Khéo nghe, được trí tuệ,
Bậc trí, không phóng dật.

187. **Làm thích đáng trách nhiệm,**

Phần đầu được tài sản,
Với **sự thật** được danh,
Bố thí cột bạn bè.

188. Ai là người gia chủ,
Tin tưởng bốn pháp này,
Sự thật và **Chánh pháp**,
Kiên trì và **bố thí**,
Vị ấy sau khi chết,
Nhất định không sầu muộn.

189. Hãy hỏi các vị khác,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nếu có pháp nào khác,
Ở đời, lại thắng hơn,
Sự thật và **niếp phục**,
Bố thí và **kham nhẫn**?

Alavaka:

190. Sao nay con rộng hỏi,
Sa-môn, Bà-la-môn,
Nay con được rõ biết,
Hiện, vị lai hạnh phúc.

191. Vì hạnh phúc cho con,
Mong rằng bậc Giác Ngộ,

*Hãy đi đến an trú,
Tại xứ Alavi.
Nay con đã rõ biết.
Chỗ nào thí, quả lớn.*

192. Con sẽ đi bộ hành,
Làng này qua làng khác,
Thành này qua thành khác,
Đảnh lễ bậc Giác Ngộ,
Đảnh lễ thiên pháp tánh
Của Chánh pháp vi diệu.

733 Tín là hột giống - Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng - Tiểu I, 484

Kinh Bhàradvāja Người Cày Ruộng – *Tiểu I*, 484

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Magadha, tại núi Dakkhinàgini, trong một làng Bà-la-môn tên Ekanàlà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Kasibhàradvāja có khoảng năm trăm lưỡi cày sẵn sàng, vì là thời gieo mạ. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi đến chỗ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang làm việc. Lúc bấy giờ Bà-la-môn Kasibhàradvāja đang phân phát đồ ăn. Rồi Thế Tôn đi đến chỗ phân phát đồ ăn, sau khi đến, Ngài đứng một bên, Bà-la-môn Kasibhàradvāja thấy Thế Tôn đang đứng một bên đề khát thực, liền nói với Thế Tôn:

- *Này Sa-môn, ta cày và ta gieo, sau khi cày, sau khi gieo, ta ăn. Và Sa-môn, hãy cày và gieo. Sau khi cày và gieo, hãy ăn!*

- *Này Bà-la-môn, Ta cũng cày và cũng gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn.*

- Nhưng chúng tôi không thấy cái ách, hay cái cày, hay lưỡi cày, hay gậy thúc trâu bò, hay các con bò đực của Tôn giả Gotama. Vậy mà Tôn giả Gotama

nói: "Này Bà-la-môn, Ta có cày và Ta có gieo. Sau khi cày và sau khi gieo, Ta ăn".

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja nói lên với Thế Tôn bài kệ:

Bhàradvàja:

76. *Người tự nhận Người cày,
Ta không thấy Người cày,
Hãy trả lời chúng tôi,
Đã hỏi về Người cày,
Chúng tôi muốn rõ biết,
Người cày như thế nào?*

Thế Tôn:

77. **Lòng tin** là **hột giống**,
Khổ hạnh là **cơn mưa**,
Trí tuệ đối với Ta
Là **ách** và **lưỡi** cày,
Xấu hổ là **cán cày**,
Ý là **sợi dây buộc**,
Và **niệm** đối với Ta
Là **lưỡi cày**, **gậy thúc**.

78. Với **thân** khéo phòng hộ,
Với **lời** khéo phòng hộ,
Với món **ăn** trong bụng,
Biết **tiết độ**, chế ngự,

*Ta tác thành chơn thực,
Để cắt dọn cỏ rác,
Sự giải thoát của Ta,
Thật hiền lành nhu thuận.*

79. Với tình cần tinh **tấn**,
Ta gánh chịu trách nhiệm,
Ta tự mình đem lại,
An ổn khỏi khổ ách.
Như vậy, Ta đi tới,
Không trở ngại thối lui,
Chỗ nào Ta đi tới,
Chỗ ấy không sâu muộn.

80. *Cày bừa là như vậy,
Được quả là **bất tử**,
Sau cày bừa như vậy,
Mọi **khổ** được giải thoát.*

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvāja lấy một bát bằng đồng lớn, cho đồ đầy với cháo sữa dâng đức Phật và thưa:

- *Thưa Tôn giả Gotama, hãy dùng cháo sữa, Tôn giả là người đi cày! Tôn giả Gotama đi cày quả bất tử!*

Thế Tôn:

81. *Ta **không** hưởng vật dụng,*

Do tụng kệ đem lại,
Đây không phải là pháp,
Của bậc có chánh kiến,
Chư Phật đều bác bỏ,
Tụng hát các bài kệ,
Khi pháp có hiện hữu,
Truyền thống là như vậy.

82. Hỡi này Bà-la-môn,
Người cần phải cúng dường,
Đồ ăn, vật uống khác,
Bậc đại sĩ toàn diện,
Đã đoạn các lậu hoặc,
Đã lắng dịu dao động,
Ta chính là thừa ruồng,
Cho những ai cầu phước.

- Vậy, thưa Tôn giả Gotama, con sẽ cho ai cháo sữa này?

- Này Bà-la-môn, Ta không thấy ai ở thế giới, với chư Thiên, chư Ma, chư Phạm thiên, hay trên đời này với quần chúng Sa-môn, Bà-la-môn, với chư Thiên và loài Người, có thể sau khi ăn, tiêu hóa được món cháo sữa này, trừ Như Lai hay đệ tử của Như Lai. Vậy, này Bà-la-môn, Ông hãy đổ cháo sữa này trên chỗ không có cỏ xanh, hay nhận chìm trong nước không có sinh vật.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja đem nhận chìm cháo sữa ấy vào nước không có sinh vật. Cháo sữa ấy khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Ví như một lưỡi cày, phơi cả ngày dưới ánh nắng, được đem quăng xuống nước, lưỡi cày ấy sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Cũng vậy, cháo sữa ấy, khi bị đổ xuống nước, nó sôi lên, sôi lên sùng sục, nó phun khói, nó bốc khói lên. Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja hoảng hốt, rợn tóc gáy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, cúi đầu đánh lễ chân Thế Tôn, và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Ví như, thưa Tôn giả Gotama, một người dừng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, mở toang ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ đi lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối, để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày. Con xin qui y Tôn giả Gotama, qui y Pháp, qui y chúng Tỷ-kheo. Mong rằng con được xuất gia với Tôn giả Gotama, được thọ đại giới.

Rồi Bà-la-môn Kasibhàradvàja được xuất gia với Samôn Gotama, được thọ đại giới. Thọ đại giới không bao lâu, Tôn giả Bhàradvàja sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần. Không bao lâu,

do vì mục đích gì, bậc thiên nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí, chứng ngộ, chứng đạt và an trú cứu cánh Phạm hạnh ấy. Vị ấy thắng tri: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những việc nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa". ***Tôn giả Bhàradvāja trở thành một vị A-la-hán.***

734 Tín tâm, sống giới hạnh, Đủ danh xưng tài sản - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 89

Phẩm Tạp Lục – *Tiểu I*, 89

290. Nhờ từ bỏ **lạc nhỏ**,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn.

291. Gieo khổ đau cho người,
Mong cầu lạc cho mình,
Bị hận thù buộc ràng,
Không sao thoát hận thù.

292. Việc đáng làm, không làm,
Không đáng làm, lại làm,
Người ngạo mạn, phóng dật,
Lậu hoặc ắt tăng trưởng.

293. Người siêng năng cần mẫn,
Thường thường quán **thân niệm**,
Không làm việc không đáng,
Gắng làm việc đáng làm,
Người **tư niệm giác tỉnh**,

Lậu hoặc được tiêu trừ.

294. Sau khi giết mẹ cha,
Giết hai Vua Sát ly,
Giết vương quốc, quần thần,
Vô ưu, Phạm chí sống.

295. Sau khi giết mẹ cha,
Hai vua Bà-la-môn,
Giết hỏ tướng thứ năm,
Vô ưu, Phạm chí sống.

296. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Phật Đà thường niệm.

297. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Chánh Pháp thường niệm.

298. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng Tăng Già thường niệm.

299. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tướng sắc thân thường niệm.

300. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui niềm bất hại.

301. Đệ tử Gotama,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Ý vui tu thiền quán.

302. Vui hạnh xuất gia, khó,
Tại gia sinh hoạt, khó,
Sống bạn không đồng, khổ,
Trôi lăn luân hồi, khổ,
Vậy chớ sống **luân hồi**,
Chớ chạy theo đau khổ.

303. Tín tâm, sống giới hạnh,
Đủ danh xưng tài sản,
Chỗ nào người ấy đến,
Chỗ ấy được cung kính.

304. Người lành dầu ở xa
Sáng tỏ như núi tuyết,
Người ác dầu ở gần,
Như tên bắn đêm đen.

305. Ai ngồi nằm một mình.
Độc hành, không buồn chán,
Tự điều phục một mình,
Sống thoải mái rừng sâu.

735 Tóc - Hãy cạo tóc cho ta, Người cạo tóc đã đến - Kinh Vitàsoka – Tiểu III, 156

Vitàsoka – Tiểu III, 156 (145)

Trong thời đức Phật hiện tại, vào năm thứ 218, là em trai vua Dhammàsoka (A-dục), được đặt tên là Vitàsoka.

Đến tuổi trưởng thành, ngài thành tựu những đức tánh thích hợp với tuổi trẻ hoàng tộc. Rồi ngài trở thành đệ tử của Trưởng lão Giridatta và thông hiểu về Kinh tạng và Luận tạng A-tỳ-đàm.

Một hôm, khi ngài đang cắt tóc, ngài lấy gương soi, thấy một vài sợi tóc bạc. Bị dao động mạnh, ngài phát triển thiền quán, với sự nỗ lực cố gắng thiền định, khi ngài đang ngồi, ngài chứng quả Dự lưu. Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của Giridatta, không bao lâu ngài chứng quả A-la-hán. Ngài tuyên bố chánh trí của ngài với bài kệ:

169. *Hãy cạo tóc cho ta,
Người cạo tóc đã đến,
Ta cầm lấy cái gương,
Quan sát thân thể ta.*

170. *Thân được thấy trống rỗng,*

*Chìm tối trong đêm đen,
Mọi vải quần chặt đứt,
Nay không còn tái sanh.*

736 Tóc - Quán tánh bất tịnh của thân xác - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – Tiểu III, 716 (73)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantavati con gái vua Konca và được đặt tên là Sumedhà.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vāranavati xem mắt nàng. Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tinh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bổn phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.*

Khi nàng ở trong đình Sơ thiên cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,
Cả hai, hãy nghe con!".*

450. **Con hân hoan Niết-bàn,
Dầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,
Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,**

**Không biết lo học hỏi,
Không giác tri *Thánh đế*.**

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,
Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhàn hạ,

Nỗ lực đoạn sanh tử.

*458. Sao con ưa tái sanh,
Vội thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.*

*459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.*

*460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.*

*461. Mẹ sầu khổ, khóc than!
Cha hoàn toàn sửng sốt,
Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

462. *Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

463. *Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

464. *Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

465. *Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,
Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,*

Con chỉ cười như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đờ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,*

*Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

*471. Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

*472. Chính do uẩn, xứ, giới,
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?*

*473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dẫu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.*

*474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,
Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,*

Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Ngạ quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,**
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thông dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

478. **Thưa cha ngày hôm nay,**
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,
Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,

Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Vội lời nói như vậy.

Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Vội gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tướng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,
Vội tiền của, uy quyền,
Vội tài sản, hạnh phúc,

Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, tình vẫn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khắp mười phương đầy tràn,
Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví guơm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gặm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như guơm, như cọc,
Bệnh tật và cục bứu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chứng ngại pháp,

*Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.*

*492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!*

*493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lòng,
Thưa mọi người như sau:*

*494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.*

*495. **Hãy nhớ từ vô thủy,**
Nước mắt, sữa và máu,*

*Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

*496. Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

*497. Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hột táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

*498. Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghè bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

*499. Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,
Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,*

Được làm người khó vậy.

500. *Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.*

501. *Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường lòng,
Hãy nhớ Bốn sự thật.*

502. *Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.*

503. *Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nào!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.*

504. *Đây không có kẻ thù!
Sao thích dục thù địch?
Vua lửa, trộm, nước, oán,*

Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nấm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chớ** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chớ như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chớ để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,
Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dực bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phổi.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trối buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chủ tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Vời tóc quăng trên đất.

513. Đứng dậy A-ni-ka,
Chấp tay xin cha nàng,
Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,

**Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.**

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sâu, sợ, khiếp đảm,
Sáu tháng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konagamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,
Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

737 Tôi - Chấp tôi - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 176* (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thâm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. *Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
*Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.*

738 Tôi là - Mọi tư tưởng Tôi là, Tất cả phải chấm dứt - Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng - Tiểu I, 744

Kinh Tuvataka Con Đường Mau Chóng – *Tiểu I, 744*

Người hỏi:

915. *Con hỏi bậc Đại tiên,
Bậc bà con mặt trời,
Con đường đến viễn ly,
Con đường đến an tịnh,
Tỷ-kheo sau khi thấy,
Làm thế nào mát lạnh,
Không có sự chấp thủ,
Một vật gì ở đời?*

Thế Tôn:

916. *Thế Tôn đáp như sau:
**Hãy chặt đứt hoàn toàn,
Gốc rễ các hý luận,
Mọi tư tưởng "tôi là",
Tất cả phải chấm dứt,
Phàm có nội ái nào,
Sau khi nhiếp phục chúng,***

Thường chánh niệm học tập.

917. Phàm có loại pháp gì,
Được thắng tri hoàn toàn,
Hoặc thuộc về nội pháp,
Hay thuộc về ngoại pháp,
Chớ có làm kiên trì,
Bất cứ một pháp nào,
Trạng thái ấy không gọi,
Sự mát lạnh của tịnh.

918. Chớ có nghĩ như sau:
Cái kia là tốt hơn,
Đây là hạ liệt hơn,
Hay đây là ngang bằng,
Do phải bị xúc chạm,
Với các sắc sai biệt,
Hãy chớ để tự mình,
An trú trên vọng tưởng.

919. Hãy giữ được an tịnh,
Về phía tự nội tâm,
Ty-kheo không cầu tìm,
An tịnh từ chỗ khác,
Với người được an tịnh,
Từ phía tự nội tâm,
Đã không có tự ngã,

Từ đâu có vô ngã.

920. *Như chính giữa trung ương,
Của biển cả đại dương,
Sóng biển không có sanh,
Biển hoàn toàn đứng lặng,
Cũng vậy, này Tỷ-kheo,
Hãy đứng lặng không động,
Không tạo nên bông bột,
Đối sự gì ở đời.*

Người hỏi:

921. *Vị có **mắt rộng mở,**
Đã tuyên bố rõ ràng,
Pháp có thể chế ngự,
Mọi nguy hiểm khó khăn,
Bậc Hiền thiện **mong Ngài,**
Tuyên bố rõ con đường,
Hay về **biệt giải thoát,**
Hoặc về **pháp thiên đình?***

Thế Tôn:

922. ***Chớ có những con mắt,**
Đầy đầy những tham đắm!
Hãy chận đứng lỗ tai,*

*Nghe câu chuyện của làng.
Lại chớ nên đắm say,
Các mùi vị ngon lành,
Chớ xem là của ta,
Mọi sự vật ở đời!*

923. *Trong khi được cảm giác,
Với các loại cảm xúc,
Tỷ-kheo không than van,
Bất cứ một điều gì.
Vị ấy không cầu mong,
Dầu loại sanh hữu nào,
Và không có run sợ,
Rơi vào các kinh hoàng.*

924. *Các đồ ăn thô được,
Cùng với các đồ uống,
Các món ăn nhai được,
Các đồ vải mặc được,
Chớ có cất chứa chúng,
Những đồ vật nhân được,
Chớ có quá lo âu,
Nếu không thô được chúng.*

925. *Hãy tu tập thiền **định**,
Chớ làm kẻ lang thang,
Chớ ưa thích trạo cử,*

Đừng rơi vào phóng dật,
Đối với các chỗ ngồi,
Cùng với các chỗ nằm,
Tỷ-kheo hãy an trú,
Những chỗ không tiếng động.

926. **Ngủ** *ngỉ có chừng mực,*
Chớ có ngủ quá nhiều,
Hãy luôn luôn tỉnh thức,
Nỗ lực và nhiệt tâm,
Hãy từ bỏ biếng nhác,
Man trá, cười, chơi đùa,
Hãy từ bỏ dâm dục,
Bỏ ưa thích trang điểm.

927. **Chớ có dùng** **bùa chú,**
A-thar-va Vệ-đà,
Chớ tổ chức đoán mộng,
Coi tướng và xem sao,
Mong rằng đệ tử Ta,
Không đoán tiếng thú kêu,
Không chữa bệnh không sanh,
Không hành nghề lang băm.

928. *Tỷ-kheo không run sợ,*
Khi bị người chỉ trích,
Cũng không có cống cao,

*Khi được khen tán thán,
Hãy từ bỏ tham ái,
Cùng với tánh xan tham,
Kể luôn cả phần nộ,
Cùng với nói hai lưỡi.*

929. Tỷ-kheo không an trú,
Trong nghề nghiệp bán buôn,
Lại không có chỉ trích,
Bất cứ tại chỗ nào,
Khi ở tại thôn làng,
Không tức giận một ai,
*Chớ có vì lợi dưỡng,
Nói chuyện với quần chúng.*

930. Tỷ-kheo không nên nói,
Khoa trương quá mức độ,
Và cũng không nói lời,
Có dụng ý lợi dưỡng.
Chớ có học tập theo,
Lối sỗ sàng trâng tráo,
Chớ có thốt ra lời,
Khiêu khích xung đột ai!

931. Chớ có bị dắt dẫn,
Rơi vào lời nói láo,
Không cố ý làm nên,

Điều man trá giả dối,
Chớ có khinh người khác,
Về vấn đề sinh mạng,
Về vấn đề trí tuệ,
Và vấn đề giới hạnh.

932. Sau khi phần uất nghe,
Nhiều ngôn từ lời lẽ,
Của các vị Sa-môn,
Hay những kẻ phàm phu,
Chớ có phản ứng họ,
Với những lời thô ác,
Bậc hiền lành an tịnh,
Không phản pháo một ai.

933. Sau khi rõ biết được,
Pháp này là như vậy,
Tỷ-kheo hãy học tập,
Sáng suốt và chánh niệm,
Rõ biết sự mát lạnh,
Được gọi bậc "an tịnh",
Chớ có sống phóng dật,
Trong lời dạy Cù-đàm.

934. Bậc đã được chiến thắng,
Không ai chiến thắng nổi
Tự mình thấy được pháp,

*Không nghe theo tin đồn,
Do vậy **hãy học tập,**
Luôn luôn không phóng dật,
Với **tâm tư cung kính,**
Lời dạy đức Thế Tôn,
Thế Tôn nói như vậy.*

739 Tôn giả Ananda - Việc làm lăng xăng này, Có nghĩa gì cho ông - Kinh Vajji Putta – Tiểu III, 124

Vajji Putta – Tiểu III, 124 (119)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh làm con một vị vua Licchaivì ở Vesàli, và được gọi là con của Vajji, vì phụ thân thuộc về dòng họ này.

Khi còn trẻ, thiên về huấn luyện voi, thúc đẩy bởi nhân duyên chín muồi để giải thoát, ngài đi đến tinh xá đúng lúc bậc Đạo Sư thuyết giảng, sau khi nghe, ngài xuất gia, sau một thời gian chứng **sáu thắng trí**.

Sau một thời gian, sau khi bậc Đạo Sư vừa nhập Niết-bàn, ngài cùng với các bậc Trưởng lão thỏa thuận cố gắng duy trì Chánh pháp không có suy suyển, và cùng với các vị Trưởng lão đi từ chỗ này đến chỗ kia.

Một hôm ngài thấy Tôn giả Ananda đang thuyết pháp cho một số đông người, **để khích lệ Tôn giả Ananda chứng quả cao hơn**, ngài nói lên bài kệ này:

*119. Hãy đi đến khu rừng,
Rậm rạp những rễ cây,
Hãy để cho Niết-bàn,*

*Chìm sâu vào tâm người,
Hỡi này Go-ta-ma!
Hãy tu tập thiền định,
Việc làm lãng xãng này,
Có nghĩa gì cho ông.*

740 Tôn giả Mahakassapa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 166

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 166 (Ud 29)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Mahakassapa, trú ở hang Pippali, ngồi một thế ngồi kiết-già trong bảy ngày, sau khi nhập vào một loại thiền định. Rồi Tôn giả Mahakassapa, sau bảy ngày, xuất khỏi định ấy, Tôn giả Mahakassapa, sau khi xuất khỏi định ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Ràjagaha để khát thực!". Lúc bấy giờ năm trăm chư Thiên đang cố gắng lo cho Tôn giả Mahakassapa được đồ ăn khát thực. Rồi Tôn giả Mahakassapa sau khi khước từ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng đắp y, cầm y bát, vào Ràjagaha để khát thực.

Lúc bấy giờ, Thiên chủ Sakka muốn cúng dường đồ ăn khát thực cho Tôn giả Mahakassapa, hóa thân làm người thợ dệt đang dệt chỉ Sujàta, thiếu nữ Asura đang làm cho đầy cái thoi. Rồi Tôn giả Mahakassapa, sau khi đi từng nhà khát thực ở Ràjagaha, đi đến trú xứ của Thiên chủ Sakka. Thiên chủ Sakka thấy Tôn giả Mahakassapa từ xa đi đến, sau khi thấy, liền ra

khỏi nhà, tiếp đón, lấy bát từ nơi tay cầm đem vào nhà, bới cơm từ nơi nồi, đựng đầy bát và đưa lại cho Tôn giả Mahakassapa. Đồ ăn khát thực ấy gồm có nhiều loại canh, nhiều loại món ăn, nhiều loại gia vị, món ăn trộn lẫn với nhau.

Rồi Tôn giả Mahakassapa suy nghĩ: "Ai là chúng sanh này, lại có thần lực uy lực như vậy?" Rồi Tôn giả Mahakassapa suy nghĩ: "Chính là Thiên chủ Sakka", sau khi biết vậy, nói với Thiên chủ Sakka:

- "Này Kosiya, chính Ông đã làm sự việc này. Chớ làm như vậy nữa!"

- Thưa Tôn giả Kassapa, **mục đích của chúng tôi là được phước**. Điều chúng tôi cần làm là được phước.

Rồi Thiên chủ Sakka, sau khi đánh lễ Tôn giả Mahakassapa, thân phía hữu hướng về Ngài, bay lên trên hư không, và ở giữa hư không nói lên ba lần cảm hứng: "Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!"

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân nghe giữa hư không Thiên chủ Sakka nói lên ba lần lời cảm hứng: "Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa! Ôi, bố thí tôi thượng là bố thí khéo an trú vào Kassapa!"

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Vị Tỷ-kheo khát thực,
Tự sống không nhờ người,
Chư Thiên thương vị ấy,
Thường an tịnh chánh niệm.*

741 Tôn giả Mahà Moggallàna - 8 vi diệu trong đạo Phật - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 208

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 208 (Ud 51)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Dubbarà, trong lâu mệ của Migàra. Lúc bấy giờ Thế Tôn, vào ngày trai giới đang ngồi có chúng Tỷ-kheo đoanh vây.

Rồi Tôn giả Ananda, sau khi đêm đã gần mãn, canh một sắp qua, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, và Bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh một đã sắp qua, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

Khi được nói vậy, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh giữa đã sắp qua. Chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

Lần thứ hai, Thế Tôn giữ im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Ananda, khi đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng đêm đã nở nụ cười, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay hướng đến rồi bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đêm đã gần mãn, canh cuối đã sắp qua, rạng đông đã ló dạng, đêm đã nở nụ cười, chúng Tỷ-kheo ngồi đã lâu. "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giới Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo".

- **Này Ananda, hội chúng không thanh tịnh.**

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna suy nghĩ: "Vì người nào mà Thế Tôn nói: 'Này Ananda, hội chúng này không thanh tịnh?'"

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna với tâm của mình tác ý đến tâm toàn thể chúng Tỷ-kheo. Tôn giả Mahà Moggallàna thấy một người ác giới, theo ác pháp, không thanh tịnh, sở hành đáng nghi ngờ, hành động được che đậy, không phải Sa-môn tự xưng là Sa-môn, không theo Phạm hạnh tự xưng là Phạm hạnh, nội tâm hủ hóa, đầy ứ dục vọng, một đồng rác ô uế đang ngồi giữa chúng Tỷ-kheo, thấy vậy từ chỗ ngồi đứng dậy, đi đến người ấy, sau khi đến nói với người ấy:

- **Hiền giả hãy đứng dậy, Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.**

Người ấy giữ im lặng. Lần thứ hai, Tôn giả Moggallàna nói với người ấy:

- Hiền giả hãy đứng dậy. Thế Tôn đã thấy Hiền giả. Hiền giả không được cộng trú với chúng Tỷ-kheo.

Lần thứ hai, người ấy im lặng. Lần thứ ba, Tôn giả Mahà Moggallàna. Lần thứ ba, Hiền giả ấy im lặng.

Rồi Tôn giả Mahà Moggallàna nắm tay người ấy, dắt tay khỏi ngoài cửa, gài then cửa lại, rồi đi đến Thế Tôn, sau khi đến, bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Hiền giả ấy đã bị con đuổi ra rồi. Hội chúng nay thanh tịnh. Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thuyết giảng giới bốn Pàtimokkha cho chúng Tỷ-kheo.

- Thật vi diệu thay, Moggallàna! Thật hy hữu thay, Moggallàna! Cho đến khi bị cầm tay, người ngu si mới đi ra.

Rồi Thế Tôn bảo các Tỷ-kheo:

- Nay các Tỷ-kheo, bắt đầu từ nay Ta sẽ không làm Uposastha nữa, Ta sẽ không tụng đọc giới bốn Pàtimokkha nữa. Bắt đầu từ nay, các Thầy hãy làm Uposastha, các Thầy hãy tụng đọc giới bốn. Sự kiện không có được, này các Tỷ-kheo, cơ hội không có được là Như Lai có thể làm Uposastha với hội chúng không thanh tịnh, có thể đọc giới bốn.

Này các Tỷ-kheo, **biển lớn có tám pháp vi diệu** hy hữu này, do thấy chúng như vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Thế nào là tám?

- Này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự xuôi, tuần tự thuận hướng**, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn tuần tự thuận xuôi, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lỉnh như một vực thẳm. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ nhất**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ, không có vượt qua bờ**. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn đứng một chỗ, không có vượt qua bờ. Này các Tỷ-kheo, đây là sự vi diệu chưa từng có **thứ hai**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn không có chứa chấp xác chết. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng lên bờ hay vớt lên đất liền. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có **thứ ba**. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền **bỏ tên họ cũ**, trở thành biển lớn. Vì rằng phàm có con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciravati, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển liền bỏ tên họ cũ, trở thành biển lớn. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng **không** vì vậy biển lớn được thấy **có giảm tăng**. Này các Tỷ-kheo vì rằng, phàm có dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn được thấy có giảm tăng. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là **vị mặn**. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu, chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.
- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đáy có những châu

báu này như trân châu, ma ni châu, lưu ly, xa-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xa-cừ, ngọc bích, san hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã não. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

- Lại nữa, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loài sinh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các sanh vật lớn. Tại đây có những sinh vật này như các con timi, timingalà, timiramingalà. Những loại A-tu-la, các loại Nàgà, các loại Gandhabhà. Trong biển lớn có các loại hữu tình dài một trăm do-tuần, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, các A-tu-la thích thú biển lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có tám pháp, vi diệu chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy

chúng, thấy chúng, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Thế nào là tám?

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **tuần tự thuận xuôi**, tuần tự thuận hướng, tuần tự sâu dần, không có thành lồi như một vực thẳm. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí, thành lồi. Này Paharada, vì rằng trong Pháp và Luật này, các học pháp là tuần tự, các quả dị thực là tuần tự, các con đường là tuần tự, không có sự thể nhập chánh trí thành lồi. Này các Tỷ-kheo, đây là vi diệu chưa từng có thứ nhứt. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **đứng một chỗ không có vượt qua bờ**. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ-kheo, vì rằng các học pháp được Ta sửa soạn cho các đệ tử, các đệ tử của Ta, dầu cho vì nhân sinh mạng, cũng không vượt qua. Này các Tỷ kheo trong Pháp và Luật này, đây là Pháp vi diệu chưa từng có thứ hai. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú, trong Pháp và Luật này.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn **không có chứa chấp xác chết**. Nếu có xác chết trong biển lớn, lập tức bị quăng trên bờ hay vớt lên đất liền. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, **người nào là ác giới**, theo ác pháp, sở hành bất tinh đáng nghi ngờ, có những hành vi che đậy, không phải là Sa-môn nhưng tự nhận là Sa-môn, không sống Phạm hạnh nhưng tự nhận là có Phạm hạnh, nội tâm hôi hám, ứ đầy tham dục, tánh tình bất định. Chúng Tăng **không** sống chung với người ấy, lập tức hội họp lại và **đuổi người ấy ra khỏi**. Dầu cho người ấy có ngồi giữa chúng Tỷ-kheo tăng, nhưng người ấy sống xa chúng Tăng và chúng Tăng sống xa người ấy. Vì rằng, này các Tỷ-kheo, người ấy là ác giới, theo ác pháp... tánh tình bất định... và chúng Tăng sống xa vị ấy. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ ba. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, phàm có các con sông lớn nào, ví như sông Hằng, sông Yamunà, sông Aciracati, sông Sarabhù, sông Mahi, các con sông ấy khi chảy đến biển, **liền bỏ tên họ trước**, trở thành biển lớn. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, có bốn giai cấp này: Sát-đế-lị, Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà, sau khi từ bỏ gia đình, sống không gia đình, xuất gia trong Pháp và Luật được Như Lai

tuyên bố sau này, chúng **từ bỏ tên và họ** của chúng từ trước, và chúng trở thành những Sa-môn Thích tử. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tư. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.

- Ví như, nay các Tỷ kheo, phàm có những dòng nước gì ở đời chảy vào biển lớn, phàm có những nước mưa từ trời rơi xuống, nhưng không vì vậy mà biển lớn có giảm tăng. Cũng vậy nay các Tỷ Kheo, nếu có những vị Tỷ kheo nhập vào Niết-Bàn giới, không có dư y, Niết-bàn giới cũng **không** vì vậy được thấy **có giảm tăng**. Nay các Tỷ Kheo, nếu có nhiều vị Tỷ kheo nhập vào Niết Bàn giới không có dư y, Niết bàn giới cũng không vì vậy, được thấy có giảm tăng. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ năm. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và luật này.
- Ví như, nay các Tỷ-kheo, biển lớn chỉ có một vị là vị mẫn. Cũng vậy, nay các Tỷ-kheo, pháp này cũng chỉ có một vị là **vị giải thoát**. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ sáu. Do thấy vậy, thấy vậy, Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn có nhiều châu báu, ở đây có những châu báu này, như trân châu, ma-ni châu, lưu-ly, xà-cừ, ngọc bích, san-hô, bạc, vàng, ngọc đỏ, mã-nã. Cũng vậy này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này có **nhiều châu báu**, nhiều loại châu báu, ở đây có những loại châu báu này, như **Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy giác chi, Thánh đạo tám ngành**. Này các Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này có nhiều châu báu này như Bốn niệm xứ... Thánh đạo tám ngành. Này các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là vi diệu chưa từng có thứ bảy. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.
- Ví như, này các Tỷ-kheo, biển lớn là trú xứ các loại sinh vật lớn, tại đây có những sinh vật như các con timi, timigalà, timiramingalà, những loại Asurà, các loài Nàgà, các loài Gandhabbà. Trong biển lớn có các loài hữu tình dài một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm do-tuần. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Pháp và Luật này là trú xứ của các loại **sinh vật lớn**. Ở đây có những sinh vật này. Bậc Dự lưu, bậc đang hướng đến chứng ngộ Dự lưu quả; bậc Nhất lai, bậc đang hướng đến chứng Nhất lai quả; bậc Bất lai, bậc đang hướng đến chứng Bất lai quả; bậc A-la-hán, bậc đang hướng đến chứng ngộ quả A-la-hán. Này các

Tỷ-kheo, vì rằng Pháp và Luật này là trú xứ của các sinh vật lớn. Ở đây có những sinh vật này... quả A-la-hán. Nay các Tỷ-kheo, trong Pháp và Luật này, đây là pháp vi diệu chưa từng có thứ tám. Do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Này các Tỷ-kheo, đây là tám pháp vi diệu, chưa từng có trong Pháp và Luật này, do thấy vậy, thấy vậy, các Tỷ-kheo thích thú trong Pháp và Luật này.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong khi ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

*5. Che kín, trời có mưa,
Mở rộng, trời không mưa,
Do vậy, hãy mở rộng
Cái gì bị che kín,
Như vậy sẽ không mưa.*

742 Tôn giả Mahà Moggallàna - Thấy bạn bị đánh trên đầu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 186 (Ud 39)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, đang nhập định. Có hai Dạ-xoa là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sàriputta trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực" Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với

vị Sa-môn! Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Đây bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn. Đây bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả Sàriputta. Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khữ tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahà Moggallàna với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sàriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Đây Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Hiền giả Moggallàna, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Hiền giả Sàriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở

đây, thừa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao, hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả Sàriputta đã nói như sau: "*Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!*"

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallàna! Thật hy hữu thay Hiền giả Moggallàna! Có đại thần lực là tôn giả Mahà Moggallàna, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy. Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Tâm ai như tảng đá,
An trú không dao động,
Không tham vật khả ái,
Đáng phần nộ, không sân,
Tâm ai tu như vậy,
Từ đâu khổ đến được?*

743 Tôn giả Mahà Moggallàna - Xuất gia bảy ngày chứng quả - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – *Tiểu III, 444* (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tình trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uống phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uống phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

744 Tôn giả Mahākassapa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 121

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 121 (Ud 4)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Vương Xá, tại Trúc lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ *Tôn giả Mahākassapa* trú ở hang Pippali, đang bị bệnh rất khổ đau, bệnh trầm trọng. Rồi Tôn giả Mahākassapa sau một thời gian, thoát khỏi bệnh ấy. Rồi Tôn giả Mahākassapa thoát khỏi bệnh ấy, suy nghĩ như sau: "Ta hãy đi vào Vương Xá để khát thực". Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nhân, đang cố gắng sửa soạn để Tôn giả Mahākassapa nhận được đồ ăn khát thực. Nhưng Tôn giả Mahākassapa gạt bỏ năm trăm Thiên nhân ấy, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Vương Xá để khát thực, đi ngang những con đường những con người nghèo, con đường những người ăn xin, con đường những người thợ dệt.

Rồi Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

6. *Ai sống không nhờ người,
Không được người biết đến,
Sống tự mình chế ngự,*

*An trú trên lối cây,
Các lậu hoặc đã đoạn,
Sân hận được trừ diệt,
Vị ấy được Ta gọi,
Là vị Bà-la-môn.*

745 Tôn giả Meghiya - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 176 (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thăm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

1. *Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
*Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.*

746 Tôn giả Nanda - Năm trăm Thiên nữ - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 152

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 152 (Ud 21)

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàhapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: *"Này các Hiền giả, tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, tôi không chịu nổi đời sống Phạm hạnh; sau khi bỏ học tập, tôi sẽ hoàn tục!"* Một Tỷ-kheo khác đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, vị Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda, em của Thế Tôn, con của người dì, nói như sau: "... Tôi sẽ hoàn tục". Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Này Tỷ-kheo, hãy đi và nhân danh Ta bảo Tỷ-kheo Nanda: "Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả".

- Thừa vâng, Bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Nanda, sau khi đến nói với Tôn giả Nanda:

- Hiền giả Nanda, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Nanda vâng đáp vị Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn; sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Nanda đang ngồi một bên:

- Có thật chăng này Nanda, Thầy nói như sau với nhiều Tỷ-kheo: "Này các Hiền giả tôi sống Phạm hạnh không có hoan hỷ... tôi sẽ hoàn tục!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- Nhưng này, không hoan hỷ cái gì, Thầy sống Phạm hạnh, khiến Thầy không chịu nổi sống Phạm hạnh, từ bỏ học tập, Thầy sẽ hoàn tục?

- Bạch Thế Tôn, khi con từ bỏ gia đình, một Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, với tóc chải mới nửa phần, ngó nhìn con và nói: "Quý tử hãy về gấp!" Bạch Thế Tôn, vì con không thể quên nàng, nên con sống Phạm hạnh không có hoan hỷ, con không có thể chịu nổi đời sống Phạm hạnh, sau khi từ bỏ học tập, con sẽ hoàn tục".

Rồi Thế Tôn cầm tay Tôn giả Nanda như người lực sĩ duỗi bàn tay đang co lại, hay co lại bàn tay đang duỗi ra, biến mất ở Jetavana, và hiện ra tại **cõi trời Ba mươi ba**. Lúc bấy giờ, khoảng năm trăm Thiên nữ đi đến để hầu hạ Thiên chủ Sakka, và họ được gọi

là "có chân như chim bồ câu". Lúc bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Nanda:

- *Này Nanda, Thầy có thấy năm trăm Thiên nữ này, có chân như chim bồ câu không?*

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

- *Này Nanda, Thầy nghĩ thế nào? Ai đẹp đẽ hơn, hay ai đáng ưa nhìn hơn, hay ai khả ái hơn, Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước hay năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này?"*

- Bạch Thế Tôn, ví như một con khi cái bị thương, tai mũi bị chặt đứt; cũng vậy là Thích ca nữ cô gái đẹp trong nước, nếu đem so sánh với năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu này, không thể ước lượng so sánh, không bằng một phần nhỏ, không thể so sánh với chúng. Năm trăm Thiên nữ này đẹp hơn, đáng ưa nhìn hơn, khả ái hơn.

- *Hãy hoan hỷ, này Nanda! Hãy hoan hỷ, này Nanda! Ta đền cho Thầy năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu ấy!*

- Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn đền cho con năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu, thời bạch Thế Tôn, con sẽ sống hoan hỷ trong đời sống Phạm hạnh.

Rồi Thế Tôn cầm cánh tay của Tôn giả Nanda, như người lực sĩ... đang duỗi ra, như vậy biến mất ở chư Thiên cõi trời Ba mươi ba, hiện ra ở Jetavana.

Các Tỷ-kheo được nghe: *"Tôn giả Nanda, em Thế Tôn, con của bà dì sống Phạm hạnh vì mục đích Thiên nữ. Họ nói Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ với chân như chân chim bồ câu"*. Rồi các Tỷ-kheo bạn của Tôn giả Nanda, gọi Tôn giả Nanda là người làm thuê, là người buôn bán: *"Tôn giả Nanda là người làm thuê, Tôn giả Nanda là người buôn bán. Vì mục đích Thiên nữ, Tôn giả Nanda sống Phạm hạnh. Thế Tôn có hứa đền cho năm trăm Thiên nữ có chân như chim bồ câu!"*

Rồi Tôn giả Nanda, bị bức phiền, tủi nhục, chán ngấy, bởi bị gọi là người làm thuê, là người buôn bán, sống một mình, viễn ly, không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, tự tin, không bao lâu, do mục đích mà thiện nam tử chơn chánh xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình... vô thượng cứu cánh Phạm hạnh ấy, ngay trong hiện tại vị ấy tự mình với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú. Vị ấy rõ biết: "Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc nên làm đã làm, không trở lui trạng thái này nữa". Tôn giả Nanda đã trở thành một vị A-la-hán.

Rồi một thiên nhân, khi đêm đã gần mãn, với dung sắc thù thắng chói sáng toàn vùng Jetavana, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, **Thiên nhân** ấy bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda con trai của bà dì, do đoạn trừ các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng tri chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát.

Trí khởi lên nơi Thế Tôn: "Nanda, do đoạn trừ các lậu hoặc... vô lậu tâm giải thoát". Rồi Tôn giả Nanda, sau khi đêm ấy đã mãn, đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên Tôn giả Nanda bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn có hứa đền cho con năm trăm Thiên nữ với chân như chim bồ câu. Bạch Thế Tôn, con xin giải tỏa cho Thế Tôn lời hứa đền ấy.

- Nay Nanda, với tâm của Ta, Ta rõ biết tâm của Thầy: "Do đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại... tuệ giải thoát". Lại nữa một Thiên nhân có báo cho Ta tin ấy: "Bạch Thế Tôn, Tôn giả Nanda... tuệ giải thoát". Vì rằng, này Nanda, tâm của Thầy được giải thoát khỏi các lậu hoặc không còn chấp thủ, nên Ta được giải thoát khỏi lời hứa này.

Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, chính trong lúc ấy, nó lên **lời cảm hứng** này:

2. *Ai vượt khỏi bùn này,
Đề bẹ gai của dục,
Đạt được si đoạn diệt,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

Không cảm thọ khổ lạc!

747 Tôn giả Nigrodhakappa - Kinh Vangisa - Tiểu I, 573

Kinh Vangisa – Tiểu I, 573 (Sn 59)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế tôn sống ở Alavi, tại điện Aggàlava. Lúc bấy giờ, giáo thọ sư của Tôn giả Vangisa, tên là Nigrodhakappa tại điện Aggalava, mệnh chung không bao lâu. Rồi Tôn giả Vangisa, trong khi thiền định độc cư, tư tưởng sau đây được khởi lên: **"Không biết bậc *giáo thọ sư* của ta có hoàn toàn nhập Niết-bàn hay không hoàn toàn nhập Niết-bàn?"**. Rồi Tôn giả Vangisa vào buổi chiều, từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Vangisa bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi Thiền tịnh độc cư, con khởi lên tư tưởng như sau: "Không biết bậc giáo thọ sư của con có hoàn toàn nhập Niết Bàn hay không, hoàn toàn nhập Niết-bàn?"

Rồi Tôn giả Vangisa, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y vào một bên vai, chấp tay vái chào Thế Tôn và với bài kệ, nói lên với Thế Tôn:

Vangisa:

343. Con hỏi bậc Đạo Sư,
Bậc trí tuệ tối thượng,
Ai chặt đứt nghi hoặc,
Ngay trong đời hiện tại?
Tại Aggàlava,
Tỷ-kheo đã mệnh chung,
Có danh vọng danh xưng,
Nhập Niết bàn tịch tịnh.

344. Nigrodhakappa,
Chính là tên vị ấy,
Chính Thế Tôn đặt tên,
Cho vị Phạm chí ấy,
Vị ấy đánh lễ Ngài,
Sống tâm cầu giải thoát,
Tinh cần và tinh tấn,
Kiên cố thấy Chánh Pháp.

345. Bạch Thích Ca, chúng con,
Đệ tử Ngài, tất cả,
Chúng con đều muốn biết,
Bậc Pháp nhãn biến tri,
An trú tại chúng con,
Sẵn sàng để được nghe,
Ngài Đạo sư chúng con,
Ngài là bậc Vô thượng.

346. *Hãy đoạn nghị chúng con,
Cho con biết vị ấy,
Đã được tịch tịnh chưa,
Bậc trí tuệ rộng lớn,
Hãy nói giữa chúng con,
Bậc có mặt cùng khắp,
Như Thiên chủ Đế Thích,
Lãnh đạo ngàn chư Thiên.*

347. *Phàm những cột gút gì,
Ở đây, đường si ám,
Dự phần với vô trí,
Trú xứ cho nghị hoặc;
Gặp được đức Như Lai,
Họ đều không còn nữa.
Mắt này mắt tối trắng,
Giữa cặp mắt loài Ngươi.*

348. *Nếu không có người nào,
Đoạn trừ các phiền não,
Như gió thổi tiêu tan,
Các tầng mây dưới thấp,
Màn đen tức bao trùm,
Tất cả toàn thế giới,
Những bậc có hào quang,
Không có thể chói sáng.*

349. Bạc trí là những vị,
Tạo ra những ánh sáng,
Con xem Ngài như vậy.
Ôi! Bạc trí sáng suốt,
Chúng con đều cùng đến,
Bạc tu hành thiền quán,
Giữa hội chúng, chúng con,
Hãy nói về Kappa!

350. Hãy gấp phát tiếng lên,
Tiếng âm thanh vi diệu,
Như con chim thiên nga,
Giương cổ lên để hát,
Phát âm từng tiếng một,
Vội giọng khéo ngân nga,
Tất cả bạn chúng con,
Trực tâm nghe lời Ngài.

351. Vị đoạn tận sanh tử,
Không còn chút dư tàn,
Vị tẩy sạch phiền não,
Con cầu Ngài thuyết pháp,
Kẻ phạm phu không thể,
Làm theo điều nó muốn.
Bạc Như Lai làm được,
Điều được ước định làm.

352. Câu trả lời của Ngài,
Thật đầy đủ trọn vẹn,
Được chơn chánh nắm giữ,
Bậc chánh trực trí tuệ.
Đây chấp tay cuối cùng,
Con khéo vái chào Ngài,
Chớ làm con si ám,
Bậc trí tuệ tối cao.

353. Sau khi đã được biết,
Thánh pháp thượng và hạ,
Chớ làm con si ám,
Bậc tinh tấn tối cao,
Như vào giữa mùa hè,
Nóng bức khát khao nước,
Chúng con ngóng trông lời,
Hãy mưa sự hiểu biết.

354. Kappa, sống Phạm hạnh,
Nếp sống có mục đích,
Phải chẳng sống như vậy,
Là sống không uổng phí?
Vì ấy chứng tịch tịnh,
Hay còn dư tàn lại,
Được giải thoát thế nào,
Hãy nói chúng con nghe!

Thế Tôn:

355. Vị ấy trên danh sắc,
Đã đoạn tận tham ái,
Thế Tôn ở nơi đây,
Đã trả lời như vậy,
Vượt qua được già chết,
Không còn có dư tàn,
Thế Tôn nói như vậy,
Bậc tối thắng thứ năm.

Vangisa:

356. Nghe vậy, con tịnh tín,
Vội lời nói của Ngài,
Bậc ẩn sĩ thứ bảy,
Và lời hỏi của con.
Không phải là vô ích!
Và vị Bà-la-môn,
Không có lừa dối con.

357. Nói gì thời làm vậy,
Thật xứng đệ tử Phật,
Chặt đứt lưới rộng chắc,
Của **thần chết** xảo quyết.

358. Ôi! Thế Tôn, Kappa,
Thấy căn nguyên chấp thủ,
Thật sự đã vượt qua,
Thế lực của Ma vương,
Thế lực thật khó vượt.

748 Tôn giả Pilindavaccha - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 165

sKinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I, 165* (Ud 28)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Veluvana, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, Tôn giả Pilindavaccha, thường hay gọi Tỷ-kheo với danh từ bần tiện. Rồi một số đông Tỷ-kheo đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, các Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Tôn giả Pilindavaccha thường hay gọi các Tỷ-kheo với danh từ **bần tiện**.

Rồi Thế Tôn bảo một Tỷ-kheo:

- Hãy đi, này Tỷ-kheo, và nhân danh Ta, bảo Tỷ-kheo Pilindavaccha: "Này Hiền giả, bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!"

- Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn đi đến Tôn giả Pilindavaccha, sau khi đến nói với Pilindavaccha:

- Bậc Đạo Sư gọi Hiền giả!

- Thừa vâng, Hiền giả.

Tôn giả Pilindavaccha vâng đáp Tỷ-kheo ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Pilindavaccha đang ngồi một bên:

- Có thật chăng, này Vaccha. Thầy thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện?

- Thưa có, bạch Thế Tôn.

Rồi Thế Tôn sau khi tác ý đến đời sống trước của Pilindavaccha, liền bảo các Tỷ-kheo:

- Này, các Tỷ-kheo, chớ có bức phiền với Tỷ-kheo Pilindavaccha. Này các Tỷ-kheo, không phải vì trong lòng có sân hận mà Vaccha thường gọi các Tỷ-kheo với danh từ bản tiện. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo Vaccha trong năm trăm năm nối tiếp nhau đã sanh trong gia đình Bà-la-môn. Danh từ bản tiện đã lâu nay được chứa chấp trong vị ấy. Do vậy, Vaccha thường gọi Tỷ-kheo với danh từ bản tiện.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên lời cảm hứng này:

6. *Trong ai không mạn trá,
Không mạn, tham đoạn tận,
Không ngã sở, không dục,
Phần nộ được trừ diệt,
Tự ngã thành mát lạnh
Vị ấy là Phạm chí,*

Là Sa môn Tỷ-kheo.

749 Tôn giả Pindolabhàradvàja - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 191

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 191 (Ud 42)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Pindolabhàradvàja ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, sống ở rừng, đi khát thực, mặc y lượm từ đồng rác, chỉ mang ba y, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa thích hội họp, tinh cần tinh tấn, nói hạnh đầu đà, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Pindolabhàradvàja ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng... chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi rõ biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*6. Không mắng, không gia hại,
Chế ngự trong giới bốn,
Tiết độ trong ăn uống,
Nằm ngồi chỉ một mình,
Chú tâm vào tăng thượng,
Chính lời chư Phật dạy.*

750 Tôn giả Sabhiya - Kinh Sabhiya - Tiểu I, 632

Kinh Sabhiya – *Tiểu I*, 632

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ, **du sĩ Sabhiya**, một du sĩ ngoại đạo, **được một Thiên nhân trước kia là bà con huyết thống**, nói lên những câu hỏi sau đây: "*Này Sabhiya, vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào, khi được hỏi những câu hỏi này, trả lời cho Ông, thời Ông hãy sống Phạm hạnh với người ấy*".

Rồi du sĩ Sabhiya, sau khi học những câu hỏi ấy từ vị Thiên nhân ấy, phàm có những Sa-môn, Bà-la-môn nào có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư đồ chúng được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kacsapa, Makkhali Gosàla, Ajita Kesa Kambali, Pakudha Kacàyana, Sanjaya Belatthiputta, Nigantha Nàtaputta, Sabhiya đi đến các vị ấy và hỏi những câu hỏi ấy. Các vị ấy, được du sĩ Sabhiya hỏi những câu hỏi ấy, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phẫn nộ, sân hận, bất mãn. Họ vặn hỏi trở lại du sĩ Sabhiya. Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ

như sau: "Các vị Tôn giả, Sa-môn, Bà-la-môn ấy có hội chúng, có đồ chúng, bậc đạo sư, đồ chúng được biết đến, có danh vọng, có ngoại đạo sư, được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phản nộ, sân hận, bất mãn họ vẫn hỏi trở lại ta. Vậy ta hãy trở lui đời sống hạ liệt, thọ hưởng các dục".

Rồi du sĩ Sabhiya suy nghĩ như sau: "Có Sa-môn Gotama này, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, sáng lập ra giáo phái, được quần chúng ái mộ, vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya suy nghĩ như sau: "Các vị Tôn giả Sa-môn, Bà-la-môn ấy đã già, đã lớn tuổi, đã đến tuổi trưởng thượng, đã đi quá nửa đời người, đã đạt đến mức cuối tuổi thọ, là những bậc trưởng lão, được nhiều người biết đến, xuất gia đã lâu ngày, có hội chúng, có đồ chúng, bậc lãnh đạo hội chúng, được biết đến, có danh vọng, các ngoại đạo sư được quần chúng ái mộ, như Pùrana Kassapa... Nigantha Nàtaputta. Các vị ấy được ta hỏi những câu hỏi, không có thể giải đáp. Do không có thể giải đáp, họ biểu lộ phản nộ, sân hận, bất mãn. Và họ vẫn hỏi trở lại ta. Không biết Sa-môn Gotama có thể trả lời

những câu hỏi này của ta. Sa-môn Gotama còn trẻ và mới được xuất gia".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya suy nghĩ như sau:
"Không nên gạt bỏ, không nên khinh thường một Sa-môn vì vị ấy còn trẻ tuổi, nếu vị Sa-môn còn trẻ, nhưng vị ấy có đại thần lực, đại uy lực. Vậy ta hãy đi đến Sa-môn Gotama và hỏi những câu hỏi này".

Rồi du sĩ ngoại đạo Sabhiya bộ hành ra đi đến Ràjagaha, tiếp tục bộ hành, đi đến Vương Xá Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên du sĩ Sabhiya nói lên với Thế Tôn những bài kệ:

Sabhiya:

510. Sabhiya nói rằng:
Tôi đến, có nghi ngờ,
Hy vọng có thể hỏi,
Những câu hỏi với Ngài.
Mong Ngài chấm dứt được,
Những câu hỏi cho tôi.
Những câu được tôi hỏi,
Hãy thứ lớp giải đáp.

Thế Tôn:

511. *Thế Tôn* đáp *du sĩ*:
Ông từ xa đi đến,
Hy vọng có thể hỏi,
Nhưng câu hỏi với Ta,
Ta sẽ chấm dứt được,
Nhưng câu hỏi cho Ông,
Nhưng câu được Ông hỏi,
Ta thứ lớp giải đáp.

512. *Du sĩ Sabhiya*,
Hãy hỏi Ta câu hỏi,
Tùy theo ý Ông muốn,
Ông hỏi câu hỏi nào,
Ta sẽ chấm dứt được,
Câu hỏi ấy cho Ông.

Rồi *du sĩ Sabhiya* suy nghĩ như sau: "*Thật vi diệu thay! Thật hy hữu thay! Ta không bao giờ có được cơ hội, đối với các Sa-môn, Bà-la-môn khác. Nay cơ hội này được Sa-môn Gotama tạo ra cho ta, hân hoan, hoan hỷ, phấn chấn, hỷ lạc*". *Sabhiya* hỏi *Thế Tôn* câu hỏi:

Sabhiya:

513. *Sabhiya* hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi là Tỷ-kheo?
Nhờ gì, gọi như hòa?
Thế nào gọi chế ngự?
Và phải như thế nào,
Được gọi bậc Giác ngộ?
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

514. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya,
Ai chính với con đường,
Do tự mình tạo ra,
Đi đến sự tịch mịch,
Vượt qua các nghi hoặc,
Từ bỏ, đoạn tận hẳn,
Cả hữu và phi hữu,
Phạm hạnh đã thành tựu,
Tái sanh đã đoạn tận,
Vị ấy được xưng danh,
Gọi là vị Tỷ-kheo.

515. *Vị trú xả, chánh niệm,*
Tại bất cứ chỗ nào,

Vị không làm hại ai,
Cùng khắp cả thế giới,
Vượt bậc lưu, tịnh ý,
Không có bị dao động,
Vị nào không đột khởi,
Vị ấy gọi **nhu hòa**.

516. Vị nào có các căn,
Được huấn luyện tu tập,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị nào thông suốt được,
Đời này và đời sau,
Đúng thời, nghi điều phục,
Vị ấy gọi **chế ngự**.

517. Ai phân tích các kiếp,
Toàn diện và hoàn toàn,
Luân chuyển cả hai mặt,
Chết đi và sanh lại,
Bụi bặm được dứt sạch,
Không ứ nhiễm, thanh tịnh,
Đạt được sanh đoạn diệt,
Vị ấy gọi **Phật-đà**.

Rồi du sĩ Sabhiya, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy,
hoan hỷ, hân hoan, phấn khởi, phát sanh hỷ tâm, liền
hỏi Thế Tôn thêm câu nữa.

Sabhiya:

518. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Do đạt được những gì,

Được gọi là Bà-la-môn?

Nhờ gì, gọi Sa-môn?

Thế nào là tắm sạch?

Và phải như thế nào?

Được gọi là voi chúa?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

519. Thế Tôn liền đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai loại khỏi ra ngoài,

Tất cả các ác pháp,

Không uế, khéo định tĩnh,

Kiên trì, vững an trú,

Vượt qua được luân hồi,

Hoàn toàn về mọi mặt,

*Không y chỉ vị ấy,
Được gọi **Bà-la-môn**.*

520. *Được an tịnh, tịch tịnh,
Đoạn tận cả thiện ác,
Không cấu uế, rõ biết,
Đời này và đời sau,
Chế ngự và nhiếp phục,
Cả vấn đề sanh tử,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là **Sa-môn**.*

521. *Ai gột sạch, tắm sạch,
Tất cả các ác pháp,
Kể cả trong lẫn ngoài,
Khắp tất cả thế giới,
Giữa chư Thiên, loài Người,
Bị thời kiếp chi phối,
Không rơi vào thời kiếp,
Được gọi đã **tắm sạch**.*

522. *Ai không làm điều ác,
Mọi điều ác ở đời,
Tất cả các kiết sử,
Không dính mắc, trói buộc,
Khắp tất cả mọi nơi,
Không dính, không trói buộc,*

*Vị đức tánh như vậy,
Được gọi là **voi chúa**.*

Rồi du sĩ Sabhiya lại hỏi thêm câu nữa:

Sabhiya:

523. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Thế nào chư Phật gọi

Vị chiến thắng đất ruộng?

*Do gì, gọi là **thiện**?*

*Thế nào gọi **bậc trí**?*

Và phải như thế nào

*Được gọi là **ẩn sĩ**?*

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

524. Thế Tôn bèn đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai quán sát nhiếp phục,

Ruộng đất thật toàn diện,

Chư Thiên và loài Người,

Là đất ruộng Phạm thiên,

Giải thoát được trói buộc,

*Cội gốc mọi đất ruộng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **thắng đất ruộng**.*

525. *Ai quán sát nhiếp phục,
Kho tàng thật toàn diện,
Chư Thiên và loài Người,
Là đất ruộng Phạm thiên,
Giải thoát được trói buộc,
Cội gốc mọi kho tàng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị thiện xảo**.*

526. *Ai quán sát nhiếp phục,
Cả hai tâm và ý,
Cả nội và cả ngoại,
Về trí tuệ thanh tịnh,
Nhiếp phục chế ngự được,
Các pháp đen và trắng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **bậc Hiền trí**.*

527. *Sau khi đã biết được,
Pháp bất thiện, pháp thiện,
Cả nội và cả ngoại,
Trong tất cả thế giới,
Vị ấy được cúng dường,*

*Chư Thiên và loài Người,
Vượt qua lưới trời buộc,
Vị ấy gọi **ân sĩ**.*

Rồi du sĩ Sabhiya... lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sabhiya:

528. Sabhiya hỏi rằng:

Tôn giả Gotama,

Do đạt được những gì

Được gọi **bậc có trí**?

Nhờ gì, gọi **tùy trí**?

Thế nào xưng **tinh tấn**?

Thế nào được danh xưng,

Là vị đã **thuần thực**?

Được con hỏi như vậy,

Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

529. Thế Tôn liền đáp lại:

Hỡi này Sabhiya,

Ai quán sát Vệ-đà,

Hoàn toàn và toàn diện,

Được Sa-môn, Phạm chí,

Đạt được rất đầy đủ,
Vị ấy gọi ly tham,
Trong tất cả cảm thọ,
Do vượt qua Vê-đà,
Được gọi **bậc Vê-đà**.(???)

530. *Do quán sát, quán triệt,
Các hý luận, danh sắc,
Kể cả nội và ngoại,
Về cội gốc bệnh hoạn,
Vị ấy thoát trói buộc,
Cội gốc các bệnh hoạn,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị rõ biết**.*

531. *Vị ở đời từ bỏ,
Tất cả các pháp ác,
Với tinh tấn vượt qua,
Mọi khổ đau địa ngục,
Vị ấy có tinh tấn,
Có tinh cần, siêng năng,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị có trí**. (???)*

532. *Với ai các trói buộc,
Bị bứt đứt, huỷ hoại,*

*Nguồn gốc các tham ái,
Vị ấy được giải thoát,
Khỏi tất cả gốc tham,
Vị đức tánh như vậy,
Được gọi **vị thuần thực**.*

Rồi du sĩ Sabhiya.. lại hỏi Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

Sahiya:

533. Sabhiya hỏi rằng:
Tôn giả Gotama,
Do đạt được những gì,
Được gọi **vị được nghe?**
Nhờ gì, gọi **bậc Thánh?**
Sở hành như thế nào,
Như thế nào được tên,
Là một người **du sĩ?**
Được con hỏi như vậy,
Mong Thế Tôn trả lời.

Thế Tôn:

534. Thế Tôn bèn đáp lại:
Hỡi này Sabhiya!
*Do ở đời được nghe,
Thắng tri tất cả pháp,*

Pháp có lỗi, không lỗi,
Phạm mọi pháp ở đời,
Là vị đã chiến thắng,
Đoạn nghi, được giải thoát,
Trọn vẹn không dao động,
Được gọi, **vị có nghe.**

535. Sau khi đoạn, chặt đứt,
Mọi lậu hoặc chấp trước,
Vị ấy sau khi biết,
Không đi đến thai tạng,
Đoạn trừ và từ bỏ,
Ba loại tướng bần nhơ,
Không đi vào thời kiếp,
Được gọi là **bậc Thánh.**

536. Vị nào ở nơi đây,
Thành tựu các giới hạnh,
Thiện xảo mọi lãnh vực,
Rõ biết được Chánh Pháp,
Cùng khắp cả mọi nơi,
Không chấp trước, giải thoát,
Không sân hận một ai,
Được gọi là **có hạnh.**

537. Ai không làm các nghiệp,
Đưa đến quả đau khổ,

*Phía trên và phía dưới,
Bề ngang và chặng giữa,
Sống với sự liễu tri,
Từ bỏ, không chấp nhận,
Man trá và kiêu mạn,
Tham ái và phần nộ,
Làm cho đến cùng tận,
Cả danh và cả sắc,
Vị này đã đạt được,
Tên gọi là **du sĩ**.*

Rồi du sĩ Sabhiya hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, hoan hỷ, hân hoan, phấn chấn, hỷ duyệt sanh khởi, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thương y vào một bên vai, chấp tay hướng đến Thế Tôn, trước mặt Thế Tôn, thốt lên những câu kệ thích đáng:

538. Ôi, **bậc tuệ rộng lớn!**
*Nhiếp phục sự tụ họp,
Các Sa-môn tranh luận,
Có đến sáu (mười) ba thuyết,
Các ngôn thuyết văn tự,
Y đây các tướng khởi,
Vị ấy vượt qua được,
Dòng nước mạnh sanh tử.*

539. Ngài đi đến tận cùng,

Đến bờ kia đau khổ,
Bạc La-hán, Chánh Giác,
Con nghĩ Ngài lâu tận,
Ngài chói sáng, thông minh.
Vội trí tuệ rộng lớn,
Ngài đoạn tận đau khổ,
Đưa con qua bờ kia.

540. Ngài thấy, Ngài biết rõ,
Những điều con nghi ngờ,
Ngài giúp con vượt qua,
Con xin đánh lễ Ngài,
Bạc ả sĩ đạt được,
Con đường thật an tịnh,
Ôi, bà con mặt trời!
Không hoang vu, nhu hòa.

541. Điều xưa con nghi ngờ,
Đều được Ngài giải đáp,
Ôi, bậc có Pháp nhãn!
Ngài thật là ả sĩ,
Bạc Chánh Đẳng, Chánh Giác,
Ngài không còn triền cái.

542. Vội Ngài, mọi ưu não,
Được phá tan, đoạn diệt,
Ngài tịnh tịch, chế ngự,

Tâm kiên trì, thành thực.

543. *Ngài là bậc long tượng,*

Trong các hàng long tượng,

Ngài là đại anh hùng,

Chư Thiên đều hoan hỷ,

Cả hai Nàrada,

Và cả Pabbatà,

Đều hoan hỷ tín thọ,

Lời thuyết giảng của Ngài.

544. *Chúng con xin đánh lễ,*

Con người thuần thực nhất,

Chúng con xin đánh lễ,

Con người tối thượng nhất,

Trong cảnh giới Trời, Người,

Không ai sánh được Ngài.

545. *Ngài chính là Đức Phật,*

Ngài chính là Đạo Sư,

Ngài là bậc ẩn sĩ,

Đã chiến thắng Ác ma,

Ngài chặt đứt tùy miên,

Đã vượt qua sanh tử,

Ngài giúp chúng sanh này,

Vượt qua bể sanh tử.

546. Ngài vượt khỏi sanh y,
Ngài phá tan lậu hoặc,
Ngài là **bậc sư tử**,
Không chấp thủ, chấp trước,
Mọi sợ hãi, hoảng hốt,
Ngài đoạn tận, trừ diệt.

547. Như hoa sen tươi đẹp,
Nước không thể dính vào,
Cũng vậy cả thiện ác,
Cả hai không dính Ngài,
Ôi anh hùng vĩ đại,
Xin Ngài đuổi chân ra,
Sabhiya chúng con,
Đánh lễ bậc Đạo Sư.

Rồi du sĩ Sabhiya lấy đầu đánh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn!... Con xin quy y Thế Tôn, Pháp và chúng Tỷ-kheo. Bạch Thế Tôn, mong Thế Tôn cho con được xuất gia với Thế Tôn, mong cho con thọ đại giới.

- Nay Sabhiya, ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này cần phải sống biệt trú trong bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy

xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo. Nhưng ở đây, Ta biết sự sai biệt giữa các chúng sanh.

- Bạch Thế Tôn, nếu những ai trước kia thuộc ngoại đạo, nay xin xuất gia, xin thọ đại giới trong Pháp Luật này, sống biệt trú bốn tháng. Sau bốn tháng, nếu tâm các Tỷ-kheo thỏa thuận, có thể cho vị ấy xuất gia, cho thọ đại giới để thành vị Tỷ-kheo, con sẽ sống biệt trú bốn năm. Sau bốn năm, nếu tâm con thỏa thuận hãy cho xuất gia, cho con thọ đại giới để trở thành Tỷ-kheo.

Du sĩ Sabhiya được xuất gia với Thế Tôn, được thọ đại giới... rồi Tôn giả Sabhiya trở thành một vị A-la-hán.

751 Tôn giả Sundarika Bhàradvāja - Kinh Sundarika Bhàradvāja - Tiểu I, 607

Kinh Sundarika Bhàradvāja – *Tiểu I, 607* (Sn 80)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở phía dân chúng Kosala, trên bờ sông Sundarikà. Lúc bấy giờ, Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja đốt lửa thiêu trên bờ sông Sundarikà và đang cử hành các lễ tế lửa. Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradavāja, sau khi đốt lửa thiêu, sau khi cử hành các lễ tế lửa, từ chỗ ngồi đứng dậy và ngó xung quanh bốn phương nghĩ rằng: "**Ai có thể ăn đồ ăn còn lại của lễ tế tự này?"**

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, không bao xa, đầu che trùm lại, thấy vậy, tay trái cầm đồ tế tự còn lại, tay mặt cầm cái bình nước, đi đến Thế Tôn. Thế Tôn nghe tiếng chân của Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja liền mở đầu ra. Bà-la-môn Sundarika Bhàradvāja nghĩ rằng: "Đầu trọc là vị này. Một kẻ đầu trọc là vị này", và muốn đi trở lại.

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvāja suy nghĩ: "Ở đây, cũng có một số Bà-la-môn trọc đầu. Vậy ta hãy đi đến vị này và hỏi về thọ sanh". Rồi Bà-la-môn

Sundaikabhàradvàja đi đến Thế Tôn, sau khi đến, nói với Thế Tôn:

- Thọ sanh của Tôn giả là thế nào?

Rồi Thế Tôn nói với Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja những bài kệ:

Thế Tôn:

455. *Ta không phải Phạm chí,
Cũng không phải con vua,
Cũng không phải buôn bán,
Không phải là ai hết,
Do liễu tri giai cấp,
Của các hàng phàm phu,
Ta kẻ trí ở đời,
Bộ hành, không sở hữu.*

456. *Mang áo Tăng-già-lê,
Ta sống, không gia đình,
Với tóc được cạo sạch,
Tự ngã được an tịnh,
Ở đời Ta không nhiễm,
Với các thiếu niên nào,
Không xứng đáng, Ông hỏi,
Hỏi Ta về thọ sanh.*

Bà-la-môn:

457. *Thật sự, thừa Tôn giả,
Các vị Bà-la-môn,
Thường hỏi Bà-la-môn,
Có phải người Phạm chí?*

Thế Tôn:

*Nếu Ông nói lên rằng:
Ông là Bà-la-môn,
Và nếu Ông hỏi Ta,
Không phải Bà-la-môn,
Vậy Ta sẽ hỏi Ông,
Về Sàvitti này,
Gồm có mười hai câu,
Và hai mươi bốn chữ.*

Bà-la-môn:

458. *Do y tựa vào gì,
Các ẩn sĩ, loài Người,
Sát-đế-lị Phạm chí,
Đã tổ chức tế đàn,
Cho các hàng chư Thiên,
Rộng rãi trong đời này?*

Thế Tôn:

*Vị nào đạt cứu cánh,
Vị nào hiểu Vệ-đà, (???)*

*Trong lễ tế đàn này,
Thọ hưởng đồ cúng dường,
Ta tuyên bố, nói rằng,
Lễ ấy được tăng thịnh.*

Bà-la-môn:

*459. Chắc chắn tế đàn ấy,
Cúng dường được tăng thịnh.
Vì chúng ta thấy được,
Vị am hiểu Vệ-đà, (???)*

*Nếu chúng ta không thấy,
Được một người như Ông,
Một người khác thọ hưởng,
Đồ cúng dường tế đàn.*

Thế Tôn:

*460. Vì Ông, này Phạm chí,
Đến Ta vì cần thiết,
Với mục đích rõ ràng,
Vậy nay Ta hỏi Ông,
Ông có thể tìm được,
Một bậc trí ở đây,*

*An tịnh, không sân hận,
Không khổ, không tầm cầu?*

Bà-la-môn:

*461. Tôi vui trong tế đàn,
Tôn giả Gotama,
Tôi tha thiết ao ước,
Được cúng dường tế đàn,
Nhưng tôi không được biết,
Tôn giả hãy dạy tôi!
Hãy nói lên cho tôi,
Chỗ cúng dường tăng thịnh.*

Thế Tôn:

*Vậy này Bà-la-môn,
Hãy lắng tai mà nghe,
Ta nay sẽ vì Ông,
Tuyên thuyết pháp vi diệu.*

*462. Chớ hỏi về thọ sanh,
Hãy hỏi về hạnh đức,
Thật vậy, từ củi gỗ,
Một ngọn lửa được sanh,
Từ gia đình thấp kém,
Bậc ẩn sĩ, có trí,*

*Được huấn luyện thuần thực,
Được xấu hổ chế ngự.*

463. *Được chân thật huấn luyện,
Được **nhiếp phục chế ngự**,
Bậc đạt đến hiểu biết,
Phạm hạnh được viên thành,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vạy vị Phạm chí nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.*

464. *Những vị nào **bổ dục**,
Du hành, không gia đình,
Khéo chế ngự nhiếp phục,
Như con thoi trực chỉ.
Đúng thời đối vị ấy,
Hãy cúng đồ tế tự,
Vị Phạm chí cầu phước,
Hãy bố thí như vậy,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.*

465. *Những vị đã **ly tham**,
Các căn khéo định tĩnh,*

Như trăng được giải thoát,
Khỏi nanh vuốt Ràhu,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy,
Vậy vị Phạm hạnh nào,
Muốn nguyện cầu công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

466. **Không tham** dính vật gì,
Họ du hành ở đời,
Luôn luôn giữ chánh niệm,
Từ bỏ ngã sở kiến,
Hãy đứng thời cúng dường,
Đồ cúng dường vị ấy.
Vậy vị Phạm chí nào,
Muốn cầu nguyện công đức,
Hãy tổ chức tế đàn,
Với cúng dường như vậy.

467. **Ai từ bỏ các dục,**
Từ nhiếp phục, du hành.
Ai biết sự chấm dứt,
Của sanh và sự chết,
Tịch tịnh và mát lạnh.
Mát lạnh như nước hồ.
Như Lai thật xứng đáng.

Đồ cúng dường tế tự.

468. **Bình đẳng** kẻ bình đẳng,
Xa lánh không bình đẳng,
Như Lai chứng đạt được,
Trí tuệ không giới hạn,
Không bị dính, uế nhiễm,
Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

469. Trong ai không man trá,
Không sống với kiêu mạn,
Ai không có tham dục,
Không của ta, không cầu,
Phần nô được đoạn trừ,
Tư ngã thật tịch tịnh,
Vị Bà-la-môn ấy,
Cầu uế, sâu muộn đoạn,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

470. Ai đoạn diệt hoàn toàn,
Mọi trứ xứ của ý,
Không còn có nắm giữ,
Sự vật gì ở đời,
Không còn có chấp thủ,

Đời này hay đời sau.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

471. Tâm ai thật **định tĩnh**,
Vượt khỏi được bậc lưu,
Rõ biết được Chánh pháp,
Với tri kiến tối thượng,
Lậu hoặc được đoạn trừ,
Mang thân này tới hậu.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

472. Với ai, các **hữu lậu**,
Và **lời nói thô ác**,
Được đoạn tận chấm dứt,
Không còn có tồn tại,
Vị ấy đạt hiểu biết,
Giải thoát mọi khía cạnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

473. Giữa những người nhiễm trước,
Vị ấy **không nhiễm trước**,
Giữa chúng sanh kiêu mạn,
Vị ấy không kiêu mạn,
Liều tri được đau khổ,

*Kể cả ruộng và đất.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*474. Không dựa vào ước vọng,
Vị ấy thấy **viễn ly**,
Vượt qua sự hiểu biết,
Cùng tri kiến người khác,
Đối với mọi sở duyên,
Vị ấy đều không có,
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*475. Vị ấy chứng tri được,
Các pháp gần hay xa,
Được đoạn trừ, chấm dứt,
Không còn có hiện hữu,
An tịnh, **không chấp thủ**,
Được hoàn toàn giải thoát.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

*476. Thấy được sự đoạn tận,
Sanh diệt các **kiết sử**,
Trừ được đường tham dục,
Không còn lại dư tàn.
Thanh tịnh, không lỗi lầm,*

*Không cầu uế, không nhiễm.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.*

477. Ai không thấy **tự ngã**,
Với tự ngã của mình,
Định tâm và chánh trực,
Kiên trì không dao động,
Vị ấy không có dục,
Không cứng cõi, phân vân.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

478. Với ai không còn nữa,
Nguyên nhân của **si mê**,
Biết rõ và thấy rõ,
Đối với hết thấy pháp,
Và mang nặng thân này,
Thân này thân cuối cùng.
Chứng đạt Chánh Đẳng Giác,
Vô thượng an ổn xứ,
Đạt cho đến như vậy,
Bậc Dạ-xoa thanh tịnh.
Như Lai thật xứng đáng,
Đồ cúng dường tế tự.

Bà-la-môn:

479. *Đây đồ con cúng dường,
Đồ cúng dường chân thật,
Con đã tìm thấy được,
Bậc trí đức như vậy,
Phạm thiên hãy chứng giám,
Thế Tôn hãy chấp nhận,
Thế Tôn hãy thọ hưởng,
Đồ cúng dường của con.*

Thế Tôn:

480. *Ta không có thọ dụng,
Đồ ăn từ kê tụng,*
*Hỡi này Bà-la-môn,
Đây không phải là pháp,
Của những người có trí,
Chư Phật đều từ bỏ,
Ca hát các bài kệ,
Chỗ nào pháp an trú,
Hỡi này Bà-la-môn,
Đấy chính là truyền thống.*

481. *Ông cần phải cúng dường,
Đồ ăn, đồ uống khác,
Bậc Đại sĩ toàn vẹn,
Đoạn tận các lậu hoặc,*

*Đã đoạn tận trao hối,
Không còn bị dao động,
Ngài chính là thừa ruộng,
Cho người cầu công đức.*

Bà-la-môn:

*482. Thế Tôn, con muốn biết,
Người có tin như con,
Ai có thể hưởng thọ,
Đồ cúng dường của con,
Trong khi lễ tế đàn,
Con phải tìm đến ai?
Lời Ngài dạy thế nào,
Con sẽ đạt cho được.*

Thế Tôn:

*483. Với ai, không xông xáo,
Với ai, tâm không động,
Giải thoát khỏi các dục,
Với ai bỏ hôn trầm.*

*484. Lãnh đạo kẻ biên giới,
Thiện xảo trong sanh tử,
Ấn sĩ đầy đủ tuệ,
Đã đến lễ tế đàn.*

485. *Nhiếp phục kiều ngạo xong,
Hãy chấp tay đánh lễ,
Cùng dường đồ ăn uống,
Cùng dường vậy tăng trưởng.*

Bà-la-môn:

486. *Ngài là bậc Giác Ngộ,
Xứng đáng được cúng dường,
Ngài là ruộng phước đức,
Vô thượng, không gì hơn,
Vị tiếp nhận cúng dường,
Xứng đáng toàn thế giới.
Bố thí cho Tôn giả,
Kết quả thật to lớn.*

Rồi Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thừa Tôn giả Gotama, như người **dựng đứng** lại những gì bị quăng ngã xuống, hay **phơi bày ra** những gì bị che kín, hay **chỉ đường** cho kẻ lạc hướng, hay **đem đèn sáng** vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích. Con nay quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Hầy

cho con được xuất gia với Tôn giả Gotama. Hãy cho con thọ đại giới.

Và Bà-la-môn Sundarikabhàradvàja... trở thành một vị A-la-hán.

752 Tôn giả Sàriputta - Ba người em gái của Ngài - Kinh Calà – Tiểu III, 628

Calà – Tiểu III, 628 (59)

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở Magadha, tại làng Nàlaka, con của một nữ Bà-la-môn tên là Surùpasàri. Khi đến tuổi đặt tên, nàng được gọi là **Càlà**. Em gái nàng tên là **Upacàlà** và em nhỏ nhất tên là **Sisùpacàlà** và cả ba là em của Tôn giả Sàriputta.

Khi ba đứa em nghe người anh xuất gia trở thành vị Tỷ-kheo chúng suy nghĩ: *"Đây không phải là một giáo pháp thường tình, một sự xuất gia thường tình, vì một người anh như người anh chúng ta đã quyết tâm tu hành theo"*, ba nàng cũng xuất gia, đầu gia đình than khóc. Với sự tinh tấn, tinh cần, cả ba tu hành, chứng quả A-la-hán và sống an lạc giải thoát.

Rồi Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khát thực, đi vào rừng Andho để nghỉ trưa và tại đây **Ác ma** hiện ra để cám dỗ nàng. Trong kinh, có đề cập đến vấn đề này.

Tỷ-kheo-ni Càlà, sau khi đi khát thực ở Sàvatthi, đi vào trong rừng an lạc để nghỉ trưa. Đi vào rừng Andho, nàng ngồi xuống một gốc cây, Ác ma đến để lung lạc nàng và hỏi nàng những câu trong các bài

kệ của nàng. Sau khi nàng nói lên những đức hạnh của vị Đạo Sư, và sức mạnh của Chánh pháp, nàng làm cho Ác ma thấy rõ sự vô ích của mình muốn căm dỗ nàng và Ác ma thất vọng biến mất. Rồi nàng nói lên sự sung sướng phấn khởi của nàng và câu chuyện với Ác ma như sau:

*182. Sau khi an trú niệm,
Tỷ-kheo-ni luyện căn,
Thể nhập đạo an tịnh,
An lạc tịnh các hành.*

Ác ma:

*183. Vì ai, người đầu trọc,
Hiện tướng, Sa-môn ni?
Không theo hệ phái nào,
Sao sống si mê vậy?*

Càlà:

*184. Các hệ phái ngoại đạo,
Nương tựa trên tà kiến,
Họ không hiểu Chánh pháp,
Họ không thuần thực pháp.*

185. Sanh gia tộc Thích-ca,

Đức Phật, bậc vô tỷ,
Ngài thuyết pháp cho ta,
Vượt qua các tà kiến.

186. Ngài thuyết **Tám thánh đạo**,
Về khổ, nguyên nhân khổ,
Về vượt qua đau khổ,
Và con đường khổ diệt.

187. Ta nghe lời Phật dạy,
Sống vui thích giáo pháp,
Ba minh đã đạt được,
Lời Phật dạy làm xong.

188. Mọi nơi, hỷ duyệt đoạn,
Khói si ám tan tàn!
Hãy biết vậy, Ác ma!
Người bị hại, Ma vương.

753 Tôn giả Sàriputta - Bị đánh trên đầu - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 186

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 186 (Ud 39)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn ở Ràjagaha, tại Veluvana chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta và Tôn giả Mahà Moggallàna trú ở động chim bồ câu. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta, trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới được cạo xong, **đang nhập định**. Có **hai Dạ-xoa** là bạn với nhau đang đi từ phương Nam lên phương Bắc vì một vài công việc. Các Dạ-xoa ấy thấy Tôn giả Sàriputta trong đêm có sáng trăng, ngồi giữa trời với tóc mới cạo xong.

Thấy vậy, một Dạ-xoa nói với Dạ-xoa thứ hai: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Được nghe nói vậy, vị Dạ-xoa này nói với Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực" Lần thứ hai, vị Dạ-xoa ấy nói vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu vị Sa-môn này". Lần thứ hai, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm, này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn! Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần

lực, có đại uy lực". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa ấy, nói với vị Dạ-xoa này: "Này bạn, ta có ý muốn đánh trên đầu của vị Sa-môn này". Lần thứ ba, vị Dạ-xoa này nói với vị Dạ-xoa ấy: "Chớ có làm này bạn, không làm gì được với vị Sa-môn. Này bạn, Sa-môn ấy vĩ đại, có đại thần lực, có đại uy lực".

Rồi Dạ-xoa ấy không nghe theo, Dạ-xoa này liền đánh trên đầu Tôn giả Sàriputta. Với cái đánh này, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khữ tay cao hay làm bể tan ngọn núi lớn. Ngay lúc ấy, Dạ-xoa ấy hét lớn: "Tôi bị cháy! Tôi bị cháy! " và rơi vào đại địa ngục.

Tôn giả Mahà Moggallàna với Thiên nhãn thanh tịnh siêu nhân, thấy Tôn giả Sàriputta bị đánh trên đầu, thấy vậy liền đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

- Mong rằng Hiền giả có thể kham nhẫn! Mong rằng Hiền giả có thể chịu đựng. Mong rằng Hiền giả không có đau đớn!

- Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Hiền giả Moggallàna, nhưng đầu tôi có đau.

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Sàriputta! Hiền giả Sàriputta thật có thần lực lớn, thật có uy lực lớn! Ở đây, thừa Hiền giả Sàriputta, có con Dạ-xoa đánh

trên đầu Hiền giả, đánh thật mạnh. Với cái đánh ấy, có thể làm ngã con voi bảy đến tám khừ tay cao, hay làm bể tan ngọn núi lớn và Tôn giả Sàriputta đã nói như sau: "*Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể kham nhẫn! Này Hiền giả Moggallàna, tôi có thể chịu đựng! Nhưng tôi có hơi đau đầu!*"

- Thật vi diệu thay, Hiền giả Moggallàna! Thật hy hữu thay Hiền giả Moggallàna! Có đại thần lực là tôn giả Mahà Moggallàna, có đại uy lực, vì rằng Hiền giả có thể thấy được Dạ-xoa, nhưng tôi này không thấy được một con quỷ đói.

Thế Tôn với Thiên nhĩ thanh tịnh siêu nhân, nghe được câu chuyện như vậy giữa hai vị long tượng ấy.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*4. Tâm ai như tảng đá,
An trú không dao động,
Không tham vật khả ái,
Đáng phần nộ, không sân,
Tâm ai tu như vậy,
Từ đâu khổ đến được?*

754 Tôn giả Sàriputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 163

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 163 (Ud 27)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, ngôi vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết già lưng thẳng, đặt niệm trước mặt, rồi sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên *lời cảm hứng*:

4. *Như ngọn núi bằng đá,
Không động, khéo an trú,
Cũng vậy vị Tỳ-kheo,
Đoạn diệt được ngu si,
Như ngọn núi bằng đá,
Không có bị dao động.*

755 Tôn giả Sàriputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 192

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 192 (Ud 43)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ Tôn giả Sàriputta ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, kiết-già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta ngồi không xa bao nhiêu, kiết già lưng thẳng, ít dục, biết đủ, viễn ly, không ưa hội họp, tinh cần tinh tấn, chú tâm vào tăng thượng tâm.

Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng** này:

*7. Tâm tăng thượng ẩn sĩ,
Không phóng dật, tu tập,
Trên con đường chánh trí,
Vị ấy không sầu muộn,
Luôn luôn được an tịnh,
Thường nắm giữ chánh niệm.*

756 Tôn giả Sàriputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 199

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 199 (Ud 46)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, **Tôn giả Sàriputta** ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, **lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Sàriputta, ngồi xa Thế Tôn không bao nhiêu, ngồi kiết-già, lưng thẳng, quán sát sự an tịnh của mình. Rồi Thế Tôn sau khi biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên **lời cảm hứng**:

11. *Tỷ-kheo tâm an tịnh,
Chặt đứt dây sanh tử,
Luân hồi sanh tử tận,
Thoát khỏi ma trói buộc.*

757 Tôn giả Sàriputta - Nguyên soái chánh pháp - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của Sanjaya, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được Assajì và nhờ Assajì, gặp được Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chứng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thụy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chứng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bổn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Rājagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,
Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,*

Tỷ-kheo trú chánh niệm.

983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.

986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chạng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?

987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,
Do đâu, đời nắm được?

988. *Nghe* nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tĩnh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. *Ai chuyên tâm hý luận,*
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. *Ai từ bỏ hý luận,*
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. *Tại làng hay trong rừng,*
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,*
Chỗ người phạm không ưa,

*Vị ly tham sẽ thích,
Vị không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

*993. Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gán người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

*994. Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhãn.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chứng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một góc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,
Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,*

U-pa-tis tu thiền.

999. Đây đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Vội im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

1002. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

1003. *Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

1004. *Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uổng phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uổng phí qua.*

1005. *Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muện,
Chịu khổ trong địa ngục.*

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahàKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,**

Ý trong sáng không nhiễm,

**Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

*1009. Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

*1010. Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

*1011. Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.*

*1012. **Thiền tư** luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,
Ưu thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.*

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bồ Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.*

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,
Bậc đại trí, thiên định,
Như đất, nước và lửa,
Không tham, không ghét bỏ.*

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.*

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bồ Sư,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.*

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

1017. *Tỉnh cần, chớ phóng dật,*
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.

758 Tôn giả Sàriputta - Toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề Cảm thọ - Kinh Samitigutta – Tiểu III, 91

Samitigutta – Tiểu III, 91 (81)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sàvatthi, tên là Samitigutta (hộ trì nhờ hòa khí).

Nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia và chứng được **giới** thanh tịnh. Do kết quả nghiệp đời trước, ngài bị **bệnh hủi**, tay chân của ngài rơi xuống từng phần một, ngài sống trong một nhà bệnh.

Một hôm, Tôn giả Sàriputta đi thăm các người bệnh và hỏi thăm các bệnh nhân, thấy Samitigutta, Tôn giả cho một đề tài để thiền quán, nói rằng: "**Này Hiền giả, nếu nói về vấn đề năm thủ uẩn, thời toàn bộ khổ uẩn là một vấn đề cảm thọ. Và khi không có năm uẩn, thời không có đau khổ**".

Nói xong, Tôn giả Sàriputta tiếp tục đi. Nhưng bệnh nhân Samitigutta được phấn khởi với bài dạy ấy, **triển khai thiền quán** và chứng được **sáu thắng trí**. Nhờ đó, ngài nhớ đến các hành ngài làm đời trước, khiến nay ngài phải mắc bệnh hủi.

Và tán thán sự kiện này mọi việc đã được chấm dứt,
ngài nói lên bài kệ:

*81. Việc ác ta đã làm,
Trong các đời sống trước,
Ở đây chỉ cảm thọ,
Thọ lãnh từ nghiệp ấy,
Căn bản các nghiệp khác,
Thật sự không còn nữa.*

759 Tôn giả Sàriputta - Tướng quân, Thừa tự Như Lai vị - Kinh Sela – Tiểu III, 399

Sela – Tiểu III, 399 (253)

Được sanh trong thời đức Phật hiện tại ở Anguttaràpa, trong một gia đình Bà-la-môn, tại một làng Bà-la-môn ở Apana, ngài được đặt tên là *Sela*.

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài sống ở đây, rất giỏi về ba tập Vệ-đà và về nghệ thuật Bà-la-môn, dạy các **Mantrà (thần chú)** cho ba trăm thanh niên Bà-la-môn.

Trong khi ấy Thế Tôn rời bỏ Sàvatthi, đang du hành ở Anguttaràpa với một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỷ-kheo. Biết được **tám** tánh thuần thực của *Sela* và các đệ tử của ngài, đức Phật dừng lại tại một khu rừng. Rồi *ẩn sĩ Keniya*, sau khi mời bậc Đạo Sư với chúng Tỷ-kheo dùng cơm vào ngày sau, đang sửa soạn rất nhiều món đồ ăn.

Rồi *Sela* với ba trăm đệ tử đến thăm am thất và hỏi có phải Keniya đang sửa soạn để đón mừng vị Đại thần của vua. Khi Keniya trả lời là sửa soạn thức ăn để mời đức Phật, *Sela* cảm thấy hết sức xúc cảm với chữ đức Phật, đi đến gặp ngay đức Phật với các thanh

niên đệ tử của mình. Sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm, ngài chiêm ngưỡng các tướng tốt đức Phật và nghĩ rằng: "*Một vị có những tướng tốt như vậy, một là sẽ thành vị Chuyển luân Thánh vương, hai là sẽ thành Phật*". Một vị Phật khi nghe tán thán về mình sẽ lộ rõ chân tướng Phật của mình. Còn nếu chưa thành Phật, khi nghe tán thán về đức Phật sẽ cảm thấy khó chịu và bất mãn. Ngài quyết định nói lên lời tán thán đức Phật như sau:

818. **Thân** tròn đủ, chói sáng,
Khéo sanh và đẹp đẽ,
Thế Tôn **sắc vàng chói**,
Răng trơn láng, tinh cần.

819. Đối với người khéo sanh,
Những tướng tốt trang trọng,
Đều có trên thân Ngài,
Tất cả Đại nhân tướng.

820. **Mắt** sáng, mặt tràn đầy,
Cân đối, thẳng, hoàn mỹ,
Giữa chúng Sa-môn Tăng,
Ngài chói như mặt trời.

821. Vị Tỷ-kheo đẹp mắt,
Da sáng như vàng chói,

*Với hạnh Sa-môn Ngài,
Cần gì sắc tối thượng.*

*822. Ngài xứng bậc Đại vương,
Chuyển luân, xa luân chủ,
Chiến thắng khắp bốn phương,
Bậc chúa tể Diêm phù.*

*823. Vương tộc, hào phú vương,
Là chư hầu của Ngài,
Là vua giữa các vua,
Là giáo chủ loài Người,
Hãy trị vì quốc độ,
Tôn giả Gotama!*

Thế Tôn vâng theo ý muốn của Sela, trả lời:

*824. Sela, Ta là vua!
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe chưa từng chuyển.*

Phạm chí Sela nói:

*825. Ngài tự nhận giác ngộ.
Bậc Pháp vương, Vô thượng,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Gotama nói vậy.*

826. *Ai sẽ là tướng quân?
Là đệ tử Tôn giả?
Ai theo giữ truyền thống,
Xứng đáng bậc Đạo Sư?
Sau Ngài, ai sẽ chuyển,
Pháp luân Ngài đã chuyển?*

Tôn giả Sàriputta đang ngồi bên phải Thế Tôn, đầu chói sáng đẹp đẽ như một đồng vàng. Thế Tôn chỉ Sàriputta và nói:

827. *Thế Tôn: Này Sela,
Ta chuyển bánh xe pháp,
Bánh xe pháp vô thượng,
Chính Sàriputta,
Chuyển bánh xe Chánh pháp,
Thừa tự Như Lai vị.*

828. *Cần biết, Ta đã biết,
Cần tu, Ta đã tu,
Cần đoạn, Ta đã đoạn,
Do vậy, Ta là Phật,
Hỡi này Bà-la-môn.*

829. *Còn gì nghi ở Ta,
Hãy gác bỏ một bên,
Hãy giải thoát khỏi chúng,*

Hỡi này Bà-la-môn.

*830. Thấy được bậc Chánh Giác,
Thật thiên nan vạn nan,
Bậc Chánh Giác ra đời,
Thật thiên nan vạn nan,
Ta là bậc Chánh Giác,
Bậc Y vương Vô thượng,
Hỡi này Bà-la-môn.*

*831. Là Phạm thiên khó sánh,
Nhiếp phục các Ma quân,
Hàng phục mọi đối nghịch,
Ta hân hoan không sợ.*

Bà-la-môn Sela hoàn toàn tin tưởng vào Thế Tôn,
muốn xuất gia và thưa rằng:

*832. Chư Tôn giả hãy nghe!
Như bậc có mắt giảng,
Bậc Y vương Đại hùng,
Sư rử rống trong rừng!*

*833. Thấy Phạm thiên vô tỷ,
Nhiếp phục các Ma quân,
Ai lại không tín thành,
Cho đến kẻ hạ tiện.*

834. *Ai muốn, hãy theo ta,
Không muốn hãy đi ra,
Ở đây ta xuất gia,
Với bậc Tuệ tối thượng.*

Các thanh niên Bà-la-môn, vì đã đạt được những điều kiện cần thiết, trả lời:

835. *Nếu Tôn giả tín thành,
Giáo pháp bậc Chánh Giác,
Chúng con cũng xuất gia,
Với **bậc Tuệ tối thắng!***

Sela hoan hỷ thấy các thanh niên Bà-la-môn san sẻ chí nguyện của mình, đưa chúng đến trước mặt Thế Tôn và xin được xuất gia:

836. *Ba trăm Phạm chí ấy,
Chấp tay xin được phép,
Chúng con sống Phạm hạnh,
Do Thế Tôn lãnh đạo.*

Rồi Thế Tôn, thấy được Sela trong các đời quá khứ, Sela cũng đã dạy cho ba trăm đệ tử này trông các giống phước và nay trong đời cuối cùng, đã tạo được tuệ quán cho mình và cho các đệ tử, thấy rằng chúng đã thuận thực để xuất gia:

837. *Thế Tôn đáp: Sela,
Phạm hạnh được khéo giảng,
Thiết thực ngay hiện tại,
Vượt khỏi thời gian tính,
Ở đây sự xuất gia,
Không uổng công, hoang phí,
Với ai không phóng dật,
Tinh tấn chuyên tu học.*

Thế Tôn nói: "Hãy đến, Tỳ-kheo!" Rồi với thần lực của Bốn sư, tất cả đều có y và bình bát, đánh lễ đức Phật, **bắt đầu học thiền quán** và **chứng quả A-la-hán vào ngày thứ bảy.**

Rồi các vị ấy đến đức Phật, nói lên trí giác của mình, và Sela thưa:

838. *Kính bạch bậc Pháp nhĩn,
Cách đây trước tám ngày,
Chúng con đã đến Ngài,
Xin phát nguyện quy y,
Thế Tôn trong bảy đêm,
Đã nhiếp phục chúng con,
Đã chế ngự chúng con,
Trong giáo lý của Ngài.*

839. *Ngài là bậc Giác giả,*

*Ngài là bậc Đạo Sư,
Ngài là bậc Mâu-ni,
Đã chiến thắng quân ma,
Sau khi đã đoạn trừ,
Vượt qua biển sanh tử,
Ngài giúp quần sanh này,
Cùng vượt qua bể khổ.*

*840 Sanh y Ngài vượt qua,
Lậu hoặc Ngài nghiền nát,
Ngài là sư tử chúa,
Không chấp, không sợ hãi.*

*841. Ba trăm Tỷ-kheo này,
Đồng chấp tay đứng thẳng,
Ôi anh hùng chiến thắng,
Hãy duỗi chân bước tới,
**Hãy để các đại nhân,
Đảnh lễ bậc Đạo Sư.***

760 Tôn giả Upasena Vangantaputta - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 198

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 198 (Ud 45)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Ràjagaha, tại Trúc Lâm, chỗ nuôi dưỡng các con sóc. Lúc bấy giờ **Tôn giả Upasena Vangantaputta** trong khi độc cư thiền định, ý nghĩa như sau được khởi lên:

- *"Thật lợi ích thay cho ta, thật khéo lợi ích thay cho ta, bậc Đạo sư của ta, bậc Thế Tôn của ta, là bậc A-la-hán, Chánh-Đẳng-Giác.*
- *Chúng ta được xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, trong **Pháp Luật** khéo nói.*
- *Các vị **đồng Phạm hạnh** với ta là những người có giới, theo thiện pháp.*
- *Chúng ta là những người làm đầy đủ trong **giới luật**.*
- *Chúng ta có thiện **định**.*
- *Chúng ta có nhất tâm, là bậc A-la-hán, **đoạn tận các lậu hoặc**, chúng ta có đại thần lực, đại uy lực.*
- *Hiền thiện là mạng sống của ta.*
- *Hiền thiện là sự chết của ta."*

Rồi Thế Tôn với tâm của mình, biết được tâm của Tôn giả Upasena Vangantaputta, ngay trong lúc ấy nói lên **lời cảm hứng**:

*10. Ai sống không nhiệt nã
Khi chết không sầu muộn,
Bậc trí nếu thấy đường,
Giữa sâu, không sầu muộn,
Tỷ-kheo đoạn hữu ái,
Tâm tư được an tịnh,
Luân hồi sanh tử tận,
Vị ấy không tái sanh.*

761 Tôn trọng - Là mũi tên nhỏ nhiệm, Thật khó được rút ra - Kin hMahà Kaccàyana – Tiểu III, 295

Mahà Kaccàyana – Tiểu III, 295 (229)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh tại Ujenì trong gia đình của vị cô vắn nghi lễ cho vua Candapajjota. Ngài học ba tập Vệ-đà, khi ngài lớn và khi phụ thân mất ngài kế tiếp chức vụ của cha. Ngài được biết với tên là Kaccàna theo dòng họ.

Nhà vua được nghe tin đức Phật xuất hiện, ngài đi mời đức Phật, ngài đi với bảy người, được bậc Đạo Sư thuyết pháp, sau buổi thuyết giảng, cả ngài với bảy người đều chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi Thế Tôn đưa tay nói: "Hãy đến các Tỷ-kheo!" cả tám vị được cắt tóc, đầy đủ với bát và y.

Khi ngài đã được giải thoát, ngài mời đức Phật đến Ujenì để thuyết pháp cho vua. Đức Phật nói Kaccàna tự mình đi về, thực hiện sứ mệnh ấy. Kaccàna theo lời khuyên, đi với cả bảy vị, thuyết pháp cho vua, khiến vua khởi lòng tin rồi trở lại với bậc Đạo Sư.

Một hôm, nhiều Tỷ-kheo sau khi bỏ một bên các bổn phận của mình, tìm thú vui trong các vui thế tục và xã hội, đang sống một đời sống phóng dật. Vị

Trưởng lão trong hai câu kệ, khuyên răn các vị ấy,
và với sáu bài kệ tiếp, giảng dạy cho vua:

494. *Chớ làm quá nhiều việc,
Tránh quân chúng đua tranh,
Người siêng **tham đắm vị**,
Bỏ đích đem an lạc.*

495. *Ta cảm là "đồng bần",
Cung kính các gia đình,
Là mũi tên nhỏ nhiệm,
Thật khó được rút ra,
Tôn trọng khó từ bỏ,
Đối với kẻ không tốt.*

Lời cho vua:

496. *Hành động của con người,
Không phải là độc ác,
Tùy thuộc vào người khác,
Người khác nói hay làm,
**Tự mình chớ có làm,
Vì người, bà con nghiệp.***

497. *Không vì người khác nói,
Con người thành ăn trộm,
Không vì người khác nói,
Con người thành bậc Thánh.
Như mình tự biết mình,*

Chư Thiên biết mình vậy.

*498. Người khác không biết được,
Đây ta sống một thời,
Nhưng ai biết được vậy,
Bậc trí sống lặng dịu.*

*499. Chỉ bậc trí sống mạnh,
Dầu tài sản đoạn tận,
Nếu không được trí tuệ,
Có tiền như không sống,*

Với vua hỏi về con mộng:

*500. Với **tai** nghe tất cả,
Với **mắt** thấy tất cả,
Kẻ trí **bỏ** tất cả,
Như không thấy, không nghe,*

*501. Có **mắt**, như kẻ mù,
Có **tai** như kẻ điếc,
Có **trí**, như kẻ ngu,
Có **sức**, như kẻ yếu,
Để việc lành khởi lên,
Nhằm như kẻ chết nằm.*

762 Tại gia và xuất gia - Tương duyên nhau - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 445

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 445 (Cat. 8)
(It. 111)

Này các Tỷ-kheo, các Bà-la-môn gia chủ rất có lợi ích cho các Thầy, chính họ đã sắp đặt y áo, đồ ăn khất thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh cho các Thầy.

Này các Tỷ-kheo, các Thầy cũng rất có lợi ích cho các người Bà-la-môn gia chủ, vì các Thầy thuyết pháp cho họ, pháp ấy sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có nghĩa có văn, nói lên Phạm hạnh hoàn toàn viên mãn thanh tịnh.

Như vậy, này các Tỷ-kheo, **Phạm hạnh này được sống, do tương duyên với nhau, với mục đích vượt qua dòng nước mạnh, đoạn tận khổ đau.**

*Có nhà và không nhà,
Cả hai nương tựa nhau,
Chứng đạt được diệu pháp,
Ách an ổn, vô thượng,
Từ các vị có nhà,
Vị không nhà nhận được,*

*Y áo, các vật dụng,
Giường nằm và chỗ ngồi,
Nhờ vậy tránh khỏi được,
Các nguy hiểm nhọc nhằn.*

*Các vị trú gia đình,
Ước mong mến gia đình,
Nương tựa bậc Thiện Thệ,
Lòng tin bậc Ứng Cúng,
Lòng tin Thánh trí tuệ,
Họ tu tập thiền định,
Ở đây, hành trì pháp,
Con đường đến cõi lành,
Hân hoan trong thiên giới,
Họ sống được hoan hỷ,
Như điều họ mong muốn.*

763 Tại làng hay trong rừng, Thung lũng hay đồi cao - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Ràjagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Ràjagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. *Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.*

982. *Ăn đồ ướt hay khô,*

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quở
Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uống phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uống phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Độc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Độc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sự và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phận của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sự,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

764 Tảng đá - Tâm ai như tảng đá, Đứng vững, không dao động - Kinh Khitaka – Tiểu III, 170

Khitaka – *Tiểu III*, 170 (156)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong nước Kosala, con một vị Bà-la-môn, được đặt tên là Khitaka.

Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, xuất gia, sống trong rừng, không bao lâu chứng quả A-la-hán.

Hưởng được lạc giải thoát Niết-bàn, cảm thấy phấn khởi tinh cần, ngài đi đến các Tỷ-kheo sống trong rừng để khích lệ, làm các vị ấy phấn khởi. Ngài nói những bài kệ này, trước hết vì hạnh phúc cho các vị ấy, sau nói lên chánh trí của ngài:

191. *Tâm ai như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Hỡi những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ai tu tập vậy,
Từ đâu, khổ sẽ đến.*

192. *Tâm ta như tảng đá,
Đứng vững, không dao động,
Đối những vật khả ái,
Tâm không có tham ái,
Đối vật làm dao động,
Tâm không có dao động,
Tâm ta tu tập vậy,
Từ đâu, khổ đến ta.*

765 **Tất cả - Ai không liễu tri tất cả, không thể diệt khổ - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 296**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 296 (Ek I,
7) (It. 3)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

- *Này các Tỷ-kheo, ai không thắng tri, không liễu tri **tất cả**, ở đây tâm không ly tham, từ bỏ, không thể diệt được khổ đau.*
- *Này các Tỷ-kheo, ai thắng tri, liễu tri **tất cả**, ở đây tâm ly tham, từ bỏ, có thể diệt được khổ đau.*

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai hiểu, rõ biết được,
Tất cả là tất cả,
Đối với tất cả chỗ,
Không có sự tham đắm,
Vị như vậy chắc chắn,
Liễu tri được tất cả,
Và có thể vượt qua,
Tất cả mọi đau khổ.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

766 Tất cả hành khổ đau, Với Tuệ quán thấy vậy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Với trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

767 Tất cả hành vô thường, Với Tuệ, quán thấy vậy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Với trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Với Tuệ, quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Với Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Với trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

768 Tất cả hữu tình nào, Sẽ có mặt ở đời - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 202

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 202 (Ud 48)

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, chỗ khu vườn ông Anàthapindika. Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi chiều, từ thiền định đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn. Thật hi hữu thay, bạch Thế Tôn. Thọ mạng ít thay, bạch Thế Tôn, là mẹ của Thế Tôn! Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất".

- Chính là như vậy, này Ananda! Thọ mạng ít thay là mẹ vị Bồ Tát. Sau khi sanh Thế Tôn bảy ngày, mẹ Thế Tôn mệnh chung, được sanh ở cõi trời Đâu suất! **Thọ mạng ít thay** là các bà mẹ của các Bồ Tát. Sau khi sanh bảy ngày, các bà mẹ của các Bồ-tát mệnh chung, và được sanh lên cõi trời Đâu suất.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu rõ ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời kệ:

2. *Tất cả hữu tình nào,
Sẽ có mặt ở đời,
Tất cả chúng sẽ đi,
Sau khi bỏ sắc thân.*

*Hiểu tất cả là vậy,
Bậc thiện sanh nhiệt tâm,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

769 Tất cả pháp vô ngã, Với Tuệ quán thấy vậy - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 85

Phẩm Đạo – *Tiểu I*, 85

273. **Tám ngành**, đường thù thắng,
Bốn câu, lý thù thắng,
Ly tham, pháp thù thắng,
Giữa các loài hai chân,
Pháp nhãn, người thù thắng.

274. Đường này, không đường khác,
Đưa đến kiến thanh tịnh,
Nếu người theo đường này,
Ma quân sẽ mê loạn.

275. Nếu người theo đường này,
Đau khổ được đoạn tận,
Ta dạy Người con đường,
Với trí, gai chướng diệt.

276. Người hãy nhiệt tình làm,
Như Lai chỉ thuyết dạy,
Người hành trì thiền định,
Thoát trói buộc Ác ma.

277. Tất cả hành **vô thường**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

278. Tất cả hành **khổ đau**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

279. Tất cả pháp **vô ngã**,
Vớ Tuệ quán thấy vậy,
Đau khổ được nhàm chán,
Chính con đường thanh tịnh.

280. Khi cần, không nỗ lực,
Tuy trẻ mạnh, nhưng **lười**,
Chí nhu nhược, biếng nhác,
Vớ trí tuệ thụ động,
Sao tìm được chánh đạo?

281. Lời nói được thận trọng,
Tâm tư khéo hộ phòng,
Thân chớ làm điều ác,
Hãy giữ ba nghiệp tịnh,
Chứng đạo thánh nhân dạy.

282. Tu thiên, trí tuệ sanh,
Bỏ Thiên, trí tuệ diệt,
Biết con đường hai ngã,
Đưa đến hữu, phi hữu,
Hãy tự mình nỗ lực,
Khiến trí tuệ tăng trưởng.

283. Đón rùng không đón cây,
Từ rùng, sinh sợ hãi,
Đón rùng và ái dục,
Tỷ kheo, hãy tịch tịnh.

284. Khi nào chưa cắt tiết,
Ái dục giữa gái trai,
Tâm ý vẫn buộc ràng,
Như bò con vú mẹ.

285. Tự cắt giây ái dục,
Như tay bẻ sen thu,
Hãy tu đạo tịch tịnh,
Niết-Bàn, Thiện Thệ dạy.

286. Mùa mưa ta ở đây,
Đông, Hạ cũng ở đây,
Người ngu tâm tưởng vậy,
Không tự giác hiểm nguy.

287. Người tâm ý đắm say,
Con cái và súc vật,
Tử thần bắt người ấy,
Như lạt trôi làng ngủ.

288. Một khi tử thần đến,
Không có con che chở,
Không cha, không bà con,
Không thân thích che chở.

289. Biết rõ ý nghĩa này,
Bậc trí lo trì giới,
Mau lẹ làm thanh tịnh,
Con đường đến Niết-Bàn.

770 Tâm cầu - 3 tâm cầu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 359

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 359 (Tik. I, 5) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tâm cầu** này. Thế nào là ba? **Dục tâm cầu, hữu tâm cầu, Phạm hạnh tâm cầu.** Này các Tỷ-kheo, có ba tâm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Định tĩnh và tỉnh giác,
Chánh niệm đệ tử Phật,
Quán tri các tâm cầu,
Và hiện hữu tâm cầu,
Ở đây, tâm ấy diệt.
Và con đường đến diệt.
Tỷ-kheo do diệt tận,
Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có ước muốn
Được lắng dịu tịch tịnh.*

Ý nghĩa này đã được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

771 Tầm cầu - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 360

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 360 (Tik. I, 6) (It. 48)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tầm cầu** này. Thế nào là ba? **Dục** tầm cầu, **hữu** tầm cầu, **Phạm hạnh** tầm cầu. Này các Tỷ-kheo, có ba tầm cầu này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Dục và hữu tầm cầu,
Cùng Phạm hạnh tầm cầu,
Nếu chấp trước nắm giữ,
Chính đây là sự thật,
Như vậy là chất chứa,
Đủ mọi loại kiến xứ.*

*Với ai không ham muốn
Đối với các loại tham,
Vị ấy được giải thoát,
Nhờ diệt được khả ái,
Tầm cầu được từ bỏ,
Kiến xứ được nhỏ lên,*

*Tỷ-kheo do diệt tận
Các loại tâm cầu ấy,
Không còn có mong cầu,
Không còn có nghi hoặc.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

772 Tầm tư - 3 tầm tư bất thiện - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 396

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 396 (Tik.
IV, 1) (It. 72)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba tầm tư bất thiện** này. Thế nào là ba?

- Tầm tư liên hệ đến **tự đề cao mình**.
- Tầm tư liên hệ đến **lợi dưỡng**, cung kính, danh vọng.
- Tầm tư liên hệ đến **lo lắng cho người khác**.

Này các Tỷ-kheo, có ba tầm tư bất thiện này.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai có sự liên hệ,
Tự đề cao chính mình,
Liên hệ đến lợi dưỡng,
Cung kính và tôn trọng,
Ai ưa thích, vui thích,
Làm thân, làm bạn hữu,
Những vị ấy đứng xa,
Diệt tận các kiết sử.*

Ai từ bỏ con cái,

*Từ bỏ các loài vật,
Từ bỏ các lễ cưới,
Bỏ cất chứa tài sản,
Ty-kheo ấy có thể,
Chứng Bồ-đề vô thượng.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến, và tôi đã được nghe.

773 Tầm tư - Bệnh và thuốc - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 176

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 176 (Ud 34)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Càlikà, tại núi Càlikà Lúc bấy giờ Tôn giả Meghiya là người thị giả Thế Tôn. Rồi **Tôn giả Meghiya** đi đến Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, con muốn vào làng Jantu để khát thực.

- Nay Meghiya, hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.

Rồi Tôn giả Meghiya, vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở làng Jantu xong, sau buổi ăn, khi khát thực trở về, đi đến bờ sông Kimikàkà, sau khi đến, bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy Tôn giả Meghiya suy nghĩ: *"Thật tươi đẹp thay, khả ái thay rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần. Nếu Thế Tôn cho phép ta, ta sẽ đến rừng xoài này để tinh cần hành trì"*. Rồi Tôn giả Meghiya đi

đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên, ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, con vào buổi sáng đắp y, cầm bát đi vào làng Jantu để khát thực. Khát thực ở Jantu xong, sau buổi ăn, khi đi khát thực trở về, con đi đến bờ sông Kimikàlà, sau khi đến, con bộ hành qua lại trên bờ sông Kimikàlà, con thấy rừng xoài tươi đẹp, khả ái, thấy vậy, con suy nghĩ: "Thật tươi đẹp thay, khả ái thay là rừng xoài này. Rừng xoài này thật là vừa đủ để một thiện nam tử tinh cần, hành trì hạnh tinh cần". Nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài ấy để tinh cần hành trì.

Được nói vậy, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi, này Meghiya. **Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỳ-kheo khác đến!**

Lần thứ hai, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn, không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm. Nhưng đối với con, bạch Thế Tôn, có việc cần phải làm thêm nữa, có việc cộng thêm vào việc đã làm. Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn cho phép con, con sẽ đi đến rừng xoài này để tinh cần tu hành.

Lần thứ hai, Thế Tôn nói với Tôn giả Meghiya:

- Hãy chờ đợi này Meghiya! Chúng ta nay chỉ có một mình, chờ cho đến khi một Tỷ-kheo khác đến.

Lần thưa ba, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, đối với Thế Tôn không có gì cần phải làm thêm nữa, không có gì cộng thêm vào việc đã làm... con sẽ đi để rừng xoài này để tinh cần tu hành.

- **Này Meghiya, khi Thầy nói tinh cần, thời Ta có thể nói gì được! Này Meghiya, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời!**

Rồi Tôn giả Meghiya từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài đi đến rừng xoài ấy, sau khi đến, đi sâu vào rừng xoài và ngồi trú ban ngày dưới một gốc cây. Trong khi Tôn giả Meghiya trú trong rừng xoài ấy, **phần lớn ba tâm ác, không thiện, hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm.**

Rồi Tôn giả Meghiya suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay, thật hi hữu thay! Ta vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, lại bị ba tâm ác, không thiện này xâm nhập, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm". Rồi Tôn giả Meghiya vào buổi chiều từ thiền tịnh đứng dậy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Meghiya bạch Thế Tôn:

- Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con sống trong rừng xoài ấy, phần lớn ba tâm ác, không thiện hiện hành, tức là dục tâm, sân tâm, hại tâm. Bạch Thế Tôn, rồi con suy nghĩ như sau: "Thật vi diệu thay... hại tâm".

- Nay Meghiya, khi **tâm giải thoát chưa được thuần thực, năm pháp đưa đến sự thuần thực.**

Thế nào là năm?

- Ở đây thiện bạn hữu, **thiện thân hữu** là pháp thứ nhất, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Đây là pháp thứ hai, này Meghiya, khiến tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, phàm có những **câu chuyện nào nghiêm túc**, thích ứng khai mở tâm, đưa đến nhất hướng nhằm chán, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn, như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về biết đủ, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần, tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định,

câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát trí kiến. Những câu chuyện như vậy có thể được không có khó khăn, có thể được không có mệt nhọc, có thể được không có phí sức. Đây là giải pháp thứ ba, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo sống tinh cần, **tinh tấn**, để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện. Đây là pháp thứ tư, này Meghiya, khiến cho tâm giải thoát chưa thuần thực, đi đến thuần thực.
- Lại nữa, này Meghiya, vị Tỷ-kheo **có trí tuệ**, đầy đủ trí tuệ, đi đến thâm sát sanh diệt, với **Thánh thể nhập** đưa đến đoạn tận khổ đau. Đây là pháp thứ năm. Này Meghiya, khiến tâm thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

Này Meghiya, đây là năm pháp khiến tâm giải thoát chưa thuần thực đi đến thuần thực.

- ➔ Này Meghiya, với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Pàtimokkha, đầy đủ uy nghi

chánh hạnh thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và tu tập trong các học pháp.

- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, sẽ giữ giới, sẽ sống chế ngự... tu tập trong các học pháp, được chờ đợi là phàm có những câu chuyện nào nghiêm túc, thích ứng, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết-bàn. Như câu chuyện về ít dục, câu chuyện về viễn ly, câu chuyện về hòa hợp, câu chuyện về tinh cần tinh tấn, câu chuyện về giới luật, câu chuyện về thiền định, câu chuyện về trí tuệ, câu chuyện về giải thoát, câu chuyện về giải thoát tri kiến; những câu chuyện như vậy có thể có được không khó khăn, có được không mệt nhọc, có được không phí sức.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị ấy sống tinh cần, tinh tấn để đoạn tận các pháp không thiện, để làm sanh khởi các pháp thiện, kiên trì, cương quyết, không từ bỏ gánh nặng đối với pháp thiện.
- ➔ Với vị Tỷ-kheo thiện thân bằng hữu, thiện bạn hữu, thiện bằng hữu, được chờ đợi là vị Tỷ-kheo sẽ có trí tuệ, đầy đủ trí đi đến thâm sát sanh diệt với thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Lại nữa, này Meghiya, với vị Tỷ-kheo khéo an trú trong năm pháp này, **bốn pháp cần phải tu tập thêm**:

- **Bất tịnh** cần phải tu tập để đoạn tận **tham**;
- **Tù** cần phải tu tập để đoạn tận **sân**;
- **Niệm hơi thở** vô hơi thở ra cần phải tu tập để trừ khử **tâm tư**;
- **Vô thường tưởng** cần phải tu tập để **nhỏ lên kiêu mạn**, tôi là.

Này Meghiya,

- Với ai có **tưởng vô thường**, thời **tưởng vô ngã** được an trú.
- Với ai có tưởng vô ngã, vị ấy đạt được sự **nhỏ lên kiêu mạn**: tôi là, Niết-bàn ngay trong hiện tại.

Rồi Thế Tôn, sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

*1. Các tâm nhỏ tế nhị,
Hiện hành ý hoan hỷ,
Do không biết đến chúng,
Tâm động chạy nhiều đời.
Nếu biết chúng **tâm tư**,
Nhiệt tâm và chánh niệm,*

Chế ngự được tư tưởng,
*Khi ý không hoan hỷ,
Bậc Chánh giác bỏ chúng,
Không còn chút dư tàn.*

774 Tầm tứ - 2 tầm tứ Như Lai hành trì nhiều - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 335

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 335 (Duk.
II, 1) (It. 31)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, với Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác, hai tầm tứ được hành trì nhiều đó là ***an ổn*** và ***ẩn dật***.

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích không làm hại, thích thú không làm hại. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích không làm hại này, thích thú không làm hại này, tầm tứ này được hành trì nhiều. "*Với cử chỉ uy nghi này Ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật*".

Này các Tỷ-kheo, Như Lai ưa thích ẩn dật, thích thú ẩn dật. Với Như Lai ấy, này các Tỷ-kheo, ưa thích ẩn dật này, thích thú ẩn dật này, tầm tứ này được hành trì nhiều! Phạm có bất thiện gì, thì đều được đoạn tận.

Do vậy, này các Tỷ-kheo, **các Thầy *hãy an trú, hân hoan trong không làm hại***, thích thú trong không làm hại. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú, hân hoan trong không làm hại, thích thú trong không làm hại, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. "Với cử chỉ uy nghi này, chúng ta không làm hại một ai, dầu là loài động vật hay không động vật".

Này các Tỷ-kheo, ***hãy an trú hân hoan trong ẩn dật***, thích thú trong ẩn dật. Này các Tỷ-kheo, với các Thầy an trú hân hoan trong ẩn dật, thích thú trong ẩn dật, tâm tứ này sẽ được hành trì nhiều. Còn có gì bất thiện, còn có gì chưa đoạn tận, còn có gì chúng ta phải từ bỏ nữa đâu?

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Như Lai, bậc Giác ngộ,
Bậc có thể **nhân nại**,
Những gì mà người khác,
Không có thể nhân nại,
Hai tâm tứ, vị ấy
Hành trì và thực hiện,
Trước hết được nói đến,
Là **an ổn tâm tứ**,
Thứ đến là **ẩn dật**,
Thứ hai được trình bày,
Phá tan màn hắc ám,*

Đã đến bờ bên kia,
Bậc Đại sĩ đạt được,
Quyền lực không lậu hoặc,
Đạt thân mạng tối hậu
Trong **ái diệt, giải thoát**.

Vị ẩn sĩ như vậy,
Chắc mang thân tối hậu,
Ta nói rằng vị ấy
Từ bỏ được kiêu mạn,
Thoát khỏi được già lão,
Đạt được bờ bên kia.
Như đứng trên tảng đá,
Trên đỉnh núi đầu non,
Đưa mắt nhìn xung quanh,
Quần chúng dưới chân mình,
Cũng vậy bậc Thiện tuệ,
Leo lên lầu Chánh pháp
Biến nhãn không sâu muộn,
Nhìn xuống đám quần sanh,
Bị ưu tư sâu khổ,
Bị sanh già áp bức.

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

775 Tầm tứ - 3 bất thiện tâm và 3 thiện tâm - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 408b

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 408b (Tik. IV, 8) (It. 82)

Này các Tỷ-kheo, có **ba tâm bất thiện** này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba?

- Này các Tỷ-kheo, **dục tâm** tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.
- Này các Tỷ-kheo, **sân tâm** tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.
- Này các Tỷ-kheo, **hại tâm** tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có ba tâm bất thiện này, tác thành mù, tác thành không mắt, tác thành không trí, đưa đến tuệ đoạn diệt, dự phần vào tổn hại, không đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có **ba thiện tâm** này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn. Thế nào là ba?

- **An ổn tâm**, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần làm tổn hại, đưa đến Niết-bàn.
- **Vô sân tâm**, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.
- **Vô hại tâm**, này các Tỷ-kheo, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.

Này các Tỷ-kheo, có ba thiện tâm này, tác thành không mù, tác thành mắt, tác thành trí, làm tăng trưởng trí tuệ, không dự phần vào tổn hại, đưa đến Niết-bàn.

*Hãy suy tư, suy tâm,
Ba tâm thuộc chánh thiện,*

Đổi ba tư duy ác,
Hãy từ bỏ, lánh xa.
Vị ấy chắc chế ngự,
Hành tướng các tư duy,
Như cơn mưa dẹp sạch,
Các bụi bặm chất chứa.
Vị ấy thật chắc chắn
An tịnh tâm với tâm.
Ở đây vị ấy đạt,
Con đường **an tịnh đạo**.

776 Tầm tứ - Tẩy sạch 3 ác tầm trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 449 (Cat.
11) (It. 115)

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên *dục* tầm, *sân* tầm hay *hại* tầm, nếu Tỷ-kheo **chấp nhận**, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tầm, hay sân tầm, hay hại tầm. Nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo **không**

chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu, thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu... thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

*Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Khởi lên ác tâm tư,
Liên hệ đến gia đình,
Thực hành theo ác đạo,
Mờ ám bởi si mê,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không chứng Vô thượng giác.*

*Ai khi đi, khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Tập trung được tâm tư,
Ưa thích tâm chỉ tịnh,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

Chúng được Vô thượng giác.

777 Tầm tứ - Với ai, tầm quét sạch, Nội tâm khéo cắt đứt - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 247

Kinh Lời Cảm Hứng – Tiểu I, 247 (Ud 71)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn của ông Anàthapindika. Lúc bấy giờ, Tôn Giả Subhùti ngồi không xa Thế Tôn bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, **nhập định không tầm**.

Thế Tôn thấy Tôn giả Subhùti ngồi không xa bao nhiêu, ngồi kiết-già lưng thẳng, nhập định không tầm. Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy nói lên ***lời cảm hứng***:

*7. Với ai, tầm quét sạch,
Nội tâm khéo cắt đứt,
Không còn chút dư tàn
Vượt qua ái nhiễm ấy,
Đạt được tướng vô sắc,
Vượt khỏi bốn ách nạn,
Không đi đến thọ sanh.*

778 Tầm tứ - Đòi bị hỷ trối buộc, Suy tầm là sở hành - Kinh Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya - Tiểu I, 806

Câu hỏi của thanh niên 13 Udaya – *Tiểu I*, 806

Udaya:

1105. Tôn giả U-da-ya:

*Con đến với câu hỏi,
Về tất cả mọi pháp,
Để hỏi bậc tu thiên,
Bậc an tọa không bụi,
Trách nhiệm đã làm xong,
Bậc không có lậu hoặc,
Đã đạt bờ bên kia,*

Hãy nói trí giải thoát

Để phá hoại vô minh.

Thế Tôn:

1106. Đây lời Thế Tôn nói:

*Hỡi này U-đa-ya,
Đoạn ước muốn, dục vọng,
Và cả hai loại ưu,
Và trừ bỏ hôn trầm,
Ngăn chặn mọi hối hận.*

1107. Ta nói trí giải thoát,
Để phá hoại vô minh,
Thanh tịnh nhờ xả niệm,
Suy tư pháp đi trước.

Udaya:

1108. Đòi cái gì trói buộc,
Cái gì, đòi vận hành?
Do đoạn được cái gì,
Được gọi là Niết-bàn?

Thế Tôn:

1109. Đòi bị **hỷ** trói buộc,
Suy tâm là sở hành,
Do **đoạn được khát ái**,
Được gọi là **Niết-bàn**.

Udaya:

1110. Người sở hành chánh niệm,
Thức được diệt thế nào?
Con đến hỏi Thế Tôn,
Nghe lời Thế Tôn nói.

Thế Tôn:

1111. **Ai không có hoan hỷ**,
Với nội và ngoại **thọ**,

*Sở hành chánh niệm vậy,
Thức đạt được hoại diệt.*

779 Tẩy sạch 3 ác tâm trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 449

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 449 (Cat.
11) (It. 115)

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên *dục* tâm, *sân* tâm hay *hại* tâm, nếu Tỷ-kheo **chấp nhận**, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo đang đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tâm, hay sân tâm, hay hại tâm. Nếu Tỷ-kheo chấp nhận, không có từ bỏ, không có tẩy sạch, không có chấm dứt, không đi đến, không hiện hữu, này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị không có nhiệt tình, không có sợ hãi, liên tục thường hằng biếng nhác, tinh tấn hạ liệt.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đi* khởi lên dục tâm, sân tâm hay hại tâm, nếu Tỷ-kheo **không**

chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu, thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang đi có sở hành như vậy, vị ấy là có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang *đứng*... khi đang *ngồi*... khi đang *nằm* thức, khởi lên dục tầm, sân tầm hay hại tầm, nếu Tỷ-kheo không chấp nhận, từ bỏ, tẩy sạch, chấm dứt, đi đến không hiện hữu... thì này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là vị có nhiệt tình, có sợ hãi, liên tục thường hằng tinh cần tinh tấn, siêng năng.

*Khi đi hoặc khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Khởi lên ác tâm tư,
Liên hệ đến gia đình,
Thực hành theo ác đạo,
Mờ ám bởi si mê,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không chứng Vô thượng giác.*

*Ai khi đi, khi đứng,
Khi ngồi hay khi nằm,
Tập trung được tâm tư,
Ưa thích tâm chỉ tịnh,
Vị Tỷ-kheo như vậy,*

Chúng được Vô thượng giác.

780 Tẩy sạch 5 triền cái trong 4 oai nghi - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 451

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 451 (Cat.
12) (5 It. 118)

Này các Tỷ-kheo, **hãy sống đầy đủ giới, đầy đủ giới
bốn Pàtimokkha, được chế ngự với chế ngự giới bốn
Pàtimokkha. Hãy sống đầy đủ oai nghi chánh
hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận
và học tập trong các học pháp.**

*Đã sống đầy đủ giới, này các Tỷ-kheo, đầy đủ giới
bốn Pàtimokkha, được chế ngự với sự chế ngự của
giới bốn Pàtimokkha, sống đầy đủ uy nghi chánh
hạnh, thấy sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhất, chấp nhận
và học tập trong các học pháp, **còn có gì cần phải
làm thêm nữa?***

*Nếu Tỷ-kheo trong khi **đi**, **tham**, **sân** được từ bỏ, hôn
trầm thuy miên được từ bỏ, trạo hối được từ bỏ, nghi
được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động,
niệm được an trú không có thất niệm, **thân** được
khinh an không có cuồng nhiệt, **tâm** được định tĩnh
nhất tâm.*

Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đi có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người có nhiệt tâm, có sợ hãi liên tục thường hằng tinh tấn, siêng năng.

Nếu Tỷ-kheo trong khi *đứng*... nếu Tỷ-kheo trong khi *ngồi*... nếu Tỷ-kheo trong khi *nằm* thức, tham được trừ bỏ, sân được trừ bỏ, hôn trầm thuy miên được trừ bỏ, trạo hối được trừ bỏ, nghi được đoạn tận, tinh cần tinh tấn, không có thụ động, niệm được an trú, không có thất niệm, thân được khinh an, không có cuồng nhiệt, tâm được định tĩnh, nhất tâm. Này các Tỷ-kheo, nếu Tỷ-kheo trong khi đang nằm thức có sở hành như vậy, vị ấy được gọi là người nhiệt tâm, có sợ hãi, liên tục thường hằng, tinh tấn, siêng năng.

*Đi, đứng biết tự chế,
Ngồi, nằm biết tự chế,
Tỷ-kheo biết tự chế,
Khi co tay, duỗi tay.*

*Phía trên, ngang, cùng khắp,
Xa cho đến cùng tốt,
Bất cứ sanh thú nào,
Ở tại thế giới này,
Khéo quán sát sanh diệt,
Của tất cả pháp uẩn.*

*Sống như vậy nhiệt tâm,
Tâm chỉ tịnh, đúng pháp,*

Tâm an tịnh, không động,
Thường xuyên chuyên học tập,
Liên tục, thường siêng năng,
Tỷ-kheo được gọi vậy.

781 Tận cùng - Người đi đến tận cùng - Kính Câu hỏi của thanh niên 6 Upasiva - Tiểu I, 791

Câu hỏi của thanh niên 6 – Upasiva – *Tiểu I*, 791

Upasiva:

1069. Tôn giả U-pa-si-va:

Kính thưa bậc Thích tử,

Một mình, không y chỉ,

Con không thể vượt khỏi,

Dòng nước lớn mạnh này,

Kính thưa bậc Biển nhân,

Hãy nói cho sở duyên,

Y chỉ sở duyên này,

Có thể vượt qua khỏi,

Dòng nước chảy mạnh này.

Thế Tôn:

1070. Đây lời dạy Thế Tôn:

Này U-pa-si-va,

Biết gìn giữ chánh niệm,

Không mong đợi vật gì,

Ông sẽ vượt bậc lưu,

Nương tựa: "không có gì",

Ngày đêm người nhận thấy,

**Đoạn dục, ly nghi ngờ,
Ái diệt là Niết-bàn.**

Upasiva:

1071. U-pa-si-va nói:

Ai là người ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Thế Tôn:

1072. Thế Tôn nói như sau:

Này U-pa-si-va,

Ai hoàn toàn ly tham,

Đối với tất cả dục,

Y chỉ không có gì,

Từ bỏ mọi gì khác,

Được giải thoát hoàn toàn,

Tưởng giải thoát tối thượng,

Tại đây, vị ấy trú,

Không tiếp tục đi tới.

Upasiva:

1073. Nếu vị ấy tại đây,
An trú không đi tiếp,
Trong một số nhiều năm,
Ôi bậc có biến nhãn!
Nếu vị ấy tại đây,
Được mát lạnh giải thoát,
Với vị được như vậy,
Còn có thức hay không?

Thế Tôn:

1074. Đây lời Thế Tôn nói:

Hỡi U-pa-si-va,
Cũng giống như ngọn lửa,
Bị sức gió mạnh thổi,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng,
Cũng vậy, vị ẩn sĩ,
Được giải thoát danh thân,
Đi đến chỗ tận cùng,
Không có thể ước lượng.

Upasiva:

1075. **Vị đi đến tận cùng,**
Có phải không hiện hữu?
Hay vị ấy thường hằng,
Đạt được sự không bệnh?
Lành thay, bậc ẩn sĩ,

*Hãy trả lời cho con,
Có vậy, con hiểu được,
Pháp như thật Ngài giảng.*

Thế Tôn:

1076. Thế Tôn nói như sau:

*Hỡi U-pa-si-va,
Người đi đến tận cùng,
Không thể còn ước lượng,
Với gì, nói đến nó,
Không còn có cái ấy,
Khi tất cả các pháp,
Đã được nhổ hẵn lên,
Mọi con đường nói phô,
Được nhổ lên sạch hết.*

782 Tận cùng thế giới - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 448

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 448 (Cat. 10) (It. 113)

Này các Tỷ-kheo, ví như có người bị dòng sông cuốn trôi, dòng sông đẹp dễ, dễ thương. Có người có mắt, đứng trên bờ thấy người ấy, nói rằng: *"Này người kia, tuy người bị cuốn trôi bởi dòng sông đẹp dễ dễ thương nhưng ở dưới kia có một cái hồ, đầy sóng và nước xoáy, đầy cá sấu và quỷ Dạ-xoa, nếu Ông đến chỗ ấy, Ông sẽ bị chết, hay đau khổ gần như chết"*. Rồi người ấy, sau khi nghe tiếng của người kia, liền với tay và với chân, **bơi ngược dòng**.

Này các Tỷ-kheo, Ta ví dụ này là để giải thích ý nghĩa. Ở đây, ý nghĩa là như sau:

- **Dòng sông**, là đồng nghĩa với **ái**.
- **Sắc khả ái** dễ thương, là đồng nghĩa với **sáu nội xứ**.
- **Cái hồ** ở dưới, là đồng nghĩa với **năm hạ phần kiết sử**.
- **Sóng**, là đồng nghĩa với **phân nộ, ưu não**.

- Nước xoáy, là đồng nghĩa với *năm dục tăng trưởng*.
- Cá sấu, với quỷ Dạ-xoa, là đồng nghĩa với *đàn bà*.
- Ngược dòng, là đồng nghĩa *xuất ly*.
- Tinh tấn với tay với chân, là đồng nghĩa với *tinh cần tinh tấn*.
- Người có mắt đứng trên bờ, là *Như Lai, bậc A-la-hán*, Chánh Đẳng Giác.

Cùng với sự đau khổ,
 Hãy từ bỏ các dục,
 Mong cầu trong tương lai,
 An ổn khỏi khó ách,
 Chơn chánh hiểu biết rõ,
 Tâm khéo được giải thoát,
 Tại đây, ở tại đây,
 Cảm xúc được giải thoát,
 Vị ấy đạt hiểu biết,
 Phạm hạnh được thành tựu,
 Đến tận cùng thế giới,
 Đến được bờ bên kia.
 Vị ấy được gọi vậy.

783 Tế lửa - Kinh Lời Cảm Hứng - Tiểu I, 125

Kinh Lời Cảm Hứng – *Tiểu I*, 125 (Ud 6)

Như vậy tôi nghe:

Một thời Thế Tôn trú ở Gayà, tại Gayasisa. Lúc bấy giờ, nhiều kẻ bện tóc, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn thấy nhiều kẻ bện tóc ấy, trong những đêm gió lạnh mùa đông, giữa những ngày mỏng tám, trong thời tuyết rơi, đang lặn xuống và nổi lên trong nước, làm việc lặn xuống nổi lên, tưới nước và tế lửa, nghĩ rằng: "*Với hành động này, được thanh tịnh*".

Thế Tôn sau khi hiểu biết ý nghĩa này, ngay trong lúc ấy, nói lên lời cảm hứng này:

9. *Thanh tịnh không có nước,
Ở đây nhiều người tắm,
Trong ai có chân thật,
Lại thêm có Chánh pháp,
Người ấy là Thanh tịnh,
Người ấy là Phạm chí.*

784 Tế thần - Ai tế tự Chánh pháp, Tế tự, không xan tham - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 435

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – *Tiểu I*, 435 (Cat. I)
(It. 101)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, Ta là Bà-la-môn, người được đến yêu cầu, tay luôn luôn thanh tịnh, mang thân cuối cùng, **vô thượng y sĩ** chữa trị, **y sĩ giải phẫu**. Các Thầy thật là con của Ta từ miệng sanh, từ Pháp sanh, từ Pháp tạo thành, thừa tự Pháp, không thừa tự tài vật.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại bồ thí: Bồ thí tài vật và bồ thí Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai bồ thí này, tức là bồ thí Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại phân phát này, phân phát tài vật và phân phát Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai phân phát này, tức là phân phát Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai nhiều ích này, nhiều ích tài vật và nhiều ích Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai nhiều ích này, tức là nhiều ích Pháp.

Này các Tỷ-kheo, có hai loại tế tự này. Tế tự tài vật và tế tự Pháp. Này các Tỷ-kheo, đây là tối thượng trong hai tế tự này, tức là tế tự Pháp.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Ai tế tự Chánh pháp,
Tế tự, không xan tham,
Như Lai có lòng từ,
Đối tất cả sinh vật,
Bậc tối thắng như vậy,
Giữa chư Thiên loài Người,
Chúng sanh kính đảnh lễ,
Vị đã vượt qua được,
Vượt qua dòng sanh hữu,
Đến được bờ bên kia.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

785 Tế thần - Bị cướp bắt đem tế thần nhưng không sợ hãi - Kinh Adhimutta – Tiểu III, 370

Adhimutta – *Tiểu III, 370* (248)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh là con người
chị của Trưởng lão Sankicca.

Ngài xuất gia dưới sự hướng dẫn của cậu ngài, và khi
còn là Sa-di, đã chứng quả A-la-hán. Sống hưởng an
lạc giải thoát, ngài muốn thọ Đại giới và đi về nhà để
xin phép bà mẹ.

Khi ngài đi, ngài bị các kẻ **cướp** bắt ngài và muốn
dâng ngài để tế thần. Các tên cướp tấn công ngài
nhưng ngài đứng, không khuất phục.

Tên tướng cướp lấy làm ngạc nhiên, tán thán ngài và
nói:

*705. Vì mục đích tế đàn,
Hoặc vì đích tài sản,
Những người chúng tôi giết,
Từ trước cho đến nay,
Không ai không sợ hãi,
Họ run sợ, rên xiết.*

706. Nhưng ngài không khiếp sợ,
Dung sắc càng hòa duyệt,
Vì sao ngài không than,
Trong đại nạn như vậy?

Adhimutta trả lời:

707. **Chủ cướp! Tâm** không khổ,
Với người không kỳ vọng,
Mọi sợ hãi vượt qua,
Với người kiết sử đoạn.

708. Nhờ đoạn nhân sanh hữu,
Pháp được thấy như thật,
Đối chết, không sợ hãi,
Nhờ gánh nặng đặt xuống.

709. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Ta không có sợ chết,
Khi bệnh hoạn được diệt.

710. Phạm hạnh ta khéo hành,
Con đường khéo tu tập,
Hữu được thấy không ngọt,
Như bỏ độc được uống.

711. Bờ kia đến, không thủ,
Việc làm xong, vô lậu,
Bằng lòng, thọ mạng diệt,
Như thoát lò sát sinh.

712. **Pháp tánh** đạt, tối thượng,
Ở đời, tuyệt sở hữu.
Như thoát ngôi nhà cháy,
Trong chết không sầu muộn.

713. Phàm có vật tụ hợp,
Được sanh hữu chỗ nào,
Tuyệt đường mọi xuất ly,
Đại ân sĩ nói vậy.

714. Ai hiểu rõ như vậy,
Như đức Phật đã thuyết,
Không còn nắm **sanh hữu**,
Như hòn sắt cháy đỏ.

715. **Quá khứ ta không có,**
Tương lai, hiện tại không,
Các hành không thực hữu,
Ở đây, than khóc gì?

716. **Thanh tịnh pháp sanh khởi,**

*Thanh tịnh hành tiếp tục,
Bậc thấy được như thật,
Không sợ hãi, thừa ngài.*

717. Với tuệ, thấy thế giới,
Giống như cỏ, thân cây,
Không có tánh ngã sở,
Không sầu muộn, không ngã.

718. Ta nhàm chán thân sắc,
Không ham có sanh hữu,
Khi thân này hoại diệt,
Sẽ không có thân khác.

719. Với thân ta, người làm,
Hãy làm như ý muốn,
Ta không vì duyên ấy,
Sẽ khởi lên **sân, ái**.

720. Kẻ ấy nghe nói vậy,
Hy hữu, lòng dựng ngược,
Quăng bỏ cả đao kiếm,
Thanh niên nói với ta.

721. Tôn giả hành hạnh gì,
Ai Đạo Sư Tôn giả,
Ngài theo lời ai dạy,

Được tánh không sâu nào?

Adhimutta:

722. Bậc toàn trí, toàn kiến,
Thắng giả, giáo sư ta,
Đại từ bi Đạo Sư,
Y vương toàn thế giới.

723. Pháp này vị ấy giảng,
Đưa đến đạt vô thượng,
Theo lời dạy vị ấy,
Được tánh không sâu nào.

724. Kẻ cướp nghe đại sĩ,
Khéo thuyết giảng như vậy,
Chúng liền quăng vất bỏ,
Đao gươm và vũ khí,
Một số bỏ nghề chúng,
Một số xin xuất gia.

725. Sau khi chúng xuất gia,
Trong giáo pháp Thiện Thệ,
Họ tu tập **Giác Chi,**
Năm lực, thành bậc trí.
Tâm hân hoan, ý mãn,
Các căn cảm xúc được,

Niết-bàn đạo, vô vi.

786 Tỉnh thức giữa người ngủ, Vị ấy, đời không uống - Kinh Dhammapàla – Tiểu III, 179

Dhammapàla – *Tiểu III*, 179 (162)

Trong thời đức Phật hiện tại, **khi bậc Đạo Sư qua đời**, ngài sanh ở Avanti con một Bà-la-môn, được đặt tên là *Dhammapàla*.

Khi ngài đi từ Takkasilà về, học hành đã xong, ngài thấy một vị Trưởng lão ngồi một mình trong thảo am, được vị ấy thuyết pháp, ngài khởi lòng tin, xuất gia và chứng được **sáu thắng trí**.

Trong khi ngài suy tư hoan hỷ trong vị ngọt giải thoát, hai Sa-di leo cây hái trái, bị cây gãy ngã xuống. Thấy vậy ngài lấy tay ôm đỡ hai người Sa-di, với **thần thông** đặt hai vị ấy xuống đất, không có bị thương. Và ngài dạy hai vị ấy với những bài kệ:

203. *Ai Tỷ-kheo trẻ tuổi,
Chú tâm hành lời Phật,
Tỉnh thức giữa người ngủ,
Vị ấy, đời không uống.*

204. *Do vậy, bậc Hiền trí,*

*Nhớ đến lời Phật dạy,
Chuyên tu **tín** và **giới**,
Hoan hỷ thấy Chánh pháp.*

787 Tịch tịnh - Chứng bất tử, tịch tịnh - Kinh Thắng Trận - Tiểu I, 526

Kinh Thắng Trận – *Tiểu I*, 526 (Sn 34)

193. *Hoặc là đi hay đứng,
Hoặc là ngồi hay nằm,
Hoặc co tay, duỗi tay,
Như vậy, thân dao động.*

194. *Ràng buộc với xương gân,
Trét thoa với da thịt,
Thân được da che đậy,
Như thật không thấy rõ.*

195. *Trong một bụng chứa đầy,
Cục gan, và bọng đái,
Quả tim và buồng phổi,
Cả thận, và tỳ tạng.*

196. *Nước mũi, và nước miếng,
Mồ hôi, và nước mỡ,
Máu, và nước khớp xương,
Mật, và bạch huyết cầu.*

197. *Từ **chín** nguồn nước này,*

*Bất tịnh luôn luôn chảy,
Từ mắt, đồ bắn chảy,
Từ tai, đồ bắn chảy.*

198. *Nước mũi từ lỗ mũi,
Từ miệng, có khi chảy,
Chảy mặt, và niêm dịch,
Từ thân, mồ hôi bắn.*

199. *Trong đầu thật trống rỗng,
Chứa đầy những óc, não.
Bị vô minh dắt dẫn,
Kẻ ngu nghĩ tịnh sạch.*

200. *Khi bị chết nằm xuống,
Phồng lên, và xanh bầm,
Quăng bỏ trong nghĩa địa,
Bà con không đoái hoài.*

201. *Chó, dã can đến ăn,
Chó sói, các côn trùng,
Quạ, diều hâu đến ăn,
Còn có hữu tình khác.*

202. *Được nghe lời Phật dạy,
Tỷ-kheo có trí tuệ,
Vị ấy liễu tri thân,*

Thấy thân đúng như thật.

203. Đây thế nào, kia vậy,
Kia thế nào, đây vậy,
Đối với thân trong ngoài,
Từ bỏ mọi lòng dục.

204. Từ bỏ lòng tham dục,
Đây Tỷ-kheo có tuệ,
Chứng bất tử, tịch tịnh,
Niết-bàn giới thường trú.

205. Thân này với hai chân,
Bất tịnh và hôi thúi,
Đầy xác chết, chảy nước,
Lại được giữ, nâng niu.

206. Với thân thể như vậy,
Ai lại nghĩ đề cao,
Hay khinh miệt kẻ khác,
Trừ kẻ không thấy gì.

788 Tịch tịnh - Kinh Bhalliya – Tiểu III, 16

Bhalliya – Tiểu III, 16 (7)

Với người anh là *Tapussa*, trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở thành *Pokkharavatì*, con một người đánh xe cho đoàn lũ hành.

Khi đoàn lũ hành đi ngang một khu rừng có bóng mát một đoạn đường bùn lầy ngăn đoàn lũ hành lại. Một vị thần cây, là người bà con hiện ra và nói: "*Thế Tôn vừa mới thành đạo và đang ngồi thiền bảy ngày dưới gốc cây. Hãy cúng dường đồ ăn. Như vậy, các người được hạnh phúc và lợi ích*". Cả lũ đoàn hoan hỷ, không chờ nấu cơm, đem bánh gạo và mật đến cúng dường Thế Tôn.

Khi Thế Tôn chuyển pháp luân ở Benares, Thế Tôn đi đến Vương Xá. Ở đây, *Tapussa* và *Bhalliya* hầu hạ Ngài và nghe pháp, *Tapussa* trở thành một cư sĩ, còn *Bhalliya* thời xuất gia và thành tựu được *sáu thắng trí*.

Một ngày kia, Ác ma hiện ra dưới hình thức cực kỳ kinh hoàng, nhưng *Bhalliya* đã vượt qua mọi sợ hãi, nên nói lên bài kệ như sau, khiến Ác ma phải thất vọng:

7. *Ai đuổi đi thân chết,
Với đao binh của nó,
Những dòng nước lớn mạnh,
Trói cây lau yếu ớt,
Thắng trận, không sợ hãi,
Nhiếp phục, trú tịch tịnh.*

789 Tịch tịnh - Mong rằng ta sẽ được, Tịch tĩnh thật tối thượng - Kinh Suppiya – Tiểu III, 42

Suppiya – Tiểu III, 42 (32)

Trong thời đức Phật tại thế, do nghiệp quá khứ, ngài được sanh trong gia đình người giữ nghĩa địa ở Sàvatthi.

Được bạn Sopàka thuyết pháp cảm hóa, ngài xuất gia và chứng được quả vị cao nhất. Và trong bài kệ, ngài nói lên chánh trí của ngài khi đang phấn đấu để chứng quả A-la-hán.

*32. Bị già, được không già,
Bị nung nấu, được tịnh,
Mong rằng ta sẽ được,
Tịch tịnh thật tối thượng,
An ổn thật vô thượng,
Thoát khỏi các khổ ách.*

790 Tịch tịnh - Ta mát lạnh tịch tịnh - Kinh Ràhula – Tiểu III, 221

Ràhula – Tiểu III, 221 (193)

Ngài là **con của đức Phật và công chúa Yasodhara**, và được nuôi dưỡng với các hoàng tử khác. Trường hợp ngài xuất gia đã được ghi trong tập Khandhaka. Nhờ những lời dạy trong nhiều bài kinh, trí tuệ ngài thuần thực và **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Suy tư đến sự thắng trận của mình, ngài nói lên chánh trí:

*294. Nhờ ta được đầy đủ,
Hai đức tánh tốt đẹp,
Được bạn có trí gọi,
"Ra-hu-la may mắn",
**Ta là con đức Phật,
Ta lại được Pháp nhãn.***

*295. Các lậu hoặc ta đoạn,
Không còn có tái sanh,
Ta là bậc La-hán,
Đáng được sự cúng dường.*

**Ba mình ta đạt được,
Thấy được giới bất tử.**

296. Bị **dục** làm mù quáng,
Bị **lưới tà** bao trùm,
Khát **ái** làm màn che,
Bao trùm che phủ kín.
Do **phóng dật** trối buộc,
Như cá mắc mắt lưới.

297. Ta vượt qua dục ấy,
Cắt đứt ma trối buộc,
Nhỏ lên gốc khát ái,
Ta mát lạnh tịch tịnh.

791 Tịch tịnh - Đạt được đạo tịch tịnh - Kinh Cùla Gavaccha – Tiểu III, 22

Cùla Gavaccha – *Tiểu* III, 22 (11)

Ngài sanh là vị Bà-la-môn ở Kosambi, nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, ngài xuất gia.

Lúc bấy giờ các Tỷ-kheo ở Kosambi tranh cãi nhau, Cùlagavachha không theo phe phái nào, trung thành với lời dạy của bậc Đạo Sư, **phát triển trí tuệ** và chứng quả A-la-hán.

Thấy sự tranh cãi các Tỷ-kheo là nguyên nhân của sự thối thất, ngài hoan hỷ với thái độ không phe phái của mình và nói lên bài kệ:

*11. Tỷ-kheo nhiều hân hoan,
Trong pháp Phật tuyên bố,
Đạt được **đạo tịch tịnh**,
Hành dừng lại an lạc.*

792 Tịch tịnh tối thượng - Kinh Yasadatta – Tiểu III, 248

Yasadatta – *Tiểu III*, 248 (207)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh trong dòng họ vua Malla, được đặt tên là *Yasadatta*, ngài được học ở Takkasilà.

Sau khi đi du hành với du sĩ Sabhiya, cả hai đến Sàvatthi, tại đây hỏi Thế Tôn một số câu hỏi. Yasadatta ngồi nghe những câu trả lời, **ý muốn ưa chỉ trích**: "*Ta sẽ nêu lên những khuyết điểm trong những câu trả lời của Sa-môn Gotama*".

Thế Tôn hiểu tâm tư của Yasadatta, nên sau khi nói **kinh Sabhiya**, Thế Tôn giáo huấn Yasadatta như sau:

359. Với tâm, muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã thắng trận,
Người ấy, thái độ vậy,
Rất xa vời Chánh pháp,
Như đất xa bầu trời.

360. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,

*Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Tồn giảm xa Chánh pháp,
Như trăng nửa tháng đen.*

361. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Khô cạn trong diệu pháp,
Như cá mắc nước cạn.

362. Với tâm muốn chỉ trích,
Kẻ ngu nghe lời dạy,
Của bậc đã chiến thắng,
Người ấy thái độ vậy,
Không lớn trong diệu pháp,
Như giống thối trong ruộng.

363. Ai tâm tư thỏa mãn,
Nghe bậc Thánh giảng dạy,
Tì bỏ mọi lậu hoặc,
Chứng ngộ không dao động,
Đạt tịch tịnh tối thượng,
Chứng Niết-bàn vô lậu.

793 Tịch tịnh và chỉ tức - Kinh Mahàkotthita – Tiểu III, 11

Mahàkotthita – Tiểu III, 11 (2)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài được sanh ở Sàvatthi, trong một gia đình Bà-la-môn rất giàu có và được đặt tên là Kotthita (Câu-hy-la).

Khi đến tuổi trưởng thành, ngài học ba tập Veda và thành tựu các đức tánh của vị Bà-la-môn. Ngài nghe bậc Đạo Sư thuyết pháp, khởi lòng tin và xuất gia.

Thực hiện **thiền quán** từ khi mới xuất gia, ngài chứng quả A-la-hán, với hiểu biết về nghĩa và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thực. Rồi bậc Đạo Sư, sau khi xác nhận các quả chứng ngài đã được trong kinh Vedalla, xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.

Sau một thời gian, ý thức được sự an lạc giải thoát, ngài nói lên bài kệ này:

2. *Tịch tịnh và chỉ tức,
Tụng đọc lời trí tuệ,
Tâm tư không tháo động,
Ác pháp được vứt bỏ,*

*Giống như những lá cây,
Bị gió thổi phiêu bạt.*

794 Tịnh Phạn Vương - Kinh Kàludàyyin – Tiểu III, 312

Kàludàyyin – Tiểu III, 312 (233)

Ngài sinh cùng ngày với đức Phật trong gia đình con vị Bộ trưởng của vua ở *Kapilavatthu*.

Bảy vị cùng sinh một ngày: Vị Bồ-tát, cây Bồ-đề, mẹ của Ràhula và bốn vật báu: voi báu, con ngựa Kanthaka, Channa và Kàludàyyin.

Khi đến ngày đặt tên, ngài được gọi là Udàyyin, và vì ngài da đen nên được gọi là Kàludàyyin. Ngài lớn lên làm bạn trẻ đồng chơi với vị Bồ-tát.

Rồi Thế Tôn xuất gia, giác ngộ, và ở tại Trúc Lâm (Veluvana), chuyên bánh xe Chánh pháp, vua *Suddhodana* nghe vậy, cử một vị Bộ Trưởng với một ngàn người tùy tùng, bảo đem con của vua về. Vị Bộ trưởng cùng cả ngàn tùy tùng, nghe đức Phật giảng và chứng quả A-la-hán. Đức Phật đưa tay nói: "Hãy đến, này các Tỷ-kheo..." và tất cả sống giữa các vị Hiền Thánh, không chuyên thông điệp của vua. Các vị sứ giả khác cũng lâm vào cảnh tương tự.

Cuối cùng vua sai *Kàludàyyin* với một ngàn người tùy tùng và Kàludàyyin hứa thế nào cũng đưa vị Bồ-tát về

dầu có xuất gia. Ngài đi đến nghe pháp, trở thành vị A-la-hán.

Nhớ đến sứ mạng của mình, chờ cho mùa mưa xong, khi trên con đường về, hoa đã trở bông, ngài mới nói lên những bài kệ mời bậc Đạo Sư về và tán thán vẻ đẹp cuộc hành trình:

527. *Thế Tôn, nay là thời,
Các cây nở hoa đỏ,
Từ bỏ chòm lá cũ,
Tìm đến thời sai quả.
Chúng như ngọn lửa hùng,
Chói sáng và rực sáng,
Bạch đấng Đại anh hùng,
Nay là thời hưởng vị.*

528. *Những cây nở hoa đẹp,
Khắp phương tỏa hương thơm,
Bỏ lá, vọng sanh quả,
Nay là thời lên đường,
Từ bỏ địa phương này,
Kính thưa bậc Anh hùng.*

529. *Không quá lạnh, quá nóng,
Thế Tôn thời tiết đẹp,
Hãy để hai dân tộc,*

*Thích-Ca, Ko-li-ya,
Nhìn Ngài mặt hướng Tây,
Vượt sông Ro-hi-ni.*

*530. Trong hy vọng, ruộng cày,
Trong hy vọng, giống gieo,
Trong hy vọng, thương gia,
Vượt biển đem tiền về.
Hy vọng con kiên trì,
Mong con, hy vọng thành.*

*531. Người tiếp tục gieo giống,
Trời lại tiếp tục mưa,
Người nông tiếp tục cày,
Thóc gạo tiếp tục đến,
Đến nhiều cho quốc gia.*

*532. **Ăn xin** tiếp tục xin,
Thí chủ tiếp tục cho,
Thí chủ tiếp tục cho,
Tiếp tục lên Thiên giới.*

*533. Bạc anh hùng tiếp tục,
Cho đến bảy thế hệ,
Gia đình ấy được sanh,
Bạc trí tuệ rộng lớn,
Con nghĩ Ngài có thể,*

*Là Thiên chủ chư Thiên,
Trong Ngài đã được sanh,
Bậc ân sĩ chân danh.*

*534. Phụ vương đại ân sĩ,
Tên gọi **Tịnh Phạn vương**,
Còn mẹ bậc Chánh giác,
Danh xưng là Ma-da,
Bà mang thai Bồ-tát,
Thân hoại, hưởng thiên giới.*

*535. Gô-ta-mi, mạng chung,
Từ đây, sau khi chết,
Được hưởng thọ đầy đủ,
Các dục lạc cõi trời,
Vui hưởng năm món dục,
Được Thiên nữ đoanh vây.*

Rồi Thế Tôn được thỉnh mời, thấy rằng mình đi sẽ cứu độ cho nhiều người, nên đã ra đi với **hai mươi ngàn vị A-la-hán**, mỗi ngày đi bộ một do-tuần.

Còn vị Trưởng lão, dùng thần thông đi đến Kapilavatthu trước mặt ông vua. Vua không biết ngài là ai, nên ngài mới xưng ngài là con vị Bộ Trưởng, được vua sai đi đến Thế Tôn và nói lên bài kệ:

*536. **Ta là con đức Phật**,*

*Ngài thắng bậc bất thắng,
Bậc An-gi-ra-sa,
Bậc không ai sánh được,
Vua dòng họ Thích-ca,
Phụ thân của cha tôi,
Vua dòng Go-ta-ma
Là bậc Tổ phụ tôi,
Đúng pháp là như vậy.*

795 Tịnh Phạn Vương - Kinh Mahàpajàpatì Gotamì – Tiểu III, 619

Mahàpajàpatì Gotamì – *Tiểu III*, 619 (55)

Trước khi bậc Đạo Sư ra đời, nàng được sanh ở Devadaha, trong gia đình Mahà-Supphabuddha. **Tên gia đình của nàng là Gotama, và nàng là em gái của Mahàmàya.** Các thầy đoán tướng tiên đoán rằng các người con của hai chị em sẽ là vị chuyển luân vương. Vua Suddhodana, khi đến tuổi trưởng thành, cưới cả hai chị em.

Sau đó, bậc Đạo Sư đản sanh, và trong khi chuyển pháp luân, ngài đi đến Vesàli, và phụ vương được quả A-la-hán mệnh chung.

Rồi Mahàpajàpati muốn xuất gia, xin phép bậc Đạo Sư nhưng không được chấp nhận. Rồi nàng cắt tóc, đắp y, và sau thời giảng kinh về tinh cần nỗ lực, **nàng ra đi với năm trăm Thích-ca nữ mà các người chồng đã xuất gia,** đi đến Vesàli, và xin bậc Đạo Sư cho xuất gia, với sự can thiệp của Tôn giả Ananda. Bậc Đạo Sư chấp nhận và dạy **Tám kinh pháp** cho các Tỷ-kheo-ni.

Sau khi xuất gia, Mahàpajàpati đến yết kiến đức Phật và đứng một bên Ngài thuyết pháp cho nàng, và nàng

tỉnh cần tỉnh tấn chứng được quả A-la-hán với trí tuệ trực giác và phân tích. Năm trăm Tỷ-kheo-ni, sau khi nghe Nandaka giáo giới, chứng được **sáu thắng trí**.

Một ngày kia, khi bậc Đạo Sư ngồi giữa Thánh chúng tại tinh xá Jetavana (Kỳ Viên), Ngài xác nhận Mahàpajàpati là **vị có kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc giải thoát, Niết-bàn**. Để nói lên lòng biết ơn của mình, Mahàpajàpati tuyên bố chánh trí của mình trước mặt Thế Tôn, tán thán hạnh đức của Ngài đã giúp đỡ hộ trì cho nàng mà trước đây nàng không được gặp:

157. *Bậc Giác ngộ anh hùng!*

*Con xin đánh lễ Ngài,
Ngài là bậc Tối thượng,
Giữa mọi loài chúng sanh,
Ngài giải khổ cho con,
Cùng rất nhiều người khác.*

158. *Liễu tri mọi đau khổ,*

*Gột sạch nhân khát ái,
Con đường Thánh tám ngành,
Đoạn diệt, ta chứng ngộ.*

159. *Trước ta sống là mẹ,*

Là con, là cha, anh,

Là ông nội, ông ngoại,
Đời sống trước là vậy,
Không rõ biết như thật,
Luân hồi, tìm không gặp.

160. **Nay ta thấy Thế Tôn,**

Thân này thân tối hậu,

Sanh tử được đoạn tận,

Nay không còn tái sanh.

Siêng, tinh cần nỗ lực,

Thường, kiên trì tinh tấn,

Hãy thắng đệ tử Phật,

Hòa hợp, đánh lễ Ngài.

Vì hạnh phúc nhiều người,

Ma-yà sanh Cù-đàm,

Giải tỏa nhóm khổ đau,

Cho người bị bệnh chết.

796 Tịnh dịch - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 341

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 341 (Duk. II, 5) (It. 36)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời.

*Thế nào là hai? **Xấu hổ** và **sợ hãi**.*

Này các Tỷ-kheo, nếu hai pháp này không che chở cho đời, thời ở đây **không có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh, em của mẹ, hay giữa vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng; thế giới sẽ rơi vào **loạn luân** như các loài dê cừu, gia cầm, heo, chó và các con chó rừng.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, có hai pháp trắng này che chở cho đời, cho nên ở đây **có sự phân biệt** giữa mẹ, chị em của mẹ, vợ của anh em của mẹ, hay vợ của bậc giáo thọ sư, giữa những người vợ của những bậc đáng được kính trọng.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Với những ai không có,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Họ đi xuống bào thai,
Dựa trên gốc tình dục
Họ đi đến sanh tử.*

*Với những ai chánh trí,
Xấu hổ và sợ hãi,
Liên tục và thường xuyên,
Vững trú trên Phạm hạnh,
Họ được sự an tịnh,
Tái sanh được diệt tận.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

797 Tịnh hạnh gọi Sa môn, - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 106

Phẩm BàLaMôn – *Tiểu I*, 106

383. Hỡi này Bà là môn,
Hãy tinh tấn đoạn dòng,
Từ bỏ các dục lạc,
Biết được hành đoạn diệt,
Người là **bạch vô vi**.

384. Nhờ thường trú hai pháp,
Đến được bờ bên kia,
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

385. Không bờ này, bờ kia,
Cả hai bờ không có,
Lìa khổ, không trói buộc,
Ta gọi Bà-la-môn.

386. Tu thiền, trú ly trần,
Phận sự xong, vô lậu,
Đạt được đích tối thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

387. *Mặt trời* sáng ban ngày,
Mặt trăng sáng ban đêm,
Khí giới sáng Sát ly,
Thiền định sáng Phạm chí,
Còn hào quang đức Phật,
Chói sáng cả ngày đêm.

388. Dứt ác gọi Phạm chí,
Tinh hạnh gọi Sa môn,
Tự mình xuất cầu uế,
Nên gọi **bậc xuất gia.**

389. Chớ có đập Phạm chí,
Phạm chí chớ đập lại,
Xấu thay đập Phạm chí,
Đập trả lại xấu hơn.

390. Đối vị Bà-la-môn,
Đây không lợi ích nhỏ,
Khi ý không ái luyến,
Tâm hại được chận đứng,
Chỉ khi ấy khổ diệt.

391. Với người thân miệng ý,
Không làm các ác hạnh,
Ba nghiệp được phòng hộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

392. Từ ai, biết Chánh pháp,
Bậc Chánh Giác thuyết giảng,
Hãy kính lễ vị ấy,
N như Phạm chí chờ lửa.

393. Được gọi Bà-la-môn,
Không vì đầu bện tóc,
Không chủng tộc, thọ sanh,
Ai thật chân, chánh, tịnh,
Mới gọi Bà-la-môn.

394. Kẻ ngu, có ích gì,
Bện tóc với da dê,
Nội tâm toàn phiền não,
Ngoài mặt đánh bóng suông.

395. Người mặc áo đồng rác,
Gầy ốm, lộ mạch gân,
Độc thân thiền trong rừng,
Ta gọi Bà-la-môn.

396. Ta không gọi Phạm Chí,
Vì chỗ sanh, mẹ sanh,
Chỉ được gọi tên suông,
Nếu tâm còn phiền não,
Không phiền não, chấp trước,

Ta gọi Bà-la-môn.

397. Đoạn hết các kiết sử,
Không còn gì lo sợ,
Không đăm trước buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

398. Bỏ đai da, bỏ cương,
Bỏ dây, đồ sở thuộc,
Bỏ then chốt, sáng suốt,
Ta gọi Bà-la-môn.

399. Không ác ý, nhẫn chịu,
Phỉ báng, đánh, phạt hình,
Lấy **nhẫn** làm quân lực,
Ta gọi Bà-la-môn.

400. Không hận, hết bồn phận,
Trì giới, không tham ái,
Nhiếp phục, thân cuối cùng,
Ta gọi Bà-la-môn.

401. Như nước trên lá sen,
Như hột cải đầu kim,
Người không nhiễm ái dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

402. Ai tự trên đời này,
Giác khổ, diệt trừ khổ,
Bỏ gánh nặng, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

403. Người trí tuệ sâu xa,
Khéo biết đạo, phi đạo,
Chứng đạt đích vô thượng,
Ta gọi Bà-la-môn.

404. Không liên hệ cả hai,
Xuất gia và thế tục,
Sống độc thân, ít dục,
Ta gọi Bà-la-môn.

405. Bỏ trượng, đối chúng sanh,
Yếu kém hay kiên cường,
Không giết, không bảo giết,
Ta gọi Bà-la-môn.

406. Thân thiện giữa thù địch,
Ôn hòa giữa hung hăng,
Không nhiễm, giữa nhiễm trước,
Ta gọi Bà-la-môn.

407. Người bỏ rơi tham sân,
Không mạn, không ganh tị,

Như hột cải đầu kim,
Ta gọi Bà-la-môn.

408. Nói lên lời ôn hòa,
Lợi ích và chân thật,
Không mất lòng một ai,
Ta gọi Bà-la-môn.

409. Ở đời, vật dài, ngắn,
Nhỏ, lớn, đẹp hay xấu,
Phàm không cho không lấy,
Ta gọi Bà-la-môn.

410. Người không có hy cầu,
Đời này và đời sau,
Không hy cầu, giải thoát,
Ta gọi Bà-la-môn.

411. Người không còn tham ái,
Có trí, không nghi hoặc,
Thể nhập vào bất tử,
Ta gọi Bà-la-môn.

412. Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả thiện ác,
Không sâu, sạch, không bụi,
Ta gọi Bà-la-môn.

413. Như trắng, sạch không uế,
Sáng trong và tĩnh lặng,
Hữu ái, được đoạn tận,
Ta gọi Bà là môn.

414. Vượt đường nguy hiểm này,
Nhiếp phục luân hồi, si,
Đến bờ kia thiên định,
Không dục ái, không nghi,
Không chấp trước, tịch tịnh,
Ta gọi Bà-la-môn.

415. Ai ở đời, đoạn **dục**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Dục hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

416. Ai ở đời đoạn **ái**,
Bỏ nhà, sống xuất gia,
Ái hữu được đoạn tận,
Ta gọi Bà-la-môn.

417. Bỏ trói buộc loài người,
Vượt trói buộc cõi trời,
Giải thoát mọi buộc ràng,
Ta gọi Bà-la-môn.

418. Bỏ điều ưa, điều ghét,
Mát lạnh, diệt sanh y,
Bậc anh hùng chiến thắng,
Nhiếp phục mọi thế giới,
Ta gọi Bà-la-môn.

419. Ai hiểu rõ hoàn toàn
Sanh tử các chúng sanh,
Không nhiễm, khéo vượt qua,
Sáng suốt chân giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

420. Với ai, loài trời, người,
Cùng với Càn thất bà,
Không biết chỗ thọ sanh,
Lậu tận bậc La hán,
Ta gọi Bà-la-môn.

421. Ai quá, hiện, vị lai,
Không một sở hữu gì,
Không sở hữu không nắm,
Ta gọi Bà-la-môn.

422. Bậc trâu chúa, thù thắng,
Bậc anh hùng, đại sĩ,
Bậc chiến thắng, không nhiễm,

Bạc tẩy sạch, giác ngộ,
Ta gọi Bà-la-môn.

423. Ai biết được đời trước,
Thấy thiên giới, đọa xứ,
Đạt được sanh diệt tận,
Thắng trí, tự viên thành,
Bạc mâu ni đạo sĩ,
Viên mãn mọi thành tựu,
Ta gọi Bà-la-môn.

798 Tịnh xá - Cúng tịnh xá Thời Đức Phật Konàgamana - Kinh Sumedhà – Tiểu III, 716

Sumedhà – *Tiểu III, 716 (73)*

Trong thời đức Phật hiện tại, nàng sanh ở thành Mantàvatì **con gái vua Konca** và được đặt tên là *Sumedhà*.

Khi nàng đến tuổi trưởng thành, **cha mẹ nàng bằng lòng để Anikaratta, vua Vàranavati xem mắt nàng.** Nhưng từ lúc nhỏ, nàng quen cùng đi với các công chúa lứa tuổi nàng, và những người hầu hạ tại tịnh xá Tỷ-kheo-ni để nghe các vị này thuyết pháp, và trong một thời gian dài, **vì chí nguyện lúc còn nhỏ, nên nàng sợ hãi sự sanh tử luân hồi, tâm tư thiên về đời sống xuất gia, không ưa thích các dục lạc.**

Khi nghe quyết định của cha mẹ và bà con, nàng nói: *"Bỏ phận của tôi không phải trong đời sống gia đình, tôi sẽ xin xuất gia"*, cha mẹ và các bà con không thể khuyên nàng từ bỏ quyết định của nàng. Nàng suy nghĩ: "Như vậy, ta sẽ được phép xuất gia", và cương quyết theo chí nguyện của mình nàng cắt tóc, và *dùng tóc ấy, theo phương pháp các Tỷ-kheo-ni*

thường dùng, nàng chú tâm vào tánh bất tịnh của sắc đẹp thân xác và chứng được Sơ thiền.

Khi nàng ở trong định Sơ thiền cha mẹ và bà con nàng đến phòng nàng để nói chuyện gả chồng cho nàng. Nhưng nàng khiến mọi người kể cả người hầu cận của vua đến để rước nàng về, cũng tin vào đạo pháp rồi nàng từ bỏ gia đình, đi đến tịnh xá Tỷ-kheo-ni để xuất gia.

Sau khi tu tập **thiền quán**, và giải thoát được chín muôi, nàng chứng quả A-la-hán với hiểu biết về nghĩa và về pháp. Rồi nghĩ đến sự thắng trận của nàng, nàng nói lên sự phấn khởi, sung sướng của nàng:

*448. Con gái vua Konca,
Với hoàng hậu chánh ngôi,
Tại Matavatì,
Được sanh Sumedha,
Hân hoan gắng thực hành,
Lời dạy bậc Đạo Sư.*

*449. Giới hạnh thuyết giảng khéo,
Nghe nhiều khéo huấn luyện,
Theo lời đức Phật dạy,
Nàng đến cha mẹ nàng,
Nói rằng: "Thưa mẹ cha,*

Cả hai, hãy nghe con!".

**450. Con hân hoan Niết-bàn,
Đầu sanh hữu Chư Thiên,
Sanh hữu ấy vô thường,
Giá trị gì các dục,
Trống không, vị ngọt ít,
Còn tàn hại thời nhiều.**

451. Các **dục** thật cay đắng,
Ví như nọc rắn độc,
Kẻ ngu mới tham đắm,
Trong các loại dục ấy.
Những ai thọ hưởng dục,
Trong một thời gian dài,
Bị khổ đau địa ngục,
Hành hạ và tàn hại.

452. Những kẻ làm nghiệp ác,
Những kẻ tâm trí ác,
Bị đau đớn sâu khổ,
Trong cảnh giới đọa xứ.
Kẻ ngu thường không nhiếp,
Chế ngự thân, khẩu, ý.

453. **Kẻ ngu có liệt tuệ,
Không tư duy quyết định,**

*Không ngăn chặn khổ tập,
Khi có thời thuyết pháp,
Không biết lo học hỏi,
Không giác tri **Thánh đế**.*

454. Những sự thật, thừa mẹ,
Phật thù thắng thuyết giảng,
Phần lớn chúng quần sanh,
Không hiểu sự thật ấy;
Họ hoan hỷ tái sanh,
Ước muốn sanh thiên giới.

455. *Sanh thiên không thường trú,
Sanh hữu là vô thường,
Kẻ ngu **không** sợ hãi,
Luôn luôn phải tái sanh.*

456. Bị sanh bốn đọa xứ,
Được sanh Thiên, Nhân giới,
Được chúng khó khăn thay,
Những ai rơi đọa xứ,
Trong cảnh giới địa ngục,
Không có sự xuất gia.

457. Mong cả hai cha mẹ,
Cho con được xuất gia,
Trong giáo pháp thuyết giảng,

Của **bậc chứng Mười lực**,
Sống thông dong nhân hạ,
Nỗ lực đoạn sanh tử.

458. Sao con ưa tái sanh,
Với thân tội lỗi này,
Thân trống rỗng, không lỗi,
Vì mục đích đoạn diệt,
Tham ái được tái sanh,
Xin cho con xuất gia.

459. Nay thời, Phật ra đời,
Phi thời đã từ bỏ,
Thời cơ nay đã đến,
Cho đến trọn đời con,
Con không làm tổn thương,
Giới luật và Phạm hạnh.

460. Sumedha nói vậy,
Nàng lại thừa mẹ cha.
Con nguyện không ăn uống,
Khi còn là cư sĩ,
Ở đây con sẵn sàng,
Chờ chết đến với con.

461. **Mẹ sầu khổ, khóc than!**
Cha hoàn toàn sửng sốt,

*Họ gắng thuyết phục ta,
Nằm dưới đất lâu dài.*

*462. Này con hãy đứng dậy!
Có gì là sâu khổ,
Khi con được cả nước,
Varanavati,
Anikarata,
Đẹp trai, xứng đôi con.*

*463. Con sẽ là hoàng hậu,
Vợ chính Anika!
Này con, thật khó thay!
Đời sống vị xuất gia,
Giữ gìn các giới luật,
Sống đời sống Phạm hạnh.*

*464. Uy lực của vị vua,
Tiền của và quyền thế,
Sản nghiệp và hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân!
Hãy thọ hưởng dục lạc,
Hãy nhận lời lấy chồng.*

*465. Sumedha thừa rằng:
Thôi đừng, sự việc ấy,
Họ đi đến tái sanh,*

Họ trống không, không lỗi,
Hoặc xuất gia, hoặc chết,
Con chỉ cưới như vậy.

466. *Sá gì thân hôi nhớp,
Phát mùi, gây sợ hãi,
Bao da đựng xác chết,
Rỉ chảy đồ **bất tịnh**.*

467. *Sá gì thân hôi nhớp,
Ghê tởm, lấm máu thịt,
Chỗ chứa đựng loài sâu,
Mồi ăn cho chim chóc,
Thân xác này là vậy,
Nay đem đến cho ai?*

468. *Thân thể bỏ nghĩa địa,
Không lâu, mất thức tri,
Như khúc gỗ quăng bỏ,
Bà con đều ghê tởm.*

469. *Thân ấy quăng nghĩa địa,
Làm mồi ăn kẻ khác,
Trước chúng tắm rửa sạch,
Nay chúng sinh ghê tởm,
Cha mẹ còn như vậy,
Nói gì chung quần chúng.*

470. *Họ mê thân không lỗi,
Ràng buộc bởi gân xương,
Đầy nước miếng, nước mắt,
Đầy phân tiểu hôi hám.*

471. *Nếu thân được mổ xẻ,
Lộn nội phần ra ngoài,
Chính mẹ phải ghê tởm,
Không chịu nổi mùi hôi.*

472. Chính do **uẩn, xứ, giới,**
Tác thành các thân này,
Gốc tái sanh, đau khổ;
Họ như lý nói lên,
Hoàn toàn không vui thích.
Vậy ai, tôi muốn cưới?

473. Từng ngày trăm ngọn giáo,
Luôn luôn mới đâm thân,
Dầu bị hại trăm năm,
Như vậy còn tốt hơn,
Vì khổ ấy cuối cùng,
Rồi cũng được tiêu diệt.

474. Kẻ trí quyết bằng lòng,
Sự giết hại như trên,

Bậc Đạo Sư dạy rằng:
Họ luân hồi dài dà,
Với tâm tư giết hại,
Liên tục nối tiếp nhau.

475. Trong cảnh giới Trời, Ngươi,
Bàng sanh, a-tu-la,
Nga quỷ và Địa ngục,
Chịu giết hại vô lượng.

476. Trong địa ngục, rất nhiều,
Kẻ tâm uế, đọa lạc,
Chỗ trú ẩn Thiên giới,
Không có lạc Niết-bàn.

477. **Những ai đạt Niết-bàn,
Họ liên hệ mật thiết,
Với những lời thuyết dạy,
Của bậc đủ Mười lực,
Thong dong không rộn ràng,
Nỗ lực đoạn sanh tử.**

478. **Thưa cha ngày hôm nay,
Con quyết tâm ra đi,
Những tài sản rộng không,
Không có giá trị gì,
Con ghê tởm các dục,**

Con chán ngấy các dục,
Họ đã được tách thành,
Như thân cây Ta-la.

479. Nàng trả lời phụ thân,
Với lời nói như vậy.
Anikaratta,
Được hứa gả công chúa,
Đi đến gần xin cưới,
Theo như giờ hẹn định.

480. Mái tóc đen, dày mịn,
Với gương, nàng cắt ngang,
Cửa lầu được đóng lại,
Nàng chứng được **Sơ thiên**.

481. Nàng sống trong cảnh thiên,
A-ni-ka đến thành,
Sumedha trong cung,
Tu tập **tưởng vô thường**.

482. Trong khi nàng tác ý,
Vua bước lên tam cấp,
Trang sức vàng châu báu,
Chấp tay cầu xin nàng.

483. Hãy trị vì quốc độ,

Với tiền của, uy quyền,
Với tài sản, hạnh phúc,
Với tuổi trẻ thanh xuân,
Hãy thọ hưởng các dục,
Thật khó kiếm ở đời.

484. Ta giao nàng vương quốc,
Hưởng tài sản, bố thí,
Nàng chớ có buồn nản,
Khiến mẹ cha khổ đau.

Sumedha trả lời,
Với vua, từng vấn đề;
Đối với nàng, các dục,
Không cầu, không si mê,
Chớ hoan hỷ các dục,
Hãy thấy dục nguy hiểm.

485. Mandhatà là vua,
Chúa bốn châu hưởng dục,
Dục lạc ấy tối thượng,
Tuy vậy khi vua chết,
Cũng chưa được thỏa mãn,
Ước vọng chưa đầy đủ.

486. Dầu có mười bảy báu,
Khấp mười phương đầy tràn,

Không có dục thỏa mãn,
Người chết, chưa thỏa mãn.

487. Các dục ví gươm giáo,
Các dục ví đầu rắn,
Ví như bó đuốc cháy,
Giống xương gậm tron tru.

488. Các dục không thường còn,
Cũng không có thường hằng,
Khổ nhiều, thuốc độc lớn,
Như hòn đạn cháy đỏ,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Kết quả là đau khổ.

489. Dục như trái của cây,
Như miếng thịt, khổ lụy,
Giống như mộng như huyễn,
Dục như của vay mượn.

490. Dục như gươm, như cọc,
Bệnh tật và cục bấu,
Bất hạnh và dao động,
Ví như hố than hừng,
Nguồn gốc của bất hạnh,
Sợ hãi và tàn sát.

491. Như vậy, dục nhiều khổ,
Được gọi chúng ngại pháp,
Hãy đi, từ bỏ tôi,
Khi tôi còn tái sanh,
Thời đối với tự ngã,
Tôi không có lòng tin.

492. Ai giúp gì tôi được,
Khi đầu tôi đang cháy,
Khi già chết bám sát,
Tôi cần phải nỗ lực,
Đối với tàn hại ấy!

493. Không đi đến gần cửa,
Nàng thấy mẹ và cha,
Và vua Anika,
Ngồi dưới đất khóc than,
Thấy vậy nàng tỏ lời,
Thưa mọi người như sau:

494. Kẻ ngu, đã lâu rồi,
Khóc luân hồi nói tiếp,
Từ vô thủy đến nay,
Khóc phải bị mệnh chung,
Khóc anh em bị giết,
Khóc tự mình bị giết.

495. *Hãy nhớ từ vô thủy,
Nước mắt, sữa và máu,
Tuôn chảy theo luân hồi,
Không bao giờ dừng nghỉ,
Hãy nhớ các chúng sanh,
Luân hồi xương chất đồng.*

496. *Hãy nhớ tràn bốn biển,
Đầy nước mắt, sữa, máu,
Hãy nhớ xương một kiếp,
Cao bằng Vi-pu-la.*

497. *Hãy nhớ từ vô thủy,
Không đủ để làm thành,
Cả đất nước Diêm Phù,
Những nắm mồ hôi táo,
Của mẹ cha luân hồi.*

498. *Hãy nhớ từ vô thủy,
Những cỏ cây cành lá,
Không đủ để chứa đựng,
Những ghe bốn ngón tay,
Chứa người cha, luân hồi.*

499. *Hãy nhớ tới hình ảnh,
Con rùa mù biển đông,
Cho đầu nó lọt vào,*

*Lỗ hồng khúc cây trôi,
Để nói lên ví dụ,
Được làm người khó vạ.*

*500. **Hãy nhớ thân sắc người,
Được ví bong bóng nước,
Đầy cả những bất hạnh,
Trống không không có lỗi,
Hãy thấy uẩn vô thường!
Nhớ địa ngục nhiều họa.***

*501. **Hãy nhớ nghĩa địa lớn,
Nhờ tái sinh tiếp tục,
Nhờ sợ hãi thường luân,
Hãy nhớ Bốn sự thật.***

*502. **Nước bất tử có đây!,
Sao người uống trăm đắng,
Tất cả các dục lạc,
Thật trăm cay ngàn đắng.***

*503. **Nước bất tử có đây!
Sao người ưa dục nã!
Mọi dục lạc đốt cháy
Sôi sùng sục nung nấu.***

504. Đây không có kẻ thù!

Sao thích **dục thù địch?**
Vua lửa, trộm, nước, oán,
Thù chung thật là nhiều.

505. Ở đây có giải thoát!
Sao để **dục** giết trói,
Trong dục có giết trói!
Mê dục nhiều khổ đau.

506. **Đuốc** cỏ đang cháy rực,
Nắm, không thả, bị đốt,
Dục ví như bó đuốc,
Đốt cháy ai không thoát.

507. **Chó** nhận dục lạc nhỏ,
Bỏ lạc lớn rộng rãi,
Chó như cá nuốt câu,
Sau phải chịu hoạn nạn.

508. **Hãy** nhiếp dục trong dục,
Như chó bị dây cột,
Chó để dục ăn người,
Như dân đói ăn chó.

509. **Khổ** thật là vô lượng,
Khiến tâm nhiều ưu tư,
Người hệ lụy với dục,

Hãy bỏ dục vô thường.

510. Ở đây, không có già!
Sao theo dục bị già?
Mọi sanh ở khắp nơi,
Bị bệnh chết chi phối.

511. **Đây không già, không chết.**
Đây con đường không già,
Không chết, không sầu não,
Không thù địch trói buộc,
Không vấp ngã sợ hãi,
Không nung nấu đọa đầy.

512. Đích này, nhiều người đạt,
Đích này là bất tử,
Nay cần phải chứng được,
Ai như lý chú tâm,
Nếu không có nỗ lực,
Không sao chứng đạt được.
Sumedhà nói vậy,
Không thích đi đến hành,
Nàng thuyết phục được vua,
Vội tóc quăng trên đất.

513. Đứng đây A-ni-ka,
Chấp tay xin cha nàng,

Hãy cho Su-me-dha,
Được xuất gia tu học,
Để nàng thấy cho được,
Giải thoát và chân lý.

514. Mẹ cha cho xuất gia,
Thoát sầu, sợ, khiếp đảm,
Sáu thắng trí chứng đạt.
Chúng luôn quả tối thượng.
Dầu còn là học nữ.

515. Thật vi diệu hy hữu!
Một công chúa con vua,
Lại đạt được Niết-bàn!
Nàng nói lên như sau,
Thời **trước đời cuối cùng.**

516. Trong thời đức **Thế Tôn,**
Konàgamana!
Trong trú xứ mới làm,
Tại cảnh Tăng già lam,
Với bạn là ba người,
Chúng tôi cúng tịnh xá.

517. Mười lần, một trăm lần,
Mười trăm, trăm trăm lần,
Chúng tôi sanh chư Thiên,

Còn nói gì, làm người.

518. Giữa chư Thiên chúng tôi,
Có được thân lực lớn,
Còn nói gì chúng tôi,
Khi được làm thân người,
Ta **hoàng hậu, bầy báu!**
Ta chính là **nữ báu.**

519. Đây là nhân, là nguồn
Đây chính là căn gốc,
Kham nhẫn lời Đạo Sư!
Đây dây chuyền thứ nhất,
Đây chính là Niết-bàn,
Nếu chúng ta mến pháp.

520. Như vậy với lòng tin,
Họ thuyết rõ nên lời,
Lời nói đầy trí tuệ,
Thù thắng và tối thượng
Họ chán ghét tái sanh,
Do chán ghét, tham diệt.

799 Tịnh, không tịnh tự mình, Không ai thanh tịnh ai - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 63

Phẩm Tự Ngã – *Tiểu I*, 63

157. Nếu biết yêu tự ngã,
Phải khéo bảo vệ mình,
Người trí trong ba canh,
Phải luôn luôn tĩnh thức.

158. Trước hết tự đặt mình,
Vào những gì thích đáng.
Sau mới **giáo hóa** người,
Người trí khỏi bị nhiễm.

159. Hãy tự làm cho mình,
Như điều mình dạy người.
Khéo tự điều, điều người,
Khó thay, tự điều phục!

160. Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được.

161. Điều ác **tự mình làm**,
Tự mình sanh, mình tạo.
Nghiền nát kẻ ngu si,
Như kim cương, ngọc báu.

162. Phá giới quá trầm trọng,
Như dây leo bám cây,
Gieo hại cho tự thân,
Như kẻ thù mong ước.

163. **Để làm các điều ác,**
Để làm tự hại mình.
Còn việc lành, việc tốt,
Thật tối thượng khó làm.

164. Kẻ ngu si miệt thi,
Giáo pháp bậc La Hán,
Bậc Thánh, bậc Chánh mạng.
Chính do ác kiến này,
Như quả loại cây lau
Mang quả tự hoại diệt.

165. **Tự mình, làm điều ác,**
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh.

Tĩnh, không tĩnh, tự mình,
Không ai thanh tịnh ai.

166. Chớ theo pháp hạ liệt.
Chớ sống mặc, buông lung,
Chớ tin theo tà kiến,
Chớ tăng trưởng tục trần.

800 Tội thượng - Các pháp tội thượng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 71

Phẩm An Lạc – *Tiểu I, 71*

197. Vui thay, chúng ta sống,
Không hận, giữa hận thù,
Giữa những người thù hận,
Ta sống, không hận thù.

198. Vui thay, chúng ta sống,
Không bệnh, giữa ốm đau.
Giữa những người bệnh hoạn,
Ta sống, không ốm đau.

199. Vui thay, chúng ta sống,
Không rộn giữa rộn rang.
Giữa những người rộn ràng,
Ta sống, không rộn ràng.

200. Vui thay chúng ta sống,
Không gì gọi của ta.
Ta sẽ hưởng hỷ lạc,
Như chư Thiên Quang Âm.

201. Chiến thắng sinh thù oán,
Thất bại chịu khổ đau,
Sống tịch tịnh an lạc.
Bỏ sau mọi thắng bại.

202. **Lửa** nào sánh lửa tham?

Ác nào bằng sân hận?

Khổ nào sánh khổ uẩn?

Lạc nào bằng tinh lạc?

203. Đói ăn, bệnh tối thượng,
Các hành, khổ tối thượng,
Hiểu như thực là vậy,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

204. Không bệnh, lợi tối thượng,
Biết đủ, tiền tối thượng,
Thành tín đối với nhau,
Là bà con tối thượng,
Niết Bàn, lạc tối thượng.

205. Đã nếm vị độc cư,
Được hưởng vị nhàn tịnh,
Không sợ hải, không ác,
Nếm được vị pháp hỷ.

206. Lành thay, thấy Thánh nhân,

Sống chung thường hưởng lạc,
Không thấy những người ngu,
Thường thường được an lạc.

207. Sống chung với người ngu,
Lâu dài bị lo buồn.

Khô thay gần người ngu,
Như thường sống kẻ thù.

Vui thay, gần người trí,
Như chung sống bà con.

208. Bạc hiền sĩ, trí tuệ,
Bạc nghe nhiều, trì giới,
Bạc tự chế, Thánh nhân,
Hãy gần gũi, thân cận,
Thiện nhân, trí giả ấy,
Như trăng theo đường sao.

801 **Tốt Hơn sống một mình, Không kết bạn người ngu - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94**

Phẩm Voi – *Tiểu I*, 94

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

802 **Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ một cục lửa - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 419**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 419 (Tik.
V, 2) (It. 89)

Này các Tỷ-kheo, nghĩa này là **nghề tận cùng trong các nghề nuôi sống, tức là đi bát khất thực**. Này các Tỷ-kheo, danh từ nhiếc mắng ở trong đời là nói rằng: "Ông là kẻ đi bát, với bát cầm tay, ông đi khắp mọi nơi". Tuy vậy chính nghề nuôi sống này được các thiện gia nam tử chấp nhận, những người sống vì lý tưởng, vì duyên sống với lý tưởng, không bị thúc đẩy làm nghề ấy vì sợ vua, vì sợ ăn trộm, vì mắc nợ, vì sợ hãi, không phải vì mất nghề nuôi sống; **nhưng vì nghĩ rằng**: "Nay ta bị rơi vào sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não, bị khổ tràn đầy, bị khổ chinh phục. Rất có thể, một số phương pháp chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này có thể trình bày".

Này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này xuất gia như vậy, **tham** ái trong các dục, với lòng tham sắc xảo, với tâm **sân** hận, ý tư duy nhiễm ác, thất niệm, không tỉnh giác, không định tĩnh, tâm tán loạn, với các căn hoang đại.

Này các Tỷ-kheo, như một que lửa lấy từ chỗ thiêu xác, cả hai đầu đều cháy đỏ, ở giữa lại lăm phân, không hoàn thành được mục đích làm que củi ở trong làng hay ở trong rừng. Này các Tỷ-kheo, **Ta nói người này như ví dụ như vậy, dầu cho bỏ tài sản gia đình nhưng không làm viên mãn mục đích Sa-môn hạnh.**

Tài sản ở gia đình,
Được đoạn tận từ bỏ,
Nhưng khó dự phần được,
Mục đích Sa-môn hạnh,
Tự đưa đến tổn hại,
Và đưa đến tán loạn,
Giống que lửa thiêu xác,
Đi đến chỗ hoại vong.
Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Chảy đỏ, một cục lửa,
Nếu kẻ hành ác giới,
Ăn đồ ăn quốc độ,
Không biết có chế ngự.

803 **Tốt hơn nuốt hòn sắt, Cháy đỏ như lửa hừng - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 92**

Phẩm Địa Ngục – *Tiểu I, 92*

306. Nói láo đọa địa ngục,
Có làm nói không làm,
Cả hai chết đồng đẳng,
Làm người, nghiệp hạ liệt.

307. Nhiều người khoác **cà sa**,
Ác hạnh không nhiếp phục,
Người ác, do ác hạnh,
Phải sanh cõi Địa ngục.

308. **Tốt hơn nuốt hòn sắt,
Cháy đỏ như lửa hừng,
Hơn ác giới, buông lung,
Ăn đồ ăn quốc độ.**

309. Bốn nạn chờ đợi người,
Phóng dật **theo vợ người**,
Mắc họa, ngủ không yên,
Bị chê là thứ ba,
Đọa địa ngục, thứ bốn.

310. Mắc họa, đọa ác thú,
Bị hoảng sợ, ít vui.
Quốc vương phạt trọng hình.
Vây chó theo vợ người.

311. Như cỏ sa vụng nắm,
Tất bị họa đứt tay,
Hạnh Sa môn tà vạy,
Tất bị đọa địa ngục.

312. Sống phóng dăng buông lung,
Theo giới cấm ô nhiễm,
Sống Phạm hạnh đáng nghi,
Sao chứng được quả lớn?

313. Cần phải làm, nên làm,
Làm cùng tận khả năng,
Xuất gia sống phóng dăng,
Chỉ tăng loạn bụi đời.

314. Ác hạnh không nên làm,
Làm xong, chịu khổ lụy,
Thiện hạnh, ắt nên làm,
Làm xong, không ăn năn.

315. Như thành ở biên thùỵ,
Trong ngoài đều phòng hộ,

Cũng vậy, phòng hộ mình,
Sát na chớ buông lung,
Giây phút qua, sâu muộn.
Khi rơi vào địa ngục.

316. Không đáng **hổ**, lại hổ.
Việc đáng hổ, lại không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

317. Không đáng sợ, lại sợ,
Đáng sợ, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

318. Không **lỗi**, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không,
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.

319. Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không,
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.

804 **Tốt lành - Giới tốt lành, Pháp tốt lành, Tuệ tốt lành - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 428**

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 428 (Tik. V,8) (It. 96)

Này các Tỷ-kheo, một Tỷ-kheo, có **giới** tốt lành, có **pháp** tốt lành, có **tuệ** tốt lành được gọi trong Pháp và Luật này là **vị toàn hảo**.

Này các Tỷ-kheo, thế nào là **Giới** tốt lành?

Ở đây này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo **giữ giới**, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có giới tốt lành.

Và thế nào là có **Pháp** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo sống chuyên tâm chuyên chú tu tập **Bảy pháp giác chi**. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị có pháp tốt lành. Như vậy là giới tốt lành và pháp tốt lành.

Và thế nào là **Tuệ** tốt lành?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo do **diệt trừ các lậu hoặc**, ngay trong hiện tại, tự mình với thắng trí chứng ngộ chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là vị Tỷ-kheo có tuệ tốt lành.

Như vậy, một người có giới tốt lành, có pháp tốt lành, có tuệ tốt lành được gọi trong Pháp và Luật là vị toàn hảo.

*Ai với thân, với lời,
Với ý, không làm ác,
Vị ấy **giới** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Có được lòng xấu hổ.*

*Ai, pháp khéo tu tập,
Những pháp giúp đạt đến,
Chứng được quả Bồ-đề,
Vị ấy **pháp** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo,
Không có dục trào ra.*

*Ai quán tri đau khổ,
Ở đây, diệt trừ khổ,
Vị ấy **tuệ** tốt lành,
Được gọi là Tỷ-kheo.
Không có các lậu hoặc.*

Đây đủ những pháp ấy,

*Thoát khỏi sự phiền muộn,
Chặt đứt mọi nghi ngờ,
Không luyến ái tham đắm,
Mọi sự vật ở đời,
Vị ấy được xưng gọi,
Vị đoạn tận tất cả.*

805 **Tốt thay, con la thuần, Thuần chủng loài ngựa Sind - Kinh Pháp Cú - Tiểu I, 94**

Phẩm Voi – *Tiểu I, 94*

320. Ta như voi giữa trận,
Hứng chịu cung tên rơi,
Chịu đựng mọi phỉ báng,
Ác giới rất nhiều người.

321. Voi luyện, đưa dự hội,
Ngựa luyện, được vua cưới,
Người luyện, bậc tối thượng,
Chịu đựng mọi phỉ báng.

322. Tốt thay, con la thuần,
Thuần chủng loài ngựa Sind.
Đại tượng, voi có ngà,
Tự điều mới tối thượng.

323. Chẳng phải loài cưỡi ấy,
Đưa người đến Niết-Bàn,
Chỉ có người tự điều,
Đến đích, nhờ điều phục.

324. Con voi tên Tài Hộ,
Phát dục, khó điều phục,
Trói buộc, không ăn uống,
Voi nhớ đến rừng voi.

325. *Người ưa ngủ, ăn lớn,
Nằm lãn lóc qua lại,
Chẳng khác heo no bụng,
Kẻ ngu nhập thai mãi.*

326. Trước tâm này buông lung,
Chạy theo **ái, dục, lạc**,
Nay Ta chánh chế ngự,
Như cầm móc điều voi.

327. Hãy vui không phóng dật,
Khéo **phòng hộ tâm ý**,
Kéo mình khỏi ác đạo,
Như voi bị sa lầy.

328. Nếu được **bạn** hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,
Nhiếp phục mọi hiểm nguy,
Hoan hỷ sống chánh niệm.

329. **Không** gặp bạn hiền trí,
Đáng sống chung, hạnh lành,

Như vua bỏ nước bại,
Hãy sống riêng cô độc,
Như voi sống rừng voi.

330. Tốt Hơn sống một mình,
Không kết bạn người ngu,
Độc thân, không ác hạnh,
Sống vô tư vô lự,
Như voi sống rừng voi.

331. Vui thay, **bạn** lúc cần!
Vui thay, **sống** biết đủ!
Vui thay, **chết** có đức!
Vui thay, mọi **khổ** đoạn!

332. Vui thay, **hiếu** kính mẹ!
Vui thay, hiếu kính cha!
Vui thay, **kính** Sa môn!
Vui thay, kính Hiền Thánh!

333. Vui thay, **già** có giới!
Vui thay, **tín** an trú!
Vui thay, được trí **tuệ**!
Vui thay, ác **không** làm!

806 Tồn giảm - 3 pháp tồn giảm cho vị hữu học - Kinh Phật Thuyết Như Vậy - Tiểu I, 393

Kinh Phật Thuyết Như Vậy – Tiểu I, 393 (Tik. III, 10) (It. 71)

Điều này đã được Thế Tôn nói đến, đã được bậc A-la-hán nói đến, và tôi đã được nghe:

Này các Tỷ-kheo, có **ba pháp này đưa đến tồn giảm** cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học:

- Ưa thích **công việc**, thích thú công việc, đam mê ưa thích công việc;
- Ưa thích **nói chuyện**, thích thú nói chuyện, đam mê ưa thích nói chuyện;
- Ưa thích **nằm ngủ**, thích thú nằm ngủ, đam mê ưa thích nằm ngủ.

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này đưa đến sự tồn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Này các Tỷ-kheo, có **ba pháp này không đưa đến tồn giảm** cho Tỷ-kheo hữu học. Thế nào là ba?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo hữu học:

- *Không ưa thích công việc, không thích thú công việc, không đam mê ưa thích công việc;*
- *Không ưa thích nói chuyện, không thích thú nói chuyện, không đam mê ưa thích nói chuyện;*
- *Không ưa thích nằm ngủ, không thích thú nằm ngủ, không đam mê ưa thích nằm ngủ.*

Này các Tỷ-kheo, có ba pháp này không đưa đến tôn giảm cho Tỷ-kheo hữu học.

Thế Tôn đã nói lên ý nghĩa này. Ở đây, điều này được nói đến.

*Tỷ-kheo thích công việc,
Thích thú trong nói chuyện,
Và ưa thích nằm ngủ,
Sống dao động trạo cử,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Không thể nào chứng ngộ,
Chứng Bồ-đề tối thượng.*

*Do vậy, đổi vị ấy,
Cần phải ít công việc,
Phải ít sự nằm ngủ,
Không được có tháo động,
Vị Tỷ-kheo như vậy,
Mới có thể chứng được,
Chứng tối thượng Bồ-đề.*

Ý nghĩa này được Thế Tôn nói đến và tôi đã được nghe.

807 Tội - Mưa rất là nặng hạt, Trên tội được che giấu - Kinh Sirimanda – Tiểu III, 280

Sirimanda – Tiểu III, 280 (222)

Trong thời đức Phật hiện tại, ngài sanh ở Sunsumàragira trong một gia đình Bà-la-môn. Khi được nghe Thế Tôn thuyết pháp ở rừng Bhesakalà, ngài khởi lòng tin và xuất gia.

Một hôm, nhân ngày lễ trai giới, trong khi giới bốn Pàtimokkha đang được đọc, đến phần cuối phần giới thiệu nói về một **lỗi** bị phạm được nhẹ đi nếu **phát lộ sám hối**, ngài nghĩ đến lợi ích phát lộ sám hối các lỗi đã được giấu đi, và do vậy ngài phấn khởi hoan hỷ nói lớn tiếng: "**Ôi, thật là hoàn toàn trong sạch, giới luật của bậc Đạo Sư!**". Rồi **phát triển thiền quán**, ngài chứng quả A-la-hán.

Ôn lại con đường đã trải qua, với tâm phấn khởi, ngài dạy các vị đồng Phạm hạnh:

447. *Mưa rất là nặng hạt,
Trên **tội** được che giấu.
Mưa không có nặng nề,
Trên tội được **phát lộ**,*

*Đâu có phát lộ tội,
Như vậy, mưa không nặng.*

448. **Đời bị chết áp đảo,**
Bị giải tỏa, bao vây,
Bị mũi tên **ái** đâm,
Thường bị **đục** huân tập.

449. **Đời bị chết áp đảo,**
Và bị **già** bao vây,
Thường bị hại, không yên,
Như cướp với gậy dao.

450. *Chúng đến như đông lửa,*
Cả ba, chết, bệnh, già,
Không sức nào địch nổi,
Không nhanh nào chạy thoát.

451. **Chớ để ngày trống rỗng,**
Hãy làm ít hoặc nhiều,
Đêm càng bị bỏ phí,
Mạng sống càng rút ngắn.

452. *Vậy hoặc đi, hay đứng,*
Hoặc ngồi, hay nằm xuống,
Đêm cuối đi đến gần,
Người không thời phóng dật.

808 Tội lỗi - Ác nhẹ như đầu lông, Xem nặng như mây trời - Kinh Sàriputta – Tiểu III, 444

Sàriputta – Tiểu III, 444 (259)

Đời của ngài và đời của Moggallàna gắn liền với nhau. Trong thời đức Phật tại thế, Sàriputta sanh tại thành Upatissa, không xa Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Rùpasàri. Còn Moggallàna sanh ở thành Kolita, không xa thành Vương Xá (Rājagaha) bao nhiêu, mẹ là Moggali.

Vì cả hai là con của vị gia trưởng nên được đặt tên là **Upatissa** và **Kolita**. Cả hai đứa trẻ được nuôi dưỡng trong giàu sang và thiện xảo mọi khả năng.

Trong một hội chợ lớn ở Vương Xá (Rājagaha) vì tâm tư thuần thực, cả hai đều thấy tất cả quần chúng tụ hội một trăm năm sau, sẽ bị thần chết mang đi, nên cả hai lo âu đi tìm **con đường giải thoát**.

Cả hai xuất gia dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, hẹn nhau ai chứng quả bất tử trước, sẽ nói cho người kia biết. Dưới sự chỉ đạo của *Sanjaya*, cả hai không tìm được đạo giải thoát, và sau khi tìm hỏi các Sa-môn, Bà-la-môn gặp được **Assajì** và nhờ Assajì, gặp được

Thế Tôn, cả hai đều xin xuất gia và được đức Phật độ cho làm Tỷ-kheo với câu: "Thiện lai Tỷ-kheo".

Chúng được quả Dự lưu nhờ Assajì tóm tắt câu kệ, **Moggallàna, bảy ngày** sau khi xuất gia, tại làng Kallavàla ở Magadha, sau khi nhiếp phục được hôn trầm thùy miên, nhờ lời Thế Tôn khích lệ, sau khi nghe lời dạy về tu các giới, chúng được quả A-la-hán. Còn **Sàriputta, nửa tháng** sau khi xuất gia khi ở cùng đức Bồn Sư tại hang Sukarakhata ở Vương Xá (Ràjagaha) cũng được chứng quả A-la-hán.

Về sau, tại Jetavana Thế Tôn xác chứng Sàriputta là đệ tử **đệ nhất về trí tuệ và thiền quán**.

Và Sàriputta sau khi được tôn làm **nguyên soái Chánh pháp**, một hôm nói lên chánh trí của mình, trước các đệ tử:

981. ***Ai tùy theo năng lực,
Có giới, tịnh, chánh niệm,
Không phóng dật hành trì,
Sở hành đúng tư duy,
Thích hướng nội, khéo định,
Đơn độc, biết tri túc,
Với sở hành như vậy,
Vị ấy gọi Tỷ-kheo.***

982. ***Ăn đồ ướt hay khô,***

*Không ăn quá thỏa mãn,
Bụng trống, ăn tiết độ,
Tỷ-kheo trú chánh niệm.*

*983. Ăn bốn, năm miếng xong,
Rồi hãy uống nước uống,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*984. Nhận lấy đồ hợp pháp,
Y áo đáp nhu cầu,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*985. Khi ngồi thế kiết-già,
Đầu gối khỏi mưa ướt,
Thật đủ trú thoải mái,
Với Tỷ-kheo tinh cần.*

*986. Ai xem lạc là khổ,
Ai xem khổ như tên,
Đứng chặng giữa cả hai,
Do đâu, đời nắm được?*

*987. Không cho ta ác dục,
Biếng nhác, tinh cần kém,
Ít nghe, không tín kính,*

Do đâu, đời nắm được?

988. **Nghe** nhiều, có hiền **trí**,
Khéo **định** tinh trong **giới**,
Chuyên chú an **chỉ** tâm,
Hãy đứng lên trên đầu.

989. **Ai chuyên tâm hý luận,**
Như thú ưa hý luận,
Roi khỏi, trật Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

990. **Ai từ bỏ hý luận,**
Thích đạo phi hý luận,
Đi đến được Niết-bàn,
Vô thượng, thoát khổ ách.

Rồi vị Trưởng lão, một hôm thấy được chỗ ở của người em **Revata** (XLII, CCXLIV) đang ở, một khu rừng không nước đầy gai góc, ngài tán thán người em và nói:

991. **Tại làng hay trong rừng,**
Thung lũng hay đồi cao,
Chỗ nào La-hán trú,
Đất ấy thật khả ái.

992. *Khả ái thay núi rừng,
Chỗ người phạm không ưa,
Vị ly tham sẽ thích,
Vì không tìm dục lạc.*

Rồi vị Trưởng lão, với lòng từ mẫn đối với **Ràdha** một Bà-la-môn bất hạnh, giúp Ràdha xuất gia tu hành. Về sau, khi đang du hành, ngài khích lệ Ràdha, bằng lòng với cử chỉ khiêm tốn của Ràdha:

993. *Như người chỉ của chôn,
Cũng vậy, người thấy lỗi,
Nói điều người trí trách,
Hãy gần người trí vậy.
Thân cận người như vậy,
Chỉ tốt hơn, không xấu.*

Một hôm, bậc Đạo Sư không đi đến để giải tán nhóm Tăng chúng của *Assaji-Runabbasu* được tổ chức ở đồi Kità. Sàriputta được cử đi cùng với Moggallàna và các đệ tử của mình. Khi lời khuyên của Sàriputta không được nghe theo, ngài nói như sau:

994. *Cần phải khuyên, phải dạy,
Phải ngăn chặn bất thiện,
Làm vậy, người thiện thương,
Người bất thiện không ưa.*

Khi các Tỷ-kheo nói rằng chính du sĩ Dìghanakha, được Thế Tôn giảng dạy, được sửa soạn bởi hành động quá khứ, có thể làm nhiệm vụ ấy, Sàriputta can thiệp, nói rằng không phải:

995. *Thế Tôn, bậc có mắt,
Thuyết pháp cho người khác,
Khi pháp được thuyết giảng,
Ta lắng tai nhiệt tình.*

996. *Ta nghe, không uống phí,
Giải thoát không lậu hoặc,
**Không cần biết đời trước,
Không cần được thiên nhân.***

997. ***Ta không có phát nguyện,
Chúng được tha tâm thông,
Biết chúng sanh sống chết,
Hay nhĩ giới thanh tịnh.***

Ba câu kệ tiếp được nói lên về ngài, khi Sàriputta trú ở tinh xá hang bồ câu, không có bị thương khi bị quỷ Dạ-xoa đánh:

998. *Ngồi dưới một gốc cây,
Đầu trọc, đắp đại y,*

Trưởng lão **tuệ đệ nhất**,
U-pa-tis tu thiền.

999. Đầy đủ **thiền vô tâm**,
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ngay lúc ấy, đạt được.

1000. Giống như ngọn núi đá,
Không động, khéo vững trú,
Cũng vậy, vị Tỷ-kheo,
Đã đoạn diệt si ám,
Vị ấy như ngọn núi,
Không có bị dao động.

Một hôm, bậc Trưởng lão **không chú tâm, để tâm y rơi xuống**. Một Sa-di nói: "*Thưa Tôn giả y cần phải đắp xung quanh thân mình*". Tôn giả tán thán lời nói của người Sa-di và đắp lại tâm y trên thân. Và nói lên điều lỗi của mình, ngài nói bài kệ:

1001. *Người không có uế nhiễm,
Luôn tâm cầu thanh tịnh,
**Ác nhẹ như đầu lông,
Xem nặng như mây trời.***

Rồi ngài nêu rõ sự xả ly của ngài đối với vấn đề sống chết.

*1002. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Tỉnh giác và chánh niệm.*

*1003. Ta không hoan hỷ chết,
Ta không hoan hỷ sống,
Ta sẽ bỏ thân này,
Như thợ làm việc xong.*

Rồi khi thuyết pháp, ngài nói lên những bài kệ:

*1004. Cả hai chết, không chết,
Sau đời hay trước đời,
Hãy dần thân tiến bước,
Chớ để hư, uống phí,
Dầu một khắc, sát-na,
Chớ để uống phí qua.*

*1005. Như ngôi thành biên địa,
Được bảo vệ trong ngoài,
Như vậy, hộ tự ngã,
Chớ để phí sát-na,
Sát-na qua, sáu muộn,*

Chịu khổ trong địa ngục.

Rồi một hôm, thấy **Tôn giả MahaKotthita**, ngài nói lên ba câu kệ, tán thán khả năng tốt đẹp của MahàKotthita.

1006. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Quét sạch các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

(Xem Kinh **Mahàkotthita** – **Tiểu III, 11**. Câu kệ "Đọc chú, không cống cao", là chuyên chú tụng đọc cẩn thận, học hỏi cẩn thận, xem xét cẩn thận ý nghĩa của các pháp, hiểu biết ý nghĩa các pháp với tâm không cao ngạo, không cống cao),

(Tôn giả Mahàkotthita là vị rất giỏi về nghe và về pháp, ngài thường hỏi bậc Đạo Sư và các vị Đại Trưởng lão về hai vấn đề ấy và trở thành rất lão luyện thuần thục. Bậc Đạo Sư xác nhận ngài là bậc **thiền quán đệ nhất**.)

1007. Đạt tịch tịnh, chỉ tức,

Đọc chú, không cống cao,

Gạt ngoài các ác pháp,

Như gió quét lá cây.

1008. **Đạt tịch tịnh an lặng,
Ý trong sáng không nhiễm,
Bậc trì giới trọn lành,
Có thể dứt đau khổ.**

Câu kệ tiếp nói về các **Tỷ-kheo xứ Vajjì tin tưởng ở
Devadatta** và chấp nhận giáo lý của Devadatta:

1009. *Có người không ai tin,
Tại gia hay xuất gia,
Những ai trước là tốt,
Về sau trở thành xấu,
Hoặc trước là người xấu.
Sau trở thành người tốt.*

1010. *Hạng Tỷ-kheo tham dục,
Sống hôn trầm thụy miên,
Trạo cử và nghi ngờ,
Tâm đủ năm phiền não.*

1011. **Với ai, đối cả hai,
Được trọng, không được trọng,
Thiền định, không dao động,
An trú không phóng dật.**

1012. **Thiền tư luôn kiên trì,
Tuệ quán, kiến tế nhị,**

Ưa thích chấp thủ diệt,
Vị ấy gọi chân nhân.

Để phân biệt sự sai khác, lấy Bốn Sư và mình làm thí dụ, ngài nói lên những bài kệ như sau:

1013. *Biển lớn và đất lớn,*
Núi và các phương trời,
Không ví dụ sánh được,
Phật, giải thoát thù thắng.

1014. *Trưởng lão chuyển pháp luân,*
Bậc đại trí, thiên định,
*Như **đất, nước và lửa,***
Không tham, không ghét bỏ.

1015. *Đạt được tuệ tối thắng,*
Đại giác, đại Mâu-ni,
Không chậm, tỏ chậm chạp,
Thường sống thật thanh lương.

Để nêu rõ bốn phạm của ngài đã làm xong, ngài nói:

1016. *Ta hầu hạ Bốn Sư,*
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng đã đặt xuống,
Gốc sanh hữu nhỏ sạch.

Và khi ngài sắp nhập Niết-bàn, ngài giảng dạy các Tỷ-kheo đang họp xung quanh ngài như sau:

*1017. **Tỉnh cần, chớ phóng dật,**
Đây lời giáo huấn ta!
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.*

809 Tội nhẹ như đầu tóc, Xem nặng như mây khói - Kinh Revata – Tiểu III, 352

Revata – Tiểu III, 352 (244)

Các bài kệ của vị Trưởng lão này đã được đề cập trong phẩm một các bài kệ trước (XLII).

Khi đến già, một hôm ngài đi đến yết kiến đức Phật và trú ở Sàvatthi, trong một ngôi rừng. Cảnh sát đến, đuổi bắt kẻ trộm, kẻ trộm quăng đồ ăn trộm gần ngài rồi bỏ chạy, các cảnh sát chạy đến, thấy đồ ăn trộm, liền bắt ngài dẫn đến vua Pasenadi.

Vua truyền thả ngài và hỏi có phải ngài đã lấy trộm đồ? Ngài thuyết pháp nói lên sự kiện ngài không có thể làm một sự việc như vậy và nói những bài kệ như sau:

645. *Từ khi ta xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Ta không biết tư duy,
Phi Thánh, liên hệ sân.*

646. *Hay làm hại, sát hại,
Hay làm khổ hữu tình,
Ta không biết tư duy,*

Trong thời gian dài này.

647. Và ta biết **lòng từ**,
Vô lượng khéo tu tập,
Ta thứ lớp tích lũy,
Như lời đức Phật dạy.

648. Là bạn thân tất cả,
Từ mẫn mọi hữu tình,
Ta tu tập tâm từ,
Luôn vui, không sân hận.

649. **Ta thích thú với tâm,**
Không động, không dao động,
Ta tu tập Phạm trú,
Được bậc thiện hành trì.

650. **Ta đạt được vô tâm,**
Đệ tử bậc Chánh giác,
Với im lặng bậc Thánh,
Ta trực diện đạt được.

651. Như **núi đá** không động,
Đứng vững khéo an trú,
Cũng vậy là Tỷ-kheo,
Đạt được si mê diệt,
Vị ấy như ngọn núi,

Không gì làm dao động.

652. *Con người không uế nhiễm,
Luôn tìm sự trong sạch,
Tội nhẹ như đầu tóc,
Xem nặng như mây khói.*

653. *Như thành trì biên địa,
Phòng hộ cả trong ngoài,
Hãy phòng hộ tự ngã,
Sát-na không bỏ qua.*

654. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Như thợ làm việc xong.*

655. *Ta không thích thú chết,
Ta không thích thú sống,
Ta chờ thời gian đến,
Tỉnh giác, giữ chánh niệm.*

656. *Đạo Sư, ta hầu hạ,
Lời Phật dạy làm xong,
Gánh nặng, đặt xuống thấp,
Gốc sanh hữu, nhỏ sạch.*

657. Vì đích gì xuất gia,
Bỏ nhà, sống không nhà,
Mục đích ấy, ta đạt,
Mọi kiết sử diệt tận.

658. Nỗ lực, chớ phóng dật,
Đầy lời ta giáo giới,
Ta sẽ nhập Niết-bàn,
Ta thoát mọi sanh y.